

WHERE THE CRAWDADS SING

“Đẹp đẽ và đau đớn... Quyển sách xoay quanh một vụ án mạng bí ẩn, sự trưởng thành, và lời tụng ca thiên nhiên.”

- THE NEW YORK TIMES BOOK REVIEW

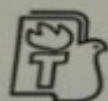
XA NGOÀI KIA NƠI LOÀI TÔM HÁT

TIỂU THUYẾT

#1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

DELIA OWENS

TRƯƠNG HOÀNG UYÊN PHƯƠNG dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Dành tặng

Amanda, Margaret và Barbara

Ly này mừng các cậu

Nếu chúng ta chưa bao giờ gặp nhau

Mình đã không bao giờ được biết các cậu.

Nhưng mình đã gặp các cậu

Mình đã biết các cậu

Và mình đã yêu các cậu,

Mãi mãi.

MỞ ĐẦU

1969

Đồng lầy chẳng phải đầm lầy. Đồng lầy là một không gian tràn ánh sáng, nơi cỏ vươn lên trong nước, và nước trôi vào trong bầu trời. Dòng chảy chậm chậm quanh co, mang theo quả cầu mặt trời ra đến biển, và lũ chim chân dài lâu nghêu cật mình vụt lên với sự uyển chuyển không ai ngờ đến – thân hình chúng dường như không được tạo ra để bay lượn – trên nền âm thanh cả ngàn con ngỗng tuyết kêu ran.

Rồi trong chính đồng lầy, ở đó đây, đầm lầy đích thực len lỏi vào những vùng trũng thấp, ẩn khuất giữa ẩm ướt đại ngàn. Nước đầm lầy tĩnh lặng và tối tăm, nuốt chửng ánh sáng trong cổ họng bùn nhóp nhép. Trong cái hang đó, cả những loài chuyên lẩn lút về đêm cũng hoạt động ban ngày. Nơi đây cũng có tiếng động, tất nhiên, nhưng so với đồng lầy thì đầm lầy tĩnh mịch hơn hẳn vì sự phân hủy là hoạt động chế ngự tất cả. Sự sống mục nát, bốc mùi và trở về thứ mùn thối rữa; một chốn trảm mình sâu bi của cái chết cho sự sống vươn lên.

Vào buổi sáng ngày 30 tháng Mười năm 1969, xác của Chase Andrews nằm trong đầm lầy, cái đầm hẳn sẽ nuốt chửng nó dần dần, lặng lẽ. Vĩnh viễn che giấu nó. Đầm lầy tường tận mọi điều về cái chết, và không nhất thiết coi đó là thảm kịch, chắc chắn chẳng phải là tội ác. Thế nhưng buổi sáng này, hai cậu bé từ ngôi làng đạp xe đến chỗ tháp phòng

*cháy cũ, và từ chỗ ngoặt thứ ba trên cầu thang đã trông thấy chiếc áo
khoác denim của cái xác kia.*

ĐỒNG LẦY



Má



1952

Sáng ngày hân hập cái nóng trời tháng Tám, hơi thở ẩm ướt của đường lầy giăng màn sương mờ lên những nhánh sậy với cành thông. Trảng cây cọ đứng im đến lạ lùng, chỉ có tiếng vỗ cánh trăn trăn, chậm chạp của lũ diệc cất mình lên từ phá nước. Và rồi Kya, bấy giờ chỉ mới sáu tuổi, nghe tiếng cửa lưới sập lại. Đứng trên chiếc ghế cao, con bé ngừng cọ bọt cháo ngô bám trên nôi và để nôi xuống bồn đầy bột xà phòng đã xẹp. Chẳng còn tiếng động nào nữa ngoài tiếng thở của con bé. Ai vừa ra khỏi lán vậy nhỉ? Không phải má. Má có bao giờ để cửa sập lại đâu.

Ấy vậy mà khi chạy ra hiên, Kya lại thấy má trong bộ váy dài nâu, những nếp xếp li nhịp nhịp vút vào mắt cá khi bà bước xuôi dài đường cát trong đôi giày cao gót. Đôi giày mũi bầu giả da cá sấu. Đôi duy nhất để bà mang ra ngoài. Kya muốn gọi to nhưng biết khôn hèn thì chớ có đánh thức ba dậy, vậy là nó mở cửa ra đứng trên bậc thềm gạch vắn. Từ chỗ đó, con bé thấy chiếc vali nhỏ màu xanh lam má xách theo. Mọi ngày thì với sự tin tưởng của một chú chó con, Kya biết má sẽ quay về với chút thịt gói trong giấy nâu dính mỡ hoặc một con gà, đầu lủng lẳng chúc xuống. Thế nhưng bà chưa bao giờ mang đôi giày da cá sấu, chưa bao giờ xách theo hành lý cả.

Má luôn luôn nhìn lại từ chỗ lối đi nhỏ gặp đường mòn, một tay giơ

lên cao, lòng bàn tay trắng nõn nà vẩy vẩy trước khi bà quay lưng bước tiếp, len lỏi qua những khu rừng đầm lầy cùng phá nước khinh khất cỏ đuôi mèo, rồi có lẽ nếu con nước gia ơn, cuối cùng bà sẽ ra đến phố. Thế nhưng hôm nay bà không ngoảnh lại mà cứ dấn bước, loạng choạng giữa những vết lún trên đường. Dáng vóc cao của bà thỉnh thoảng hiện ra qua những lỗ hổng giữa rừng, cho đến khi chỉ còn thấy thấp thoáng màu trắng chiếc khăn choàng qua kẽ lá. Kya vụt chạy đến chỗ nó biết con đường sẽ lộ ra; chắc chắn má sẽ dừng lại vẩy tay từ đó, nhưng tới nơi, con bé chỉ kịp thoáng thấy màu lam của chiếc vali trước khi nó mất hút – cái màu sao mà chỏi giữa cánh rừng mướt rượt màu xanh lục. Một cảm giác nặng nề dày đặc như bùn gòn đen chèn lên ngực con bé khi nó quay lại đợi ở bậc thềm.

Kya là đứa nhỏ nhất trong đám anh em nhà này, mấy anh chị lớn hơn nó nhiều, mặc dù sau này con bé không nhớ tuổi của họ nữa. Bọn trẻ sống với ba và má, chen chúc nhau như bầy thỏ nhốt chuồng, trong cái lán thô sơ tạm bợ, hàng hiên có lưới che lỗ mắt dòm ra dưới những tán sồi.

Jodie, thằng anh gần Kya nhất nhưng vẫn lớn hơn nó bảy tuổi, bước từ trong nhà ra và đứng sau con bé. Jodie có cùng cặp mắt và mái tóc đen của em gái; thằng nhỏ đã dạy con bé bài hát của lũ chim, tên gọi những vì sao và cách lái thuyền qua đám cỏ rặng cưa.

“Má sẽ về thôi,” thằng anh nói.

“Em *hông* biết. Má mang đôi *dày* cá sấu đó.”

“Một bà má *hông* bỏ mấy đứa con nhỏ đâu. Đi đâu đó *hông* nằm trong bản tính của họ.”

“Anh kể với em là cáo cái bỏ con của nó mà.”

“Ừ, nhưng con cáo đó bị toạc hết chân rồi. Nó *xẻ* chết đói nếu cố nuôi cả mình *dối* bầy con nhỏ. Tốt hơn là nó bỏ đám này, dưỡng thương

cho lành lại, rồi để thêm khi có thể nuôi tụi nhóc ra hồn. Má thì đâu có đói, má sẽ quay lại.” Jodie không chắc chắn như nó ra vẻ thế, nhưng vẫn nói vậy vì Kya.

Cỗ họng nghèn nghẹn, con bé thì thầm, “Nhưng má xách theo cái vali xanh như *xấp* đi xa lắm.”

Cái lán nằm tựa vào trảng cỏ lùn, vô số cụm cỏ mọc rải rác, tỏa khắp bãi cát tới chỗ chuỗi những phá nước xanh, và ở xa xa là toàn bộ vùng đồng lầy sau đó. Hàng dặm lưới cỏ cứng cáp đến độ chúng mọc lên cả trong nước mặn, chỉ bị ngắt quãng bởi những thân cây uốn cong đến nỗi chúng mang hình hài cơn gió. Rừng sồi dần lại quanh những phía khác của cái lán nhỏ, bao bọc lấy phá nước gần đó nhất, nơi mặt nước giàu sự sống đến sục sôi. Bầu không khí trĩu muối và bài ca mòng biển tràn qua hàng cây dạt tới từ biển cả.

Từ thế kỷ 16, việc khẳng định quyền sở hữu một vùng lãnh thổ chẳng thay đổi gì mấy. Những khu đồng lầy có chủ rải rác đó đây không được mô tả trên giấy tờ pháp lý, chỉ được vạch ranh giới tự nhiên – một cây sồi chết ở kia, một con lạch đằng này – bởi những kẻ trốn chạy. Người ta đâu có tự đứng dùng cỏ dựng chốn nương thân ở đầm lầy, trừ phi đang trốn kẻ nào đó hay đã cùng đường tận lối.

Đồng lầy được bao bởi một đường bờ biển bị xé nham nhổ, mà những nhà thám hiểm ngày trước gán cho cái tên “Nghĩa địa của Đại Tây Dương” vì dòng chảy rút xa bờ, những luồng gió dữ và bãi cạn sẽ đánh cho tàu thuyền vỡ nát như mấy chiếc nón giấy dọc vùng bờ sẽ trở thành bờ Bắc Carolina. Nhật ký một thủy thủ viết, “vòng quanh bờ biển... nhưng

không thấy lối vào... một cơn bão dữ dội ập tới... chúng tôi buộc phải quay ra để giữ cho mình và con tàu được an toàn, và bị xô đẩy d òn dập bởi một cơn sóng dữ...

Đất li ên... toàn đ òng l ầy nổi đ ầm l ầy, chúng tôi quay về tàu... Làm nản lòng tất cả những ai sau này tìm tới đây cư ngụ.”

Những người tìm đất an cư bỏ qua chốn này, và vùng đ òng l ầy nổi tiếng đây trở thành một tấm lưới, vớt lên một mớ lộn xộn những tay thủy thủ nổi loạn, nạn nhân đắm tàu, con nợ và bọn người trốn chạy khỏi chiến tranh, thuế má hay luật lệ mà họ không ưa. Những kẻ mà bệnh sốt rét không giết chết hay đ ầm l ầy không nuốt chửng sinh ra một bộ lạc người rừng thuộc nhi êu chủng tộc và n ền văn hóa, mỗi người có thể đồn trú một khu rừng nhỏ với một cái rìu và vác một con hươu đi hàng dặm. Như lũ chuột sông, mỗi người có riêng một lãnh thổ, nhưng họ phải hòa nhập với cảnh sống ngoài rìa hoặc đơn giản là một ngày biến mất trong đ ầm tối. Hai trăm năm sau, nhóm này kết nạp thêm những nô lệ bỏ trốn vào đ òng l ầy và các nô lệ được trả tự do, không xu dính túi và cùng quần, tản mát vào vùng đất ngập nước vì chẳng còn bao nhiêu lựa chọn khác.

Có lẽ đó là vùng hiểm ác, nhưng không một tác đất nào nghèo. Tầng tầng lớp lớp sự sống – cua rù rì ngoe nguẩy, tôm hùm đất sủi bùn, hằng hà chim nước, cá, tôm, sò, hươu béo xị, ngỗng mập núc – chất ch òng trên đất hay trong nước. Kẻ không ngại lụng sục tìm bữa ăn sẽ không đời nào chết đói được.

Bấy giờ là năm 1952, nên đã bốn thế kỷ li ên vùng đất bị giành quyền sở hữu bởi một chuỗi rời rạc những người không có sổ sách nào ghi lại. Hầu hết là trước cuộc Nội chiến. Một vài kẻ khác đến chiếm dụng đất gần đây, đặc biệt là sau hai cuộc chiến tranh thế giới, khi những người đàn ông

trở về trong tan nát và túng quẫn. Đờng lầy không giam giữ mà định nghĩa con người họ, và như tất cả những vùng đất linh thiêng, chúng giữ cho bí mật của họ được vùi sâu. Họ chiếm đất mà chẳng ai quan tâm vì không ai thèm muốn nó. Dù sao, nó cũng chỉ là thứ bãi lầy hoang.

Cũng như cách họ làm lậu rượu whiskey, cư dân đờng lầy đặt ra luật lệ của riêng mình – không giống kiểu luật khắc vào đá hay ghi lên giấy, mà là thứ luật sâu xa hơn, in hằn trong gen họ. Tự nhiên và cổ xưa, như nở ra từ trứng diều hâu với bồ câu. Khi bị dấn vào đường cùng, bí bách, tuyệt vọng hay bị cô lập, con người trở lại với thứ bản năng nhằm thắng tới sinh tồn. Nhanh gọn và đích đáng. Chúng luôn là những lá chủ bài vì được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thường xuyên hơn loại gen hiền. Đó chẳng phải đạo lý gì, chỉ là phép toán đơn giản. Giữa đờng loại, bồ câu cũng đánh nhau thường xuyên chẳng kém diều hâu.

Hôm đó má không về. Chẳng ai đã động gì tới chuyện đó. Ba lại càng không. Bốc mùi cá và nước dùng, ông khua nắp nồi loảng xoảng. “Bữa tối có gì hả?”

Mất cụp xuống, mấy anh chị em chúng nó nhún vai. Ba chửi thề rồi khập khiễng đi ra, trở vào rừng rậm. Đã có nhiều vụ cãi cọ trước đó; má thậm chí đã bỏ đi một hai lần, nhưng lần nào bà cũng quay về, vợ lấy bất kỳ đứa nhỏ nào để ôm ấp.

Hai cô chị lớn nấu bữa tối gồm bánh ngô với đậu đỏ, nhưng không đứa nào ngẩng vào bàn ăn như chúng sẽ ngẩng với má. Mỗi đứa xúc vội đậu từ nồi, trút đại bánh ngô lên trên, rồi lảng đi ăn ở góc của chúng trên thảm trải sàn hay cái sofa sờn cũ.

Kya không ăn được. Nó ng ẩ trên bậc thềm trước hiên nhìn xuống con đường. Người cao so với tuổi, gầy trơ xương, con bé có nước da rám thẫm và mớ tóc đen, thẳng, dày như cánh quạ.

Màn đêm buộc nó ngừng trông ngóng. Tiếng ếch ồm ộp sẽ vùi đi tiếng bước chân; dẫu vậy, con bé vẫn nằm trên cái giường ngoài hiên, động tai nghe ngóng. Mới sáng hôm đó, nó hãy còn thức dậy trong tiếng mỡ lợn xèo xèo trên chảo sắt và mùi bánh mì sạm nâu trong lò. Kéo cái quần yếm lên người, con bé xộc vào bếp để bày đĩa và nĩa. Nhặt mấy con mọt trong cháo bỏ ra. Hài như sáng nào cũng vậy, tươi cười, má sẽ ôm lấy nó – “Chào buổi sáng, con gái đặc biệt của má” – và hai má con sẽ làm hết việc này tới việc nọ, thoăn thoắt như múa. Thỉnh thoảng má còn cất giọng hát dân ca hay đọc vài đoạn thơ cho con trẻ: “Chú heo nhỏ đi chợ lon ton.” Hoặc má sẽ đẩy đưa Kya theo điệu jitterbug nhịp d ần, chân họ giẫm bùm bụp lên sàn gỗ dán cho đến khi tiếng nhạc từ cái radio chạy pin d ần tắt ngóm, nghe như nó đang tự hát cho mình nghe dưới đáy một cái thùng tròn. Vào những buổi sáng khác, má lại nói mấy chuyện người lớn mà Kya không hiểu, nhưng con bé đoán rằng lời nói của má cần có chỗ để thoát ra, nên nó thẫm lấy từng lời qua da, trong khi tay nhét thêm củi vào lò. Gật gù làm như hiểu rõ.

Sau đó là cái nhốn nháo ngược xuôi khi mọi người thức dậy và ăn sáng. Ba không ở đó. Ông chỉ có hai chế độ: im lặng và gào thét. Nên cũng tốt khi ông cứ ngủ, hoặc không về nhà.

Thế nhưng sáng nay, má im lặng; nụ cười đánh mất, mắt đỏ hoe. Bà cột thấp ngang trán một cái khăn màu trắng theo kiểu hải tặc, nhưng cái viền thẫm tím vàng của một vết b ầm vẫn lộ ra. Ngay sau bữa sáng, trước khi chén đĩa được rửa sạch, má đã cho vài món tư trang vào vali và theo lối

nhỏ mà đi mất.

Sáng hôm sau, Kya lại tới chỗ cũ của nó trên bậc cửa, cặp mắt đen hun hút xoáy xuống con đường như một đường hầm đợi tàu qua. Đờng lầy phía xa bị màn sương bao phủ, sương sà thấp đến nỗi cái gót mền của nó chạm hẳn xuống bùn. Chân trần, Kya nhịp nhịp ngón chân, xoay xoay ngọn cỏ chọc vào đám ấu trùng kiến sư tử, nhưng một đứa nhỏ sáu tuổi nào có ng ỡ yên được, chẳng mấy chốc con bé đã la cà tới bãi tri ều, tiếng nước vỗ liếm láp ngón chân nó. Ng ỡ xõm bên rìa nước, con bé dõi theo lũ cá tuế vọt qua vọt lại giữa chỗ nắng với chỗ có bóng râm.

Jodie cất tiếng gọi Kya từ đám cọ lùn. Con bé nhìn chăm chăm; có lẽ anh nó tới đưa tin mới. Nhưng trong lúc thẳng anh len lỏi qua mấy tán lá đầy gai, con bé nhìn dáng đi lững thững của anh và biết má không có ở nhà.

“Em muốn chơi thám hiểm *hông* hả?” Jodie hỏi.

“Anh nói anh quá tuổi chơi *hám* hiểm r ỡ mà.”

“Đâu, anh nói vậy thôi. *Hông* bao giờ quá tuổi cả. Đua đi!”

Hai đứa ừa chạy qua bãi tri ều, băng rừng cây lao ra bờ biển. Kya ré lên khi thẳng anh vọt qua mặt nó và cười nắc nẻ cho tới khi chúng chạy đến chỗ cây s ỡ lớn chìa ra trên cát những cánh tay khổng lồ. Jodie và anh cả Murph đã đóng vài miếng ván lên cành cây làm đài quan sát và phòng thủ. Giờ thì hầu hết ván gỗ đã sụp xuống, đóng đưa một cách nguy hiểm, chỉ dính vào thân cây nhờ mấy cây đinh sét.

Thường ngày, nếu Kya có được cho chơi đoàn thám hiểm thì nó cũng

phải đóng vai nô lệ, đưa tới cho các anh bánh mì còn nóng lén lấy từ chảo của má.

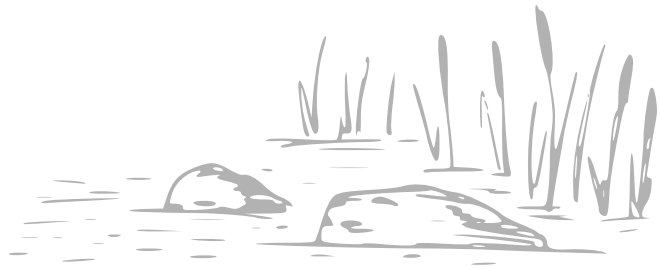
Thế nhưng hôm nay Jodie nói, “Em có thể làm thuy ền trưởng.”

Kya giờ cao tay phải trong tư thế xông lên. “Đuổi bọn Tây Ban Nha đi!” Hai đứa nhỏ bẻ cây làm kiếm, xộc qua những bụi mâm xôi um tùm, hét văng lên và đâm kẻ thù lia lịa.

R ồi – màn tường tượng chợt đến chợt tan – Kya bước lại chỗ một khúc cây phủ đầy rêu và ng ồi xuống. Im lặng, Jodie đến ng ồi cạnh em. Thằng bé muốn nói gì đó để đưa em gái thôi nghĩ về má, nhưng từ ngữ tắt nghẹn, thế là hai đứa lặng ngấm cái bóng loang loáng bơi bơi của lũ gọng vó.

Sau khi quay về, Kya trở lại chỗ bậc thềm và đợi thật lâu, nhưng trong lúc nhìn đắm đắm về phía cuối đường, nó không hề khóc. Gương mặt nó bất động, môi mím lại thành một đường mỏng dưới đôi mắt khắc khoải kiếm tìm. Nhưng ngày hôm đó má cũng không trở lại.

Jodie



1952

Sau khi má bỏ đi, trong mấy tuần tiếp theo, anh cả và hai cô chị của Kya cũng dạt nhà, như thể theo gương má. Mấy đứa con đã gồng mình chịu đựng những cơn giận tím mặt của ba, bắt đầu bằng tiếng thét la r ối bộc phát thành những cú đấm hoặc thui, cho đến khi lần lượt từng đứa một, chúng biến mất. Dấu sao chúng cũng sắp lớn hẵn r ối. Sau đó, cũng như đã quên tuổi bọn họ, Kya không còn nhớ nổi tên thật của anh chị nó, chỉ biết họ được gọi là Missy, Murph và Mandy. Trên tấm nệm ngoài hàng hiên, Kya tìm thấy một đồng nhỏ vớ cũ mấy chị để lại.

Vào buổi sáng khi Jodie là đứa duy nhất trong đám anh chị còn ở lại, Kya thức dậy trong tiếng *lanh canh* và bữa sáng nóng hổi xèo xèo. Con bé ào vào bếp, nghĩ rằng má đã về và đang chiên bánh ngô hoặc bánh bột ngô. Nhưng đó là Jodie đang đứng bên bếp củi, khuấy cháo. Con bé mỉm cười để giấu nỗi thất vọng, và thằng anh vỗ nhẹ đầu nó, khẽ khàng suýt bảo nó im lặng: nếu không đánh thức ba dậy, chúng có thể ăn một mình. Jodie không biết làm bánh mì và ở nhà không có thịt muối, thế nên thằng bé nấu cháo và chiên trứng bằng mỡ heo, r ối chúng ng ồi xuống cùng nhau, im lặng trao đổi ánh mắt với nụ cười tủm tỉm.

Chúng rửa chén thật nhanh r ối túa ra cửa tới đồng l ầy, thằng anh chạy trước. Nhưng r ối lúc đó ba chúng quát lên và tập tễnh bước về phía hai

đứa. Gầy khủng khiếp, thân hình ông dường như chao đảo vì trọng lực. Răng ông vàng khè như răng một con chó già.

Kya ngược nhìn Jodie. “Mình có thể chạy. Trốn trong chỗ đóng rêu.”

“Không sao. Sẽ không sao mà,” thằng anh nói.

Sau đó, lúc trời gần sập tối, Jodie tìm thấy Kya trên bãi biển, đang dõi mắt ra khơi. Khi thằng bé bước tới bên cạnh, con bé không nhìn anh mà vẫn hướng mắt vào những con sóng cuộn trào. Vậy mà từ cách Jodie nói, con bé vẫn biết ba đã thui vào mắt anh nó.

“Anh phải đi, Kya à. Không ở đây thêm được nữa.”

Con bé suýt quay qua anh, nhưng không làm thế. Muốn van anh đừng để nó lại một mình với ba, nhưng lời lẽ ứ nghẹn.

“Khi đủ lớn em sẽ hiểu,” thằng anh bảo. Kya muốn hét lên rằng có thể nó còn nhỏ, nhưng nó không ngu. Nó biết ba là lý do tất cả bọn họ bỏ đi; đi đâu nó không hiểu là tại sao không ai đem theo nó. Nó cũng từng nghĩ tới chuyện rời khỏi đây nữa, nhưng chẳng có chỗ nào để đi và không có chút tiền xe buýt nào.

“Kya, em nhớ cẩn thận, nghe không. Nếu có người tới, đừng đi vào nhà. Họ có thể tóm em ở đó. Chạy sâu vào đống lầy, trốn trong bụi rậm. Luôn luôn xóa dấu vết; anh chỉ em rồi. Và em cũng có thể trốn khỏi ba nữa.” Khi con bé vẫn không lên tiếng, Jodie nói lời tạm biệt rồi sải bước qua bãi cát tới bìa rừng. Trước khi thằng anh bước vào rừng cây, con bé rút cuộc cũng quay lại và nhìn anh đi khuất.

“Con heo nhỏ này ở lại nhà,” nó nói với những con sóng biển.

Vùng ra khỏi phút cứng đờ, con bé chạy lại cái lán. Hét to tên anh trong hành lang, nhưng đồ đạc của Jodie đã biến mất, cái giường đặt trên sàn của thằng nhỏ đã lột sạch.

Kya buông mình ngã thụp vào nệm của anh, ngắm nhìn vệt nắng cuối ngày trượt xuống vách lán. Ánh ngày vẫn nấn ná ở lại sau khi mặt trời khuất dạng, một chút sáng động trong phòng, thế nên trong khoảnh khắc vụt qua, những đồ đồ cũ và mấy cái giường lùm lùm còn khoác lên mình nhiều màu sắc và hình thù hơn cả cây cối bên ngoài nữa.

Cái đói cồn cào – một thứ đến là tằm thường – làm con bé kinh ngạc. Nó bước tới nhà bếp và đứng ở cửa. Cả cuộc đời nó, căn phòng này vẫn ấm áp nhờ hơi bánh mì nướng, đậu lima luộc hoặc cá hằm lục đục sôi. Giờ đây nó lạnh tanh, im ắng và tối ám. “Ai sẽ nấu ăn đây?” con bé hỏi lớn. Vậy cũng như hỏi, *Ai sẽ nháy múa nào?*

Con bé thắp một cây nến và chọc chọc mớ tro nóng trong lò, thêm vào chút củi nhóm. Bóp cái đồ thổi lửa cho đến khi lửa cháy, rồi thêm củi nữa. Cái tủ lạnh Frigidaire được dùng làm tủ chén vì không có chút điện nào đến gần lán. Để tránh mốc, cánh cửa được kê cho mở rộng bằng một cái đập ruồi. Ấy vậy mà mấy vệt xanh ròn mốc sương vẫn đầy các kẽ.

Lấy đồ ăn còn thừa ra, con bé nói, “Mình sẽ cho cháo ngô vào mỡ heo hâm lại,” và nó làm thế rồi ăn ngay trong nồi, vừa ăn vừa nhìn ra cửa sổ chờ ba. Nhưng ông không tới.

Khi ánh sáng từ vầng trăng bán nguyệt cuối cùng cũng chạm lên lán, con bé chui vào chỗ ngủ ở hàng hiên – một tấm nệm chỗ gồ chỗ xep đẽ dưới sàn, với tấm ga điểm những bông hồng xanh lam nhỏ má kiếm được từ chỗ bán đồ cũ giảm giá – lần đầu tiên trong đời ở một mình vào đêm tối.

Thoạt đầu, cứ vài phút là nó ng ẩ dậy nhìn qua lưới. Lắng nghe tiếng chân bước trong rừng. Con bé biết rõ hình thù mỗi thân cây; vậy mà một số đường như cứ xẹt qua xẹt lại từ góc này tới góc kia, cùng di chuyển với vầng trăng nọ. Con bé sợ cứng người mất một lúc, đến không nuốt được, nhưng vừa khi đó thì bài ca quen thuộc của lũ ếch cây và châu chấu voi ngân lên, lấp đầy bóng tối. Yên ủi tấm lòng hơn cả bài hát ba chú chuột mù với một con dao. Màn đêm có mùi hương ngọt ngào, có hơi thở đượm vị đất của lũ ếch và kỳ giông đã sống sót qua thêm một ngày n ồng nực. Đồng l ầy rúc lại gần quanh con bé với màn sương giăng thấp, và nó thiếp đi.

Ba ngày liền, ba không về và Kya lược lá củ cải từ vườn của má làm bữa sáng, trưa và tối. Con bé đi ra chuồng gà tìm trứng nhưng thấy trống không. Không một con gà hay cái trứng ở đâu cả.

“Gà què vô tích sự! Tụi bây là một lũ gà què vô tích sự!” Con bé đã định chăm sóc chúng từ khi má bỏ đi, nhưng chưa làm được gì nhiều cả. Giờ đám gà đã trốn, một bầy pha tạp lộn xộn kêu cục cục sau mấy lùm cây xa xa. Con bé phải rải ngô nghi ền thô, để xem liệu có thể giữ chân chúng lại.

Vào buổi tối ngày thứ tư, ba xuất hiện với một cái chai và nằm dài ra giường.

Đi vào bếp sáng hôm sau, ông quát, “Cả lũ bọn nó đâu hết r ồi hả?”

“Con không biết,” con bé đáp, không nhìn ông.

“Mày đúng là cóc biết gì, chẳng bằng một con chó lai xấu nòi. Thứ vô

dụng.”

Kya lẳng lặng lén ra ngoài qua cửa hiên, nhưng khi lang thang dọc bờ biển tìm vẹm, con bé ngửi thấy mùi khói, nó ngẩng lên và trông thấy một cột khói bốc lên từ phía cái lán. Chạy nhanh hết tốc lực, nó lao qua mấy hàng cây và trông thấy một đồng lửa cháy rừng rực trong sân nhà. Ba đang ném hết tranh, váy và sách của má vào ngọn lửa.

“Không!” Kya thét lên. Ba không ngó ngang tới nó, chỉ vứt tiếp cái radio chạy pin cũ kỹ vào trong lửa. Mặt và tay bỏng rát khi nó cố vớ tới những bức tranh, nhưng cái nóng đẩy nó lùi lại.

Kya vội vã chạy về lán để chặn ba trở lại lấy thêm thứ khác, nhìn thẳng vào mắt ông. Ba giơ tay chực đánh Kya, nhưng nó gan lì không tránh. Đột nhiên, ông quay lưng và khập khiễng bước về phía thuyền của mình.

Kya ngối thụp xuống bậc thềm gạch ván, trơ mắt nhìn những bức màu nước vẽ đồng lầy của má âm ỉ cháy thành tro. Con bé ngối thừ đến khi mặt trời lặn, đến khi tất cả những chiếc nút radio đã rực hóa than hồng và ký ức về điệu jitterbug với má tan chảy vào ngọn lửa.

Mấy ngày tiếp theo, Kya học từ sai lầm của người khác, và có lẽ học từ lũ cá tuế nhiều hơn cả, về cách sống với ba. Chỉ cần tránh thật xa, đừng để ông thấy nó, lùi từ chỗ tối này sang bóng râm nọ. Tỉnh dậy và ra khỏi nhà trước khi ba thức, con bé sống trong rừng, dưới nước, chỉ rón rén vào nhà để ngủ trên tấm nệm ở ngoài hiên, gần với đồng lầy hết mức có thể.

Ba đã chiến đấu với quân Đức trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai, tại đó

xương đùi của ông trúng mảnh bom và vỡ nát, ngu ồn kiêu hãnh cuối cùng của họ. Tiền trợ cấp thương tật của ông tuần tuần lại đến, ngu ồn thu nhập duy nhất của cả nhà. Một tuần sau khi Jodie bỏ đi, cái tủ Frigidaire đứng trống trơn và hầu như chẳng còn mẫu củ cải nào. Lúc Kya bước vào bếp sáng chủ nhật hôm đó, ba chỉ vào tờ một đô nhàu nát và dăm đồng lẻ trên bàn.

“Chỗ này sẽ cho mày đồ ăn *chong* tuần này. *Hông* có thứ *dì* miễn phí,” ông nói. “Thứ *dì* cũng có *dá* của nó, và để có tiền mày phải *chông* cái nhà này, *lụm* củi đun và *dặt* đồ.”

Lần đầu tiên trong đời Kya đi bộ một mình tới làng ở Vụng Barkley để mua đồ ăn – *con heo nhỏ này đi chợ*. Nó lê bước qua chỗ cát sâu hoặc bùn đen suốt bốn dặm đường cho tới khi vịnh nước lấp lánh trước mặt, làng nằm trên bờ vịnh đó.

Đồng lầy vây lấy thị trấn nhỏ, hòa lẫn cái sương mù mẩn mẩn của nó với sương muối biển khơi, vốn sẽ dâng lên với triều cường phía bên kia phố Main – phố chính. Cùng nhau, đồng lầy và biển chia tách ngôi làng với phần còn lại của thế giới, sợi dây duy nhất kết nối là con lộ một làn gồ ghề chạy vào thị trấn phủ lớp xi măng rạn vỡ và lỗ chỗ ổ gà.

Có hai con phố: Phố Main chạy dọc mé biển với một dãy hàng quán; tiệm tạp hóa Piggly Wiggly một đầu, cửa hàng xe Western Auto một đầu, quán ăn ở giữa. Lẫn trong đó có tiệm năm xu một hào Kress, một cửa hiệu Penney (chỉ có trên catalog), tiệm bánh Parker và hiệu giày Buster Brown. Cạnh bên Piggly là quán bia Dog-Gone, có bán xúc xích, ớt hiểm và tôm rang đựng trong thuyền giấy. Phụ nữ và trẻ con không bước vào quán vì việc đó không được coi là đẳng hoàng đứng đắn, nhưng trên tường có treo một cửa sổ mua mang đi để họ gọi xúc xích và cola Nehi từ ngoài đường.

Người da màu chẳng được dùng cả cửa chính lẫn cửa sổ.

Phố còn lại, Phố Broad, chạy từ chỗ đại lộ cũ thẳng tới biển và vào Phố Main, chấm dứt ngay ở đó. Vì vậy ngã ba duy nhất trong làng là Phố Main, Phố Broad và Đại Tây Dương. Các cửa tiệm và cửa hiệu không kề sát nhau như hầu hết mọi làng mà được tách ra bởi những khoảng trống nhỏ rợp yếm mạch biển hoặc cọ lùn, như thể trong đêm đông lầy đã nhích lại gần nó. Trong hơn hai trăm năm, thứ gió gắt, mặn đã bào mòn những tòa nhà gỗ tuyết tùng ra màu rỉ sắt, và các khung cửa sổ, hầu hết sơn màu lam hoặc trắng, đã bong tróc và nứt nẻ. Nhìn chung, ngôi làng có vẻ kiệt quệ vì cãi cọ với các yếu tố tự nhiên, và cứ thế mà suy sụp.

Cầu tàu của thị trấn, vắt vẻo những sợi thừng xơ xác và đám bùn nông già, thò ra trên vịnh nhỏ, nơi mặt nước khi tĩnh lặng thường phản chiếu sắc đỏ vàng của các thuyền tôm. Những con đường đất, với nhiều căn nhà gỗ tuyết tùng xếp hai bên, uốn lượn qua rừng cây, vòng quanh phá nước và chạy dọc bờ biển ở hai đầu các cửa hàng. Vũng Barkley đúng là một thị trấn ở vùng nước tù đọng, hẻo lánh, nhà cửa rải rác đây một ít kia một ít giữa những cửa sông và bãi sậy, như cái tổ diệc bạch bị gió thổi tan tác.

Chân trần và mặc quần yếm ngắn cũn, Kya đứng lại ngay chỗ đường mòn đông lầy gặp đường cái. Cấn cấn môi, nó muốn bỏ chạy về nhà. Con bé không nghĩ được mình sẽ nói gì với người lạ; làm sao nó biết xài tiền thế nào để mua đồ. Thế nhưng cơn đói là thứ rất thúc người, vậy nên con bé dấn bước lên Phố Main và đi tiếp, đầu cúi xuống, hướng tới tiệm Piggly trên cái lề đường vỡ nát thỉnh thoảng hiện ra giữa những cụm cỏ. Khi tới gần tiệm năm xu một hào, con bé nghe náo động sau lưng và vừa kịp nhảy sang bên khi ba thằng con trai lớn hơn vài tuổi vụt qua trên xe đạp. Thằng đi đầu quay lại ngoác con bé, phá lên cười vì pha xém đụng, đề

rồi suýt tông vào một người phụ nữ từ cửa tiệm bước ra.

“CHASE ANDREWS, quay lại đây! Biểu cả ba đứa đó.” Ba thằng nhóc đập rảng thêm vài thước nữa, nhưng rồi biết khôn mà trở lại chỗ người phụ nữ, chính là cô Pansy Price, người bán vải và mấy món lật vặt để may vá. Gia đình cô này từng sở hữu trang trại lớn nhất ở mé ngoài đồng lầy, và mặc dù họ bị buộc phải bán hết chỗ đó đã lâu, cô vẫn tiếp tục sắm vai cô chủ đất thượng lưu quý phái. Đó chẳng phải việc dễ dàng khi người ta sống trong căn hộ bé như lỗ mũi nằm trên một quán ăn. Cô Pansy thường đội mũ kiểu dáng như turban lụa, và sáng nay vật đội đầu của cô hồng rực, làm nổi bật màu son đỏ thắm và vệt phấn hồng.

Cô mắng ba thằng nhỏ. “Tôi xẻ mách cho mẹ của mấy đứa biết chuyện này. Hoặc tốt hơn nữa là ba của mấy đứa. Phóng xe nhanh vậy trên vỉa hè, chút nữa là *cáng* tôi rồi còn gì. Cháu có *dì* để nói không, Chase?”

Thằng này có cái xe trông xịn nhất – yên đỏ và tay lái bằng chrome nâng lên. “Bọn cháu xin lỗi, cô Pansy, bọn cháu không thấy cô vì con nhỏ đằng kia chắn đường.” Chase, với nước da rám nắng và mái tóc đen, chỉ về phía Kya, con bé đã lùi lại và đứng khuất một nửa trong bụi hương đào.

“Nói làm gì con bé đó. Mấy đứa *hông* thể đổ tội lên người khác, kể cả thứ rác rưởi đần lầy. Nào, bây giờ các cháu phải làm một việc tốt để lấy công chuộc tội. Cô Arial với mớ đồ linh kính kia, lại giúp mang đồ vào xe tải cho cô ấy đi. Và bỏ áo *dô* thùng coi nào.”

“Dạ, thưa cô,” tụi con trai đáp và đập xe tới chỗ cô Arial, giáo viên lớp hai của ba đứa.

Kya biết bố mẹ của thằng con trai tóc đen là chủ cửa hàng Western Auto, vậy nên cu cậu mới được cưỡi cái xe mới nhất. Con bé từng thấy thằng này dỡ mấy thùng các-tông hàng hóa to đùng xuống từ xe tải, nhưng

chưa bao giờ nói chuyện với nhóm đó.

Con bé chờ vài phút rồi lại cúi đầu xuống, đi về phía tiệm tạp hóa. Vào trong Piggly Wiggly, Kya ngắm soi các loại bột ngô và chọn một túi nửa cân bột vàng nghiền thô vì cái nhãn đỏ bên trên – đặc biệt trong tuần. Như má đã dạy.

Nó nhấp nhòm giữa lối đi cho đến khi không còn khách hàng nào trước máy tính tiền nữa, lúc đó nó mới bước lại và đối mặt với người tính tiền, cô Singletary. Cô hỏi, “Mẹ của cháu đâu?” Tóc cô Singletary cắt ngắn, uốn xoắn tít và nhuộm tím như diên vĩ trong ánh mặt trời.

“Đang làm việc nhà, thưa cô.”

“Chà, cháu có tiền trả cho túi bột không nào?”

“Có ạ.” Không biết đếm sao cho đúng giá, con bé để xuống hẳn một đô-la.

Cô Singletary ngờ là đứa nhỏ chẳng biết đồng nào với đồng nào, thế nên khi đặt tiền thối vào lòng bàn tay xòe ra của Kya, cô đếm thật chậm, “Hai mươi lăm, năm mươi, sáu mươi, bảy mươi, tám mươi, tám mươi lăm và ba đồng một xu. Vì túi bột có giá mười hai xu.”

Kya cảm thấy bụng nhộn nhạo. Nó có phải đếm cái gì trả lại không? Con bé nhìn lom lom mấy đồng xu đánh đố trên tay mình.

Cô Singletary dường như dịu dàng hơn. “Được rồi đó. Cháu *dọt* đi nào.”

Kya vọt chạy khỏi cửa hàng và bước nhanh hết mức về phía con đường đông lầy. Nhiều lần má đã dặn nó, “Không bao giờ được chạy trong thị trấn, không thì người ta sẽ nghĩ con chộm chìa gì đó.” Nhưng khi tới chỗ đường cát, Kya liền chạy một mạch nửa dặm. Rồi rảo bước nhanh suốt

quãng đường còn lại.

Về nhà, cứ nghĩ mình đã biết nấu bột ngô, con bé trút nó vào nước sôi như má từng làm, nhưng bột vón hết lại thành một cục tròn cháy khét dưới đáy mà sống nhăn ở giữa. Dai tới nỗi con bé chỉ cần được vài mẫu, thế nên nó lại sục sạo vườn nhà và tìm được vài lá củ cải giữa bụi cúc hoàng anh. Rồi luộc chúng lên và ăn hết, xì xụp húp cả nước.

Vài ngày sau con bé đã biết sơ sơ cách nấu cháo, mặc dù bất kể nó khuấy cật lực thế nào, bột vẫn hơi vón lại. Tuần kế tiếp nó mua xương sống – có nhân đỏ – rồi nấu với bột ngô và cải rổ thành một thứ cháo sệt có vị cũng vừa ăn.

Kya đã giặt đồ khố lần với má, nên nó biết cách dùng mấy cục xà phòng và cọ xát quần áo vào tấm chà dưới vòi nước ngoài sân. Mấy cái quần của ba khi ướt nặng trình trịch làm nó không tài nào vắt được bằng bàn tay nhỏ xíu, và con bé cũng chẳng với tới dây treo để máng chúng lên được, nên đành để chúng sũng nước vắt tạm qua đám cỏ lùn ở bìa rừng.

Con bé và ba cứ theo điệu nhảy hai bước kiêu này, sống tách biệt nhau trong cùng cái lán, nhiều khi mấy ngày liền không đụng mặt nhau. Hầu như chẳng bao giờ nói chuyện. Kya dọn dẹp đồng bừa bộn của mình và của ba, như một người phụ nữ nhỏ nghiêm túc. Nó chẳng giỏi bếp núc đủ để nấu các bữa cho ba – dù sao ông cũng chẳng có mặt – nhưng nó xếp giường cho ông, thu dọn, quét tước và rửa chén hết phần lớn thời gian. Chẳng phải vì ai bảo nó làm, mà vì đó là cách duy nhất để giữ cho cái lán thơm tất chờ má trở về.

Má luôn nói vầng trăng mùa thu ló dạng vì sinh nhật Kya. Vậy nên mặc dù nó không nhớ ngày sinh của mình, vào một buổi tối khi trăng nhú lên tròn căng và vàng óng từ phá nước, Kya thầm nói, “Chắc là mình đã lên bảy.” Ba chẳng đả động gì tới chuyện đó; chắc chắn là không có bánh sinh nhật. Ông cũng chẳng nói nửa lời về việc cho con bé đi học và nó, vốn không biết được bao nhiêu về trường lớp, lại sợ mà chẳng dám nhắc ba.

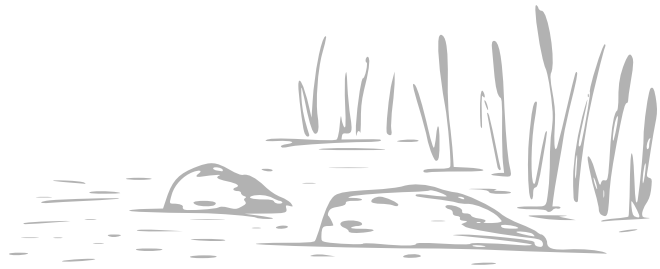
Chắc má sẽ về vì sinh nhật nó chứ, thế nên buổi sáng sau đêm trung thu, con bé mặc vào bộ váy hoa và phóng mắt trông ra đường. Kya dùng hết sức hình dung má bước về phía nhà, vẫn đôi giày cá sấu và chiếc váy thướt tha, những mong làm vậy sẽ biến cảnh đó thành hiện thực. Khi không ai về cả, nó lấy nãi cháo ngô và băng rừng ra bờ biển. Giơ tay lên miệng, con bé ngửa cổ và cất giọng kêu, “*Kii-aa; kii-aa; kii-aa.*” Những vệt xám bạc hiện ra trên nền trời từ hai đầu bờ biển, từ bên kia làn sóng.

“Chúng tới kìa. Mình không thể đếm tới số lớn như số mòng biển đó,” con bé lầm bầm.

Kêu vang và rít lên lạnh lạnh, lũ chim liệng vòng và bổ xuống, lượn lơ gần gương mặt Kya, rồi đáp xuống bờ khi nó thấy bột ngô cho chúng. Cuối cùng, chúng im lặng và đứng rải rác rĩa lông, còn con bé ngẩng bệt trên cát, chân gập về một phía. Một con mòng biển lớn ngẩng xuống bờ cát gần chỗ Kya.

“Hôm nay là sinh nhật tao,” con bé nói với chú chim đó.

Chase



1969

Mấy chân trụ mục nát của tháp phòng cháy bỏ hoang giăng đứng trên đầm lầy, cái đầm tỏa ra những tua sương mù quẩn quýt. Trừ lũ quạ kêu khan, khu rừng im lặng như đang nín thở đợi chờ khi hai thằng con trai, Benji Mason và Steve Long, cùng mười tuổi, cùng mái tóc vàng, bắt đầu bước lên cầu thang ẩm ướt vào sáng ngày 30 tháng Mười, năm 1969.

“Trời thu đáng ra *hông* nóng dữ vậy,” Steve nói vọng ra sau với Benji.

“Ừ, và thứ *dì* cũng im thít trừ lũ quạ.”

Đưa mắt nhìn xuống giữa bậc thang, Steve kêu lên, “Ơ. Cái gì kia?”

“Đâu?”

“Nhìn đi, đằng đó đó. Quên áo xanh, như có người đang nằm trong bùn vậy.”

Benji gọi to, “Này, anh kia! Đang làm *dì* đó?”

“Tao thấy một cái mặt, nhưng nó *hông* chuyển động *dì* hết.”

Tay đánh thoăn thoắt, hai thằng chạy trở lại xuống đất và dấn bước về phía bên kia chân tháp, thứ bùn hơi xanh lục bám quết ủng của chúng. Ở đó một người đang nằm, ngửa lưng, chân trái quặt ra trước một cách kỳ dị. Mắt mở trừng và mồm há hốc.

“Lạy Chúa!” Benji kêu lên.

“Chúa ơi, đó là Chase Andrews.”

“Chúng ta nên đi *kiu* cảnh sát trưởng tới.”

“Nhưng *lẻ* ra chúng ta *hông* được ra đây.”

“Ai để ý chuyện đó giờ này nữa. Tụi quạ sục tới bây giờ.”

Hai thằng ngoái đầu về phía tiếng quạ quang quác vọng tới, và Steve bảo, “Có lẽ tao với mày một đứa phải ở lại, xua lũ chim khỏi bầu anh ta.”

“Mày điên rồi nếu mày nghĩ tao sẽ quanh *quăng* ở đây một mình. Và tao cược một cái đầu da đỏ là mày cũng chẳng dám.”

Nói thế rồi hai thằng chụp lấy hai xe, guồng chân đạp trên đường cát dập dính về lại Phố Main, phóng qua khu trung tâm, và chạy vào tòa nhà thấp nơi cảnh sát trưởng Ed Jackson đang ngồi tại bàn làm việc trong văn phòng thấp sáng bằng mấy bóng đèn treo lủng lẳng. Lực lưỡng với chiều cao trung bình, ông có mớ tóc hoe đỏ, mặt cùng cánh tay lấm chấm tàn nhang, và đang ngồi lật xem một tờ *Sports Afield*.

Không gõ trước, hai thằng nhỏ xộc thẳng qua khung cửa mở.

“Chú cảnh sát trưởng...”

“Ô, chào Steve, Benji. Bộ hai đứa mới thấy một đám cháy hả?”

“Chúng cháu thấy Chase Andrews nằm thẳng đơ trong đần lầy dưới tháp phòng cháy. Anh ta trông có vẻ chết rồi. *Hông* động đây di hết.”

Kể từ khi Vững Barkley có người đến định cư hồi năm 1751, không nhà chức trách nào mở rộng phạm vi quyền hạn của mình vượt quá vùng cỏ rặng cưa. Vào những năm 1940 và 1950, vài viên cảnh sát trưởng đã thả chó săn đuổi theo mấy tên tù từ đất liền trốn vào đống lầy, và đần cảnh sát vẫn giữ chó phòng khi cần đến. Thế nhưng Jackson thường lơ đi những tội ác thực hiện trong đần lầy. Sao phải cản lũ chuột giết nhau chứ?

Thế nhưng đây lại là Chase. Viên cảnh sát trưởng đành đứng dậy và lấy mũ xuống từ trên giá. “Chỉ đường đi.”

Những nhánh sồi và cây nhựa ruồi cọ kèn kẹt lên xe tuần tra khi cảnh sát trưởng cẩn thận lái trên đường cát, bên cạnh là bác sĩ Vern Murphy, người thon gọn và khỏe mạnh với mái tóc ngả bạc, bác sĩ duy nhất của thị trấn. Người họ lắc lư theo giai điệu của những vết lún sâu, đầu Vern thiếu chút là đập vào cửa sổ. Là bạn cũ gần tuổi nhau, họ đã vài lần cùng nhau câu cá và thường bị ném vào cùng vụ án. Giờ cả hai lặng thinh trước viễn cảnh xác nhận được danh tính cái xác trong đống.

Steve và Benji ngồi trên thùng xe với xe đạp của chúng đến khi xe dừng lại.

“Anh ta ở kia, chú Jackson. Đằng sau mấy bụi cây đó.”

Ed bước xuống xe. “Hai đứa đợi đây.” Rồi ông và bác sĩ Murphy lội bùn đến chỗ Chase nằm chết. Lũ quạ đã nháo nhào bay đi khi chiếc xe chạy tới, nhưng những loài chim khác và côn trùng vẫn vo ve bên trên. Sự sống xác xược vẫn đều đều tiếp diễn.

“Là Chase, thật thế. Sam và Patti Love làm sao sống nổi đây.” Vợ chồng Andrew đã nhập về mọi cái bugi, cân đối mọi tài khoản, treo mọi cái móc giá ở Western Auto vì đưa con duy nhất của họ, Chase.

Ngồi thụp xuống cạnh thi thể, cố tìm một nhịp tim bằng chiếc ống nghe, Vern tuyên bố rằng cậu trai đã chết.

“Anh nghĩ được bao lâu rồi?” Ed hỏi.

“Tôi áng chừng ít nhất là mười giờ. Pháp y sẽ biết chắc thôi.”

“Vậy chắc cậu ta đã trèo lên đó tới qua. Té xuống từ trên đỉnh.”

Vern khám xét sơ bộ người Chase mà không di chuyển cậu, rồi đứng

lên cạnh Ed. Hai người nhìn chăm chăm vào mắt Chase, vẫn dõi lên trời từ khuôn mặt trương phồng, rồi nhìn xuống cái miệng há hoác của cậu.

“Đã bao lần tôi nói với người trong thị trấn là chuyện như vậy rồi sẽ xảy ra thôi,” cảnh sát trưởng làu bàu.

Họ đã biết Chase từ khi cậu sinh ra. Đã dõi theo cuộc đời cậu từ một đứa trẻ dễ thương thành thiếu niên dễ mến; từ trung phong ngôi sao và chàng trai đắt giá nhất thị trấn đến lúc cậu làm việc cho bố mẹ. Cuối cùng, là người đàn ông bánh bao cưới cô gái xinh đẹp nhất. Bây giờ cậu nằm sõng soài một mình, chẳng cao quý gì hơn cái đấm lầy. Cú vọt đi thô bạo của cái chết, như mọi khi, đã cướp mọi hào quang.

Ed phá vỡ sự im lặng. “Vấn đề là, tôi không hiểu sao mấy cô cậu khác không chạy đi kiếm người giúp đỡ. Bọn họ luôn tới đây theo nhóm, hoặc ít nhất là có cặp, để vuốt ve nhau.” Cảnh sát trưởng và bác sĩ trao đổi những cái gật đầu nhẹ mà hiểu ý, biết rằng mặc dù đã kết hôn, Chase vẫn có thể đưa cô gái khác tới tháp canh phòng. “Hãy quay ra khỏi chỗ này. Quan sát một lượt,” Ed bảo và nhấc chân lên, bước cao hơn cần thiết. “Hai đứa ở yên chỗ đó; đừng đi tùm lum mà thêm lấm vết chân.”

Chỉ vào những dấu chân chạy từ cầu thang, băng qua đấm, đến khoảng hai thước rưỡi gần Chase, Ed hỏi bọn trẻ, “Đó là dấu chân của hai đứa hồi sáng này hả?”

“Dạ, chúng cháu chỉ đi tới đó,” Benji đáp. “Vừa thấy là Chase thì tụi cháu lùi lại. Chú có thể thấy chỗ chúng cháu lùi bước ở kia.”

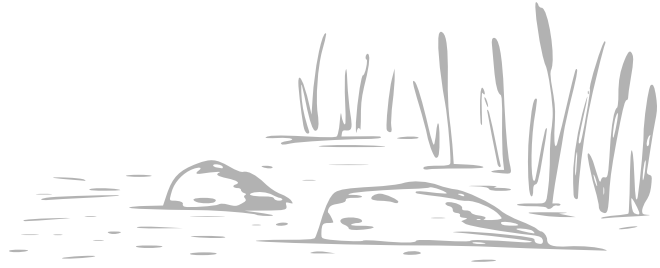
“Được rồi.” Ed xoay người. “Vern, có gì đó không đúng. Chẳng có dấu chân nào gần cái xác cả. Nếu Chase đi với bạn hay ai đó khác, khi cậu ta bị ngã, họ sẽ chạy xuống đây và giẫm khắp xung quanh cậu ta, quỳ xuống bên cậu ta. Xem cậu ta còn sống hay đã chết. Nhìn vết chân chúng

ta lún sâu trong bùn thế nào kia, nhưng chẳng có dấu vết mới nào khác nữa. Không có dấu chân chạy lại cầu thang hay từ cầu thang chạy ngược ra, không có dấu chân quanh cái xác.”

“Có khi cậu ta chỉ đến một mình. Vậy sẽ giải thích được tất cả.”

“Hừ, tôi chỉ anh một điểm mà nó không giải thích được nhé. Dấu chân *của cậu ta* đâu? Làm sao Chase Andrews đi dọc lối mòn, băng qua bãi bùn nhộp nháp này tới cầu thang leo lên đỉnh tháp mà không để lại dấu chân nào cả?”

Trường học



1952

Vài ngày sau sinh nhật, một mình chân trần bước trên bùn, Kya cúi xuống, ngấm một con nòng nọc đang mọc ra chân. Đột ngột con bé đứng phắt dậy. Một chiếc ô tô vừa xộc tung lớp cát sâu cuối đường nhà họ. Chưa bao giờ có ai lái xe tới chốn này. R ồi tiếng rì r ần trò chuyện của hai người – một nam một nữ – thoảng tới qua cành lá. Kya phóng tới bụi cây, nơi nó có thể thấy người vừa tới mà vẫn có đường trốn chạy. Như Jodie từng dạy ngày ấy.

Một phụ nữ từ trong xe bước ra, chân đi giày cao gót trên cát hơi loạng choạng, cũng như má. Chắc họ là người từ trại mồ côi tới bắt con bé.

Chắc hẳn mình có thể chạy vượt cái bà đó. Bả sẽ té đập mũi trong đôi giày kia. Kya đứng yên và nhìn người phụ nữ bước tới cửa.

“A lô, có ai ở nhà không? Tôi là người đón học sinh vắng mặt đây. Tôi tới để đưa Catherine Clark tới trường.”

Cái này đáng chú ý đấy. Kya ng ồi im thít. Con bé khá chắc là mình phải tới trường khi lên sáu. Giờ họ đã tới, trễ mất một năm r ồi.

Con bé không có chút ý niệm gì về cách nói chuyện với tụi con nít khác, càng không phải với một giáo viên, nhưng nó muốn học đọc và muốn biết số gì tiếp theo hai mươi chín.

“Catherine, bé ơi, nếu con nghe thì ra đây nhé. Đó là luật r ấ, bé à; con phải tới trường. Nhưng ngoài ra thì con sẽ thích trường học đó. Con sẽ được một bữa trưa miễn phí mỗi ngày. Cô nghĩ hôm nay họ có món bánh nướng nhân thịt gà vỏ giòn rụm.”

Cái này nghe hấp dẫn quá. Kya đang rất đói. Bữa sáng nó đã nấu cháo ngô khuấy thêm bánh quy mặn vì không có chút muối nào. Một đi ều con bé đã học được về cuộc sống: ta không thể ăn cháo ngô mà thiếu muối. Kya chỉ được ăn bánh nướng nhân thịt gà vài lần trong đời, nhưng vẫn như thấy được lớp vỏ vàng ruộm đó, ngoài giòn rụm, trong dẻo m ềm. Con bé vẫn nếm được vị nước thịt beo béo, như thể miếng thịt tròn đ ầy lắm. Chính cái bụng tự làm theo ý nó đã xui Kya đứng bật dậy giữa đám lá cọ.

“Xin chào cô bé, cô là Culpepper. Con đã lớn và sẵn sàng đến trường học r ấ nhỉ?”

“Dạ,” Kya đáp, đầu cúi thấp.

“Không sao, con có thể đi chân không, các bạn nhỏ khác cũng vậy, nhưng vì là con gái, con phải mặc váy. Con có đ ầm hay váy không bé cưng?”

“Dạ có.

“Được r ấ, hãy đi diện cho con đẹp lên nào.”

Cô Culpepper theo Kya đi qua cửa hiên, phải bước qua một dãy tổ chim mà nó đã xếp dọc theo những tấm ván. Trong phòng ngủ, Kya mặc vào bộ váy duy nhất vừa vặn, chiếc váy yếm kẻ ô mà một quai đeo được gắn lại bằng một chiếc kim băng.

“Được r ấ bé, trông con ổn r ấ.”

Cô Culpepper chìa tay ra. Kya tròn mắt nhìn bàn tay đó. Con bé đã

nhieu tuần không chạm vào người khác, cả đời chưa từng đụng vào người lạ. Thế nhưng nó đặt bàn tay nhỏ xíu của mình vào tay cô Culpepper và được dắt xuống lối đi, đưa tới chiếc Ford Crestliner do một người đàn ông trầm lặng đội mũ phớt xám cầm lái. Ngồi ở ghế sau, Kya không mỉm cười và không cảm thấy mình như chú gà con nấp dưới cánh mẹ.

Vũng Barkley có một trường học cho người da trắng. Học trò từ lớp một tới lớp mười hai đi đến một tòa nhà gạch hai tầng ở đầu đường ngược lại với đèn cảnh sát trên Phố Main. Bọn trẻ da đen có trường học riêng, một khối nhà xi măng một tầng gần Phố Da màu.

Khi con bé được đưa vào văn phòng nhà trường, người ta tìm thấy tên nó nhưng không thấy ngày sinh trong hồ sơ của hạt, thế là họ cho nó vào lớp hai, dù nó chưa từng tới trường ngày nào trong đời. Dù sao đi nữa, họ nói, lớp một cũng quá đông rồi, và lớp mấy có khác biệt gì đâu với dân đồng lầy, vốn chỉ chường mặt lên trường vài tháng, có lẽ, rồi sau chẳng ai thấy mặt nữa. Khi hiệu trưởng dẫn nó đi dọc một hành lang rộng vang vọng tiếng chân, mồ hôi túa ra trên chân mày con bé. Ông mở cửa một phòng học và khẽ đẩy nó vào.

Áo sơ mi kẻ ca rô, váy dài, giày, rất nhiều giày, mấy bàn chân trần, và bao nhiêu con mắt – tất cả nhìn chằm chằm Kya. Con bé chưa bao giờ thấy nhiều người đến vậy. Đâu chừng cả tá. Giáo viên, chính cô Arial mà ba đưa con trai đã giúp, dẫn Kya tới một bàn gần cuối lớp. Con bé có thể để đầu của mình vào ngăn tủ, nó được dặn thế, nhưng Kya có đồ đạc gì đâu.

Cô giáo bước trở lại trước lớp và gọi, “Catherine, hãy đứng dậy và cho cả lớp biết tên đầy đủ của em nào.”

Bụng con bé cồn lên.

“Nào, em thân mến, đừng sợ.”

Kya đứng dậy. “Cô Catherine Danielle Clark,” con bé đáp, vì đó là cái mà má từng bảo là tên đầy đủ của nó.

“Em đánh vần *chó* cho lớp nghe được không?”

Nhìn chằm chằm xuống đất, Kya đứng im. Jodie và má đã dạy nó vài con chữ. Nhưng con bé chưa từng đánh vần từ nào thành tiếng cho người khác nghe.

Căng thẳng nhộn nhạo trong bụng nó; nhưng con bé vẫn cố. “*O-h-c.*”

Tiếng cười bật ra dọc các dãy ghế.

“Suyt! Im lặng nào, các em!” Cô Arial cao giọng nhắc. “Chúng ta không bao giờ được cười, mấy đứa nghe không, chúng ta không bao giờ cười nhạo lẫn nhau. Mấy đứa biết đi đâu hơn thế.”

Kya ngồi xuống thật nhanh trên chiếc ghế cuối phòng, cố gắng biến mất như một con bọ vỏ cây hòa lẫn vào tấm thân sần sùi xói rãnh của cây sồi. Dẫu căng thẳng vậy nhưng khi cô giáo tiếp tục bài giảng, con bé vẫn chồm về trước, chờ được nghe số nào nối tiếp hai mươi chín. Nãy giờ cô Arial toàn nói về ngữ âm gì đó, và đám học trò, miệng mở thành hình chữ o, lặp lại những tiếng *ah*, *aa*, *o* và *u* của cô, cả bọn rên rỉ như lũ bồ câu vậy.

Khoảng mười một giờ, mùi bơ ấm đượm của men bánh mì ổ nhỏ và bột bánh nướng tỏa khắp các hành lang và len lỏi vào phòng. Bụng Kya nhói lên cồn cào, và khi cả lớp cuối cùng cũng xếp thành một hàng điều vào căn tin, miệng của con bé đã ứa đầy nước. Bắt chước người khác, nó nhặt một cái khay, một chiếc đĩa nhựa xanh lá và muống nĩa. Một cửa sổ lớn có quây phục vụ mở vào bếp, và bày ra trước mặt con bé là một chảo tráng men khổng lồ đựng bánh nướng thịt gà với lưới bột giòn đan dọc ngang trên mặt, nước thịt nóng hổi xèo xèo. Một phụ nữ da đen cao ráo, tươi cười và gọi vài đứa trẻ bằng tên thay vì họ, thả phup một phần bánh

bự lên đĩa của nó, rồi một cô áo hồng thêm vào bơ và một ổ bánh mền. Con bé nhận phần pudding chuối và hộp sữa nhỏ màu trắng đỏ rồi đặt lên khay.

Kya quay vào khu vực chỗ ngồi, hầu hết các bàn đã đầy nhóc tui nhỏ nói cười rôm rả. Nó nhận ra Chase Andrews và nhóm bạn ở đó, mấy thằng cười xe đạp suýt húc nó vắng khỏi vỉa hè, thế nên con bé quay đầu đi chỗ khác và ngồi vào một bàn trống. Nhiều lần liên tục, đôi mắt Kya cứ phản chủ và đánh về phía bọn con trai kia, những gương mặt duy nhất nó biết. Thế nhưng chúng cũng như tất cả những người khác, chỉ phớt lờ nó.

Kya nhìn chăm chăm vào phần bánh đầy ụ thịt gà, cà rốt, khoai tây và đậu Hà Lan nhỏ. Bột bánh vàng ruộm ngả nâu phủ ở trên. Vài đứa con gái, mặc váy dài nhiều lớp phồng lên, lần lần tiến lại. Một đứa cao ngồng, gầy gò, mái tóc hoe vàng, một đứa tròn trĩnh có cặp má phình phình. Kya tự hỏi làm sao tui này có thể trèo cây hay lên thuyền khi mặc váy xống lưng phồng thế. Dám chắc không thể lội bắt ếch, thậm chí chẳng thể thấy chân mình.

Khi chúng lại gần, Kya dán chặt mắt vào khay của nó. Con bé biết nói gì nếu chúng ngồi vào chỗ cạnh bên? Thế nhưng hai đứa con gái lướt qua, riu rít như chim, và tới ngồi với bạn của chúng ở bàn khác. Với cả cơn đói cồn cào trong bụng, vậy mà con bé thấy miệng mình khô khốc, nuốt cũng khó khăn. Thế nên sau khi ăn vài miếng nhỏ, con bé uống cạn sữa, rồi nhét nhiều bánh nướng nhất có thể vào hộp sữa đó, cẩn thận để không ai trông thấy, rồi dùng khăn giấy quấn quanh hộp với bánh mì mền.

Phần còn lại của ngày, nó chẳng hề mở miệng. Ngay cả khi giáo viên hỏi nó câu gì, con bé cũng ngồi im thít. Kya cho rằng đúng ra phải là nó học hỏi họ, đâu phải họ học hỏi nó. *Tự đứng lại đưa thân ra cho người ta*

cười nhạo làm gì? nó nghĩ vậy.

Khi tiếng chuông tan lớp vang lên, con bé được bảo rằng xe buýt sẽ thả nó xuống cách ngõ nhà ba dặm vì chạy xa hơn nữa thì đường cát lắm, và rằng sáng nào nó cũng phải đi bộ ra chỗ đón xe. Trên đường về, trong lúc chiếc xe buýt lắc lư trên mấy vết lún sâu và đi qua những vạt miên man cỏ đầm nước mặn, có tiếng ê a vang lên từ đằng trước: “Cô Catherine Danielle Clark!” Cao-gầy-tóc-vàng và Tròn-tròn-má-phính, hai đứa con gái hễ trưa, gọi vang lên, “Mày ở đâu, con gà nước? Nón mày đâu, con chuột đồng lầy?”

Cuối cùng, chiếc xe cũng dừng lại ở một điểm không tên không số, nơi gặp nhau của nhiều lối mòn rồi bung dẫn vào rừng. Bác tài gạt cần cho cửa mở và Kya lủi ra, cắm đầu chạy một mạch gần nửa dặm, thở hồng hộc, rồi đi bộ suốt tới ngõ nhà. Nó không dừng lại ở cái lán mà chạy qua bãi cỏ lùn ra phá nước, xuôi lối mòn len lỏi giữa rừng sồi dày đặc đây che chở ra tới biển. Khi con bé xộc ra bờ biển trụi trơ, biển dang ra vòng tay rộng mở, gió thốc tung mái tóc bím lò xo khi Kya dừng bước ngay mép sóng. Nó chực khóc và đã vậy cả ngày.

Giữa tiếng ồn ào của những con sóng đập dầm, Kya cất tiếng gọi lũ chim. Biển cả hát tông nam trầm, mòng biển ca giọng nữ cao. Rít và kêu thất thanh, chúng lượn vòng trên đồng lầy và bờ cát khi con bé ném vỏ bánh nướng và bánh mì mềm ra đất. Chân thõng xuống, đầu ngó nghiêng, chúng đáp xuống.

Một vài chú chim mổ khẽ vào giữa mấy ngón chân con bé, và nó cười to vì nhột cho tới khi nước mắt chảy trào, rồi cuối cùng những tiếng nức nở lớn, khăn bật ra từ chỗ ứ nghẹn dưới cổ họng Kya. Khi bánh trong hộp hết veo, nó không nghĩ mình có thể chịu nổi cơn đau nữa, sợ rằng lũ chim

cũng sẽ bỏ lại nó như tất cả mọi người. Nhưng bây giờ mong biển ng ẩ xuống trên bờ biển quanh nó và như mọi khi, tiếp tục bận rộn rửa đôi cánh xám dài. Thế nên con bé cũng ng ẩ xuống và ước chi có thể ôm chúng lên trong tay, mang về nhà ngủ cùng với nó. Kya tưởng tượng cả đám lúc nhúc trong giường nó, một đống mềm mịn những cơ thể phủ lông ấm áp cùng nhau rúc dưới mền.

Hai ngày sau, nghe tiếng chiếc Ford Crestliner nghiêng cát, nó vội chạy vào đ ồng l ầy, dậm bước thật mạnh trên bãi cát, in dấu chân rõ như ban ngày, rồi nhón chân đi vào nước, không chừa dấu vết, sau đó quành lại chạy về hướng khác. Khi tới chỗ bùn l ầy, con bé chạy lòng vòng, tạo ra một núi rồi r ả các đ ầu m ối. Và lúc tới nơi đất cứng, nó nhẹ nhàng vụt qua, nhảy thoăn thoắt từ bụi cỏ sang que cây, chẳng để lại vết tích gì.

Họ cứ cách hai ba hôm lại đến, liên tục vài tuần liền, người đàn ông đội mũ phớt truy đuổi và tìm kiếm, nhưng thậm chí chẳng bao giờ tới được gần nó. Rồi một tuần kia chẳng ai tới nữa. Chỉ có tiếng quang quác qua kêu. Con bé buông thõng tay hai bên, giương mắt nhìn con đường trống.

Kya không trở lại trường một ngày nào trong đời. Con bé quay về ngắm lũ diệc và l ợn lật vỏ sò, nơi nó nghĩ mình có thể học được gì đó. “Mình đã có thể gù như b ồ câu,” nó tự bảo bản thân. “Và giỏi hơn bọn họ nhiều lắm. Ngay cả với đôi giày đẹp đẽ của họ.”

Một buổi sáng, vài tuần sau ngày con bé đến trường, mặt trời chói chang nóng đến trắng l ỏa khi Kya trèo lên pháo đài cây của anh nó bên bờ biển và dõi mắt tìm tàu buồm treo cờ đầu lâu xương chéo. Chứng tỏ rằng trí tưởng tượng nảy m ần trong vùng đất cô đơn nhất, con bé hét, “Hô! Hô, lũ hải

tặc, hô!” Vung kiếm của mình lên, nó nhảy từ trên cây xuống tấn công. Đột nhiên một cơn đau nhói xuyên qua bàn chân phải, chạy như lửa bỏng lên cảng chân nó. Gối quỵ xuống, con bé ngã qua một bên và rít lên. Nó thấy một cái đinh dài rỉ sét đâm sâu vào lòng bàn chân mình. “Ba!” nó hét. Nó cố nhớ xem tối qua ông có về không. “CỨU con, ba,” nó kêu to, nhưng không có ai đáp lại. Nhanh hết sức, nó thò tay xuống và giật cái đinh ra, thét to để khóa lấp cơn đau đớn.

Kya quờ tay trên cát trong những cử động vô nghĩa, miệng khê rên. Cuối cùng, nó ng ẩng dậy và nhìn xuống lòng bàn chân mình. Gần như không có máu, chỉ có cái lỗ bé xíu của một vết thương nhỏ, sâu hoắm. Lúc đó nó sực nhớ tới bệnh phong đòn gánh. Bụng con bé thắt lại và người lạnh toát. Jodie từng kể nó nghe về một thằng bé đạp phải đinh rỉ và không chích uốn ván. Hàm của thằng nhỏ cứng ngắc, khép chặt đến nỗi không thể mở miệng ra. Rồi sống lưng nó bẻ uốn ra sau như một cánh cung, nhưng chẳng ai làm được gì ngoài đứng đó nhìn thằng bé chết vì người bị bẻ vụn vụn.

Jodie nói rất rõ một điểm: ta phải được chích ngừa trong vòng hai ngày sau khi đạp đinh, không thì ngỏm. Kya không biết tí gì về việc làm sao để được chích.

“Mình phải làm *dì* đó. Chắc chắn sẽ co cứng chết nếu chờ ba.” Mồ hôi hột hột tuôn xuống mặt con bé, nó cà nhắc băng qua bãi biển, cuối cùng đi vào bóng s ầm mát quanh nhà.

Má từng ngâm các vết thương trong nước muối và đắp bùn trộn đủ loại nước thuốc lên trên. Không có muối trong nhà bếp nên Kya tập tễnh vào rừng, đi tới chỗ một dòng nước lợ thường trở nên mặn chát khi triều xuống, ven bờ lấp lánh thứ tinh thể trắng xóa. Con bé ng ẩng trên bờ, vừa nhúng bàn chân vào nước muối đ ồng l ầy, vừa liên tục cử động miệng: mở,

ngậm, mở, ngậm, giả vờ ngáp, làm động tác nhai, bất cứ thứ gì hòng ngăn hàm cứng lại. Sau gần một giờ, nước ròng đủ để nó dùng tay đào một lỗ trong bùn đen rồi nhẹ nhàng sục chân vào tầng đất mềm mịn. Không khí ở đây mát mẻ và tiếng kêu của đại bàng cho nó biết phương hướng.

Đến chiều muộn, con bé đã rất đói nên về lại cái lán. Phòng của ba vẫn trống trơn và chắc hẳn ông không về trong nhiều giờ nữa. Không có bột ngô nhưng sục sạo quanh nhà, nó tìm thấy một hộp thiếc cũ nhóp nhép chứa mỡ đặc Crisco, chấm lấy một chút mỡ trắng và trét lên một cái bánh quy mặn. Ban đầu nó nhắm từng mẫu nhỏ, rồi ăn thêm hẳn năm cái.

Kya nhẹ nhàng chui vào giường nó trên hiên, lắng tai chờ tiếng thuyền ba. Đêm tới giăng xé và chọc thủng, giấc ngủ chỉ đến từng mẫu vụn, nhưng con bé hẳn đã thiếp đi lúc gần sáng vì nó bừng tỉnh khi mặt trời đã rơi thẳng mặt. Vội vàng, nó mở miệng; vẫn còn được. Con bé lê bước đi đi về về giữa hồ nước lợ và cái lán cho tới khi, nhờ theo dõi mặt trời, nó biết hai ngày đã qua đi. Kya mở và ngậm miệng lại. Có lẽ nó đã thoát được.

Đêm đó, rúc trong tấm trải nệm, bàn chân đóng bùn quẩn trong miếng vải vụn, con bé tự hỏi liệu nó có tỉnh dậy và thấy mình đã chết. Không, nó nhớ, sẽ không dễ vậy: lưng nó sẽ uốn cong; tay chân vặn vẹo.

Vài phút sau, con bé nghe nhói ở phần lưng dưới và bật dậy. “Ồi không, ôi không. Má, má ơi.” Cảm giác ở lưng lặp lại khiến nó lặng đi. “Chỉ là bị ngứa,” nó lầm bầm. Cuối cùng, thật sự kiệt lực, nó thiếp đi, không mở mắt cho tới khi lũ bồ câu rủ rủ giữa đám sồi.

Kya tới hồ nước hai lần mỗi ngày trong suốt một tuần, sống bằng bánh quy mặn với Crisco, và ba chẳng về nhà lần nào suốt thời gian đó. Đến ngày thứ tám, con bé có thể xoay xoay bàn chân mà không nghe cứng,

và cái đau đã lui về bên mắt. Nó nhảy một điệu jig, bước thật nhẹ chân, và kêu lên, “Mình làm được rồi, mình làm được rồi!”

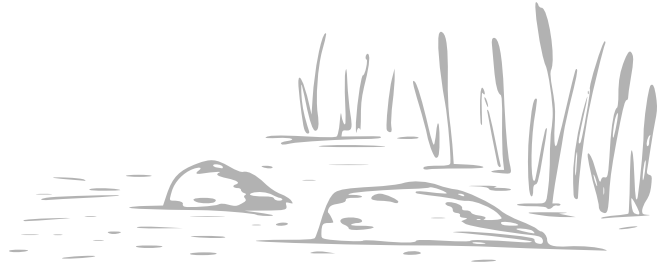
Sáng hôm sau, con bé ra bãi biển tìm thêm hải tặc.

“Việc đầu tiên mình sẽ làm là lệnh cho thủy thủ đoàn lượm hết mớ đinh.”

Sáng nào con bé cũng thức sớm, vẫn chờ nghe tiếng nấu nướng lách cách loảng xoảng của má. Món ăn sáng má thích nhất là trứng bác từ đám gà nhà, cà chua chín đỏ xắt ra, và bánh ngô chiên làm bằng cách đổ hỗn hợp bột ngô, nước và muối lên lớp mỡ nóng đến độ bột phồng lên, rìa ngoài chiên thành viền ren giòn rụm. Má nói ta chiên không đúng cách nếu không nghe tiếng lớp bột từ phòng bên cạnh, và cả đời Kya đã nghe tiếng bánh ngô lớp bột trong đầu khi thức giấc. Ngửi mùi khói xanh, nóng ấm hấp dẫn. Thế mà giờ nhà bếp im ắng, lạnh tanh, và Kya trượt xuống nệm rồi lén ra phá nước.

Nhiều tháng trôi qua, trời nhẹ chuyển mình vào đông, kiểu mùa đông miền nam vẫn vậy. Mặt trời, ấm như một tấm chăn, quấn lấy vai Kya, đổ nó vào sâu hơn trong đống lầy. Thảng hoặc con bé nghe những tiếng động của đêm mà nó chưa biết là gì, hoặc giật bản mình vì sét đánh gần quá, nhưng mỗi khi nó vấp ngã, chính mặt đất đỡ nó. Cho tới khi cuối cùng, tại một khoảnh khắc không mong đợi, cái đau trong tim thấm qua, trôi tuột đi như nước xuyên vào cát. Vẫn còn đó, nhưng sâu thẳm thẳm. Kya áp bàn tay lên mặt đất đang thở, ẩm ướt, và đống lầy trở thành người mẹ của nó.

Cuộc đi đầu tra



1969

Trên đầu, lũ ve kêu ran đáp lại vầng mặt trời gắt gỏng. Tất cả các dạng sống khác đầu co rúm lại dưới cái nóng, chỉ phát ra tiếng vo ve từ lòng đất xa xăm.

Chùi trán, cảnh sát trưởng Jackson nói, “Vern, ở đây còn nhiều việc để làm, nhưng vậy có vẻ không phải lắm. Vợ và người thân của Chase còn chưa biết cậu ta mất rồi.”

“Tôi sẽ đi báo họ, Ed,” bác sĩ Vern Murphy đáp.

“Cảm ơn nhiều. Lấy xe của tôi đi. Gửi xe cứu thương lại đón Chase, và cho Joe tới đây bằng xe tôi nữa. Nhưng đừng hé lời nào với những người khác. Tôi không muốn cả thị trấn mò đến chỗ này, và đó là chuyện sẽ xảy ra nếu anh để lộ thông tin.”

Trước khi rời đi, Vern nhìn Chase suốt một phút dài, như thể ông đã bỏ sót cái gì đó. Là một bác sĩ, ông nên sửa chữa chuyện này. Không khí đầm lầy nặng nề đọng lại sau họ, kiên nhẫn chờ tới lượt nó.

Ed quay sang hai thằng nhỏ. “Hai đứa ở yên đây. Ta không cần bất kỳ ai ba hoa về chuyện này trong thị trấn, và đừng đặt tay lên bất cứ thứ gì hay tạo thêm dấu vết trên bùn.”

“Dạ, đã rõ,” Benji đồng dạc đáp. “Chú nghĩ ai đó đã giết anh Chase,

phải không chú? Vì không có dấu chân nào. Đây ảnh ngã, có lẽ vậy?”

“Ta không hề nói cái gì như vậy. Đây là công việc của cảnh sát. Giờ các cháu cần tránh xa và đừng kể lại bất cứ điều gì nghe được ở đây.”

Phó cảnh sát trưởng Joe Purdue, một người đàn ông nhỏ thó với tóc mai rậm, xuất hiện trong xe tuần tra sau chưa đầy mười lăm phút.

“Không thể tin nổi. Chase chết rồi. Cậu ta là trung phong cừ nhất mà thị trấn này từng thấy. Chuyện đúng là điên rồ quá.”

“Anh nói phải. Được rồi, bắt tay vào việc thôi.”

“Anh có được gì rồi?”

Ed bước ra xa hai đũa nhóc hơn nữa. “À, dĩ nhiên, nhìn bên ngoài, nó có vẻ là một tai nạn: cậu ta té xuống từ cái tháp rồi chết. Nhưng tới giờ tôi vẫn chưa tìm thấy dấu chân nào của Chase đi về phía cầu thang hay dấu chân bất kỳ ai khác. Để xem ta có tìm được bằng chứng nào cho thấy có kẻ đã che giấu chúng không.”

Hai cảnh sát rà soát khu vực trong tròn mười phút. “Anh nói đúng, không có một dấu chân nào *goài* dấu của mấy thằng nhỏ,” Joe nói.

“Ừ, và không có dấu vết ai đó xóa chúng đi. Tôi không hiểu nổi. đành làm tiếp việc khác vậy. Về sau tôi sẽ tìm hiểu thêm điểm này,” Ed quyết định.

Họ chụp hình thi thể, vị trí của nó trong tương quan với cầu thang, cận cảnh vết thương đầu và cẳng chân bẻ quặt kỳ dị. Joe ghi chú theo lời Ed nhận xét. Trong khi đo khoảng cách từ thi thể tới lối đi, họ nghe tiếng xe cứu thương cọt quẹt vào những bụi rậm ven đường. Tài xế, một người đàn ông da đen đã đón nhận người bị thương, bị ốm, hấp hối và đã chết suốt hàng thập kỷ, cúi đầu chào kính trọng và thì thầm những góp ý:

“Được rồi, tay của cậu ta *xẻ* không khép *xác*, nên *hông* thể lẩn cậu ta lên tấm bạt; phải nhấc lên và cậu ta *xẻ* nặng lắm; ngài cảnh sát trưởng, hãy ôm đầu cậu Chase. Tốt đó. Ôi, ôi.” Đến cuối buổi sáng, họ đã đưa được Chase cùng với thứ bùn đặc quẹo lên sau xe.

Vì lúc này bác sĩ Murphy đã thông báo cho bố mẹ Chase về cái chết của cậu, Ed bảo hai đứa nhỏ có thể về nhà, rồi ông và Joe bắt đầu bước lên cầu thang dẫn lên tháp, qua mỗi chỗ ngoặt lại mỗi hẹp. Họ càng leo cao, các góc bo tròn của thế giới trong tầm mắt càng lúc càng lùi xa rồi xa nữa, và những khu rừng tròn cùng đồng lầy ẩm ướt mở rộng tới tận rìa.

Lên tới bậc cuối cùng, Jackson giơ tay và đẩy một tấm vỉ sắt mở ra. Sau khi họ trèo lên nền tháp, ông đẩy nó lại vì nó là một phần sàn. Ván gỗ, đã bị vỡ và sạm đi theo thời gian, ghép thành khoảng giữa nền tháp, nhưng ở xung quanh, sàn là một loạt những tấm vỉ chắn vuông, có thể nhìn xuyên qua và mở ra đóng lại. Khi chúng được đẩy vào chỗ thì ta có thể đi lại an toàn, nhưng nếu có một tấm để mở, ta có thể té xuống từ độ cao gần hai mươi thước.

“Này, nhìn kia kìa.” Ed chỉ tới chỗ nền tháp phía xa, nơi một tấm vỉ đang mở toác.

“Cái quái gì vậy?” Joe kêu lên khi họ đi lại đó. Nhìn xuống, họ thấy hẳn trong bùn là cái hình người méo mó ở chỗ vừa nãy là thi thể của Chase. Thứ bùn vàng vàng nhóp nhép và bèo tấm đã bị bắn tóe ra xung quanh như một bức tranh vẩy màu.

“Cái này không hợp lý,” Ed nhận xét. “Nhiều khi mọi người vẫn quên đóng tấm vỉ phía trên thang. Anh biết mà, trên đường họ trèo xuống ấy. Chúng ta đã thấy cái vỉ đó mở sẵn vài lần, nhưng những tấm khác thì hầu như không bao giờ để mở.”

“Tại sao Chase lại mở cái này ra? Sao lại có người mở nó chứ?”

“Trừ phi họ lập mưu đẩy người khác ngã chết,” Ed nói.

“Vậy sao sau đó họ không đóng nó lại?”

“Bởi vì nếu Chase tự ngã, cậu ta không thể đóng vỉ lại. Phải để nó mở cho giống một vụ tai nạn.”

“Nhìn cây xà dưới lỗ hồng kìa. Nó bị gãy vỡ hết rồi.”

“Ừ, tôi có thấy. Chase hẳn đã đập đầu vào đó khi bị ngã.”

“Tôi sẽ trèo ra đó, tìm mẫu máu hoặc tóc. Thu vểt gỗ vụn.”

“Cảm ơn Joe. Và chụp vài ảnh cận cảnh nữa. Tôi sẽ đi lấy dây thừng để giữ anh. Chúng ta không cần cùng ngày có hai cái xác trong đồng bùn này. Và ta phải lấy dấu vân tay trên tấm vỉ ở đây, tấm vỉ đầu cầu thang, trên lan can và ban công nữa. Bất cứ thứ gì người ta có thể đựng vào. Và lấy cả mẫu tóc, sợi vải.”

Hơn hai tiếng sau, họ duỗi lưng cho đỡ mỏi vì liên tục khom khom cúi cúi. Ed cất lời, “Tôi không nói là đã có hành vi phạm tội. Còn quá sớm. Mà hơn nữa, tôi cũng không nghĩ ra ai lại muốn giết Chase.”

“Ừm, tôi nghĩ là có cả một danh sách đấy,” phó cảnh sát trưởng đáp lại.

“Ví dụ như ai? Anh nói gì vậy?”

“Thôi nào, Ed. Anh biết Chase ra sao mà. Chung chạ bừa bãi, chim chuột khắp nơi như bò đực xông chuồng sau khi bị nhốt lâu ngày. *Chước* khi cưới, sau khi cưới, với gái độc thân, với phụ nữ có chồng. Tôi đã thấy mấy con chó đực hành xử tốt hơn thế.”

“Thôi nào, cậu ta đâu có tệ vậy. Phải. Chase có tiếng trắng hoa. Nhưng tôi không thấy có người nào trong thị trấn này phạm tội giết người vì thế.”

“Tôi chỉ muốn nói là có người không thích Chase thôi. Vài ông ch ờng ghen tuông nào đó. Nhất định là người cậu ta biết. Người mà tất cả chúng ta đều biết. Khó có khả năng Chase trèo lên đây với người lạ,” Joe nhận định.

“Trừ phi cậu ta nợ ngập rốn một kẻ nào đó không ở trong vùng. Chuyện gì đó kiểu vậy mà chúng ta không biết. Và phải là một gã đủ khỏe để đẩy ngã Chase Andrews nữa. Chẳng phải việc dễ dàng đâu.”

Joe đáp luôn, “Tôi đã nghĩ ra vài người đủ đi ều kiện.”

Chiếc thuyền và cậu bé



1952

Một buổi sáng, ba, đã cạo râu nhẵn nhụi và mặc chiếc áo sơ mi cài kín cổ nhẵn nhúm, đi vào nhà bếp và nói ông sẽ bắt xe buýt Trailways đi Asheville để thảo luận vài vấn đề với quân đội. Ông cho rằng mình còn vài thương tật người ta nợ chưa chi trả, ông phải đi làm cho ra lẽ, chắc cũng ba, bốn ngày sẽ không về. Trước đây ông chẳng bao giờ nói Kya biết công chuyện của ông là gì, ông đi đâu, hay chừng nào ông về nhà, thế nên đứng đó trong bộ quần yếm ngắn cũn, con bé tròn mắt nhìn ông, im thít.

“*Tao tỉnh* chắc mày điếc và đần như tất cả mấy đứa dở hơi,” ông nói, để cánh cửa hiên đằng sau đóng sập lại.

Kya nhìn ông lê bước trên lối mòn, chân trái quặt sang bên phải ra trước. Mấy ngón tay nó bấu chặt vào nhau. Có lẽ tất cả bọn họ đều sẽ rời bỏ nó, từng người một mất hút cuối lối nhỏ này. Khi ba tới đường cái và bất thình lình nhìn lại, nó vung tay lên và vẫy thật mạnh. Một cố gắng để níu giữ ông. Ba giờ tay lên trong động tác chào nhanh, kiểu như muốn gạt đi. Nhưng vậy vẫn là một cái gì đó. Vẫn nhiều hơn việc má đã làm.

Từ nhà, con bé lững thững bước ra phá, nơi nắng sớm bắt được ánh lấp lánh trên hàng trăm đôi cánh chuồn chuồn. Những cây sậy và bụi cây dày bao quanh khoảng nước sâu, trùm lên nó bóng tối như hang động, và con bé dừng lại khi thấy thuyền của ba buộc bập bênh ở đó. Nếu Kya đi

thuyền vào đồng lầy và ba phát hiện, ông sẽ quất nó bằng dây nịt. Hoặc bằng mái chèo ông để bên cửa hiên; cái “gậy chào đón”, Jodie gọi vậy.

Có lẽ khao khát vươn ra xa hơn đã kéo con bé về phía chiếc thuyền – một xuồng máy bằng kim loại, đáy phẳng, dáng cong lên mà ba dùng đi câu cá. Kya đã ra ngoài trên chiếc thuyền đó cả đời mình, thường là cùng với Jodie. Thỉnh thoảng thẳng anh cho nó lái. Con bé thậm chí còn biết lối đi qua một số con kênh và cửa sông rồi rầm uồn lướt xuyên mảng chầy vá đất và nước, nước và đất, cuối cùng ra biển. Bởi vì dù biển ở ngay bên kia hàng cây bao quanh lán, cách duy nhất để đến đó bằng thuyền là đi về hướng ngược lại, vào trong đất lầy, và luồn lách qua hàng dặm mê cung kênh rạch mà cuối cùng cũng vòng trở lại đại dương.

Vậy nhưng chỉ mới lên bảy và là con gái, Kya chưa bao giờ lấy thuyền đi một mình. Con thuyền bập bành ở đó, được buộc bằng dây cotton vào một gốc cây đã đổ thân. Bùn xám, dụng cụ câu cá cũ sờn, và mấy lon bia bị bẹp một nửa rải đầy lòng thuyền. Bước lên, con bé nói, “Phải kiểm tra xăng như anh Jodie bảo, để ba không biết mình lấy nó.” Rồi Kya chọc một cọc sậy đứt vào bình xăng hoen rỉ. “Đủ để đi một quãng ngắn, mình nghĩ thế.”

Như bất cứ tên trộm giỏi nào, nó nhìn quanh quất rồi giật sợi dây tuột khỏi gốc cây, và đẩy thuyền tiến lên bằng mái chèo duy nhất. Đám mây chuồn chuồn lặng lẽ tách ra trước mặt con bé.

Không cưỡng lại được thôi thúc, Kya kéo dây khởi động và giật mình lùi lại khi máy nổ, phát tiếng lụp bụp và ợ ra khói trắng nhờ. Nắm lấy cần lái, con bé đẩy nó quá xa, và con thuyền ngoặt qua thật gắt, động cơ rít lên chói lói. Kya vội buông cần, giơ tay lên, và thuyền dần êm lại, nhẹ trôi và khẽ rừ rừ.

Khi gắp rắc rối; hãy buông tay thôi. Trở lại thành thời.

Cho thuyền tăng tốc, lần này nhẹ nhàng hơn, con bé lái vòng tránh cây bách già đã đổ và *phụt; phụt; phụt* qua đồng cảnh vùn của ổ hải ly. Rồi nín thở, nó lái về phía cửa vào phá nước khuất sau bụi mâm xôi rậm rạp. Hụp xuống né mấy cành mọc thấp của những thân cây khổng lồ, Kya chầm chậm len qua hơn chín mươi thước um tùm bụi rậm, nhẹ nhàng như lũ rùa tuột xuống nước từ những khúc gỗ trôi. Một thảm bèo cám lênh bênh phủ lên mặt kênh màu xanh như mái che rợp lá trên đầu, tạo thành một đường hầm lục bảo. Cuối cùng, đám cây cối rẽ ra, và Kya trượt vào một không gian của ngọn cỏ vươn cao với bầu trời vời vợi, và tiếng chim lanh lảnh vút trời. Khung cảnh mà một chú chim non sẽ thấy, con bé nghĩ, khi chú cuối cùng cũng mổ vỏ chui ra.

Kya lướt đi thông thả, con bé là một chấm nhỏ xíu trên thuyền, hết quay bên này lại ngó bên kia khi những cửa sông vô tận tách ra và đan lại trước mắt nó. *Cứ đi về bên trái tại mọi ngã rẽ ra*, Jodie đã dặn. Con bé gần như không đụng vào cần lái, đưa thuyền trôi nhẹ trên nước, để tiếng động phát ra thật nhỏ. Khi nó vòng qua một đám sậy, một chú hươu cái đuôi trắng với đũa con mới sinh dịp xuân rồi đang đứng tóp nước. Đầu chúng ngẩng phắt lên, vẩy những giọt nhỏ qua không khí. Kya không dừng lại vì thế thì chúng sẽ bỏ chạy, một bài học con bé học được khi quan sát lũ gà rừng: nếu ta hành xử như kẻ săn mồi, chúng sẽ hành xử như con mồi. Cứ để mặc chúng, chậm rãi đi tiếp. Nó lững thững trôi qua, và mấy chú hươu đứng im như cây thông cho đến khi Kya biến mất sau lùm cỏ nước mặn.

Con bé đi vào một nơi có những phá nước tắm tối nơi thất lại của rừng sồi, và nhớ rằng có một con kênh ở phía xa chảy ra một cửa sông rộng lớn. Vài lần con bé đụng phải ngỗ cụt, phải quành về để đi ngã khác.

Nó ghi lại hết những cột mốc trong trí nhớ để có thể trở lại. Cuối cùng, cửa sông phori ra trước mắt con bé, mặt nước trải dài mênh mông đến nỗi nó thấm hết cả bầu trời và mọi đám mây.

Triều đang rút dần, con bé biết vậy nhờ đường mép nước dọc bờ kênh. Khi triều xuống đủ, bất kỳ lúc nào kể từ giờ, vài kênh lạch sẽ cạn nước và thuyền Kya sẽ vướng phải lòng kênh rồi mắc cạn. Nó phải quay về trước lúc đó.

Khi con bé vòng qua một đám cỏ cao, đột nhiên mặt biển – xám xịt, nghiêm khắc và rung lên từng nhịp không ngừng – bỗng trở nên cau có. Những con sóng ập vào nhau, bị nhấn chìm trong chính làn bọt trắng của chúng, rồi vỡ tan thành muôn mảnh trên bờ với những tiếng ầm ầm vang động – năng lượng tìm kiếm một bãi đáp. Rồi chúng xếp xuống thành lưới bọt êm ả, chờ đợt trào dấy tiếp theo.

Ngọn sóng bạc khiêu khích con bé, thách nó xông qua vách sóng và đi vào biển, nhưng không có Jodie, dũng khí của nó lung lay. Dù sao cũng đến lúc quay lại rồi. Mây tích báo hiệu sắp sấm sét hiện ra cuộn cuộn phía tây bầu trời, tạo thành những cây nấm xám khổng lồ cồng kềnh như muốn vỡ.

Không có người nào nữa, chẳng có cả những chiếc thuyền thấp thoáng xa xa, nên thật ngạc nhiên khi nó trở lại cửa sông và thấy ở đó, gần bụi cỏ đồng lầy, là một cậu bé ngồi câu trên một chiếc xuồng tải toại khác. Lối con bé đi qua sẽ chỉ cách cậu sáu thước. Lúc này, mọi thứ ở Kya đều toát lên cái vẻ đờ đẫn lầy – tóc bị gió thổi rối bời, má bột bụi loang lổ vệt gió.

Hết xăng hay gặp bão cũng không làm con bé hoảng như gặp người lạ, đặc biệt là con trai. Má đã dặn mấy chị của nó coi chừng bọn họ; nếu ta trông có vẻ hấp dẫn, họ sẽ biến thành dã thú. Mím môi lại thật chặt, con bé

nghe, *Mình làm gì bây giờ? Mình phải đi qua sát anh ta.*

Từ khoe mắt, Kya thấy cậu bé nọ khá gầy, những sợi tóc xoắn vàng nhét dưới chiếc nón bóng chày đỏ. Lớn hơn nó, mười một tuổi, có lẽ mười hai. Mặt con bé nghiêm lại khi tới gần đó, nhưng cậu mỉm cười với nó, ấm áp và cởi mở, tay chạm lên rìa nón như quý ông chào một quý cô xinh đẹp vận đầm dài trang trọng và đội bon-nê. Kya gạt đầu nhẹ rồi nhìn về phía trước, đẩy cần gạt tăng tốc và đi qua cậu.

Tất cả những gì con bé nghĩ được lúc này là trở lại vùng quen thuộc, nhưng chắc hẳn ở đâu đó nó đã rẽ sai đường, vì khi đến chuỗi phá nước thứ hai, nó không tìm thấy con kênh dẫn về nhà nữa. Chạy vòng vòng, gần sát những cây sồi với bụi hương đào, con bé tìm mãi miết. Cảm giác hoảng hốt chần chừ dâng lên. Bây giờ bờ cỏ, bãi cát và khúc quanh trông giống hết nhau. Kya tắt máy và đứng lên ngay giữa thùyên, giữ thăng bằng với hai chân giạng rộng, cố gắng nhìn qua đám cây nhưng không được. Nó ngã xuống. Lạc lối, rồi bời. Sắp hết xăng. Bão đang tới.

Trộm lấy từ cửa ba, con bé rửa anh nó vì đã bỏ đi. “Chết tiệt, Jodie! Xịt ra lửa rồi té vô đó đi. Anh cứ xịt ra lửa rồi té vô đó.”

Con bé thút thít một tiếng khi chiếc thùyên trôi trên dòng chảy nhẹ. Những đám mây dần lấn lướt mặt trời, trôi đi nặng nề nhưng lặng lẽ trên cao, xô đẩy bầu trời và lôi bóng tối phủ lên mặt nước trong trẻo. Bão có thể tới bất cứ lúc nào. Tệ hơn, nếu Kya lang thang quá lâu, ba sẽ biết nó lấy thùyên. Con bé tiến về trước; có lẽ nó có thể tìm cậu trai nọ.

Vài phút đường lạc đưa tới một khúc quanh và cửa sông ở ngay phía trước, bên kia là cậu bé trên thùyên. Bầy diệc bạch bay vút lên, một hàng những lá cờ trắng chấp chới trên nền mây xám cuộn cuộn. Kya ghim ánh mắt vào cậu. Sợ tới gần, cũng sợ không tới. Cuối cùng, con bé băng qua

cửa sông.

Cậu ngẩng nhìn khi nó tiến lại.

“Chào,” cậu nói.

“Chào.” Con bé nhìn qua vai cậu vào đám sậy.

“Nhóc đi đâu vậy?” cậu hỏi. “Không phải ra biển, anh hy vọng thế. Bão đang tới.”

“Không,” nó đáp, nhìn xuống nước.

“Nhóc có sao không?”

Cổ họng con bé nghẹn lại, chặn tiếng thổn thức. Nó gật đầu nhưng không nói nên lời.

“Nhóc bị lạc hả?”

Nó gật lần nữa. Sẽ không khóc như một đứa con gái.

“Ừ. Anh cũng lạc suốt,” cậu nói và mỉm cười. “Này, anh biết nhóc. Nhóc là em gái của Jodie Clark.”

“Đã từng thôi. Anh đi r ồi.”

“Ừ, nhưng nhóc vẫn là em của...” R ồi cậu bỏ lửng câu nói.

“Làm sao anh biết em?” Con bé ném một cái nhìn nhanh, thẳng vào mắt cậu.

“À, anh từng câu cá với Jodie vài bận. Anh có thấy em mấy lần. Lúc đó em nhỏ xíu. Em tên Kya, phải không?”

Có người biết tên nó. Con bé ngạc nhiên. Cảm thấy được neo vào chỗ nào đó, và được giải phóng khỏi cái gì đó.

“Dạ. Anh biết nhà em? Đường về từ chỗ này?”

“Anh nghĩ mình biết. Dù sao cũng tới giờ r ồi.” Cậu gật đầu về phía

những tảng mây. “Đi theo anh.” Cậu thu dây câu, cất đờ vào hộp rỗ nổ máy thuyền mình. Vừa băng qua cửa sông cậu vừa vẫy vẫy, và con bé lái theo. Cho thuyền chạy chậm, cậu tiến thẳng về con kênh bên phải, ngoái nhìn để đảm bảo Kya có rẽ theo và tiếp tục đi tới. Ở khúc quanh nào cậu cũng làm vậy cho tới chỗ phá nước cây sồi. Khi cậu đi vào con kênh mờ tối hướng về nhà con bé, Kya nhận ra chỗ nó đã rẽ nhầm và chẳng bao giờ phạm sai lầm đó nữa.

Cậu trai dẫn lối cho Kya – ngay cả khi con bé vẫy tay ra hiệu nó đã biết đường – băng qua phá nước của nó, tới tận bờ nơi cái lán ngỗ thụp giữa rừng. Con bé cho thuyền chạy tới cây thông già ngập nước và cột lại. Thuyền cậu dạt xa khỏi thuyền nó, dập dềnh trên đường rẽ nước đối ngược của hai thuyền.

“Nhóc ổn rồi hén?”

“Dạ.”

“Ừ, bão sắp tới rồi, anh nên *dọt* thôi.”

Con bé gật đầu, rồi nhớ lại lời má dặn. “Cảm ơn anh.”

“Được rồi, vậy nhé. Tên anh là Tate, phòng khi nhóc gặp lại anh.”

Con bé không trả lời nên cậu nói, “Tạm biệt.”

Khi cậu trai đi xa, mưa chậm rãi rớt hạt lộp độp lên bờ phá và Kya nói, “Trời sẽ mưa xối xả; cái anh đó sẽ ướt nhẹp.”

Con bé cúi xuống bình xăng và chọc vào đó một cọng sậy làm que đo, không quên chụm tay che miệng bình để nước mưa không nhỏ vào. Nó có thể không biết đếm tiền nhưng vẫn biết chắc là không thể để nước lọt vào xăng.

Xăng thấp quá. Ba xẻ biết cho mà xem. Mình phải vác một cái bình

tới Sing Oil trước khi ông đi

Con bé biết người chủ, ông Johnny Lane, luôn gọi cả nhà nó là thứ rác rưởi đần lầy, nhưng có phải đối phó với ông ta, cơn bão và con sóng cũng đáng lắm, bởi vì tất cả những gì nó nghĩ tới lúc này là trở lại không gian của cỏ, trời và nước ngoài kia. Một mình, nó đã hoảng sợ, nhưng cái đó đã thành nỗi phấn khích râm ran. Ngoài ra còn một cái gì khác nữa. Sự điềm tĩnh của cậu trai. Con bé chưa từng biết ai nói chuyện hay cử động vững vàng như vậy. Thật chắc chắn và dễ dàng. Chỉ cần ở gần cậu, thậm chí không gần lắm, con bé cũng nhẹ bớt căng thẳng. Lần đầu tiên kể từ khi má và Jodie bỏ đi, nó mới thở được mà không nghe đau nhói; cảm thấy một cái gì khác ngoài cơn đau. Con bé cần chiếc thuyền này và cậu trai đó.

Cùng buổi chiều nọ, cần tay lái xe đạp, Tate Walker thả bước qua thị trấn, gật đầu chào cô Pansy ở tiệm năm xu một hào rồi đi ngang Western Auto tới mũi cầu tàu. Cậu quét mắt qua mặt biển tìm thuyền câu tôm của cha, chiếc *The Cherry Pie*, và phát hiện màu sơn đỏ thắm của nó phía xa, cánh lưới rộng đập dềnh trên sóng. Khi thuyền lại gần, được hộ tống bởi đám mây mỏng biển của riêng nó, Tate vẫy tay và cha cậu, một người đàn ông to lớn có bờ vai như núi, mái tóc đỏ dày và bộ râu rậm, vung tay lên không. Scupper, như cách mọi người trong làng vẫn gọi ông, ném dây cho Tate buộc thuyền lại, rồi cậu nhảy lên thuyền giúp đội của cha dỡ mẻ tôm.

Scupper vò rối tóc Tate. “Sao rồi con trai? Cảm ơn con đã ghé lại.”

Tate mỉm cười, gật đầu. “Dạ có gì đâu.” Hai cha con và đội thuyền bận rộn chạy tới chạy lui, chắt tôm vào thùng, khiêng chúng lên cầu tàu, í ới gọi nhau làm vài ly bia ở quán Dog-Gone, hỏi Tate về trường học. Cao

hơn một cánh tay so với người khác, Scupper xốc lên ba thùng một lượt, khiêng chúng qua cầu ván rồi trở lại lấy thêm. Năm tay ông như tay gấu, khớp đốt ngón tay trầy xước và nứt nẻ. Trong chưa đầy bốn mươi phút, boong thuyền đã được xịt nước, lưới buộc lại, dây cột chặt.

Scupper bảo các bạn thuyền rằng hôm khác sẽ cụng ly với họ; ông phải sửa chữa chút trước khi về nhà. Trong buồng lái, ông để một đĩa than 78 phát giọng ca Miliza Korjus lên cái máy hát buộc vào quây rồi vặn tiếng lên. Ông cùng Tate đi xuống và chui vào buồng máy, ở đó Tate đưa đồ nghề cho cha còn ông bôi dầu các bộ phận và siết bu-lông chặt lại dưới ánh sáng lò mờ của một bóng đèn. Trong lúc đó, tiếng hát opera du dương, cao vút bay bổng lên trời.

Ông sơ của Scupper, di cư tới từ Scotland, đã bị đắm tàu ngoài khơi Bắc Carolina vào những năm 1760 và là người duy nhất sống sót. Ông đã bơi vào đất liền, lên bờ biển Outer Banks, tìm một người vợ và trở thành cha của mười ba đứa trẻ. Nhiều người có thể truy nguồn gốc của họ về cái ông Walker đó, nhưng hai cha con Scupper và Tate chẳng nói gì mấy với người ngoài. Không thường tham gia dã ngoại ngày chủ nhật chén xà lách gà và trứng nhĩ với bà con họ hàng, không như khi mẹ và em gái Tate còn ở đó.

Cuối cùng, trong hoàng hôn ngả xám, Scupper vỗ vai Tate. “Xong hết rồi. Về nhà ăn tối thôi.”

Họ đi ngược cầu tàu, xuôi Phố Main, rồi ra một con đường quanh co về nhà họ, một căn nhà hai tầng có lớp ván gỗ tuyết tùng bọt bọt mưa gió xây từ thế kỷ 19. Vành cửa sổ trắng đã được sơn mới, và thảm cỏ trải rộng gần tới biển được cắt tỉa gọn gàng. Thế nhưng những cây đỗ quyên và bụi hồng cạnh nhà lại ủ ê trong cỏ dại.

Cởi bỏ đôi ủng vàng tại tiều sảnh, Scupper hỏi, “Con ngán burger chưa?”

“Không bao giờ ngán burger hết ạ.”

Tate đứng tại bàn bếp, bốc những nắm thịt mềm nặn thành miếng dẹt rồi để chúng lên đĩa. Mẹ và em gái cậu, Carianne, cả hai đều đội nón bóng chày, đang mỉm cười với cậu từ bức ảnh treo bên cửa sổ. Carianne thích cái nón Atlanta Crackers đó cực kỳ, đi đâu cô bé cũng đội nó.

Tate ngoảnh mặt khỏi bức ảnh, bắt đầu xắt cà và khuấy đậu hũ. Nếu không phải vì cậu, lúc này họ sẽ ở đây. Mẹ phết mỡ lên một con gà, Carianne cắt bánh mì nhỏ.

Như thường lệ, Scupper chiên thịt hơi khét, nhưng miếng nào miếng nấy cũng mọng nước bên trong và dày như một cuốn danh bạ điện thoại thành phố. Đói ngẫu nên hai cha con im lặng ăn trong một lúc, rồi Scupper hỏi Tate về trường học.

“Môn sinh học khá hay, con thích nó, nhưng tụi con đang học thơ ở lớp Anh ngữ. Không thể nói là con khoái nó lắm. Mỗi đứa tụi con phải đọc to một bài. Cha từng ngâm mấy bài thơ, nhưng con không nhớ chúng.”

“Cha có một bài cho con đây, con trai,” Scupper gợi ý. “Bài cha thích nhất – *Lễ hỏa táng Sam McGee* của Robert Service. Từng đọc cho cả nhà nghe. Là bài mẹ con thích nhất. Lần nào cha đọc nó mẹ cũng bật cười, không chán bao giờ.”

Tate cúi xuống khi nghe nhắc đến mẹ, đẩy đẩy mấy hạt đậu vòng vòng.

Scupper tiếp tục. “Đừng coi thơ là cái chỉ dành cho bọn ẻo lả. Dĩ nhiên là có mấy bài thơ tình sướt mướt, nhưng cũng có bài tếu tếu, dí dỏm, nhiều bài về thiên nhiên, thậm chí cả chiến tranh. Toàn bộ ý nghĩa của

chúng là chúng làm con cảm thấy một điều gì đó.” Cha Tate đã nhiều lần bảo cậu rằng định nghĩa về một người đàn ông là người khóc mà không xấu hổ, đọc thơ bằng cả trái tim, cảm nhận được opera trong tâm hồn, và làm việc cần làm để bảo vệ một người phụ nữ. Scupper bước ra phòng khách và nói vọng lại, “Cha trước thuộc nằm lòng gần hết cả bài, nhưng giờ thì chịu. Nhưng đây, cha đọc cho con.” Ông ngẩng vào bàn và bắt đầu ngâm. Khi ông đọc tới đoạn này:

“Và Sam ngồi đó, nhẹ nhàng thư thái, ở giữa là lò lửa thét gầm;

Ông nở nụ cười có thể thấy từ xa cả dặm, và ông nói,

‘Làm ơn khép cửa lại.

Trong này ổn lắm, nhưng tôi rất sợ bạn sẽ đi lên vào cái lạnh với bão giông...

Kể từ khi rời Plumtree ở mãi tận Tennessee, đây là lần đầu tiên tôi được ấm.’ ”

Scupper và Tate cười khẽ.

“Mẹ con lúc nào cũng bật cười ở chỗ đó.”

Họ mỉm cười, nhớ lại. Ngồi lặng một phút. Rồi Scupper nói ông sẽ dọn rửa trong khi Tate làm bài tập về nhà. Trong phòng cậu, lướt qua những cuốn thơ để chọn bài đọc trước lớp, Tate tìm được một bài của Thomas Moore:

...cô đã đến Hồ ở Đêm lây Ấm đạm

Nơi đêm trường, bên ngọn đèn đom đóm,

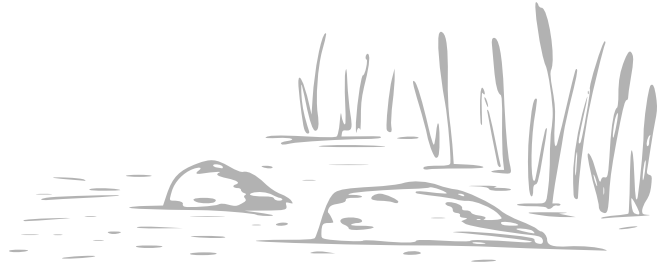
Cô khua mái chèo đưa xuống trăng trôi xuôi.

Và ngọn đèn đom đóm của cô, tôi sẽ thấy sớm thôi,

*Cũng như tiếng mái chèo khuấy nước;
Yêu thương dài lâu là cuộc đời ta có được,
Và tôi sẽ giấu nàng trong cây bách ấy,
Khi tiếng bước chân của cái chết cận kề.*

Lời thơ làm cậu nghĩ tới Kya, em gái Jodie. Cô nhóc trông quá nhỏ bé và đơn độc giữa dải đồng lầy rộng lớn. Cậu tưởng tượng chính em mình lạc lõng ngoài đó. Cha cậu nói đúng – những bài thơ khiến ta cảm nhận một điều gì đó.

Mùa câu cá



1952

Tối hôm đó, sau khi được cậu trai câu cá dẫn lối qua đồng lầy đưa về nhà, Kya ngẩng bắt tréo chân trên cái giường ngoài hiên. Sương mờ từ trận mưa xối xả thấm qua tấm lưới hiên chấp vá, mờn man mặt con bé. Nó nghĩ về cậu trai. Ân cần mà mạnh mẽ, như Jodie vậy. Hồi này con bé chỉ thi thoảng mới nói chuyện với ba và ít hơn nữa, là với cô tính tiền ở Piggly Wiggly, cô Singletary, người mà gần đây đã bắt đầu dạy Kya sự khác nhau giữa đồng hai mươi lăm xu, năm xu với một hào – đồng một xu thì con bé đã biết. Nhưng cô Singletary cũng có khi tò mò nhiều chuyện.

“Mà này, cháu cưng, tên cháu là *dì* vậy? Sao mẹ cháu không tới *nửa*? Không thấy cô ấy từ hồi củ cải trở ra.”

“Má bận rất nhiều việc nhà nên sai cháu đi chợ.”

“Ừ, cháu yêu, nhưng cháu chẳng bao giờ mua đủ cho cả nhà cháu.”

“Cô biết đó, cháu phải đi thôi. Má cần số bột này liền.”

Mỗi khi có thể, Kya tránh cô Singletary và tới chỗ cô tính tiền còn lại, cô này chẳng tỏ ra chút hứng thú nào ngoài bảo rằng con nít không nên chân không mà đi chợ. Con bé định đáp là nó không định nhặt nho bằng ngón chân nó. Dù sao thì ai mà mua nổi nho chứ?

Càng ngày Kya càng chẳng nói chuyện với ai ngoài bày mòng biển.

Con bé tự hỏi liệu nó có thể giao kèo với ba sao đó để được dùng thuyền. Ra ngoài đồng lầy, nó có thể nhặt lông chim với vỏ sò và biết đâu thì thoảng gặp cậu trai nọ. Con bé chưa bao giờ có bạn, nhưng nó cảm thấy một người bạn cũng có lúc cần đến, có sức hấp dẫn. Cả hai có thể bơi thuyền đi loanh quanh các cửa sông, khám phá khu đầm. Cậu trai có thể chỉ coi nó là đứa con nít, nhưng cậu biết đường đi lối lại chốn đồng lầy và có thể dạy nó.

Ba không có ô tô. Ông dùng thuyền để đi câu, để vào phố, để lèo lái qua đầm lầy tới Swamp Guinea, một quán bar kiêm sòng poker tàn tạ nổi với đất liền bằng cây cùi ván ọp ẹp chạy xuyên đám cỏ đuôi mèo. Dừng nên từ ván ghép thò dưới một mái che bằng thiếc, quán lộn xộn đủ thứ đồ người ta bỏ đại vào, sàn mấp mô cao thấp khác nhau tùy mấy chân gạch xương xẩu như cẳng gà chống lên bao nhiêu trên đầm nước. Khi ba tới đó hay chỗ nào khác nữa, ông dùng thuyền, chỉ thảng hoặc mới đi bộ, vậy việc gì ông lại cho nó mượn?

Nhưng ba vẫn để các anh nó dùng thuyền khi ông không xài tới, chắc vì họ bắt cá làm bữa tối. Con bé không khoái gì việc câu cá, nhưng chắc nó có thể đổi bằng thứ gì khác, cho rằng đó là cách để nói chuyện được với ông. Có thể là nấu ăn, làm thêm việc nhà, cho đến khi má trở lại.

Mưa tạnh dần. Một hạt riêng lẻ rơi xuống đầu đó, lay động một chiếc lá như cái phẩy nhẹ của tai mèo. Kya bật dậy, dọn sạch bên trong tủ, chùi sàn bếp ván ép ố bẩn, và cạo lớp bột cháo đóng dày hàng tháng trên lò củi. Sáng sớm hôm sau, nó giặt đóng khăn trải giường của ba, vốn nùng nặc mùi mồ hôi và rượu, rồi vắt chúng lên tán cỏ. Con bé dọn cả phòng của các anh nó, không lớn hơn là bao so với một buồng nhỏ để đồ, vừa phủi bụi vừa quét tước. Vớ dơ hầy chất đóng ở trong cùng tủ chứa và mấy cuốn

truyện tranh vàng ố để bữa cạnh hai tấm nệm bần trên sàn. Con bé cố lục lại trong trí nhớ gương mặt các anh, những bàn chân đi cùng đồng vớ, nhưng chi tiết cứ nhòe nhoẹt. Cả khuôn mặt Jodie cũng mờ dần; Kya thoáng thấy được cặp mắt anh, rồi chúng trôi tuột đi, nhắm lại.

Sáng hôm sau, ôm theo cái bình cỡ bốn lít, con bé rảo bước xuôi dài đường cát tới tiệm Piggly mua diêm, xương ống và muối. Chừa lại hai hào. “Không mua sữa được, phải mua xăng.”

Nó dừng chân ở trạm xăng Sing Oil ngay ngoài Vững Barkley, cái trạm đứng giữa một cụm thông, vây quanh là mấy chiếc xe tải rỉ sét và ô tô cọc cạch để trên móng bê tông khối.

Ông Lane đã thấy Kya đi tới. “*Cúc* khỏi đây, con nhãi ăn mày. Thứ rác rưởi đờng lầy.”

“Cháu có tiền đây ông Lane. Cháu cần xăng và dầu cho thuyền máy của ba.” Con bé giơ ra hai hào, hai đồng năm xu và năm xu lẻ.

“Hừ, chả bỏ công ta với móng tiền còm cõi đó, nhưng thôi đưa đây.” Ông với tay lấy cái bình chứa vuông móp méo.

Con bé cảm ơn, ông Lane lại gằn gừ lằn nữa. Số đồ dùng và xăng nặng hơn qua từng dặm đường về, và phải một hồi lâu con bé mới tới nhà. Cuối cùng, dưới bóng cây trùm lên phá nước, nó đổ xăng vào bình chứa trên thuyền rồi cọ thuyền bằng giẻ và cát ướt cho đến khi bề mặt kim loại bên hông lộ ra qua lớp bùn cáu ghét.

Vào ngày thứ tư kể từ lúc ba đi, con bé bắt đầu ngóng đợi. Đến cuối buổi chiều, nỗi sợ lạnh toát dâng lên và hơi thở của nó cạn đi. Nó lại ở đây nữa

rồi, nhìn xuống con đường nhỏ. Ba tặc là vậy nhưng nó vẫn cần ông trở về. Cuối cùng lúc trời nhá nhem, ông xuất hiện, bước giữa những vết lún trên cát. Con bé chạy vào bếp và bày ra món ra-gu gồm cải bẹ, xương ống và bột ngô. Nó không biết làm nước xốt thịt nên đã rót nước hầm xương – lều bều mỡ trắng – vào một lọ nứt rỗng. Mấy cái đĩa sứ mẻ không cái nào giống cái nào, nhưng con bé đã bày nĩa bên trái, dao bên phải như má từng chỉ. Rồi nó đợi, tựa sát vào tủ lạnh như một con cò bị cán dẹp trên đường.

Ba đập cửa tung ra sập vào tường và băng qua phòng khách tới phòng ngủ trong ba bước, không buồn gọi con bé hay nhìn vào bếp. Vậy cũng bình thường. Con bé nghe ông để vali xuống đất, kéo mở ngăn tủ. Chắc hẳn ông sẽ nhận ra tấm trải giường mới và sàn nhà sạch sẽ. Nếu không phải cặp mắt thì cái mũi ông sẽ phát giác ra.

Sau vài phút ông lại đi ra, bước thẳng vào bếp và nhìn bàn ăn bày sẵn cùng những tô món ăn bốc khói. Ông thấy con bé đứng tựa vào tủ lạnh, và cả hai chăm chăm nhìn nhau như thể trước đó chưa bao giờ thấy người kia.

“Quý ời, con gái, đồng này là *xao* đây? Có vẻ mày *đả* lớn rồi *nhỏ*. Bếp núc đủ thứ.” Ông không mỉm cười, nhưng nét mặt ông bình tĩnh. Ông chưa cạo mặt, mái tóc đen chưa gội xòa xuống thái dương trái. Nhưng ông tỉnh táo; con bé biết những dấu hiệu.

“Dạ ba. Con cũng có làm bánh mì ngô, nhưng nó không ra.”

“Chà, tao cảm ơn. Con gái ngoan dữ. Tao mệt muốn chết và đói ngẫu như heo.” Ông kéo một chiếc ghế ra và ngồi xuống, nên con bé làm theo. Trong im lặng, họ lấy thức ăn vào đĩa và gỡ những miếng thịt dai từ sớ xương ống ít ỏi. Ông cầm lên một khúc xương và hút phần tủy, nước mỡ ươn ướt trên má lún phún râu. Gặm sạch xương cho đến khi chúng lóng trợn như dây lùa.

“Thứ này ngon *đức* bánh kẹp lá cải để lạnh,” ông nhận xét.

“Con ước đã làm được bánh mì ngô. Có lẽ nên cho nhiều soda hơn, ít trứng lại.” Kya không tin nổi là nó đang tiếp tục trò chuyện, nhưng không thể ngừng. “Má làm bánh đó thật ngon, nhưng chắc là con không để ý chi tiết...” Rồi nghĩ rằng mình không nên nói tới má, con bé nín lặng.

Ba đẩy đĩa của ông về phía nó. “Còn đủ cho một miếng nữa *hông?*”

“Dạ ba, còn nhiều.”

“À, và thấy mấy miếng bánh mì đó *dô* món *hầm nửa*. Tao muốn *chấm* nước, và cá là thứ bánh đó dùng được, mềm xốp như bánh bông lan ngô.”

Con bé mỉm cười một mình khi múc ra đĩa cho ba. Ai mà ngờ họ sẽ nhờ bánh mì ngô mà trò chuyện được.

Nhưng bây giờ sau khi nghĩ lại, con bé sợ rằng nếu nó xin được mượn thuyền, ba sẽ nghĩ nó nấu nướng dọn dẹp chỉ để xin xỏ, mà ban đầu thì vậy thật, nhưng giờ dường như có chút khác. Nó thích ngồi lại cùng ăn bữa cơm như một gia đình. Nhu cầu được trò chuyện với ai đó thật là thúc bách.

Vậy nên con bé không tự nhắc tới chiếc thuyền mà ước hỏi, “Thỉnh thoảng con có thể đi câu cá với ba không?”

Ông phá lên cười sảng sặc, nhưng nghe ra sự ân cần. Lần đầu tiên ông cười kể từ khi má và mấy đứa con trước bỏ đi. “Vậy mà *muốn* đi câu hả?”

“Dạ ba, con muốn.”

“Mày là con gái,” ông nói, nhìn xuống đĩa, gặm xương.

“Dạ ba, con là con gái của ba.”

“Chắc, thỉnh thoảng tao có thể đưa mày ra ngoài.”

Buổi sáng hôm sau, khi nghiêng ngả chạy trên đường cát, hai tay dang thẳng, Kya thổi phì phì tạo ra âm thanh ươn ướt từ môi, nước miếng phun ra. Con bé tưởng tượng nó cất mình lên và lượn qua đống lầy tìm tổ, rồi vút bay song song với đại bàng. Ngón tay biến thành những sợi lông dài mượt, xòe rộng trên nền trời, gom gió về dưới thân mình nó. Rồi đột ngột, con bé bị giật về mặt đất bởi tiếng ba hú gọi từ chỗ đậu thuyền. Đôi cánh vỡ vụn, dạt dầy quấn thắt; ba hẳn đã đoán được con bé lên dùng nó. Chưa gì Kya đã cảm giác được mái chèo đập vào hông và phía sau cẳng chân mình. Con bé biết cách trốn, chờ đến khi ba xỉn, và ông sẽ chẳng bao giờ tìm ra nó. Nhưng nó đã chạy giữa đường, phơi ra trong tầm mắt, và ba đang đứng kia với đủ thứ dây và cọc, ra hiệu cho nó tới gần. Con bé đi lại, im thít, sợ hãi. Mớ dụng cụ câu cá đang bày đầy ra, một túi rượu ngô nhét dưới chỗ ngồi của ba.

“Dô đi” là tất cả những gì ông nói. Con bé bắt đầu bày tỏ niềm vui hay sự biết ơn, nhưng vẻ không cảm xúc của ông khiến nó nín lặng khi bước lên mũi thuyền và ngồi xuống ghế kim loại hướng về phía trước. Ba nó kéo cần gạt và họ tiến dọc con kênh, hụp né mớ cành lá um tùm khi nhẹ trôi dọc ngang luồng lạch, Kya ghi nhớ những thân cành gãy và gốc cây già như biển chỉ đường. Tới một khoảng nước tù, ba tắt máy thuyền và ra hiệu cho con bé ngồi vào ghế giữa.

“Nào, bới ít giun từ cái lon đi,” ông bảo, một điều thuốc cuộn bằng tay vắt vẻo ở khoe miệng. Ông dạy con bé cách bắt mồi, quăng câu và cuốn dây. Dường như ông vận người thành những bộ dáng kỳ quặc để tránh va quệt con bé. Họ chỉ nói chuyện câu cá; không bao giờ đánh liều động tới đề tài khác, cũng không cười nhiều, nhưng trong chỗ quan tâm chung thì

họ cũng ổn. Ông có nhấp chút rượu nhưng bận tay nên không uống nữa. Về cuối ngày, mặt trời thở dài, nhạt dần thành màu bơ, và có thể họ không nhận ra nhưng cuối cùng vai họ cũng buông xuôi và cổ thả lỏng.

Kya thầm mong mình không câu dính cá, nhưng nó chọt nghe dây giật và kéo lên một con cá tráp to, loang loáng ánh lam bạc. Ba nó chồm ra chụp cho vào lưới rồi ngã xuống lại, vỗ gối bồm bộp và hú lên thích thú, một cảnh mà con bé chưa thấy bao giờ. Kya cười tươi và hai cha con nhìn thẳng vào mắt nhau, khép kín một vòng tròn.

Trước khi bị ba nó treo lên, con cá tráp giẫy bành bành trong lòng thuyền và Kya phải trông về một chuỗi bờ nông xa xa, ngắm nghía hình thù mây lơ lửng, bất cứ việc gì để tránh nhìn vào cặp mắt cá chết dần, trọn nhìn một thế giới không có nước, miệng há ra hóp lấy hóp để thứ không khí vô dụng. Nhưng đó là cái giá con bé và con cá phải trả để có chút mẫu gia đình này. Có lẽ thế thì không đáng với con cá, nhưng đành vậy.

Họ đi thuyền ra ngoài lần nữa vào ngày kế tiếp, và trong phá nước tối thẫm, Kya phát hiện nổi trên mặt nước là những chiếc lông ngực mềm mại của một con cú sừng. Cong vút lên ở hai đầu, chúng lững lờ trôi như những chiếc thuyền màu cam nhỏ xíu. Con bé vớt chúng lên và cho vào túi. Lát sau, Kya tìm thấy một tổ chim ruồi bỏ trống bện vào một nhánh cây chìa ra, và nhét nó vào dưới mũi thuyền an toàn.

Tối đó, ba nấu bữa ăn có cá chiên – tẩm bột ngô và tiêu đen – dùng chung với cháo ngô và rau cải. Khi Kya dọn rửa sau đó, ba đi vào bếp, xách theo chiếc ba lô ông được phát hũ Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Đứng gần cửa, ông thấy mạnh nó lên một cái ghế. Nó trượt xuống sàn đánh bịch, làm con bé giật thót và quay phắt lại.

“Mày có thể dùng nó đựng mớ lông vũ, tổ chim và đủ thứ mày *lượm*

về”

“A,” Kya thốt lên. “Dạ, cảm ơn ba.” Nhưng ông đã bước ra ngoài cửa hiên. Con bé cặm lên chiếc ba lô cũ sòn, làm bằng vải bạt chắc chắn dùng được suốt đời và phủ đầy túi nhỏ cùng ngăn chứa bí mật. Dây kéo cực chắc. Con bé nhìn ra cửa sổ. Ba chưa bao giờ cho nó cái gì.

Tất cả những ngày trời trở ám giữa đông và mọi ngày xuân, ba và Kya đều ra khỏi nhà, đi thật xa ngược xuôi bờ biển, quăng câu, kéo dây và bắt cá. Dù ở cửa sông hay lạch nước, con bé cũng đưa mắt tìm cậu trai tên Tate và thuyệ̀ṇ cậu, hy vọng gặp lại. Thỉnh thoảng nó nghĩ về cậu, muốn cả hai trở thành bạn nhưng không biết làm thế nào kết thân hay thậm chí làm sao để tìm người. Rồi cứ như thế, một buổi sáng thuyệ̀ṇ họ vòng qua một khúc quanh, và cậu đang câu ở đó, gần như đúng ngay chỗ con bé gặp lần đầu. Lập tức cậu nhăn răng cười và vẫy tay. Không kịp nghĩ, con bé vung tay lên và vẫy lại, gần như mỉm cười. Rồi buông tay nhanh chẳng kém khi ba nhìn nó kinh ngạc.

“Một người bạn của Jodie, trước khi anh bỏ đi,” nó giải thích.

“Mày phải coi chừng *dâng* ở quanh đây,” ông bảo. “Rừng *đầy* lũ da trắng rác rưởi. Bọn người ở chốn này gần như *toàn* thứ vô lại.”

Con bé gật đầu. Muốn ngoảnh nhìn cậu trai nhưng không làm vậy. Rồi lo sợ cậu sẽ nghĩ nó khó gần.

Ba tường tận *đồng* lấy như một con diều hâu biết rõ cánh *đồng* của nó: làm sao để săn, để trốn, để dọa cho kẻ xâm phạm khiếp sợ. Và những câu hỏi mắt tròn xoe của Kya thúc ông giải thích về mùa ngỗng, thói quen

của cá, làm sao để đoán thủy triều từ con sóng và đọc thời tiết từ những đám mây.

Có vài ngày con bé gói theo bữa tối trong ba lô và họ chén bánh mì ngô giòn, món mà nó đã gần nấu thạo, với hành tây xắt sợi, trong khi mặt trời lặn đứng lại trên đầm. Thằng hoặc, ba bỏ quên túi rượu ở nhà và họ uống trà từ những lọ mứt.

“Nhà tao không phải lúc nào cũng *ngoèò*, mày biết không,” ba buột miệng khi họ ngồi dưới bóng sồi một ngày nọ, đang quăng câu qua phá nước nâu vo ve đám côn trùng bay là đà.

“Họ có đất, đất màu mỡ, trồng thuốc lá và *bong* và đại loại vậy. Ở gần Asheville ấy. Bà nội mày đội bon-nê to như bánh xe bò và mặc đầm dài. Bọn tao sống trong một ngôi nhà có *hiêng* chạy hết một *dòng* quanh, cao hai tầng. Nó đã lẩm, hết sức đã.”

Bà. Môi Kya hé ra. Ở đâu đó, nó đang có hoặc từng có một người bà. Bà giờ ở đâu? Kya khao khát muốn hỏi chuyện gì đã xảy ra với mọi người. Nhưng nó sợ.

Ba tự động kể tiếp. “Rồi mọi thứ đổ bể ráo. Hầu hết thời gian đó tao là một thằng nhỏ nên không rành lắm, nhưng có vụ *Khúng* hoảng, *bong* bị một phá, tao không biết tất cả, rồi mọi thứ mất hết. Thứ duy *nhứt* còn lại là nợ, cả đồng nợ.”

Với những chi tiết sơ sài trên, Kya chập vật hình dung quá khứ của ba. Không có gì vênh vãi xưa của má. Ba sẽ nổi điên nếu có người nhắc tới cuộc sống của họ trước khi Kya được sinh ra. Con bé biết gia đình mình từng sống ở đâu đó rất xa đồng lầy, gần những người ông người bà khác, nơi má đã mặc những bộ váy mua ở cửa hàng có dây nút nhỏ đẹp như ngọc, có ruy băng bằng xa-tanh với viền ren. Sau khi họ chuyển vào cái lán, má cất

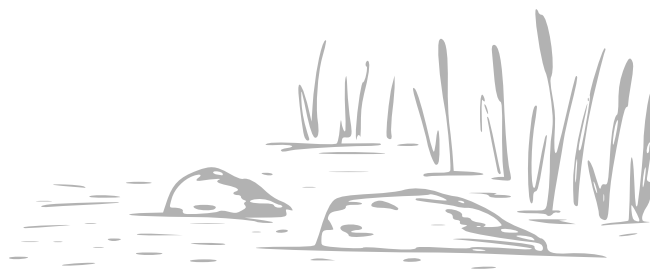
những chiếc váy trong rương, cứ vài năm lại lấy ra một chiếc, lột nó làm áo khoác mặc làm việc vì không có tiền mua đồ mới nữa. Giờ thì số áo xống đẹp để đó cùng câu chuyện của chúng đã không còn, cháy rụi trong đồng lửa ba đốt lên sau khi Jodie bỏ đi.

Kya và ba quăng câu vài lần nữa, dây câu của họ vút qua đám bụi phấn lơ lửng trên mặt nước lặng, và con bé nghĩ câu chuyện tới đó là hết, nhưng ba nói tiếp, “Ngày nào đó tao *xẻ* đưa mày tới Asheville, cho mày thấy mảnh đất từng là của chúng ta, đúng ra *đã* là của mày.”

Sau một lúc ông giật dây. “Nhìn kia kìa, nhóc cưng, tao bắt được cho chúng ta con cá lớn, bự như Alabamee vậy!”

Trở lại lán, họ chiên cá và bánh ngô viên “mập như *chúng* ngỗng”. Rồi con bé bày bộ sưu tập của nó ra, cẩn thận gắn côn trùng lên mấy miếng các-tông và dính những chiếc lông lên tường phòng ngủ thành một bức tranh mềm, lay động. Lát sau nó nằm trên giường ngoài hiên lắng nghe tiếng thông reo. Con bé nhắm mắt, rồi mở ra trao tráo. “Nhóc cưng,” ba đã gọi nó như vậy.

Dữ kiện vô hiệu



1969

Sau khi xong phần việc đi đầu tra buổi sáng ở tháp phòng cháy, cảnh sát trưởng Ed Jackson và cấp phó Joe Purdue hộ tống Pearl, người vợ góa của Chase, cùng bố mẹ cậu ta, Patti Love và Sam, đến nhìn cậu nằm đắp khăn trên mặt bàn kim loại trong một phòng khám nghiệm lạnh ngắt ở phòng khám địa phương, cũng là nhà xác. Để nói lời tạm biệt. Nhưng việc này quá lạnh lùng với mọi người mẹ, không thể chịu nổi với mọi người vợ trên đời. Hai người phụ nữ phải được dìu ra khỏi đó.

Trở lại văn phòng cảnh sát trưởng, Joe cảm thán, “Chà, thật tệ hại hết sức...”

“Ừ. Không biết làm sao người ta vượt qua được.”

“Sam không nói một lời. Ông ấy chưa bao giờ nói nhiều cả, nhưng chuyện này sẽ giết ông.”

Đồng lầy nước mặn, vài người nói, có thể xori tái một khối xi-măng cho bữa sáng, và ngay cả văn phòng kiểu boong-ke của cảnh sát trưởng cũng không thể ngăn chặn nó. Vết nước, được viên tinh thể muối, chạy ngoằn ngoèo dọc chân tường, và mốc đen lan về phía trần nhà như những mạch máu. Mớ nấm sẫm màu nhỏ xíu ngổn ngáo ở bốn góc phòng.

Cảnh sát trưởng lôi ra chai rượu từ ngăn bàn dưới cùng và rót một

lượng gấp đôi vào hai cốc cà phê. Họ nhấp từng ngụm cho đến khi mặt trời, óng vàng và ngọt tựa bourbon, trượt vào lòng biển cả.

Bốn ngày sau, Joe vung vẩy một mớ tài liệu trên tay đi vào phòng cảnh sát trưởng. “Tôi có báo cáo đầu tiên của phòng khám nghiệm rồi.”

“Xem qua nào.”

Họ ngồi đối diện nhau tại bàn cảnh sát trưởng, xem xét xấp giấy. Thỉnh thoảng Joe vung tay đập một con ruồi.

Ed đọc to, “Thời gian tử vong rơi vào khoảng giữa nửa đêm và hai giờ sáng, khuya 29 rạng 30 tháng Mười, 1969. Đúng như chúng ta nghĩ.”

Sau một phút cảm cúi đọc, ông nói tiếp, “Cái chúng ta có là dữ kiện vô hiệu.”

“Anh nói đúng. *Hông* có gì trong đây hết, cảnh sát trưởng.”

“Ngoại trừ dấu vết hai thằng nhóc đi tới chỗ ngoặt cầu thang thứ ba, không có dấu vân tay mới nào trên tay vịn hay mấy vĩ sắt, không gì cả. Chẳng có của Chase hay bất kỳ ai khác.” Những sợi nắng chiều phủ bóng đen lên gương mặt thường hờn hào của cảnh sát trưởng.

“Vậy có ai đó đã lau sạch chúng. Tất tần tật. Nếu không phải vậy, vì sao lại không có dấu vân tay Chase trên lan can và tấm vĩ chứ?”

“Đúng thế. Đầu tiên chúng ta không có dấu chân – giờ thì không có dấu vân tay. Không có chút chứng cứ nào cho thấy cậu ta lội bùn đi tới cầu thang, leo lên đó hay mở hai tấm vĩ trên tháp – tấm đầu cầu thang và tấm cậu ta đã té xuống. Cũng không có dấu vết người khác làm mấy chuyện đó. Nhưng dữ kiện vô hiệu vẫn là dữ kiện. Ai đó đã lau dọn cực kỳ sạch sẽ

hoặc đã giết cậu ta ở nơi khác rồi đưa xác tới chỗ tháp canh phòng.”

“Nhưng nếu thi thể cậu ta bị kéo tới tháp thì sẽ có dấu bánh xe.”

“Ừ, chúng ta cần phải trở ra kia, tìm vết xe ngoài vết của xe chúng ta và xe cấp cứu. Có khi đã bỏ sót gì đó.”

Sau khi đọc thêm một phút nữa, Ed tuyên bố, “Dù sao đi nữa, giờ tôi chắc chắn đây không phải tai nạn.”

Joe đáp, “Tôi đồng ý, và không phải ai cũng xóa dấu vết giỏi vậy.”

“Tôi đói rồi. Ghé qua quán ăn trên đường ra tháp đi.”

“Chắc, chuẩn bị để bị phục kích đấy. Mọi người trong phố sôi sục lắm rồi. Vụ án mạng Chase Andrews là việc lớn nhất từng xảy ra ở đây, có lẽ suốt từ xưa tới giờ này. Tin đồn đang bốc lên đây như khói tín hiệu.”

“Ừ, đồng tai lên. Có khi chúng ta chớp được một hai mẫu tin gì đó. Hầu hết mấy kẻ ăn không nói rồi rồi chẳng thể giữ kín miệng họ.”

Một hàng dài cửa sổ, được lắp đặt cửa chớp chống bão, phủ lên mặt trước quán ăn Vung Barkley nhìn ra bến thuyền. Chỉ có một dải đường hẹp đứng giữa tòa nhà xây năm 1889 với những bậc thang thấm nước của bến cảng. Vài giỏ tôm và cuộn lưới đánh cá bị vứt bỏ nằm dưới hàng cửa sổ dọc tường, và đây đó vỏ sò rải bừa trên hè phố. Tiếng chim biển kêu và phân chim biển rải khắp nơi. Ôn phước thay, mùi hương xức xịch với bánh mì, gà chiên và lá củ cải đã át hết mùi tanh nồng của mấy thùng cá nằm dọc bến nước.

Một sự xôn xao nhẹ tràn ra khi cảnh sát trưởng mở cửa. Mọi buồng ăn – lưng ghế cao bọc đệm đỏ – đã có người, hầu hết bàn ăn cũng vậy. Joe

chỉ tới hai ghế cao còn trống tại quầy máy rót nước ngọt, và hai người đi lại đó.

Trên đường đi, họ nghe ông Lane, chủ trạm Sing Oil nói với tay thợ động cơ diesel của ông, “Tôi đoán là Lamar Sands. Anh nhớ chứ, hắn *bắc* được vợ đang âu yếm Chase ngay trên boong chiếc thuyền cao tốc ngon nghề của mình. Động cơ giết người đó, và Lamar đã vài lần đụng độ *dói* pháp luật.”

“Đụng độ gì?”

“Hắn chơi *dói* cái đám đã rạch nát mấy tấm vải dầu của cảnh sát trưởng.”

“Lúc đó họ là con nít mà.”

“Còn vụ *dì* khác nữa, tôi chỉ *hông* nhớ ra thôi.”

Đằng sau quầy, đầu bếp kiêm chủ quán Jim Bo Sweeny lảng xảng xẹt qua xẹt lại lật bánh cua trên vỉ nướng, khuấy xúp kem ngô trên bếp lò, chọc đùi gà trong máy chiên ngập dầu, rồi lặp lại. Vừa canh bếp vừa đặt những chõng đĩa cao ngất trước mặt thực khách. Người ta nói ông có thể nhào bột bánh mì bằng một tay và lóc xương cá trê bằng tay còn lại. Ông đãi khách món tử nổi tiếng của mình – cá bơn nướng nhồi tôm đặt trên cháo ngô phô mai pimento – chỉ vài lần một năm. Không cần quảng cáo gì sất; tiếng lành tự khắc đồn xa.

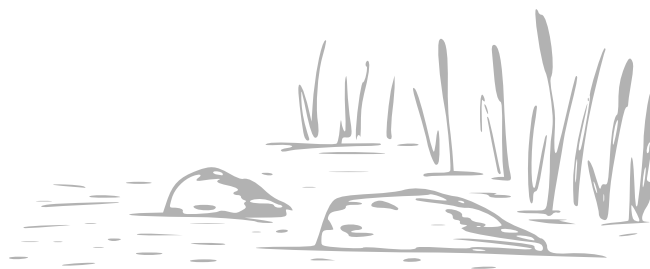
Khi cảnh sát trưởng và cấp phó len lỏi qua các bàn ăn để tới quầy, họ nghe bà Pansy Price của tiệm năm xu một hào Kress nói với bạn, “Có thể là người phụ nữ sống ngoài đồng lầy. Khùng đủ để *dô* nhà thương điên. Tôi cá là cô ta làm được việc như vậy...”

“Ý chị là gì? Cô ta có liên quan gì chứ?”

“A, có một bạn ở ngoài kia, cô ta đây đưa *dối*...”

Khi cảnh sát trưởng và cấp phó bước tới quầy, Ed bảo, “Hãy gọi bánh mì kẹp po’boy rồi mang đi khỏi đây thôi. Chúng ta không thể bị lôi vô mấy chuyện này được.”

Jumpin’



1953

Ngồi ở mũi thuyền, Kya nhìn những ngón tay là đà của sương vượn tới thuyền của họ. Thoạt đầu, vài mẫu mây rách toạc trôi qua bên trên, rồi sương mù nuốt chửng họ trong mờ mịt xám, và chỉ còn *tích tích tích* tiếng động cơ chạy êm. Vài phút sau, những vết màu bất ngờ hiện ra khi hình dạng dãi dầy mưa gió của trạm xăng trên bến trôi vào tầm mắt, như thể nó đang di chuyển chứ không phải họ. Trước nay Kya chỉ tới đây có một lần. Chủ trạm, một người đàn ông lớn tuổi da đen, từ trên ghế bật dậy giúp họ – lý do mọi người gọi ông là Jumpin’. Hai bên tóc mai bạc trắng và mái tóc muối tiêu của ông đóng khung một khuôn mặt rộng, hào phóng với cặp mắt cú vọ. Cao ráo gầy gò, dường như ông chẳng bao giờ ngừng nói, cười, hay ngửa đầu ra, môi mím chặt theo kiểu phá lên cười chỉ riêng ông có. Ông không mặc quần yếm như hầu hết cánh thợ ở đây mà mặc áo sơ mi kín cổ màu lam ủi phẳng, chiếc quần tối màu quá ngắn, và mang ủng lao động. Không thường xuyên, nhưng thi thoảng vào những ngày hè gay gắt nhất, ông cũng đội một chiếc nón rơm cũ toí tả.

Trạm Xăng và Mũi của ông bấp bênh trên cầu bến lung lay. Một sợi cáp chạy từ cây sồi gần nhất trên bờ, băng qua mười hai mét nước tù, và căng mình ra hết sức để giữ chặt. Ông cố của Jumpin’ đã xây cầu tàu này và cái lán bằng ván gỗ bách từ lâu lắm, cái nhà không còn ai nhớ nổi, đầu

trước cả cuộc Nội chiến.

Ba thế hệ nhà họ đã đóng những tấm biển kim loại sáng – Nehi Grape Soda, Royal Crown Cola, Camel Filters, và cả đồng biển xe nhieu như đã tích tụ hai mươi năm trên toàn Bắc Carolina – lên khắp cái lán, và sắc màu rực lên của chúng có thể thấy từ xa ngoài biển, xuyên qua tất cả trừ màn sương dày đặc nhất.

“Xin chào, anh Jake. Anh dạo này sao rồi?”

“Chà, tôi thức dậy và thấy mình còn nằm bên trên ba tấc đất,” ba trả lời.

Jumpin’ phá ra cười như thể ông chưa bao giờ nghe câu cũ rích đó. “Anh có con gái nhỏ ở cạnh anh. Vậy là tốt quá rồi.”

Ba gật đầu. Rồi như mới nghĩ ra, ông nói, “Ừ, đây là con gái tôi, cô Kya Clark.”

“Chà, tôi hết sức hãnh diện được biết cháu, cô Kya.”

Kya nhìn chăm chăm mấy ngón chân nhưng không tìm ra từ nào đáp lại.

Jumpin’ không có vẻ phiền lòng và tiếp tục nói về vụ cá bội thu dạo này. Rồi ông hỏi ba, “Đồ đầy bình cho cô nàng hả, anh Jake?”

“Ừ, tọng đầy tới nắp *luông*.”

Hai người đàn ông tán gẫu về thời tiết, chuyện câu cá, rồi trở lại thời tiết cho đến khi bình đầy.

“Chúc hai người một ngày tốt lành nhé,” ông nói khi nhẹ nhàng tháo dây ra.

Ba cho thuyền chầm chậm trở ra khoảng biển sáng ngời – mặt trời nghiêng ngáu màn sương còn nhanh hơn Jumpin’ đồ xăng đầy bình họ. Họ

bình bịch vòng qua bán đảo phủ thông dài nhiều dặm để tới Vũng Barkley, rồi ba buộc thuyền vào cây cột có vết hằn sâu của cầu tàu thị trấn. Những người đánh cá bận túi bụi, cột dây, xếp mẻ cá.

“Tao tính là chúng ta có thể *kim* ít đồ ăn ở nhà hàng,” ba nói và dẫn con bé đi dọc bên thuyền tới quán ăn Vũng Barkley. Kya chưa bao giờ ăn nhà hàng, chưa bao giờ đặt chân vào đó. Tim con bé đập thành thịch khi nó phúi mấy mảng bùn khô trên cái quần yếm ngắn cũn và vỗ vỗ cho mớ tóc rối xẹp xuống. Khi ba mở cửa, tất cả những người đang ăn đều khựng lại. Vài người đàn ông khẽ gật đầu với ba, phụ nữ thì cau mày và quay đi chỗ khác. Một người khịt mũi, “Hừ, chắc *hông* đọc được rằng cần mặc áo sơ mi và đi giày.”

Ba ra hiệu cho con bé ngồi xuống một bàn nhỏ nhìn ra bên nước. Kya không đọc được thực đơn, nhưng ba đọc cho nó nghe hầu hết các món và nó gọi gà rán, khoai tây nghiền, nước sốt thịt, đậu trắng cùng bánh mì xốp như nấm bông mới hái trên cành. Ba gọi tôm chiên, cháo phô mai, đậu bắp chiên và cà chua xanh chiên. Cô phục vụ dọn ra cả một đĩa những miếng bơ đặt trên đồng nước đá viên và một giỏ đầy bánh ngô với bánh mì nhỏ, lại có trà đá ngọt tha hồ uống. Sau đó họ còn ăn bánh mâm xôi với kem để tráng miệng. No nóc, Kya nghĩ chắc nó ọc ra mất, nhưng cũng đáng mà.

Trong khi ba đứng trước máy tính tiền thanh toán, Kya bước ra lên đường, nơi cái mùi nồng nồng của những tàu cá giăng mắc trên vịnh biển. Con bé cần một miếng khăn giấy dính dầu gói gà chiên và bánh xốp còn thừa. Túi quần của nó nhét đầy mấy gói bánh quy mặn mà cô phục vụ để ngay ra bàn cho lấy.

“Xin chào.” Kya nghe một giọng nói nhỏ xíu đằng sau và quay lại để thấy một bé gái chừng bốn tuổi có những lọn tóc vàng hoe ngược nhìn

mình. Đứa trẻ mặc quần áo xanh biển và đang chìa tay ra với Kya. Con bé dán mắt vào bàn tay nhỏ nhắn đó; trông nó mũm mĩm mềm mại làm sao và có lẽ là thứ sạch sẽ nhất Kya từng thấy. Chưa bao giờ chà xát bông ki-ê-m, chắc chắn không có bùn từ con sò con vẹm dưới móng tay. Rồi nó nhìn vào cặp mắt của cô bé kia, phản chiếu trong đó Kya cũng chỉ là một đứa nhỏ.

Con bé chuyển gói khăn sang tay trái và chầm chậm chìa tay phải về phía đứa trẻ.

“Này, tránh xa ra!” Đột nhiên bà Teresa White, vợ của nhà thuyết giáo dòng Giám lý, xông ra từ cửa hiệu giày Buster Brown.

Vũng Barkley dâng mình hết sức nhiệt thành cho tôn giáo. Nhỏ xíu vậy nhưng ngôi làng nuôi được tới bốn nhà thờ, và ấy mới chỉ là nhà thờ cho người da trắng; người da đen có ba cái nữa.

Cố nhiên, các mục sư và nhà thuyết giáo, và tất nhiên là cả vợ họ nữa, có địa vị rất được trọng vọng trong làng, luôn phục sức và cư xử tương xứng với địa vị đó. Teresa White thường vận váy nhạt màu trang nhã và áo trắng, giày cao gót kín mũi với ví hợp màu.

Lúc này bà chạy vội về phía con gái và nhắc bổng con lên. Bước ra xa Kya, bà để cô bé xuống lề đường và ngẩng thụp xuống bên cạnh.

“Meryl Lynn, con *iu*, đừng lại gần đứa con gái đó, con nghe mẹ chứ. Con nhỏ đó dơ hầy.”

Kya nhìn người mẹ đưa tay vuốt mái tóc quăn của đứa nhỏ, không bỏ sót việc họ nhìn vào mắt nhau lâu đến thế nào.

Một phụ nữ chạy ra từ tiệm Piggly Wiggly và bước vội tới chỗ họ. “Hai mẹ con không sao chứ, chị Teresa? Chuyện gì xảy ra ở đây vậy? Con nhỏ đó quấy rầy Meryl Lynn à?”

“Tôi đã thấy nó kịp lúc. Cảm ơn, Jenny. Tôi ước gì mấy người bọn họ đừng có mò ra thị trấn này. Nhìn con nhỏ đó kìa. Bẩn thỉu. Dơ dáy hết sức. Đang có dịch cúm dạ dày và tôi biết chắc nó lây từ họ. Năm trước họ cũng mang tới cái ca sởi đó, nguy hiểm cực kỳ.” Teresa quỳ quả bước đi, nắm chặt đứa nhỏ.

Vừa lúc đó thì ba, tay xách một túi giấy nâu đựng chút bia, gọi giật từ sau con bé, “Mày làm *dì* vậy? Nhanh lên, chúng ta phải *dọt* khỏi đây. Triều đang rút rồi.” Kya quay lại và bước theo ba nó, rồi trong khi họ lái về lán nhà giữa chốn đồng lầy, con bé mừng rỡ lại những lọn tóc xoắn cùng ánh mắt đứa con và người mẹ.

Ba vẫn thỉnh thoảng biến mất mấy hôm chẳng về nhà, nhưng không còn thường xuyên như trước. Và khi xuất hiện rồi, ông cũng không gục xuống thành một đồng mê man mà ăn một bữa cơm và trò chuyện chút chút với con. Một tối họ chơi bài gin rummy, ông cười ha hả khi con bé thắng, và nó che miệng khúc khích như một bé gái bình thường.

Mỗi lần bước xuống khỏi hiên, Kya lại đưa mắt nhìn suốt lối mòn, nghĩ rằng mặc dù đậu tía rừng đã tàn với mùa xuân còn má đã bỏ đi từ cuối hè năm ngoái, nhưng có lẽ nó sẽ thấy má bước trên cát về nhà. Vẫn với đôi giày cao gót giả da cá sấu kia. Giờ khi con bé và ba đã cùng câu cá và chuyện trò, hẳn họ có thể cố gắng làm một gia đình lần nữa. Ba đã đánh tất cả bọn họ, hầu hết là khi ông say quá cần câu. Mỗi lần ông sẽ tỉnh táo được vài ngày – họ sẽ cùng nhau ăn canh gà hầm nóng; có lần họ còn cùng thả một con diều trên bãi biển. Rồi lại uống, la hét, đánh đập. Chi tiết vài bận như vậy vẫn rõ mồn một trong trí nhớ Kya. Một lần ba đã xô má vô

tường nhà bếp, đánh cho tới khi bà gục xuống. Kya, trong khi nước nở van xin ông ngừng lại, đã đung vào cánh tay ông. Thế là ông túm lấy vai con bé, thét bảo nó tụt quần jean và quần lót ra, rồi ấn nó gập người trên bàn bếp. Bằng một động tác nhuần nhuyễn, quen thuộc, ông rút dây nịt từ quần mình ra quất nó. Dĩ nhiên, con bé nhớ cái đau rát bỏng cắt lên mông, nhưng kỳ lạ là nó nhớ chuyện cái quần jean tụt xuống lòng nhùng quanh cổ chân gây gò một cách sắc nét hơn thế nữa. Má thì đã sụm xuống trong góc cạnh bếp lò, gào khóc. Kya không biết vì đâu lại có vụ đánh đập này.

Nếu như giờ má trở về, khi ba đang cư xử tử tế, có lẽ họ có thể bắt đầu lại. Kya chưa bao giờ nghĩ ba sẽ là người ở lại và má sẽ là kẻ ra đi. Nhưng nó biết má sẽ không bỏ mình mãi mãi; nếu còn ở đâu đó trên thế giới ngoài kia, bà sẽ trở về Kya vẫn có thể thấy đôi môi mọng, thắm đỏ của má nhảm hát theo bài ca phát qua đài, vẫn nghe lời bà văng vẳng quanh đây, “Nào, hãy lắng nghe ông Orson Welles; ông nói chuyện đàng hoàng như một quý ông. Đừng nói *hông*, nó thậm chí không phải là một từ nữa.”

Má đã vẽ cảnh cửa sông và mặt trời lặn bằng sơn dầu và màu nước, sống động như thể chúng được lột ra từ mảnh đất này. Bà đã mang vài dụng cụ vẽ đến đây và có thể mua mấy thứ ở tiệm năm xu một hào Kress. Thi thoảng má còn để Kya tự vẽ tranh lên những túi giấy nâu cặm về từ tiệm Piggly Wiggly nữa.

Đầu tháng chín của mùa hè câu cá đó, vào một buổi chiều nhợt nhạt dưới cái nóng, Kya bước tới chỗ hộp thư cuối lối mòn. Lật qua những tờ quảng cáo hàng tạp hóa, con bé dừng phát lại khi thấy một phong thư màu xanh lam có nét chữ nắn nót của má. Vài chiếc lá sung dâu đã ngả vàng như khi

bà đột ngột đi. Suốt từng ấy thời gian không chút vết tích, giờ lại có lá thư này. Kya nhìn nó chăm chăm, giờ lên ánh sáng, đưa mấy ngón tay lần theo dòng chữ hoàn hảo, nghiêng nghiêng. Tim nó đập mạnh trong lồng ngực.

“Má còn sống, ở một nơi nào đó. Sao má không về nhà?” Con bé nghĩ tới chuyện xé lá thư ra, nhưng từ duy nhất nó chắc chắn đọc được là tên nó, mà cái tên không có trên bì.

Con bé chạy về lán, nhưng ba đã đi đâu đó bằng thuyền. Thế nên nó để lá thư tựa lên lọ muối trên bàn cho ông thấy. Trong khi luộc củ hành với đậu mắt đen, con bé cứ nhìn chùng lá thư kéo nó biến mất.

Cứ cách vài giây, Kya lại hụp dưới cửa bếp chờ nghe tiếng *bình bịch* của con thuyền. Rồi đột nhiên ba khập khiễng đi lên bậc cấp. Bao nhiêu can đảm đột nhiên rời bỏ con bé, và nó vụt chạy qua ông, hét to rằng nó đi ra nhà xí; cơm tối sắp xong rồi. Rồi nó đứng trong cái buồng bốc mùi, tim thành thích đưa xuống bụng. Giữ thăng bằng trên ghế gỗ, nó nhìn qua khe hở hình bán nguyệt trên cửa, không biết chính xác mình trông đợi gì.

Rồi cửa hiên sập mạnh lại và con bé thấy ba quày quả đi ra phá. Ông tiến thẳng tới chỗ chiếc thuyền, túi rượu nhỏ trong tay, và nổ máy chạy đi. Con bé chạy trở lại nhà, vào bếp, nhưng lá thư không còn nữa. Nó giật ngăn tủ của ông ra, lục tung tủ quần áo, tìm kiếm. “Thư là của con nữa! Nó là của con cũng như của ba.” Quay vào nhà bếp, con bé nhìn trong thùng rác và tìm thấy tro của lá thư, vẫn còn phần diêm xanh xanh. Với một cái muỗng, nó múc chúng lên để trên bàn, một đồng tro tàn màu xanh và đen thẫm. Nó bới thùng rác, nhặt tìm dưới từng mẫu đồ bỏ trong thùng; có lẽ vài tờ đã lọt xuống dưới đáy. Nhưng không có gì ngoài những vết tro bám trên vỏ củ hành.

Con bé ngẩng tại bàn, đậu vẫn réo trong nồi nước, và nhìn trân trân

đồng tro nhỏ. “Má đã chạm vào đó. Có lẽ ba sẽ cho mình biết má viết gì. Đừng ngu ngốc vậy – chuyện đó cũng dễ xảy ra như tuyết rơi ở đêm này.”

Ngay cả dấu bưu điện cũng chẳng còn. Giờ con bé sẽ không bao giờ biết má đi đâu nữa. Nó đổ tro vào một lọ nhỏ và cất trong hộp xì gà cạnh giường.

Ba không về nhà tối đó và cả hôm sau, rồi khi cuối cùng ông cũng về, đó lại là gã say xỉn hồi trước loạng choạng bước qua cửa. Khi con bé gom hết can đảm hỏi về lá thư, ông quát, “Cóc phải việc của mày.” Rồi tiếp, “Má mày *hông* quay về đâu, quên phắt chuyện đó đi.” Cầm túi rượu, ông lê bước về phía chiếc thuyền.

“Không đúng,” Kya hét về phía bóng lưng ông, nắm tay siết lại bên hông nó. Con bé nhìn ông bỏ đi, rồi gào lên với phá nước trống rỗng, “*Hông* thậm chí còn không phải là một từ nữa!”

Sau đó con bé tự hỏi phải chăng nó nên tự mở lá thư ra, không đưa cho ba. Như vậy Kya có thể giữ những dòng chữ đó để ngày sau đọc, và ba sẽ sống tốt hơn khi không biết tới chúng.

Ba chẳng lần nào đưa nó đi câu nữa. Những ngày ấm áp kia chỉ là một mùa lạ ngẫu nhiên được thêm vào và sẽ không trở lại bao giờ. Những đám mây thấp rẽ ra, mặt trời tưới lên thế giới của nó trong phút chốc, rồi khép lại tối tăm và keo kiệt như cũ.

Kya không nhớ được cầu nguyện thì phải làm sao. Hình như đi đầu quan

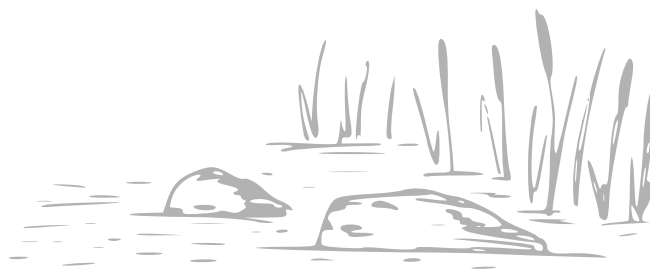
trọng là cách ta chấp tay và nhắm chặt mắt thế nào, phải không nhỉ? “Có lẽ nếu mình cầu nguyện, má và anh Jodie sẽ về nhà. Kể cả với tất cả những trận gào thét ồn ã đó, cuộc sống kia vẫn tốt hơn thứ cháo vón cục này.”

Con bé hát lộn xộn một mẫu thánh ca – “và Ngài bước cùng tôi khi những đóa hồng còn long lanh sương sớm – tất cả những gì nó nhớ được từ một nhà thờ nhỏ màu trắng má từng đưa nó tới vài lần. Lần cuối họ đến đó là ngày chủ nhật Phục sinh trước khi má đi khỏi, nhưng tất cả những gì Kya nhớ được về hôm đó là tiếng la hét và máu, ai đó ngã xuống, má với nó bỏ chạy, nên con bé đã buông trôi toàn bộ ký ức nọ.

Kya nhìn qua hàng cây vào mảnh đất trống ngô và củ cải của má, giờ chỉ còn toàn cỏ dại. Chắc chắn chẳng có đóa hồng nào.

“Quên đi. Sẽ chẳng có Chúa nào bước tới khu vườn này cả.”

Chỉ là cỏ trong cơn gió



1969

Cát giữ kín những bí mật hơn bùn. Cảnh sát trưởng đậu xe ở đầu đường vào tháp phòng cháy để không cán lên chứng cứ nào chỉ ra có người lái xe trên đó đêm xảy ra án mạng. Nhưng khi họ thả bộ trên đường, tìm những dấu bánh xe ngoài xe của họ, cát lại trượt đi thành những vết gợn chẳng rõ hình thù theo mỗi bước chân.

Rồi, tại những hố bùn và vũng lầy gần tháp, vô số những câu chuyện chi tiết mở ra: một cô gấu mèo với bốn con nhỏ đã đi vào và đi ra khoảng đất; một con sên dẹt hoa văn ren trên bùn bị sự xuất hiện của một chú gấu cản trở; một con rùa nhỏ nằm vật ra bùn mát lạnh, bụng nó tạo nên một cái tô nhấn cạn lòng.

“Rõ như một bức tranh, nhưng ngoài xe của chúng ta thì chẳng có gì do con người tạo ra hết.”

“Tôi *hông* biết nữa,” Joe nói. “Nhìn cái cạnh thẳng này, rồi một hình tam giác nhỏ. Đó có thể là vết lốp.”

“Không, tôi nghĩ đó là một góc vết chân gà tây, rồi một con nai giẫm lên, làm nó thành hình như thế.”

Sau mười lăm phút, cảnh sát trưởng bảo, “Hãy đi bộ tới cái vịnh nhỏ đằng đó. Xem liệu có ai đậu thuyền ở kia thay vì đi xe tới hay không.” Gạt

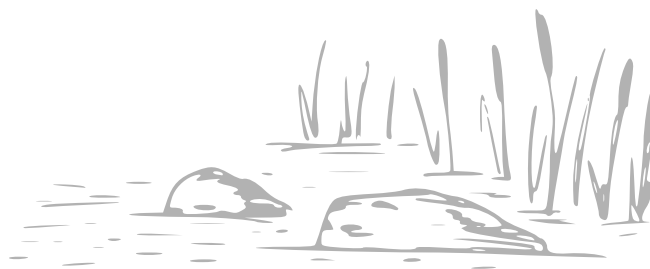
những cây mía sắc nhọn ra khỏi mặt mình, họ bước tới vịnh nước bé xiu. Cát ẩm phơi ra dấu vết của cua, diệp và dẽ, nhưng không có dấu của con người.

“Chậc, nhưng nhìn cái này đi.” Joe chỉ một vết lớn trên mớ tinh thể cát bị xáo động, xòe ra thành nửa hình tròn gần như hoàn hảo. “Có thể là vết hằn của một chiếc thuyền mũi tròn bị kéo lên bờ.”

“Không. Hãy nhìn gió thổi cọng cỏ gãy gập này lật qua lật lại trên cát. Tạo thành nửa hình tròn này. Đó chỉ là cỏ trong cơn gió.”

Họ đứng nhìn quanh quất. Phần còn lại của bờ biển nhỏ hình bán nguyệt này được phủ lên một lớp dày cộm vỏ sò vỡ, một đống lộn xộn bộ phận các loài giáp xác với càng cua. Vỏ sò là người giữ bí mật tốt hơn tất cả.

Túi vải bố đầy



1956

Mùa đông năm 1956, khi Kya lên mười, ba ngày càng ít tập tễnh bước vào cái lán. Nhiều tuần trôi qua mà chẳng có chai whiskey nào trên sàn, không tấm thân nào nằm dài ra giường lớn, không có xu nào vào những thứ hai. Kya cứ mong đợi thấy ba khập khiễng bước giữa rừng cây, xách theo túi rượu nhỏ. Một kỳ trăng rằm, rồi một kỳ nữa đi qua kể từ khi con bé thấy ông lần cuối.

Cây sung dâu và hồ đào giương cành trơ trụi trên nền trời mờ xỉn, và cơn gió không ngại rút cạn từng mẫu niêm vui mà mặt trời mùa đông có thể gieo lên vùng ẩm đạm này. Thử gió vô dụng, khô khốc trên vùng đất ven biển không thể ráo khô.

Ngồi trên bậc thềm trước nhà, con bé nghĩ ngợi. Một trận ẩu đả vì ván xì phé có thể kết thúc trong cảnh ba bị đánh bầm dập và ném xuống đầm lầy trong đêm lạnh ướt mưa. Hoặc có lẽ ông chỉ uống tới say mềm, lang thang vào rừng, và ngã ụp mặt xuống đầm lầy tù đọng.

“Mình nghĩ ông đi biệt luôn rồi.”

Con bé cần môi cho đến khi miệng trắng bệch. Cảm giác này không như nỗi đau khi má đi mất – thực ra, con bé khó mà nhớ tiếc ông cho được. Nhưng còn lại tuyệt đối một mình là một cảm giác mênh mông đến dội

vang, rồi mấy người có chức trách chắc chắn sẽ hay biết và tới bắt nó nữa. Con bé phải giả vờ, kể cả với Jumpin', rằng ba vẫn còn ở đó.

Và sẽ chẳng có tiền vào thứ hai nữa. Con bé đã rải mấy đô cuối cùng ra xài suốt nhiều tuần, sống bằng cháo bột ngô, vụn lược và thỉnh thoảng là trứng còn sót của lũ gà mái thả rong. Số tạp phẩm còn lại chỉ là vài que diêm, chút bột ngô thừa và miếng xà bông nhỏ. Một nắm diêm Blue Tips không thể qua nổi một mùa đông. Không có chúng con bé không thể nấu bột ngô cho chính nó, lũ gà và mòng biển.

“Mình không biết làm sao sống mà không có bột ngô nữa.”

Ít nhất, con bé nghĩ, dù cho bạn này ba biến mất tới xó xỉnh nào, ông cũng đã đi bộ. Kya có chiếc thuyền.

Dĩ nhiên con bé phải tìm cách khác để kiếm thức ăn, nhưng lúc này nó đẩy suy nghĩ đó vào một góc sâu trong trí. Sau một bữa tối gồm vụn lược mà nó đã học cách nghiền thật nhỏ và trét lên bánh quy mặn, con bé lật giở những cuốn sách yêu quý của má, giả vờ đọc truyện cổ tích chơi. Đã lên mười mà nó vẫn chưa biết đọc.

Rồi ngọn đèn dầu hỏa chập chờn, yếu đi, và tắt ngóm. Trong phút chốc vẫn có một hình tròn mờ mờ của thế giới xung quanh, và sau đó là tối mịt. Con bé bật ra một tiếng ồ. Ba luôn mua dầu hỏa và châm đầy đèn nên Kya không nghĩ nhiều tới nó. Cho đến khi tối mịt.

Con bé ngẩng đầu đó vài giây, cố gắng nặn ra ánh sáng từ chỗ dầu còn lại, nhưng gần như chẳng có gì. Rồi cái khối tròn tròn là chiếc tủ Frigidaire cùng khung cửa sổ bắt đầu hiện hình trong bóng tối lơ mờ, thế là con bé mò mẫm dọc bàn bếp cho đến khi tìm thấy một mẫu nến cụt. Thắp nó lên sẽ mất một que diêm và chỉ còn vụn vụn năm que nữa. Thế nhưng bóng tối là thứ ngay-tức-thời.

Xoẹt. Con bé quẹt diêm, thấp nển, và bóng tối lui vào các góc. Nhưng con bé đã thấy nó đủ để biết mình cần ánh sáng, và dầu hỏa sẽ tốn tiền. Kya mở miệng thở dốc. “Có lẽ mình phải đi ra thị trấn nộp mình cho chính quyền. Ít nhất họ cũng cho mình thức ăn và đưa mình tới trường học.”

Nhưng sau khi suy nghĩ một phút, nó nói, “Không, mình không thể bỏ lũ mòng biển, con diệc, cái lán. Đờng lầy là gia đình duy nhất mình có.”

Ngồi trong chút ánh sáng cuối cùng từ mẫu nển, con bé có một ý tưởng.

Sáng hôm sau sớm hơn thường lệ, nó thức dậy khi nước đang ròng, xỏ cái quần yếm vào rồi ra ngoài với một cái xô, con dao móng vuốt và mấy túi vải bố rỗng. Ngồi chồm hồm trong bùn, nó nhặt những con vẹm nằm dọc mé nước như má đã dạy, và sau bốn giờ lom khom cùng quỳ mọp, nó đã có hai túi vải bố đầy.

Mặt trời chầm chậm kéo lên từ lòng biển khi con bé lái thuyền qua sương dày tới trạm Xăng và Mồi của Jumpin’. Ông đứng dậy khi nó lại gần.

“Xin chào, cô Kya, cháu *muốn* chút xăng hả?”

Nó rụt đầu. Chưa từng nói với ai lời nào kể từ chuyến cuối cùng tới tiệm Piggly Wiggly, và tiếng nói lẫn tránh nó. “Có lẽ một chút xăng. Nhưng còn tùy. Cháu nghe nói ông mua vẹm, và cháu có một ít ở đây. Ông có thể trả cháu tiền mặt và thêm chút xăng không ạ?” Nó chỉ vào mấy cái túi.

“Đúng rồi cô bé, chắc chắn có thể. Chúng còn tươi chó?”

“Cháu chào chúng *chước* bình minh. Mới đây thôi.”

“Ừ, vậy được. Ta có thể trả cháu năm mươi xu một túi và một bình xăng đầy cho túi còn lại.”

Kya khẽ mỉm cười. Tiền con bé tự kiểm hản hoi. “Cảm ơn ông” là tất cả những gì nó nói.

Khi Jumpin’ đồ đầy bình, Kya bước vào cửa hàng nhỏ xíu của ông trên bến. Chưa bao giờ chú ý nhiều tới nó vì toàn mua đồ ở Piggly, nhưng giờ con bé thấy ngoài mĩ và thuốc lá, ông còn bán diêm, mỡ lợn, xà bông, cá mòi, xúc xích Vienna, bột ngô, bánh quy mặn, giấy vệ sinh và dầu hỏa. Gần như tất cả những gì con bé cần trên thế giới đều có ở đây. Xếp dài trên kệ là năm lọ gần bốn lít đựng đầy kẹo một xu – kẹo quế Red Hot, kẹo cứng tròn và kẹo caramel Sugar Daddy. Có vẻ có nhiều kẹo ở đây hơn trên toàn thế giới.

Với số tiền bán vẹm, con bé mua diêm, một cây nến và bột ngô. Dầu hỏa và xà bông phải chờ một túi vải bố nữa. Con bé phải cố hết sức mới không mua một que Sugar Daddy thay vì cây nến.

“Một tuần ông mua bao nhiêu túi?” nó hỏi.

“Chà, giờ chúng ta bắt đầu lập thỏa thuận mua *bán* hả?” ông vừa hỏi vừa bật cười theo kiểu đặc trưng – miệng mím lại, đầu ngửa ra sau. “Ta mua khoảng hai mươi *cân* cho hai ba ngày. Nhưng nhớ này, mấy người khác cũng mang vẹm tới. Nếu cháu mang chúng lại mà ta đã có rồi thì cháu bị loại. Tới trước thì bán được trước. Không có cách nào khác.”

“Dạ. Cảm ơn ông, vậy cũng được. Tạm biệt, ông Jumpin’.” Rồi con bé nói thêm, “À, nhân tiện, ba cháu gửi lời hỏi thăm ông.”

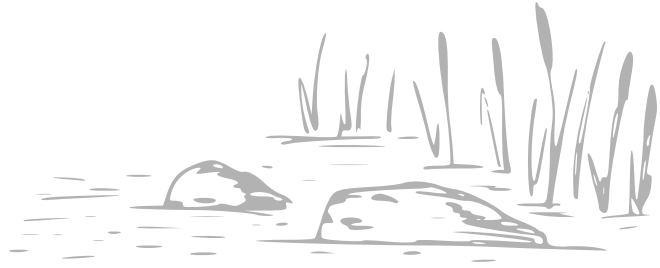
“Vậy hả, được rồi. Cháu cũng gửi lời từ ta há, nếu cháu vui lòng. Tạm biệt cháu, cô Kya.” Ông cười tươi khi con bé lái đi. Chính nó cũng suýt mỉm cười. Tự mua xăng và đồ dùng chắc chắn đã biến nó thành người lớn. Lát sau ở cái lán, trong khi lòi đông đồ ra, con bé thấy một bát ngò màu đỏ và vàng dưới đáy túi. Chưa quá tuổi ăn một que Sugar Daddy mà

Jumpin' đã thả vào đó, nhỉ.

Để tới trước mấy người bắt vẹm khác, Kya ra đường lầy bằng nền hoặc ánh trăng – cái bóng của nó rung rung trên cát lấp loáng ướt – và nhặt vẹm giữa khuya muộn. Con bé thêm hầu vào mớ vẹm bắt được và thỉnh thoảng ngủ gần những rãnh nước dưới ánh sao để tới chỗ Jumpin' cùng tia sáng đầu ngày. Tiền bán vẹm hóa ra còn đáng tin cậy hơn số tiền phát thứ hai trước nay, và con bé thường thắng mấy người bắt vẹm khác.

Con bé thôi lui tới Piggly, nơi cô Singletary luôn hỏi sao nó không tới lớp. Sớm muộn họ cũng sẽ tóm Kya, lôi nó vào trường. Con bé sống bằng đồ dưng từ chỗ Jumpin' và có nhiều vẹm hơn số nó có thể ăn hết. Chúng cũng không tệ khi trút vào bột ngô, nghiền ra nhuyễn như. Chúng không có mắt để nhìn con bé như con cá dáo dỏ.

Vài xu với bột ngô



1956

Trong nhiều tuần sau khi ba bỏ đi, Kya vẫn hay nhìn lên khi lũ quạ kêu khàn; có lẽ chúng đã thấy ông lắc lư bước qua rừng rậm. Nghe bất cứ tiếng động lạ nào trong gió, nó cũng nghiêng đầu, lắng nghe xem có ai không. Bất cứ ai. Giờ mà bà cô bắt học sinh trốn học có mò tới để nó được co giò bỏ chạy một chặp cũng tốt.

Chủ yếu, con bé tìm cậu trai câu cá. Năm này qua tháng nọ, vài lần con bé thấy cậu xa xa, nhưng chưa từng nói gì với cậu từ hồi bảy tuổi, tức ba năm trước, khi cậu chỉ đường qua đồng lầy cho nó về nhà. Cậu là người duy nhất trên thế giới này mà con bé biết ngoài Jumpin' và vài cô bán hàng nữa. Khi lướt qua những lạch nước, ở bất kỳ đâu con bé cũng dõi tìm cậu.

Một buổi sáng, khi đi thuyền vào một cửa sông đầy cỏ nước mặn, Kya thấy thuyền Tate rúc vào đám sậy. Lúc này cậu đội một chiếc nón bóng chày khác và đã cao hơn, nhưng cả khi cách xa hơn bốn trăm thước, con bé vẫn nhận ra những sợi tóc xoắn vàng. Nó để máy chạy nhưng không đi tới nữa, lặng lẽ lái vào đám cỏ cao và đưa mắt nhìn cậu. Mấp máy môi, nó nghĩ tới chuyện cho thuyền tắt lại gần đó, có lẽ hỏi xem cậu có bắt được con cá nào chưa. Đó hình như là đi đầu ba và mọi người trong đồng lầy sẽ hỏi khi họ gặp người khác: “Có con dì cần câu chưa? Đóp miếng nào chưa?”

Thế nhưng con bé chỉ nhìn, không nhúc nhích. Nó cảm thấy một lực mạnh kéo nó về phía cậu và một lực mạnh đẩy ra xa, kết quả là nó chết dính tại chỗ. Cuối cùng con bé lái về nhà, trái tim ép lên lồng ngực.

Lần nào thấy cậu con bé cũng thế: cứ giương mắt nhìn cậu như nhìn lũ diệc vậy.

Kya vẫn nhặt nhanh lông vũ với vỏ sò, nhưng để bữa chúng trên bậc thềm gạch ván, hãy còn mặn và dính cát. Ngày nào nó cũng rề rà một lúc trong khi đĩa chất đông trong bồn, và tại sao còn phải giặt quần yếm dính bùn nữa? Từ lâu con bé đã chuyển sang mặc mớ quần yếm bỏ đi của mấy người anh chị đã xa. Áo của nó lủng lỗ chỗ. Nó không còn chiếc giày nào.

Một buổi tối, Kya gỡ xuống từ dây treo chiếc váy hoa hai dây màu hồng và xanh lá, chiếc má đã mặc tới nhà thờ. Nhiều năm qua nó vẫn mê cái vật xinh đẹp này – bộ váy duy nhất ba không đốt rụi – và chạm lên những bông hoa nhỏ hồng hồng. Có một vết bẩn ở phía trước, một vết ố nâu đã phai dưới dây vai, có lẽ là máu. Nhưng giờ nó đã mờ, bị chà sạch như nhiều ký ức tồi tệ khác.

Kya trông chiếc váy qua đầu, kéo xuống trùm lên thân hình gầy gò của nó. Gấu váy thiếu đi đầu quệt xuống ngón chân con bé; vậy thì không được. Nó cởi váy ra, treo lên chờ thêm vài năm nữa. Sẽ uống lắm nếu cắt váy ngắn lại, mặc đi đào vẹm dưới bùn.

Vài ngày sau Kya đưa thuyền tới bãi biển Point, một chiếc tạp dề bằng cát trắng cách chỗ Jumpin' vài dặm. Thời gian, sóng và gió đã chuốt nó thành một mũi đất kéo dài, ở đây con bé tóm được nhiều vỏ sò hơn các bãi biển còn lại, và còn tìm thấy nhiều loại hiếm. Sau khi buộc thuyền ở mút phía nam, nó tản bộ về phía bắc, tìm kiếm. Đột nhiên những tiếng nói đằng xa – the thé và sôi nổi – dạt tới trong không khí.

Lập tức con bé chạy qua bãi cát vào rừng, nơi một cây sồi đứng sừng sững, bao trùm một vùng rộng hơn hai lần thước, gối ngấp lút trong đám dương xỉ nhiệt đới. Nấp sau thân cây, Kya nhìn một tốp trẻ con dạo chơi trên bờ cát, thỉnh thoảng chạy giỡn vòng vòng trong sóng biển, đá tung bọt. Một thằng bé chạy lên trước; đứa khác ném một trái bóng bầu dục. Trên nền cát trắng, mấy chiếc quần đùi vải madras sáng màu của bọn trẻ trông như bầy chim sắc sỡ và đánh dấu mùa sang. Mùa hè đang bước về phía Kya dọc theo bãi biển.

Khi bọn trẻ lại gần, con bé nép người sát vào cây sồi và hé mắt nhìn quanh. Năm gái và bốn trai, hơi lớn hơn nó một tí, ánh chừng mười hai tuổi. Nó nhận ra Chase Andrews đang ném bóng cho mấy thằng bạn thường đi cùng.

Đám con gái – Cao-gầy-tóc-vàng, Tóc-đuôi-ngựa-mặt-tàn-nhang, Tóc-đen-ngắn, Luôn-đeo-ngọc-trai và Tròn-tròn-má-phính – túm tụm phía sau, đi chậm hơn, ríu rít nói và rúc rích cười. Tiếng của chúng thánh thót vẳng tới chỗ Kya như chuông gió. Con bé còn quá nhỏ để chú ý đến bọn con trai; mắt nó dán vào tốp con gái. Cùng nhau, chúng ngó nghiêng xem một con cua thoăn thoắt bò ngang trên cát. Cười ngặt nghẽo, chúng tựa vai nhau cho đến khi ngã lăn ra đất một chòm.

Kya cắn môi dưới khi dõi theo tất cả. Thắc mắc cảm giác sẽ thế nào khi là một trong số đó. Niềm vui của bọn trẻ tạo ra một bầu không khí dường như thấy rõ trên bầu trời sẫm lại. Má từng nói phụ nữ cần nhau hơn cần bọn đàn ông, nhưng bà chưa bao giờ chỉ nó làm sao để nhập bọn với họ. Nhẹ nhàng, con bé lẩn sâu hơn vào rừng và nhìn ra từ sau đám dương xỉ khổng lồ cho đến khi bọn trẻ thơ thẩn lùi xa trên bãi biển, chỉ còn là những chấm nhỏ xíu xiu trên cát, như cách chúng đã đến.

Bình minh âm ỉ cháy dưới tầng mây xám khi Kya tấp thuyền vào bến Jumpin'. Ông vừa đi ra từ cửa hiệu nhỏ vừa lắc đầu.

“Ta rất tiếc, cô Kya,” ông nói. “Nhưng họ tới trước cháu rồi. Ta đã có đủ vệm cho cả tuần, không mua thêm được nữa.

Con bé tắt máy và chiếc thuyền đụng kịch vào một cột cầu. Đây là tuần thứ hai nó bị đánh bại. Tiền đã cạn và con bé chẳng mua được gì cả. Chỉ còn vài xu với bột ngô.

“Cô Kya, cháu phải tìm vài cách khác để kiếm tiền. Cháu không thể lừa cả đám gấu mèo lên cùng một cái cây được.”

Quay về nhà, con bé ngồi nghỉ ngơi trên bậc thềm gạch ván, và nảy ra ý tưởng khác. Nó ngồi câu liền từ tám tiếng, rồi nhúng một mẻ hai mươi con cá trong nước muối qua đêm. Tảng sáng, nó xếp chúng lên kệ trong buồng xông khói cũ của ba – kích thước và hình dạng giống một nhà xí – đốt lửa trong hố, và chọc những que gỗ tươi vào ngọn lửa như ba từng làm. Khói xanh xám bốc lên cuộn cuộn, tuôn ra ống khói và mọi kẽ hở trên tường. Cả cái nhà đang phù phù thổi.

Ngày hôm sau con bé lái tới chỗ Jumpin' và vẫn đứng trong thuyền, giờ lên cái xô của nó. Trong đó là một mớ thảm hại cá tráp và cá chép nhỏ, đã bỏ ra. “Ông có mua cá xông khói không, Jumpin'? Cháu có ở đây một ít.”

“Chà, ta phải nói, cháu quả đã làm vậy, cô Kya. Nói cháu nghe: ta sẽ lấy chúng kiểu ký gửi. Nếu ta bán được chúng, cháu lấy tiền; nếu ta không bán được; cháu lấy lại chúng y nguyên vậy. Được không hả?”

“Dạ được, cảm ơn ông, Jumpin’.”

Buổi tối đó, Jumpin’ đi bộ xuôi đường cát tới Phố Da màu – một cụm lán cùng chái nhỏ dựa tường, với vài căn nhà thực thụ ngổ ngàng chồm hồm trên đầm lầy và bãi bùn tù đọng. Cái trại cắm lộn xộn này nằm thụt trong rừng, xa biển, không có gió và “nhiều muỗi hơn cả bang Jawja”.

Sau khoảng ba dặm, ông có thể ngửi thấy mùi khói từ lửa nấu bếp dạt qua hàng thông và nghe tiếng nói ran của mấy đứa cháu. Không có con đường nào ở Phố Da màu, chỉ có những lối mòn xuyên rừng rẽ ra nhiều nhánh dẫn tới các hộ gia đình khác nhau. Chỗ của ông là một căn nhà hẻo lánh mà ông và cha mình đã xây bằng gỗ thông, với hàng rào gỗ thô bao quanh sân đất cứng mà Mabel, người vợ to con của Jumpin’, luôn quét sạch bong như sàn nhà. Không con rắn nào có thể mò vào khoảng ba mươi mét tính từ bậc thềm mà không bị cái cuốc của bà phát hiện.

Bà bước ra cửa đón ông với một nụ cười, như mọi khi, và ông đưa bà cái xô cá hun khói của Kya.

“Đây là cái gì?” bà hỏi. “Trông như thứ mà cả chó cũng không lôi về nữa.”

“Vẫn là bé gái đó. Cô Kya đem chúng tới. Thỉnh thoảng con bé *hông* phải là người mang vẹm tới trước, nên con bé chuyển *xang* xông khói cá. Muốn tôi bán chúng.”

“Chúa ơi, ta phải làm *dì* đó cho cô bé thôi. *Hông* có ai mua đồng cá này đâu; tôi có thể nấu chúng trong món hầm. Nhà thờ của chúng ta có thể kiếm ít quần áo và vài thứ đồ dùng khác cho cô bé. Chúng ta sẽ nói *dối* cô

bé là có gia đình đổi váy áo lấy cá chép. Cô bé mặc cỡ gì?”

“Mình hỏi thôi hả? Ồm nom. Tất cả những *dì* tôi biết là con bé ồm như một con ve trên cái cột cờ. Tôi ngờ là *xáng xóm* nó *xẻ* tới ngay. Cô nhỏ đang tưng lăm.”

Sau khi ăn bữa sáng g òm cháo ngô với vẹm hâm nóng lại, Kya lái thuyền tới chỗ Jumpin’ để xem có tiền thu được từ cá xông khói không. Suốt bao năm qua chỉ có ông ở đó hoặc vài người khách, nhưng lần này khi ch ần chậm đi tới, con bé thấy một phụ nữ da đen to lớn đang quét cầu tàu như quét sàn bếp vậy. Jumpin’ đang ng ồi trên ghế, tựa vào tường tính toán trong sổ của ông. Thấy con bé, ông bật dậy, vẫy chào.

“Chào *bủi* sáng,” con bé nói nhỏ, tập vào bên hết sức chuyên nghiệp.

“Chào cháu, cô Kya. Có người tới gặp cháu này. Đây là vợ ta, Mabel.” Bà Mabel bước tới đứng cạnh Jumpin’, thế nên khi Kya bước lên cầu tàu, họ đứng khá gần.

Mabel vươn tay ra nắm lấy tay Kya, nhẹ nhàng áp bàn tay nhỏ trong tay bà và lên tiếng, “Thật tốt khi gặp cháu, cô Kya. Jumpin’ nói với ta cháu là một cô gái giỏi lắm. Một *chong* những tay bắt vẹm cừ nhất.”

Bất chấp việc phải cuộc vườn, hôm nào cũng nấu ăn hết nửa ngày, lại còn cọ rửa và may vá cho người da trắng, bàn tay Mabel vẫn mềm mại. Kya giữ nguyên những ngón tay mình trong chiếc găng nhưng đó nhưng không biết nói gì, nên đành đứng im lặng.

“Cô Kya này, chúng tôi có một gia đình sẽ đổi quần áo và đồ đạc khác lấy cá hun khói của cháu.”

Kya gật đầu. Mỉm cười với bàn chân nó. Rồi hỏi, “Còn xăng cho thuyền cháu thì sao?”

Mabel đưa cặp mắt dò hỏi về phía Jumpin’.

“VẬY ĐI,” ông nói, “hôm nay ta sẽ đổ cho cháu một ít xăng *dì* ta biết cháu đang gần hết. Nhưng lúc nào có thể thì cháu cứ mang vệm và mấy thứ như vậy tới.”

Mabel nói bằng giọng sang sảng của bà. “Chúa ơi, cháu bé, đừng lo ngại gì về mấy tiểu tiết. Để ta ngắm cháu nào. Ta phải tính cỡ của cháu để báo cho họ.” Bà dẫn con bé vào cửa hàng nhỏ xú. “Hãy ngồi ngay đây và bảo ta xem cháu cần áo quần gì và đồ gì nữa.”

Sau khi họ trao đổi về danh sách các vật dụng, bà Mabel cho Kya đặt chân lên một túi giấy nâu, vẽ lại hình bàn chân con bé rồi nói, “Được rồi, *ngài* mai trở lại sẽ có một xấp đồ cho cháu.”

“Cháu biết ơn lắm, bà Mabel,” rồi, giọng hạ thấp, nó bày tỏ, “Có một việc khác nữa. Cháu tìm thấy mấy túi hạt giống cũ này, nhưng cháu không biết gì về làm vườn hết.”

“Chà.” Mabel ngửa người và bật ra tiếng cười từ sâu trong bộ ngực hào phóng của bà. “Làm vườn thì ta biết đấy.” Bà hướng dẫn các bước cực kỳ chi tiết, rồi thò tay vào mấy cái hộp trên kệ và bốc ra vài nắm hạt bí rợ trái dài, cà chua với bí ngô. Bà gói mỗi loại vào giấy và vẽ hình loại trái ở mặt ngoài. Kya không biết Mabel làm thế vì bà không viết được hay vì bà biết Kya không đọc được, nhưng như vậy lại tiện cho cả hai người.

Con bé cảm ơn vợ chồng họ khi bước xuống thuyền.

“Ta rất vui được giúp cháu, cô Kya. Mai *chở* lại lấy đồ của cháu nhé,” bà Mabel dặn.

Chiều hôm đó, Kya bắt đầu cuộc luống ở chỗ từng là vườn cây của má. Cái cuộc tạo ra tiếng lụp cụp khi di chuyển dọc các luống, xới lên mùi đất ẩm và nhô bật mấy con giun hồng hồng. Rồi một tiếng *kịch* khác lạ vang lên, và Kya cúi xuống nhặt ra một chiếc kẹp cũ bằng nhựa và kim loại của má. Con bé nhẹ nhàng chùi nó vào quần yếm cho đến khi đất cát rơi sạch. Như thể được phản chiếu trong món đồ rẻ tiền đó, đôi môi thắm đỏ và cặp mắt thắm màu của má hiện lên rõ nét hơn bất kỳ lúc nào trong những năm qua. Kya nhìn quanh; chắc chắn lúc này má đang bước trên đường cát, đến giúp nó lật xới khoảng đất. Cuối cùng cũng trở về nhà. Hiếm hoi lắm không gian mới tĩnh mịch đến vậy; cả lũ quạ cũng im tiếng, và con bé có thể nghe thấy hơi thở của chính mình.

Vén mớ tóc, nó cài chiếc kẹp lên phía trên tai trái. Có lẽ má chẳng bao giờ về nhà nữa. Có lẽ vài giấc mơ nên tan biến đi thôi. Con bé nhặt cuộc lên và đập một khối đất sét cứng còng thành nhiều mẫu nhỏ.

Khi Kya lái thuyền tới bến Jumpin' sáng hôm sau, ông chỉ có một mình. Có lẽ dáng hình to lớn và những đề nghị tử tế của vợ ông là ảo ảnh. Nhưng ngay đó, nằm trên cầu tàu, là hai thùng vật dụng mà Jumpin' đang chỉ, một nụ cười rộng nở trên mặt ông.

“Chào *bủi* sáng, cô Kya. Cái này cho cháu.”

Kya nhảy lên cầu tàu và nhìn chăm chăm hai thùng đầy ắp.

“Tới lấy đi, cháu,” Jumpin' bảo. “Của cháu *hếch* đó.”

Nhẹ nhàng, con bé lôi ra nào quần yếm, nào quần jean, lại có cả áo kiêu chứ không chỉ áo thun thường. Một đôi giày cột dây màu xanh thủy

thủ hiệu Keds và vài đôi saddle hai màu từ Buster Brown, chỗ trắng và nâu được đánh bóng nhiều lần đến sáng loáng. Kya giơ lên một chiếc áo trắng có cổ ren và nơ xa-tanh xanh biển. Miệng nó bất giác hé mở.

Chiếc thùng còn lại có diêm, bột ngô, một hộp bơ, đậu sậy khô và cả lít mỡ heo nhà làm. Đặt trên cùng, gói bằng giấy báo, là củ cải với rau tươi, củ cải tròn Thụy Điển và đậu bắp.

“Jumpin’,” con bé khẽ cất lời, “chỗ này nhiều hơn giá của xô cá kia. Chừng này có thể bằng số cá cả tháng.”

“Chắc, người ta biết làm *dì* với đồng đồ cũ nằm quanh nhà hử? Nếu họ có dư đồ và cháu cần chúng, cháu lại có cá là cái họ cần, vậy thì đồ giao cá nhận thôi. Cháu phải lấy chúng ngay đi, *dì* ở đây ta *hông* có chỗ cho ba thứ tạp nhạp đó.”

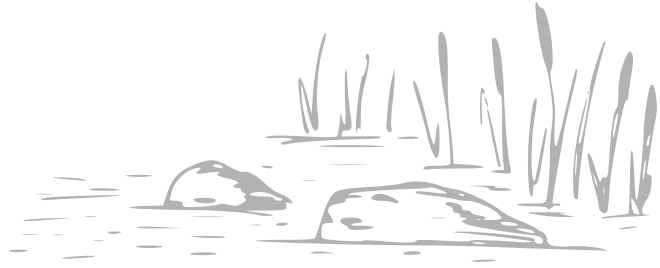
Kya biết đi đâu đó đúng. Jumpin’ không có thừa chỗ trống, nên nó sẽ giúp được ông khi lấy đồng đồ đó khỏi cầu tàu.

“Vậy cháu sẽ lấy chúng. Nhưng ông gửi lời cảm ơn họ, được không ông? Rồi cháu sẽ xông khói thêm và mang cá đến ngay khi có thể.”

“Được rồi, cô Kya. Vậy ổn rồi. Cháu đem cá tới khi cháu có chúng.”

Kya lái thuyền bình bịch trở ra biển. Khi đã vòng qua bán đảo, khuất tầm mắt Jumpin’, con bé tắt máy cho thuyền trôi, bới cái thùng, và lôi ra chiếc áo cổ ren nọ. Nó tròng áo ra ngay bên ngoài chiếc quần yếm xước xát phải vá đầu gối, và thắt sợi ruy băng xa-tanh thành một cái nơ nhỏ ở cổ. Rồi, một tay trên cần lái một tay trên cái cổ ren, con bé băng băng lướt qua biển và cửa sông để về nhà.

Lông vũ



1960

Gầy và cao lêu nghêu nhưng rắn chắc so với tuổi mười bốn, Kya đứng trên bãi biển chi ều, ném vụn bánh cho lũ mòng biển, vẫn không thể đếm chúng; vẫn chẳng thể đọc. Không còn nữa giấc mơ hải cánh bay với đại bàng; có lẽ khi ta phải cào bữa tối từ bùn, trí tưởng tượng dần xẹp xuống cùng sự trưởng thành. Chiếc váy hoa hai dây của má ôm khít ngang ngực nó và phủ vừa quá gối; con bé đoán mình đã đuổi kịp, và hơn nữa. Nó thả bộ lại lán nhà, lấy cần câu và dây, rồi đi thẳng tới câu ở một bụi cây phía xa của phá nước.

Khi con bé vừa quăng câu, một que gỗ gãy rộp sau lưng nó. Kya quay phắt đầu lại, ngó nghiêng. Một tiếng bước chân trong bụi rậm. Không phải gấu, bàn chân lớn của chúng lép nhép trên đất, đây là một tiếng *kịch* chắc rõ trong bụi mâm xôi. Rồi lũ quạ kêu rân lên. Quạ không thể giữ bí mật kín như bùn; khi thấy cái gì đó gây tò mò trong rừng rậm là chúng phải quang quác cho mọi người biết. Những kẻ lắng nghe sẽ được thưởng: được cảnh báo về thú dữ hoặc báo động có thức ăn. Kya biết là có gì đó.

Con bé thu dây về, quẩn quanh cần câu trong khi lặng lẽ vén bụi rậm đi tới. Dừng lại lần nữa, lắng nghe. Một khoảng rừng trống tối tăm – một trong những nơi con bé yêu thích nhất – bung ra như hang động dưới năm cây sồi, ken dày đến nỗi chỉ có những luồng sáng mỏng mờ hồ rớt qua

vòm lá, rọi sáng những mảng hoa duyên linh và violet trắng thắm tươi. Mắt con bé soát hết một vòng khoảng trống nhưng không thấy ai cả.

Rồi một hình thù sượt qua bụi rậm đằng xa, và mắt con bé chạy thoát về phía đó. Cái bóng ngừng lại. Tim Kya đập mạnh hơn. Nó thụp xuống, khom người chạy thật nhanh và yên lặng nấp vào lùm cây thấp bên rìa khoảng trống. Quay lại nhìn qua cành lá, con bé thấy một cậu trai lớn tuổi hơn mình đang bước vội qua rừng, đầu quay qua quay lại. Cậu dừng bước khi thấy nó.

Kya thụp xuống sau một bụi gai, rồi chui vào lối thoắt chạy luồn lách giữa các bụi rậm dày như tường một pháo đài. Vẫn khom người, nó lồm cồm bò, tay quệt vào gai trầy xước. Dừng lần nữa, lại lắng nghe. Trốn ở đó trong cái nóng hần hập, cổ họng nó rất bỏng vì khát. Sau mười phút, không ai tới, nó luồn ra một dòng suối tự rêu và hớp nước như một con hươu. Con bé tự hỏi cậu trai là ai và tại sao cậu ta lại tới. Đó là vấn đề của việc đến chỗ Jumpin' – người ta bắt gặp nó ở đó. Như cái bụng dưới của một con nhím, con bé bị phơi ra.

Cuối cùng, giữa nhá nhem và tối mịt, thời khắc mà bóng tối chưa bao phủ chắc chắn, con bé quay về lán qua khoảng trống giữa cụm sồi.

“Vì cậu ta lén lút mò tới mà mình không bắt được con cá nào xông khói cả.”

Giữa khoảng rừng trống là một gốc cây mục ruỗng, bị rêu phủ dày đến nỗi trông giống một ông lão giấu mình dưới tấm áo choàng. Kya tới gần, rồi khựng lại. Cắm vào gốc cây và đang giương thẳng là một chiếc lông vũ mỏng màu đen, cỡ mười hai mười lăm phân gì đó. Dưới mắt hầu hết mọi người thì hẳn nó rất bình thường, có lẽ là một chiếc lông quạ. Nhưng con bé biết nó cực kỳ đặc biệt vì đó là “lông mào” của loài diệc

xanh lớn, sợi lông vũ uốn cong duyên dáng trên mắt và dài vút ra sau cái đầu thanh tú của cô nàng. Một trong những mẫu tinh xảo nhất của đồng lầy duyên hải, nằm ngay đó. Con bé chưa bao giờ tìm thấy một chiếc nhưng lập tức biết nó là gì, với cả cuộc đời đã ng ẩ nhìn ngang t ầm mắt diệc.

Một con diệc xanh lớn là màu sương mờ xám phản chiếu trong nước biếc xanh. Và như sương, cô nàng có thể nhòa vào n ền cảnh, toàn thân tan biến trừ những vòng tròn đồng tâm của đôi mắt khóa-và-lên-đạn. Là một thợ săn nhẫn nại và đơn độc, cô nàng sẽ đứng một mình lâu đến chừng nào cần thiết để chop con m ồi. Hoặc, nhắm vào mục tiêu, cô nàng sẽ ch ậm chạp tiến tới từng bước một, như một cô phù dâu hau háu sẵn thú nhỏ. Nhưng cũng có những dịp hiếm hoi cô nàng bay đi sẵn, vụt tới và bỏ xuống đột ngột, chiếc mỏ như gươm chĩa v ề phía trước.

“Làm sao nó cắm thẳng vào gốc cây được?” Thì thầm, Kya nhìn quanh. “Ắt cậu trai h ồi nãy đã để nó ở đây. Có thể lúc này cậu ta đang dõi theo mình.” Con bé đứng im, tim lại đánh thành thạch. Lùi ra xa, nó bỏ chiếc lông, chạy v ề lán r ồi khóa cửa hiên lại, vốn là đi ều nó hiếm khi làm vì chút bảo vệ đó chẳng thấm tháp gì.

Thế nhưng khi bình minh len lỏi vào giữa những thân cây, con bé cảm thấy một lực hút mạnh lôi mình tới chỗ chiếc lông vũ, ít nhất cũng để nhìn nó thêm l ần nữa. Lúc mặt trời lên Kya chạy tới khoảng rừng trống, nhìn quanh cẩn thận, r ồi bước tới gốc cây nhặt chiếc lông lên. Nó thật mượt mà, g ần như nhung vậy. V ề lán, con bé tìm một chỗ đặc biệt cho nó ở trung tâm bộ sưu tập treo tường – có đủ từ lông chim ru ồi nhỏ đến đuôi đại bàng lớn. Con bé tự hỏi sao một cậu con trai lại đem tới cho nó một chiếc lông.

Sáng hôm sau, Kya muốn chạy tới gốc cây xem có chiếc nào khác được để lại không, nhưng nó buộc mình phải chờ đợi. Con bé không được gặp cậu trai đó. Cuối cùng, hết buổi sáng nó mới đi tới khoảng trống, tiến bước thật chậm, dỏng tai nghe. Nó không thấy hay nghe ai nên bước về phía trước, và một nụ cười hiếm hoi thoáng bừng sáng gương mặt khi con bé thấy một chiếc lông trắng cắm trên gốc cây nọ. Nó dài từ đầu ngón tay tới cùi chỏ con bé, và uốn cong mềm mại đến một đầu mút yêu kiều. Kya cần nó lên và bật cười. Một chiếc lông đuôi lông lầy của chim nhiệt đới. Con bé chưa bao giờ thấy loài chim biển đó vì chúng không có ở vùng này, nhưng thỉnh thoảng chúng bị thổi bật lên đất liền trên đôi cánh bão.

Tim Kya dâng trào niềm ngạc nhiên ngưỡng mộ trước việc có người sở hữu bộ sưu tập lông vũ hiếm và phong phú thế, đủ để cậu có thể chia sẻ chiếc lông này.

Vì không đọc được sách hướng dẫn cũ của má, con bé không biết tên hầu hết các loại chim với côn trùng nên nó đặt ra hẳn tên riêng. Và mặc dù không biết viết, Kya đã tìm ra cách để dán nhãn những mẫu vật. Tài năng của con bé đã chín và giờ nó có thể vẽ, sơn và phác họa bất cứ thứ gì. Sử dụng phấn hay màu nước từ tiệm năm xu một hào, nó ký họa chim, côn trùng hoặc vỏ sò trên những túi tạp hóa và dán tranh vẽ lên mẫu vật.

Đêm đó Kya tiêu hoang, thấp hai cây nến và gắn chúng lên đĩa nhỏ trên bàn bếp để có thể chiêm ngưỡng mọi sắc độ trong màu trắng, và vẽ chiếc lông chim nhiệt đới kia.

Trong hơn một tuần không có chiếc lông nào trên gốc cây cả. Kya tới đó vài lần một ngày, cảnh giác hé nhìn qua kẽ dương xỉ, nhưng chẳng thấy gì. Nó ng ồi trong nhà vào giữa trưa, một việc rất hiếm.

“Nên ngâm đậu cho bữa tối. Giờ thì trễ quá r ồi.” Nó đi qua bếp, lục soạn tủ chén, nhịp nhịp ngón tay lên bàn. Nghĩ tới việc vẽ, nhưng không làm vậy. Lại trở ra cái gốc rêu.

Ngay từ xa con bé đã trông thấy chiếc lông đuôi dài có sọc của gà tây hoang dã. Nó làm con bé ng ờ ngàng. Gà tây là một trong những loài Kya thích nhất. Con bé đã nhìn cả bảy mươi hai con non chui vào dưới cánh mẹ khi gà mẹ tục tục đi, một vài con té lăn ra sau r ồi lật đật đuổi theo mẹ.

Thế nhưng khoảng một năm trước, khi dạo qua một cụm thông, Kya chợt nghe tiếng kêu chói lói. Một bảy mươi lăm con gà tây hoang dã chạy vòng quanh – hầu hết là gà mái, vài con trống với trống choai – đang mổ mổ thứ gì đó trông như một cái giẻ dính d ầu nhàu nhĩ trên đất. Bụi tung lên từ chân chúng và bao phủ khu rừng, bay qua những cành cây, dính lại đó. Khi Kya rón rén tới gần hơn, con bé thấy trên đất là một con gà mái, đang bị những con cùng loài mổ và cào xé lên cổ lên đầu. Bằng cách nào đó nó đã làm cánh bị quấn càn gai nhỏ rồi nùi, lông dựng lên những góc kỳ cục và không thể bay được. Jodie từng nói nếu một con chim trở nên khác những con cùng bầy – bị thương hay biến dạng – nó sẽ dễ thu hút thú săn m ồi hơn nên những con khoẻ trong bầy sẽ giết nó, vậy còn hơn là dụ tới một con đại bàng, vốn có thể bắt đi một trong số chúng.

Một con gà mái to cào lên con mái bèo nhèo bằng cặp giò lớn, cứng và khoẻ, r ồi đè nó xuống đất trong khi một con mái khác đâm vào cái đầu

và cổ trăn của nó. Con gà mái kêu thất thanh, nhìn quanh với cặp mắt hoảng loạn khi bầy của nó tấn công nó.

Kya chạy vào khoảng rừng trống, hai tay quơ loạn. “Này, tụi bây làm gì vậy? *Biếng* khỏi đây. Dừng lại hết đi!” Con lóc những đôi cánh đập phành phạch làm bụi bốc mù hơn khi lũ gà tây chạy tán loạn vào lùm bụi, hai con nặng nề bay vào một cây sồi. Nhưng Kya tới quá muộn. Con gà mái, hai mắt mở to, nằm bất động. Máu chảy xuống từ chiếc cổ nhăn nheo của nó, gầy gập trong đất bùn.

“Xùy, biến đi!” Kya đuổi mấy con gà lớn cuối cùng cho tới khi chúng lờ lờ đi hết, việc của chúng đã xong xuôi. Con bé quỳ xuống cạnh cô gà chết và nhặt một chiếc lá sung dâu che mắt nó.

Buổi tối sau khi thấy bầy gà, con bé ăn một bữa đậu với bánh mì ngô, rồi nằm trên cái giường ngoài hiên, ngắm mặt trăng chạm lên phá nước. Đột nhiên, nó nghe tiếng nói trong rừng vắng tới nhà. Chúng có vẻ lí nhí, lo sợ. Là mấy đứa con trai, không phải đàn ông. Con bé ngẩng thẳng dậy. Lán không có cửa sau. Hoặc là chạy ra bây giờ hoặc vẫn ở trên giường khi chúng đến. Nhanh như một con chuột, Kya vọt ra cửa, nhưng lúc đó thì mấy ngọn nến xuất hiện, nhấp nhô lên xuống, ánh lửa của chúng run rẩy trong quầng sáng vàng. Đã quá muộn để bỏ chạy.

Những tiếng nói trở nên to hơn. “Bọn tao tới đây, Con bé Đờng lầy!”

“E, mày có trống không? Cô Người Vượn!”

“Cho tụi tao xem răng mày nào! Cho tụi tao xem cổ đờng lầy của mày coi!” Những tràng cười rộ.

Kya thụp sâu hơn sau bức vách cao lưng chừng của hiên khi tiếng bước chân tiến lại gần. Những ngọn lửa bập bùng điên cuồng, rồi cùng lúc tắt ngóm khi năm thằng con trai, có lẽ mười ba mười bốn tuổi, chạy qua

sân trước. Mọi tiếng nói tắt hẳn khi bọn chúng guồng chân nhanh hết sức tới hiên và vỗ lòng bàn tay lên cửa, tạo tiếng đập sầm sầm.

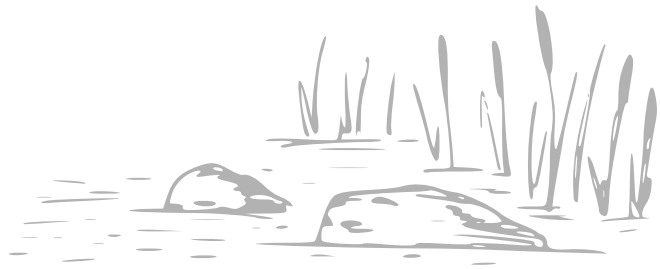
Mỗi tiếng đập là một nhát đâm vào tim con gà mái.

Tựa vào tường, Kya muốn thút thít nhưng cố nín thở. Bọn con trai có thể dễ dàng xông qua cánh cửa này. Một cái giật mạnh, và chúng sẽ vào được.

Nhưng chúng đã quay xuống bậc thềm, chạy trở vào rừng cây, hú huýt và hét lên rằng chúng đã sống sót sau khi giáp mặt Con bé Đờng lầy, Đứa con của Sói, đứa con gái đến chữ *chó* cũng không đánh vờn nổi. Từng lời và tiếng cười của chúng vẳng qua rừng tới chỗ con bé khi chúng biến mất vào đêm tối, về lại chỗ an toàn. Con bé nhìn những ngọn nến được thấp lại, nhấp nhô lên xuống giữa rừng cây. Rồi ngẩng nhìn trân trân vào bóng tối im lìm như đá. Cảm thấy nhục nhã.

Kya luôn nghĩ về cái ngày và đêm hôm đó mỗi khi bắt gặp gà tây hoang dã, nhưng nó vẫn phấn khởi khi thấy chiếc lông đuôi trên gốc cây rêu. Chỉ để biết trò chơi vẫn còn tiếp tục.

Sợi vải đỏ



1969

Cái nóng nồm khiến sáng ngày nhòe thành một mảng mơ hồ không trời không biển. Joe bước ra từ tòa nhà cảnh sát và gặp Ed vừa xuống khỏi xe tuần tra. “Cảnh sát trưởng, lại đây. Có thêm kết quả khám nghiệm vụ Chase Andrews. Trong nhà nóng như hơi thở lợn lòi.” Ông dẫn đường tới một cây sồi lớn, bộ rễ lâu đời của nó thoi xuyên qua đất trăn như một nắm tay. Cảnh sát trưởng đi theo, nghiêng lên những hạt sồi lạo xạo, và họ đứng vào bóng mát, mặt hướng ra gió biển.

Joe đọc to. “ ‘Nhiều vết bầm trên người, tổn thương trong, khớp với một cú ngã từ trên cao xuống.’ Cậu ta quả có đập đầu vào thanh xà đó – máu mủ và tóc khớp với cậu ta – việc đó gây ra vết bầm nghiêm trọng và tổn thương thùy sau nhưng không giết chết cậu. Cậu ta chết ở chỗ chúng ta tìm thấy, không bị di chuyển. Máu và tóc trên xà chứng tỏ đi đầu đó. ‘Nguyên nhân cái chết: va chạm đột ngột lên thùy chẩm và thùy đỉnh của vỏ não sau, gây cột sống’ – vì ngã xuống từ trên tháp.”

“Vậy ai đó quả thật đã phá hủy mọi dấu chân và dấu vân tay. Còn gì nữa không?”

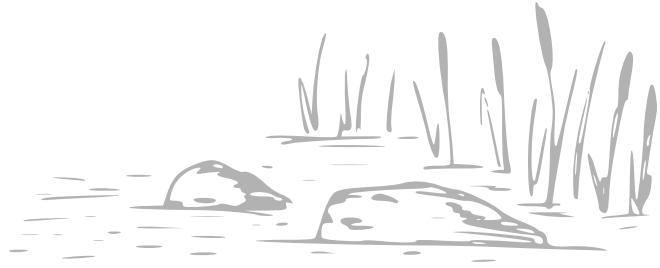
“Nghe này. Họ tìm thấy rất nhiều sợi vải lạ trên áo khoác cậu ta. Sợi len đỏ không thuộc về món quần áo nào của cậu ta cả. Có mẫu đây.” Cảnh sát trưởng lắc lắc một túi nhựa nhỏ.

Cả hai người cùng nhìn những sợi chỉ đỏ ép vào lớp nhựa như mạng nhện.

“Len, báo cáo nói thế. Có thể là một chiếc áo len, khăn choàng, mũ,” Joe kể ra.

“Áo, váy, vớ, áo choàng. Chết tiệt, nó có thể là bất cứ thứ gì. Và chúng ta phải tìm ra nó.”

Trò chơi



1960

Trưa tiếp theo, tay áp lên hai má, Kya chậm rãi bước lại chỗ gốc cây, gần như vừa đi vừa cầu nguyện. Nhưng không có chiếc lông nào trên đó. Môi con bé mím lại.

“*Đĩ* nhiên. Mình phải để lại gì đó cho cậu ta.”

Con bé mang trong túi chiếc lông đuôi một chú đại bàng đầu trắng còn non mới tìm thấy hồi sáng. Chỉ có người rành về chim mới biết cái lông lem nhem, lùi xùi này là của đại bàng. Mới ba tuổi, đầu chưa trắng. Không tuyệt quý như lông đuôi chim nhiệt đới nhưng vẫn quý. Con bé cẩn thận đặt nó lên gốc cây và chặn đá lên trên để nó không bị gió thổi mất.

Tối đó, hai tay kê dưới đầu, con bé nằm trên giường ngoài hiên, một nụ cười khế nở trên gương mặt. Gia đình con bé đã bỏ nó tự sinh tồn ở đầm lầy, nhưng đây lại có người tìm tới, để lại quà cho nó trong rừng rậm. Sự bất an vẫn còn lớn vồn, nhưng càng nghĩ con bé càng cảm thấy cậu trai không có ý làm hại nó. Có lý nào một người yêu chim lại mang ác ý đâu.

Sáng hôm sau, Kya bật dậy khỏi giường và bắt đầu làm việc má gọi là “làm sạch sâu”. Trước tủ của má, Kya chỉ dự định lựa đồ từ số quần áo còn lại trong các ngăn tủ, nhưng khi cấn lên cây kéo bằng đồng và thép của bà – chỗ cấn tay cong cong có hoa văn lily tinh xảo – đột nhiên con bé lật tóc

ra sau, vốn chưa hề được cắt kể từ khi má bỏ đi bảy năm trước, và cắt một lượt hai mươi phân tóc. Giờ mái tóc chỉ hơi dài quá vai con bé. Nó nhìn mình trong gương, lắc lắc đầu, mỉm cười. Chà sạch những ngón tay và chải tóc cho đến khi bóng mượt.

Trà kéo và lược vào chỗ, con bé nhìn xuống vài thứ mỹ phẩm cũ của má. Kem nền và phấn hồng đã khô và nứt rạn ra, nhưng hạn dùng của son chắc phải đến hàng thập kỷ vì khi con bé mở một cây son, trông nó vẫn mới. Lần đầu tiên trong đời, vốn chưa từng chơi diện đồ hóa trang khi còn là bé gái, Kya tô chút son lên môi. Bặm môi, rồi lại mỉm cười với tấm gương trước mặt. Nghĩ rằng trông mình cũng xinh xinh một chút. Không như má, nhưng đủ để nhìn. Con bé khúc khích cười, rồi chùi son đi. Ngay trước khi đóng tủ, nó thấy một lọ sơn móng tay Revlon khô cạn – Phốt Hồng.

Kya cần chiếc lọ lên, nhớ lại ngày má từ thị trấn về nhà với lọ sơn móng này trong bao nhiêu thứ có thể mua được. Má nói nó trông sẽ rất đẹp với nước da ô-liu của họ. Bà cho Kya và hai chị lớn ngồi thành hàng trên chiếc sofa sờn cũ, bảo chúng thò chân ra, và sơn lên tất cả ngón chân rồi ngón tay ba đứa. Sau đó bà tự sơn cho mình, rồi họ cùng cười và có một khoảng thời gian vui thích khi tung tăng quanh sân, khoe những chiếc móng hồng phốt. Ba không có nhà, nhưng chiếc thuyền được cột ở phá. Má nảy ra ý tưởng cho cả hội con gái cùng đi thuyền chơi, một việc họ chưa từng làm.

Họ trèo vào chiếc thuyền mũi nhọn đuôi vuông cũ, vẫn còn nhảy nhót như đang say. Phải kéo vài lần máy gắn ngoài thuyền mới chạy, nhưng cuối cùng nó cũng nổ lịch bạch, và họ lên đường, má lái qua phá nước vào con kênh nhỏ đưa tới đồng lầy. Họ lướt qua dọc dòng kênh, nhưng má không

rành đường đi lối lại và khi vào một phá nước nông, họ bị mắc cạn trong bùn đen dính dính, đặc tựa nhựa đường. Họ chống sào hướng này hướng nọ nhưng không nhích đi đâu được. Không còn cách nào khác ngoài trèo ra, với váy áo và đủ thứ, chịu lún tới đâu gối trong bùn đặc.

Má la to, “Đừng lật úp nó nhé các con, đừng lật úp,” và họ kéo chiếc thuyền đến khi nó thoát cạn, ré lên trước khuôn mặt lấm lem bùn đất của nhau. Rồi chật vật một lúc họ mới leo được lên, lật bết vật người qua bên mép thuyền như cá bị giật khỏi nước rớt lên cạn. Và thay vì vào chỗ ngẩng, bốn mẹ con nhón nhét nằm xếp lớp dưới lòng thuyền, giờ chân lên trời, ngo nguẩy mấy ngón chân, những chiếc móng hồng lấp lánh qua bùn bám.

Nằm đó má nói, “Các con nghe này, đây là một bài học đích thực cho cuộc sống đấy. Phải, chúng ta đã bị mắc kẹt, nhưng các cô gái chúng ta làm gì nào? Chúng ta biến nó trở nên vui tươi, chúng ta phá lên cười. Chị em và hội bạn gái là như thế. Bên nhau ngay cả lúc ở trong bùn, đặc biệt là lúc ở trong bùn.”

Má không mua nước tẩy nên khi lớp sơn bắt đầu bong tróc, chúng phai đi, móng lam nham chỗ trắng chỗ hồng trên tất cả ngón tay ngón chân họ, nhắc bốn mẹ con nhớ về thời gian vui vẻ họ đã có, và bài học cuộc sống kia.

Nhìn vào cái lọ cũ đó, Kya cố gắng nhớ lại khuôn mặt các chị. Và buột miệng nói to, “Giờ má ở đâu? Tại sao má không ở bên con nữa?”

Vừa đến khoảng rừng trống vào buổi chiều tiếp theo, Kya đã thấy những màu sắc sáng rõ, kém tự nhiên trên nền những xanh lục và nâu trầm của

rừng rậm. Trên gốc rêu là một hộp sữa nhỏ màu đỏ và trắng, và bên cạnh là một chiếc lông. Có vẻ như cậu trai đã tăng độ khó của trò chơi. Con bé đi tới và cầm chiếc lông lên trước.

Bằng bạc và mềm mại, nó đến từ ngực diệc đêm, một trong những loài đẹp nhất đồng lầy. Rồi con bé nhìn vào hộp sữa. Được cuộn chặt là vài gói hạt giống – củ cải, cà rốt, đậu xanh – và dưới đáy hộp, gói trong giấy nâu, là bugi cho thuyền của nó. Con bé mỉm cười lần nữa và xoay một vòng nhỏ. Nó đã học cách sống không có hầu hết mọi thứ, nhưng thỉnh thoảng cũng cần một cái bugi. Jumpin' đã chỉ nó vài bài sửa động cơ đơn giản, nhưng mỗi chi tiết máy đều cần một chuyến vào phố và ti nhiên.

Vậy mà ở đây lại có đôi một cái bugi, có thể để dành đến khi cần thiết. Một món thừa. Con bé nghe trái tim đập ập. Cảm giác giống như khi có một bình xăng đầy hay thấy mặt trời lặn dưới bầu trời như được vẽ nên bằng cọ. Con bé đứng yên tuyệt đối, cố gắng hiểu chuyện này nghĩa là gì. Nó đã từng thấy chim trống tán tỉnh con mái bằng cách mang quà đến cho chúng. Nhưng con bé còn khá nhỏ để làm tổ.

Dưới đáy hộp còn có một mẫu giấy gấp. Con bé mở nó ra và nhìn vào hàng chữ bên trong, được viết nắn nót bằng những từ đơn giản mà trẻ con có thể đọc. Kya đã nằm lòng thời gian nước ròng nước lớn, có thể tìm đường về nhà nhờ những vì sao, biết rõ từng chiếc lông của đại bàng trên cao, nhưng ở tuổi mười bốn, nó vẫn chưa đọc được những con chữ đó.

Con bé đã quên mang theo món gì để lại. Túi nó chỉ đựng những chiếc lông, vỏ sò và vỏ hạt bình thường, nên nó vội quàng về nhà và đứng trước bức tường lông vũ của mình, nghiêng ngó lựa. Đẹp nhất là lông đuôi thiên nga tundra. Con bé lấy một cái trên tường để đặt lên gốc cây vào lần sau ghé lại.

Khi chiều xuống, con bé ôm mền ra ngủ ở đồng lầy, gần một rãnh nước đầy ánh trăng với vẹm, và sáng ra đã có hai túi vải bố đầy. Tiễn xăng. Chúng quá nặng để xách đi nên con bé lúi xính xệch cái đầu tiên trở lại phá nước. Mặc dù đó không phải đường ngắn nhất, nó vẫn chọn lối chạy qua khoảng sồi trống hòng để lại chiếc lông thiên nga. Con bé đi vào rừng cây mà không dòm chừng trước, và ở đó, đang tựa vào gốc rêu, là cậu trai lông vũ. Nó nhận ra cậu là Tate, người đã chỉ nó đường về qua đồng lầy khi nó còn nhỏ. Tate, người mà nhiều năm liền nó dõi theo từ xa mà không có can đảm lại gần. Tất nhiên giờ cậu đã cao và lớn hơn, tầm mười tám tuổi. Mái tóc vàng của cậu chìa ra từ dưới nón theo đủ kiểu xoắn tít lò xo, và khuôn mặt cậu rám nắng, ưa nhìn. Cậu có vẻ bình thản, cười tươi, cả gương mặt bừng sáng. Thế nhưng ánh mắt cậu mới là cái thu hút con bé; chúng có màu nâu ánh vàng điểm sắc lục, và đang dán lên Kya như mắt diệc chột thấy cá tuế.

Con bé khựng lại, bàng hoàng vì phá vỡ đột ngột quy luật bất thành văn. Đó là chỗ thú vị của trò chơi, khi họ không phải nói hay thậm chí là thấy mặt người còn lại. Hơi nóng dâng lên mặt con bé.

“Này, Kya. Làm ơn... đừng... bỏ chạy. Chỉ... là anh... Tate,” cậu nói rất khẽ, rất chậm rãi, như thể con bé là đứa ngu ngốc hay gì. Có lẽ đó là điều người trong thị trấn vẫn nói về nó, rằng nó gần như chẳng nói được tiếng người.

Tate không thể không nhìn chăm chăm. Cô bé phải tầm mười ba mười bốn tuổi, cậu nghĩ. Nhưng ngay cả ở độ tuổi đó, Kya vẫn có gương mặt thu hút nhất cậu từng trông thấy. Cặp mắt to gần như đen thẫm, chiếc mũi thanh tú trên bờ môi đầy đặn cuốn hút, vẽ nên cô bé trong một thứ ánh sáng xa lạ, khác thường. Cô bé cao, gầy, một dáng vẻ uyển chuyển, mảnh mai

như thể được nặn nên hoang dã bằng đôi tay gió. Nhưng lại có những cơ bắp trẻ, khỏe hiện ra với sức mạnh âm thầm.

Bản năng Kya, như mọi khi, là bỏ chạy. Nhưng còn một cảm giác khác nữa. Một sự đầy ắp mà nhiều năm rồi nó không cảm thấy. Như thể có thứ gì đó ấm áp được rót vào tim. Con bé nghĩ tới số lông vũ, cái bugi, những hạt giống. Tất cả có thể chấm dứt nếu nó bỏ chạy. Không nói gì, nó nhấc tay và giờ chiếc lông thiên nga thanh thoát về phía cậu. Chậm rãi, làm như con bé có thể nhảy vọt đi như một chú nai hoảng hốt, cậu bước tới và ngắm nghía chiếc lông. Con bé im lặng nhìn, chỉ hướng vào món quà, không phải gương mặt cậu, không lại gần đôi mắt đó.

“Thiên nga tundra, phải không? Phi thường quá, Kya. Cảm ơn em nhé,” cậu nói. Cậu cao hơn nhiều và hơi cúi xuống khi đón lấy chiếc lông từ con bé. Cố nhiên, đây là lúc để cảm ơn cậu về những món quà, nhưng nó đứng lặng thinh, ước gì cậu đi đi, ước gì cậu và nó có thể giữ trò chơi của họ như cũ, không hơn không kém.

Cố gắng lấp đầy sự im lặng, cậu nói tiếp. “Cha của anh là người dạy anh về lũ chim.”

Cuối cùng con bé ngược nhìn cậu và đáp, “Em không đọc được thư anh viết.”

“À, phải rồi, vì em không đến lớp. Anh quên mất. Trong đó chỉ nói là anh thấy em vài lần khi câu cá, và nó làm anh nghĩ có thể em cần số hạt và cái bugi. Anh có dư và nghĩ chúng có thể giúp em đỡ một chuyến vào thị trấn. Anh đoán em sẽ thích những chiếc lông vũ.”

Kya cúi đầu nói, “Cảm ơn anh vì mấy món đó; anh thật tốt.”

Tate nhận thấy dù gương mặt và cơ thể đã bộc lộ những dấu hiệu lơ mờ chớm nở của người phụ nữ, cử chỉ và biểu hiện của Kya lại có chút trẻ

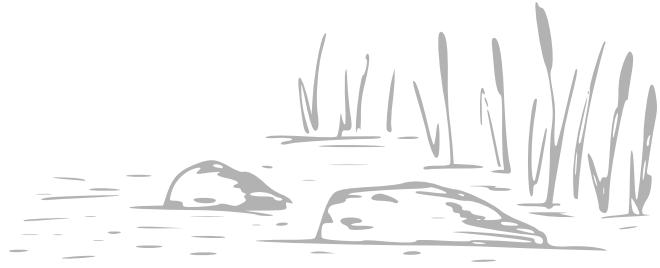
con, trái ngược với bọn con gái trong làng, thường có kiểu cách vượt quá những chớm nở của họ – trang điểm quá tay, chửi thề và hút thuốc.

“Không có gì. Ừm, anh nên đi, trễ rồi. Thi thoảng anh sẽ ghé qua nhé, nếu em thấy ổn.”

Kya không nói gì đáp lại. Trò chơi hẫ đã chấm dứt rồi. Ngay khi nhận ra con bé sẽ không mở miệng thêm nữa, cậu gật đầu với nó, chạm tay lên nón, và quay đi. Nhưng khi sụp xuống để bước vào bụi cây, cậu quay lại nhìn con bé.

“Em biết không, anh có thể dạy em đọc.”

Đọc



1960

Trong nhiều ngày, Tate không trở lại để dạy đọc. Trước khi có trò chơi lông vũ, sự cô đơn đã trở thành một bộ phận tự nhiên nối liền cơ thể Kya, như một cánh tay. Giờ đây nó mọc rễ bên trong và chèn lên ngực con bé.

Một buổi chiều muộn, Kya mặc kệ và đi thuyền ra ngoài. “Mình không thể cứ ngẩng đầu chờ mãi.”

Thay vì đậu ở bến Jumpin’, nơi nó sẽ bị trông thấy, con bé giấu thuyền trong một vũng nhỏ ngay phía nam chỗ đó và cần một túi vải bố, đi bộ xuôi lối mòn râm mát tới Phố Da màu. Suốt ngày, một cơn mưa nhẹ đã lâm thâm rơi, và giờ khi vầng dương xuống sát chân trời, khu rừng bốc lên một màn sương lững lờ tràn qua những khoảng rừng thưa mỏng nước. Kya chưa bao giờ tới Phố Da màu, nhưng biết nó ở đâu và cho rằng mình có thể tìm thấy nhà của Jumpin’ và Mabel khi tới đó.

Con bé mặc quần jean và một chiếc áo hờng nhận từ Mabel. Trong túi vải bố là hai hũ mứt mâm xôi lỏng nó tự làm để đáp lại lòng tốt của hai vợ chồng họ. Nhu cầu được ở gần ai đó, cơ hội trò chuyện với một người bạn là phụ nữ đã thôi thúc con bé tìm tới Phố Da màu. Nếu Jumpin’ chưa về nhà, có lẽ nó có thể ngẩng đầu lại và trò chuyện chốc lát với Mabel.

Khi tới gần một khúc quanh trên đường, Kya nghe những tiếng nói

vọng tới chỗ nó. Con bé dừng lại, chăm chú lắng nghe. Nhanh chân, nó bước khỏi lối mòn vào rừng rậm và nấp sau một bụi hương đào. Một phút sau, hai thằng con trai da trắng mặc quần yếm nhếch nhác đi vòng qua khúc quanh, cầm theo đờcâu cá và một dây cá trê dài bằng tay con bé. Kya đông cứng sau bụi rậm và chờ đợi.

Một trong hai thằng trở dọc lối đi. “*Nhìn* kia kìa.”

“Chúng ta *hông* may sao. Đây một thằng mọi đi *đê* Phố Mọi.” Kya nhìn xuôi con đường và ở đó, đang đi bộ về nhà buổi tối, chính là Jumpin’. Ở khá gần, ông chắc chắn đã nghe bọn chúng, nhưng ông chỉ cúi đầu, bước vào rừng tránh chúng và đi tiếp.

Có chuyện gì với ông ấy vậy, sao ông không làm gì? Kya giận điên. Con bé biết *mọi* là một từ rất xấu – biết vì ba đã dùng nó như tiếng chửi thề. Jumpin’ có thể đập đầu hai thằng vào nhau, dạy chúng một bài học. Nhưng ông chỉ cắn cùi bước cho nhanh.

“Một thằng mọi *dà* đi vào phố. Cẩn thận, thằng mọi, đừng té hồ,” chúng chế nhạo Jumpin’ trong khi ông dán mắt vào ngón chân mình. Một trong hai thằng cúi xuống, lượm một cục đá và liệng nó vào lưng Jumpin’. Nó đập *bộp* vào dưới vai ông. Ông hơi chúi người, rồi đi tiếp. Hai thằng cười rộ khi ông khuất sau khúc quanh, rồi lượm thêm đá đuổi theo ông.

Kya lén lút luồn trong bụi rậm vượt lên trước bọn chúng, mắt dán vào mấy cái nón nhấp nhô trên các cành cây. Nó thụp xuống ở một chỗ cây bụi mọc dày sát lối đi, nơi mà vài giây nữa hai thằng sẽ rảo qua cách nó chỉ một bước. Jumpin’ đã ở phía trước, khuất ngoài tầm mắt. Con bé xoắn cái túi đựng mứt sao cho lớp vải vắn chặt và gút lại quanh mấy cái hũ. Khi bọn con trai bước ngang bụi rậm, con bé vung cái túi nặng quất bộp vào sau đầu thằng gần nhất. Thằng này đổ ụp về phía trước và té đập mặt. Hú và rít

lên lạnh lạnh, con bé chạy về phía thẳng còn lại, sẵn sàng đập luôn đầu nó, nhưng thẳng ranh đã chạy mất. Con bé lủi vào rừng khoảng năm mươi thước và nhìn ra cho đến khi thẳng đầu tiên lồm cồm đứng dậy, ôm đầu vắng tục.

Cần cái túi đựng mứt, con bé quay lại thuyền của nó và lái về nhà. Nghĩ rằng nó hẳn không bao giờ ghé thăm nữa.

Ngày hôm sau, khi nghe tiếng thuyền Tate bình bịch qua con kênh, Kya chạy ra phá nước và đứng trong bụi rậm, nhìn cậu bước khỏi thuyền, ba lô cần tay. Nhìn quanh, cậu cất tiếng gọi nó và con bé chậm rãi bước ra, mặc quần jean vừa khít và chiếc áo trắng có hàng nút lộn xộn đủ kiểu.

“Chào Kya. Xin lỗi vì anh không thể tới sớm hơn. Phải phụ cha anh, nhưng chúng ta sẽ giúp em biết đọc ngay thôi mà.”

“Chào anh, Tate.”

“Ngồi đây nhé.” Tate chỉ vào một gốc sồi dưới bóng râm dày đặc quanh phá nước. Từ ba lô, cậu lôi ra một cuốn sách mỏng, cũ phai có bảng chữ cái và một tập giấy viết kẻ dòng. Bằng bàn tay chậm rãi nắn nót, cậu viết vài con chữ giữa các dòng kẻ, *a A, b B*, bảo con bé làm theo, và kiên nhẫn với nỗ lực le-luối của con bé. Trong khi Kya viết, cậu đọc thành tiếng những chữ cái. Nhẹ nhàng, chậm rãi.

Con bé nhớ vài chữ từ Jodie và má nhưng không biết gì về cách ghép chúng thành từ.

Sau vài phút, cậu lên tiếng, “Thấy không, em viết được một từ rồi đó.”

“Ý anh là sao?”

“*C-a-b*. Em có thể viết từ *cab*”

“*Cab* là gì?” con bé hỏi. Tate biết mình không nên cười.

“Đừng lo nếu em chưa biết. Cứ tiếp đi. Chẳng bao lâu em sẽ viết được một từ em biết.”

Lát sau cậu bảo, “Em phải luyện bảng chữ cái thêm nhiều nữa. Phải mất một thời gian mới nắm được, nhưng em có thể đọc một chút rồi. Để anh chỉ em.” Cậu không có sách tập đọc ngữ pháp, nên cuốn sách đầu tiên của con bé là quyển *Niên giám xứ cát* của Aldo Leopold cậu mượn từ cha. Cậu chỉ vào dòng đầu tiên và bảo con bé đọc cho cậu. Từ đầu tiên là *There* và con bé phải xem lại bảng chữ cái rồi tập đọc từng âm, nhưng cậu rất kiên nhẫn, giải thích cách phát âm đặc biệt của phụ âm *th*, và khi cuối cùng cũng đọc được, Kya vung tay lên cười to. Tươi cười, cậu nhìn con bé.

Chậm chạp, Kya tháo gỡ từng từ một của câu: ““Một số người có thể sống mà không có những cái hoang dã bên mình, và một số người không thể.”

“Ồ,” con bé thốt lên. “Ồ.”

“Em đọc được rồi đó, Kya. Sẽ không bao giờ có lúc nào em không biết đọc nữa.”

“*Hông* chỉ có thể.” Con bé nói nhỏ, gần như thì thầm. “Em *hông* biết ngôn từ có thể chứa đựng nhiều điều đến vậy. Em không biết một câu có thể đầy ắp như thế.”

Cậu mỉm cười. “Đó là một câu rất hay. Không phải câu từ nào cũng chứa đựng nhiều như vậy.”

Những ngày tiếp theo, ngồi trên gốc sồi dưới bóng râm hoặc trên bờ biển dưới ánh nắng, Tate dạy Kya đọc chữ, những từ ngữ hát về bầu trời ngỗng và lũ sếu, hiện hữu khắp xung quanh họ. “Nếu như không còn tiếng nhạc của ngỗng thì sao?”

Xen kẽ giữa những lúc phụ việc cho cha hoặc ném bóng chày với các bạn, Tate đến chỗ Kya nhiều lần một tuần và giờ đây, bất kể đang làm gì – nhổ cỏ vườn, cho gà ăn, tìm vỏ sò – con bé luôn lắng tai nghe, chờ tiếng thuy nhiên của Tate rền vang trên kênh nước.

Trên bờ biển một hôm nọ, đang đọc xem bữa trưa của chim bạc má mũ đen gồm có những gì, con bé hỏi cậu, “Anh sống với gia đình anh ở Vũng Barkley à?”

“Anh sống với cha. Ừ, ở Barkley.”

Kya không hỏi phải chăng gia đình cậu từng có nhiều người nữa, giờ đã không còn. Mẹ cậu hẳn cũng đã rời xa cậu. Một phần trong con bé muốn chạm vào tay cậu, một ước muốn lạ lùng, nhưng ngón tay nó không làm theo. Thay vì vậy, nó ghi nhớ những mạch máu xanh xanh phía trong cổ tay Tate, cũng tinh xảo như đường gân vẽ phác trên cánh ong bắp cày.

Buổi tối, ngồi tại bàn bếp, con bé ôn lại bài dưới ngọn đèn dầu hỏa, ánh sáng dịu dịu thấm qua cửa sổ cái lán và chạm lên những cành sồi thấp là đà. Nguồn sáng duy nhất trong hàng dặm dài bóng đêm ngoài những chấm sáng dịu êm của đom đóm.

Cẩn thận, con bé viết và đọc từng từ lần nữa rồi lần nữa. Tate bảo từ dài đơn giản là những từ ngắn nối lại – nên con bé không sợ chúng, nhào vào học ngay *Kỷ Pleitocene* bên cạnh từ *ngồi*. Học đọc là thời gian vui nhất Kya từng có. Nhưng con bé không hiểu tại sao Tate lại đề nghị dạy thứ rác rưởi da trắng nhà nghèo như mình, tại sao ban đầu cậu lại tìm tới, mang theo những chiếc lông vũ tuyệt đẹp. Nhưng con bé không hỏi, sợ rằng sẽ làm cậu nghĩ tới chuyện đó, xui cậu rời đi.

Giờ đây, cuối cùng Kya cũng có thể dán nhãn tất cả những mẫu vật quý giá. Con bé cần từng chiếc lông vũ, chú côn trùng, từng vỏ sò hoặc bông hoa, tìm cách đánh vần tên chúng trong sách của má, rồi cẩn thận viết cái tên lên những hình vẽ trên túi giấy nâu của nó.

“Tiếp theo hai mươi chín là số mấy?” con bé hỏi Tate một ngày nọ.

Cậu nhìn Kya. Cô bé biết nhiều đi đâu về thủy triều và ngỗng tuyết, đại bàng và những vì sao hơn hầu hết mọi người, nhưng lại không thể đếm tới ba mươi. Cậu không muốn làm cô bé tủi thẹn nên không tỏ ra ngạc nhiên. Cô bé cực kỳ giỏi đọc ánh mắt.

“Ba mươi,” cậu tự nhiên đáp. “Đây, anh sẽ chỉ em các số và chúng ta sẽ làm vài phép tính đơn giản. Dễ lắm. Anh sẽ mang cho em vài cuốn sách về chúng.”

Con bé đựng đầu đọc đó – hướng dẫn sử dụng trên túi bột, ghi chép của Tate, và truyện trong những cuốn cổ tích mà nhiều năm qua nó vẫn giả vờ đọc. Rồi một tối con bé ở một tiếng nhỏ, và lấy ra quyển Kinh thánh cũ trên kệ. Ngồi ở bàn, con bé cẩn thận lật những trang giấy mỏng tới trang

có họ tên người trong gia đình. Nó thấy tên mình ở cuối cùng: Cô Catherine Danielle Clark; 10 tháng Mười; 1945.* Rồi, đi ngược lên danh sách, nó đọc tên thật của các anh chị:

Cậu Jeremy Andrew Clark; 2 tháng Một; 1939. “Jeremy,” con bé đọc lên. “Jodie, em chưa bao giờ nghĩ anh là Cậu Jeremy.”

Cô Amanda Margaret Clark; 17 tháng Năm, 1937. Kya chạm lên cái tên bằng những ngón tay. Lặp đi lặp lại vài lần.

Con bé đọc tiếp. *Cậu Napier Murphy Clark; 4 tháng Tư; 1936.* Kya nói khẽ, “Murph, tên anh là Napier.”

Ở trên cùng, người lớn nhất, *Cô Mary Helen Clark; 19 tháng Chín, 1934.* Con bé vuốt tay lên những cái tên lần nữa, chúng gọi những gương mặt hiện về trước mắt nó. Nhặt nhòa, nhưng con bé có thể thấy tất cả bọn họ ngồi chen chúc quanh bàn, ăn món hầm, chuyền nhau bánh mì ngô, thậm chí còn cười giỡn. Kya tự thẹn vì đã quên tên anh chị, nhưng giờ khi đã tìm thấy họ, con bé sẽ không bao giờ để mất họ nữa.

Phía trên tên những đứa con, Kya đọc được: ông *Jackson Henry Clark* kết hôn cùng *Cô Julianne Maria Jacques; 12 tháng Sáu; 1933.* Trước giờ phút đó con bé chưa bao giờ biết tên đầy đủ của ba má.

Kya ngồi thờ vài phút với quyển Kinh thánh mở trên bàn. Gia đình con bé ở ngay trước mặt.

Thời gian đảm bảo những đứa con chẳng bao giờ biết cha mẹ chúng ngày còn trẻ. Kya sẽ không bao giờ thấy anh chàng Jake đẹp trai nghênh ngang bước vào một quán nước ở Asheville hồi đầu năm 1930, nơi anh bắt gặp Maria Jacques, một người đẹp với những lọn tóc xoắn đen óng và đôi môi đỏ mọng, vốn từ New Orleans ghé lại. Qua một ly sữa lắc, anh kể với cô rằng gia đình anh sở hữu một đồn điền và hết trung học, anh sẽ học làm

luật sư và sống trong một biệt thự có hàng cột.

Thế nhưng khi Khủng hoảng thêm trầm trọng, ngân hàng đã bán đấu giá đất của nhà Clark, làm họ chới với, và cha Jake kéo anh khỏi trường học. Họ chuyển xuống cuối đường, tới một căn nhà gỗ thông nhỏ mà trước đó không lâu là chỗ ở của nô lệ. Jake làm việc trên đồng thuốc lá, gom lá rụng thành đống với những người đàn ông và phụ nữ da đen, trẻ con quấn trên lưng họ bằng những chiếc khăn sặc sỡ.

Một đêm hai năm sau đó, không nói lời tạm biệt, Jake bỏ đi trước rạng đông, có thể vác theo mình bao nhiêu quần áo đẹp và báu vật gia đình là mang đi hết – bao gồm chiếc đồng hồ quả quýt vàng của ông cố và chiếc nhẫn kim cương của người bà. Anh đi nhờ xe tới New Orleans và tìm thấy Maria đang sống với gia đình trong một căn nhà trang nhã gần hồ nước. Họ là hậu duệ của một thương nhân người Pháp, chủ sở hữu một nhà máy giày.

Jake đem cần hết của gia truyền và mua vui cho Maria ở những nhà hàng đẹp để treo rèm nhung đỏ, bảo với cô rằng anh sẽ mua cho cô cái biệt thự có cột kia. Khi anh quỳ xuống dưới một cây mộc lan, cô đồng ý lấy anh, và họ kết hôn vào năm 1933 trong một buổi lễ nhà thờ nhỏ, gia đình cô đứng im lặng.

Đến lúc này, tiền đã cạn, anh nhận một công việc từ cha vợ trong nhà máy giày. Jake tưởng mình sẽ được cho làm quản lý, nhưng ông Jacques, một người đàn ông không dễ bị lừa, khẳng khái bắt Jake học nghề từ cấp thấp nhất đi lên như tất cả nhân công khác. Thế là Jake chật vật ngẩng cổ để giày.

Anh và Maria sống trong một căn hộ ga-ra nhỏ trang bị vài món của hũu môn hoành tráng của cô trộn lẫn với bàn ghế chợ trời. Anh đăng ký

học ban đêm để hoàn thành trung học nhưng thường cúp để đánh bài, và n ềng nặc mùi whiskey, đến muộn mới về nhà với người vợ mới. Chỉ sau ba tuần, giáo viên đã đuổi anh khỏi lớp.

Maria van nài anh thôi rượu, năng nổ làm việc để cha cô thăng chức cho anh. Thế nhưng những đứa trẻ bắt đầu ra đời và việc rượu chè không bao giờ dừng lại. Từ năm 1934 đến 1940, họ có bốn đứa con nhỏ và Jake chỉ được lên chức một lần.

Cuộc chiến tranh với Đức cào bằng tất cả, khiến ai cũng như ai. Rút về cùng một màu quân phục như mọi người, Jake có thể giấu nổi hổ thẹn, một lần nữa tỏ ra kiêu hãnh. Thế nhưng một tối, đang ng ồi trong hố cá nhân l ầy lội ở Pháp, có người hét lên rằng trung sĩ của họ bị bắn và đang nằm chảy máu cách hai mươi thước. Chỉ là những cậu trai, lẽ ra họ nên ng ồi trên ghế chờ đến lượt ra đánh bóng chày, lo ngại về vài quả bóng ném mạnh. Vậy mà họ lập tức xông ra, vội vàng cứu người bị thương – chỉ một người vẫn ng ồi nguyên chỗ.

Jake co rúm trong góc, sợ đến nỗi không dám động đậy, nhưng một khẩu súng cối nổ tung sáng lóa ngay ngoài hố, làm xương chân trái anh vỡ nát thành nhiều mảnh. Khi những người lính khác đổ nhào vào hầm trở lại, kéo theo viên trung sĩ, họ tưởng Jake bị trúng đạn trong khi giúp giải cứu đồng đội như mọi người. Anh được tuyên bố là người hùng. Sẽ không bao giờ có ai biết cả. Ngoại trừ Jake.

Với một huân chương và một lệnh cho xuất ngũ vì lý do thương tật, anh được trả về nhà. Quyết tâm không làm việc ở nhà máy giày nữa, Jake chỉ ở lại New Orleans vài đêm. Với Maria im lặng đứng cạnh bên, anh bán hết đồ nội thất và những món đồ bạc đẹp đẽ của cô, rồi gom hết cả nhà lên tàu lửa và chuyển họ tới Bắc Carolina. Từ một người bạn, anh phát hiện

cha mẹ mình đã chết, dọn đường cho kế hoạch mới của Jake.

Anh thuyết phục Maria rằng tới sống trong căn nhà nhỏ cha anh xây làm nơi nghỉ dưỡng câu cá trên bờ Bắc Carolina sẽ là một khởi đầu mới. Họ không phải trả tiền thuê và Jake có thể học hết trung học. Anh mua một thuyền câu nhỏ ở Vung Barkley và lái qua hàng dặm kênh lạch đong lầy với cả gia đình cùng đồ đạc chất đống quanh họ – vài hộp nón để vắt vẻo trên cùng. Khi họ cuối cùng cũng vào phá nước, nơi cái lán xập xệ với lưới rỉ sét ngổn thu lu dưới tán sồi, Maria siết chặt đứa con nhỏ nhất là Jodie trong tay và cố cầm nước mắt.

Anh quả quyết với cô, “Đừng lo lắng gì hết. Tôi sẽ sửa sang nó lại liền.”

Nhưng Jake chẳng bao giờ sửa nhà hay học xong trung học. Không lâu sau khi tới đó, anh bắt đầu thường xuyên đi nhậu và đánh bài ở Swamp Guinea, cố gắng quên đi hồ cá nhân ngày xưa trong men rượu.

Maria làm tất cả những gì có thể để tạo dựng một mái nhà. Cô mua khăn trải từ chỗ bán đồ si về làm thảm lót sàn và tậu một bồn tắm thiếc; cô giặt quần áo dưới vòi nước ngoài sân và tự mày mò học cách làm vườn, nuôi gà.

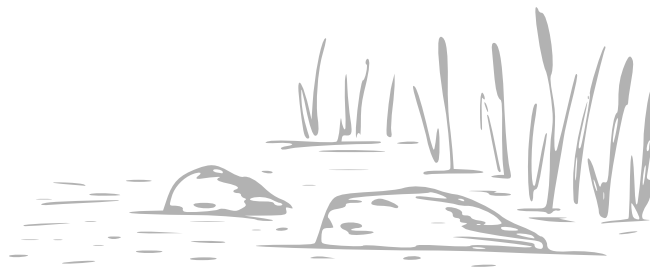
Không lâu sau khi tới đó, mặc những bộ đồ đẹp nhất của họ, cô lặng lẽ đưa bọn trẻ tới Vung Barkley để ghi danh vào trường. Thế nhưng Jake nhạo báng khái niệm giáo dục và thường xuyên bảo Murph với Jodie cúp học đi bắt cá hoặc sóc làm bữa tối.

Jake chỉ đưa Maria đi một chuyến thuyền duy nhất dưới trăng, kết quả của nó là đứa con cuối cùng của họ, một bé gái tên Catherine Danielle Clark; về sau gọi là Kya vì lần đầu được hỏi, con bé đã nói đó là tên mình.

Thảng hoặc, khi tỉnh táo, Jake lại mơ về việc học xong trung học, tạo

dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn cho cả gia đình, nhưng cái bóng của hồ quân sự phủ lên tâm trí anh. Từng có thời tự tin và kiêu ngạo, đẹp mã và khỏe khoắn, anh không còn mang nổi trên mình cái gã đàn ông mà anh đã trở thành, và nốc một ngụm từ túi rượu. Hòa vào những cuộc ẩu đả, rượu chè và chửi rửa bọn chui nhủi đờng lầy là việc dễ nhất Jake từng làm trong cuộc đời anh.

Bước qua ngưỡng cửa



1960

Một ngày trong mùa hè học đọc, khi con bé lái thuyền tới chỗ Jumpin', ông chợt nói, "Này, cô Kya, có một chuyện khác nữa. Mấy gã nào đó đang quanh *quảng* khắp nơi dò hỏi *đê* cháu."

Con bé nhìn thẳng vào ông thay vì chệch sang bên. "Là ai ạ, họ muốn gì?"

"Ta *tin* là họ tới từ Dịch vụ Xả hội. Họ hỏi *hang* đủ thứ. Ba cháu còn ở với cháu *hông*, má cháu ở đâu, mùa thu này cháu có tới trường chứ. Và khi nào cháu tới đây nữa; họ đặc biệt muốn biết cháu tới đây vào những giờ nào."

"Ông đã nói gì với họ rồi, Jumpin'?"

"Ờ, ta cố hết sức làm họ thôi chú ý tới cháu. Bảo họ rằng ba cháu ổn cả, vẫn ra ngoài câu cá *quài*." Ông phá lên cười, ngửa cổ ra. "Rồi ta bảo ta chẳng bao *dò* biết lúc nào cháu tới. Nào, đừng lo lắng gì hết, cô Kya. Jumpin' này sẽ cho bọn họ đi săn để giun nếu họ còn mò lại."

"Cảm ơn ông." Sau khi đổ đầy bình xăng, Kya lái thẳng về nhà. Từ giờ nó phải cảnh giác hơn nữa, có lẽ cần tìm chỗ nào đó trong đồng lầy để trốn một thời gian đến khi họ từ bỏ.

Cuối buổi chiều hôm đó, khi Tate tấp vào bờ, thân thuyền nghiêng lên

cát lạo xạo, con bé nói, “Chúng ta có thể gặp ở đâu đó khác *goài* chỗ này không?”

“Chào Kya, rất vui được gặp em.” Tate chào nó, vẫn ng ỗ nguyên ở chỗ c ần lái.

“Anh nghĩ sao?”

“Từ đó là *ngoài*, không phải *goài*, và lịch sự thì phải chào người ta trước khi hỏi nhờ họ gì đó.”

“Thỉnh thoảng anh cũng nói *goài* vậy,” con bé cãi lại, hơi tủm tủm cười.

“Ừ, chúng ta đều có cái giọng mộc lan vì là dân Bắc Carolina, nhưng cũng phải cố gắng chứ.”

“Buổi chiều vui vẻ, anh Tate,” con bé nói, hơi nhún gối chào. Tate thoáng nhận thấy chút bướng bỉnh và nghịch ngợm trong đó. “R ồi, giờ chúng ta có thể gặp nhau ở đâu đó khác chỗ này không anh? Làm ơn đi mà.”

“Được chứ, chắc vậy, nhưng tại sao thế?”

“Ông Jumpin’ nói người của Dịch vụ Xã hội đang tìm em. Em sợ họ sẽ bắt em như một con cá h ồi, r ồi tống em vào nhà nhận con nuôi hay *dì* đó.”

“Chà, vậy chúng ta nên trốn thật xa ngoài kia, nơi loài tôm hát. Chứ anh thấy rất tội mấy cặp cha mẹ dám nhận nuôi em.” Cả gương mặt của Tate toát lên ánh cười.

“Ý anh là sao, nơi loài tôm hát? Má em cũng từng nói vậy.” Kya nhớ má luôn khuyến khích nó khám phá đ ồng l ầy: “Đi xa đến chừng nào còn có thể – xa thật xa ngoài kia nơi loài tôm hát.”

“Nghĩa là xa trong rừng rậm nơi các loài vật còn hoang dã, vẫn cư xử như loài hoang dã. Nào, chúng ta có thể gặp ở đâu, em có gợi ý gì?”

“Có chỗ một lần em tìm thấy, một căn nhà gỗ đồ nát. Khi anh biết chỗ rồi, anh có thể đi thuyền tới đó; em có thể đi bộ từ đây.”

“Vậy được rồi, lên đây. Lần này em chỉ đường cho anh; lần sau chúng ta gặp ở đó.”

“Nếu đã ra đó em sẽ xếp một chõng đá cạnh cọc buộc thuyền này.” Kya chỉ một chỗ trên bờ. “Nếu không, em còn ở trong này và sẽ đi ra khi nghe thuyền anh tới.”

Đôi bạn thông thả lướt chậm qua đồng lầy, rồi quành về phía nam băng khoảng biển rộng, ra xa thị trấn. Con bé đập dềnh trên mũi, gió thốc sượt qua má và cù man mát bên tai. Khi cả hai tới một vũng nhỏ, con bé chỉ Tate đi xuôi lạch nước ngọt hẹp té giăng những bụi rậm thấp là đà. Nhiều lần con lạch dường như co lại và cụt lối, nhưng Kya ra hiệu cứ đi tiếp, không sao, và họ xộc qua nhiều lùm bụi nữa.

Cuối cùng đôi bạn đi vào một quãng đồng rộng, nơi dòng nước chảy qua cạnh một căn nhà gỗ một gian cũ kỹ, đã đổ sụp một phía. Những khúc gỗ oằn xuống, nhiều khúc nằm lẫn lóc dưới đất như mớ que gỗ trong bộ đồ chơi nhặt que. Mái nhà, vẫn gác trên nửa bức tường, đổ dốc từ bên tường cao xuống bên tường thấp như chiếc nón đội lệch. Tate đậu thuyền trên bãi bùn và đôi bạn im lặng đi tới trước cánh cửa mở toác.

Bên trong tối tăm và sức mùi nước tiểu chuột. “Chà, anh hy vọng em không định sống ở đây – cả cái thứ này có thể sụp xuống đâu em đó.” Tate đẩy bức tường. Nó có vẻ đủ vững chãi.

“Đây chỉ là chỗ ẩn nấp. Em có thể giấu chút thức ăn phòng khi phải trốn một thời gian.”

Tate quay sang nhìn Kya khi mắt cả hai quen dần với bóng tối.

“Kya, em có bao giờ nghĩ tới chuyện trở lại trường học chưa? Nó đâu có giết em, và họ có thể để mặc em nếu em làm thế.”

“Họ hẳn đã biết em ở một mình, và nếu em đi, họ sẽ bắt em, tống em vào một cái nhà nào đó. Dù sao em cũng quá lớn cho trường học rồi. Họ xếp em vào đâu bây giờ, lớp một sao?” Mắt con bé trợn to trước ý nghĩ phải ngồi trong cái ghế bé xíu, vây quanh là bọn con nít có thể đánh vào các chữ và đếm tới năm mươi.

“Gì chứ, bộ em định sống một mình trong rừng lầy mãi mãi à?”

“Tốt hơn là đi làm con nuôi nhà người ta. Ba từng nói ông sẽ giao tụi em cho một nhà như vậy nếu tụi em hư đốn. Bảo là họ ác lắm.”

“Không đâu. Không phải ai cũng vậy. Hầu hết là những người tốt bụng thích trẻ con,” cậu nói.

“Ý anh là anh thà làm con nuôi hơn sống ở rừng lầy hả?” con bé hỏi vặn, tay chống nạnh, cằm hếch lên.

Cậu im lặng một phút. “Chắc, hãy lấy vài cái mền ra đây, cả diêm nữa phòng khi trời lạnh. Có lẽ thêm vài hộp cá mòi. Món đó dễ dùng được hoài. Nhưng đừng giữ thức ăn tươi, chúng sẽ dụ gấu tới.”

“Em *hông* sợ gấu.”

“Anh không sợ gấu.”

Những ngày hè còn lại, Kya và Tate mở lớp học đọc ở căn nhà đổ nát. Đến giữa tháng Tám cả hai đã đọc hết *Niên giám xứ cát*, và mặc dù không đọc được tất cả các từ, con bé vẫn hiểu gần trọn nội dung. Aldo Leopold dạy

con bé rằng những bãi bồi ngập nước là vùng mở rộng sống của sông, sông sẽ lấy chúng lại bất cứ khi nào nó muốn. Ai sống trên bãi bồi chỉ đang chờ sông quay lại. Con bé học được lũ ngỗng đi đâu vào mùa đông và ý nghĩa âm nhạc của loài chim này. Ngón từ mềm mại của ông, nghe tựa như thơ, dạy con bé rằng đất chứa đầy sự sống và là một trong những nguồn của cái quý giá nhất địa cầu; rằng rút cạn vùng ngập nước sẽ làm đất đai hàng dặm xung quanh khô khốc, giết chết cây cối và muôn thú cùng nguồn nước. Một vài hạt giống sẽ ngủ vùi trong đất khô hàng thập kỷ, đợi chờ, và khi nước cuối cùng cũng về, mềm sẽ bật tung mặt đất, mở hé gương mặt tươi non. Những điều kỳ diệu và kiến thức đời sống mà con bé sẽ chẳng bao giờ học được ở trường. Những sự thật ai cũng nên biết, vậy mà vì lý do gì đó, mặc dù bày ra khắp mọi nơi, dường như chúng lại bị vùi trong bí mật như những hạt giống nọ.

Đôi bạn gặp nhau ở căn nhà gỗ vài lần một tuần, nhưng hầu hết mọi đêm con bé ngủ trong lán của mình hoặc trên bờ cát với lũ mòng biển. Trước mùa đông Kya phải gom củi đốt, nên lấy đó làm nhiệm vụ, nó khuôn vè hàng đông củi từ khắp gần xa và chất chúng tương đối gọn giữa hai cây thông. Củi củi trong vườn chỉ vừa cao vượt bụi cúc vàng anh; nhưng con bé có nhiều rau cải hơn mức nó và lũ hươu có thể ăn hết. Kya đã thu hoạch phần cuối cùng của vụ gieo trồng cuối hạ và cất bí rợ dài cùng củ dền dưới bóng mát của bậc thềm gạch ván trước nhà.

Nhưng suốt quãng thời gian này, con bé vẫn lắng tai canh chừng tiếng chiếc xe chở người tới bắt nó. Thỉnh thoảng việc lắng nghe trở nên mệt mỏi và đáng sợ, thế nên con bé đi tới căn nhà gỗ và ngủ đêm trên đất, quẩn mình trong cái mềm thừa. Con bé canh thời gian bắt vẹm và xông khói cá để Tate có thể mang chúng tới chỗ Jumpin' và lấy đồ tiếp tế về cho nó.

Giữ cho vùng bụng dưới của nó bớt lộ ra.

“Nhớ hồi mới đọc câu đầu tiên chứ, em nói là một vài từ ngữ chứa đựng rất nhiều điếu?” Tate lên tiếng vào một ngày kia, khi họ đang ngồi trên bờ lạch.

“Dạ, em nhớ, sao cơ?”

“À, đúng như vậy, đặc biệt là thơ. Ngôn từ trong thơ không chỉ nói lên điếu gì đó. Chúng còn khuấy động cảm xúc. Thậm chí làm em bật cười.”

“Má từng đọc thơ, nhưng em không nhớ bài nào hết.”

“Nghe cái này nè; một bài của Edward Lear.” Cậu lấy ra một bao thư gấp lại và đọc:

Rồi Ngài Nhện Căng Dài,

Và Ngài Ruồi Rời Rã

Ừa xuống biển sủi bọt

Và bật lên tiếng la;

Họ thấy chiếc thuyền nhỏ;

Buồm màu xám với hồng;

Rồi bơi thuyền vượt sóng,

Ra bờ xa mênh mông.

Mỉm cười, con bé nói, “Nó tạo ra nhịp điệu như sóng vỗ.”

Sau đó Kya bước vào giai đoạn khoái làm thơ, thích thú bắt vần đặt câu trong lúc lái thuyền qua đồng lầy hay tìm nhặt vỏ sò – những đoạn thơ

đơn giản, ê a và ngây ngô hết mực. “Cái giẻ cùi lam mẹ bay lên từ cành cây; nếu mà có cơ hội, thì mình cũng sẽ bay.” Chúng làm con bé bật cười to, lấp đầy vài phút cô đơn của ngày dài đơn độc.

Cuối một buổi chiều nọ, khi đang ng ồi đọc ở bàn bếp, con bé nhớ ra cuốn thơ của má và lục lọi khắp nơi cho đến lúc tìm ra. Tập giấy đã sờn, bìa từ lâu đã không còn, các trang được giữ lại với nhau bằng hai cọng thun xơ xác. Kya cẩn thận tháo thun ra và lật giở từng trang giấy, đọc những ghi chép của má bên lề. Cuối cùng có một danh sách các trang má yêu thích nhất.

Kya lật ra một bài của James Wright:

*Đột nhiên lạc lối và lạnh lẽo
Khoảnh sân quen trở nên trống trụi
Tôi chỉ muốn được ôm vào lòng
Con tôi, đứa trẻ đang học nói
Cười vui, dễ bảo hay nghênh ngang...
Vầng dương cây cỏ đều bỏ đi
Chỉ có chúng tôi là ở lại
Mẹ anh vẫn hát trong ngôi nhà
Giữ cho bữa tối được nóng ấm
Chúa biết bà yêu thương chúng tôi
Như địa cầu vẫn luôn sâu thẳm
Và bài này của Galway Kinnell.
Tôi đã lo lắng quan tâm...
Tôi đã trải lòng*

Bằng những lời nhu mì nhất mà tôi biết được. Và giờ...

Thật nhẹ nhõm vì mọi thứ đã qua đi:

Chỉ còn lại niềm thương xót

Cho khao khát được sống nhiều hơn...

...Tạm biệt.

Kya chạm lên những lời đó như thể chúng là một thông điệp, như thể má đã đặc biệt gạch dưới chúng để con gái của bà có ngày đọc được dưới ánh lửa dầu hỏa lò mờ và cảm hiểu từng lời. Vậy không nhiều, không phải một mẫu giấy viết tay nhét dưới cùng ngăn đựng vở, nhưng vẫn là một cái gì đó. Con bé cảm nhận được những từ ngữ ghì chặt một ý nghĩa lớn lao, nhưng không giãi ra được. Nếu có bao giờ trở thành nhà thơ, nó sẽ thể hiện thông điệp thật rõ ràng.

Sau khi Tate bắt đầu năm cuối cấp vào tháng Chín, cậu không thể tới chỗ Kya thường xuyên nữa, nhưng mỗi lần đến, cậu lại mang cho nó mấy cuốn giáo khoa bị bỏ ở trường. Cậu không nói câu nào rằng sách sinh học ở trình độ quá cao với Kya, nên con bé trầy trật cày qua những chương mà nó sẽ chỉ thấy sau bốn năm cấp sách tới trường. “Đừng lo,” Tate bảo, “em sẽ hiểu thêm một chút với mỗi lần đọc lại.” Và đúng là như thế.

Khi ngày ngắn dần, đôi bạn lại gặp nhau gần lán nhà con bé vì không có đủ ánh ngày để tới căn nhà gỗ học đọc. Cả hai luôn học ngoài trời, nhưng khi một cơn gió dữ thốc qua sáng nọ, Kya đã đốt lửa lò sưởi củi trong nhà. Chưa từng có ai bước qua ngưỡng cửa cái lán kể từ khi ba biến mất hơn bốn năm về trước, và mời bất cứ ai vào cũng có vẻ là đi đầu không

tưởng. Chỉ trừ Tate.

“*Muống* ng ồi trong bếp cạnh lò sưởi không?” con bé hỏi khi cậu kéo thuy ền lên bờ phá.

“Có chứ,” cậu đáp, biết mình không nên tỏ ra lời mời này là chuyện gì to tát cả.

Ngay sau khi bước vào hiên, cậu dành g ần hai mươi phút khám phá và xuýt xoa trước số lông vũ, vỏ sò, xương và tổ chim của con bé. Khi đôi bạn cuối cùng cũng ng ồi vào bàn, Kya kéo ghế của mình g ần sát cậu, cánh tay và cùi chỏ hai người suýt chạm nhau. Chỉ để cảm thấy cậu g ần bên nó.

Trong lúc Tate quá bận phụ cha, ngày lê thê trôi từ đầu đến cuối. Một buổi tối muộn, Kya lần đầu tiên lấy ra một tiểu thuyết từ kệ sách của má, quyển *Rebecca* của Daphne du Maurier, và đọc về tình yêu. Một h ồi sau con bé gấp sách lại và đi tới tủ áo. Nó mặc vào chiếc váy hai dây của má và xúng xính đi lại quanh phòng, vung vẩy váy, xoay tròn trước tấm gương. Mái tóc dày và hông của nó lắc lư, con bé mừng rỡ tưởng Tate mời nó khiêu vũ. Tay cậu trên eo nó. Như thể con bé là quý cô de Winter trong sách.

Đột ngột con bé dừng phắt lại và gập người, cười khúc khích. R ồi đứng lặng.

“Lên đây, cô bé,” Mabel gọi to vào một chi ều nọ. “Ta có vài thứ cho cháu này.” Jumpin’ thường mang những thùng đồ tới cho Kya, nhưng khi Mabel xuất hiện, thường sẽ có cái gì đó đặc biệt.

“Lại lấy đồ của cháu đi. Ta sẽ đồ xăng cho cháu,” Jumpin’ bảo, thế là Kya nhảy lên c ầu tàu.

“Nhìn nè, cô Kya,” Mabel vừa nói vừa giơ lên một bộ váy màu đào với lớp chiffon phủ lên phần chân váy điểm hoa, món trang phục đẹp nhất mà Kya từng thấy, xinh hơn váy của má nữa. “Chiếc váy này rất hợp với một nàng công chúa như cháu.” Bà giơ nó ra trước mặt Kya, con bé chạm vào nó và mỉm cười. Rồi quay ngược lại phía Jumpin’, Mabel cúi người với chút khó khăn và cấn lên một chiếc áo ngực trắng từ thùng đồ đạc.

Kya nghe nóng hết cả người.

“Nào, cô Kya, đừng xấu hổ bé cưng. Bây giờ cháu xấp cấn cái này rồi đó. Và cháu này, nếu có bất cứ điều gì cần nói với ta, bất cứ thứ gì cháu không hiểu, hãy cho Mabel *dà* biết nhé. Cháu *nghen* chưa?”

“Dạ rồi. Cảm ơn bà, Mabel.” Kya nhét cái áo ngực vào sâu trong thùng, dưới mấy cái quần jean và áo thun, một túi đậu mắt đen và một hũ đào ngâm ngọt.

Vài tuần sau, đang mãi ngắm bầy nông lợn bay và bắt mồi dưới biển, thuyền nhấp nhô trên sóng, bụng Kya đột nhiên quặn lại. Con bé chưa bao giờ say sóng, và cái này khác với mọi cơn đau nó từng nếm trải qua. Nó kéo thuyền lên bờ tại bãi Point và ngã trên cát, chân gập sang bên như cánh chim. Cơn đau trở nên dữ dội hơn và Kya cau mặt, khẽ bật ra một tiếng rên. Hẳn là nó sắp đi tiêu chảy.

Đột nhiên nó nghe tiếng động cơ kêu rền và thấy thuyền của Tate cắt qua sóng bạc. Cậu hướng vào ngay khi thấy nó và cho thuyền chạy vào bờ. Con bé phun ra vài tiếng chửi của ba. Nó luôn thích gặp Tate, nhưng không phải khi nó có thể cần chạy vào rừng sớm bất cứ lúc nào vì tiêu chảy. Sau khi kéo thuyền lên để cạnh thuyền nó, Tate ngã phịch xuống cát cạnh cô bạn nhỏ.

“Chào Kya. Em đang làm gì đó? Anh vừa định tới chỗ em này.”

“Chào anh, Tate. Rất vui được gặp anh.” Con bé cố tỏ vẻ bình thường, nhưng bụng nó quặn thắt.

“Có chuyện gì vậy?” cậu hỏi.

“Ý anh là gì?”

“Trông em không ổn lắm. Chuyện gì vậy?”

“Em nghĩ mình bệnh rồi. Bụng em quặn lại dữ lắm.”

“Ồ.” Tate nhìn ra biển cả. Sục ngón chân trần của cậu vào cát.

“Có lẽ anh nên đi,” con bé nói, đầu cúi gằm.

“Có lẽ anh nên ở lại cho đến khi em thấy đỡ. Rồi đâu em không thể tự về nhà?”

“Em có thể phải vào trong rừng. Em có thể ới ra.”

“Có lẽ. Nhưng anh không nghĩ vậy giúp được gì,” cậu nói nhỏ.

“Ý anh là sao? Anh đâu biết em bị gì chứ.”

“Cảm giác này có khác với những lần đau bụng thường không?”

“Có.”

“Em gần mười lăm rồi, đúng chứ?”

“Phải. Nhưng cái đó liên quan gì?”

Cậu lặng im một lúc. Di di hai bàn chân, sủi mấy ngón chân xuống cát sâu hơn nữa. Tránh nhìn con bé, cậu trả lời, “Nó có thể là, em biết đó, chuyện xảy ra với con gái tuổi em. Nhớ không, vài tháng trước anh có đưa cho em một tờ thông tin về nó. Cái tờ gấp đi cùng với mấy quyển sinh học.” Tate đưa mắt nhìn qua con bé một cái, mặt cậu nóng rực, và lập tức quay đi.

Kya sụp mắt xuống khi toàn thân ửng đỏ. Dĩ nhiên rồi, không có người má nào thủ thỉ cho nó biết cả, nhưng tờ thông tin của trường mà Tate

mang tới có giải thích vài đi ầu. Thời điểm của con bé đã đến, và nó đây, ng ồi trên bãi biển, trở thành một phụ nữ ngay trước mặt một cậu con trai. Nỗi xấu hổ và hoảng hốt dâng đầy trong nó. Con bé biết làm gì bây giờ? Chính xác thì chuyện gì sẽ xảy ra? Sẽ có bao nhiêu máu đây? Kya mừng rỡ tượng máu thấm vào cát xung quanh. Nó ng ồi im lặng khi cơn đau dữ dội cào xé trong bụng.

“Em tự về nhà được không?” Tate hỏi, vẫn không nhìn con bé.

“Em nghĩ là được.”

“Sẽ ổn thôi, Kya. Con gái ai cũng qua vụ này khỏe re cả. Em đi về trước đi. Anh sẽ theo sau để đảm bảo em về tới nhà.”

“Anh không cần làm vậy đâu.”

“Đừng lo về anh. Đi đi nào.” Tate đứng dậy và bước tới thuyền cậu, không nhìn Kya. Cậu lái đi và chờ cách bờ một quãng xa cho đến khi con bé lái thuyền men bờ biển vào con kênh về nhà. Ở tít phía sau, cậu chỉ là một chấm nhỏ, đi theo cho đến khi con bé tới được phá nước. Đứng trên bờ, nó vẫy tay chào cậu thật nhanh, mặt cúi xuống, không nhìn vào mắt cậu.

Cũng như đã từng học cách làm hầu hết mọi thứ, Kya tự mình học cách trở thành một phụ nữ. Thế nhưng sớm tinh mơ hôm sau, con bé đã đi thuyền lại chỗ Jumpin’. Mặt trời nhợt nhạt lửng lơ trong màn sương dày đặc khi nó lại gần bến và tìm kiếm Mabel, biết rằng ít có khả năng bà ở đó. Quả vậy, chỉ có Jumpin’ bước ra chào.

“Chào cô Kya. Chưa dì cháu lại cần xăng r ồi hả?”

Vẫn ng ồi trên thuyền, Kya khẽ đáp, “Cháu cần gặp Mabel.”

“Ta rất tiếc cháu à, Mabel *hông* có đây hôm nay. Ta có thể giúp cháu

chứ?”

Đầu cúi gằm, con bé nói, “Cháu cần gặp Mabel dữ lắm. Gặp liền.”

“Được rồi.” Jumpin’ nhìn qua vịnh nhỏ ra biển và thấy không còn thuyền nào đang tới. Ai cần xăng vào bất kỳ giờ nào trong ngày và tất cả mọi ngày kể cả Giáng sinh đều có thể trông vào Jumpin’ – ông chưa từng bỏ một ngày nào trong suốt năm mươi năm nay, ngoại trừ cái hôm thiên thần bé bỏng của họ, Daisy, qua đời. Ông không thể rời vị trí canh gác của mình. “Cháu chờ đây nhé, cô Kya, ta sẽ chạy lên *chên* một chút, tìm đứa nhỏ nào đi gọi Mabel lại. Có thuyền nào tới, cháu cứ bảo ta sẽ về liền.”

“Cháu sẽ làm vậy. Cảm ơn ông.”

Jumpin’ chạy vội đi và biến mất trong khi Kya chờ đợi, cứ vài giây lại trông ra vịnh một lần, sợ một thuyền khác tới. Nhưng chẳng bao lâu ông đã trở lại, nói rằng mấy đứa nhỏ nào đó đi tìm Mabel rồi; Kya chỉ cần “chờ một tí” thôi.

Jumpin’ bận bịu tháo xếp mớ hộp thuốc lá nhai trên kệ và lẳng xăng làm đủ thứ. Kya ở nguyên trong thuyền. Cuối cùng Mabel cũng chạy vội lên ván còi, chúng lấy bầy dưới bước chạy của bà như có một chiếc dương cần đang được đẩy trên đó. Mang một túi giấy, bà không hô vang tiếng chào như thường lệ mà đứng trên còi tàu trước Kya, nói thầm thì, “Chào buổi sáng, cô Kya, chuyện này là *xao* vậy, cháu gái? Có gì không ổn hả, bé cưng?”

Kya cúi đầu xuống thấp hơn, lẩm nhẩm gì đó Mabel không nghe được.

“Cháu ra khỏi thuyền được không, hay ta nên vào trong với cháu?”

Kya không trả lời nên Mabel, nặng gấn chín chục cân, bước một chân rồi nốt chân còn lại lên chiếc thuyền nhỏ, nó phàn nản bằng cách đụng vào

cọc chống cầu. Bà ng ẫ xuống bằng ghế chính giữa, đối diện Kya ở đuôi thuyền.

“Nào, cháu, cho ta biết có chuyện gì đi.”

Hai người chụm đầu vào nhau, Kya thì thảo gì đó, r ẫ Mabel kéo Kya sát vào bộ ngực đầy đặn của bà, ôm chầm và đu đưa cô gái nhỏ. Thoạt đầu Kya cứng đờ ra, không quen buông mình vào những cái ôm như vậy, nhưng đi đầu này không làm nản chí Mabel, và cuối cùng Kya xụi người ụp vào sự êm ái của những chiếc gối đó. Sau một lúc, Mabel ng ẫ thẳng lại và mở túi giấy nâu.

“Chà, ta đã đoán được là chuyện gì nên mang cho cháu vài món nhỏ.” Và tại đó, ng ẫ trên chiếc thuyền đậu ở bến Jumpin’, Mabel giải thích tường tận chi tiết cho con bé.

“Nào, cô Kya, đây *hông* phải chuyện *dì* đáng xấu hổ. Nó *hông* phải lời nguyền như người ta nói; đây là khởi đầu của mọi sự sống, và chỉ có người phụ nữ mới làm được thôi. Giờ cháu là một phụ nữ r ẫ, bé à.”

Khi Kya nghe tiếng thuyền Tate vào chiềuhôm sau, con bé nấp vào bụi mâm xôi rậm rạp và nhìn theo cậu. Có người biết tới con bé cũng đủ lạ r ẫ, nhưng giờ Tate biết đến cả chuyện cá nhân và riêng tư nhất trong đời nó. Cứ nghĩ tới là gò má Kya nóng ran. Con bé sẽ trốn cho đến khi cậu đi hẳn.

Khi Tate tấp vào bờ phá và bước xuống thuyền, cậu cần theo một chiếc hộp trắng cột dây. “Này! Kya, em đâu r ẫ?” cậu gọi. “Anh đem bánh nhỏ từ tiệm Parker tới đây.”

Đã nhiều năm Kya chưa được ăn bất cứ thứ gì như bánh ngọt. Tate

lấy từ dưới thuyền lên vài cuốn sách, và Kya từ từ bước ra khỏi bụi rậm sau lưng cậu.

“Ồ, em đây rồi. Nhìn cái này nè.” Cậu mở chiếc hộp và ở đó, được xếp gọn gàng là những chiếc bánh nhỏ xinh xắn, mỗi chiếc cỡ sáu phân vuông, phủ kem vani với một bông hồng xiu xiu gắn trên cùng. “Nào, ăn đi.”

Kya cầm một cái lên và vẫn không nhìn Tate, cắn vào chiếc bánh. Rồi nhét phần còn lại vào miệng. Liếm những ngón tay.

“Nè.” Tate để chiếc hộp cạnh cây sồi của họ. “Cứ ăn thỏa thích. Bắt đầu nhé. Anh có mang tới một cuốn sách mới đây.” Và thế là xong. Đôi bạn đi vào bài học, không bao giờ nói tiếng nào về vụ việc kia.

Mùa thu đang đến; những cây thường xanh có thể không hay biết nhưng sung dâu đã nhận ra. Chúng khoe hàng ngàn chiếc lá óng vàng trên bầu trời màu xám đá phiến. Cuối một chiều, sau buổi học, Tate nấn ná lại trong khi lẽ ra phải đi rồi, cậu và Kya ngồi trên một gốc cây trong rừng rậm. Con bé cuối cùng cũng hỏi câu nó muốn hỏi từ nhiều tháng trước. “Tate, em rất cảm ơn anh vì đã dạy em đọc và vì tất cả những gì anh đã cho em. Nhưng sao anh làm vậy? Anh không có bạn gái hay ai đó như vậy à?”

“Không – chắc, thỉnh thoảng cũng có. Anh từng có một cô bạn gái, nhưng không phải lúc này. Anh thích ở trong sự tĩnh lặng ngoài đây và anh thích cách em hứng thú hết mực với đồng lầy, Kya. Hầu hết mọi người không để ý gì tới nó trừ lũ cá. Họ nghĩ nó là đất hoang, nên được rút nước và phát triển canh tác. Người ta không hiểu rằng hầu hết sinh vật biển – cả

những con họ vẫn ăn – cần đến đồng lầy.”

Cậu không nói cậu thấy tội con bé vì chỉ có một mình, rằng cậu biết bọn trẻ đã đối xử với nó thế nào mấy năm nay; rằng dân làng gọi nó là Con bé Đồng lầy và bịa đủ thứ chuyện về nó. Lén lút ra cái lán của con bé, chạy qua bóng tối và đập lên cửa, đã trở thành một truyền thống thường xuyên, lễ kết nạp cho bọn con trai thành những người đàn ông. Việc đó nói lên điều gì về người đàn ông chứ? Một vài thằng đã cá xem ai là kẻ đầu tiên bóc tem con bé. Những chuyện khiến cậu lo lắng và tức giận.

Thế nhưng đó không phải là lý do chính khiến cậu để lại lông vũ cho Kya trong rừng, hay tại sao cậu cứ tới tìm con bé. Những lời khác Tate không nói ra là cảm xúc của cậu dành cho con bé, có vẻ nhập nhằng giữa tình thương dịu dàng cho một cô em không còn nữa và tình yêu nồng cháy đối với một cô gái. Cậu không tự mình gỡ rối được, nhưng cậu chưa bao giờ bị đợt sóng nào mạnh hơn đánh úp. Cảm xúc dữ dội vừa đau đớn vừa êm ái.

Chọc một cọng cỏ xuống lỗ kiến, cuối cùng con bé cũng hỏi, “Má anh đâu rồi?”

Một cơn gió tha thẩn lướt qua rừng cây, khẽ lung lay cành lá. Tate không trả lời.

“Anh không phải nói gì đâu,” con bé bảo.

“Bất cứ điều gì.”

“Anh không phải nói gì hết.”

“Mẹ và em gái anh mất trong một vụ đâm xe ở Asheville. Em gái anh tên là Carianne.”

“Ôi. Em rất tiếc, anh Tate. Em chắc là má anh tốt bụng và xinh đẹp

lắm.”

“Ừ. Cả hai người họ đều như vậy.” Cậu nói với mặt đất giữa hai đầu gối. “Anh chưa bao giờ nói về chuyện đó. Với bất kỳ ai.”

Em cũng vậy, Kya nghĩ. Con bé nói ra, “Má của em bỏ đi vào một ngày kia và không quay lại nữa. Hươu mẹ luôn luôn trở về”

“Ừm, ít ra em có thể hy vọng má em trở lại. Mẹ của anh chắc chắn sẽ không về”

Cả hai im lặng một lúc, rồi Tate nói tiếp. “Anh nghĩ...” Nhưng cậu dừng lại, quay đi.

Kya nhìn cậu, nhưng cậu cứ nhìn chăm chăm xuống đất. Im lặng.

Con bé gắng hỏi, “Gì cơ? Anh nghĩ gì? Anh có thể nói với em mọi thứ.”

Nhưng cậu vẫn không tiếp tục. Với sự kiên nhẫn sinh ra từ thông cảm, con bé chờ.

Cuối cùng, thật khẽ khàng, cậu thổ lộ, “Anh nghĩ họ tới Asheville mua quà sinh nhật cho anh. Có một kiểu xe đạp mà anh thích, muốn có nó. Western Auto không có mẫu đó, nên anh nghĩ họ tới Asheville để mua chiếc xe đạp tặng anh.”

“Vậy không có nghĩa đó là lỗi của anh,” con bé quả quyết.

“Anh biết, nhưng cảm giác như là lỗi của anh vậy,” Tate đáp. “Anh thậm chí không nhớ kiểu xe đạp đó là gì.”

Kya nghiêng người lại gần cậu hơn, không đủ để chạm. Thế nhưng con bé có một cảm giác – như thể không gian giữa bờ vai cả hai đã dịch chuyển. Con bé tự hỏi Tate có cảm thấy thế không. Nó muốn nghiêng vào gần hơn, chỉ vừa đủ để cánh tay họ khẽ đụng nhau. Để được chạm. Và tự

hỏi liệu Tate có nhận thấy.

Và ngay khoảnh khắc đó, gió mạnh lên, và hàng ngàn hàng ngàn lá sung dàu vàng bứt khỏi ngu ồn sống của chúng r ồi xõa tuôn khắp bầu trời. Lá thu không rụng rơi, chúng chao lượn. Chúng dành thời gian nhẩn nha trong phút giây này, cơ hội duy nhất cho chúng vút bay. Phản chiếu ánh nắng, chúng xoay tròn, chao liệng và chấp chới trong lu ồng gió.

Tate bật dậy từ gốc cây và thách con bé, “Để xem em bắt được bao nhiêu chiếc lá trước khi chúng chạm đất!” Kya đứng phắt lên, và cả hai nhún nhảy qua màn lá rụng, tay rướn thẳng ra, chụp những chiếc lá trước khi chúng rơi xuống hẳn. Cười vang, Tate bỏ tới một chiếc lá chỉ cách mặt đất vài phân, chụp lấy nó và lộn vòng, giơ cao chiến lợi phẩm của cậu. Kya vung tay, tung hết những chiếc lá nó đã cứu vào trong gió. Khi con bé ùa chạy qua mưa lá, chúng vướng vào mái tóc nó như vàng ròng.

R ồi khi con bé xoay người lại, nó đâm vào Tate mới đứng lên, và cả hai đông cứng, nhìn chăm chăm vào đôi mắt của nhau. Cả hai thôi cười. Cậu nắm lấy vai con bé, ngập ngừng một giây, r ồi hôn lên môi Kya khi những chiếc lá lả tả rơi và nhảy múa quanh đôi bạn trẻ.

Con bé không biết gì về hôn nên giữ đầu và môi cứng đờ. Họ tách ra và sững nhìn nhau, tự hỏi cái vừa r ồi từ đâu ra và làm gì tiếp nữa. Cậu nhẹ nhàng nhặt một chiếc lá từ tóc con bé và thả nó rơi xuống đất. Tim con bé đập loạn. Trong tất cả những tình yêu nó biết từ gia đình thất thường của nó, không cái nào cho cảm giác thế này.

“Giờ em có phải là bạn gái anh không?” con bé hỏi.

Cậu mỉm cười. “Em có muốn vậy không?”

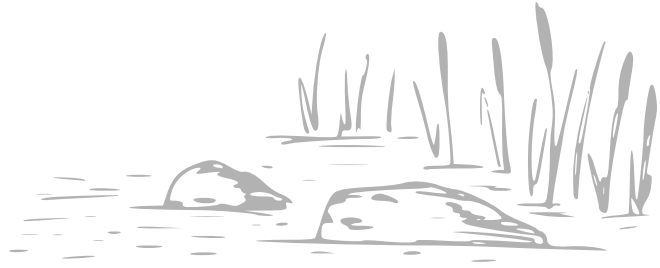
“Có.”

“Có lẽ em còn trẻ quá,” cậu đáp.

“Nhưng em biết về ông vũ. Em cá là mấy cô gái khác không biết gì về ông vũ đâu.”

“Vậy được rồi, thế nhé.” Rồi cậu hôn Kya lần nữa. Lần này con bé nghiêng đầu sang bên và môi mềm đi. Và lần đầu tiên trong cuộc đời, trái tim Kya đầy ắp.

Chiếc xuồng trắng



1960

Bây giờ, mỗi từ mới đầu bắt đầu bằng một tiếng ré lên thích thú, mỗi câu là một cuộc đua. Tate chụp lấy Kya, cả hai ngã lộn nhào, nửa như trẻ con nửa lại không, lăn qua bụi chút chút chua đỏ hoa giữa mùa thu chín.

“Nghiêm túc chút coi,” cậu bảo. “Cách duy nhất để nắm chắc bảng cửu chương là học thuộc nó.” Tate viết $12 \times 12 = 144$ lên cát, nhưng Kya chạy vụt qua cậu, bổ nhào vào con sóng vỡ, ngụp xuống chỗ nước êm, và bơi cho đến khi cậu đuổi theo vào nơi những tia sáng xám xanh chiếu xiên qua cái tĩnh lặng và làm nổi bật hình dáng họ. Trơn bóng hết những chú cá heo. Lát sau, thấm mặn và lấm cát, đôi bạn lăn tròn trên bãi biển, tay vòng qua ôm chặt người nhau như thể cả hai là một.

Chiều kế tiếp, cậu lái thuyền vào phá nhưng ngỗ nguyên trong đó sau khi đậu vào bờ. Một chiếc giỏ lớn phủ vải kẻ ô đỏ đặt bên chân cậu.

“Kia là gì vậy? Anh mang tới cái gì thế?” Kya hỏi.

“Một bất ngờ. Nào, vào đi.”

Đôi bạn lướt theo những con kênh chảy chậm ra biển, rồi rẽ về hướng nam tới một cái vịnh bán nguyệt tí ti. Sau khi vẫy cổ tay trải khăn lên cát, cậu đặt chiếc giỏ phủ vải lên đó, và khi họ ngỗ xuống rồi, cậu giỏ tấm vải ra.

“Sinh nhật vui vẻ, Kya,” cậu hô lên. “Em mười lăm rồi đó.” Một chiếc bánh hai tầng nổi lên từ trong giỏ, cao như hộp mũ và trang trí những vỏ sò bằng kem bánh màu hồng. Tên Kya được viết tay bên trên. Những món quà, gói trong giấy màu rực rỡ và cột nơ, nằm quanh chiếc bánh.

Kya tròn mắt nhìn chăm chăm, kinh ngạc, miệng há hốc. Chưa từng có ai mừng sinh nhật cô kể từ khi má bỏ đi. Chưa từng có ai cho cô một chiếc bánh mua ở tiệm với tên cô trên đó. Cô chưa bao giờ có quà gói trong giấy gói thực thụ và cột nơ nữa.

“Làm sao anh biết sinh nhật em?” Không có lịch, cô không hề biết hôm nay là ngày đó.

“Anh đọc trong quyển Kinh thánh của em đấy.”

Trong khi Kya năn nỉ Tate đừng cắt qua tên mình, cậu đã xắt ra những miếng bánh khổng lồ và thả chúng lên đĩa giấy. Nhìn vào mắt nhau, đôi bạn cắn từng miếng bánh và nhét đầy miệng. Chép môi rõ to. Liếm ngón tay. Nắc nẻ qua những nụ cười nhăn răng dính đầy kem béo. Ăn bánh theo cách nó nên được ăn, cách mà mọi người đều muốn ăn nó.

“Muốn mở quà của em không?” Cậu mỉm cười.

Món đầu tiên: một kính lúp nhỏ, “để em có thể thấy những chi tiết tinh tế trên cánh côn trùng”. Món thứ hai: một chiếc kẹp nhựa, sơn bạc và trang trí một chú mòng biển bằng thạch anh sông, “cho tóc của em”. Hơi lúng túng, cậu vén vài sợi tóc ra sau tai cô và gài kẹp lên. Kya đưa tay chạm lên cái kẹp. Đẹp hơn của má nữa.

Món quà cuối cùng nằm trong hộp lớn hơn, và Kya mở ra để thấy mười lọ sơn dầu, hộp màu nước và những chiếc cọ đủ cỡ, “cho tranh vẽ của em đó”.

Kya cầm lên từng màu, từng cây cọ. “Anh có thể sắm thêm khi em

cần. Cả khung tranh nữa, từ Sea Oaks.”

Cô gái nhỏ gật đầu. “Cảm ơn anh, Tate.”

“Nhẹ tay thôi. Giờ hãy chậm lại.” Scupper lớn tiếng hướng dẫn khi Tate đi đầu khiến cái tời, vây quanh là lưới đánh cá, giẻ dầu và lũ b ồ nông đứng rĩa lông. Mũi chiếc *The Cherry Pie* nhấp nhô trên giàn, rùng mình một cái, rồi trượt lên đường ray dưới nước tại Bãi thuyền Pete, cái bến tàu méo xẹo và nhà thuyền rỉ sét, chỗ duy nhất để đỗ thuyền ở Vũng Barkley.

“Được rồi, tốt, cô nàng ở trên rồi. Đưa cô nàng lên đi.” Tate đẩy mạnh cái tời và chiếc thuyền bò lên đường ray, đi vào xưởng cạo. Họ buộc chặt thuyền bằng dây cáp và bắt đầu cạo đám hào loang lổ trên thân khi khúc aria sắc như pha lê của Miliza Korjus vút lên từ máy hát đĩa. Họ phải sơn lót, rồi phủ thêm một lớp sơn đỏ hàng năm. Mẹ Tate đã chọn màu sơn, và Scupper sẽ không bao giờ thay đổi nó. Thỉnh thoảng ông ngừng cạo và vung vẩy cánh tay to tướng, theo dáng vẻ uốn lượn của âm nhạc.

Bấy giờ, đầu mùa đông, Scupper trả Tate mức tiền công người lớn để làm việc cho ông sau giờ học và cả cuối tuần, nên cậu không thể tới chỗ Kya thường xuyên nữa. Cậu không nói chuyện này với cha; cậu chưa bao giờ kể gì về Kya với cha hết.

Họ chặt những con hào đến khi trời tối, đến khi cả tay của Scupper cũng rất bóng. “Cha quá mệt để mà nấu nướng rồi, chắc con cũng vậy. Hãy đi chén vài món ở quán trên đường về”

Gật đầu chào mọi người, chẳng có ai mà hai cha con không biết, họ ngồi xuống cái bàn trong góc. Cả hai gọi phần đặc biệt: lát thịt gà chiên,

khoai nghiền trong nước thịt, củ cải và xà lách trộn. Bánh mì nhỏ. Bánh nướng hồ đào và kem. Ở bàn kế bên, một gia đình bốn người đang nắm tay và cúi đầu khi người cha đọc to lời cảm tạ Chúa. Sau “Amen” họ hôn không khí, siết tay và chuyền nhau bánh mì ngô.

Scupper lên tiếng, “Nào, con trai, cha biết công việc này khiến con không làm được nhiều chuyện khác. Cũng phải chịu thôi, nhưng mùa thu rồi con không dự khiêu vũ ở trường hay bất cứ thứ gì, và cha không muốn con bỏ lỡ tất cả khi đây đã là năm cuối, sắp tới có một buổi vũ hội lớn ở nhà sự kiện. Con có mời bạn gái nào không?”

“Không. Con có thể đi, không chắc nữa. Nhưng không có ai con muốn mời hết.”

“Không có bạn gái nào ở trường con muốn đi cùng à?”

“Không.”

“Được rồi.” Scupper ngả lưng ra khi cô phục vụ đặt đĩa đồ ăn của ông xuống. “Cảm ơn, Betty. Cháu cho đây ứ hự luôn nhỉ.” Betty đi vòng qua và đặt xuống đĩa của Tate, còn ứ hự hơn thế.

“Hai cha con ăn đi,” cô nói. “Trong kia còn nhiều nữa. Phần đặc biệt ăn-thỏa-thích mà.” Cô mỉm cười với Tate trước khi quay vào bếp, điệu đánh hông có phần cường điệu hơn trước.

Tate trả lời, “Bọn con gái ở trường ngó ngán lắm. Họ toàn nói về đầu tóc với giày cao gót thôi.”

“Chà, đó là việc của các cô gái mà. Thịnh thoảng con phải chấp nhận mọi thứ như chúng vốn dĩ là vậy chứ.”

“Có lẽ.”

“Này, con trai, cha không hay để ý mấy lời nói nhăng nói cuội, chưa

bao giờ. Nhưng có một tin đồn xôn xao là con có gì đó với cô bé ở đường này.” Tate vung hai tay lên. “Khoan đã nào, khoan đã,” Scupper nói tiếp. “Cha không tin mọi câu chuyện về cô bé ấy; hẳn là cô bé tốt thôi. Nhưng cẩn thận đó, con trai. Con không muốn có gia đình quá sớm đâu. Con hiểu ý cha chứ?”

Giữ giọng thật thấp, Tate giận dữ đáp lại, “Đầu tiên cha nói cha không tin chuyện về em ấy, rồi cha nói con khoan hãy có gia đình, chứng tỏ cha cũng tin em ấy là kiểu con gái như thế. Được rồi, để con cho cha biết một điều, em ấy không phải vậy. Em ấy thuần khiết và ngây thơ hơn bất cứ cô gái nào cha muốn con đi dự hội cùng. Ôi trời, vài đứa con gái trong thị trấn này, chắc, cứ tạm nói rằng họ sẵn theo bầy, không chừa tù binh nào sống sót. Và phải, thỉnh thoảng con có tới gặp Kya. Cha biết tại sao không? Con dạy em ấy đọc vì người dân thị trấn này ác với em ấy đến nỗi em thậm chí không thể đến trường.”

“Tốt thôi, Tate. Con làm vậy là tốt lắm. Nhưng làm ơn hiểu rằng việc của cha là nói mấy chuyện như thế. Có thể không dễ chịu gì, nhưng cha mẹ phải cảnh báo con mình chuyện này chuyện nọ. Đó là việc của cha nên đừng cáu vì nó.”

“Con biết,” Tate lầm bầm trong khi trét bơ lên bánh mì. Cảm thấy hết sức cáu.

“Thôi nào. Hãy ăn thêm phần nữa, rồi dùng chút bánh hồ đào.”

Sau khi bánh dọn ra, Scupper lại mở lời, “Chà, vì cha con ta đã nói về những chuyện chưa từng nhắc tới, có lẽ cha nên nói nốt vài chuyện khác vẫn ở trong tâm trí cha.”

Tate đảo mắt với miếng bánh của cậu.

Scupper tiếp tục. “Con trai, cha muốn con biết cha tự hào về con thế

nào. Tự mình con, con đã học cách sống ở đồng lầy, học rất tốt ở trường, nộp hồ sơ vào đại học để lấy bằng khoa học. Và được nhận. Cha không phải kiêu người hay nói mấy đi đâu như vậy. Nhưng cha rất tự hào về con, con trai. Được không con?”

“Dạ. Được rồi.”

Lát sau trong phòng mình, Tate nhắm đọc bài thơ cậu yêu thích nhất:

Ôi bao giờ thấy vùng hồ tôi,

Và chiếc xuồng trắng của người thương?

Giữa những giờ làm việc, tranh thủ hết mức, Tate tới chỗ Kya, nhưng chẳng bao giờ ở được lâu cả. Có nhiều khi đi thuyền trọn bốn mươi phút chỉ để có mười phút dạo bước trên bờ biển, tay trong tay. Hôn thật nhiều. Không phí hoài một phút. Lái thuyền trở lại. Cậu muốn chạm lên ngực cô gái; sẽ giết người chỉ để được ngắm chúng mà thôi. Thao thức giữa đêm, cậu nghĩ về cặp đôi của Kya, chúng ắt phải mềm mại mà rắn chắc. Nghĩ xa hơn nữa làm cậu trần trọc và nhộn nhạo trong chăn. Nhưng cô còn trẻ và rụt rè. Nếu cậu làm sai, cô sẽ bị ảnh hưởng, và cậu sẽ còn tệ hơn những thằng chỉ nói tới chuyện chiếm đoạt cô. Mong muốn bảo vệ Kya trong cậu cũng mạnh như ham muốn vậy. Thỉnh thoảng là thế.

Chuyến nào tới chỗ Kya, Tate cũng mang theo sách từ trường hay thư viện, đặc biệt là sách sinh học và về các sinh vật đồng lầy. Kya tiến bộ nhanh đến giât mình. Bây giờ cô có thể đọc bất cứ thứ gì, và cậu bảo khi có thể đọc bất cứ thứ gì thì ta có thể học được mọi thứ. Tùy vào cô hết. “Không

có ai sử dụng gần hết bộ não của họ cả,” cậu bảo. “Chúng ta như hươu cao cổ vậy, chẳng dùng cái cổ của chúng để với tới những chiếc lá cao hơn.”

Ở một mình hàng giờ, dưới ánh sáng đèn dầu, Kya đọc về cách cây cỏ và động vật biến đổi theo thời gian để thích nghi với trái đất mãi luôn đòi đổi; cách những tế bào phân chia và biệt hóa thành tim hay phổi, trong khi phần còn lại vẫn giữ trạng thái “tự do” ở dạng tế bào gốc phòng khi chúng được cần đến sau này. Chim trời chủ yếu hát vào rạng đông vì không khí mát ẩm của tinh sương mang khúc ca và ý nghĩa đi xa hơn hẳn. Cả cuộc đời mình, Kya đã chiêm ngưỡng những điều kỳ diệu đó ngay trước mắt, nên những con đường của tự nhiên mở ra cho cô một cách dễ dàng.

Trong khắp thế giới sinh học ấy, cô mãi miết kiếm tìm lời giải thích vì sao một người mẹ lại bỏ đứa con.

Một ngày lạnh giá, rất lâu sau khi mọi chiếc lá sung dâu đã lìa cành, Tate bước ra khỏi thuyền của mình với một món quà gói giấy đỏ và xanh lá.

“Em không có gì cho anh cả,” Kya nói khi cậu chìa ra món quà. “Em không biết nay là Giáng sinh.”

“Không phải.” Cậu mỉm cười. “Còn lâu mới tới,” cậu nói dối. “Thôi nào, có nhiều nhận gì đâu.”

Cẩn thận, Kya tháo gói giấy ra và thấy một quyển từ điển Webster đã cũ. “Ồi, Tate, cảm ơn anh.”

“Xem ở trong đi,” cậu bảo. Kẹp ở mục chữ *B* là một chiếc lông của bồ nông, hoa xin-đừng-quên-tôi ép giữa hai trang chữ *X*, một chiếc nấm khô dưới mục chữ *N*. Có quá nhiều báu vật giấu trong trang giấy, quyển

sách không thể khép hẳn lại.

“Anh sẽ cố gắng trở lại sau Giáng sinh. Có lẽ anh có thể mang tới thịt gà tây ăn tối.” Cậu hôn tạm biệt cô. Sau khi cậu đi, Kya văng một tiếng chửi thề. Cơ hội đầu tiên để cô tặng quà cho người mình yêu thương sau khi má đi khỏi, và cô đã bỏ lỡ nó.

Vài ngày sau, run rẩy trong chiếc váy chiffon không tay màu đào, Kya đợi Tate trên bờ phá. Đi tới đi lui, cô siết chặt món quà cho cậu – chòm lông trên đầu chim trống hồng y giáo chủ – gói trong miếng giấy cậu từng dùng. Ngay khi cậu bước xuống thuyền, cô đã nhét gói quà vào tay cậu, khẳng khẳng là cậu phải mở ra liền, thế nên Tate làm theo. “Cảm ơn em, Kya. Anh không có quà.”

Giáng sinh của cô vậy là trọn vẹn.

“Nào, đưa em vào trong thôi. Em chắc đang lạnh cóng trong bộ váy đó rồi.” Nhà bếp ấm áp nhờ lò sưởi, nhưng cậu vẫn bảo cô thay vào áo len dài tay với quần jean.

Cùng nhau, họ hâm nóng thức ăn cậu mang tới: thịt gà tây, hỗn hợp bánh mì ngô để nhĩ, sốt nam việt quất, casserole khoai lang và bánh bí ngô – toàn đồ ăn thừa từ bữa tối Giáng sinh ở quán với cha cậu. Kya đã làm bánh mì nhỏ, và cả hai nhĩ ăn ở bàn bếp mà cô đã trang trí với ô rô đại và vỏ sò.

“Em rửa chén cho,” Kya nói khi đang chế nước nóng từ lò vào bồn rửa.

“Anh sẽ phụ.” Tate bước tới sau lưng và choàng tay qua eo cô. Kya tựa đầu lên ngực cậu, mắt khép lại. Từ từ ngón tay cậu lặn vào dưới áo len của cô gái, lướt qua vùng bụng mượt mà, tìm lên ngực cô. Như mọi khi, Kya không mặc áo lót và ngón tay cậu di chuyển vòng quanh đầu ngực cô

gái. Cái chạm của cậu nấn ná riêng nơi đó, nhưng một cảm giác lạ lan xuống cơ thể Kya như thể tay cậu đã dờ xuống giữa chân cô. Một cảm giác trống rỗng, khao khát được lấp đầy rùng rùng tỏa khắp người Kya. Nhưng cô không biết làm gì, nói gì, nên đẩy cậu ra.

“Không sao,” cậu nói. Và chỉ đứng tại chỗ ôm cô. Cả hai cùng hít thở thật sâu.

Mặt trời, vẫn còn nhút nhát và thuần phục mùa đông, thỉnh thoảng hé ra giữa những ngày mưa buốt và gió dữ. Rồi một chiều nọ, thành linh, mùa xuân thúc cùi chỏ xông vào chiếm ngự không gian. Ngày ấm lên và bầu trời sáng ngời như thể được đánh bóng. Kya nói khẽ khi cùng Tate đi dọc triền bờ mướt cỏ ven một lạch nước sâu thẳm, được phủ bóng dưới hàng cây sau sau lá đỏ cao lớn. Đột nhiên cậu nắm tay cô, suýt cô im lặng. Mắt cô theo mắt cậu hướng ra mé nước, nơi một con ếch bò to cỡ mười lăm phân đang ngoi chồm hồm dưới tán lá. Một cảnh tượng khá quen thuộc, chỉ khác là chú ếch này trắng toát, trắng ngời.

Tate và Kya nhoẻn cười với nhau, rồi quan sát cho đến khi chú ta biến mất bằng một cú nhảy nhẹ nhàng, duỗi thẳng cẳng chân dài ngoẵng. Thế nhưng cả hai vẫn im lặng trong khi lùi thêm năm thước nữa vào bụi rậm. Kya che tay lên miệng cười khúc khích. Nhảy ra xa Tate trong một điệu jig rất con gái với cơ thể không còn trẻ con như vậy.

Tate nhìn cô một giây, không còn nghĩ tới ếch nhái ẽnh ương gì nữa. Cậu bước về phía cô đầy chủ ý. Về mặt cậu làm Kya khựng lại trước một cây sồi. Cậu nắm vai cô thật chặt và đẩy cô vào đó. Giữ tay cô ở hai bên, cậu hôn cô, háng cậu áp vào cô. Kể từ hôm Giáng sinh, họ thường chậm rãi

hôn và khám phá nhau; không giống lúc này. Cậu luôn chủ động nhưng vẫn nhìn cô dò hỏi, để có dấu hiệu gì thì ngừng lại ngay; không giống lúc này.

Cậu tách ra, sắc nâu vàng sâu thẳm trong mắt cậu xoáy vào Kya. Từ từ, cậu mở nút áo cô và vạch nó ra, để lộ đôi bầu ngực. Cậu dành nhiều thời gian chiêm ngưỡng chúng và vuốt ve, mân mê quanh đầu ngực. Rồi cậu mở dây kéo quần soóc của cô và giật nó xuống, để rơi lên đất. Gần như khóa thân trước mặt cậu lần đầu, cô thở dốc và đưa tay che lên thân thể. Háng cô nhoi nhói như thể bao nhiêu máu trong người đã tràn về đó. Cậu bước ra khỏi cái quần soóc của cậu và, vẫn nhìn chăm chăm vào cô, cậu áp phần cương cứng của mình sát người cô.

Khi Kya xấu hổ quay mặt đi, cậu nâng cằm cô lên và nói, “Nhìn anh đây. Nhìn vào mắt anh này, Kya.”

“Tate, Tate.” Cô vươn ra, muốn hôn cậu, nhưng cậu giữ cô lại, buộc cho chỉ có đôi mắt cô hút cậu vào. Kya không biết sự trăn trụi tự nhiên có thể khơi dậy ham muốn mãnh liệt thế. Cậu luồn tay vào giữa đùi cô và theo bản năng, cô hơi nhích chân mình sang hai bên. Ngón tay cậu len vào giữa chân cô và chậm rãi vuốt xoa những phần bên trong Kya mà cô chưa bao giờ biết là có tồn tại. Cô ngửa đầu ra và khẽ rên lên.

Đột ngột, cậu đẩy mình tách khỏi cô và bước lùi lại. “Chúa ơi, Kya, anh xin lỗi. Anh xin lỗi.”

“Tate, xin anh, em muốn mà.”

“Không phải như thế này, Kya.”

“Tại sao? Sao không phải như thế này?”

Kya đưa tay nắm vai cậu và cố kéo cậu lại gần.

“Tại sao không?” Cô hỏi lại.

Cậu nhặt quần áo của Kya lên và mặc cho cô. Không chạm vào những chỗ cô mong muốn, những phần cơ thể vẫn đang rần rật. Rồi cậu bế cô lên và đưa cô ra bờ lạch. Để cô xuống và ngồi cạnh bên cô.

“Kya, anh muốn em hơn bất cứ thứ gì. Anh muốn em mãi mãi. Nhưng em còn trẻ quá. Em mới có mười lăm.”

“Thì sao? Anh chỉ lớn hơn bốn tuổi. Đâu phải anh đột nhiên là quý ngài biết-tuốt trưởng thành.”

“Phải, nhưng anh không thể để em có thai. Và anh không thể bị chuyện này dễ dàng hủy hoại. Anh không làm thế, Kya, vì anh yêu em.” Yêu. Không có đi ầu gì v ề từ này mà cô hiểu được.

“Anh vẫn nghĩ em là một con nhóc,” Kya kêu ca.

“Kya, lúc này em đang càng lúc càng giống một cô nhóc đó.” Nhưng cậu mỉm cười khi nói vậy và kéo cô lại gần hơn.

“Vậy thì bao giờ nếu không phải bây giờ? Bao giờ chúng ta mới có thể?”

“Chỉ là chưa phải lúc này.”

Cả hai lặng im một lát, rồi Kya hỏi, “Làm sao lúc đó anh biết phải làm gì?” Đầu cúi gằm, lại e thẹn.

“Cũng như cách em biết mà thôi.”

Một buổi chiều tháng Năm khi họ đang đi v ề từ phá nước, cậu mở lời, “Em biết đó, anh sắp phải đi rồi. Vào đại học.”

Cậu đã từng nói về chuyện tới Chapel Hill, nhưng Kya đã gạt nó ra khỏi tâm trí, biết rằng ít nhất cả hai cũng có mùa hè.

“Khi nào? Không phải bây giờ mà.”

“Không còn lâu đâu. Vài tuần nữa.”

“Nhưng tại sao? Em tưởng đại học bắt đầu vào mùa thu chứ.”

“Anh được nhận vào làm việc ở một phòng thí nghiệm sinh học trong trường. Anh không thể bỏ qua cơ hội đó. Nên anh bắt đầu lớp học hè.”

Trong tất cả những người từng rời bỏ Kya, chỉ có Jodie nói lời tạm biệt. Những người khác đã đi mất biệt, nhưng lần này Kya cũng chẳng có cảm giác đỡ hơn. Lòng ngực cô nóng rát.

“Anh sẽ về thường xuyên nhất có thể. Không xa vậy đâu, thật đấy. Đi xe buýt mất chưa tới một ngày.”

Kya ngẫm im. Cuối cùng, cô vẫn hỏi, “Tại sao anh phải đi, Tate? Sao anh không thể ở đây câu tôm như cha anh?”

“Kya, em biết tại sao mà. Anh không thể làm vậy. Anh muốn học về động vật, làm một nhà nghiên cứu sinh học.” Họ đã ra đến bờ biển và ngẫm lên cát.

“Rồi sao nữa? Không có công việc gì như thế ở đây. Anh sẽ không bao giờ trở về nhà.”

“Có, anh sẽ về mà. Anh không bỏ em đâu, Kya. Anh hứa đấy. Anh sẽ trở về với em.”

Cô đứng bật dậy, làm lũ chim chơi chơi giạt mình bay lên, kêu quác quác. Cô chạy từ bãi biển vào rừng. Tate đuổi theo cô, nhưng ngay khi tới rừng cây, cậu khựng lại, nhìn quanh. Cô đã mất hút.

Phòng khi Kya vẫn đứng trong rừng nghe được, cậu nói to, “Kya, em không thể cứ bỏ chạy mãi. Thỉnh thoảng em phải thảo luận về mọi chuyện. Đối mặt với chúng.” Rồi với ít kiên nhẫn hơn, “Khốn thật, Kya. Khốn

kiếp!”

Một tuần sau, Kya nghe tiếng thuyền Tate rò rò băng qua phá nước nhà mình và trốn sau một bụi cây. Khi cậu lướt qua dòng kênh, con diệc cất mình bay lên trên đôi cánh bạc vỗ chậm. Một phần trong Kya muốn bỏ chạy, nhưng cô bước ra bờ phá, chờ đợi.

“Chào em,” cậu lên tiếng. Lần này cậu không đội nón, và những lọn tóc xoắn bù xù vàng óng phất phơ quanh gương mặt rám nắng. Có vẻ trong vòng vài tháng qua, vai cậu đã rộng ra thành đôi vai của một người đàn ông.

“Chào anh.”

Cậu bước xuống thuyền, nắm tay dẫn Kya đến gốc cây học đọc r ồi ng ồi xuống.

“Hóa ra anh phải đi sớm hơn anh nghĩ. Anh sẽ bỏ lễ tốt nghiệp để có thể bắt đầu công việc. Kya, anh tới để nói lời tạm biệt.” Ngay cả giọng cậu cũng có vẻ đàn ông, sẵn sàng cho một thế giới nghiêm túc hơn.

Kya không trả lời, nhưng ng ồi nhìn sang chỗ khác tránh cậu. Cổ họng cô thắt lại. Cậu đặt hai túi sách mà trường và thư viện gặt ra, chủ yếu là sách khoa học, dưới chân cô gái.

Kya không chắc mình có thể nói nên lời. Cô muốn cậu đưa cô một lần nữa trở lại chỗ có chú ếch trắng. Nếu cậu không bao giờ trở lại, Kya muốn cậu đưa mình tới đó ngay bây giờ.

“Anh sẽ nhớ em, Kya. Mỗi ngày, cả ngày.”

“Anh có thể quên em. Khi anh bận bịu với mấy thứ đại học đó và gặp

mấy cô gái xinh đẹp đó.”

“Anh sẽ không bao giờ quên em. Không bao giờ. Em chăm sóc cho đồng lầy đến khi anh quay lại, nghe không? Và cẩn thận nhé.”

“Em sẽ.”

“Anh nghiêm túc đấy, Kya. Hãy cẩn thận với mọi người; đừng để người lạ tới gần em.”

“Em nghĩ em có thể ẩn nấp hoặc chạy nhanh hơn bất cứ ai.”

“Ừ, anh tin em có thể. Anh sẽ về nhà sau chừng một tháng nữa, anh hứa. Vào ngày 4 tháng Bảy. Anh sẽ về trước khi em kịp nhận ra.”

Kya không trả lời, và cậu đứng đó, đút tay vào túi quần jean. Cô đứng cạnh cậu, nhưng cả hai đều nhìn về hướng khác, vào rừng cây.

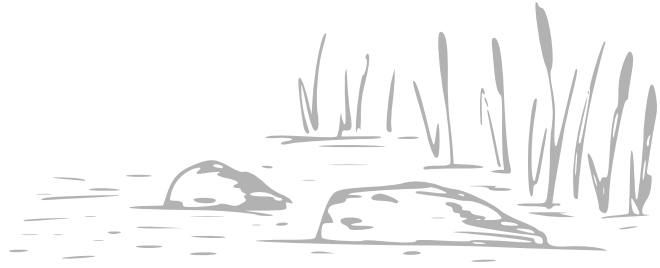
Cậu giữ lấy vai cô và hôn cô, một nụ hôn thật dài.

“Tạm biệt, Kya.” Trong một lúc, cô nhìn đầu đó qua vai cậu rồi nhìn vào mắt cậu. Một vực thẳm cô biết đến tận cùng đáy sâu của nó.

“Tạm biệt, Tate.”

Không nói thêm lời nào nữa, cậu lên thuyền và lái qua phá nước. Trước khi đi vào những bụi rậm của con kênh, cậu quay lại và vẫy tay chào. Kya giơ tay lên cao trên đầu rồi chạm lên tim.

Có cái gì đó



1969

Buổi sáng sau khi đọc báo cáo khám nghiệm thứ hai, ngày thứ tám kể từ khi tìm thấy xác của Chase Andrews trong đầm lầy, phó cảnh sát trưởng Purdue dùng chân đẩy mở cửa văn phòng cảnh sát trưởng rồi bước vào. Ông cần hai cốc giấy đựng cà phê và một túi donut nóng hổi – vừa lấy ra khỏi lòng chiên.

“Úi chà, mùi thơm của tiệm Parker,” Ed xuýt xoa khi Joe để các món lên bàn. Mỗi người lôi ra một cái donut không lờ từ túi giấy nâu thấm dầu loang lổ. Chóp chép lớn tiếng, liếm những ngón tay bóng dầu.

Nói chen lên nhau, cả hai cùng thông báo, “Chà, tôi có cái này.”

“Nói đi,” Ed bảo.

“Tôi nghe nhiều nguồn tin nói rằng Chase có cái gì đó ở đầm lầy.”

“Có cái gì đó? Ý anh là sao?”

“Không chắc nữa, nhưng mấy gã ở Dog-Gone nói là khoảng bốn năm *chước*, cậu ta bắt đầu một mình ra đầm lầy rất thường xuyên, cực kỳ bí mật về chuyện đó. Cậu ta vẫn đi câu hoặc đi thuyền với bạn bè, nhưng có rất nhiều chuyến đi riêng. Tôi *nghĩ* có thể cậu ta dây vào bọn nghiện cần sa hoặc tệ hơn. Dính lú quá sâu với mấy tên côn đồ ma túy nguy hiểm. Nằm với chó thì tỉnh dậy với bộ chết. Hoặc trong trường hợp này là không tỉnh

dây nữa.”

“Tôi không biết. Cậu ta là vận động viên cừ như vậy; khó mà hình dung cậu ta dính tới ma túy,” cảnh sát trưởng đáp.

“Từng là vận động viên thôi. Và dù sao đi nữa, hằng hà vận động viên vẫn dây vào ma túy. Khi ngày tháng huy hoàng của người hùng cạn kiệt, họ phải tìm cảm giác hưng phấn từ nơi khác. Hoặc là cậu ta có một người phụ nữ ngoài kia.”

“Tôi không biết quý cô nào ngoài kia có thể hợp gu cậu ta cả. Cậu ta chỉ chơi với cái gọi là tầng lớp thượng lưu của Barkley. Không phải loại rác rưởi.”

“Chà, nếu cậu ta cho rằng mình đang *dao* du với phường thấp kém, có lẽ đó là lý do cậu ta bí mật về nó như thế.”

“Cũng đúng,” cảnh sát trưởng đồng tình. “Dù sao đi nữa, bất kể cậu ta có gì ngoài đó, nó cũng mở ra một khía cạnh mới của cuộc đời cậu ta mà chúng ta không hề hay biết. Hãy đi dò la đôi chút, xem cậu ta đã lén lút lút làm gì.”

“Anh nói anh cũng có cái gì đó?”

“Không chắc là gì nữa. Mẹ của Chase gọi tới, nói có chuyện quan trọng muốn cho chúng ta biết về vụ việc. Cái gì đó về sợi dây chuyền vô sò mà cậu ta đeo suốt bên mình. Bà ấy chắc chắn đó là một manh mối. Muốn tới đây để nói với chúng ta.”

“Chừng nào bà ấy tới?”

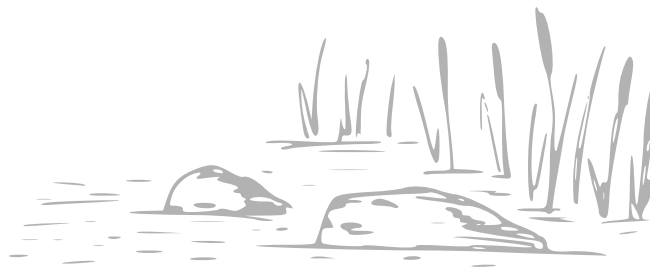
“Chiều nay, sớm thôi.”

“Có được một manh mối thực sự thì tốt. Đỡ hơn đi *dòng* *dòng* tìm một thằng cha mặc áo len đỏ có động cơ gây án. Chúng ta phải thừa nhận,

nếu đây là một vụ giết người thì nó rất thông minh. Đầm lầy nhai nhừ và nuốt chửng mọi chứng cứ, nếu có. Chúng ta có thời gian ăn trưa trước khi Patti Love tới không?”

“Có chứ. Món sườn heo chiên đặc biệt. Bánh nướng mâm xôi.”

Ngày 4 tháng Bảy



1961

Mặc chiếc váy chiffon màu đào giờ đã ngắn cũn, Kya đi chân không ra phá nước vào ngày 4 tháng Bảy và ng ồi lên gốc cây học đọc. Cái nóng tàn nhẫn đã rũ đi làn sương mỏng cuối cùng, và hơi ẩm dày đặc đến khó thở lấp đầy không khí. Thỉnh thoảng Kya quỳ xuống trên phá và hắt nước mát lên cổ, suốt trong lúc đó vẫn lắng tai chờ tiếng rò rò của thuyền Tate. Cô không ngại chờ đợi; cô đọc những quyển sách cậu đã cho cô.

Ngày lê thê lết qua từng phút, mặt trời mắc kẹt ở chính giữa. Gốc cây cứng lại nên Kya ng ồi bệt xuống đất, lưng tựa vào cây. Cuối cùng, đói ngấu, cô chạy vội vào lán ăn xúc xích và bánh mì thừa. Ngẫu nhiên thật nhanh, sợ cậu sẽ tới khi cô rời chỗ đợi.

Buổi chiều oi n ồng gọi muỗi ra tụ hội. Không thuyền; không Tate. Lúc trời sụp tối, cô đứng thẳng lên lặng im và bất động như một con cò, chăm chăm nhìn ra con kênh trống vắng, tĩnh mịch. Từng hơi thở nhói đau. Tụt vảy ra, Kya chu ỗi mình vào nước và bơi trong cái mát lạnh tối thẫm, nước khỏa lên da, làm dịu cái nóng từ cốt tủy cô. Kya nhấc mình khỏi nước và ng ồi lên một khoảng đất rêu phủ bên bờ, tr ần trụi cho đến khi người ráo h ắn, đến khi trắng đã trượt vào dưới mặt đất. R ồi c ần lấy quần áo, cô bước vào nhà.

Hôm sau cô lại đợi. Mỗi giờ ấm lên cho tới giữa trưa, sau đó thì bỗng

giộp, nhói từng cơn mãi sau lúc mặt trời khuất bóng. Sau đó, vầng trăng gieo hy vọng lên mặt nước, nhưng cả nó cũng chết đi. Lại một lần mặt trời lên, lại một buổi trưa chang chang nắng. Mặt trời lại lặn. Mọi hy vọng thành bình lặng. Mắt Kya uể oải lướt nhìn, và mặc dù vẫn lắng tai chờ tiếng thuyền Tate, cô không còn nghe lòng quặn lại nữa.

Phá nước tỏa ra mùi sự sống và cái chết cùng một lúc, một mớ hỗn độn hữu cơ của hứa hẹn và mục rữa. Ếch nhái kêu ồm ộp. Thỉnh thoảng, Kya nhìn đom đóm nguyệt ngọc lên bức màn đêm. Cô chưa bao giờ bắt đom đóm bỏ chai; ta học được nhiều điều về mọi thứ hơn khi nó không nằm trong lọ. Jodie đã dạy Kya rằng đom đóm cái nhấp nháy ngu ngơ sáng dưới đuôi để báo hiệu cho con đực biết nó sẵn sàng ghép cặp. Mỗi loài đom đóm có ngôn ngữ chớp nháy của riêng mình. Trong khi Kya quan sát, vài cô đom đóm ra hiệu *tích, tích, tích, te* và bay theo điệu vũ hình zíc-zắc, trong khi mấy cô khác nháy *te, te, tích* theo vũ điệu khác nữa. Những chú đom đóm đực, dĩ nhiên, biết rõ tín hiệu của loài và chỉ bay về phía mấy cô nàng đồng loại. Rồi, như Jodie nói, chúng dụi mõng vào nhau như hầu hết các loài, để tạo ra con.

Đột nhiên, Kya bật dậy và chú ý hơn: một cô đom đóm đã thay đổi mật mã. Ban đầu, cô nàng nháy đúng chuỗi tích te, thu hút một anh bạn cùng loài, và cả hai giao phối. Rồi cô nàng nháy một tín hiệu khác, và một con đực khác loài bay lại. Đọc thông điệp của cô đom đóm, con đực thứ hai tin rằng nó đã tìm thấy một con cái đồng loại sẵn sàng kết đôi nên lượn lờ phía trên để giao phối với cô nàng. Nhưng bất ngờ cô đom đóm vọt lên, cắn phập vào nó rồi ăn thịt, nhai hết cả sáu cái chân và hai cặp cánh.

Kya nhìn những con khác. Mấy cô nàng đom đóm đã có cái chúng muốn – một người bạn tình và một bữa ăn – chỉ bằng cách thay đổi tín

hiệu.

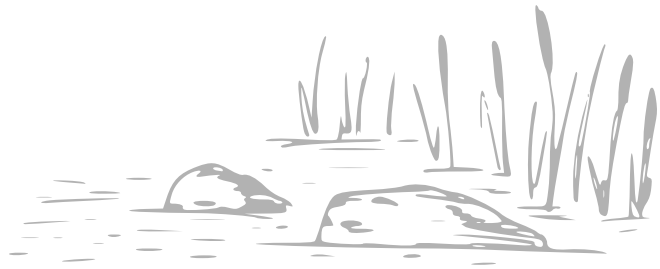
Kya biết ở đây không có chỗ cho sự phán xét. Không có cái ác, chỉ là sự sống đập tiếp nhịp điệu của nó, bất kể một vài “người chơi” phải chịu tổn hại. Sinh học coi đúng và sai là cùng một màu sắc dưới ánh sáng khác nhau.

Cô chờ Tate thêm một giờ nữa, rồi cuối cùng bước về phía lán nhà.

Sáng hôm sau, chửi thề những mảnh vụn của hy vọng tàn nhẫn, cô trở lại phá nước. Ngồi bên bờ, cô lắng tai chờ tiếng một chiếc thuyền bình bịch chạy dọc con kênh hoặc băng qua những cửa sông xa.

Vào giữa trưa cô đứng dậy và hét lên, “TATE, TATE, KHÔNG, KHÔNG.” Rồi quỳ sụp xuống, mặt úp trên bùn. Cô cảm thấy sóng rút ra dưới chân mình. Một con sóng mà cô biết rõ.

Coop



1961

Gió nóng khua lá cọ lùn lách cách như những khúc xương khô nhỏ. Ba ngày liền sau khi ngừng tin tưởng vào Tate, Kya không ra khỏi giường. Mụ mẫm trong cái nóng và nỗi tuyệt vọng, cô lặn lộn trong bộ quần áo và khăn trải giường ẩm mồ hôi, da dính nhớp. Cô cử mấy ngón chân đi làm nhiệm vụ dò tìm chỗ mát giữa tấm trải, nhưng chúng chẳng thấy gì.

Kya không để ý thời điểm trăng lên hay khi một con cú sừng bô xuống một chú giẻ cùi lam giữa ban ngày. Từ trên giường, cô nghe đờng lầy ngoài kia trong tiếng đập cánh bay lên của loài chim hét, nhưng không ra đó. Cô đau vì tiếng kêu thê thiết của bầy mòng biển ngoài bãi cát, gọi tìm cô. Nhưng lần đầu tiên trong đời, Kya không ra với chúng. Cô hy vọng cái đau khi phớt lờ chúng sẽ thế chỗ vết xé trong tim. Nhưng không.

Thần thờ, cô tự hỏi mình đã làm gì mà đẩy mọi người đi cả. Má của cô. Các chị. Cả gia đình. Jodie. Và giờ là Tate. Ký ức xót xa nhất của cô là những ngày không xác định, khi từng người trong nhà biến mất nơi cuối đường. Chút trắng cuối cùng của chiếc khăn choàng qua kẽ lá. Một đồng vớ bỏ lại trên thảm trải sàn.

Tate và cuộc đời và tình yêu đã từng là một. Giờ thì chẳng còn Tate.

“Tại sao, Tate, tại sao?” Cô lẩm bẩm vào tấm trải, “Lẽ ra anh phải

khác. Anh phải ở lại. Anh nói anh yêu em, nhưng nào có cái gì như thế. Ta không thể trông cậy vào ai trên Trái đất này.” Từ chỗ nào đó sâu thẳm bên trong, Kya tự hứa với mình sẽ không bao giờ tin hay yêu ai nữa.

Trước nay Kya luôn tìm được sức mạnh trong cơ bắp và trái tim để kéo mình lên từ dưới vũng lầy, để đi bước tiếp theo, bất kể có run rẩy thế nào. Nhưng tất cả gan góc đó đã đưa cô tới đâu? Kya cứ trôi vào rồi dạt ra giấc ngủ mỏng manh như thế.

Đột nhiên, mặt trời – tròn đầy, sáng ngời và chói lóa – rơi vào mặt cô gái. Cả đời chưa bao giờ cô ngủ tới giữa trưa. Cô nghe tiếng sột soạt nhỏ và, chống cùi chò dậy, cô thấy một chú diều hâu Cooper cỡ con quạ đậu phía bên kia cửa lưới, ghé mắt nhìn vào. Lần đầu tiên trong nhiều ngày, hứng thú trỗi lên trong Kya. Cô xóc cho mình tỉnh táo lại khi con diều hâu bay mất.

Cuối cùng, cô khuấy cháo bằng nước nóng và bột ngô rồi ra bờ cát cho lũ mòng biển đánh chén. Khi cô tới nơi, cả bãi liệng vòng và bồ xuống như cơn lốc xoáy, và cô quỳ xuống tung thức ăn lên cát cho lũ háu ăn. Khi chúng lao nhao xúm xít quanh cô, Kya nghe bộ lông của chúng quệt lên cánh tay với đuôi mình, và ngửa đầu ra, mỉm cười với chúng. Ngay cả khi nước mắt rùng rùng bên gò má của cô.

Suốt một tháng trời sau ngày 4 tháng Bảy, Kya không rời chỗ của mình, không đi vào đồng lầy hay tới bến Jumpin’ mua xăng và đồ ăn vật dụng các loại. Cô sống bằng cá phơi khô, vẹm hoặc hào. Bột ngô và rau cải.

Khi các kẻ ở nhà đã trống trơn, cuối cùng cô cũng lái thuyền tới chỗ

Jumpin' mua đồ nhưng không tán gẫu với ông như thường lệ. Làm việc cần làm và bỏ ông đứng đó, trân trối nhìn theo. Cần đến mọi người thì chỉ kết thúc trong thương tổn.

Vài buổi sáng sau đó, chú diều hâu Cooper trở lại bậc thềm nhà Kya, ghé nhìn cô qua lưới cửa. *Lạ quá*, cô nghĩ, nghiêng đầu với chú chim. “Này, Coop.”

Với một bước nhảy nhỏ, chú cất mình lên, bay là đà một quãng rồi vút cao vào mây trắng. Nhìn chú, cuối cùng Kya tự nhủ, “Mình phải trở lại đồng lầy,” và cô lấy thuyền đi, lướt dọc những con kênh và dòng nước nhỏ, tìm tổ chim, lông vũ hoặc vỏ sò, lần đầu tiên kể từ khi Tate bỏ rơi cô. Mặc dù vậy, cô vẫn không tránh được ý nghĩ về cậu. Những khám phá lý thú về trí tuệ hoặc các cô gái yêu kiều ở Chapel Hill đã quyến rũ Tate. Cô không hình dung được phụ nữ ở đại học thế nào, nhưng dù họ có hình thức ra sao thì cũng tốt hơn một con bán vẹm tóc rối, chân trần sống trong một cái lán nhỏ.

Đến cuối tháng Tám, cuộc đời Kya một lần nữa tìm được điểm tựa: đi thuyền, thu nhặt, và vẽ. Tháng tiếp tháng trôi qua. Cô chỉ tới chỗ Jumpin' khi bị thúc bách vì đồ dùng cạn kiệt, nhưng rất kiệm lời với ông.

Bộ sưu tập của Kya lớn dần, được xếp loại rất có trật tự và phương pháp, theo bộ, chi, loài; theo tuổi dựa vào độ mòn xương; theo kích thước bằng milimet nếu là lông vũ; hoặc theo từng sắc độ mong manh nhất của màu xanh lá. Khoa học và nghệ thuật bện vào phẩm chất của nhau: màu sắc, ánh sáng, giống loài, sức sống; dệt nên một kiệt tác của tri thức và vẻ đẹp, phủ kín đến từng góc nhỏ cái lán của Kya. Thế giới của cô. Cô lớn lên cùng chúng – thân của dây leo – một mình, nhưng giữ tất cả kỳ quan lại với nhau.

Thế nhưng khi bộ sưu tập của cô lớn lên, nỗi cô đơn trong cô cũng vậy. Một nỗi đau lớn bằng cả trái tim sống trong lồng ngực cô gái. Không gì có thể xoa dịu nó. Không phải lũ mòng biển, một hoàng hôn trắng lợt, hay chiếc vỏ sò quý hiếm nhất.

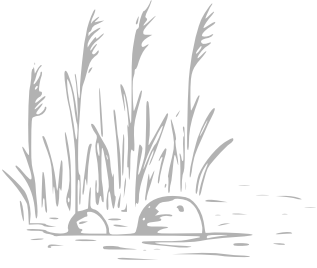
Tháng tiếp tháng biến thành một năm.

Nỗi cô đơn lớn hơn mức cô có thể giữ trong mình. Cô ước mong giọng nói, sự hiện diện, cái đụng chạm của một người nào đó, nhưng ước mong hơn cả là bảo vệ trái tim cô.

Tháng tháng trôi sang năm tiếp theo. Và sang năm sau nữa.

ĐÀM LẦY





Vẫn con nước cũ

1965

Mười chín tuổi, chân dài hơn, mắt to hơn và có vẻ rậm đen hơn, Kya ngồi trên bãi biển Point, ngắm bọn cua rù rì ngửa lưng chôn mình xuống khoảng nước từ sóng vỡ lan vào bờ. Đám trẻ con mà mấy năm nay Kya thường quan sát – giờ là những cô cậu mới lớn – nhân nhả đi tới chỗ cô, ném một quả bóng bầu dục, chạy và đá tung sóng nước. Lo sợ họ thấy mình, cô nhảy vọt vào rừng cây, cát tẽ ra dưới gót, và nấp sau cái thân rộng của một cây sồi. Biết rằng việc này làm mình rõ là kỳ dị.

Không có thay đổi gì nhiều, cô nghĩ, họ cười vui, mình trốn chui trốn nhủi như lũ rù rì trong cát. Một con vật hoang dã hồ thẹn với cách hành xử quái dị của chính nó.

Cao-gầy-tóc-vàng, Tóc-đuôi-ngựa-mặt-tàn-nhang, Luôn-đeo-ngọc-traoi và Tròn-tròn-má-phính nô đùa trên bờ biển, quấn vào nhau trong những tiếng cười với cái ôm. Trong vài chuyến hiếm hoi vào thị trấn, Kya đã nghe bọn họ xì xầm. “Ừ, Con bé Đờng lầy nhận quần áo từ túi da màu; phải đổi vệm lấy bột ngô.”

Vậy mà sau bao nhiêu năm, bọn họ vẫn là một nhóm bạn. Đó cũng là điều đáng nể. Nhìn bề ngoài thì có vẻ ngờ ngẩn, đúng thế, nhưng như Mabel đã nói nhiều lần, họ là một nhóm bền chặt. “Cháu cũng cần vài cô bạn gái, cháu cưng, dĩ họ là mãi mãi. Không cần một lời thề. Một hội chị

em là chốn dịu dàng và khắc nghiệt nhất Trái đất.”

Kya thấy mình khẽ cười cùng họ khi họ đá tung nước muối lên nhau. Rồi ré lên, một bầy bọn họ cùng ùa xuống chỗ sóng ngập sâu hơn. Nụ cười của Kya tan biến khi họ kéo nhau ra khỏi nước và nhào vào vòng ôm tập thể truyền thống.

Tiếng reo hò của họ làm sự im lặng của Kya càng khuấy động hơn. Sự gần gũi của họ động vào nỗi cô đơn của cô, nhưng cô biết cái móc *thứ rúc rưới đông lây* đã giữ cô lại sau cây sồi.

Mất cô dòi đến chỗ cậu trai cao nhất. Mặc quần đùi kaki và cởi trần, cậu ta ném quả bóng bầu dục. Kya nhìn những thớ cơ bắp nổi lên trên lưng cậu. Bờ vai rám nắng. Cô biết cậu ta là Chase Andrews và qua năm tháng, kể từ khi cậu suýt cán lên cô bằng xe đạp, cô đã thấy cậu cùng đám bạn trên bờ biển, bước vào quán uống sữa lắc, hoặc tới chỗ Jumpin’ đồ xăng.

Bây giờ, khi nhóm bạn lại gần hơn, cô chỉ nhìn cậu. Khi một thằng khác ném bóng, cậu chạy đi bắt nó và tới gần cái cây của cô, bàn chân trần sủi vào cát nóng. Khi giờ tay ném trả, cậu tình cờ liếc sang và bắt gặp ánh mắt Kya. Sau khi chuyển bóng, không để lộ dấu hiệu gì với người khác, cậu quay lại nhìn vào mắt cô. Tóc cậu đen sẫm giống tóc cô nhưng mắt cậu ánh màu lam nhạt, khuôn mặt sắc nét, ấn tượng. Một bóng cười hiện trên môi cậu. Rồi cậu bước lại chỗ đám bạn, bờ vai thả lỏng, tự tin.

Nhưng cậu đã thấy cô. Đã nhìn vào mắt cô. Hơi thở cô đông cứng khi hơi ấm tỏa khắp người.

Cô dõi theo họ, chủ yếu là cậu, đi dọc bờ biển. Tâm trí cô trôi về một hướng nhưng khao khát của cô lại ngoảnh sang hướng khác. Cơ thể cô nhìn theo Chase Andrews, không phải trái tim cô.

Ngày hôm sau cô trở lại – vẫn con nước cũ, vào giờ khác, nhưng

không có ai ở đó, chỉ có bọn dẽ cát ồn ào và lũ rù rì cưỡi sóng.

Cô cố ép mình tránh xa bãi biển đó và chỉ lẩn quẩn ở đờng lầy, tìm tổ chim cùng lông vũ. Giữ an toàn, cho lòng biển chén bột ngô. Cuộc sống đã biến cô thành chuyên gia bóp nén cảm xúc thành một kích thước có thể đem cất giấu.

Nhưng nỗi cô đơn có chiếc la bàn của riêng nó. Và cô trở lại bãi biển tìm cậu vào hôm sau. Và hôm sau nữa.

Cuối một buổi chiều, sau khi tìm Chase Andrews, Kya đi bộ từ nhà ra một dải bờ biển nhỏ, vẫn bóng loáng sau con sóng cuối cùng và nằm xuống. Cô duỗi tay qua đầu, quệt vào cát ẩm, và duỗi chân, chĩa thẳng cả bàn chân. Mắt nhắm lại, cô từ từ lặn xuống biển. Hông và tay cô để lại những dấu hằn nhẹ trên mặt cát lấp lánh, sáng lên rồi mờ đi khi cô di chuyển. Lặn đến gần mép sóng, cô cảm giác được tiếng gầm của đại dương qua chiều dài cơ thể và cảm thấy câu hỏi: *Khi nào biển sẽ chạm vào mình? Nó sẽ chạm tới chỗ nào đầu tiên?*

Sóng cồn bọt ập vào bờ cát, vươn tới chỗ cô. Người râm ran háo hức, cô hít thở thật sâu. Lặn chậm dần và chậm nữa. Với mỗi vòng lặn, trước khi mặt mình úp vào mặt cát, cô hơi nhấc đầu lên và hít vào mùi cát dưới ánh mặt trời. *Mình gần, gần lắm rồi. Nó đang tới. Chừng nào mình sẽ cảm thấy nó đây?*

Một cơn sốt dâng lên. Cát dưới thân Kya ướt hơn, tiếng gầm gào của sóng lớn hơn. Chậm lại thêm nữa, với từng phân một cô lặn tới, chờ va chạm. Sớm thôi, sớm thôi. Gần như cô cảm thấy trước khi nó tới.

Cô muốn hé mắt ra xem còn bao xa nữa. Nhưng cô cưỡng lại ý định đó, nhắm chặt hai mí mắt hơn, bầu trời sau đôi mi sáng lòa, không tiết lộ dù chỉ chút manh mối.

Đột nhiên cô ré lên khi sức mạnh xô vào dưới thân mình, vượt ve đùi cô, luồn giữa hai chân, chảy dọc sống lưng, cuộn xoáy dưới đầu, kéo căng những sợi tóc đen như mực. Cô lặn nhanh vào chỗ sóng sâu hơn, ngược với mớ vỏ sò và những mẫu đại dương chảy theo con sóng, nước ôm cô vào lòng. Áp vào cơ thể mạnh mẽ của biển, cô được giữ lấy, ôm chặt. Không còn đơn độc.

Kya ngẩng dậy và mở mắt trước cảnh đại dương tung bọt xung quanh thành hăng hà hoa văn mềm mại trắng, luôn luôn biến đổi.

Kể từ khi Chase liếc nhìn cô trên bãi biển, Kya đã tới bến Jumpin' hai lần trong một tuần. Không thừa nhận với bản thân là cô hy vọng gặp Chase ở đó. Việc được một người để ý đã thấp lên nhu cầu xã hội trong cô. Và giờ, cô lại hỏi Jumpin', "Dạo này bà Mabel khỏe không ạ? Có người cháu nào của ông ở nhà không?" như ngày trước. Jumpin' nhận thấy sự thay đổi, biết tốt hơn là chớ bình luận gì. "Có đó, có *bống* đưa ở *dới* bọn ta lúc này. Nhà đây tiếng cười rúc rích mà ta chẳng biết là có cái chuyện *dì* nữa."

Nhưng vài buổi sáng sau đó, Kya lái tới cầu tàu mà không thấy Jumpin' đâu. Bồn nông nâu, đứng lờ lờ trên mấy cái cột, nhìn cô lờ lờ như thể chúng đang giữ cửa hàng. Kya mỉm cười với chúng.

Một cái chạm lên vai làm cô giật nảy mình.

"Chào." Cô quay lại và thấy Chase đang đứng sau lưng. Nụ cười của

Kya chợt tắt.

“Anh là Chase Andrews.” Mắt cậu ta, xanh như đá khô giữ lạnh, xuyên vào mắt Kya. Cậu có vẻ hoàn toàn thoải mái khi nhìn cô chằm chằm.

Cô không nói gì, nhưng khẽ chuyển trọng lượng qua chân khác.

“Anh có thấy em vài lần. Em biết đó, vài lần qua nhiều năm nay, trong đồng lầy. Tên em là *dì* vậy?” Trong một lúc cậu tưởng cô sẽ không đáp lại; có lẽ cô bị kém trí tuệ hoặc nói một thứ tiếng nguyên thủy, như vài người đôn đại. Một người kém tự tin hơn chắc đã bỏ đi.

“Kya.” Rõ ràng, cậu không nhớ cuộc gặp gỡ xe đạp-lề đường của họ và cũng không biết gì về cô ngoài cái tên Con bé Đồng lầy.

“Kya – tên lạ đấy. Nhưng hay. Em *muốn* đi dã ngoại không? Bằng thuyền của anh, chủ nhật này.”

Cô nhìn ra sau cậu, dành thời gian để đánh giá lời mời đó, nhưng không nghĩ tới cùng. Đây là cơ hội để được gần ai đó.

Cuối cùng cô đáp, “Được.” Cậu bảo cô gặp cậu tại bán đảo cây sồi ở phía bắc bãi Point lúc giữa trưa. Rồi cậu bước vào chiếc thuyền cao tốc trắng và xanh dương, những mảng kim loại ánh lên lấp lóa từ mọi bề mặt có thể, và phóng vọt đi.

Cô quay lại khi có thêm tiếng bước chân. Jumpin’ hối hả chạy lên bến. “Chào cô Kya. Xin lỗi, ta mắc *khinh* mấy cái thùng trống đằng kia. Đồ đầy bình hả cháu?”

Kya gật đầu.

Trên đường về, cô tắt máy và để thuyền trôi, bờ đã trong tầm mắt. Tựa vào chiếc ba lô cũ ngắm bầu trời, cô lẩm nhẩm những bài thơ đã nằm lòng, như thỉnh thoảng vẫn làm vậy. Một trong những bài cô thích nhất là

“Cơn sốt biển” của John Masefield:

*...Xin một ngày lộng gió với mây trắng lang thang,
Với sóng xô và bọt tràn bờ, cùng mòng biển kêu ran.*

Kya nhớ về sáng tác của một nhà thơ ít người biết hơn, Amanda Hamilton, mới đăng gần đây trong tờ báo địa phương mua ở tiệm Piggly Wiggly ngoài thị trấn:

*Mắc kẹt bên trong,
Tình yêu là quái thú trong lồng,
Ăn thịt chính nó.
Tình yêu phải được tự do bay tỏa,
Lựa chọn bờ đáp
Và thở.*

Những lời đó làm cô nghĩ tới Tate, và hơi thở của cô tắc lại. Cậu chỉ cần tìm được cái gì đó tốt hơn và thế là đi mất. Thậm chí không tới nói lời tạm biệt cô.

Kya không hay biết, nhưng Tate đã trở lại để gặp cô.

Cái ngày trước khi cậu định bắt xe buýt về nhà hôm 4 tháng Bảy, Tiến sĩ Blum, giáo sư thuê cậu, đã bước vào phòng thí nghiệm động vật nguyên sinh và hỏi Tate có muốn cùng một nhóm các nhà sinh thái học tên tuổi đi khám phá các loài chim vào dịp cuối tuần.

“Thầy đã thấy em có hứng thú về điều học và tự hỏi liệu em có muốn đi không. Thầy chỉ có chỗ cho một sinh viên và thầy nghĩ tới em.”

“Dạ, chắc chắn là có. Em sẽ tới đó.” Sau khi Tiến sĩ Blum đi rồi, Tate đứng một mình giữa các bàn thí nghiệm, kính hiển vi và tiếng u u của nòi hấp, tự hỏi tại sao mình lại chịu hàng sớm thế. Sao mình lại vội gây ấn tượng với giáo sư như vậy. Niềm hãnh diện vì được biệt đãi, là sinh viên duy nhất được mời.

Cơ hội tiếp theo để cậu về nhà – chỉ vòng vèo một đêm – là mười lăm ngày sau. Cậu cuống cuống muốn xin lỗi Kya, cô sẽ hiểu sau khi biết lời mời Tiến sĩ Blum dành cho cậu.

Cậu giảm tốc khi rời biển và đi vào con kênh, nơi mấy khúc cây đang xếp đầy những cái lưng bóng loáng của lũ rùa tắm nắng. Gần tới nửa đường, cậu thấy thuyền cô được giấu cẩn thận trong bụi cỏ cao ngồng. Lập tức, cậu chậm lại và thấy cô phía trước, quỳ trên một bãi cạn rộng giữa hai bờ nước, có vẻ đang say mê ngắm loài giáp xác nhỏ nào đó.

Đầu cúi sát đất, cô chưa thấy cậu hay nghe tiếng thuyền chầm chậm lại gần. Cậu lặng lẽ đưa thuyền vào đám sậy, khuất khỏi tầm mắt. Cậu biết nhiều năm qua thỉnh thoảng cô vẫn lén theo dõi cậu, hé nhìn qua những bụi keo thơm. Bỗng dưng, cậu cũng muốn làm như vậy.

Chân trần, mặc quần jean cắt ngắn trên đùi và áo thun trắng, cô đứng dậy, duỗi tay lên cao. Khoe ra vòng eo con kiến. Rồi cô lại quỳ xuống và vốc cát, cho chúng chảy qua kẽ ngón tay, xem xét những sinh vật sót lại ngọ nguậy trong tay mình. Cậu mỉm cười trước hình ảnh nhà sinh học trẻ, mải mê nghiên cứu, quên phắt mọi thứ xung quanh. Cậu tưởng tượng cô đứng cuối nhóm quan sát chim, cố gắng để không ai chú ý tới mình nhưng lại là người đầu tiên phát hiện và định danh mọi chú chim trên đường khám

phá. Rút rè và nhỏ nhẹ, cô sẽ liệt kê chính xác từng loại cỏ được bện vào mỗi tổ chim, hoặc tuổi tính bằng ngày của một con mái mới ra ràng dựa trên màu sắc đang lộ ra trên đầu cánh. Những chi tiết tinh vi nằm ngoài mọi cuốn sách hướng dẫn, ngoài kiến thức của nhóm các nhà sinh thái được trọng vọng. Đặc trưng nhỏ nhất của một loài. Cái bản chất cốt lõi.

Đột nhiên Tate giật mình khi Kya đứng phắt dậy, cát tuôn xuống từ những ngón tay, và nhìn lên ngược dòng, khác hướng của cậu. Tate chỉ mơ hồ nghe tiếng lục súc trăn của một động cơ gắn ngoài chạy về phía họ, có lẽ là một người đi câu hoặc cư dân đồng lầy ra thị trấn. Một tiếng rò rò đầu đặn, thường tình và bình yên như lũ bồ câu. Nhưng Kya đã chớp lấy ba lô, vọt qua dải cát và bò vào đám cỏ cao ngồng. Thụp xuống gần sát đất và cứ liếc chùng xem chiếc thuyền đã lọt vào tầm mắt chưa, cô lén lút bước lại thuyền mình. Đầu gối nhấc tới gần cằm. Giờ cô đã gần Tate hơn, và cậu thấy cặp mắt cô, đen thẫm và hoang dại. Khi tới thuyền, cô thụp xuống bên sườn nó, đầu cúi thấp.

Người câu cá — một ông già đội mũ, nét mặt vui vẻ — lái thuyền bình bịch vào tầm mắt, không thấy cả Kya lẫn Tate, và biến mất sau một khúc quanh. Nhưng cô vẫn ngẩn cứng đờ, lắng nghe tới khi động cơ rền rĩ đi thật xa rồi mới đứng dậy, chồm chồm lên trán. Tiếp tục trông theo hướng chiếc thuyền như một con hươu nhìn bụi cây trống không sau khi con báo đi mất.

Ở mức độ nào đó, cậu vẫn biết cô luôn hành xử như vậy, nhưng kể từ trò chơi lông vũ, cậu không hề chứng kiến cái cốt lõi thô nguyên, trần trụi đó. Bị dày vò, tách biệt và kỳ lạ làm sao.

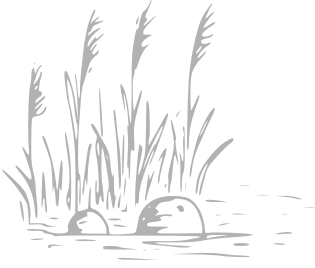
Mới vào đại học chưa đầy hai tháng nhưng cậu đã bước thẳng vào thế giới mình mong cầu, phân tích sự đối xứng phi thường của phân tử ADN

như đã bò vào trong nhà thờ lấp lánh những nguyên tử cuộn xoắn và leo lên từng nấc thang axit quanh co của cấu trúc xoắn. Thấy rằng tất cả sự sống phụ thuộc vào bộ mã chính xác và phức tạp này, vốn được chép trên những mẫu hữu cơ mỏng manh, sẽ lập tức chết đi trong một thế giới ấm hơn hay lạnh hơn một chút. Cuối cùng, được vây quanh bởi những câu hỏi khổng lồ và những người cũng hiếu kỳ tìm câu trả lời như cậu, việc đó cuốn cậu về mục tiêu làm một nhà sinh học nghiên cứu trong phòng thí nghiệm của riêng mình, tương tác với các nhà khoa học khác.

Trí tuệ của Kya có thể dễ dàng sống ở đó, nhưng chính cô thì không. Thở mạnh, cậu nhìn quyết định của mình lần trong đám cỏ nước mặn: Kya hoặc mọi thứ khác.

“Kya, Kya, anh không thể làm được,” cậu thì thầm. “Anh xin lỗi.”

Sau khi cô rời đi, cậu lên thuyền và lái về phía biển. Chửi rửa kẻ hèn nhất trong mình vì không nói lời tạm biệt cô.



Cái vỏ sò

1965

Buổi tối sau khi gặp Chase Andrews trên cầu tàu của Jumpin', Kya ngồi tại bàn bếp trong cái lung linh yên bình của ngọn đèn dầu. Đã bắt đầu nấu ăn trở lại, cô nhấm nháp một bữa tối gồm bánh mì sữa bơ, củ cải và đậu cúc, vừa đọc vừa ăn. Nhưng ý nghĩ về cái hẹn đã ngoại với Chase ngày hôm sau làm các câu từ trở nên rời rạc.

Kya đứng dậy và bước vào bóng đêm, vào ánh sáng như kem của vầng trăng khuyết một phần tư. Không khí dịu dịu của đêm lầy như lụa mỏng buông xuống quanh bờ vai cô. Ánh trăng chọn một lối đi bất ngờ qua giữa hàng thông, gieo những cái bóng khắp nơi theo vần điệu. Kya tho thẩn bước như kẻ mộng du khi vầng trăng tròn trịa nhô lên từ mặt nước và từng chút từng chút một trào vượt tán sồi. Thứ bùn trơn nơi bờ phá lấp loáng dưới ánh sáng gắt, và hàng trăm con đom đóm nhấp nháy điểm xuyết rừng đêm. Mặc một chiếc đầm trắng cũ với phần váy rũ thướt tha, hai tay hươu nhẹ nhẹ, Kya khiêu vũ theo thứ âm nhạc của lũ muỗi và ếch báo. Cô đưa tay vuốt dọc thân mình và lên cổ. Rồi di chuyển chúng dọc đùi mình khi trong mắt hiện lên khuôn mặt Chase Andrews. Cô muốn cậu ta chạm vào cô thế này. Hơi thở cô sâu hơn. Chưa một ai từng nhìn cô như Chase vậy. Kể cả Tate.

Cô nhảy múa giữa những đôi cánh mỏng của phù du, chấp chới bên

trên vầng-trăng-bùn ngời sáng.

Sáng hôm sau, cô vòng qua bán đảo và thấy Chase trong thuyền của cậu, ở ngay ngoài bờ. Tại đây trong ánh sáng ban ngày, hiện thực trôi về phía trước, chờ đợi, và cô hòng cô khô khóc. Lái lên bãi biển, cô bước ra và kéo thuyền vào, thân nó nghiêng trên cát.

Chase cho thuyền lướt lại bên cạnh. “Chào em.”

Nhìn qua vai, cô gật đầu với cậu. Cậu bước xuống thuyền và chìa tay về phía cô – những ngón tay dài rám nắng, lòng bàn tay mở. Cô ngập ngừng; chạm vào người khác nghĩa là cho đi một phần của bản thân, một mảnh cô không bao giờ lấy lại được.

Mặc dù vậy, cô vẫn đặt nhẹ tay mình lên tay cậu. Chase giữ cho cô vững bước khi cô trèo vào đuôi thuyền và ngẩng lên ghế nệm bên trong. Một ngày ấm áp đẹp trời đang chiếu rọi, và Kya, mặc quần đùi denim và áo cotton trắng – trông rất bình thường. Chase ngẩng xuống cạnh cô, và cô nghe tay áo cậu sượt nhẹ lên cánh tay mình.

Chase cho thuyền chạy ra biển. Sóng nước ngoài khơi quăng quật chiếc thuyền dữ hơn đờng lầy yên tĩnh, và cô biết chuyển động chòng chành của đại dương sẽ khiến tay hai người quệt vào nhau. Niềm mong đợi những cái động chạm giữ cho mắt cô hướng về phía trước, nhưng cô không nhích ra xa.

Cuối cùng, một con sóng dềnh lên rồi hạ xuống, và cánh tay cậu, rắn chắc và ấm áp, cọ khẽ tay cô. Giật tránh ra, rồi lại đụng vào nhau với mỗi nhịp đập dềnh. Rồi khi một con sóng lớn cuộn lên bên dưới họ, đuôi cậu quệt

vào đùi cô, và hơi thở cô ngưng lại.

Trong khi họ chạy dọc bờ biển về hướng nam, là chiếc thuyền duy nhất giữa chốn xa xăm heo hút đó, cậu tăng tốc. Mười phút sau, nhiều dặm bờ cát trắng hiện ra, trải dài theo mép sóng, được bảo vệ khỏi phần còn lại của thế giới bởi một khu rừng rậm quây tròn. Ở phía trước, bãi Point mở vào biển nước như một chiếc quạt trắng ngời sáng.

Chase chưa nói thêm lời nào kể từ câu chào lúc nãy; cô thì từ đầu đến giờ chẳng nói gì. Cậu cho thuyền trượt lên bãi và để chiếc giỏ dã ngoại vào dưới bóng thuyền trên cát.

“Có muốn đi dạo không?” cậu hỏi.

“Có.”

Họ tản bộ dọc theo mé nước, từng làn sóng nhỏ xô vào cổ chân tạo thành những vòng xoáy xiu xiu rồi mút khẽ bàn chân họ khi chúng bị kéo ngược vào biển cả.

Cậu không nắm tay cô, nhưng thỉnh thoảng trong những cử động tự nhiên, ngón tay họ quết vào nhau. Đôi khi hai người quỳ xuống xem một vỏ sò hoặc một sợi rong trong suốt cuộn xoáy thành tác phẩm nghệ thuật. Cặp mắt xanh của Chase vui vẻ ứa đùa; cậu mỉm cười rất dễ. Da cậu cũng rám nắng như Kya. Bên nhau, họ cao, thanh tú và tương đồng.

Kya biết Chase đã chọn không vào đại học mà đi làm cho bố. Cậu là người nổi bật trong thị trấn, là con gà trống. Và ở đâu đó bên trong, cô lo rằng mình chỉ là một mẫu vật đẹp mắt trên bờ biển, một thứ gây hiếu kỳ để cậu lật qua lật lại trong tay rồi ném trở ra bãi cát. Nhưng cô vẫn bước tiếp. Cô đã cho tình yêu một cơ hội; giờ cô chỉ muốn lấp đầy cái trống rỗng bên trong. Xoa dịu nỗi cô đơn trong khi dựng tường quây kín trái tim mình.

Sau khoảng nửa dặm, cậu nhìn vào cô và cúi xuống, khoa tay cường

điệu làm động tác mời ng ẩ lên cát, tựa vào một khúc gỗ trôi. Cả hai nhủi chân vào lớp tinh thể trắng và ngả người.

Từ túi của mình, Chase lôi ra một cái harmonica.

“Ồ,” cô thốt lên, “anh biết chơi.” Từ ngữ nghe sao mà thô ráp trên lưỡi.

“Không giỏi lắm. Nhưng khi anh có một khán giả cùng tựa lên khúc gỗ trôi vào bờ...” Nhắm mắt lại, cậu chơi bài *Shenandoah*, lòng bàn tay nhịp nhịp trên nhạc cụ như một chú chim kẹt trong lớp kính. Âm thanh phát ra nghe thật đẹp, buồn thương, như giai điệu từ một mái nhà xa lắm. Rồi đột ngột, cậu ngừng lại giữa bài và nhặt lên một cái vỏ sò hơi lớn hơn đồng năm xu, màu trắng kem với những vệt đỏ tươi và tím thẫm.

“Này, em nhìn nè,” cậu bảo.

“Ồ, đó là vỏ sò điệp, *Pecten ornatus*,” Kya đáp. “Lâu lâu em mới thấy chúng một lần. Có rất nhiều loài thuộc chi đó ở đây, nhưng cụ thể loài anh cần thì thường sinh sống ở phía nam vĩ độ này vì nước tại đây quá lạnh với chúng.”

Cậu tròn mắt nhìn cô. Trong tất cả tin đồn, không ai nói rằng Con bé Đồng lầy, đứa con gái không thể đánh vỡ từ *chó* lại biết tên Latin của loài sò, biết chúng có mặt ở đâu – và tại sao nữa, Chúa ôi.

“Anh không biết cái đó,” cậu nói, “nhưng nhìn đây, nó xoắn lại này.” Phần cánh tròn ở hai phía bản lề của vỏ bị cong, và có một cái lỗ nhỏ hoàn hảo ở đáy. Cậu lật nó trở qua mặt khác trong tay. “Nè, em giữ nó đi. Em là cô gái vỏ sò.”

“Cảm ơn anh.” Cô nhét nó vào túi.

Cậu chơi thêm vài bài nữa, kết thúc bằng nhịp điệu dồn dập của khúc

Dixie, rồi họ quay lại chỗ chiếc giỏ dã ngoại và ngồi trên tấm vải kẻ ô ăn gà chiên lạnh, thịt heo muối, bánh mì nhỏ và khoai tây trộn. Dưa ngâm thì là chua ngọt. Những lát bánh bốn lớp với kem caramel trên mặt dày cả một phân. Tất cả đều là đồ nhà làm, gói trong giấy sáp. Cậu mở hai chai cola Royal Crown và rót chúng vào cốc *Dixie* – lần đầu tiên trong đời Kya uống nước ngọt. Bữa ăn thịnh soạn và hào phóng, với khăn ăn, đĩa nhựa và nĩa nhựa xếp gọn gàng. Cả lọ muối và lọ tiêu tí hon nữa. Mẹ cậu hẳn đã chuẩn bị nó, cô nghĩ, không biết rằng cậu sắp gặp Con bé Đứng lầy.

Họ khẽ nói chuyện này chuyện kia về biển – bầy nông bay lượn và chim dễ cát chạy lon ton – không đụng vào nhau, ít khi cười. Lúc Kya chỉ ra một dây chim bầy nông nhấp nhô phía xa, cậu gật đầu và nhích lại gần cô để vai họ khẽ chạm. Khi cô nhìn cậu, cậu dùng tay nâng cằm cô lên và hôn cô. Cậu khẽ chạm vào cổ cô, rồi đưa những ngón tay mơn man trên áo cô và lần về vùng ngực. Hôn và ôm cô, giờ đã mạnh bạo hơn, cậu ngã ra cho đến khi họ nằm hẳn lên tấm trải. Chậm rãi, Chase di chuyển cho đến khi cậu đè lên cô, thúc háng của mình vào giữa hai chân cô và bằng một động tác đã giở áo cô lên. Cô ngoắt đầu tránh và cựa quậy trườn ra từ dưới cậu, cặp mắt thắm hơn đêm đen của cô cháy rực. Giật áo phủ xuống mình.

“Bình tĩnh, bình tĩnh. Không sao đâu em.”

Cô nằm đó – tóc xỏa tung trên cát, mặt ửng hồng, đôi môi đỏ hơi hé ra – đẹp đến ngỡ ngàng. Cẩn thận, cậu đưa tay chạm lên mặt cô, nhưng nhanh nhẹn như một chú mèo, cô vụt ra xa và đứng sững đó.

Kya thở dồn dập. Tối qua, khi nhảy múa một mình trên bờ phá, đu đưa với ánh trăng và lũ phù du, cô tưởng mình đã sẵn sàng. Cứ nghĩ mình đã biết hết về việc kết đôi nhờ quan sát đám bầy cáu. Chưa từng có ai bảo cô về tình dục, và trải nghiệm duy nhất của cô về bước mơn trớn dạo đầu

là với Tate. Nhưng cô biết chi tiết từ sách sinh học và đã thấy nhiều sinh vật giao hợp hơn hầu hết mọi người – và nó không chỉ đơn giản là “dụi mõng vào nhau” như Jodie đã nói.

Nhưng việc này quá đột ngột – đi dã ngoại, rồi làm tình với Con bé Đồng lầy. Ngay cả chim trống cũng phải mất một thời gian mới tán tỉnh được chim mái, khoe bộ lông đẹp đẽ, xây nhà, biểu diễn dăm điệu vũ hoành tráng và mấy khúc tình ca. Phải, Chase đã bày ra một bữa ăn, nhưng cô đáng giá hơn vài miếng gà chiên nguội lạnh. Và *Dixie* không thể coi là tình ca được. Lẽ ra cô phải biết chuyện sẽ thế này. Thời điểm duy nhất con đực của loài có vú lớn vờn lại gần con cái là khi chúng động dục.

Sự im lặng lớn dần khi hai người chăm chăm nhìn nhau, chỉ bị phá vỡ bởi hơi thở hỗn hển của họ và tiếng sóng vỗ đàng xa. Chase ngẩng dậy và định nắm tay cô, nhưng cô giật phắt nó lại.

“Anh xin lỗi. Không sao cả,” cậu vừa nói vừa đứng lên. Đúng, cậu tới đây để chiếm đoạt cô, để là kẻ đầu tiên, nhưng nhìn đôi mắt rục cháy kia, cậu bị mê hoặc.

Cậu cố thử lần nữa. “Thôi nào, Kya. Anh đã nói anh xin lỗi. Hãy quên chuyện đó đi. Anh sẽ đưa em trở lại thuyền.”

Nghe thấy thế, cô quay lưng và sải bước qua bãi cát về phía khu rừng. Thân hình cao ráo của cô khẽ chao đảo.

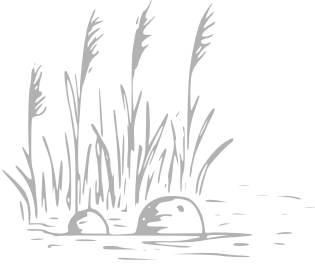
“Em đang làm *dì* vậy? Em không thể đi về từ đây. Đường dài hàng dặm.”

Nhưng cô đã đi vào rừng cây và chạy theo lối của bầy quạ đen, đầu tiên là vào sâu trong đất liền rồi băng qua bán đảo, về phía chỗ thuyền cô đang đậu. Vùng này còn mới lạ với cô, nhưng lũ chim hét đã dẫn lối cho cô đi qua đồng lầy trong đất liền. Cô không chậm lại ở những vũng lầy và

rãnh nước, chạy thẳng qua mấy con lạch, nhảy qua những khúc cây.

Cuối cùng, cô gặp người lại và quy xuống, thở hỗn hển. Văng ra những từ chửi tục đã dùng mòn. Chỉ cần cô còn phun ra lời tức tối, những tiếng thốn thức sẽ không thể nổi lên. Nhưng không gì có thể ngăn được nỗi hổ thẹn rát bỏng và niềm xót xa bén ngót. Hy vọng giản đơn muốn ở gần ai đó, muốn được người ta khao khát, được đụng chạm, đã thôi thúc cô. Nhưng hai bàn tay gấp gáp sờ soạng kia chỉ muốn *lấy đi* không phải *cho* hay *chia sẻ*.

Cô lắng nghe xem có tiếng Chase đuổi theo không, không rõ mình có muốn cậu ta xông qua bụi rậm và ôm chầm mình xin tha thứ hay không nữa. Lại nổi giận vì chuyện đó. Rồi kiệt quệ, cô đứng dậy và đi bộ hết quãng đường còn lại về thuyên.



Tháp phòng cháy

1965

Những đám mây sẫm chất chồng lên nhau và cuộn cuộn ở chân trời khi Kya lái ra khoảng biển chầu. Cô không gặp lại Chase kể từ chuyến dã ngoại bờ biển mười ngày trước, nhưng vẫn cảm nhận được hình dáng và sự rắn chắc của cơ thể cậu khi đề cô xuống cát.

Chẳng có chiếc thuyền nào khác trong tầm mắt khi cô lái về vịnh nhỏ ở phía nam bãi Point, nơi cô từng bắt gặp những chú bướm lạ thường – trắng toát như bạch tạng. Nhưng đi được gần bốn mươi thước, cô đột ngột buông cần đi đâu khiến khi thấy đám bạn của Chase xếp giỏ thức ăn dã ngoại và xấp khăn rực rỡ lên thuyền họ. Kya quay ngoắt định lái đi nhưng dưới một lực hút mạnh mẽ, cô quay lại và tìm Chase. Cô biết chẳng có phần nào của nỗi khát khao này là có lý. Hành động phi lý để lấp đầy sự trống rỗng sẽ không đem lại niềm thỏa mãn nào hơn. Bạn sẽ đánh đổi bao nhiêu để đánh bại nỗi cô độc?

Và ở đó, gần chỗ Chase đã hôn cô, cô thấy cậu cần cần câu đi về phía thuyền. Đằng sau cậu, Luân-đeo-ngọc-traí xách một thùng giữ lạnh.

Đột ngột, Chase quay đầu và nhìn thẳng vào cô khi cô lướt qua trên thuyền. Cô không ngoảnh mặt đi mà đáp lại ánh mắt của cậu. Như mọi khi, sự e thẹn thắng thế nên cô nhìn chỗ khác, tăng tốc và lái vào một vùng nước râm. Cô chờ cho đến khi đoàn hải quân nhỏ của họ bỏ đi rồi chính

mình mới lên bãi biển.

Mười phút sau, Kya lái trở ra khơi và phía trước, cô thấy Chase một mình trên thuyền câu, dập dềnh trên sóng. Đợi chờ.

Niềm khao khát cũ dâng lên. Cậu vẫn còn hứng thú với cô. Phải, cậu đã có hành vi ép buộc cô hôm đã ngoại, nhưng cậu đã dừng lại khi cô gạt cậu ra. Đã xin lỗi. Có lẽ cô nên cho cậu thêm một cơ hội.

Cậu ra hiệu cho cô lại gần và gọi, “Chào em, Kya.”

Cô không đi về phía cậu, nhưng cũng không chạy ra xa. Cậu cho thuyền tiến gần lại.

“Kya, anh xin lỗi về hôm nọ. Được không? Thôi nào, anh muốn cho em xem tháp phòng cháy.”

Cô không nói gì, vẫn dập dềnh trôi về hướng cậu, biết rằng đó là sự yếu đuối.

“Này, nếu em chưa bao giờ trèo lên tháp thì đó là một cách rất tuyệt để ngắm đồng lầy. Theo anh đi.”

Cô gạt cần lên và quay thuyền về phía Chase, cùng lúc vẫn rà soát mặt nước để đảm bảo bạn bè cậu không ở trong tầm mắt.

Chase ra hiệu cho cô đi về hướng bắc qua khỏi Vững Barkley – nhìn từ xa ngôi làng thật bình yên và rực rỡ – rồi tấp vào bờ một vịnh nhỏ nép trong rừng. Sau khi cột chặt thuyền, cậu dẫn cô đi men một lối mòn mọc rậm thanh mai với ô rô. Cô chưa bao giờ tới khu rừng ẩm ướt và lảm rề này vì nó ở bên kia ngôi làng và gần người quá. Khi họ bước tới, nước tù đọng chảy thành dòng thật mạnh, thấm vào dưới bụi rậm – những dấu hiệu lượn lờ gợi nhắc rằng biên cả sở hữu mảnh đất này.

Rồi một đầm lầy đích thực nằm sâu bên trong với mùi đất trũng thấp

và không khí mốc ẩm. Đột ngột, lặng lẽ và tinh vi đến khó nhận ra, nó mở rộng thành cái miệng hun hút tối của rừng.

Kya thấy nền gỗ bộp bộp của tháp phòng cháy bỏ hoang phía trên tán lá, và vài phút sau, họ đã tới chỗ những chân tháp giăng ra làm từ cột gỗ cắt thô. Bùn đen ứa ra dưới tháp và quanh các chân trụ, và mục ẩm ăn nham nhỏ dọc mấy thanh xà. Cầu thang ngoặt qua ngoặt lại dẫn lên trên cùng, cứ hẹp lại qua từng chỗ ngoặt.

Sau khi băng qua bãi bùn đặc, họ bắt đầu trèo lên, Chase đi trước. Đến chỗ ngoặt thứ năm, rừng sồi tròn bên dưới chạy về phía tây hút tầm mắt họ. Ở mọi hướng khác, những dòng chảy, phá nước, con lạch và cửa sông uốn lượn qua vùng cỏ mượt xanh đổ ra biển cả. Kya chưa bao giờ lên cao trên đồng lầy như thế. Giờ thì tất cả mảnh ghép đã trải ra dưới chân cô, và lần đầu tiên cô trông thấy trọn vẹn gương mặt của bạn mình.

Khi họ tới bậc cuối cùng, Chase đẩy mở tấm vỉ chắn phía trên thang. Sau khi họ trèo lên nền tháp, cậu lại đẩy nó xuống. Trước khi bước lên đó, Kya thử gõ gõ vỉ chắn bằng mấy ngón chân. Chase bật cười khẽ. “Không sao mà, đừng lo.” Cậu dẫn cô đến cạnh lan can, và tại đó họ nhìn ra khắp miền đồng lầy bát ngát. Hai con chim ưng đuôi lửa đang bay ngang tầm mắt, gió huýt qua cánh chúng, đầu chúng nghiêng ngó ngạc nhiên khi thấy một cô gái và một chàng trai đứng trong vùng trời của mình.

Chase quay sang cô và bộc bạch, “Cảm ơn em vì đã tới, Kya. Vì đã cho anh thêm cơ hội nói lời xin lỗi *đề* hôm nọ. Anh đã vượt quá *dới* hạn và chuyện đó sẽ không lặp lại lần nữa.”

Cô không nói gì. Một phần trong cô muốn hôn cậu ngay tức thì, để cảm nhận sức mạnh của cậu áp vào cô.

Đút tay vào túi quần jean, cô cất lời, “Em đã làm một sợi dây chuyền

với chiếc vỏ sò anh tìm ra. Anh không phải đeo nó nếu không muốn vậy.” Cô đã gắn cái vỏ lên một sợi da sống vào tối hôm qua, tự nhủ rằng mình sẽ đeo nó, nhưng biết rõ mình vẫn mong gặp Chase lần nữa và sẽ tặng sợi dây cho cậu nếu có cơ hội. Nhưng ngay cả trong mộng ước của mình, cô cũng không muốn tượng nổi họ sẽ cùng nhau đứng trên ngọn tháp phòng cháy trông ra toàn thế giới. Một đỉnh cao.

“Cảm ơn em, Kya,” Chase đáp. Cậu nhìn sợi dây rồi choàng nó qua đầu, mân mê chiếc vỏ sò khi nó nằm tựa vào cổ cậu. “Dĩ nhiên anh sẽ đeo nó.”

Cậu không nói mấy thứ sáo mồn như *Anh sẽ đeo sợi dây chuyên mãi mãi, cho đến ngày anh từ giã cuộc đời*.

“Đưa anh tới nhà em đi,” cậu đề nghị. Kya hình dung cái lán ngời thụp dưới tán sồi, những tấm ván xám vấy máu đỏ từ mái nhà rỉ sét. Lưới che thì nhiều lỗ hơn là mắt lưới. Một nơi chấp vá tồi tàn.

“Xa lắm,” là tất cả những gì cô nói.

“Kya, anh không quan tâm bao xa hay trông nó thế nào. Thôi mà, đi đi em.”

Cơ hội được chấp nhận này có thể tan biến nếu cô từ chối.

“Được rồi.” Họ trèo xuống tháp và Chase đưa cô trở lại vịnh, ra hiệu cho cô dẫn đường bằng thuyền của chính cô. Cô lái về phía nam tới mép cửa sông và hụp đầu xuống khi lách vào kênh nước nhà mình, bên trên giăng đầy cành lá. Thuyền của cậu suýt nữa là quá lớn để lọt vào giữa các lùm bụi, chắc chắn là quá xanh dương và trắng, nhưng nó vẫn chen qua được, cành cây cọ quẹt nghe rìn rít dọc thân.

Khi phá nước của cô mở ra trước mặt, những chi tiết tinh tế của mỗi chiếc lá xanh mướt và cành gỗ phủ rêu phản chiếu trong khoảng nước

trong vạt tối tăm. Đám chuồn chuồn và lũ diệp bạch trắng tuyết bay lên một chốc trước chiếc thuyền lặn, rồi duyên dáng đáp xuống lại trên đôi cánh khê khàng. Kya cột thuyền khi Chase chạy vào bờ. Con diệp xanh lớn, từ lâu đã chấp nhận bọn người kém hoang dã hơn, đứng im kiêu cò cách đấy chỉ vài bước.

Đồ đã giặt của Kya gồm quần yếm và áo thun bọt bọt treo cũ nát trên dây phơi, và nhiều cây củ cải đã chạy lan ra rừng, thật khó mà biết từ đâu vườn nhà chấm dứt và chốn hoang dã mở ra.

Nhìn lưới che hiên vá víu trước nhà, Chase hỏi, “Em sống ngoài đây một mình bao lâu rồi hả?”

“Em không biết chính xác ba bỏ đi lúc nào. Nhưng khoảng mười năm, em nghĩ thế.”

“Tuyệt thật. Sống ngoài đây và chẳng có bố mẹ nào bảo em phải làm gì.”

Kya không trả lời mà chỉ nói, “Bên trong không có gì để xem cả.” Nhưng cậu đã bước lên bậc thềm gạch ván. Thứ đầu tiên cậu thấy là bộ sưu tập cô xếp trên những hàng kệ tự làm. Một bộ tranh ghép về sự sống lung linh ngoài lưới cửa.

“Em làm tất cả chỗ này à?” cậu hỏi.

“Đúng thế.”

Cậu nhìn thoáng qua vài con bướm nhưng mau chóng hết hứng thú. Nghĩ rằng, *Tại sao lại giữ mấy thứ bước ra cửa đã thấy ngay?*

Cái nệm nhỏ của Kya ngoài hiên có tấm trải đã sờn như áo choàng tắm cũ, nhưng nó được xếp gọn ghẽ. Vài bước chân đưa họ qua phòng khách nhỏ với cái sofa võng xuống, rồi cậu hé nhìn vào phòng ngủ đằng

sau, nơi bao nhiêu chiếc lông vũ đủ sắc màu, hình dạng và kích cỡ dính đầy tường.

Cô ra hiệu cho cậu vào bếp, tự hỏi mình có thể mời cậu món gì. Chắc chắn cô chẳng có Coca-Cola hay trà đá, không bánh quy hay thậm chí là bánh mì nhỏ lạnh tanh. Phần bánh ngô dư để trên bếp cạnh nồi đậu mắt đen, đã dậy lại và sẵn sàng luộc cho bữa tối. Chẳng có thứ gì để đãi khách cả.

Theo thói quen cô nhét vài mẫu củi vào chỗ đốt lửa của bếp. Chọc chọc nó bằng cời lửa, và ngọn lửa bùng lên tức thời.

“Chỉ có vậy,” cô nói, vẫn quay lưng về phía cậu trong khi bơm nước bằng tay và đổ đầy cái ấm mốp – một bức tranh về những năm 1920 hiện lên giữa những năm 1960. Không nước chảy, không điện, không nhà tắm. Cái bồn tắm thiếc với viền miệng méo và rỉ sét đứng trong góc, tủ bếp chứa những món thừa được đậy kín bằng khăn lau chén đĩa, tủ lạnh gù mở toang, một cây đập ruồi chặn trong miệng nó. Chase chưa bao giờ thấy cái gì như thế này.

Cậu lấy tay bơm nước, nhìn nước chảy vào cái chậu tráng men dùng làm bồn rửa. Chạm lên đồng củi xếp gọn bên bếp. Nguồn sáng duy nhất là vài cái đèn dầu hỏa, chụp đèn ám khói xám xịt.

Chase là vị khách đầu tiên của Kya sau Tate, người đã có vẻ tự nhiên và hoàn toàn đón nhận cô như mọi sinh vật đồng lầy. Với Chase, cô cảm thấy bị phơi trần, như thể ai đó đang bóc xương và lạng thịt cô như làm cá. Nỗi hổ thẹn dâng ứ bên trong. Cô giữ lưng quay về phía cậu nhưng cảm nhận được cậu đi quanh phòng, với tiếng cọt kẹt quen thuộc của sàn lán. Rồi cậu tiến tới sau cô, xoay người cô lại và nhẹ nhàng ôm cô. Cậu đặt môi mình lên tóc cô, và cô cảm thấy hơi thở cậu phả bên tai mình.

“Kya, không một ai anh biết có thể sống ngoài đây một mình thế này. Hầu hết bọn trẻ, kể cả con trai, đều sẽ quá sợ hãi.”

Cô nghĩ cậu sẽ hôn cô, nhưng cậu buông tay và đi lại bàn bếp.

“Anh muốn gì ở em?” cô hỏi. “Nói em biết sự thật đi.”

“Thế này, anh sẽ không nói dối. Em đẹp rạng ngời, phóng khoáng tự do, và hoang dại như một ngọn gió. Hôm nọ, anh muốn gần em hết mức có thể. Ai lại không muốn được vậy. Nhưng như thế *hông* phải. Lẽ ra anh *hông* nên sấn tới như thế. Anh chỉ muốn ở bên em, có được không? Để anh và em hiểu nhau hơn.”

“Rồi sao nữa?”

“Chúng ta chỉ tìm hiểu xem mình có cảm xúc thế nào thôi. Anh sẽ không làm bất cứ chuyện gì trừ khi em muốn. Vậy được chứ?”

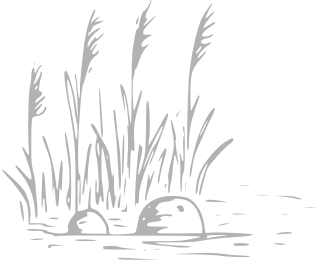
“Cũng được.”

“Em nói em có một bãi biển. Hãy tới đó nào.”

Cô cắt vài mẫu từ miếng bánh ngô thừa để ném cho bầy mòng biển và dẫn Chase đi xuôi lối mòn tới khi nó mở rộng thành một vùng cát và biển sáng. Khi cô phát ra tiếng kêu dịu dàng, lũ mòng biển xuất hiện rồi lượn vòng bên trên và quanh bờ vai cô. Con chim trống lớn, Big Red, đáp xuống và phốc tới phốc lui qua bàn chân cô.

Chase đứng cách đó một quãng ngắn, nhìn theo khi Kya biến mất giữa bầy chim cuộn xoáy xung quanh. Cậu không định có cảm xúc gì với cô gái chân trần lạ lùng và hoang dã này, nhưng nhìn cô xoay vòng trên cát, những chú chim ở đầu ngón tay cô, cậu bị hấp dẫn bởi sự độc lập cùng vẻ đẹp khác thường đó. Cậu chưa từng biết ai như Kya; sự hiếu kỳ cùng khao khát cần lên trong cậu. Khi cô trở lại chỗ cậu đứng, cậu hỏi liệu mình có

thể quay lại hôm sau, hứa rằng cậu thậm chí sẽ không nắm tay cô, rằng cậu chỉ muốn gần cô là được. Cô chỉ gật đầu. Niềm hy vọng đầu tiên trong trái tim cô kể từ khi Tate đi mất.



Chuyến ghé thăm của Patti Love

1969

Có tiếng gõ nhẹ lên cửa phòng cảnh sát trường. Joe và Ed ngẩng lên khi Patti Love Andrews, mẹ của Chase, hiện ra tối nhòa và rạn nứt sau lớp kính phủ mờ. Thế nhưng họ vẫn nhận ra bà trong bộ váy và chiếc mũ đen. Tóc nâu ngả bạc túm thành búi gọn gàng. Một màu son trềnh thích hợp.

Hai người đứng lên và Ed ra mở cửa, “Patti Love, xin chào. Vào đi. Mời ng ồi. Tôi mời bà chút cà phê nhé?”

Bà liếc nhìn mấy cái ly lưng một nửa, nước dính chỗ họ đặt môi chảy xuống miệng ly. “Không, cảm ơn Ed.” Bà ng ồi lên chiếc ghế Joe kéo ra. Các anh có manh mối gì chưa? Có thêm thông tin nào không sau báo cáo khám nghiệm?”

“Không. Không, chúng tôi không có. Chúng tôi đang xem xét mọi thứ một cách tỉ mỉ, và bà với Sam sẽ là những người đầu tiên được biết nếu chúng tôi khám phá ra cái gì.”

“Nhưng đó không phải là tai nạn, Ed. Phải không? Tôi biết đó không phải là tai nạn. Chase sẽ không bao giờ tự té xuống từ trên tháp. Ông biết thằng bé là một vận động viên giỏi thế nào mà. Và thông minh nữa.”

“Chúng tôi đ ồng ý là có đủ chứng cứ để nghi ngờ có hành vi phạm tội. Nhưng việc đi ều tra vẫn đang được tiến hành và chưa có gì chắc chắn

cả. Nào, bà nói bà có chuyện muốn báo chúng tôi?”

“Phải, và tôi tin là nó rất quan trọng.” Patti Love nhìn từ Ed sang Joe rồi trở lại Ed. “Có một sợi dây chuyền vỏ sò mà Chase đeo bên mình suốt. Đã đeo được nhiều năm. Tôi biết thằng bé có đeo sợi dây vào đêm nó tới cái tháp. Sam và tôi đã bảo nó sang nhà ăn tối, còn nhớ tôi đã kể với anh chuyện đó không – Pearl không tới được; đó là đêm cho con bé ra ngoài chơi với bạn bè – và thằng bé còn đeo sợi dây ngay trước khi ra tháp. Rồi sau khi nó... ừm, khi chúng tôi thấy thằng bé ở phòng khám, nó không đeo sợi dây chuyền. Tôi cho rằng người khám nghiệm đã tháo sợi dây ra, nên lúc đó tôi không nhắc tới, rồi với tang lễ và mọi thứ, tôi đã quên bẵng đi. Rồi hôm kia tôi lái xe tới Sea Oaks và hỏi người khám nghiệm cho tôi xem đồ đạc của Chase, những món đồ cá nhân nó mang bên mình. Anh biết đấy, họ giữ chúng để đi điều tra, nhưng tôi muốn cầm chúng, chỉ để cảm nhận thằng bé mặc gì trong đêm cuối đó. Vậy nên họ để tôi ngồi tại bàn xem từng món, và cảnh sát trưởng, sợi dây chuyền vỏ sò không có đó. Tôi hỏi người khám nghiệm có tháo nó ra không và ông ta nói không, không có. Ông ta nói mình chưa bao giờ thấy sợi dây chuyền nào.”

“Lạ thật đấy,” Ed nói. “Sợi dây làm bằng gì? Có khi nó tuột ra khi cậu ấy ngã.”

“Đó là một vỏ sò gắn trên sợi da sống vừa đủ dài để tròng qua đầu thằng bé. Nó không hề lỏng và được cột gút lại. Tôi không nghĩ nó có thể tự văng ra.”

“Tôi đồng ý. Dây da sống rất dai và nút thắt của nó cực chắc,” Ed đồng tình. “Sao Chase lại đeo nó suốt? Ai đó đặc biệt làm nó cho cậu ấy à? Là quà tặng?”

Patti Love ngồi im lặng, nhìn sang một phía của bàn cảnh sát trưởng.

Bà sợ phải nói thêm vì bà chưa bao giờ thừa nhận con trai mình có dây dưa với thứ rác rưởi đẽ đàng lầy. Dĩ nhiên, trong làng có tin đồn Chase và Con bé Đẽ đàng lầy đan dứu với nhau trong hơn một năm trước đám cưới cậu. Và Patti Love ngờ là sau đó vẫn còn, nhưng khi bạn bè hỏi về chuyện đó, bà luôn phủ nhận. Nhưng giờ thì khác. Giờ bà phải nói ra vì bà biết con nhỏ đó có liên quan tới cái chết của Chase.

“Phải, tôi biết người đã làm sợi dây chuyền cho Chase. Là người phụ nữ thường đi cái thuyền cà khỗ đó; nhiều năm rồi. Cô ta tự làm sợi dây tặng Chase khi chúng quen nhau một thời gian ngắn.”

“Bà đang nói về Con bé Đẽ đàng lầy hả?” cảnh sát trưởng hỏi.

Joe lên tiếng. “Gần đây anh có thấy cô ta không? Cô ta không còn là con bé nữa, chắc cỡ hai lăm rồi, và coi được phết.”

“Cái cô gái họ Clark đó phải không? Chỉ để làm rõ thôi,” Ed hỏi. Mày nhúu lại.

Patti Love đáp, “Tôi không biết tên cô ta. Thậm chí chẳng biết cô ta có tên nữa. Mọi người quả có gọi cô ta là Con bé Đẽ đàng lầy. Anh biết mà, cô ta bán vẹm cho Jumpin’ bao nhiêu năm rồi đấy.”

“Rồi. Chúng ta đang nói về cùng một người. Tiếp đi.”

“Ừm, tôi rất kinh ngạc khi người khám nghiệm bảo Chase không đeo sợi dây. Và rồi tôi nhận ra cô ta là người duy nhất có thể muốn lấy nó. Chase đã chấm dứt quan hệ giữa họ và kết hôn với Pearl. Cô ta không thể có thằng bé, nên có lẽ cô ta đã giết nó và lấy sợi dây chuyền.”

Patti Love hơi run rẩy, rồi trấn tĩnh lại.

“Tôi hiểu rồi. Chà, chuyện này rất quan trọng, Patti Love, và đáng để đi điều tra thêm. Nhưng đừng vội khẳng định,” Ed dặn. “Bà chắc là cô ta tặng

nó cho Chase chứ?”

“Phải, tôi chắc. Tôi biết vì Chase không muốn nói tôi hay, nhưng cuối cùng cũng thú thật.”

“Bà có biết gì thêm về sợi dây chuyền hay quan hệ giữa hai người họ không?”

“Không nhì ầu. Tôi còn không biết chắc chúng quen nhau bao lâu. Có lẽ chẳng ai biết được. Thằng bé lén lút về chuyện đó lắm. Như tôi đã nói, nó giấu tôi mấy tháng trời. Rồi sau khi nó nói ra rồi, tôi chẳng bao giờ biết nó lấy thuy ền đi với mấy đứa bạn khác hay với cô ta nữa.”

“Được rồi, chúng tôi sẽ đi ều tra thêm. Tôi hứa với bà đấy.”

“Cảm ơn ông. Tôi chắc chắn đây là một manh mối.” Bà đứng dậy đề ròi đi, và Ed mở cửa cho bà.

“Hãy trở lại bất cứ khi nào bà muốn nói chuyện, Patti Love.”

“Tạm biệt, Ed, Joe.”

Sau khi đóng cửa, Ed ng ồi xuống lại và Joe hỏi, “Chà, anh thấy thế nào?”

“Nếu có người tháo sợi dây chuyền khỏi Chase ở cái tháp, ít nhất họ cũng có mặt ở hiện trường, và tôi thấy dân đ ồng l ầy có thể dính líu tới sự việc. Họ có luật lệ của riêng họ. Nhưng tôi không chắc một phụ nữ có thể đẩy một gã to con như Chase qua cái lỗ đó.”

“Cô ta có thể dụ Chase lên tháp, mở tấm v ỉ ra trước khi cậu ta tới, rồi khi Chase bước lại gần trong bóng tối, cô ta có thể đẩy Chase xuống trước khi cậu kịp thấy cô ta,” Joe gợi ý.

“Có thể đấy. Không dễ, nhưng có thể. Đó không phải manh mối rõ

ràng gì lắm. Sự *thiếu vắng* một sợi dây chuyền vô sò,” cảnh sát trưởng nhận định.

“Lúc này nó là manh mối duy nhất cho ta. *Goài sự thiếu vắng* những dấu chân dấu tay và vài sợi chỉ đỏ bí ẩn.”

“Phải.”

“Nhưng đi đâu tôi không hiểu,” Joe nói, “là tại sao cô ta lại mất công tháo sợi dây chuyền? Được rồi, coi như là người phụ nữ bị tình phụ, cô ta nhất quyết phải giết cậu ta bằng được. Ngay cả cái đó mà gọi là động cơ thì cũng hơi quá, nhưng tại sao lại lấy sợi dây chuyền trong khi nó có thể liên hệ cô ta với vụ án mạng?”

“Anh biết mấy chuyện này thế nào mà. Dường như vụ giết người nào cũng có vài điểm không hợp lý. Ai cũng phạm sai lầm. Có lẽ cô ta quá sốc và tức giận vì Chase vẫn còn đeo sợi dây, và sau khi phạm tội giết người, có vẻ như việc giặt nó khỏi cổ Chase chẳng phải chuyện gì to tát. Cô ta không biết có người có thể liên hệ sợi dây với cô ta. Nguồn tin của anh bảo Chase có gì đó ngoài kia. Có lẽ như anh nói hồi nãy, đó không phải là ma túy mà là một phụ nữ. Chính người phụ nữ này.”

Joe đáp, “Cũng là một loại ma túy.”

“Và dân đồng lầy biết cách che đậy dấu vết vì họ đánh bẫy, lần theo dấu vết và mấy việc như vậy. Chắc, ra đó nói chuyện với cô ta cũng chẳng hại gì. Hỏi cô ta đã ở đâu đêm đó. Chúng ta có thể chất vấn cô ta về sợi dây chuyền và xem thử nó có làm cô ta lo lắng chút nào không.”

Joe hỏi, “Anh biết cách tới chỗ cô ta hả?”

“Bằng thuyền thì không chắc, nhưng tôi nghĩ tôi có thể tìm ra nó bằng xe. Cứ chạy theo con đường ngoằn ngoèo qua một chuỗi dài nhiều phá nước. Hồi trước tôi phải tới thăm nhà và có gặp bố cô ta vài lần. Một

thằng cha kinh tởm, cái gã đó.”

“Chùng nào chúng ta đi?”

“Tỉnh mơ, để xem liệu ta có thể tới trước khi cô ta bỏ trốn. Ngày mai nhé. Nhưng trước hết, chúng ta nên ra cái tháp và tìm sợi dây chuyền cho thật kỹ. Có khi nó vẫn nằm ngoài kia từ bữa tới giờ.”

“Tôi thấy không thể đâu. Chúng ta đã lục tung chỗ đó rồi, tìm dấu vết, vết xe, manh mối đủ thứ.”

“Ừ, nhưng chúng ta vẫn phải tìm lại. Đi thôi.”

Sau đó, khi đã xới tung bãi bùn dưới chân tháp bằng cào và mấy ngón tay, họ tuyên bố không có sợi dây chuyền vỏ sò nào cả.

Ánh sáng nhợt nhạt rỉ xuống dưới một bình minh thấp, nặng nề khi Ed và Joe lái xe dọc con đường đờng lầy, hy vọng tới được nhà Con bé Đờng lầy trước khi cô ta đông thuyên đi mất. Họ rẽ sai vài lần và đâm đầu vào ngõ cụt hoặc một cái nhà đổ nát nào đó. Tại một cái lán, có người hét lên, “Cảnh sát trưởng!” và những cơ thể phần lớn là trụi lủi ù té chạy ra mọi hướng, xộc qua các bụi rậm. “Lũ phê cần khốn kiếp,” cảnh sát trưởng mắng. “Ít ra bọn buôn rượu lậu còn mặc quần áo trên người.”

Nhưng rồi cuối cùng họ cũng tới con đường dài đưa vào lán của Kya. “Nó đây rồi,” Ed nói.

Ông rẽ chiếc xe bán tải lớn của mình vào con đường và im lặng chạy về phía nhà, chậm dần rồi dừng lại cách cửa mười lăm thước. Hai người bước xuống xe không một tiếng động. Ed gõ lên khung gỗ của cửa hiên. “Xin chào! Có ai ở nhà không?” Chỉ có sự im lặng đáp lại, nên ông thử lần

nữa. Họ chờ hai ba phút. “Hãy vòng ra phía sau nhà, xem có thuyền cô ta ở đó không.”

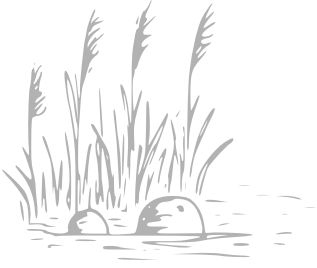
“Không. Có vẻ như khúc gỗ kia là chỗ cô ta buộc thuyền. Cô ta đi rồi. Chết tiệt,” Joe rửa.

“Ừ, nghe tiếng chúng ta tới. Cô ta hẳn có thể nghe được cả một con thỏ đang ngủ.”

Lần tiếp theo họ đi trước rặng đông, đậu xe cách một quãng xa, và thấy thuyền cô đang cột vào khúc gỗ. Nhưng cửa nhà vẫn chẳng có ai ra mở.

Joe thì thầm, “Tôi có cảm *dác* cô ta đang ở đây theo *dối* chúng ta. Anh có thấy vậy không? Cô ta đang núp ngay trong đám cọ khốn kiếp đó. Rất gần. Tôi biết mà.” Đầu ông ngoắt qua ngoắt lại, mắt rà soát những lùm cây.

“Chắc, cách này không ổn. Nếu tìm ra cái gì khác, chúng ta có thể lấy lệnh khám xét. Giờ hãy ra khỏi đây thôi.”



Chèo thuyền lên bờ

1965

Tuần đầu tiên họ ở bên nhau, Chase ghé vào phá nước của Kya gần như mỗi ngày sau giờ làm việc tại Western Auto, và họ cùng khám phá những con kênh heo hút hai bên mọc dài những cây sồi lớn. Vào sáng thứ bảy, cậu đưa cô men theo bờ biển tới thám hiểm một nơi cô chưa từng tới vì nó quá xa với con thuyền nhỏ của cô. Nơi đây – thay vì những cửa sông và trảng cỏ mênh mông như đồng lầy ở nhà – dòng nước trong vắt lại hun hút chảy qua một rừng bách thoáng đãng và tươi sáng. Lũ diệc và cò trắng toát đứng giữa bao nhiêu là hoa súng và những loài cây trôi nổi, xanh biếc như đang tỏa sáng. Ngồi khom trên mây rế trĩ, to như ghế ngồi, họ ăn bánh mì kẹp phô mai pimento và khoai tây lát mỏng rán giòn, cười toe toét khi lũ ngỗng lướt qua ngay dưới ngón chân họ

Như hầu hết mọi người, Chase coi đồng lầy là thứ để sử dụng, để đi thuyền và câu cá, hoặc rút cạn nước lấy đất làm nông, thế nên hiểu biết của Kya về những sinh vật của nó, dòng chảy và cỏ đuôi mèo làm cậu hứng thú. Nhưng cậu chế nhạo những cái động chạm khẽ khàng của cô, khi cô cho thuyền lặng lẽ lướt qua một chú hươu, hay nhỏ giọng thì thầm khi đến gần tổ chim nào đó. Cậu không có hứng thú tìm hiểu về vỏ sò hay lông vũ, và tỏ ra thất vọng khi cô ghi chép vào sổ hoặc sưu tầm những mẫu vật đem về

“Sao em lại vẽ cỏ?” cậu hỏi khi đang ở trong bếp của cô một ngày nọ.

“Em vẽ hoa của chúng.”

Cậu bật cười. “Cỏ làm gì có hoa.”

“Dĩ nhiên là có. Anh thấy những đóa hoa này chứ. Chúng nhỏ xíu nhưng đẹp tuyệt. Mỗi loại cỏ có một loại hoa hoặc kiểu phát hoa riêng.”

“Mà em định làm gì với mấy thứ này?”

“Em ghi chép lại để có thể hiểu thêm về đồng lầy.”

“Tất cả những gì em cần biết là khi nào và ở đâu cá sẽ cắn câu, mà cái đó thì anh chỉ em được hết,” cậu bảo.

Cô cười cho cậu vui, một việc cô chưa bao giờ làm trong đời. Cho đi một phần của bản thân chỉ để có một người nào đó.

Chiều hôm đó, sau khi Chase rời khỏi, Kya một mình đi thuyền vào trong đồng lầy. Nhưng không hề cảm thấy cô đơn. Cô tăng tốc hơi nhanh hơn bình thường, mái tóc dài bay trong gió, một nụ cười nhẹ thoáng trên môi. Chỉ việc biết rằng cô sẽ sớm gặp lại Chase, được ở bên ai đó, cũng đã nhắc bổng cô lên một không gian mới.

Rồi khi vòng qua một khúc quanh cỏ cao giăng kín, cô trông thấy Tate trước mặt. Cậu ở khá xa, có lẽ cách chừng bốn mươi thước, và vẫn chưa nghe tiếng thuyền cô. Lập tức, cô buông cần đi đầu khiên và tắt máy. Chụp lấy mái chèo và chèo ngược vào trong bụi cỏ.

“Về nhà từ đại học, mình đoán vậy,” cô thì thầm. Mấy năm nay cô vẫn thấy cậu vài lần, nhưng chưa bao giờ gần như lúc này. Thế mà giờ cậu ở ngay kia, mái tóc bất kham vấy vùng dưới một chiếc nón đỏ khác.

Gương mặt r ám nắng.

Tate đi ủng lội nước ống cao và sải bước qua một cái phá, mức mẩu nước vào những chiếc lọ tí hon. Không phải lọ mứt cũ như khi họ còn là con nít chân trần mà là kiểu ống thủy tinh nhỏ kêu lanh canh trong giá đỡ đặc biệt. Chuyên nghiệp. Ngoài t àn với của cô.

Cô không chèo đi mà nhìn cậu một lát, nghĩ rằng cô gái nào cũng nhớ mỗi tình đầu. Cô buông ra một tiếng thở dài, rồi chèo ngược lại hướng mình đến.

Ngày hôm sau, khi Chase và Kya đi thuyền về phía bắc dọc theo bờ biển, bốn chú cá heo bơi vào vệt nước sau thuyền và đua theo họ. Đó là một ngày trời xám xịt, và mấy ngón tay của sương mù ve vãn những ngọn sóng. Chase tắt máy và khi con thuyền dập dềnh trôi, cậu lấy ra chiếc harmonica và chơi bài *Michael chèo thuyền lên bờ thôi* xưa cũ, một khúc nhạc tha thiết du dương mà các nô lệ từng hát hồi những năm 1860, khi họ từ Quần đảo Biển ở Nam Carolina chèo tới đất liền. Má từng hát nó trong khi cọ rửa, và Kya vẫn nhớ mang máng vài lời. Như thể được âm nhạc khích lệ, lũ cá heo bơi lại gần hơn và lượn quanh thuyền họ, cặp mắt tinh nhanh của chúng hướng vào Kya. Sau đó hai trong số chúng tiến lại sát thân thuyền, và cô cúi mặt xuống cách chúng chỉ vài phân rồi khe khẽ hát:

Chị ơi, giúp bẻ lái thuyền kia, hallelujah

Anh ơi giúp một tay với nhé, hallelujah.

Ba tôi đã tới vùng đất lạ, hallelujah.

Michael, chèo thuyền lên bờ thôi, hallelujah.

*Sông Jordan vừa rộng lại vừa sâu,
Gặp má tôi ở phía bên kia nhá, hallelujah.*

*Sông Jordan lạnh và rét thấu
Thấu vào thân nhưng chẳng thấu tâm hồn, hallelujah.*

Lũ cá heo chăm chú nhìn Kya thêm vài giây rồi ngụp lại vào lòng biển.

Trong vài tuần tiếp theo, Chase và Kya dành những chiều tối nghỉ ngơi cùng bãi mòng biển, nằm dài trên bờ cát vẫn còn ấm hơi nắng mặt trời. Chase không đưa cô vào thị trấn, tới chỗ khiêu vũ hay xem phim; chỉ có hai người họ, đứng lỳ, biển với trời. Cậu không hôn cô, chỉ nắm tay hoặc khẽ choàng vai cô trong chớm lạnh.

Rồi một hôm cậu nán lại tới khi trời sẫm tối, và họ ngồi trên biển cạnh một đống lửa dưới trời sao, vai kề vai, một cái mền quấn quanh hai thân người. Lửa ném những vệt sáng ngang mặt họ và vất bóng đen ra bờ bãi phía sau, như lửa trại vẫn thường làm thế. Nhìn thẳng vào mắt cô, cậu hỏi, “Bây giờ anh hôn em có được không?” Cô gật đầu, nên cậu cúi xuống và thoạt đầu chạm môi cô thật khẽ, rồi hôn tới như một người đàn ông.

Họ nằm ngửa ra trên cái mền, và cô cựa quậy nhích lại gần sát cậu. Cảm nhận cơ thể cậu rắn chắc. Cậu ôm cô thật chặt bằng cả hai tay, nhưng tay cậu chỉ chạm lên vai cô. Không gì hơn nữa. Cô thở sâu, hít vào hơi ấm, mùi của cậu và biển, cảm giác được kề cận một người.

Chỉ vài ngày sau, Tate, chưa trở lại lớp cao học mà vẫn ở nhà, lái thuyền băng băng tới dòng kênh dẫn vào chỗ Kya, lần đầu tiên sau năm năm vắng

đăng. Cậu không giải thích được với mình tại sao trước giờ phút này chưa từng quay lại. Chủ yếu vì cậu là một thằng hèn, hổ thẹn. Cuối cùng, cậu sẽ tìm cô, nói với cô rằng cậu chưa bao giờ ngừng yêu cô và cầu xin cô tha thứ.

Bốn năm nay ở đại học, cậu đã thuyết phục mình rằng Kya không thể hòa nhập vào thế giới học thuật cậu theo đuổi. Tới khi xong đại học, cậu vẫn cố gắng quên cô; dẫu sao thì ở Chapel Hill cũng có nhiều phụ nữ cho ta sao lãng. Thậm chí cậu đã có vài mối quan hệ lâu dài, nhưng chẳng ai sánh được với cô. Đi đâu cậu học được sau ADN, chất đống vị và động vật nguyên sinh là cậu không thể thở được nếu thiếu cô. Đúng thế, Kya không thể sống trong thế giới đại học cậu hằng tìm kiếm, nhưng bây giờ cậu có thể sống trong thế giới của cô.

Cậu đã tính hết rồi. Giáo sư nói Tate có thể hoàn tất cao học trong ba năm nữa vì cậu đã tiến hành nghiên cứu cho luận án tiến sĩ suốt mấy năm đại học và nó sắp hoàn thành. Rồi gần đây, Tate được biết người ta sắp xây một phòng nghiên cứu liên bang gần Sea Oaks, và cậu rất có triển vọng được thuê làm nhà nghiên cứu toàn thời gian ở đó. Không ai trên Trái đất này đáp ứng đủ điều kiện hơn cậu: cậu đã nghiên cứu đống lầy địa phương gần cả cuộc đời, và sẽ sớm có bằng tiến sĩ để chứng tỏ điều đó. Chỉ vài năm ngắn ngủi nữa thôi, cậu có thể sống trong đống lầy với Kya và làm việc tại phòng thí nghiệm. Cưới Kya. Nếu cô muốn có cậu.

Giờ đây, khi cậu phăm phăm vượt sóng tới con kênh nhà Kya, đột nhiên thuyền cô vụt về phía nam, vuông góc với hướng thuyền cậu. Buông cần lái ra, cậu vung hai tay lên cao, điên cuồng vẫy để cô chú ý. Hét lớn tên cô. Nhưng cô đang nhìn về phía đông. Tate đưa mắt về hướng đó và thấy chiếc thuyền cao tốc của Chase quành lại chỗ Kya. Tate khựng lại, dõi theo

khi Kya và Chase chạy quanh nhau trong những làn sóng xám xanh, theo vòng tròn càng lúc càng nhỏ lại như đại bàng tán tỉnh nhau trên trời. Những đường sóng nước cuộn xoáy và loạn đả.

Tate nhìn trôn trời khi họ gặp nhau và chạm tay nhau qua mặt nước khuấy động. Cậu đã nghe tin đồn từ các bạn cũ ở Vũng Barkley nhưng hy vọng sự thực không phải thế. Cậu hiểu vì sao Kya lại xiêu lòng trước một người đàn ông như Chase, đẹp trai, chắc chắn là lãng mạn, vèo vèo phóng chiếc thuyền hào nhoáng chở cô khắp nơi, đưa cô đi dự những chuyến dã ngoại cũng hào nhoáng. Cô sẽ không biết gì về cuộc sống của Chase ở thị trấn – hẹn hò và ve vãn những phụ nữ trẻ ở Barkley và cả Sea Oaks nữa.

Mà, Tate nghĩ, mình là ai mà nói này nói nọ? Mình cũng có đôi xử với cô ấy tốt hơn đâu. Mình không giữ lời, thậm chí không đủ can đảm để chia tay cô ấy.

Cậu cúi đầu, rồi trộm nhìn lần nữa vừa khi Chase chồm sang hôn cô. *Kya, Kya, cậu nghĩ. Làm sao anh lại có thể bỏ em như vậy?* Từ từ, cậu tăng tốc và quay lại bên thuyền thị trấn để giúp cha đỡ mẹ tôm mới ra thùng và khiêng chúng vào bến.

Vài ngày sau, vì chẳng bao giờ biết khi nào Chase tới, Kya một lần nữa thấy mình lắng tai chờ tiếng thuyền cậu. Như đã có lúc chờ Tate. Thế nên dù đang nhổ cỏ dại, chặt củi nấu ăn hay thu nhặt vẹm về, cô cũng nghiêng đầu chỉ để đón bắt âm thanh đó. “Nheo tai lại,” Jodie từng bảo vậy.

Chán ghét cảm giác bị hy vọng đè nặng, cô tổng vào ba lô số bánh mì, cá mòi và thịt lưng lạnh ngắt đủ dùng ba ngày rồi đi bộ tới căn nhà gỗ ọp

ẹp h ấ trước; “căn nhà học đọc”, như cô vẫn nghĩ về nó trong đầu. Ngoài đây, trong cái chốn thực sự hẻo lánh này, cô tự do lang thang, nhặt nhạnh, đọc những con chữ, đọc cái hoang sơ. Không chờ đợi âm thanh một người nào đó là sự giải thoát. Và là sức mạnh.

Trong một bụi s ấ rậm rạp, gần khúc quanh chỗ căn nhà, cô tìm thấy chiếc lông cổ nhỏ xíu của một chú loon cổ đỏ và phá lên cười. Đã muốn có loại lông này từ khi biết nhớ, và nó ở đây, gần sát bên cô.

Chủ yếu cô tới đây để đọc. Sau khi Tate rời bỏ cô nhiều năm trước, cô không còn được tiếp cận sách, nên một buổi sáng cô lái thuyền vượt bãi Point và đi mười dặm nữa tới Sea Oaks, một thị trấn hơi lớn hơn và sang hơn Vũng Barkley nhiều. Jumpin’ bảo ai cũng có thể mượn sách từ thư viện ở đó. Cô nghi ngờ không chắc đi đâu đó đúng với một đứa ở đồng l ầy, nhưng quyết tâm tìm hiểu cho ra.

Cô cột thuyền ở cầu tàu thị trấn và băng quảng trường vì ề những hàng cây nhìn ra biển cả. Khi cô đi về phía thư viện, không ai ngó tới cô, xì xào sau lưng cô, hay đuổi cô khỏi một khung cửa trưng bày. Ở đây, cô không phải Con bé Đồng l ầy nữa.

Cô đưa bà Hines, người thủ thư, một danh sách những tựa sách giáo khoa đại học. “Bà có thể vui lòng tìm giúp cháu cuốn *Những nguyên tắc về hóa hữu cơ* của Geissman, *Động vật không xương sống ở đồng lầy ven biển* của Jones, và *Cơ sở sinh thái học* của Odum... không ạ?” Cô đã thấy mấy tựa này trong mục tài liệu tham khảo của những cuốn sách Tate cho trước khi cậu bỏ cô vào đại học.

“Ồ. Tôi hiểu r ấ. Chúng tôi phải mượn những cuốn này từ thư viện trường Đại học Bắc Carolina ở Chapel Hill.”

Thế nên giờ đây, ng ấ ngoài căn nhà cũ, cô cần lên một tập san khoa

học. Một bài viết về các chiến lược sinh sản có tiêu đề *Những gã bạn tình lấu cá*. Kya cười.

Bài viết mở đầu bằng cách giới thiệu đi đầu nhiều người đã biết, rằng trong tự nhiên, thông thường những con đực có đặc điểm sinh dục thứ cấp nổi bật nhất, như cặp sừng to nhất, tiếng kêu trầm nhất, bộ ngực rộng nhất, và hiểu biết vượt trội sẽ giành được phần lãnh thổ tốt nhất vì chúng đánh đuổi được con đực yếu hơn. Con cái chọn kết đôi với những gã alpha oai vệ này và nhờ đó được thụ tinh với bộ ADN tốt nhất quanh vùng, ADN này được truyền lại cho đàn con – một trong những hiện tượng có vai trò lớn nhất trong sự thích nghi và tiếp diễn của sự sống. Ngoài ra, con cái còn có được lãnh thổ tốt nhất cho bầy con nhỏ.

Thế nhưng, vài con đực kém cỏi, không khỏe mạnh, đẹp đẽ hay thông minh đủ để giữ vùng lãnh thổ tốt, lại có nhiều mách lới để đánh lừa con cái. Chúng mang cơ thể nhỏ bé hơn diều quanh trong tư thế hùng hùng hổ hổ hoặc thường xuyên hét văng lên – dẫu bằng cái giọng chói lói. Bằng trò vờ vịt và tín hiệu giả, đây đó chúng cũng giành được vài cuộc giao hoan. Những con ếch bò nhỏ xú, theo tác giả, có thể nấp trong cỏ gần một con đực alpha đang hăng say ồm ộp gọi bạn tình. Khi nhiều con cái cùng lúc bị hấp dẫn đến bởi tiếng kêu mạnh mẽ, và con đực alpha đang bận kết đôi với một cô, con đực yếu hơn sẽ nhảy vào và giao hợp với một cô khác. Những con đực giả mạo được gọi là *gã bạn tình lấu cá*.

Kya còn nhớ nhiều năm trước, má đã cảnh báo các chị về những gã trai trẻ ưa rồ ga chiếc bán tải rỉ sét của họ hoặc lái ô tô cộc cạch đi khắp nơi với radio hát om sòm. “Thùng rỗng kêu to, những thằng con trai không ra gì lại ồn ào lắm,” má bảo.

Kya đọc một lời an ủi cho giống cái. Tự nhiên đủ táo bạo để đảm bảo

rằng những con đực phát tín hiệu gian dối hoặc đi lãng nhãng hết cô này đến cô khác thì kết cục gần như luôn luôn ở một mình.

Một bài viết khác đào sâu vào sự ganh đua quyết liệt giữa tinh trùng. Ở hầu hết các dạng sống, con đực đấu đá nhau để giành thụ tinh cho con cái. Sư tử đực thường đánh nhau tới chết; voi đực là tình địch sẽ khóa ngà nhau và giày xéo tan nát mặt đất dưới chân khi chúng xâu xé thịt nhau. Mặc dù đậm tính lễ nghi, mâu thuẫn này vẫn có thể kết thúc bằng thương tật.

Để tránh tổn thương như vậy, ở một vài loài, những kẻ thụ tinh cạnh tranh bằng các phương pháp ít bạo lực và sáng tạo hơn. Côn trùng là loài có trí tưởng tượng phong phú nhất. Dương vật của chuồn chuồn kim đực có trang bị một cái muống nhỏ, nó sẽ móc tinh trùng của đối thủ tới trước ra rồi mới cho tinh dịch của mình vào.

Kya buông cuốn tập san lên đùi, tâm trí vẫn vơ theo những áng mây trôi. Vài loài côn trùng cái ăn thịt bạn tình của chúng, những bà mẹ thú bỏ rơi bầy con khi bị căng thẳng, nhiều con đực trù tính những cách thức liêu lĩnh và gian dối để đánh bại tình địch trong cuộc chiến tinh trùng. Không việc gì có vẻ quá sai trái, chỉ cần nhịp tích tắc của cuộc sống vẫn gõ đầu. Cô biết đây không phải là mặt tối của Tự nhiên, chỉ là những cách thức sáng tạo để tồn tại dẫn cho khả năng có thất cỡ nào. Chắc chắn con người còn làm hơn thế nữa.

Sau khi thấy Kya biến mất ba ngày liên tục, Chase bắt đầu canh giờ để cố gặp cô tại lán, bãi biển này hoặc bãi biển kia, và luôn giữ đúng lịch. Từ xa, Kya đã trông thấy chiếc thuyền sáng màu của cậu lướt trên sóng nước –

như bộ lông rực rỡ của chim trống vào mùa sinh sản – và biết cậu tới chỉ vì cô.

Kya bắt đầu tưởng tượng cậu đưa cô đi dã ngoại cùng bè bạn. Tất cả họ cùng cười vang, ủa chạy vào con sóng, đá bọt nước bắn tung. Cậu nhấc bổng cô lên, xoay vòng. Rồi ngẩng cạnh những người kia, chia sẻ mấy miếng bánh kẹp và vài chai nước từ trong thùng lạnh. Từng mẫu từng mẫu một, hình ảnh về lễ cưới và những đứa trẻ thành hình bất chấp sự kháng cự của cô. *Có lẽ một nhu cầu sinh học nào đó thôi thúc mình sinh sản*, cô tự nhủ. Nhưng tại sao cô không thể có những người thân yêu như bao nhiêu người khác? Tại sao không?

Vậy nhưng mỗi lần cô muốn hỏi bao giờ cậu giới thiệu cô với bố mẹ và bạn bè, từ ngữ cứ dính lại trên đầu lưỡi.

Lũng lờ trôi trên biển, vào một ngày nắng nóng vài tháng sau khi họ gặp nhau, cậu nói trời này mà xuống bơi thì thật là hoàn hảo. “Anh không nhìn đâu,” cậu hứa. “Cởi quần áo của em và nhảy xuống nước đi, rồi anh sẽ theo sau.” Cô đứng trước mặt cậu, giữ thăng bằng trên thuyền, nhưng khi cô kéo áo thun qua đầu, cậu lại chẳng quay đi. Cậu vươn tay ra và nhẹ nhàng lướt những ngón tay lên bầu ngực cô săn chắc. Cô không ngăn cậu lại. Kéo cô lại gần hơn, cậu mở khóa kéo quần soóc cô và dễ dàng tuột nó khỏi vùng hông thanh mảnh. Rồi cậu cởi quần áo của mình và nhẹ nhàng đẩy cô nằm xuống những tấm khăn.

Quỳ bên chân cô, không nói một lời, cậu lướt những ngón tay như thì thầm từ cổ chân trái lên phía trong đùi gối cô, chạm rãi mơn man mé trong đùi cô. Cô ưỡn người về phía bàn tay cậu. Ngón tay cậu nắn nắn khi đã vượt qua hết vùng đùi, xoa lên quần lót, rồi mơn man qua bụng Kya, nhẹ nhàng như một ý nghĩ. Cô cảm nhận được ngón tay cậu trượt qua bụng về phía

ngực, và xoay người né tránh. Thật mạnh bạo, cậu đè cô nằm xuống và lướt ngón tay lên ngực cô, chậm rãi dùng một ngón vẽ quanh đầu ngực. Cậu nhìn cô, không mỉm cười khi tay trượt xuống và kéo quần lót của cô. Cô muốn cậu, toàn bộ con người cậu, và cơ thể cô uốn lên áp vào thân cậu. Nhưng vài giây sau, cô đặt tay mình lên tay Chase.

“Thôi nào, Kya,” cậu kêu lên. “Làm ơn đi. Chúng ta đã chờ từ lâu lắm. Anh đã rất kiên nhẫn, em không nghĩ vậy à?”

“Chase, anh đã hứa.”

“Khốn kiếp, Kya. Chúng ta còn chờ gì nữa?” Cậu ngẩng dậy. “Rõ ràng anh đã chứng tỏ anh quan tâm em mà. Tại sao không hả?”

Ngẩng dậy, Kya kéo áo thun xuống. “Tiếp theo chuyện gì sẽ xảy ra? Làm sao em biết anh sẽ không bỏ em đi mất?”

“Ai mà biết được? Nhưng, Kya, anh sẽ không đi đâu cả. Anh yêu em. Anh muốn ở bên em mãi mãi. Anh phải làm gì nữa mới chứng tỏ được với em?”

Cậu chưa bao giờ nhắc đến tình yêu. Kya tìm sự thật trong mắt cậu nhưng chỉ thấy một cái nhìn cứng rắn. Chẳng thể đọc được gì. Cô không biết mình có cảm giác thế nào về Chase, nhưng cô không còn cô đơn nữa. Thế dường như cũng tạm đủ.

“Ít lâu nữa thôi, được không anh?”

Cậu kéo cô lại gần. “Được rồi. Lại đây nào.” Cậu ôm cô và họ nằm dưới nắng, lênh đênh trên biển, sóng vỗ ồ ạt dưới thân mình.

Ngày rút dềnh và bóng đêm nặng nề chụp xuống, những ngọn đèn từ thị trấn nhảy múa đây đó trên bờ biển xa xa. Muôn sao lấp lánh trên thế giới biển và trời của họ.

Chase chợt nói, “Anh tự hỏi cái gì làm sao trời lấp lánh.”

“Những xáo động trong bầu khí quyển. Anh biết đó, như gió trên tầng cao khí quyển chẳng hạn.”

“Vậy à?”

“Em chắc là anh biết hầu hết những vì sao đều ở quá xa để chúng ta trông thấy. Ta chỉ thấy được ánh sáng của chúng, là thứ có thể bị bóp méo bởi bầu khí quyển. Nhưng dĩ nhiên, tinh tú không tĩnh tại, chúng chuyển động rất nhanh.”

Nhờ đọc sách của Albert Einstein, Kya biết rằng thời gian cũng chẳng cố định hơn tinh tú. Thời gian lao vùn vụt và lượn quanh những hành tinh cùng với mặt trời, trên đỉnh núi cao thì khác hẳn trong thung lũng, là một phần thứ chất liệu của không gian, vốn cũng uốn cong và phình lên tựa biển. Mọi vật, dù là hành tinh hay quả táo, đều rơi xuống hay quay quanh quỹ đạo, không phải vì năng lượng của trọng lực, mà bởi chúng lọt thỏm vào nếp gấp lùa là của không-thời gian tạo ra bởi những vật có khối lượng lớn hơn – như rơi tòm vào nếp gợn trên hồ nước.

Nhưng Kya không nói ra những đi đầu này. Thật không may, trọng lực chẳng có tác động gì đến suy nghĩ của con người, và sách giáo khoa phổ thông vẫn dạy rằng táo rơi xuống đất vì một lực hút mạnh mẽ của địa cầu.

“À, em đoán xem,” Chase gợi chuyện. “Người ta đã mời anh giúp huấn luyện đội bóng bầu dục của trường trung học.”

Cô mỉm cười với cậu.

Rồi nghĩ, *Như mọi thứ trong vũ trụ, chúng ta bỏ nhào về những thứ có khối lượng lớn hơn.*

Buổi sáng hôm sau, trong một chuyến đi hiếm hoi tới Piggly Wiggly để mua vài vật dụng cá nhân mà chỗ Jumpin' không có, Kya bước ra khỏi tiệm và suýt va vào bố mẹ của Chase – Sam cùng Patti Love. Họ biết cô là người nào – ai cũng biết cả.

Mấy năm qua, cô có thấy họ vài lần trong thị trấn, chủ yếu từ xa. Ta có thể bắt gặp Sam sau quầy ở Western Auto, tiếp khách hàng, mở máy tính tiền trên đó. Kya vẫn nhớ hồi cô còn nhỏ, ông đã đuổi cô đi khỏi cửa sổ, làm như cô có thể dọa mấy vị khách thực thụ bỏ chạy. Patti Love thì không làm toàn thời gian ở cửa hàng, một việc cho bà thời gian hấp tấp đi dọc phố, phát tờ rơi cho *Lễ hội Nữ hoàng Cua xanh* hoặc *Cuộc thi May vá Thường niên*. Luôn phục sức đẹp đẽ với giày mũi nhọn gót cao, túi xách tay và nón, màu phối hài hòa theo mùa ở miền nam. Bất kể chủ đề cuộc nói chuyện là gì, bà luôn tìm cách nhắc rằng Chase là trung phong giỏi nhất thị trấn này từng thấy.

Kye mỉm cười bên lề, nhìn thẳng vào mắt Patti Love, hy vọng họ sẽ bắt chuyện với mình một cách thân mật và giới thiệu bản thân. Có lẽ công nhận cô là bạn gái của Chase nữa. Nhưng họ khựng lại đột ngột, chẳng nói gì, và vòng tránh ra xa – tạo một khoảng cách rộng hơn cần thiết. Rồi đi tiếp.

Chiều tối sau khi chạm mặt họ, Kya và Chase ngồi trên chiếc thuyền nhỏ của cô, trôi qua dưới một cây sồi khổng lồ tới nổi gối của nó nhô lên mặt nước, tạo ra những cái hang nhỏ cho rái cá và vịt. Giữ giọng thật thấp, một phần để không làm kinh động lũ vịt trời và một phần vì sợ, Kya kể Chase chuyện mình gặp bố mẹ cậu và hỏi liệu cô có thể sớm ra mắt họ

chăng.

Chase ng ẩ im lặng, làm bụng cô đóng thành tảng cứng.

Cuối cùng cậu nói, “*Dĩ* nhiên em sẽ gặp họ. Sớm thôi, anh hứa.”

Nhưng cậu không nhìn vào cô khi nói lời này.

“Họ biết về em chứ? Về chuyện chúng ta?” cô hỏi.

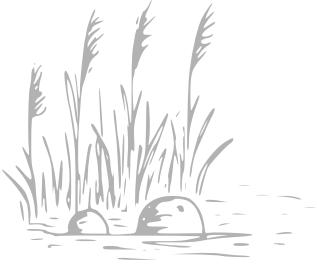
“*Tất* nhiên rồi.”

Chiếc thuyền h ẫ đã trôi lại quá gần cây s ỗ, vì ngay lúc đó một con cú sừng, ú tròn và mềm mại tựa một cái gối lông chim, buông mình xuống từ trên cây với đôi cánh s ải, r ẫ chậm chạp và nhẹ nhàng bay qua phá nước, lông ngực của nó phản chiếu những hoa văn mềm mại trên h ồ.

Chase vươn tới nắm lấy tay Kya, vắt nổi hoài nghi ra khỏi những ngón tay đó.

Trong nhiều tuần liền, những buổi bình minh và trăng lên dõi theo từng chuyển động nhẹ nhàng của Chase và Kya qua đồng l ầy chằng chịt. Mỗi lần cậu dẫn tới mà cô cự tuyệt, cậu đều ngừng tay. Hình ảnh những con hươu cái hoặc gà tây mái ở một mình với đàn con đòi hỏi, con đực từ lâu đã tìm con cái khác, đề tr ữ lên tâm trí cô gái.

Năm khóa thân trên thuyền là mức xa nhất họ từng tiến tới, bất kể người trong thị trấn nói gì. Mặc dù Chase và Kya giữ kín chuyện của mình, thị trấn này quá nhỏ và người ta đã thấy họ trên thuyền cậu hoặc ngoài bờ cát. Dân câu tôm không bỏ lỡ nhiều đi ều trên biển. Có những lời bàn ra tán vào đây đó. Rủ r ỉ, x ầm xì.



Trên đường Hog Mountain

1966

Cái lán đứng lặng im giữa xao động sớm hôm từ những đôi cánh của bầy chim hét, sương mù mùa đông dày nặng hình thành dọc theo mặt đất, dãn cục quanh tường như những cụm bông to. Dốc hết số tiền bán vệm của nhiều tuần, Kya đã mua nhiều món đặc biệt và thịt heo chiên mật đường, xốt thịt cà phê, ăn kèm với bánh kem chua và mứt mâm xôi ngọt. Chase uống cà phê Maxwell House; cô dùng trà Tetley nóng. Họ đã bên nhau được gần một năm, dù cả hai không ai nhắc đến đi đâu đó. Chase nói cậu thật may mắn vì bố cậu sở hữu Western Auto: “Vậy thì chúng ta sẽ có một căn nhà đẹp sau khi kết hôn. Anh sẽ xây cho em một ngôi nhà hai tầng trên bãi biển có hàng hiên bao quanh. Hoặc bất kỳ kiểu nhà nào em thích, Kya.”

Kya gần như không thở được. Cậu muốn có cô trong cuộc đời mình. Không chỉ là bóng gió, mà là cái gì đó tựa lời cầu hôn. Cô sẽ thuộc về ai đó. Là thành viên của một gia đình. Kya bất giác ngẩng thẳng hơn trên ghế.

Cậu tiếp tục. “Anh không nghĩ chúng ta nên lập tức chuyển vào thị trấn. Thế thì quá đột ngột với em. Nhưng chúng ta có thể dựng một chỗ ở vùng ven. Em biết đó, gần với đồng lầy.”

Gần đây, vài ý nghĩ mơ hồ về việc cưới Chase đã thoáng qua tâm trí Kya, nhưng cô không dám nghĩ nhiều về chúng. Nhưng giờ cậu đã nói ra. Hơi thở Kya cạn đi, tâm trí cô vừa ngờ vực không tin vừa sắp xếp các chi

tiết cùng một lúc. *Mình có thể làm việc này, cô nghĩ. Nếu chúng mình sống xa mọi người thì có thể.*

Rồi, cúi đầu, cô hỏi, “Còn bố mẹ anh thì sao? Anh đã báo họ chưa?”

“Kya, em phải hiểu một đi đầu *đề* người nhà anh. Họ yêu thương anh. Nếu anh nói em là lựa chọn của anh thì sẽ là như thế. Họ sẽ đem lòng yêu em khi họ hiểu về em.”

Cô cắn môi. Muốn tin lời cậu.

“Anh sẽ xây một phòng cho tất cả mẫu vật và tranh vẽ của em,” cậu thao thao. “Với cửa sổ thật to để em có thể thấy từng chi tiết trên những chiếc lông quái quỷ đó.”

Kya không biết cảm giác của mình đối với Chase có phải tình cảm của người vợ hay không, nhưng trong khoảnh khắc này, trái tim cô vút lên với cái gì đó gần như tình yêu vậy. Không còn phải đào vেম nữa.

Cô vươn tay ra và chạm lên sợi dây chuyền vỏ sò dưới cổ cậu.

“À mà này,” Chase nói. “Vài ngày nữa anh phải lái xe tới Asheville để mua đồ cho cửa hàng. Anh đang nghĩ, sao em không đi cùng anh?”

Mất cụp xuống, cô đáp, “Nhưng đó là một thành phố lớn. Sẽ có rất nhiều người. Em không có áo quần thích hợp, thậm chí không biết kiểu áo quần thích hợp là gì nữa, và...”

“Kya, Kya. Nghe này. Em sẽ ở bên anh mà. Anh biết mọi thứ. Chúng ta không phải đi đâu hào nhoáng cả. Em sẽ thấy rất nhiều điểm đến ở Bắc Carolina ngay trên đường lái xe qua – Piedmont, dãy núi Great Smoky, trời ạ. Rồi khi tới đó, chúng ta có thể tấp vào một quán burger phục vụ cả khách ngồi ô tô. Em có thể mặc đồ em đang mặc. Em không phải nói chuyện với bất cứ ai nếu em không muốn. Anh sẽ lo tất cả. Anh đã đi đây

đó rất nhiều lần. Thậm chí tới Atlanta. Asheville chẳng là gì hết. Nghe này, nếu chúng ta kết hôn, có lẽ em cũng nên bắt đầu ra ngoài thế giới nhiều một chút. Đang rộng đôi cánh của em.”

Cô gật đầu. Nếu không vì gì khác thì cũng để ngắm nhìn rặng núi.

Cậu tiếp tục. “Công việc mất hai ngày, nên chúng ta phải ở qua đêm. Tại một chỗ thường thôi. Em biết đó, một nhà nghỉ nhỏ. Không sao cả, vì chúng ta là người đã trưởng thành.”

“Ồ,” là tất cả những gì cô nói. Rồi thì thầm thật khẽ, “Em hiểu rồi.”

Kya chưa bao giờ đi xe đường dài, nên vài ngày sau, khi cùng Chase ngồi trên chiếc bán tải băng băng về phía tây Vung Barkley, cô nhìn chăm chăm ra cửa sổ, cả hai tay vịn chặt vào ghế. Con đường uốn lượn qua hàng dặm cỏ rậm cưa với cộ lùn, bỏ lại biển cả trong cửa sổ sau xe.

Trong hơn một giờ, khung cảnh quen thuộc của đồng cỏ và lạch nước trải dài đều đều trôi qua cửa sổ chiếc bán tải. Kya nhận ra những chú tiêu liêu và diệc bạch của đồng lầy, được an ủi bởi sự thân quen đó, như thể cô không xa nhà mà mang nó đi theo.

Rồi đột ngột, tại một đường thẳng kẻ ngang mặt đất, đồng lầy chấm dứt và mặt đất bụi bặm – bị chặt nát, rào thành ô và cây thành dãy – trải ra trước mặt họ. Những đồng cây chết đứng liệt trên vạt rừng bị đốn trụi. Hàng cột treo dây điện lê bước về phía chân trời. Dĩ nhiên Kya vẫn biết đồng lầy ven biển không bao phủ toàn Trái đất, nhưng cô chưa bao giờ ra khỏi nó. Con người đã làm gì với đất thế này? Mọi ngôi nhà, cùng mang hình thù cái hộp giày, ngồi thụp trên bãi cỏ xén cụt. Một đàn chim hồng

hạc ăn trên một khoảng sân, nhưng khi Kya quay ngoắt lại ngạc nhiên, cô thấy chúng là đồ nhựa. Bầy hươu, bằng xi măng. Những con vịt duy nhất đang bay được sơn trên hộp thư trước cửa.

“Chúng thật phi thường, nhỉ?” Chase nói.

“Cái gì?”

“Những ngôi nhà ấy. Em chưa bao giờ thấy thứ gì như chúng, đúng không?”

“Không, em chưa từng.”

Nhiều giờ sau, trên bình nguyên bằng phẳng của Piedmont, cô thấy dãy Appalachian được phác bằng những nét xanh lam nhạt chạy dọc chân trời. Khi họ tới gần, nhiều đỉnh nhọn nhô lên quanh họ và những rừng núi phủ rừng êm đềm tuôn chảy đến hút tầm mắt Kya.

Mây nhàn nhã nằm trong những cánh tay gấp lại của đồi, rồi cuộn dâng lên và dạt đi xa. Vài tua mây vặn thành hình xoắn ốc và len vào những khe núi ẩm, như sương mù lần theo những khoảng ẩm ướt của đồng lầy. Vẫn trò chơi quen thuộc của vật lý diễn ra trên lĩnh vực khác là sinh học.

Kya là người của miền đất thấp, vùng đất của những chân trời, nơi mà vầng dương lặn và mặt trăng lên đúng giờ rằm rắp. Nhưng ở đây, nơi địa hình sụt trồi lộn xộn, mặt trời giữ thăng bằng trên rìa ngọn núi, lặn xuống sau một đỉnh cao trong phút chốc, rồi vọt lên trở lại khi chiếc bán tải chạy lên con dốc tiếp theo, ở vùng núi, cô nhận thấy, thời điểm mặt trời lặn còn tùy bạn đứng đâu trên đồi.

Kya tự hỏi đâu là mảnh đất của ông cô. Có lẽ họ hàng cô đã nuôi heo trong một nhà trại xám xịt vì mưa gió, như cái cô đã thấy giữa một cánh đồng có con lạch nhỏ chảy qua. Một gia đình lẽ ra đã thuộc về cô từng làm

lụng, cười và khóc giữa cảnh này. Một vài người vẫn ở đây, rải rác trên toàn hạt. Vô danh tính.

Con đường biến thành một cao tốc bốn làn, và Kya búi chặt ghế khi chiếc bán tải của Chase phóng vù vù, chỉ cách mấy xe lao nhanh khác chừng một bước. Cậu rẽ vào một con đường uốn cong, nó dâng lên không trung như thể phép màu và dẫn họ vào thành phố. “Lối ra giao lộ có dạng vòng xoay,” cậu kiêu hãnh giới thiệu.

Những tòa nhà khổng lồ, cao tám hoặc mười tầng, sừng sững chắn trên bóng núi phía xa. Hàng chục ô tô như cua rù rì chạy lon ton, và có quá nhiều người trên các hè phố. Kya áp mặt vào cửa sổ, tìm trên gương mặt họ, nghĩ rằng chắc chắn ba và má phải ở giữa những người này. Một cậu bé với nước da rám nắng và màu tóc thẩm chạy trên vỉa hè, hao hao giống Jodie, và Kya quay ngoắt người nhìn cậu. Anh trai cô đã trưởng thành rồi, dĩ nhiên là thế, nhưng cô vẫn dõi theo cậu bé cho đến khi xe họ ngoặt qua một góc đường.

Ở phía bên kia thành phố, Chase đặt chỗ cho họ tại nhà nghỉ trên đường Mountain Hog, một dãy phòng trọ một tầng màu nâu, được thắp sáng bởi mớ đèn neon hình cây cọ, giữa bao nhiêu hình thù.

Sau khi Chase mở khóa cửa, Kya bước vào căn phòng có vẻ đủ sạch nhưng nồng nặc mùi nước tẩy Pine-Sol và trang bị đồ nội thất Mỹ rẻ tiền: tường giả ốp ván, giường võng xuống với máy rung chạy bằng đồng năm xu, và cái tivi trắng đen cố định vào bàn bằng sợi xích và ổ khóa lớn quá đáng. Khăn trải giường màu vỏ chanh, thảm lót sàn xù lông màu cam rợt. Tâm trí Kya trở lại tất cả những nơi họ từng cùng nhau nằm xuống – trên bờ cát lấp lánh cạnh hồ thủy triêu, dưới ánh trăng trong chiếc thuyền lơ lửng. Nơi đây, cái giường hiện ra lù lù là vật trung tâm, nhưng căn phòng

không có vẻ gì là tình yêu cả.

Cô đứng gần cửa, lòng đã rõ. “Nó không tuyệt lắm,” cậu nói và đặt chiếc túi thể thao lên ghế.

Cậu bước về phía cô. “Đã đến lúc rồi, em không đồng ý hả Kya? Đến lúc rồi.”

Dĩ nhiên, đó là kế hoạch của cậu. Nhưng cô đã sẵn sàng. Cơ thể cô đã khát khao từ nhiều tháng, và sau lần cậu nhắc tới hôn nhân, tâm trí cô cũng thuận theo. Cô gật đầu.

Cậu chậm rãi tới gần cởi nút áo cô, rồi nhẹ nhàng xoay người cô lại và gỡ bung áo lót. Lướt những ngón tay cậu lên bầu ngực. Cảm giác nóng bừng rần rật chảy từ ngực xuống đùi cô. Khi cậu kéo cô nằm lên giường dưới ánh đèn neon đỏ và xanh lá thấm qua lớp màn mỏng tang, cô nhắm mắt lại. Trước đó trong tất cả những lần suýt nữa, khi cô ngăn cậu lại, những ngón tay mơn trớn của cậu đã mang tới cảm giác diệu kỳ, làm sống dậy phần nào đó trong cô, làm cơ thể cô uốn về phía cậu, khao khát và ham muốn. Nhưng giờ đây khi lời cho phép đã thốt ra, một sự gấp gáp cuốn lấy Chase và cậu dường như bỏ qua mong muốn của cô, cứ dẫn tới làm cho được việc. Cô kêu lên khi có cái gì bị xé toạc, nghĩ rằng có chuyện không ổn rồi.

“Không sao hết. Giờ sẽ khá hơn thôi,” cậu nói nghe chắc nịch. Nhưng nó không khá hơn bao nhiêu cả, và chẳng mấy chốc cậu đổ ụp xuống cạnh cô, toét miệng cười.

Khi cậu chìm vào giấc ngủ, cô trao tráo nhìn ánh đèn biển hiệu *Phòng trống* chớp tắt, chớp tắt.

Vài tuần sau, sau khi dùng xong bữa sáng gồm trứng chiên với cháo giảm bông ở lán Kya, cô và Chase ngồi tại bàn bếp trong nhà. Cô đang quần mình ấm cúng trong chăn sau khi làm tình, một việc chỉ cải thiện chút chút kể từ lần đầu trong nhà nghỉ. Lần nào xong cô cũng còn khao khát, nhưng cô chẳng có chút ý niệm mơ hồ nào về việc làm sao để cập chủ đề này. Và dù sao đi nữa, cô cũng không biết mình nên cảm giác ra sao. Có lẽ như thế này là bình thường.

Chase đứng lên từ bàn bếp và nâng cằm cô lên với những ngón tay, cậu hôn cô rồi nói, “Mấy ngày tới anh sẽ không ra ngoài nhiều vì *xấp* đến Giáng sinh và đủ thứ. Có rất nhiều sự kiện với việc này việc nọ, và họ hàng bà con kéo tới chơi nhà.”

Kya ngược nhìn cậu và bày tỏ, “Em đã hy vọng em có thể... anh biết đó, tới dự vài buổi tiệc và các thứ. Có lẽ ít nhất là bữa tối Giáng sinh với nhà anh.”

Chase ngồi xuống ghế trở lại. “Kya, nghe nè, anh đã muốn nói em *đề* chuyện này từ lâu. Anh *muốn* mời em khiêu vũ ở câu lạc bộ Elks và đủ thứ, nhưng anh biết em nhút nhát thế nào, biết em chẳng bao giờ làm gì trong thị trấn cả. Anh biết em sẽ khổ sở lắm. Em không biết ai ở đó, em không có áo quần phù hợp. Em có biết khiêu vũ không nữa chứ? Không có chuyện gì ở đó là chuyện em làm cả. Em hiểu mà, đúng không em?”

Nhìn xuống sàn, cô đáp, “Phải, tất cả đều đúng hết. Nhưng em phải bắt đầu hòa nhập với phần nào đó trong cuộc đời anh. Dạng rộng đôi cánh của em, như anh từng nói. Em đoán mình phải tìm quần áo phù hợp, gặp vài người bạn của anh.” Cô ngẩng đầu lên. “Anh có thể dạy em khiêu vũ.”

“Ừ, chắc chắn anh *xẻ* làm thế. Nhưng anh luôn nghĩ về anh và em như cái chúng ta có ngoài này. Anh yêu thời gian chúng ta ở đây bên nhau, chỉ anh với em thôi. Nói thật với em, anh đã *bắc* đầu chán mấy buổi khiêu vũ ngớ ngẩn đó. Chỉ có vậy từ năm này qua năm khác. Nhà thể thao trường học. Người già, người trẻ tất cả cùng nhau. Vẫn thứ âm nhạc ngu ngốc đó. Anh sẵn sàng bỏ lại chúng r ồi. Em biết không, sau khi kết hôn, dẫu sao chúng ta cũng không làm những chuyện như vậy, thế thì sao phải lôi em vào đó lúc này? Không có lý gì cả. Được không em?”

Cô nhìn lại xuống sàn, nên cậu lại nâng cầm cô lên và nhìn thẳng vào mắt cô. R ồi toét miệng cười, cậu nói, “Và trời ạ, về việc ăn Giáng sinh *dối* nhà anh ấy à. Bà dì cố lỗi của anh sẽ tới từ Florida. Chả bao *dờ* ngừng huyền thuyên cả. Anh sẽ không ước đi đâu đó cho bất kỳ ai hết. Đặc biệt là em. Tin anh đi, em *xẻ* *hông* thích mấy chuyện đó đâu.”

Cô im lặng.

“Thật đó Kya, anh *muốn* em thấy ổn với chuyện này. Đi đâu chúng ta có ngoài đây là thứ đặc biệt nhất mọi người có thể mong ước cho mình. Tất cả những cái khác,” cậu vung tay qua không khí, “toàn là ngớ ngẩn.”

Cậu vươn tới kéo cô vào lòng cậu, và cô tựa đầu lên vai Chase.

“Đây là chỗ của nó, Kya. Không phải những thứ khác.” Và cậu hôn cô, dịu dàng ấm áp. R ồi đứng dậy. “Được r ồi. Phải đi thôi.”

Kya trải qua Giáng sinh một mình bên bờ mòng biển, như mọi năm kể từ khi má đi mất.

Hai ngày sau Giáng sinh, Chase vẫn chưa ghé lại. Phá vỡ lời tự hứa sẽ

không bao giờ chờ ai nữa, Kya đi tới đi lui trên bờ phá, mái tóc tết thành bím kiểu Pháp, môi tô bằng cây son cũ của má cô.

Đông lầy ngoài kia phủ tấm áo choàng mùa đông mang sắc xám nâu. Hàng dăm cỏ đã kiệt, đã rải hạt đi hết, gục đầu xuống nước như hàng phục. Ngọn gió quất và xé, khua cọng khô xào xạc trong một khúc hợp xướng ồn ào. Kya giật cho tóc xõa xuống và lấy mu bàn tay chùi sạch môi cô.

Buổi sáng ngày thứ tư, cô ngồi trong bếp một mình, tay đẩy bánh mì và trứng vòng vòng trên đĩa. “Nói đủ đi đâu rằng *Đây là chỗ của nó*, vậy giờ anh ta ở đâu rồi?” cô phun ra. Trong tâm trí cô, Kya thấy Chase chơi bóng bầu dục với bạn bè hoặc nhảy nhót tại những bữa tiệc. “Mấy thứ ngớ ngẩn mà anh ta đã phát chán đó.”

Cuối cùng cũng có tiếng thuyền. Cô bật dậy từ bàn bếp, đẩy cửa sập đánh rầm, và chạy từ lán nhà ra bờ phá khi con thuyền lịch xịch vào tầm mắt. Nhưng đó không phải Chase hay thuyền cao tốc của Chase, mà là một chàng trai trẻ với mái tóc óng vàng, cắt ngắn hơn nhưng vẫn gần như không thể khống chế dưới cái nón len. Đó là chiếc thuyền câu cá cũ và kia, đang đứng dù thuyền còn chạy, là Tate, đã trở thành một người đàn ông. Gương mặt không còn nét trẻ con mà trưởng thành, đẹp đầy nam tính. Mắt cậu đặt ra một câu hỏi, môi cậu ngẩn ngại một nụ cười.

Ý nghĩ đầu tiên của cô là chạy. Nhưng tâm trí cô gào lên, *KHÔNG! Đây là phá nước của mình; lúc nào mình cũng chạy. Lần này thì không.* Ý nghĩ tiếp theo của cô là lượm một cục đá lên, và ném nó về phía mặt cậu cách chừng hai mươi bước. Cậu vội hụp xuống, cục đá vèo qua trán cậu.

“Chết tiệt, Kya? Cái quái gì vậy? Chờ đã,” cậu kêu lên khi cô lượm một cục đá khác và nhắm ném. Cậu đưa tay lên che mặt. “Kya, vì Chúa, dừng lại đi. Làm ơn. Chúng ta không thể nói chuyện sao?”

Cục đá đập mạnh vào vai Tate.

“CÚT KHỎI PHÁ NƯỚC CỦA TÔI! ĐỒ KHỐN KIẾP BẮN THỬU XẤU XA! NÀY THÌ NÓI CHUYỆN NÀY!” Cô gái gào thét điên cuồng tìm một cục đá khác.

“Kya, nghe anh đã. Anh biết em đang ở bên Chase. Anh tôn trọng đi đâu đó. Anh chỉ muốn nói chuyện với em thôi. Làm ơn mà, Kya.”

“Tại sao tôi phải nói chuyện với anh? Tôi không bao giờ muốn gặp mặt anh nữa, KHÔNG BAO GIỜ!” Cô hốt lên một nắm đá nhỏ và quăng chúng vào mặt Tate.

Cậu ngã sang bên, chúi về phía trước, và chụp lấy mép thuyền khi nó xộc thẳng lên bờ.

“TÔI NÓI, CÚT KHỎI ĐÂY NGAY!” Vẫn thét lớn nhưng nhỏ tiếng hơn, cô bảo, “Phải, tôi đang ở bên người khác rồi.”

Tate đứng cho vững lại sau cú xóc do đụng vào bờ, rồi ngã xuống chỗ ngã trên mũi thuyền cậu. “Kya, làm ơn, có những đi đâu em cần biết về cậu ta.” Tate không định có một cuộc trò chuyện về Chase. Không có phần nào của chuyến thăm bất ngờ này diễn ra như cậu hằng mong tượng.

“Anh đang nói gì vậy? Anh không có quyền bảo tôi về đời tư của tôi.” Cô bước tới cách cậu chừng năm bước và phun ra từng lời.

Vững vàng, cậu đáp, “Anh biết anh không có quyền, nhưng dù sao anh cũng phải nói.”

Nghe câu này, Kya quay đi, nhưng sau lưng cô, Tate nói lớn. “Em không sống trong làng. Em không biết Chase hẹn hò những phụ nữ khác. Mới đêm hôm kia anh thấy cậu ta lái đi sau bữa tiệc với một cô tóc vàng trên chiếc bán tải. Cậu ta không đủ tốt với em.”

Cô quay ngoắt lại. “Ồ, thật sao! ANH là người đã bỏ tôi, người đã không trở lại như lời anh hứa, người chẳng bao giờ trở lại. Anh là người không bao giờ viết thư giải thích tại sao hoặc thậm chí nói anh còn sống hay đã chết rồi. Anh không có cả can đảm để chia tay tôi nữa. Anh không đủ đàn ông để đối mặt với tôi. Chỉ biến mất như thế. ĐỒ KHỐN. Anh trôi vào đây sau ngần ấy năm... Anh còn tệ hơn anh ấy. Anh ấy có thể không hoàn hảo, nhưng anh tệ hại hơn nhiều.” Cô đột ngột ngừng lại, trừng mắt nhìn cậu.

Xòe tay ra, cậu van nài, “Em nói đúng về anh, Kya. Tất cả những gì em nói đều đúng hết. Anh là thứ cứt gà. Và anh không có quyền nói tới Chase. Đó chẳng phải việc của anh. Và anh sẽ không bao giờ quấy rầy em nữa. Chỉ là anh cần phải xin lỗi và giải thích mọi thứ. Anh đã hối hận nhiều năm rồi, xin em, Kya.”

Cô xuội xuống như một cánh buồm khi gió vừa tắt ngóm. Với cô, Tate hơn cả mối tình đầu: cậu chia sẻ sự tận tâm với đồng lớp của cô, đã dạy cô biết đọc, và là mối liên hệ duy nhất, dù nhỏ bé thế nào, với gia đình đã mất của cô. Cậu là một trang của thời gian, một mẫu nhỏ cắt ra dán vào cuốn sổ vì đó là tất cả những gì cô có. Tim cô đập dồn dập khi cơn giận tan dần.

“Nhìn em kìa – thật đẹp. Đã là một phụ nữ rồi. Em có ổn không? Vẫn còn bán vạm nhỉ?” Cậu sững sờ trước sự thay đổi của cô, đường nét cô sắc sảo hơn nhưng vẫn không thể nào quên, gò má sắc nét, bờ môi mọng đầy.

“Còn. Có.”

“Đây, anh mang cho em cái này.” Từ một phong bì cậu đưa cô chiếc lông má nhỏ xíu đỏ rực của gỗ kiến phương bắc. Cô nghĩ tới việc ném nó xuống đất, nhưng cô chưa bao giờ tìm được loại lông này; vậy tại sao

không giữ nó? Cô nhét nó vào túi và không cảm ơn cậu.

Nói thật nhanh, cậu giải bày, “Kya, rời bỏ em không chỉ là đi đâu sai trái, nó còn là việc tồi tệ nhất anh từng làm hay sẽ làm trong đời. Anh đã hối hận nhiều năm và sẽ luôn hối hận. Anh nghĩ về em mỗi ngày. Trong suốt phần còn lại của đời mình, anh sẽ hối tiếc vì đã rời bỏ em. Anh thật sự nghĩ rằng em không thể xa ông lầy và sống trong một thế giới khác, vậy nên anh không nghĩ chúng ta có thể bên nhau nữa. Nhưng thế là sai, và thật ngu xuẩn khi anh không trở lại và nói với em về nó. Anh biết đã bao nhiêu lần em bị bỏ lại. Anh không muốn biết mình làm tổn thương em đến thế nào. Anh không đủ đàn ông. Đúng như em nói.” Cậu dứt lời và nhìn cô.

Cuối cùng cô hỏi, “Giờ anh muốn gì, hả Tate?”

“Ước gì em có thể, bằng cách nào đó, tha thứ cho anh.” Cậu hít vào và chờ đợi.

Kya nhìn những ngón chân mình. Tại sao người bị thương, người vẫn còn đang rỉ máu, phải mang cái gánh nặng là tha thứ? Cô không trả lời cậu.

“Anh phải nói với em, Kya.”

Khi cô vẫn không đáp gì, cậu tiếp tục. “Anh vẫn đang học cao học, ngành động vật học. Chủ yếu là động vật nguyên sinh. Em sẽ thích nó.”

Cô không tưởng tượng được cái môn nọ, và nhìn lại ra phá nước để xem Chase có tới không. Tate không bỏ lỡ cái nhìn này; cậu lập tức đoán được cô đang ở ngoài đợi Chase.

Mới tuần trước thôi Tate đã thấy Chase trong áo tuxedo trắng ở đêm hội Giáng sinh, khiêu vũ với những phụ nữ khác. Buổi vũ hội, như mọi sự kiện ở Vững Barkley, được tổ chức tại nhà thể thao trường trung học. Khi bài *Wooly Bully* nghiền nghệt cất lên từ dàn âm thanh quá nhỏ đặt dưới rổ ném bóng, Chase xoay tròn một cô gái tóc nâu. Khi bài *Mr. Tambourine*

Man bắt đầu, cậu rời sàn khiêu vũ, rời cô tóc nâu, rồi chia sẻ những ngum Wild Turkey từ cái bình Tar Heels của mình với vài cựu vận động viên khác. Tate đang đứng gần trò chuyện với hai giáo viên trung học cũ khi chợt nghe Chase nói, “Phải, cô ta hoang dại như một con cáo cái mắc bẫy. Đúng như ta trông đợi từ một ả hồ ly đờng lầy. Đáng từng đờng đồ xăng đấy.”

Tate phải ép mình đi khỏi đó.

Một cơn gió mùa đông lạnh lẽ làm phá nước xáo động và lặn tẩn gợn sóng. Ngóng đợi Chase, Kya đã chạy ra ngoài trong quần jean và áo len mỏng. Cô khoanh tay thật chặt quanh mình.

“Em đang lạnh cóng kìa; hãy vào trong đi.” Tate ra hiệu về phía lán nhà, nơi khói bập bập nhả lên từ ống bếp rỉ sét.

“Tate, tôi nghĩ anh nên đi ngay.” Cô ném vài cái liếc nhanh về phía dòng kênh. Lỡ Chase đến khi Tate còn đây thì biết thế nào?

“Kya, xin em, chỉ vài phút thôi. Anh thật sự muốn thấy bộ sưu tập của em lần nữa.”

Để trả lời, cô quay lưng và chạy về cái lán, Tate theo sau cô. Vào trong hiên, cậu khựng lại. Bộ sưu tập của cô đã từ một sở thích trẻ con phát triển thành bảo tàng lịch sử tự nhiên của đờng lầy. Cậu cần lên một vỏ sò điệp, được dán nhãn bằng bức tranh màu nước vẽ bãi biển nơi nó được tìm ra, cùng một hình nhỏ hơn cho thấy con sò ăn các sinh vật biển nhỏ hơn nó. Mẫu vật nào cũng được như thế – toàn bộ hàng trăm, thậm chí hàng ngàn mẫu. Cậu đã từng thấy một phần bộ sưu tập trước đó, khi còn là cậu bé,

nhưng giờ là một ứng cử viên tiến sĩ động vật học, cậu nhìn chúng với con mắt nhà nghiên cứu.

Cậu quay sang cô, vẫn đứng trên ngưỡng cửa. “Kya, toàn bộ chỗ này thật phi thường, chi tiết và tuyệt đẹp. Em có thể xuất bản chúng. Đây có thể là một cuốn sách – rất nhiều cuốn sách.”

“Không, không. Chúng chỉ dành cho tôi. Chúng giúp tôi học, chỉ có vậy thôi.”

“Kya, nghe anh đi. Em biết rõ hơn bất kỳ ai rằng sách tham khảo cho lĩnh vực này gần như không tồn tại. Với những chú giải, dữ liệu kỹ thuật và tranh vẽ tuyệt diệu này, đây sẽ là quyển sách mọi người đang chờ đợi.” Cậu nói đúng. Số sách hướng dẫn của má về các loại vỏ sò, cây cối và chim muông của vùng là những tựa duy nhất được in ra, và chúng thiếu chính xác một cách đáng thương, chỉ có minh họa trắng đen đơn giản với vài thông tin sơ sài cho mỗi mục.

“Nếu có thể mượn vài mẫu, anh sẽ tìm hiểu về một nhà xuất bản, để xem họ nói gì.”

Cô nhìn cậu chăm chăm, không biết nhìn nhận chuyện này thế nào. Liệu cô có phải đi đâu đó, gặp người lạ? Tate không bỏ sót câu hỏi trong ánh mắt Kya.

“Em không phải đi khỏi nhà. Em có thể gửi tranh mẫu tới nhà xuất bản qua bưu điện. Việc xuất bản sách sẽ mang lại một số tiền. Chắc không phải một khoản khổng lồ, nhưng có lẽ em sẽ không cần đào vẹm suốt phần đời còn lại.”

Thế nhưng Kya vẫn chẳng nói gì. Một lần nữa Tate lại thúc cô tự lo cho bản thân mình, chứ không chỉ đề nghị chăm sóc cho cô. Dường như suốt cả đời cô, cậu đã ở đó. Rồi đi mất.

“Thử đi, Kya. Có hại gì đâu chứ?”

Cuối cùng cô cũng đồng ý cho cậu cầm đi vài mẫu, và cậu chọn vài bức màu nước nhẹ nhàng vẽ các vỏ sò và loài diệp xanh lớn vì ký họa đầy chi tiết mô tả chú chim ở từng mùa, cùng một bức sơn dầu tinh tế họa chiếc lông mày uốn cong thanh tú.

Tate cầm lên bức họa chiếc lông vũ – hàng trăm nét cọ thanh mảnh nhất mang sắc màu rực rỡ quyện thành một màu đen thẫm, phản chiếu như thể có ánh nắng rơi lên mặt tranh này. Chi tiết một vết rách nhỏ trên cuống lông đặc biệt đến nỗi Tate và Kya cùng lúc nhận ra đây là bức vẽ chiếc lông vũ đầu tiên cậu tặng cô trong rừng rậm. Họ ngẩng lên từ mẫu vật và nhìn vào mắt nhau. Cô quay đi. Buộc mình không được có cảm xúc gì. Cô sẽ không để mình lại bị thu hút bởi một người cô không thể tin cậy.

Cậu bước tới và đặt tay lên vai cô. Cố gắng nhẹ nhàng xoay người cô lại. “Kya, anh xin lỗi vì đã rời xa em. Xin em, em không thể tha thứ cho anh sao?”

Cuối cùng, cô quay lại và nhìn cậu. “Em không biết làm vậy bằng cách nào, Tate à. Em không bao giờ có thể tin anh nữa. Làm ơn, Tate, anh phải đi thôi.”

“Anh biết. Cảm ơn em vì đã lắng nghe anh, cho anh cơ hội nói lời xin lỗi.” Cậu chờ một nhịp, nhưng cô không nói gì thêm. Ít ra cậu cũng ra về với một đi đâu gì đó. Hy vọng nhà xuất bản sẽ là lý do để liên hệ lại với cô.

“Tạm biệt, Kya.” Cô không trả lời. Cậu nhìn cô chăm chăm, và cô nhìn vào mắt cậu rồi ngoảnh đi lập tức. Cậu bước ra cửa về phía thuyền mình.

Cô chờ đến khi cậu khuất dạng rồi ngã xuống mặt cát lạnh ẩm của bờ phá, chờ Chase. Nói thật to, cô lặp lại những lời mình ném vào Tate ban

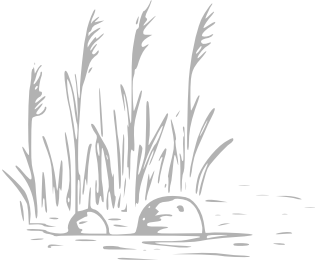
này. “Chase có thể không hoàn hảo, nhưng anh tệ hơn nhiều.”

Thế nhưng khi cô nhìn sâu vào vùng nước tối thẳm, lời Tate nói về Chase *‘lái đi sau bữa tiệc với một cô tóc vàng trên chiếc bán tải’* – cứ lờn vờn trong đầu.

Mãi đến một tuần sau Giáng sinh Chase mới tới. Rẽ vào phá nước, cậu nói mình có thể ở lại suốt đêm, đón năm mới cùng cô. Tay trong tay, họ đi về phía lán nhà, nơi có vẻ cũng vẫn màn sương đó phủ lên trên mái. Sau khi làm tình, họ quấn chần ôm nhau gần bếp lò. Không khí đặc quánh chẳng thể giữ thêm một phân tử độ ẩm nào, thế nên khi cái ẩm sôi, những giọt nước nặng trĩu phồng lên trên kính cửa sổ mát lạnh.

Chase rút chiếc harmonica ra từ trong túi và ấn nó lên môi, chơi giai điệu *Molly Malone* đầy tiếc nuối. “*Giờ đây hồn cô đẩy xe cút kít qua hết rộng hẹp những con đường, hát khúc ca sò và vẹm, vẫn sống, vẫn sống.*”

Với Kya, dường như lúc Chase chơi những giai điệu u buồn thế này là khi cậu có tâm hồn nhất.



Người câu tôm

1969

Vào giờ uống bia, quán Dog-Gone dọn lên những tin nóng hổi hơn quán ăn nữa. Cảnh sát trưởng cùng Joe bước vào căn phòng dài chật cứng và đi tới quầy bar, vốn được đẽo từ một cây thông lá dài duy nhất, đặt dọc cánh trái phòng, dường như chạy hút vào bóng tối. Dân địa phương – toàn đàn ông vì phụ nữ không được phép vào – ng ẩ d ần cục quanh quầy hay tại các bàn rải rác. Hai người đứng quầy nướng xúc xích; chiên tôm, hầu và bánh bột ngô viên; khuấy cháo ngô; rót bia và rượu bourbon. Ánh sáng duy nhất phát ra từ nhiều biển hiệu bia chớp nháy, tỏa ra ánh màu hổ phách, như lửa trại liếm những khuôn mặt râu rậm. Tiếng *cộp* và *cách* của mấy trái bóng bida vọng lên từ phòng sau quán.

Ed và Joe lách vào khoảng giữa quầy chen chúc dân chài lưới, và họ vừa dứt lời gọi bia Millers với hầu chiên là những câu hỏi tuôn ra: Có gì mới không? Tại sao không có dấu vân tay; tin đó đúng chứ? Mấy anh có nghĩ tới lão *dà* Hanson chưa? Lão khùng như một thằng điên, có vẻ là *chiện* lão sẽ làm, leo lên tháp, đẩy té bất cứ ai mò tới. Dụ này làm mấy anh rồi bời nhỉ?

Joe quay qua một bên, Ed nhìn bên còn lại, cười trên cái xôn xao. Trả lời, lắng nghe, gật gù. R ồi xuyên qua sự huyên náo, tai cảnh sát trưởng bắt được cái góc tách biệt của một giọng nói đi ền tĩnh, đều đều, và quay sang

đối mặt với Hal Miller, người câu tôm trong đoàn của Tim O'Neal.

“Tôi có thể nói chuyện với ông một phút không, cảnh sát trưởng? Một mình?”

Ed lùi ra khỏi quầy bar. “Chắc chắn rồi, Hal, đi với tôi.” Ông dẫn người này tới một bàn nhỏ kê tường, rồi họ ngồi xuống. “Cần rót đầy ly bia đó không?”

“Không, vậy được rồi. Dù sao cũng cảm ơn ông.”

“Có việc gì làm cậu lẩn tránh Hal?”

“Ừ, đúng thế. Phải nói ra thôi. Gần đây nó làm tôi hơi *lãng tãng* chút.”

“Nói nghe xem nào.”

“Ồi dào.” Hal lắc đầu. “Tôi không biết. Nhiều khi cũng chả có gì, hoặc là vậy, hoặc là lẽ ra tôi nên báo ông sớm hơn. Tôi bị ám ảnh bởi cái tôi nhìn thấy.”

“Cứ nói tôi nghe đi, Hal. Cùng nhau, chúng ta sẽ xem nó quan trọng hay không quan trọng.”

“Chắc, là về chuyện của Chase Andrews ấy. Trong cái đêm cậu ta chết, chà, tôi đang làm việc cho Tim, và chúng tôi vào vịnh *trẻ, mãi* sau nửa đêm, và tôi với Allen Hunt đã thấy người phụ nữ đó, kẻ mà người ta gọi là Cô gái Đồng lầy, lái thuyền ngay ngoài vịnh.”

“Thật sao? Bao lâu sau nửa đêm vậy?”

“Chắc khoảng một tiếng bốn lăm *phúc* sáng.”

“Cô ta lái đi đâu?”

“Chà, đó là vấn đề đó, cảnh sát trưởng. Cô ta hướng thẳng về phía tháp phòng cháy. Nếu không đổi hướng, cô ta sẽ tấp vào ngay cái vịnh nhỏ

ngoài tháp.”

Ed thở ra. “Ừ, Hal. Đó là thông tin quan trọng. Rất quan trọng. Anh có chắc kẻ đó là cô ta không?”

“Chà, lúc đó Allen và tôi có nói chuyện và khá chắc đó là cô ta. Ý tôi là, chúng tôi đều nghĩ cùng một thứ. Tự hỏi cô ta làm quái *dì* ở ngoài thế này, lái thuyền đi không đèn đóm *dì*. May mà tụi tôi thấy cô ta, không thì có thể ủa qua cô ta rồi. Rồi tụi tôi quên bết chuyện đó. Chỉ sau khi tôi liên hệ cái này với cái kia và nhận ra đó chính là đêm Chase chết ngoài tháp. Chà, thế là tôi cho rằng mình nên nói ra.”

“Có ai khác trên thuyền thấy cô ta không?”

“Chà, tôi không biết *nửa*. Người khác *cũng* có ở đó, chắc chắn, chúng tôi đang đi vào. Cả thuyền đều có mặt. Nhưng tôi chưa từng nói với người khác *đề* nó. Ông biết, lúc đó đâu có lý do gì. Và kể từ đó *cũng* chưa hỏi họ.”

“Tôi hiểu. Hal, anh đã làm đúng khi báo cho tôi. Trách nhiệm của anh là phải nói ra. Đừng lo gì hết. Tất cả những gì anh có thể làm là cho tôi biết cái anh thấy. Tôi sẽ gọi anh và Allen tới lấy lời khai. Giờ tôi có thể mua bia cho anh chưa?”

“Không, tôi nghĩ tôi sẽ về nhà thôi. Ngủ ngon.”

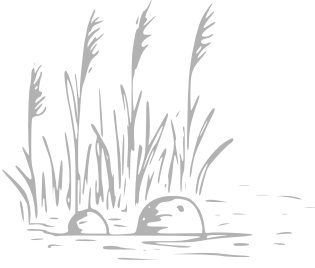
“Ngủ ngon. Cảm ơn anh lần nữa.” Ngay khi Hal đứng dậy, Ed vẫy gọi Joe, người cứ vài giây lại liếc sang để đọc nét mặt cảnh sát trưởng. Họ cho Hal một phút để tạm biệt và ra khỏi đó, rồi bước ra đường.

Ed kể cho Joe đi đâu Hal đã chứng kiến.

“Chà,” Joe thốt lên, “vậy là gần được rồi. Anh có nghĩ vậy không?”

“Tôi nghĩ với cái này thậm chí phán có thể cho lệnh khám xét. Không

chắc nữa, và tôi muốn chắc chắn trước khi yêu cầu. Với lệnh khám chúng ta có thể soát nhà cô ta xem có sợi vải đỏ khớp với mớ sợi trên quần áo Chase không. Chúng ta phải nghe câu chuyện của cô ta về đêm đó.”



Rong biển

1967

Suốt mùa đông, Chase đến lán nhà Kya nhiều lần, thường thì cuối tuần nào cũng ở lại một tối. Cả những ngày lạnh lẽo, ẩm ướt, họ cũng lướt qua những bụi rậm mờ sương, cô lượn lắt, cậu chơi harmonica vài giai điệu vui vui. Những nốt nhạc lửng lơ trôi với màn sương đặc, tan vào khoảng tối của vùng rừng thấp, có vẻ được hấp thu và ghi nhớ bởi đống lầy vì mỗi lần Kya đi qua những dòng kênh đó, cô lại nghe âm nhạc của cậu.

Một buổi sớm tháng Ba, Kya lướt nhẹ một mình tới làng qua biển, bầu trời quẩn trong tấm áo len xơ xác của mây xám. Hai ngày nữa là sinh nhật Chase, và cô tới tiệm Piggly để mua nguyên liệu cho một bữa tối đặc biệt – với món chính là chiếc bánh caramel đầu tay cô làm. Đã tưởng tượng cảnh mình đặt ổ bánh cắm nến lung linh lên bàn trước mặt cậu – một sự kiện chưa từng xảy ra trong bếp từ khi má đi mất. Gần đây, nhiều lần cậu nói mình đang tiết kiệm tiền cho ngôi nhà của họ. Cô nghĩ rằng mình nên học nướng bánh.

Sau khi buộc thuyền lại, cô bước dọc bến tàu về phía dãy cửa hàng và trông thấy Chase đứng cuối đường trò chuyện với nhóm bạn. Tay cậu choàng qua vai một cô gái mảnh mai, tóc vàng. Tâm trí Kya căng ra trong cố gắng giải thích chuyện này, ngay cả khi chân cô cứ tự động đi tới. Cô chưa bao giờ lại gần cậu khi cậu có mặt cùng người khác hoặc ở trong thị

trấn, nhưng ngoài việc nhảy xuống biển thì chẳng cách nào tránh họ được.

Chase và bạn cậu cùng lúc quay lại nhìn cô, và ngay lúc đó cậu buông cánh tay khoác vai cô kia xuống. Kya đang mặc quần áo trắng, làm nổi bật cặp chân dài. Một bím tóc đen nhánh buông trên mỗi bên ngực. Nhóm bạn ngừng nói chuyện và nhìn cô chòng chọc. Việc biết rằng mình không thể chạy lại chỗ Chase thiêu đốt tim cô với sự sai trái của mọi thứ.

Khi cô đi hết bên thuyền, tới chỗ họ đứng, cậu lên tiếng, “Ồ, Kya, chào.”

Nhìn từ cậu sang mấy người khác, Kya đáp, “Chào, Chase.”

Cô nghe cậu nói, “Kya, em vẫn nhớ Brian, và Tim, Pearl, Tina.” Cậu kê nhanh vài cái tên nữa cho đến khi giọng nhỏ lại. Quay sang Kya, cậu bảo, “Và đây là Kya Clark.”

Dĩ nhiên, cô không nhớ họ; cô chưa bao giờ được giới thiệu với họ. Chỉ biết bọn họ là Cao-gầy-tóc-vàng và phần còn lại của nhóm. Cô cảm thấy mình như đùm rong biển bị lôi bằng dây câu nhưng vẫn xoay xở để cười và thốt lời chào. Đây là cơ hội mà cô hằng trông đợi. Cô đang đứng giữa những người bạn mà cô vẫn muốn nhập hội. Tâm trí cô vật lộn tìm từ, một thứ gì đó thông minh để làm họ có hứng thú. Cuối cùng, hai người trong bọn chào cô lạnh nhạt và đột ngột quay đi, những người khác nhanh chóng theo sau như bầy cá tuế vỗ vây lội xuôi con phố.

“Chà, vậy là chúng ta ở đây rồi,” Chase nói.

“Em không muốn cắt ngang chuyện gì cả. Em chỉ tới mua đồ rồi về nhà.”

“Em không cắt ngang gì hết. Anh chỉ tình cờ gặp họ. Anh sẽ ra ngoài vào Chủ nhật, như anh đã nói.”

Chase chuyển trọng lượng sang chân khác, mân mê sợi dây chuyền vỏ sò.

“Hôm đó em sẽ gặp anh,” cô hẹn, nhưng cậu đã quay đi đuổi theo mấy người kia. Cô bước vội về phía chợ, vòng tránh một bầy vịt cổ xanh lon ton dọc Phố Main, bàn chân sáng màu của chúng cam rực bất ngờ trên mặt đường xám xịt. Trong tiệm Piggly Wiggly, đẩy hình ảnh Chase và cô tóc vàng ra khỏi tâm trí, Kya vòng qua chỗ cuối dãy bánh mì và thấy người phụ nữ bắt trẻ trốn học, bà Culpepper, cách mình chỉ bốn bước. Họ đứng đó như một con thỏ và sói đồng cỏ kẹt trong cùng một cái rào sắt. Kya giờ cao hơn bà và có học hơn nhiều, mặc dù cả hai chưa từng nghĩ sẽ có chuyện đó. Sau tất cả những lần trốn chạy, Kya lại muốn chạy đi nhưng quyết không lùi bước và đáp lại cái nhìn của bà. Người phụ nữ khẽ gật đầu rồi đi tiếp.

Kya tìm thấy vài món để ăn khi đã ngoài – phô mai, bánh mì Pháp cùng nguyên liệu làm bánh – và tiêu hết số tiền cô dành dụm cho dịp này. Nhưng dường như có cánh tay ai khác đã cầm chúng và cho vào xe đẩy. Tất cả những gì cô thấy là cánh tay Chase gác lên vai cô gái kia. Cô mua một tờ báo địa phương vì tiêu đề nhắc tới một phòng thí nghiệm hải dương sắp mở trên bờ biển gần đó.

Khi đã ra khỏi cửa tiệm, đầu cúi xuống, cô gấp gáp chạy như một con chuột ăn trộm tới bến thuyền. Trở lại lán nhà, cô ngã vào bàn bếp để đọc mẩu tin về phòng thí nghiệm. Đúng thế, một cơ sở khoa học hoành tráng đang được xây dựng cách Vũng Barkley hai mươi dặm, gần Sea Oaks. Các nhà khoa học sẽ nghiên cứu hệ sinh thái đồng lầy, là cái góp phần duy trì sự sống của gần một nửa sinh vật biển bằng cách này hay cách khác, và...

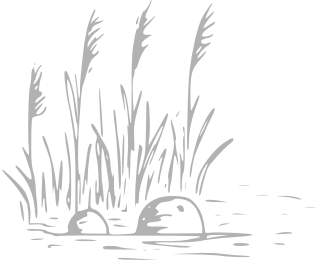
Kya lật trang sau để đọc tiếp câu chuyện, và lù lù đó là một bức ảnh

lớn của Chase và một cô gái in trên thông báo đính hôn giữa hai nhà: *Andrews – Stone*. Một loạt từ ngữ dính chùm tuôn ra, rồi tiếng nước nổ, và cuối cùng là những nhịp thở hỗn hển. Cô đứng dậy, nhìn tờ báo từ xa. Cần nó lên lại để xem – chắc chắn cô đã tưởng tượng vớ vẩn. Và họ ở đó, hai gương mặt kề sát, mỉm cười. Cô gái, Pearl Stone, xinh đẹp, vẻ ngoài giàu có, với sợi dây chuyền ngọc trai và chiếc áo ren. Cái cô mà cậu đã khoác vai. *Luôn-đeo-ngọc-trai*.

Vịn lên tường, Kya lần ra hiên và đổ ụp xuống giường, tay che miệng. Rồi cô nghe tiếng động cơ. Vội vã, cô bật dậy nhìn ra phá, và thấy Chase đưa thuyền vào bờ.

Lẹ như một con chuột lủi khỏi chiếc hộp không nắp đây, cô lén ra cửa hiên trước khi cậu trông thấy và chạy xa khỏi phá nước vào rừng. Ngồi thụp xuống sau đám cọ lùn, cô quan sát khi cậu đi vào trong lán, gọi cô. Cậu sẽ thấy bài báo trải trên bàn bếp. Vài phút sau, cậu trở ra và bước về bờ biển, đoán rằng mình sẽ thấy cô ở đó.

Cô không nhúc nhích, ngay cả khi cậu trở lại, vẫn gọi lớn tên cô. Chỉ khi cậu lái đi cô mới bước ra từ lùm cọ. Thẩn thờ, cô lấy thức ăn cho lũ mòng biển và hướng theo mặt trời ra bờ cát. Một luồng gió mạnh thốc dọc lối đi, nên khi ra bãi biển rộng, ít nhất cô cũng có thể nương vào cơn gió. Cô gọi lũ mòng biển và ném những mẫu bánh Pháp rõ to lên không trung. Rồi phun ra tiếng rủa còn gắt hơn và dữ hơn luồng gió.



Dòng chảy xa bờ

1967

Từ bờ cát, Kya chạy tới chỗ để thuyền và rồ máy hết tốc lực ra biển, hướng thẳng tới dòng chảy xa bờ. Giữ đầu ngả về sau, cô gào lên, “Đồ xấu xa, CHẾT TIỆT... THẮNG KHỐN!” Những con sóng vật vờ và hỗn loạn giật mũi thuyền xoay ngang, giằng co với cần lái. Như mọi khi, đại dương có vẻ giận dữ hơn thường lệ. Sâu hơn, nó có nhiều điều để nói hơn.

Từ lâu, Kya đã học cách đọc những dòng nước bình thường với dòng chảy xa bờ; làm sao để cưỡi chúng vượt ra hoặc vùng thoát bằng cách cắt vuông góc hướng chảy. Nhưng cô chưa bao giờ lao thẳng tới những dòng nước sâu hơn, một số được khuấy động bởi chính Hải lưu Gulf Stream, vốn lao đi với lưu lượng hơn một trăm nghìn mét khối mỗi giây, nhiều năng lượng hơn hết thảy những dòng sông trên đất liền toàn cầu cộng lại – tất cả tuôn trào ngay ngoài cánh tay dang rộng của bờ Bắc Carolina. Sóng cồn tạo ra những dòng chảy lui, vòng xoáy xiết và dòng nghịch đảo tàn nhẫn cuộn xoáy cùng những dòng nước rút xa bờ, tạo thành một trong những hố rần hiềm ác nhất đại dương Trái đất. Kya đã tránh những chỗ như vậy cả đời mình, nhưng không phải lúc này. Hôm nay, cô nhắm thẳng vào cỗ họng của chúng, sẵn sàng làm bất cứ thứ gì để chạy thoát nỗi đau và cơn giận.

Nước sôi trào đầy về phía cô, dâng lên dưới mũi thuyền và giật chiếc

thuyền sang phải. Nó nhô lên nặng nề rồi hạ xuống lại. Cô bị kéo vào một dòng chảy dữ tợn, nó mang cô đi nhanh hơn. Quay ra khỏi đó có vẻ quá liều mạng nên cô cố gắng lái theo dòng nước, trông chừng bãi cạn, thường tạo thành những chướng ngại liên tục chuyển dời dưới bề mặt nước. Một cái đụng chéch có thể lật thuyền.

Sóng vỗ trên lưng cô, dội ướt đầm mái tóc. Mây đen ào ạt ruổi qua đầu, chặn hết ánh nắng và xóa nhòa tín hiệu báo xoáy nước cùng dòng chảy dữ. Hút hết hơi ấm của ngày.

Thế mà nỗi sợ vẫn lẩn tránh cô, ngay cả khi cô ước mong được sợ đến cuống cuồng, bất cứ thứ gì để đánh bật lưỡi dao cắm vào tim.

Đột nhiên, thớ nước tối tăm xáo động của dòng chảy chuyển hướng, và con thuyền nhỏ xoay qua phải, một bên mạn chồm lên. Lực của nó hất cô xuống lòng thuyền, nước biển tấp lên cô. Choáng váng, cô ngổ trong nước, chuẩn bị tinh thần chờ con sóng đập kế tiếp.

Dĩ nhiên, cô còn xa mới tới Hải lưu Gulf Stream thực thụ. Đây chỉ là trại huấn luyện, là sân chơi cho đại dương dữ dội kia. Nhưng với riêng Kya, cô đã mạo hiểm dẫn thân vào vùng nước dữ và quyết tâm vượt thoát. Thắng được một cái gì đó. Giết chết nỗi đau.

Đã mất hết mọi cảm giác về sự cân đối và quy luật, sóng biển màu đá xám vỗ ra từ mọi góc. Cô kéo mình ngổ vào ghế trở lại và cặm cặm lái, nhưng chẳng biết lái đi đâu. Đất liền chỉ còn là đường kẻ xa xa, thỉnh thoảng ló ra giữa những ngọn sóng bạc đầu. Cứ hễ Kya vừa thoáng thấy mặt đất vững chãi là chiếc thuyền lại xoay lắc, ngã nghiêng và cô mất dấu nó. Cô đã rất chắc chắn về việc cưỡi trên dòng chảy, nhưng cơ bắp cuộn cuộn của nó nổi lên, lôi cô xa hơn vào đại dương hung dữ, tối sầm. Những đám mây dãn lại và sà thấp, che khuất mặt trời. Người ướt sũng, cô run

rầy khi năng lượng cạn dần, làm cho việc leo lái càng thêm khó. Cô không mang dụng cụ nào phòng thời tiết xấu, không nước, không một mẫu đồ ăn.

Cuối cùng nỗi sợ cũng tới. Từ một nơi thăm sâu hơn biển cả. Nỗi sợ vì biết mình sẽ lại đơn độc giữa đời. Chắc hẳn là mãi mãi. Một bản án chung thân. Những tiếng hỗn hển đáng sợ thoát ra từ cổ họng cô khi chiếc thuyền nghiêng đi và lắc qua bên mạn. Lật nghiêng một cách nguy hiểm với từng đợt sóng.

Đến lúc này mười lăm phân nước lênh bênh bọt trắng đã phủ lấp đáy thuyền, thiêu đốt bàn chân trần của cô với cái buốt giá của nó. Biển và mây đánh bại hơi ấm mùa xuân mới nhanh chóng làm sao. Khoanh một tay ôm ngực, cô cố gắng làm ấm cho mình khi yếu ớt lái thuyền bằng tay còn lại, không chống trả con nước, chỉ nương theo nó mà đi.

Cuối cùng, mặt nước cũng bình tĩnh lại, và mặc dù dòng chảy đã cuốn cô theo mục đích của nó, đại dương không còn sôi sục vẫy vùng. Phía trước cô thấy một bãi cạn dài nhỏ, áng chừng ba mươi mét, lấp lánh nước biển và vỏ sò ứt. Chống lại sức mạnh của luồng nước dưới, canh đúng lúc, Kya bẻ cần lái và trượt ra khỏi dòng chảy. Cô lái vòng tới phía dưới gió của bãi cạn và trong vùng nước êm hơn, thuyền cô trượt lên bờ cát nhẹ như một nụ hôn đầu. Cô bước lên dải đất hẹp và đổ sụp xuống cát. Nằm ngửa ra và cảm nhận đất vững chãi dưới thân mình.

Cô biết đi đâu cô thương tiếc chẳng phải Chase, mà là một cuộc đời định nghĩa bằng những lời từ chối. Khi bầu trời và những đám mây vật lộn trên đầu, cô cất tiếng nói to, “Mình phải sống một mình. Nhưng mình đã biết. Mình đã biết từ lâu là con người không ở lại bên nhau.”

Không phải tình cờ mà Chase tinh ranh nhắc tới hôn nhân làm mồi nhử, lập tức đưa cô lên giường rồi bỏ cô tới với cô gái khác. Qua tìm hiểu,

cô đã biết con đực có thói lẳng nhăng, vậy sao cô lại đổ trước gã trai này? Chiếc thuyền cao tốc của cậu ta cũng giống như cái cổ phồng lên và bộ sừng ngoại cỡ của một con hươu đực đến kỳ động dục: những món phụ kiện để đánh đuổi con đực khác và thu hút hết con cái nọ tới con cái kia. Vậy mà cô lại bị lừa bởi cùng trò bịp bợm như má: *những gã bạn tình lấu cá*. Ba đã nói với má những lời dối gian chi; đã đưa bà tới những nhà hàng sang trọng nào trước khi tiễn cận kiết và ông đưa bà về lãnh địa thực sự của mình – một cái lán đầm lầy? Có lẽ tình yêu tốt nhất nên để nguyên là một cánh đồng chưa gieo hạt.

Cất giọng, cô đọc to một bài thơ của Amanda Hamilton:

Tôi phải rời xa thôi. Để anh đi.

Tình yêu vẫn thường

Là lời đáp cho việc ở lại.

Hiếm khi là lý do

Để ra đi.

Tôi buông dây

Nhìn anh trôi xa mãi.

Lâu nay

Anh hằng nghĩ

Dòng chảy rực lửa

Của bầu ngực người tình

Lôi anh xuống nước sâu.

Nhưng chính con nước tìm tôi

Thả anh đi

Dạt trôi

Cùng rong biển.

Mặt trời yếu ớt tìm được khoảng trống giữa những đám mây trĩu nặng và chạm lên bãi cạn. Kya nhìn quanh. Dòng chảy, vòng quét lớn của đại dương, và dải cát này đã thông đồng với nhau tạo thành một tấm lưới tinh vi, bởi vì khắp xung quanh cô đang rải rác bộ sưu tập vỏ sò kỳ diệu nhất mà cô từng thấy. Góc xéo của bãi cạn và dòng chảy nhẹ nhàng của nó đón lấy vỏ sò ở dưới gió và khê khàng trải chúng lên bờ cát nguyên lành. Cô phát hiện vài chiếc hiếm thấy và nhiều loại cô yêu thích nhất, nguyên vẹn và ánh lên như ngọc, vẫn còn lấp lánh.

Đi qua giữa chúng, Kya chọn những chiếc vỏ quý nhất và gom thành một đồng. Cô lật úp thuyền, trút hết nước ra và xếp chúng dọc sườn ngang của sàn thuyền. Rồi để tính đường đi về, cô đứng thẳng dậy và xem xét mặt biển. Cô đọc con nước và với những gì đã học được từ bãi vỏ sò, quyết định sẽ xuất phát từ phía dưới gió và đi thẳng về đất liền từ đây. Tránh thật xa dòng chảy mạnh nhất.

Khi đẩy thuyền ra khơi, cô biết sẽ chẳng bao giờ có ai thấy lại bãi cạn này lần nữa. Những yếu tố của tự nhiên đã tạo ra một nụ cười thoáng qua bằng cát, một nụ cười luôn dịch chuyển, xếp chênh chênh gọn gàng. Con sóng tiếp theo, dòng chảy tiếp theo sẽ thiết kế nên một bãi cạn khác, và một bãi cạn khác nữa, nhưng chẳng bao giờ là bãi cạn này. Không phải cái đã đón lấy cô. Cái đã dạy cô đôi đi đâu chưa biết.

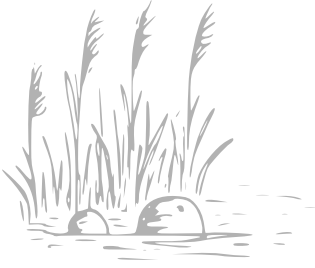
Lát sau, lang thang trên bờ biển của mình, cô nhắm đọc một bài thơ cô

thích nhất của Amanda Hamilton.

*Trăng phai dần, dỗi theo
Bước chân tôi
Qua vùng sáng chưa vỡ ra
Bởi bóng đen của đất,
Và chia sẻ cùng tôi
Cảm giác mát rượi
Từ bờ vai thỉnh lặng.
Chỉ có trăng biết được
Làm thế nào một đầu của khoảnh khắc
Bị kéo dài bởi đơn côi
Ra hàng dặm xa xôi
Đến tận rìa còn lại,
Và có bao nhiêu bầu trời
Trong một hơi thở thôi
Khi thời gian trượt lui
Từ bờ cát.*

Nếu có ai hiểu được sự cô độc thì đó chính là mặt trăng.

Trôi về lại với chu kỳ đoán được của lũ nòng nọc và điệu ba lê của bầy đom đóm, Kya dần sâu hơn vào chốn hoang dã không lời. Tự nhiên có vẻ là hòn đá duy nhất sẽ không trượt đi giữa dòng nước chảy.



Quyển sách

1968

Hộp thư rỉ sét, gắn trên cây cột do ba chạt cây đẽo thành, đứng ở cuối con đường không tên không tuổi. Những lá thư duy nhất Kya nhận được là thư gửi cho toàn thể cư dân. Cô không có hóa đơn để trả, không có mấy cô bạn gái hay bà dì già để gửi những dòng vợ vắn ngọt ngào. Ngoại trừ lá thư duy nhất của má nhiều năm trước, hộp thư của cô là thứ có cũng được mà không cũng chẳng sao, và thỉnh thoảng suốt mấy tuần liền cô chẳng buồn dọn thư trong đó.

Nhưng vào năm thứ hai mươi hai của Kya, hơn một năm sau khi Chase và Pearl thông báo tin đính hôn của họ, ngày nào cô cũng bước trên con đường cát bỏng giộp dưới cái nóng, đến hộp thư của mình và nhìn vào bên trong. Cuối cùng một sáng kia, cô tìm thấy một phong bì giấy manila dày cộm và trút vật bên trong vào tay mình – một bản in trước khi xuất bản của cuốn *Những chiếc vỏ sò trên bờ biển phía đông*, của Catherine Danielle Clark. Cô hít vào, chẳng có ai để khoe nó cả.

Ngồi trên bờ biển, cô xem từng trang một. Khi Kya viết thư cho nhà xuất bản sau lần đầu Tate liên hệ và gửi thêm tranh, họ đã gửi cô một hợp đồng qua thư trả lời. Vì tất cả tranh vẽ và ghi chú của cô cho mỗi vỏ sò đã hoàn tất nhiều năm trước, biên tập viên của cô, ông Robert Foster, đã báo cô rằng quyển sách sẽ được xuất bản trong thời gian kỷ lục và tập thứ hai

về các loài chim cũng sẽ sớm ra theo. Ông gửi kèm tiền trả trước là năm ngàn đô-la. Ba sẽ vấp trên cái chân khoèo của ông và làm đổ túi rượu.

Nằm trong tay cô lúc này, bản hoàn chỉnh – mỗi nét cọ, mỗi màu sắc mà cô lựa chọn sau bao cân nhắc, mỗi con chữ về lịch sử tự nhiên – đã in thành sách. Có cả tranh vẽ con vật bên trong – chúng ăn, di chuyển và kết đôi thế nào – bởi vì mọi người thường quên có những sinh vật sống trong lớp vỏ.

Cô chạm lên từng trang giấy và nhớ lại mỗi vỏ sò cùng câu chuyện về cách mình tìm được nó, nơi nó nằm trên bờ biển, bấy giờ là mùa nào và mặt trời mọc ra sao. Một quyển album gia đình.

Trong những tháng tiếp theo, suốt dọc bờ biển Bắc Carolina, Nam Carolina, Georgia, Virginia và New England, những tiệm quà lưu niệm và hiệu sách bày sách của cô lên cửa sổ hoặc bàn trưng bày của họ. Tiền bản quyền cứ sáu tháng một lần sẽ đến, họ nói, và mỗi lần có thể được khoảng vài ngàn đô-la.

Ngồi tại bàn bếp, cô soạn một lá thư cảm ơn Tate, nhưng khi đọc qua một lượt, tim cô ngừng lại. Một lá thư dường như không đủ. Vì lòng tốt của cậu, tình yêu cô dành cho đồng nghiệp giờ có thể trở thành công việc và tác phẩm của đời cô. Trở thành chính cuộc đời cô. Mỗi chiếc lông vũ, vỏ sò hay chú côn trùng cô thu thập có thể được chia sẻ với mọi người, và cô không bao giờ phải bối bừa để kiếm cái ăn nữa. Có lẽ không cần phải ăn cháo bột ngô mỗi ngày.

Jumpin' cho cô biết Tate đang làm nhà sinh thái học tại viện khoa học

và phòng thí nghiệm mới gần Sea Oaks, họ đã cấp cho cậu một con thuyền nghiên cứu bảnh hơn. Thỉnh thoảng, cô thấy cậu ở đằng xa, nhưng tránh hẳn.

Cô thêm một dòng vào cuối lá thư: “Nếu có lúc nào tới gần nhà em, anh hãy ghé qua. Em muốn tặng anh một quyển sách,” và gửi tới cậu ở địa chỉ phòng thí nghiệm.

Tuần tiếp theo cô thuê một người thợ sửa chữa, Jerry, người này lắp đặt hệ thống dẫn nước, máy nước nóng và một nhà tắm đầy đủ có bồn tắm chân vịt ở phòng ngủ sau nhà. Ông đặt một chậu rửa trên tủ bếp lát gạch và lắp một bồn cầu dội nước. Điện được mang vào nhà, và Jerry thêm vào một bếp lò cùng một tủ lạnh mới. Kya khẳng khẳng giữ lò sưởi cũ với củi chất đống bên cạnh bởi nó sưởi ấm lán nhà, nhưng chủ yếu là vì nó đã nướng cả ngàn chiếc bánh từ trái tim má. Lỡ như má trở về mà bếp của bà đã mất thì sao? Jerry làm tủ bếp bằng lõi gỗ thông, gắn một cửa trước mới, căng lưới mới cho hiên, và đóng kệ cao từ sàn đến trần cho cô để các mẫu vật. Cô đặt mua một ghế sofa, vài cái ghế, giường, nệm và thảm từ hiệu Sears, Roebuck nhưng vẫn giữ bàn bếp cũ. Và giờ cô đã có một tủ đồ thực sự để cất giữ vài món đồ kỷ niệm – một tủ lưu niệm cho gia đình tan vỡ của mình.

Như trước đây, cái lán đứng trơ mặt ngoài không sơn phủ, ván gỗ thông bọt bọt cùng mái thiếc xám xịt và thẫm màu rỉ sét, được chạm khẽ bởi những chùm không khí tóc tiên rủ xuống từ tán sồi trên đầu. Ít ộp ộp hơn, nhưng vẫn đan vào thớ sợi của đồng lầy. Kya tiếp tục ngủ ngoài hiên, trừ những ngày đông lạnh nhất. Nhưng giờ cô đã có một cái giường.

Một buổi sáng, Jumpin' báo Kya rằng nhiều chủ đầu tư xây dựng đang đến vùng này, mang theo kế hoạch to lớn là rút cạn "đầm lầy đục ngầu" và xây khách sạn. Trong năm qua, thỉnh thoảng cô đã thấy những cỗ máy lớn trong một tuần chặt sạch cả cụm rừng sồi, rồi đào kênh để tháo nước. Khi xong việc, chúng chuyển sang chỗ mới, để lại những dải đất khô khát cứng còng. Rõ ràng, đám người này chưa từng đọc sách của Aldo Leopold.

Một bài thơ của Amanda Hamilton đã nói rất rõ.

Có hai đứa trẻ

Nhìn nhau yêu thương

Chúng lớn lên cùng

Chia từng tâm sự

Như chim lên cánh

Như lá lên cành

Một đứa ra đi

Còn lại đứa trẻ

Hoang dã, đau rồi

Kya không biết gia đình mình sở hữu mảnh đất này hay chỉ chiếm dụng nó bất hợp pháp, như hầu hết dân cư đồng lầy bốn thế kỷ nay. Bao năm qua, để tìm kiếm manh mối về chỗ ở của má, cô đã đọc hết từng mẫu giấy trong nhà và chưa bao giờ thấy thứ gì như chứng từ nhà đất cả.

Ngay khi về nhà từ chỗ Jumpin', cô quấn cuốn Kinh thánh cũ nhà mình vào một miếng vải và đem nó tới tòa án Vung Barkley. Thư ký của

hạt, một ông tóc bạc có vầng trán không lồ và bờ vai nhỏ xíu, lấy ra một cuốn sổ sách bọc da, vài cái bản đồ và mấy tấm ảnh chụp trên không, rồi trải hết tất cả ra bàn rộng. Lướt ngón tay trên bản đồ, Kya chỉ ra phá nước của cô và khoanh vùng gần đúng đường ranh giới chỗ mà cô nghĩ là đất của mình. Thư ký kiểm tra số tham chiếu và tìm chứng từ trong một tủ hồ sơ bằng gỗ cũ kỹ.

“À phải, nó *tây* rồi,” ông nói. “Nó đã được khảo sát hợp thức và được mua vào năm 1897 bởi một ông Napier Clark.”

“Đó là ông nội tôi,” Kya đáp. Cô lật những trang Kinh thánh mỏng, và ở đó giữa các ghi chú ngày sinh và ngày mất, là một ông Napier Murphy Clark. Thật là một cái tên uy nghiêm trang trọng. Giống như tên anh cô. Cô bảo viên thư ký rằng ba mình đã chết, một điều rất có thể là sự thật.

“Nó chưa bao giờ được bán. Thế nên đúng vậy, tóc đuôi cộc, tôi nghĩ là nó thuộc *dê* cô. Nhưng tôi *ê* là phải báo cô, có vài khoản thuế còn thiếu nợ, cô Clark, và để giữ miếng đất cô phải nộp thuế. Thực ra, thừa cô, theo luật thì bất cứ ai tới trả hết thuế thì sẽ sở hữu miếng đất, dù họ chả có chứng từ.”

“Bao nhiêu?” Kya chưa mở tài khoản ngân hàng, và toàn bộ số tiền mặt cô có sau khi sửa sang nhà, khoảng ba ngàn đô-la, đều đang nằm trong ba lô. Nhưng họ hẳn đang nói về bốn mươi năm tiền thuế – hàng ngàn hàng ngàn đô.

“Hừm, để coi. Nó được kê vào ‘*một* đất hoang’, nên thuế cho *hầu* *hếch* mấy năm đó là khoảng năm đô. Để xem nào, ta phải tính *đả*.” Ông bước tới một cái máy cộng cộng *ề*nh và nặng nề, bấm các phím số, và sau mỗi lượt nhập lại gạt tay quay, tạo ra âm thanh lạo xạo như thể nó thực sự đang cộng gộp.

“Có vẻ tổng cộng là *khỏn* tám *chăm* đô-la – sau đó cô sẽ sở hữu hoàn toàn miếng đất.”

Kya bước ra khỏi tòa án với chứng từ đầy đủ đứng tên cô cho ba trăm mười mẫu phá nước ngọt xanh, đồng lầy lấp lánh, rừng sồi và một bãi biển riêng trải dài dọc bờ Bắc Carolina. “*Một* đất hoang. Đồng lầy ngâu đục.”

Chạy trở vào phá nước của mình lúc hoàng hôn, cô lên tiếng nhủ với con diệc quen. “Ồn r ồi. Chỗ đó là của mày đấy.”

Giữa trưa hôm sau, một mẫu thư Tate gửi nằm trong hộp thư của Kya, một việc có vẻ lạ lùng và khá nghiêm trang vì trước đây cậu chỉ để lại thư cho cô trên gốc cây lông vũ. Cậu cảm ơn cô vì lời mời ghé chỗ cô nhận sách và thêm rằng cậu sẽ tới ngay hôm đó, trong chiều.

Cần một trong sáu cuốn sách nhà xuất bản gửi biếu, cô chờ trên gốc cây học đọc cũ. Sau khoảng hai mươi phút, cô nghe tiếng chiếc thuyền cũ của Tate xịch xịch chạy vào con kênh nhỏ và đứng dậy chờ. Khi cậu trượt vào tầm mắt từ dưới những bụi cây thấp tè, họ vẫy tay và cười nhẹ. Cả hai đều cảnh giác. Lần cuối cùng cậu ghé vào đây, cô đã chọi đá vào mặt cậu.

Sau khi buộc thuyền, Tate bước lại gần cô. “Kya, sách của em là một kỳ quan.” Cậu hơi nghiêng về phía trước, như thể để ôm cô, nhưng lớp vỏ chai sạn của trái tim ngăn cô lại.

Thay vào đó, cô đưa cậu cuốn sách. “Đây, Tate. Quyển này tặng anh.”

“Cảm ơn, Kya,” cậu nói khi mở sách và lật ra xem. Cậu không kể rằng tất nhiên, cậu đã mua một cuốn từ Kệ sách Sea Oaks và thán phục,

ngõ ngang trước từng trang giấy. “Chưa bao giờ có cái gì như thế này được xuất bản. Anh chắc rằng đây chỉ mới là khởi đầu cho em.”

Cô chỉ cúi đầu và mỉm cười nhẹ.

Rồi, lật sang trang tựa đề, cậu nói, “Ô, em vẫn chưa ký nó. Em phải đề tặng cho anh nhé. Làm ơn.”

Cô ngẩng phắt lên nhìn cậu. Chưa hề nghĩ về việc đó. Cô có thể viết những lời gì cho Tate?

Cậu lấy một cây bút bi ra từ túi quần jean và đặt nó vào tay cô.

Cô đón lấy rồi sau vài giây, đã viết:

Dành tặng Chàng trai Long vũ

Cảm ơn anh

Từ Cô gái Đồng lân

Tate đọc những dòng chữ đó, rồi quay đi, nhìn ra xa về phía bên kia đồng lân vì cậu không thể ôm cô nữa. Cuối cùng, cậu cầm tay cô và siết chặt nó.

“Cảm ơn em, Kya.”

“Là anh, nhờ anh đó, Tate à,” cô đáp và thầm nghĩ, *Vẫn luôn là anh* đó. Một nửa trái tim cô khao khát, một nửa lại che chắn, đề phòng.

Cậu đứng đó một phút, rồi khi cô không nói gì thêm, cậu quay đi. Nhưng khi bước lên thuyền, cậu mở lời, “Kya, khi em thấy anh giữa đồng lân, xin đừng lẫn trốn trong cỏ như một chú hươu bị người trông thấy. Hãy cứ gọi anh và chúng ta có thể cùng nhau khám phá. Được không em?”

“Cũng được.”

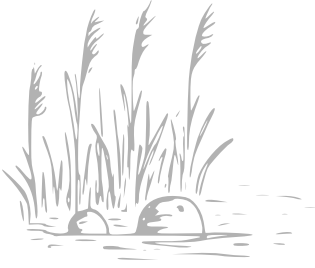
“Cảm ơn em lần nữa vì quyền sách.”

“Tạm biệt, Tate.” Cô dõi theo cho đến khi cậu biến mất sau bụi cây

rồi thì, “Mình có thể ít nhất là mời anh ấy vào lán uống trà. Vậy cũng đâu hại gì. Mình có thể là bạn của anh ấy.” Rồi với niềm kiêu hãnh hiếm thấy, cô nghĩ về quyền sách của cô. “Mình có thể là đồng nghiệp của anh ấy.”

Một giờ sau khi Tate rời đi, Kya lái thuyền tới bến Jumpin’, một cuốn sách khác nhét trong ba lô bên mình. Khi tới gần, cô thấy ông đang tựa lên bức tường của cửa hàng bạc màu vì sương gió. Ông đứng dậy và vẫy chào cô, nhưng cô không vẫy lại. Biết rằng có chuyện gì khang khác, ông lặng lẽ đợi trong khi cô buộc thuyền. Cô bước đến trước ông, cầm tay ông lên và đặt cuốn sách vào lòng bàn tay đó. Thoạt đầu ông không hiểu, nhưng cô chỉ vào tên mình và nói rõ, “Giờ cháu ổn rồi, Jumpin’. Cảm ơn ông và cảm ơn bà Mabel vì tất cả những gì ông bà đã làm cho cháu.”

Ông nhìn cô. Ở một thời điểm khác và một nơi chốn khác, một ông già da đen và một cô gái trẻ da trắng có thể ôm nhau. Nhưng không phải ở đó, không phải lúc này. Cô nắm trọn bàn tay ông bằng hai tay, rồi quay lưng, lái thuyền đi. Đó là lần đầu tiên cô thấy ông chẳng nói nên lời. Cô tiếp tục mua xăng và đồ dùng từ chỗ ông, nhưng không bao giờ nhận đồ của họ nữa. Và mỗi lần đến bến Jumpin’, cô luôn thấy quyền sách của mình được gác lên cửa sổ nhỏ xíu để mọi người đều trông thấy. Như một người cha sẽ khoe nó vậy.



Chứng cứ ngoại phạm

1969

Những đám mây đen sà thấp ùn ùn đua qua mặt biển màu thép về phía Vũng Barkley. Gió ập tới đầu tiên, rung cửa sổ lạch cạch điên cuồng và ném từng đợt sóng lên cầu tàu thị trấn. Những chiếc thuyền, đang cột vào bến, dập dềnh lên xuống như mấy món đồ chơi nhỏ, trong khi những người đàn ông khoác áo mưa vàng lảng xảng cột dây này dây nọ, cố định thật chặt. Rồi cơn mưa chênch chênh dội xuống làng họ, xóa mờ mọi thứ trừ bóng vàng quái lạ cứ di chuyển trong màn xám loang quanh.

Gió rít qua cửa sổ phòng cảnh sát trưởng, và ông nói to. “VẬY, Joe, anh có chuyện gì muốn nói tôi hả?”

“Đúng vậy. Tôi tìm hiểu được cô Clark sẽ khẳng định mình đã ở đâu vào đêm Chase chết.”

“Sao? Cuối cùng anh cũng bắt kịp cô ta rồi à?”

“Anh *giờn* hả? Cô ta trơn *tuộc* hơn cả một lươn khốn kiếp. Cứ trốn mất *mỗi* lần tôi tới gần. Thế nên sáng nay tôi lái tới chỗ bến Jumpin’ để xem ông có biết chừng nào cô ta ghé lại không. Cô ta cũng *pải* tới đó mua xăng như ai, nên tôi nghĩ sớm muộn cũng tóm được cô ả. Anh không tin nổi tôi phát hiện được gì đâu.”

“Nói đi.”

“Tôi có hai ngu ần tin đáng tin cậy nói rằng cô ta đã đi khỏi thị trấn tối đó.”

“Cái gì? Ai cơ? Cô ta có bao giờ ra khỏi thị trấn đâu, và nếu có đi nữa thì ai mà biết được?”

“Anh nhớ Tate Walker không? Giờ là Tiến sĩ Walker. Làm việc tại phòng thí nghiệm sinh thái mới đó.”

“Ừ, tôi biết cậu ta. Cha cậu ta là người câu tôm. Scupper Walker.”

“Chà, Tate nói rằng cậu ta biết Kya – gọi cô ta là Kya – khá thân khi họ còn trẻ.”

“Ồ?”

“Không phải kiểu đó. H ồi trước họ là con nít mà. Tate đã dạy cô ta biết đọc, có vẻ thế.”

“Cậu ta tự nói với anh hả?”

“Ừ. Lúc đó cậu ta đang ở chỗ Jumpin’. Tôi hỏi Jumpin’ xem ông có biết ở đâu và bằng cách nào tôi có thể gặp và hỏi Cô gái Đ ồng l ầy vài câu không. Ông trả lời là mình chẳng bao giờ biết lúc nào mới gặp cô ấy.”

“Jumpin’ xưa giờ luôn tốt với cô ta. Tôi không nghĩ ông sẽ cho chúng ta biết gì mấy.”

“Chà, tôi đã hỏi Jumpin’ có tình cờ biết cô ta làm gì vào cái đêm Chase chết không. Và ông nói thực ra ông biết, rằng cô ta đã đến chỗ ông vào *xáng* thứ hai sau khi Chase mất mạng, rằng ông là người báo tin cậu ta chết cho cô ta. Ông nói cô ta đã ở Greenville hai đêm, bao g ồm cái đêm Chase chết.”

“Greenville?”

“Jumpin’ nói vậy, r ồi Tate, vẫn đứng đó *nảy* giờ, chen vào và nói

phải, cô ta đã ở Greenville, và rằng cậu ta chính là người chỉ cô ta cách mua vé xe buýt.”

“Chà, tin đáng chú ý đấy,” cảnh sát trưởng Jackson nhận xét. “Và thật thuận tiện là họ cùng đứng đó với cùng câu chuyện giống nhau. Sao cô ta lại tới Greenville?”

“Tate kể rằng một công ty xuất bản – anh biết đấy, cô ta đã đi mà viết một cuốn sách về vỏ sò và cuốn nữa về chim biển – chà, họ trả phí cho cô ta tới đó gặp bọn họ.”

“Khó mà tưởng tượng được người ở công ty xuất bản sang trọng lại muốn gặp cô ả. Mà tôi đoán là chuyện này cũng dễ kiểm tra thôi. Tate nói gì về việc dạy đọc cho cô ta?”

“Tôi hỏi sao cậu biết cô ta. Tate nói rằng cậu *từn* đi câu gần chỗ Kya, và khi phát hiện cô ta không biết đọc, cậu đã dạy cô ta.”

“Ừm. Vậy à?”

Joe nói, “Dù sao đi nữa, chuyện này cũng thay đổi mọi thứ. Cô ta có chứng cứ ngoại phạm. Một chứng cứ tốt. Tôi phải nói ở Greenville là một chứng cứ ngoại phạm khá tốt.”

“Ừ. Trên bề mặt. Anh biết người ta nói gì về các chứng cứ ngoại phạm tốt mà. Và người câu tôm kia nói đã thấy cô ta lái thuyền thẳng về tháp phòng cháy vào đêm Chase té từ trên đó.”

“Anh ta có thể sai. Trời tối mờ. Không có mặt trăng cho đến tận hai giờ sáng. Có lẽ cô ta đã ở Greenville, và anh ta thấy một ai khác ngoài kia với chiếc thuyền trông giống thuyền cô ả.”

“Ừ, như tôi đã nói, chuyển đi tới Greenville này chắc dễ kiểm tra thôi.”

Cơn bão đã dịu thành mưa bụi rậm rì; thế nhưng thay vì đi bộ tới quán ăn, hai cảnh sát nhờ người chạy tới đó mua về thịt gà với bánh bao, đậu lima, casserole bí mùa hè, xi rô mía, và bánh mì nhỏ.

Ngay sau bữa trưa, có tiếng gõ lên cửa phòng cảnh sát trưởng. Bà Pansy Price mở cửa và bước vào trong. Joe và Ed đứng lên. Cái mũ turban của bà lấp lánh màu của hoa hồng.

“Chào buổi chiều, bà Pansy.” Cả hai cùng gật đầu.

“Buổi chiều vui vẻ, Ed. Joe. Tôi nghĩ có được không? Không mất lâu đâu. Tôi tin là mình có thông tin quan trọng liên quan tới vụ án.”

“Được chứ, dĩ nhiên. Mời bà ngồi.” Hai người đàn ông ngồi xuống ngay khi bà Pansy đặt mình lên ghế như một cô gà mái không mấy bé nhỏ, ém lông chỗ này chỗ nọ vào cho gọn gàng, túi xách chêm chệ trên đùi như một quả trứng quý giá. Cảnh sát trưởng không thể ngăn mình nói tiếp. “Và vụ án bà nói là vụ nào, bà Pansy?”

“Ôi trời, Ed. Anh biết vụ nào mà. Ai giết Chase Andrews. Vụ đó đó.”

“Chúng ta không biết có phải cậu ấy bị giết hay không, bà Pansy. Được chứ? Nào, bà có gì cho chúng tôi?”

“Như các anh đã biết, tôi là nhân viên ở Kress.” Bà không bao giờ hạ thấp địa vị của mình bằng cách gọi đầy đủ cái tên tiệm năm xu một hào. Bà chờ cảnh sát trưởng xác nhận lời bà bằng một cái gật đầu – mặc dù họ đều biết chỗ bà làm kể từ khi bà bán mấy thùng lính đồ chơi cho ông khi ông còn nhỏ – rồi mới tiếp tục. “Tôi tin rằng Cô gái Đồng lầy là một nghi can. Phải vậy chứ?”

“Ai nói bà như vậy?”

“Ồ, nhiều người tin là vậy lắm, nhưng Patti Love là nguồn tin chính của tôi.”

“Ra thế.”

“Chà, chuyện là từ tiệm Kress, tôi và vài nhân viên khác đã thấy Cô gái Đồng lầy lên và xuống xe buýt vào những ngày cho thấy cô ta không ở thị trấn vào đêm Chase chết. Tôi có thể làm chứng ngày và giờ đó.”

“Vậy à?” Joe và Ed nhìn nhau. “Là ngày nào và giờ nào vậy?”

Bà Pansy ngẩng thẳng hơn trên ghế. “Cô ta rời đi trên chuyến xe buýt 2:30 chiều 28 tháng Mười và trở về lúc 1:16 ngày 30.”

“Bà nói những người khác cũng thấy cô ta?”

“Đúng thế. Tôi có thể lấy danh sách nếu anh muốn.”

“Không cần đâu. Chúng tôi sẽ tới tiệm năm xu một hào nếu muốn lấy lời khai. Cảm ơn, bà Pansy.” Cảnh sát trưởng đứng dậy, nên bà Pansy và Joe cũng làm theo.

Bà đi ra cửa. “Được rồi, cảm ơn vì đã dành chút thời gian. Như anh nói, các anh biết tìm tôi ở đâu rồi.”

Họ nói lời tạm biệt.

Joe ngẩng xuống trở lại. “Chà, thế đấy. Xác nhận đi đầu Tate và Jumpin’ đã nói. Cô ta ở Greenville tối đó, hoặc ít nhất thì cũng đã lên xe buýt và đi khỏi đây.”

Cảnh sát trưởng thở ra một hơi dài. “Có vẻ vậy. Nhưng tôi nghĩ nếu người ta có thể đi xe buýt tới Greenville trong ngày, họ có thể bắt xe quay lại vào buổi tối. Làm việc của họ. Đón xe trở lại Greenville. Ai mà biết được.”

“Có lẽ. Nhưng suy diễn vậy thì hơi xa quá.”

“Đi lấy lịch trình xe chạy đi. Chúng ta sẽ xem thời gian có cho phép không. Liệu có thể trở lại ngay trong đêm đó.”

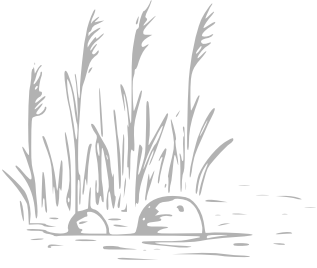
Trước khi Joe bước ra, Ed nói tiếp. “Có thể cô ta muốn mọi người trông thấy mình lên xuống xe buýt giữa ban ngày ban mặt. Nghĩ mà xem, cô ta phải làm gì đó bất thường mới có chứng cứ ngoại phạm. Khẳng định mình ở nhà một mình vào đêm Chase chết, như thường lệ, thì sẽ không có bằng chứng ngoại phạm gì. Không gì hết. Vậy nên cô ta phải lên kế hoạch làm gì đó cho nhiều người trông thấy. Tạo ra một chứng cứ ngoại phạm tuyệt vời trước mặt tất cả người dân của Phố Main. Quá tài tình.”

“Ừ, cũng có lý. Dù sao thì chúng ta cũng không phải chơi trò thám tử nữa. Ta có thể cứ ng ồi đây uống cà phê và đợi các cô các bà của thị trấn này lượn vào cho ta mọi thứ ta cần. Tôi sẽ đi lấy lịch trình xe buýt.”

Joe trở lại sau mười lăm phút.

“Chà, anh đúng đấy,” ông nói. “Nhìn đây, ta hoàn toàn có thể bắt xe buýt từ Greenville tới Vĩng Barkley rồi trở lại trong một đêm thôi. Dễ lắm, thật sự.”

“Ừ, có đủ thời gian giữa hai chuyến xe để đẩy một người xuống từ tháp phòng cháy. Tôi nghĩ chúng ta xin lệnh khám xét được rồi.”



Vết sẹo

1968

Một sáng mùa đông năm 1968, Kya ngồi tại bàn bếp, phết lên giấy những vệt màu nước cam hồng, phác họa hình dáng bụi bặm của một cây nấm. Cô đã hoàn tất cuốn sách về chim biển và đang thực hiện một cuốn hướng dẫn nhận biết các loài nấm dại. Đã có kế hoạch cho một cuốn khác về bướm với ngài.

Đậu mắt đen, hành tím và thịt muối đang được đun trong cái nồi móp cũ trên lò củi, Kya vẫn thích nó hơn cái bếp mới. Đặc biệt là vào mùa đông. Mái nhà bằng thiếc hát rì rầm dưới cơn mưa lâm thâm. Rồi đột ngột, tiếng một chiếc xe tải chạt vật lăn trên cát vọng xuống lối mòn dẫn tới lán. Ấm ảm át cả tiếng mái nhà. Nổi hốt hoảng dâng lên, cô bước tới cửa sổ và thấy một chiếc bán tải đỏ đang nặng nề lăn giữa những vết lún lầy lội.

Ý nghĩ đầu tiên của Kya là bỏ chạy, nhưng chiếc xe đã dừng lại trước hiên. Thụp xuống dưới bệ cửa sổ, cô dõi theo khi một người đàn ông mặc quân phục xanh lá xám bước xuống. Gã chỉ đứng đó, cửa xe mở hé, nhìn qua rừng cây, mắt lướt dọc theo lối mòn dẫn tới phá nước gần nhà. Rồi nhẹ nhàng đóng cửa lại, gã bước qua màn mưa tới cửa hiên và gõ lên đó.

Kya buột miệng rủa thề. Hẳn là gã này bị lạc, sẽ hỏi đường rồi vọt đi thôi, nhưng cô không muốn đối phó với gã. Cô có thể nấp hoài trong bếp, hy vọng gã bỏ đi. Nhưng rồi cô nghe gã gọi. “Này! Có ai ở nhà

không? Xin chào!”

Bực bội mà cũng tò mò, cô băng qua phòng khách mới bày biện lại để ra cửa. Người lạ, cao lớn với mái tóc đen thẫm, đang đứng trên bậc thềm đẩy cửa hiên ra, cách cô năm bước. Đồng phục của anh ta trông cứng đến nỗi có thể tự đứng được, như thể nó đang giữ chặt cả người anh ta. Ngực áo anh ta đầy huy chương chữ nhật màu mè. Nhưng đập vào mắt hơn cả là một vết sẹo đỏ sần sùi cắt đôi khuôn mặt người lạ, chạy từ tai trái và dừng lại trên miệng anh ta. Kya hít mạnh một hơi.

Ngay tức thời cô trở lại cái ngày chủ nhật Phục sinh khoảng sáu tháng trước hôm má bỏ đi mãi mãi. Hát vang bài *Rock of Ages*, Kya và má tay trong tay đi qua phòng khách vào nhà bếp, rồi nhặt lên những quả trứng đủ màu sắc sỡ họ đã sơn hồi tối hôm qua. Mấy anh chị khác của Kya đã ra ngoài câu cá, nên cô và má có thời gian đi giấu trứng, rồi cho gà và bánh vào lò. Các anh chị đã quá tuổi chơi trò săn tìm quà, nhưng họ vẫn chạy quanh sục sạo, giả vờ không thấy gì cả, rồi giờ mỗi kho báu khám phá được lên cao, phá ra cười.

Má và Kya đang ra khỏi bếp với mấy giỏ trứng cùng mớ thỏ sô-cô-la mua ở tiệm năm xu một hào thì ba vòng qua góc nhà từ hành lang bước vào.

Giật chiếc mũ Phục sinh từ trên đầu Kya và vung vẩy nó, ông gào lên với má, “*Cô kìm đau* ra tiền cho mấy *tứ* xa xỉ này hả? Mũ bon-nê với giày da bóng lộn? Mớ trứng và sô-cô-la thỏ quý hóa? Nói xem. Từ *đau* cô *kìm* ra?”

“Thôi nào, Jake, xin anh im đi. Hôm nay là lễ Phục sinh; mấy món này là cho tụi nhỏ.”

Ông đẩy má lùi lại. “*Cô đi làm điếm*, chính là vậy đấy. Đó là cách cô

kím tiền hả? Trả lời tôi ngay.” Ông nắm lấy hai cánh tay má và lắc bà mạnh đến nỗi khuôn mặt bà chùng như rung lạch cạch quanh đôi mắt, vốn vẫn đứng im và mở thật to. Trứng văng khỏi giỏ và lăn lảo đảo thành những vệt màu nhàn nhạt khắp sàn nhà.

“Ba, ngừng lại đi, xin ba!” Kya kêu lên rồi bật khóc.

Ông giờ tay tát mạnh vào má con bé. “Im miệng, thứ khóc nhè quấy quá! Cởi *hềch* mấy cái váy ngớ ngẩn và giày dép xa xỉ đó ra. Chúng là thứ đồ điếm.”

Con bé thụp xuống, bưng mặt, đuổi theo những quả trứng do má tự tay sơn phết.

“Tôi đang nói với cô đó! Cô *kím* tiền từ *đau* hả?” Ông cầm lên cái còi lửa bằng sắt ở góc phòng và đi về phía má.

Kya thét lớn hết mức và túm chặt tay ba khi ông quất cái còi lên ngực má. Máu tuôn ra trên chiếc váy hoa như những chấm bi đỏ. Rồi một cơ thể to lớn vụt xuống hành lang, Kya ngẩng nhìn thì thấy Jodie nhào tới vật ngã ba từ đằng sau, khiến cả hai đổ kềnh ra đất. Anh nó chặn giữa ba má và thét bảo Kya cùng má chạy mau, thế là họ chạy. Nhưng trước khi quay đi, Kya thấy ba vung cái còi quật ngang mặt Jodie, cầm của anh méo đi một cách đáng sợ, máu phọt ra. Cảnh đó giờ đây tái hiện trong chớp mắt trong tâm trí Kya. Hình ảnh anh cô sụm xuống sàn, nằm giữa những quả trứng tím hồng và sô-cô-la vỡ. Kya cùng má chạy qua bãi cỏ, nấp trong một bụi cây. Váy bà loang máu, bà cứ lầm bầm là không sao cả, những quả trứng không bị vỡ, và họ vẫn có thể nấu thịt gà. Kya không hiểu sao họ cứ nấp ở đó – con bé chắc rằng anh mình sắp chết, cần được giúp đỡ, nhưng nó quá sợ hãi để mà nhúc nhích. Họ chờ một lúc lâu rồi lên trở vào nhà, nhìn qua cửa sổ để biết chắc ba đã đi khỏi.

Jodie nằm lạnh ngắt trên sàn, máu chảy thành vũng quanh người cậu, và Kya òa lên rằng anh đã chết rồi. Nhưng má lay Jodie dậy và chuyển cậu lên ghế sofa, rồi ngẩng đầu vá mặt cậu lại bằng kim may của bà. Khi tất cả đã chìm vào im lặng, Kya chộp lấy cái mũ bon-nê trên sàn và ào chạy vào rừng, rồi dùng hết sức ném nó vào một bụi cỏ răng cưa.

Giờ cô nhìn thẳng vào cặp mắt của người lạ đứng ở hiên nhà và khẽ gọi, “Jodie.”

Anh mỉm cười, vết sẹo méo đi, và đáp lại, “Kya, anh đã hy vọng em có ở nhà.” Họ nhìn chăm chăm, tìm kiếm nhau trong ánh mắt đã già hơn hẳn. Jodie không thể biết anh đã ở bên cô suốt những năm tháng đó, hàng chục lần anh chỉ đường cho cô đi giữa đồng lầy, dạy cô về luân lý và đom đóm lần nữa rồi lần nữa. Hơn bất kỳ ai khác, cô đã muốn gặp lại má hoặc Jodie. Trái tim cô đã xóa đi vết sẹo và mọi nỗi đau đi cùng nó. Hèn gì mà tâm trí cô đã chôn vùi cảnh tượng nọ; hèn gì má lại bỏ đi. Bị quất lên ngực bằng một cái còi. Kya một lần nữa thấy lại vết ố đã chà phai trên chiếc váy hoa là vết máu.

Jodie muốn ôm cô, siết chặt cô trong tay, nhưng khi anh tiến về phía cô, cô cúi đầu thật thấp, hơi nghiêng sang bên trong nỗi ngại ngùng to lớn và lùi lại. Thế nên anh chỉ bước lên hiên nhà.

“Anh vào đi,” cô nói, rồi dẫn anh vào phòng khách nhỏ đầy ắp mẫu vật.

“Ồ,” Jodie thốt lên. “Phải rồi. Anh đã thấy sách của em, Kya. Anh không biết chắc có phải là em không, nhưng phải, giờ anh có thể chắc chắn. Cuốn sách tuyệt lắm.” Jodie đi lòng vòng xem bộ sưu tập, lại còn xem cả căn phòng với số đồ đạc mới, đưa mắt nhìn dọc hành lang về phía những phòng ngủ. Không muốn tọc mạch gì, chỉ đón nhận tất cả.

“Anh có muốn uống trà hay cà phê không?” Cô không biết anh tới thăm hay để ở lại. Anh cô muốn gì sau tất cả những năm qua?

“Có cà phê thì tuyệt. Cảm ơn em.”

Trong bếp, Jodie nhận ra lò sưởi cũ cạnh bên bếp ga và tủ lạnh mới. Anh khẽ vuốt lên bàn bếp cũ mà cô vẫn giữ nguyên. Với tất cả lịch sử tróc sơn của nó. Cô rót cà phê ra ly, và họ ngồi xuống.

“Vậy ra anh là một người lính.”

“Hai chuyến tới Việt Nam. Anh sẽ ở trong quân đội thêm vài tháng nữa. Họ đã đối xử tốt với anh. Trả tiền cho anh học xong đại học – kỹ sư cơ khí, Học viện Công nghệ Georgia. Việc tối thiểu anh có thể làm là ở lại một thời gian nữa.”

Georgia không xa đây lắm – Jodie có thể ghé lại sớm hơn. Nhưng giờ anh đã ở đây rồi.

“Tất cả các anh đã bỏ đi,” Kya nói. “Ba ở lại một thời gian sau anh, nhưng rồi ông cũng đi mất. Em không biết ở đâu, không biết ông còn sống hay không nữa.”

“Em ở đây một mình từ đó đến giờ ư?”

“Phải.”

“Kya, lẽ ra anh không nên để em lại với con quỷ đó. Anh đau khổ lắm, cảm thấy tồi tệ về việc đó suốt nhiều năm. Anh là một thằng hèn, một thằng hèn ngu xuẩn. Mấy cái huy chương khốn kiếp này chẳng có nghĩa lý gì.” Jodie quẹt lên ngực. “Anh đã bỏ em, một cô gái nhỏ, ở lại một mình để sinh tồn trong chốn đẫm lầy với một gã điên. Anh không mong em sẽ tha thứ cho anh, mãi mãi.”

“Jodie, không sao rồi. Lúc đó anh cũng chỉ là một đứa nhỏ. Anh có

thể làm gì chứ?”

“Anh có thể trở lại khi đã lớn hơn. Ban đầu anh chỉ cố gắng sống qua ngày trên những con hẻm Atlanta.” Jodie cười khẩy. “Anh rời khỏi đây với bảy mươi lăm xu trong túi. Chôm chúng từ số tiền ba đô trong bếp; lấy chúng mặc dù biết rằng em sẽ thiếu tiền. Anh xoay xở sống qua ngày bằng đủ thứ việc linh tinh cho đến khi quân đội nhận anh. Sau huấn luyện là thăng tới chiến tranh. Khi anh về nhà, một thời gian quá dài đã trôi qua, anh nghĩ em đã rời khỏi đây từ lâu, cũng bỏ chạy. Đó là lý do anh không viết thư; anh đăng ký trở lại quân đội như một kiểu tự trừng phạt. Cái anh đáng phải chịu vì đã bỏ lại em. Rồi sau khi tốt nghiệp Học viện Công nghệ, vài tháng trước, anh thấy sách của em trong một cửa hàng. Catherine Danielle Clark. Tim anh vỡ ra và nhảy lên mừng vui cùng lúc. Anh phải tìm gặp em – nghĩ rằng anh sẽ bắt đầu từ đây và lần theo dấu vết em.”

“Vây, giờ anh em mình ở đây rồi.” Cô mỉm cười lần đầu tiên. Ánh mắt Jodie vẫn như ngày xưa. Khuôn mặt đổi thay với những tổn thương từ cuộc sống, nhưng ánh mắt vẫn là cửa sổ mở vào cái đã từng, và cô thấy anh mình trong đó. “Jodie, em rất tiếc là anh đã lo lắng vì để lại em. Em chưa từng trách anh. Chúng ta là nạn nhân, không phải kẻ có tội.”

Jodie mỉm cười. “Cảm ơn em, Kya.” Nước mắt dâng lên, và họ cùng ngoảnh đi chỗ khác.

Cô ngập ngừng rồi nói, “Chuyện này có thể khó tin, nhưng có một thời gian, ba đã đối xử tốt với em. Ông ít uống hơn, dạy em câu cá, và ba với em đã đi thuyền ra ngoài rất nhiều lần, đi khắp đồng lầy. Nhưng rồi dĩ nhiên, ông đã uống trở lại và bỏ em tự vệ một mình.”

Jodie gật đầu. “Ừ, anh đã thấy phần đó trong con người ông một đôi lần, nhưng ông luôn trở lại với chai rượu. Ông từng nói với anh là việc đó

có liên quan tới chiến tranh. Anh đã đích thân ra trận và thấy những thứ có thể đẩy một người tìm đến rượu. Nhưng lẽ ra ông không nên trút nó lên vợ và mấy đứa con mình.”

“Còn má thì sao, các anh chị khác?” cô hỏi. “Anh có bao giờ nghe tin họ, có biết họ đã đến chỗ nào không?”

“Anh không biết gì về Murph, Mandy hay Missy. Anh sẽ không nhận ra nếu lướt ngang họ trên đường phố. Đến giờ anh nghĩ họ đã tản mác theo cơn gió. Nhưng má, Kya này, đó là một lý do khác khiến anh muốn tìm em. Có chút tin tức về má.”

“Chút tin tức? Là gì vậy? Nói em nghe đi.” Một cơn ớn lạnh chạy từ cánh tay tới đầu ngón tay Kya.

“Kya, đó không phải tin tốt. Anh chỉ mới biết hồi tuần trước. Má đã mất từ hai năm trước rồi.”

Cô gạt người lại, vùi mặt vào tay. Những tiếng rên nhỏ phát ra từ cổ họng. Jodie định ôm cô, nhưng cô tránh anh mình.

Jodie nói tiếp. “Má có một người chị, Rosemary, dì đã cố tìm chúng ta thông qua Hội Chữ Thập Đỏ khi má mất, nhưng họ không tìm được. Rồi vài tháng trước họ tìm ra anh thông qua quân đội và giúp anh liên hệ với Rosemary.”

Bằng giọng khào khào, Kya lầm bầm, “Má vẫn còn sống cho đến hai năm trước. Suốt từng ấy năm, em vẫn chờ má bước lên lối dẫn vào nhà.” Cô đứng dậy và vịn vào bồn rửa. “Tại sao má không trở lại? Tại sao không ai nói cho em biết má ở đâu? Giờ thì đã quá muộn rồi.”

Jodie bước lại gần em gái và mặc dù cô cố quay đi, anh đã choàng tay qua người cô. “Anh xin lỗi, Kya. Lại ngẩng đi. Anh sẽ cho em biết những điều dì Rosemary đã nói.”

Anh chờ cô, rồi tiếp lời, “Má bệnh nặng vì bị suy sụp nặng nề sau khi rời bỏ chúng ta và đến New Orleans – đó là nơi má đã lớn lên. Má bệnh về cả thể chất lẫn tinh thần. Anh vẫn còn nhớ chút chút về nơi đó. Anh đoán mình khoảng năm tuổi khi cả nhà rời đi. Tất cả những gì anh nhớ là một tòa nhà đẹp đẽ, cửa sổ lớn nhìn ra một khu vườn. Nhưng khi chúng ta tới đây, ba không cho ai hé miệng nói về New Orleans, ông bà, hay bất cứ thứ gì về nó. Nên tất cả đã bị xóa sạch.”

Kya gật đầu. “Em chẳng bao giờ biết.”

Jodie tiếp tục. “Dì Rosemary bảo ông bà đã phản đối cuộc hôn nhân của ba má ngay từ đầu, nhưng má bỏ tới Bắc Carolina với chồng, không một xu dính túi. Về sau, má bắt đầu viết thư cho dì Rosemary và kể dì nghe tình hình của má – sống trong một cái lán ở đầm lầy cùng một gã say xỉn thường xuyên đánh đập vợ con. Rồi một ngày, nhiều năm sau, má xuất hiện trước mặt dì. Má mang đôi giày cao gót giả da cá sấu mà má rất quý. Chưa tắm và chưa chải tóc nhiều ngày.

“Suốt mấy tháng trời má câm lặng, không nói một lời. Má ở trong căn phòng cũ của mình ở nhà ông bà ngoại, gần như không ăn uống. Dĩ nhiên, họ có mời bác sĩ tới, nhưng không ai giúp được gì. Ông ngoại liên hệ cảnh sát trưởng ở Vung Barkley để hỏi xem chúng ta có ổn không, nhưng văn phòng cảnh sát nói họ thậm chí không cố gắng để theo dõi tình hình cư dân đầm lầy.”

Kya phát ra những tiếng sụt sịt ngắt quãng.

“Cuối cùng, gần một năm sau, má lên cơn kích động và bảo dì Rosemary rằng má nhớ là đã bỏ lại các con. Rosemary giúp má viết thư cho ba, hỏi xem liệu má có thể đón chúng ta tới sống ở New Orleans hay không. Ba viết thư trả lời rằng nếu má trở lại hay liên hệ với bất kỳ đứa

con nào, ông sẽ đánh chúng ta đến không nhận ra được nữa. Má biết ông có thể làm chuyện như vậy.”

Lá thư trong phong bì xanh lam. Má đã xin đón Kya về, đón tất cả bọn họ. Má đã muốn gặp cô. Nhưng kết quả của lá thư lại khác. Lời thư đã làm ba điên tiết và trở lại uống rượu, rồi Kya cũng mất nốt cả ông. Cô không nói với Jodie rằng mình vẫn giữ tro của lá thư trong một chiếc lọ nhỏ.

“Dì Rosemary kể rằng má không bao giờ kết bạn, không bao giờ ăn tối với gia đình hay giao tiếp với bất kỳ ai. Má không cho phép mình có một cuộc sống hay chút niềm vui nào. Sau một thời gian, má bắt đầu nói chuyện nhiều hơn, và tất cả những gì bà nói là về mấy đứa con. Dì Rosemary nói má đã yêu chúng ta suốt cả đời nhưng bị đông cứng trong một nơi tẻ tẽ nào đó vì tin rằng chúng ta sẽ bị hại nếu má trở lại và bị bỏ mặc nếu má không quay về. Má không bỏ chúng ta để đi sống sung sướng vui vẻ; má đã phát điên và gàn như không biết mình đã bỏ đi.”

Kya hỏi, “Má đã mất ra sao?”

“Bị bệnh bạch cầu. Dì Rosemary nói hẳn là bệnh có thể chữa khỏi, nhưng má từ chối dùng mọi loại thuốc. Cứ yếu dần yếu dần, rồi ra đi hai năm về trước. Rosemary nói má mất như cách bà đã sống. Trong bóng tối, trong im lặng.”

Jodie và Kya ngẩng lặng thinh. Kya nghĩ về bài thơ của Galway Kinnell mà má đã gạch dưới trong cuốn sách:

Thật nhẹ lòng vì nó đã qua đi:

Cuối cùng chỉ còn niềm thương xót

Cho thôi thúc được sống nhiều hơn

...Tạm biệt.

Jodie đứng dậy. “Đi theo anh, Kya, anh muốn cho em thấy cái này.” Anh dẫn cô ra ngoài tới chiếc bán tải và họ trèo vào sau xe. Cẩn thận, anh giở một tấm vải dầu và mở một thùng các-tông lớn, rồi lần lượt từng cái một, lấy ra và tháo mở những bức sơn dầu. Anh dựng nó quanh sàn xe. Một bức vẽ ba cô bé – Kya cùng các chị – ngồi xõm bên bờ phá, ngắm lũ chuồn chuồn bay. Một bức khác vẽ Jodie và các anh giờ lên một xâu cá.

“Anh mang theo chúng phòng khi em vẫn ở đây. Dì Rosemary gửi chúng cho anh. Dì nói suốt từng ấy năm trời, rỗng rã ngày đêm, má đã vẽ chúng ta.”

Một bức tranh vẽ cả năm đứa con như thể cả bọn đang cùng nhìn họa sĩ. Kya nhìn chăm vào mắt những người anh, người chị của mình, đang nhìn lại vào cô.

Thì thẩn, cô hỏi, “Ai là ai?”

“Sao cơ?”

“Không có bức hình nào. Em không biết mặt họ. Ai là ai vậy anh?”

“Ồ.” Jodie không thở nổi, rồi cuối cùng cũng nói, “Ừm, đây là Missy, chị lớn nhất. Rồi tới anh Murph. Chị Mandy. Dĩ nhiên chú nhóc dễ thương này là anh. Và đó là em.”

Jodie cho cô thời gian, rồi bảo, “Nhìn cái này này.”

Trước mặt anh là một bức tranh sơn dầu rực rỡ đến ngạc nhiên, vẽ hai đứa trẻ ngồi giữa những vòng xoáy cỏ xanh và hoa dại. Cô bé còn nhỏ xiu, có lẽ chỉ mới lên ba, mái tóc đen dài xõa xuống bờ vai nhỏ. Cậu bé, hơi lớn hơn một chút, với mái tóc vàng lộn xoăn, đang chỉ vào một chú bướm vua, đôi cánh đen và cam của nó xòe ra trên một bông hoa cúc. Bàn tay cậu

đặt trên cánh tay cô bé.

“Anh nghĩ đó là Tate Walker,” Jodie nói. “Và em.”

“Em nghĩ anh nói đúng. Trông giống anh ấy thật. Tại sao má lại vẽ Tate?”

“Cậu ấy từng tới vài lần, câu cá với anh. Cậu ấy luôn chỉ em xem côn trùng và đủ thứ.”

“Sao em không nhớ chuyện đó?”

“Em còn nhỏ quá. Một buổi chiều Tate lái thuyền vào phá nước nhà ta khi ba đang nốc rượu từ túi của mình, đã say quắc. Em đang lững chững đi từng bước và ba lẽ ra phải trông em. Đột nhiên, chẳng vì lý do gì hết, ba nắm hai cánh tay em và lắc em mạnh đến nỗi đầu em ngửa ra sau. Rồi ông buông em xuống bùn và bắt đầu cười ngặt nghẽo. Tate nhảy ra khỏi thuyền và chạy lại chỗ em. Cậu ấy chỉ mới bảy hay tám tuổi, nhưng cậu ấy đã quát ba. Dĩ nhiên ba đã tát Tate và thét bảo cậu cút đi, đừng bao giờ trở lại không thì ba sẽ bắn cậu ấy. Đến lúc đó bọn anh đã chạy ra xem có chuyện gì. Ngay cả khi ba rửa xả và thét lác, Tate vẫn bế em lên và đưa em cho má. Cậu ấy đảm bảo em ổn cả rồi mới bỏ đi. Bọn anh vẫn thỉnh thoảng đi câu sau bậu đó, nhưng cậu ấy không bao giờ tới nhà mình nữa.”

Cho đến khi anh ấy dẫn em về nhà vào lần đầu tiên em lấy thuyền ra dạo đông tây, Kya nghĩ. Cô ngắm nghía bức tranh – thật dịu dàng, thật bình yên. Bằng cách nào đó, tâm trí má đã kéo được cái đẹp ra từ mịt mù điên loạn. Bất cứ ai nhìn vào những bức tranh này cũng sẽ nghĩ chúng mô tả một gia đình hạnh phúc nhất, sống trên bờ biển, nô đùa dưới ánh mặt trời.

Jodie và Kya ngẩng lên mép sàn xe, vẫn im lặng ngắm tranh của má.

Anh tiếp tục. “Má cô độc và chỉ có một mình. Trong hoàn cảnh đó người ta sẽ cư xử khác.”

Kya khẽ rên. “Làm ơn đừng nói với em về sự cô độc. Không cần ai phải nói với em về cách nó thay đổi một con người. Em đã sống trong nó. Em chính là sự cô độc,” Kya thì thầm với sự gay gắt nhẹ. “Em tha thứ cho má vì đã bỏ đi. Nhưng em không hiểu sao bà không trở lại – tại sao bà bỏ mặc em. Có thể anh không nhớ, nhưng sau khi má đi, anh đã kể em rằng cáo cái thỉnh thoảng phải bỏ bầy con vì nó gần chết đói hoặc bị căng thẳng cực độ. Lũ cáo nhỏ bị chết – hẳn là vẫn thế dù mẹ không bỏ chúng – nhưng cáo cái sẽ sống tiếp và lại sinh con khi hoàn cảnh tốt hơn, khi nó có thể nuôi một bầy con khác trưởng thành.

“Kể từ đó, em đã đọc rất nhiều về chuyện này. Trong tự nhiên – ở ngoài xa kia nơi loài tôm hát – những hành vi có vẻ tàn nhẫn này thực ra sẽ gia tăng số con cái của con mẹ trong suốt vòng đời nó, và do vậy gen bỏ con trong lúc căng thẳng sẽ được truyền cho thế hệ tiếp theo. Rồi những thế hệ sau, sau nữa. Việc đó cũng xảy ra ở con người. Một số hành vi mà bây giờ ta thấy là độc ác đã giúp đảm bảo sự sinh tồn của con người buổi đầu tại bất cứ đầm lầy nào họ từng sống vào thời đó. Không có chúng, chúng ta sẽ chẳng ở đây. Chúng ta vẫn cất giữ những bản năng đó trong gen, và chúng bộc lộ ra trong một số hoàn cảnh nhất định. Một phần trong chúng ta sẽ mãi là cái chúng ta trước kia, cái chúng ta phải là để tồn tại – từ hũ xưa lắm.

“Có lẽ một thôi thúc nguyên thủy nào đó – một thứ gen cổ, không còn phù hợp nữa – đã đẩy má rời bỏ chúng ta vì căng thẳng, vì nỗi kinh hoàng và nguy hiểm thực sự của việc sống với ba. Nhưng điều đó không biến việc bỏ con thành đúng; *lẽ ra má phải lựa chọn ở lại*. Nhưng việc biết rằng khuynh hướng đó có trong bản thiết kế sinh học của chúng ta có thể giúp ta tha thứ cho một người mẹ thất bại. Điều đó có thể giải thích chuyện má bỏ

đi, nhưng em vẫn không hiểu sao bà không trở lại. Tại sao bà thậm chí không viết thư cho em. Bà có thể viết hết lá thư này tới lá thư kia, năm này qua năm khác, cho đến khi một lá đến được tay em mà.”

“Anh đoán là một số chuyện không thể giải thích được, chỉ có được tha thứ hay không. Anh không biết câu trả lời. Có thể không có đáp án nào cả. Anh xin lỗi vì đã mang tới tin xấu cho em.”

“Em không có gia đình nào, không có tin tức nào về gia đình gần cả cuộc đời em. Và giờ đây trong vòng vài phút, em tìm được một người anh và mất đi một người mẹ.”

“Anh xin lỗi, Kya.”

“Đừng, anh. Thực ra, em đã mất má nhiều năm rồi, và giờ anh đã trở lại, Jodie. Em không thể nói hết em muốn gặp lại anh đến thế nào. Đây là một trong những ngày hạnh phúc nhất và đau buồn nhất cuộc đời em.” Cô chạm lên tay Jodie bằng những ngón tay cô, và anh đã hiểu về cô đủ để biết chuyện này rất hiếm.

Họ bước trở vào lán, và Jodie nhìn những thứ đồ mới xung quanh, tường mới sơn, tủ bếp thủ công nữa.

“Làm sao em xoay xở được, Kya? Trước khi ra sách, làm sao em kiếm tiền và thức ăn được?”

“Ồ, đó là một câu chuyện dài buồn chán. Chủ yếu thì em bán vẹm, hào và cá xông khói cho Jumpin’.”

Jodie ngửa đầu ra và cười to. “Jumpin’! Anh không nghĩ tới ông ấy nhiều năm rồi. Ông ấy còn sống chứ?”

Kya không cười. “Jumpin’ là người bạn tốt nhất của em, trong nhiều năm trời ông là người bạn duy nhất. Gia đình duy nhất của em trừ khi anh

tính cả lũ mòng biển cá trích.”

Jodie nghiêm lại. “Em không có bạn ở trường à?”

“Em chỉ tới trường một ngày trong đời,” cô bật cười. “Bọn trẻ cười nhạo em, nên em không bao giờ trở lại. Dành nhiều tuần dùng mưu tránh mấy người bắt trẻ trốn học. Sau tất cả những gì anh đã dạy em, chuyện đó cũng chẳng khó lắm.”

Anh có vẻ kinh ngạc. “Làm sao em học đọc? Để viết sách?”

“Thực ra, chính Tate Walker đã dạy em biết đọc.”

“Em còn gặp cậu ấy nữa không?”

“Thỉnh thoảng.” Cô đứng dậy, nhìn về bếp. “Cà phê nữa không anh?”

Jodie cảm nhận được cuộc đời cô độc giăng lơ lửng trong bếp của em gái. Nó ở đó với mớ củ hành ít ỏi trong giỏ rau, cái đĩa duy nhất đang để khô trên kệ, ổ bánh mì ngô gói kỹ trong cái khăn lau chén, như cách làm của một bà góa già.

“Anh uống nhiều rồi, cảm ơn em. Nhưng một chuyến đi dạo đồng lầy thì sao nhỉ?” Jodie đề nghị.

“Dĩ nhiên rồi. Anh sẽ không tin đâu, em có một động cơ mới nhưng vẫn dùng chiếc thuyền cũ.”

Mặt trời đã phá vỡ những đám mây, tỏa sáng ấm áp và rực rỡ với một ngày đông lạnh. Khi cô lái thuyền đưa họ qua những con kênh hẹp và cửa sông lấp lánh, Jodie kêu lên trước một gốc cây gãy mà anh còn nhớ, trông vẫn hết như xưa, và một ổ hải ly vẫn vun lên ở nguyên chỗ cũ. Họ cười to khi tới phá nước nơi má, Kya và các chị từng mắc cạn trong bùn.

Trở lại lán nhà, Kya gom các món lại làm một bữa tiệc dã ngoại, rồi hai anh em ăn trên bờ cát cùng lũ mòng biển.

“Em còn nhỏ quá khi họ bỏ đi,” cô nói. “Kể em nghe về các anh chị khác đi anh.” Thế là Jodie kể cô nghe chuyện về Murph, anh hai, người đã cống cô trên vai đi khắp nơi trong rừng.

“Trên đường đi em cứ cười suốt. Anh Murph sẽ chạy chậm chậm rồi quay ngoắt lại với em vắt vèo trên đó. Một lần em cười dữ đến nỗi tè dầm ngay lên cổ Murph luôn.”

“Ồi không! Em không có.” Kya ngửa người ra, cười nắc nẻ.

“Có, em đã làm vậy đấy. Murph kêu lên nhưng vẫn tiếp tục đi, chạy thẳng xuống phá cho đến khi anh ấy ngập dưới nước, và em vẫn cười trên vai anh ấy. Tất cả bọn anh cùng nhìn theo – má, Missy, Mandy và anh – cười tới ra nước mắt. Má phải ngã bệt xuống đất, bà cười quá trời mà.”

Tâm trí Kya vẽ ra hình ảnh đi cùng những câu chuyện đó. Những mảnh vụn và mẫu nhỏ của gia đình mà Kya chưa bao giờ nghĩ là mình có được.

Jodie tiếp tục. “Chính chị Missy là người khởi xướng việc cho lũ mòng biển ăn đó.”

“Cái gì? Thật à! Em cứ tưởng em tự bắt đầu làm vậy chứ, sau khi mọi người đã bỏ đi.”

“Không, chị ấy cho lũ mòng biển ăn mỗi ngày khi có thể. Missy đặt tên cho tất cả bọn chúng. Chị gọi một con là Big Red, anh nhớ vậy. Em biết đó, theo chấm đỏ trên mỏ chúng.”

“Không phải là cùng con chim đó, dĩ nhiên – chính em cũng đã qua vài thế hệ Big Red của mình. Nhưng ở kia, con bên trái đó, là Big Red hôm nay.” Cô cố gắng kết nối với người chị đã cho cô bày mòng biển này, nhưng chỉ thấy gương mặt trong tranh vẽ. Vậy là đã nhiều hơn cái mà cô từng có.

Chấm đỏ trên mỏ một chú mòng biển cá trích, Kya biết, không chỉ để trang trí. Chỉ khi chim non mổ vào đó thì chim bố mẹ mới nhả thức ăn bắt được ra cho con. Nếu chấm đỏ bị che mờ để chim non không gõ vào, bố mẹ sẽ không cho chúng ăn và chúng sẽ chết. Ngay cả trong tự nhiên, trách nhiệm làm bố mẹ cũng là một lần ranh mỏng manh hơn người ta tưởng.

Hai anh em ng ồi đó một lúc, r ồi Kya nói, “Em không nhớ được gì nhi ều cả.”

“Vậy là em may đó. Cứ giữ vậy đi.”

Họ cứ ng ồi đó như vậy, lặng im. Không h ồi tưởng lại.

Cô nấu một bữa tối mi ền Nam như má sẽ nấu: đậu mắt đen với hành tím, thịt lợn muối chiên, bánh mì ngô với da heo giòn, đậu lima nấu trong bơ và sữa. Bánh cobbler mâm xôi với kem sữa béo và chút bourbon Jodie mang tới. Trong khi họ dùng bữa, Jodie ng ờ ý muốn ở lại vài ngày, nếu có thể, và cô nói anh được chào đón ở lại bao lâu tùy thích.

“Giờ chỗ này là đất của em r ồi, Kya. Em đã giành được nó. Anh vẫn đóng tại căn cứ Fort Benning một thời gian nữa, nên anh không thể ở lại lâu. Sau đó chắc anh sẽ kiếm một công việc tại Atlanta để chúng ta giữ liên lạc với nhau; anh muốn gặp em thường xuyên nhất có thể. Biết em vẫn ổn là tất cả những gì anh mong muốn trong cuộc đời.”

“Em cũng thích thế, Jodie. Lúc nào được thì anh cứ tới nhé.”

Chi ều tối tiếp theo, khi họ ng ồi trên bờ biển, mũi sóng cù khẽ mấy ngón chân tr ần, Kya vui chuyện một cách khác thường, và dường như đoạn nào cũng có Tate xuất hiện. Một lần cậu dẫn đường cho cô về nhà khi cô

lạc trong đồng lầy hũ còn là đứa nhỏ. Hay bài thơ đầu tiên Tate đọc cho cô. Cô nói về trò chơi lông vũ, kể chuyện cậu đã dạy cô đọc thế nào, và cho biết giờ cậu là nhà khoa học ở phòng thí nghiệm. Cậu là mối tình đầu của cô, nhưng cậu đã bỏ cô khi vào đại học, để cô chờ đợi trên bờ phá. Thế nên nó đã chấm dứt.

“Chuyện đó cách đây bao lâu rồi?” Jodie hỏi.

“Khoảng bảy năm, em đoán thế. Khi anh ấy mới tới Chapel Hill.”

“Em có gặp lại cậu ấy không?”

“Anh ấy đã trở lại để xin lỗi; nói rằng anh ấy vẫn yêu em. Anh ấy là người đề nghị em xuất bản những cuốn sách tham khảo kia. Cũng vui khi thỉnh thoảng gặp anh ấy trong đồng lầy, nhưng em sẽ không bao giờ có quan hệ tình cảm gì với Tate nữa. Không thể tin anh ấy.”

“Kya, đó là chuyện bảy năm trước rồi. Tate chỉ là cậu trai mới lớn, lần đầu tiên xa nhà, hàng trăm cô gái xinh đẹp vây quanh. Nếu Tate đã trở lại xin lỗi và nói rằng cậu ấy yêu em, có lẽ em không nên quá khắt khe với cậu ấy.”

“Hầu hết đàn ông đầu cặp hết cô này tới cô nọ. Những gã không xứng đáng khệnh khạng đi tới đi lui, dụ dỗ bằng lời dối trá. Đó có lẽ là lý do má bị lừa gạt bởi người như ba. Tate không phải là gã trai duy nhất từng bỏ em. Chase Andrews thậm chí còn nói chuyện hôn nhân với em, nhưng anh ta đã cưới người khác. Thậm chí không thêm cho em biết; em đọc được tin trên một tờ báo.”

“Anh xin lỗi. Anh thực sự rất tiếc, nhưng Kya, không phải chỉ có đàn ông con trai mới thiếu thủy chung. Chính anh cũng từng bị lừa, bị đá, bị cán qua cán lại mấy lần. Hãy chấp nhận sự thật, rất nhiều lần tình yêu không có kết quả tốt. Nhưng ngay cả khi không thành, nó vẫn kết nối em

với người kia, và đến cùng thì đó là tất cả những gì em có, *những kết nối*. Nhìn chúng ta xem; giờ anh em mình có nhau rồi, và cứ nghĩ nếu anh có con và em cũng có con, chà, đó là cả một chuỗi những kết nối mới. Và cứ thế nối dài. Kya, nếu em yêu Tate, hãy một lần mạo hiểm.”

Kya nghĩ về bức tranh má vẽ Tate và chính cô hồi còn nhỏ, đầu hai đứa trẻ chụm vào nhau, vây quanh là những đóa hoa và đàn bướm màu sắc dịu dàng, tươi sáng. Có lẽ sau cùng thì cũng có một thông điệp của má.

Vào buổi sáng thứ ba trong chuyến thăm của Jodie, hai anh em lấy ra những bức tranh của má – tất cả chỉ trừ một bức mà Jodie giữ lại – và treo vài bức lên tường. Lán nhà khoác lên một ánh sáng khác, như thể họ vừa mở ra nhiều cửa sổ hơn. Kya lùi lại và ngắm chúng – một phép màu khi lại có tranh của má trên tường nhà. Lôi ra từ ngọn lửa.

Rồi Kya cùng Jodie ra chỗ chiếc bán tải và đưa anh một túi thức ăn trưa để ăn lúc đi đường. Họ nhìn qua rừng cây, xuống lối mòn, nhìn khắp mọi chỗ trừ đôi mắt người bên cạnh.

Cuối cùng Jodie nói, “Anh nên đi thôi, nhưng đây là địa chỉ và số điện thoại của anh,” và anh chìa ra một mẫu giấy ghi chú. Cô ngừng thở, tay trái vịn chiếc xe để đứng vững trong khi tay phải đón lấy mẫu giấy từ anh. Một thứ đơn giản biết bao: địa chỉ người anh trên mẫu giấy. Một điều kỳ diệu biết bao: một gia đình cô có thể tìm được. Số điện thoại cô có thể gọi đến và anh sẽ trả lời. Cỗ họng cô nghẹn lại khi anh kéo cô vào lòng, và cuối cùng, sau cả một cuộc đời, cô tựa mình vào người anh và thốt thức.

“Em không bao giờ nghĩ em còn được gặp anh. Em nghĩ anh đã đi

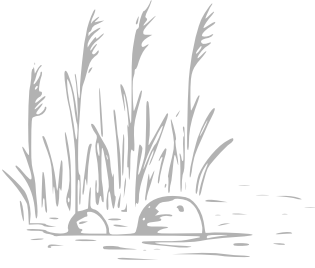
mãi mãi.”

“Anh sẽ luôn ở đây, anh hứa. Bất cứ khi nào chuyển chỗ, anh sẽ gửi địa chỉ mới cho em. Nếu có bao giờ cần anh, em hãy viết thư hoặc gọi điện, nghe anh chứ?”

“Em sẽ làm thế. Và hãy trở lại thăm mỗi khi anh có thể.”

“Kya, đi tìm Tate đi. Cậu ấy là người tốt đấy.”

Jodie cứ vẫy tay từ cửa sổ dù đã chạy tuốt đằng xa, trong khi cô nhìn theo, vừa cười vừa khóc. Và khi xe rẽ ra đường lớn, cô có thể thấy màu đỏ chiếc bán tải qua những lỗ hổng giữa rừng như chiếc khăn choàng trắng ngày nào, cánh tay dài của anh vẫy mãi cho tới khi khuất hẳn.



Lục soát cái lán

1969

“Hừ, cô ta lại không có ở đây,” Joe nói, gõ lên khung cửa hiên của Kya. Ed đứng trên bậc thềm gạch ván, chụm tay lại trên tấm lưới để nhìn vào nhà. Những cánh tay khổng lồ của sồi, treo mấy chùm không khí tóc tiên thông thướt, phủ bóng lên mặt ván bọt bọt và cái mái nhọn của lán. Chỉ có vài màu trời xám xịt thoáng hé ra trong buổi sáng cuối tháng Mười một.

“Dĩ nhiên là cô ta không có ở đây. Cũng chẳng hề gì; chúng ta có lệnh khám xét. Cứ vào thôi, cá là nó không khóa.”

Joe mở cửa, gọi to, “Có ai ở nhà không? Cảnh sát trưởng tới đây.” Vào trong, họ trợn mắt nhìn những hàng kệ để bộ sưu tập sinh vật của cô gái.

“Ed, nhìn *tất cả* mấy thứ này đi. Nó còn chạy tiếp qua mấy phòng sau, và dọc hành lang nữa. Có vẻ cô ta hơi điên. Khùng như một con chuột ba mắt.”

“Có lẽ, nhưng hình như cô ta là một chuyên gia đáng nể về đồng lầy đó. Anh biết cô ta xuất bản mấy cuốn sách đó mà. Bắt đầu làm cho mình bận rộn thôi. Được rồi, đây là những thứ cần tìm.” Cảnh sát trưởng đọc to một danh sách ngắn. “Quần áo len màu đỏ có thể khớp với sợi vải tìm thấy trên áo khoác của Chase. Một quyển nhật ký, lịch hay ghi chú, cái gì đó có

thể kê ra cô ta ở đâu vào những giờ nào; sợi dây chuyền vỏ sò; mẫu vé từ mấy chuyến buýt đêm. Và đừng làm xáo trộn đồ đạc của cô ta. Không có lý do gì để làm vậy. Chúng ta có thể nhìn ở dưới hoặc xung quanh tất cả; không cần phải phá hỏng chỗ này.”

“Ừ, tôi hiểu ý anh. Trong đây như một ngôi đền vậy. Một nửa *chong* tôi thấy ấn tượng, nửa còn lại thấy hơi ớn ớn.”

“Sẽ mệt mỏi và tẻ nhạt lắm đây, chắc chắn vậy,” cảnh sát trưởng cảm thán khi cẩn thận nhìn sau một dãy tổ chim. “Tôi sẽ bắt đầu từ phòng ngủ cô ta.”

Hai người đàn ông im lặng làm việc, vén qua mấy bộ đồ trong tủ quần áo, nhìn vào góc tủ chứa, dịch chuyển mấy lọ da rắn và răng cá mập để tìm chứng cứ.

Sau mười phút, Joe gọi, “Tới nhìn cái này này.”

Khi Ed bước ra hiên, Joe hỏi, “Anh có biết chim mái chỉ có một buồng trứng không?”

“Anh nói cái gì vậy?”

“Nhìn đi. Mấy bức vẽ và ghi chú cho thấy chim mái chỉ có một buồng trứng.”

“Khốn thật, Joe. Chúng ta đâu có ở đây để học sinh học. Trở lại làm việc đi.”

“Chờ chút đã. Nhìn đây. Đây là một sợi lông chim công trống, và ghi chú nói rằng trải qua hàng ngàn hàng triệu năm, lông chim trống càng ngày càng lớn ra để thu hút con cái, đến nỗi nó gần như không còn nhắc nhở mình lên khỏi mặt đất. Gần như chẳng bay được nữa.”

“Anh xong chưa? Chúng ta có việc phải làm đó.”

“À thì nó thú vị mà.”

Ed bước ra khỏi hiên. “Tập trung vào việc đi, ông ời.”

Mười phút sau, Joe lại gọi to. Khi bước ra khỏi phòng ngủ nhỏ và đi tới phòng khách, Ed nói, “Đề tôi đoán. Anh đã tìm thấy một con chuột nhắt bông có ba mắt.”

Không có câu trả lời nhưng khi Ed bước vào phòng, Joe giơ lên một chiếc nón len đỏ.

“Anh tìm được nó ở đâu vậy?”

“Ngay đây, máng trên hàng móc này cùng áo khoác, nón và các thứ.”

“Phơi ra đó vậy hả?”

“Như tôi đã nói, ở ngay đây.”

Từ túi của mình, Ed lôi ra túi nhựa đựng sợi vải đỏ lấy từ chiếc áo khoác denim của Chase đêm cậu chết và giơ nó lên trên cái nón.

“Chúng trông giống hệt. Cùng màu sắc, kích thước và độ dày,” Joe nhận xét khi cả hai cùng ngắm soi cái nón và mẫu sợi vải.

“Đúng thế. Cả hai đều có len màu be hơi xù xen với sợi đỏ.”

“Chà, có thể là nó r ồi.”

“Chúng ta phải gửi cái nón tới phòng thí nghiệm, tất nhiên. Nhưng nếu những sợi vải trùng khớp, chúng ta sẽ đưa cô ta tới thẩm vấn. Bỏ cái nón vào túi và dán nhãn nó đi.”

Sau bốn giờ tìm kiếm, hai người gặp nhau trong bếp.

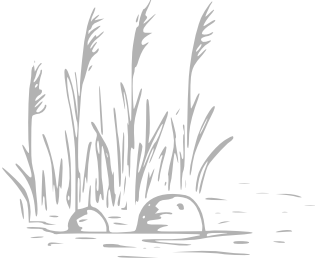
Duỗi lưng, Ed bảo, “Tôi nghĩ nếu còn gì khác thì tới giờ chúng ta phải

tìm được nó rồi. Chúng ta luôn có thể quay lại. Việc hôm nay coi như xong rồi.”

Lèo lái qua những vết lún vệt thị trấn, Joe nhận xét, “Có vẻ như nếu có tội, cô ta sẽ giấu cái nón đỏ đi. Không thể treo nó khơi khơi vậy được.”

“Có lẽ cô ta không biết sợi vải sẽ từ cái nón rút lên áo khoác Chase. Hoặc không biết phòng thí nghiệm có thể xác định nó. Cô ta không thể biết mấy thứ như vậy.”

“Chà, cô ta có thể không biết chuyện đó, nhưng tôi cá là cô ta biết cả đồng thứ. Những con chim công trống ngạo *nghe* đi lại, cạnh *chanh* để được giao phối dữ đến nỗi chúng gần như không thể bay lên. Tôi không chắc tất cả mấy cái đó là sao, nhưng cùng nhau chúng có ý nghĩa gì đó.”



Cái la bàn

1969

Một chiều tháng Bảy năm 1969, hơn bảy tháng sau chuyến thăm của Jodie, quyển *Những loài chim ở bờ biển phía đông* của Catherine Danielle Clark – cuốn thứ hai của cô, một tập sách đẹp đẽ đầy những chi tiết sắc sảo – xuất hiện trong hộp thư nhà. Kya lướt những ngón tay lên lớp bìa áo ấn tượng – tranh cô vẽ một chú mòng biển cá trích. Mỉm cười, cô nói, “Này, Big Red, mày được lên bìa sách rồi.”

Cần cuốn sách mới, Kya nhẹ nhàng rảo bước tới khoảng trống giữa cụm sồi gần nhà, tìm nấm dại. Lá rụng ẩm ướt nghe man mát dưới chân khi cô tới gần một cụm nấm có mũ vàng rực. Giữa bước đi, cô khựng lại. Ở đó, nằm trên gốc cây lông vũ ngày trước là một hộp sữa nhỏ, đỏ và trắng, giống hệt cái hộp xưa. Bất ngờ, cô bật cười.

Bên trong hộp sữa, gói bằng khăn giấy, là một cái la bàn cũ do quân đội cấp đặt trong hộp bằng đồng, đã xỉn màu xanh lá xám cùng năm tháng. Cô hít vào một hơi khi trông thấy nó. Cô chưa bao giờ cần tới la bàn vì phương hướng với cô có vẻ quá rõ ràng. Nhưng vào những ngày mây giăng, khi mặt trời lẩn tránh, chiếc la bàn sẽ dẫn lối cho cô.

Một mẫu giấy gấp lại ghi: *Kya yêu quý, Cái la bàn này là của ông anh từ hồi Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Ông cho anh khi anh còn nhỏ, nhưng anh chưa bao giờ dùng nó, và anh nghĩ có lẽ em sẽ tận dụng được*

nó một cách tốt nhất. Mến yêu, Tate. P.A. Anh rất vui vì em có thể đọc mẫu giấy này!

Kya đọc mấy từ *Yêu quý* và *Mến yêu* lần nữa. Tate. Cậu bé tóc vàng trên thuyền câu, đã đưa cô về nhà trước khi bão tới, đã tặng cô những chiếc lông vũ trên một gốc cây ẩm gió sương, đã dạy cô biết đọc; chàng trai mới lớn dịu dàng đã đưa cô qua chu kỳ đầu tiên của một phụ nữ và đánh thức khao khát trong cô; nhà khoa học trẻ đã khích lệ cô xuất bản những cuốn sách của riêng mình.

Mặc dù đã tặng Tate quyển vở sò, cô vẫn tiếp tục nấp trong lùm cây mỗi khi thấy cậu giữa đồng lầy, lặng lẽ chèo đi để không bị trông thấy. Những tín hiệu giả dối của bầy đom đóm, tất cả những gì cô biết về tình yêu.

Cả Jodie cũng khuyên cô nên cho Tate thêm cơ hội. Nhưng mỗi lần nghĩ tới hay trông thấy cậu, trái tim cô lại nhảy từ tình yêu ngày trước sang nỗi đau bị bỏ rơi. Cô ước gì nó đứt khoát ở hẳn một bên thôi.

Vài buổi sáng sau đó, Kya lướt qua cửa sông trong màn sương sớm mịt mờ, cái la bàn nhét trong ba lô, mặc dù ít có khả năng cô cần tới nó. Cô định tìm vài loài hoa dại quý hiếm trên một lưới cát phủ rừng nhô ra biển, nhưng một phần trong cô lại đưa mắt khắp các kênh rạch tìm Tate.

Màn sương trở nên cứng đầu và dùng dằng mãi không đi, quấn mớ tua của nó quanh những gốc cây và cành thấp. Không khí tĩnh lặng; ngay cả lũ chim rừng cũng im tiếng khi cô lững lờ trôi về phía trước dọc dòng kênh. Gần đó, tiếng *cạch, cạch* vang lên khi một mái chèo đưa chậm gõ lên mép thuyền, rồi một con thuyền như bóng ma hiện ra từ màn sương mờ mịt.

Màu sắc, vốn đã nhòa đi trong mờ xám, bỗng tụ lại thành những hình

thù rắn chắc khi đi vào ánh sáng. Mái tóc vàng dưới chiếc nón đỏ. Như thể đến từ một giấc mơ, Tate đứng trên đuôi chiếc thuyền câu cũ, chống mái chèo đẩy thuyền lướt tới. Kya tắt máy thuyền và chèo giật lùi vào một bụi rậm để nhìn cậu đi qua. Luôn luôn lùi lại để nhìn cậu đi qua.

Lúc mặt trời lặn, bình tĩnh hơn, trái tim đã trở vào chỗ của nó, Kya đứng trên bờ biển và nhắm đọc:

Chẳng bao giờ đơn giản phút hoàng hôn.

Ánh chạng vạng khúc xạ và phản chiếu

Nhưng không hề có thật.

Chiều tà mang một lớp nguy trang

Che phủ dấu vết,

Che đầy dối gian.

Chúng ta không quan tâm

Rằng hoàng hôn là lừa mị.

Chúng ta thấy những sắc màu rực rỡ,

Và chẳng bao giờ học được điều gì

Vâng dương đã chìm

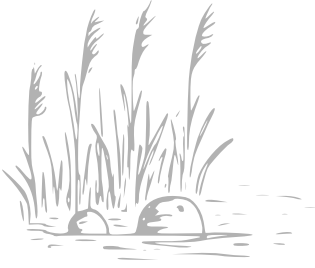
Vào lòng đất

Khi chúng ta thấy vết bỏng cháy.

Hoàng hôn là một lớp nguy trang,

Che phủ sự thật, che đầy dối gian.

A.H



Để bẫy một con cáo

1969

Joe bước qua cánh cửa mở vào văn phòng cảnh sát trưởng.

“Có báo cáo đây rồi.”

“Xem qua nào.”

Cả hai người lướt xem một lượt tới trang cuối. Ed nói, “Chính là nó. Khớp hoàn toàn. Sợi vải từ nón cô ta dính trên áo khoác Chase khi cậu ta nằm chết.” Cảnh sát trưởng đập xấp báo cáo lên cổ tay, rồi tiếp tục. “Hãy xem lại những gì ta đã có. Thứ nhất, người câu tôm làm chứng rằng anh ta thấy cô Clark đi thuyền về phía tháp phòng cháy ngay trước khi Chase ngã xuống chết. Bạn thuyền của người này xác nhận lời anh ta. Thứ hai, Patti Love bảo cô Clark đã làm sợi dây chuyền vỏ sò cho Chase, và nó đã biến mất vào đêm cậu chết. Thứ ba, sợi vải từ nón cô ta dính trên áo khoác cậu. Thứ tư, động cơ: người phụ nữ bị phụ tình. Và một chứng cứ ngoại phạm chúng ta có thể bác bỏ. Bấy nhiêu chắc đủ rồi đó.”

“Một động cơ tốt hơn có thể có ích,” Joe nhận xét. “Bị phụ tình có vẻ chưa đủ.”

“Chúng ta chưa đi đâu tra xong mà, nhưng đã có đủ để đưa cô ta tới thẩm vấn. Có thể đã đủ để buộc tội cô ta. Cứ đưa cô ta tới đây rồi tính tiếp.”

“Chà, đó là vấn đề không phải hả? Làm sao đưa cô ta tới được? Cô ta đã trốn được tất cả mọi người suốt từng ấy năm nay. Người bắt trẻ trốn học, nhân viên đi đầu tra dân số, cứ kể ra, cô ta dùng mưu thắng tất cả. Bao gồm chúng ta. Nếu ra đó *đuổi* theo cô ta trong mớ cỏ đẫm lầy, chúng ta sẽ tự biến mình thành những thằng ngốc.”

“Tôi không sợ đi đầu đó. Chỉ vì chưa ai bắt được cô ta không có nghĩa là chúng ta không thể. Nhưng đó không phải là cách khôn ngoan nhất để làm việc này. Tôi nghĩ chúng ta nên đặt bẫy.”

“Ồ phải. Chà,” phó cảnh sát trưởng bảo, “tôi biết một hai đi đầu về việc đánh bẫy. Và khi anh đi bẫy một con cáo, thông thường chính cái bẫy mới bị cáo lừa. Chúng ta cũng chẳng có yếu tố bất ngờ nữa. Chúng ta đã ra đó gõ cửa nhà cô ta đủ để dọa một con gấu nâu chạy mất. Sử dụng chó săn thì sao? Cách đó chắc chắn hơn đấy.”

Cảnh sát trưởng im lặng vài giây. “Tôi không biết nữa. Có lẽ tôi đã trở nên già cả và mềm lòng ở cái tuổi to tát là năm một. Nhưng thả chó săn đuổi theo một phụ nữ để thẩm vấn cô ta thì có vẻ không phải lắm. Với bọn tù vượt ngục thì khác, bọn đã bị kết án là có tội. Nhưng như tất cả mọi người, cô ta vô tội cho tới khi được chứng minh ngược lại, và tôi không tán thành việc thả chó đuổi một nữ nghi can. Hết cách rồi mới phải làm vậy, giờ thì chưa cần thiết.”

“Được rồi. Bẫy kiểu gì đây?”

“Đó là đi đầu ta phải nghĩ cho ra.”

Vào ngày 15 tháng Mười hai, khi Ed và Joe thảo luận các phương án để

đưa Kya về đồn thì có người gõ cửa. Hình dáng cao to của một người đàn ông lù lù sau lớp kính mờ.

“Vào đi,” cảnh sát trưởng gọi.

Khi người đàn ông bước vào, Ed mở lời, “Chà, xin chào Rodney. Chúng tôi có thể làm gì được cho ông đây?”

Rodney, một thợ máy đã về hưu, dành phần lớn mọi ngày để buồng câu với ông bạn già Denny Smith. Dân làng biết ông là người lặng lẽ và trầm tĩnh, luôn mặc quần yếm. Không bao giờ bỏ một buổi lễ nhà thờ, nhưng vẫn mặc quần yếm của mình tới đó, với một chiếc áo sơ mi mới ủi phẳng và hờbột cứng ngắc bởi vợ ông, Elsie.

Rodney gỡ chiếc mũ phớt của ông và cặm nó trước bụng. Ed mời ông ngồi vào một chiếc ghế, nhưng Rodney lắc đầu. “Sẽ không mất lâu đâu,” ông bảo. “Chỉ là một chuyện có thể liên *quang đến* vụ Chase Andrews thôi.”

“Ông có gì muốn nói với chúng tôi?” Joe hỏi.

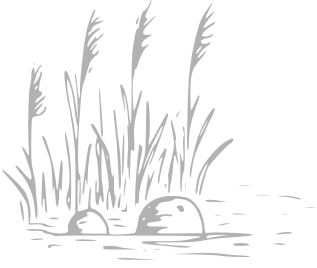
“Chà, chuyện cũng lâu rồi. Tôi và Denny ra ngoài câu cá ngày 30 tháng Tám năm nay, và chúng tôi đã thấy một chuyện ở Vững Cây Bách. Nghĩ rằng các anh có thể quan tâm.”

“Tiếp đi,” cảnh sát trưởng bảo. “Nhưng làm ơn ngồi xuống, Rodney. Tất cả chúng ta sẽ thấy thoải mái hơn nếu ông ngồi xuống.”

Rodney ngồi vào chiếc ghế theo lời mời và trong vòng năm phút sau, kể cho họ nghe câu chuyện của ông. Sau khi ông đi, Ed và Joe nhìn nhau.

Joe nói, “Chà, giờ chúng ta có động cơ rồi đó.”

“Đưa cô ta tới đây thôi.”



Cá mập xám

1969

Chỉ vài ngày trước Giáng sinh và sớm hơn thường lệ vào buổi sáng, Kya lái thuyền chậm chậm và lặng lẽ tới bến Jumpin'. Kể từ khi cảnh sát trưởng và cấp phó của ông mò tới chỗ cô, cô bắt cô tại nhà – những nỗ lực thất bại mà cô quan sát từ đám cỏ – cô đã mua xăng và đồ dùng trước khi trời hửng sáng, khi chỉ có những người đánh cá ra ngoài. Bây giờ, những đám mây thấp đang ùn ùn tràn tới trên biển sóng nhộn nhạo, và về phía đông, một cơn bão – xoắn chặt như cái roi da – hăm dọa ở chân trời. Cô phải chóng xong việc ở chỗ Jumpin' và về nhà trước khi nó ập tới. Còn cách bốn trăm mét, cô thấy cầu tàu của ông phồng lên với màn sương. Cô chậm lại thêm và nhìn quanh xem có thuyền khác không trong cái tĩnh lặng ẩm ướt.

Cuối cùng, khi chỉ còn cách chừng bốn mươi mét, cô thấy hình dáng của Jumpin' ngổ ỉ trên chiếc ghế cũ tựa lên tường. Cô vẫy tay. Ông không vẫy. Ông không đứng dậy. Ông khẽ lắc đầu, như một tiếng thì thầm. Cô buông cần lái.

Cô vẫy tay lần nữa. Jumpin' nhìn cô chằm chằm, nhưng không cử động.

Giật cần đi đâu khiến, cô đột ngột quàng ngược ra biển. Nhưng tiến ra từ màn sương là một con tàu lớn, cảnh sát trưởng cần lái. Vài chiếc

thuyền khác, cặp bên sườn. Và ngay phía sau họ, là cơn bão.

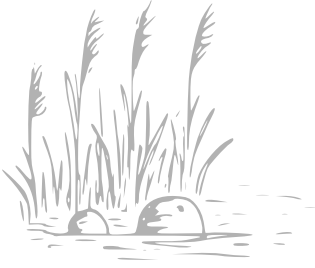
Rồ máy, cô luồn lách qua những con thuyền đang tới, thuyền cô cắt ngang những ngọn sóng bạc đầu khi lao vội ra khơi. Cô muốn rẽ trở lại đằng lầy, nhưng cảnh sát trưởng đang gần quá; ông sẽ tóm được cô trước khi cô kịp tới đó.

Biển không còn dềnh lên theo những ngọn sóng đối xứng mà sục sôi hỗn loạn. Nước trở nên hung hãn hơn khi cái rì rào của cơn bão bủa vây cô. Trong vài giây, nó đã thả ra một dòng chảy xiết. Người cô ướn sùng, những sợi tóc dài chằng ngang mặt. Cô quay vào ngọn gió để thuyền không bị lật, nhưng biển tạt qua mũi thuyền.

Biết thuyền của những kẻ kia nhanh hơn, cô gập người lao vào cơn gió xé. Có lẽ cô có thể cắt đuôi họ trong nãi xúp này hoặc nhào xuống biển và bơi đi. Tâm trí cô cuống cuồng lướt qua từng chi tiết của việc nhảy xuống, có vẻ đó là cơ hội tốt nhất. Gần bờ thế này sẽ có dòng chảy rút ra, nó sẽ cuốn cô trôi nhanh dưới nước, nhanh hơn mức họ tưởng cô có thể bơi được. Thỉnh thoảng nổi lên để thở, cô có thể tới đất liền và trốn vào một vùng bờ um tùm những bụi cây.

Đằng sau cô, động cơ thuyền họ gầm gào hơn cả bão. Tiến lại gần. Làm sao cô ngừng lại được? Cô chưa bao giờ từ bỏ. Giờ cô phải nhảy xuống ngay. Nhưng đột nhiên, như cá mập xám họ bủa vây cô, từ từ khép chặt. Một chiếc thuyền vọt lên trước mặt cô, và cô đâm vào sườn nó. Ngã đập mình vào động cơ gắn ngoài, cổ cô giật mạnh. Cảnh sát trưởng vươn tay chụp lấy mép thuyền cô, tất cả bọn họ dấn mình xuống những đường rẽ nước sôi sục. Hai người đàn ông nhảy vào thuyền cô khi phó cảnh sát trưởng tuyên bố, “Cô Catherine Clark, cô bị bắt vì đã sát hại cậu Chase Andrews. Cô có quyền giữ im lặng...”

Cô không nghe phần còn lại của lời tuyên bố. Không ai nghe được phần còn lại cả.



Sunday Justice

1970

Mắt Kya chớp chớp nhắm lại trước ánh sáng chói chang rót xuống mấy ngọn đèn bên trên và những khung cửa sổ cao đến trần nhà. Cô đã sống trong bóng tối suốt hai tháng liền, và giờ lần nữa mở mắt ra, cô bắt gặp cái rìa mềm mại của đồng lầy ngoài cửa. Những tán sồi tròn trịa lên mây bụi ô rô và dương xỉ. Cô cố giữ trong mắt màu xanh sự sống thêm giây lát nhưng bị bàn tay nắm chặt dẫn về phía một cái bàn dài và vài cái ghế, nơi luật sư của cô, Tom Milton đang ngồi. Cổ tay cô bị còng ra trước trong một tư thế cầu nguyện rất không thoải mái. Mặc quần dài đen và áo trắng đơn giản, với một bím tóc buông xuống giữa hai cánh xương vai, cô không quay lại nhìn những ai tới dự. Tuy vậy, cô vẫn cảm nhận được hơi nóng và tiếng sột soạt của đám đông tụ họp tại phòng xử án để xem phiên xử vụ giết người. Có thể cảm nhận được đầu và vai họ lắc qua lắc lại để thấy cô. Để nhìn cô bị còng lại. Mùi mồ hôi, khói cũ và dầu thơm rẻ tiền làm cô càng cảm thấy buồn nôn. Những tiếng ho tắt hẳn nhưng tiếng xôn xao huyền ảo dâng lên khi cô gần tới chỗ ngồi – tất cả đều là tiếng động xa xăm đối với cô, bởi vì cô gần như chỉ nghe trong hơi thở thô ráp của mình cảm giác muốn bệnh. Cô nhìn chằm chằm xuống ván lót sàn – lõi thông đánh bóng – trong khi còng được tháo ra, và họ nặng nề ngồi vào ghế. Đó là 9:30 sáng ngày 25 tháng Hai, năm 1970.

Tom nghiêng người lại gần cô và thì thầm rằng mọi chuyện sẽ ổn thôi. Cô không đáp nhưng nhìn xoáy vào mắt ông tìm sự chân thành, bất cứ thứ gì để bám lấy. Không phải cô tin ông, nhưng lần đầu tiên trong đời, cô phải đặt mình vào tay người khác. Khá cao so với tuổi bảy mươi một, ông mang mái tóc bạc dày và bộ com-lê linen lỗi thời với sự lịch thiệp không chủ ý mà vẫn rập khuôn một chính khách quốc gia. Ông đi nhẹ nói khẽ với một nụ cười hiền hòa thực sự sống trên gương mặt.

Thẩm phán Sims đã chỉ định một luật sư trẻ biện hộ cho cô Clark, vì chính cô không có hành động tự kiểm luật sư cho mình, nhưng khi Tom Milton nghe được chuyện này, ông đã trở lại giữa khi nghỉ hưu và đề nghị được đại diện cho cô miễn phí. Như tất cả mọi người, ông đã nghe đủ thứ chuyện về Cô gái Đồng lầy, và qua năm tháng vẫn thỉnh thoảng thấy cô, hoặc đang lướt êm qua con kênh như một phần dòng chảy, hoặc hối hả vọt ra từ tiệm tạp hóa như một con gấu mèo vừa lục thùng rác.

Lần đầu đến thăm Kya trong tù hai tháng trước, ông được dẫn vào một phòng nhỏ tối tăm và thấy cô ngồi tại bàn. Cô không ngẩng nhìn ông. Tom giới thiệu bản thân, nói rằng ông sẽ đại diện cho cô, nhưng cô không ngược mắt lên hay mở miệng. Ông có một thôi thúc dữ dội muốn vươn ra và vỗ vỗ tay cô, nhưng đi đâu gì đó – có lẽ là đáng ngồi thẳng tắp hoặc ánh nhìn trống rỗng – bao bọc và che chắn cô khỏi những đụng chạm của người ngoài. Cử động đầu theo nhiều góc độ khác nhau – cố gắng bắt được ánh nhìn của cô gái – ông giải thích quy trình xử án, cho cô biết nên trông đợi đi đâu gì, rồi đặt vài câu hỏi. Nhưng cô không hề trả lời, không hề cử động, và cũng chẳng bao giờ nhìn ông. Khi họ dẫn cô ra khỏi phòng, cô ngẩng đầu nhìn qua một cửa sổ nhỏ mà từ đó có thể thấy bầu trời. Bầy chim biển kêu lạnh lạnh ngoài bến tàu thị trấn, và dường như Kya đang ngấm nhìn

bài hát của lũ chim.

Chuyến thăm tiếp theo, Tom cho tay vào một túi giấy nâu và đẩy một cuốn sách sáng bóng để đặt bàn cà phê về phía Kya. Có tựa đề *Những loại vỏ sò hiếm nhất thế giới*, nó mở ra những bức sơn dầu vẽ kích thước thật của đủ loại vỏ sò từ những bờ biển xa xôi nhất tinh cầu. Miệng cô hơi hé ra, cô chậm rãi lật từng trang, gật gật đầu trước vài mẫu vỏ sò nhất định. Ông cho cô thời gian. Rồi một lần nữa ông nói chuyện với cô, và lần này cô nhìn vào mắt của ông. Với sự kiên nhẫn dễ chịu, ông giải thích quy trình xét xử và còn vẽ một bức tranh tả phòng xử án, cho thấy chỗ của bồi thẩm đoàn, ghế thẩm phán, chỗ các luật sư và cô sẽ ngồi. Rồi ông thêm vào những người que là chấp hành viên, thẩm phán, thư ký và giải thích vai trò của họ.

Như trong buổi gặp mặt lần đầu, ông cố gắng giải thích các chứng cứ chống lại cô và hỏi cô đã ở đâu vào đêm Chase chết, nhưng cô lại thu mình vào vỏ khi nghe nhắc đến chi tiết. Lát sau, khi ông đứng dậy để rời đi, cô đẩy cuốn sách trở lại qua mặt bàn, nhưng ông nói, “Không, tôi mang nó tới cho cô. Nó là của cô.”

Cô cắn môi và chớp mắt.

Bây giờ, lần đầu ở trong phòng xử án, ông cố gắng làm cô khỏi chú ý đến sự huyên náo đằng sau bằng cách chỉ ra những khu vực của phòng xử án trong bức vẽ. Nhưng cách này vô hiệu. Đến 9:45 căn phòng chật ních, người đến xem lấp đầy mọi băng ghế và xôn xao những bình luận the thé về chứng cứ, án tử hình. Một ban công nhỏ ở sau cùng có hai mươi chỗ nữa, và mặc dù không đông, mọi người đầu hiệu người da đen bị giới hạn

ở khu này. Hôm nay, ban công hầu như chỉ toàn người da trắng, với vài người da đen, vì vụ án toàn bộ chỉ liên quan tới dân da trắng. Tách ra ng ỡng gần phía trước là vài nhà báo của *Atlanta Constitution* và *Raleigh Herald*. Những người không tìm được chỗ ng ỡng túm tụm dọc bức tường phía sau và ở hai bên, cạnh hàng cửa sổ cao vợi. Cửa quây b ằng ch ằng, rì r ằng đ ằng đại. Cô gái Đ ằng l ằng bị đưa ra xử tội giết người; còn vụ nào hay hơn thế. Sunday Justice, chú mèo của tòa án – tấm lưng đen, khuôn mặt trắng với mặt nạ đen quanh cặp mắt xanh lục – đuổi người trong v ằng nắng trên một bậu cửa sổ sâu. Là con vật thường trực phòng xử án đã nhi ều năm, chú ta dọn sạch chuột ở t ằng h ằng và phòng xử án, xứng đáng giành được chỗ của mình.

Vì V ằng Barkley là ngôi làng đầu tiên dựng trên dải đ ằng l ằng l ằng nh ằng ở bờ Bắc Carolina, chính quy ằng đã tuyên bố nó là thị trấn trung tâm của hạt và xây tòa án ban đầu vào năm 1754. Về sau, mặc dù những thị trấn khác như Sea Oaks trở nên đông dân và phát triển hơn, V ằng Barkley vẫn là trung tâm chính thức của chính quy ằng hạt.

Năm 1912, sét đã giáng xuống tòa án ban đầu, đốt cháy phần lớn cấu trúc gỗ thành tro bụi. Được xây lại năm sau trên cùng khoảng đất cuối Phố Main, nó là một tòa nhà gạch hai t ằng với hàng cửa sổ cao ba thước rưỡi có bậu đá granite. Đến những năm 1960, cỏ dại và cỏ lùn, cả vài cụm cỏ đuôi mèo nữa, đã d ằng đến từ đ ằng l ằng và chiếm cứ khoảng đất từng được chăm t ằng. Một đ ằng nước đặc nghet hoa súng cứ tràn bờ mỗi độ xuân về, và qua thời gian, đã ăn mất một phần hè phố.

Tương phản với cảnh đó, chính phòng xử án, được thiết kế để tái tạo cái cũ, lại trông rất oai nghiêm. Cái ghế cao của thẩm phán, làm từ gỗ dái ngựa s ằng màu, dát một huy hiệu đủ màu của tiểu bang, đứng dưới nhi ều lá

cờ, có cả cờ Liên minh miền Nam trong đó. Vách ngăn chỗ ngồi của bồi thẩm đoàn, cũng làm từ gỗ dái ngựa, được ốp gỗ tuyết tùng đỏ trang trí, và hàng cửa sổ chạy dọc một bên phòng đóng khung biển cả bên ngoài.

Khi những người có chức có quyền đi vào phòng xử, Tom chỉ vào mấy người que trong tranh vẽ của mình và giải thích họ là ai. “Đó là chấp hành viên, Hank Jones,” ông giới thiệu khi một người đàn ông cao gầy tuổi sáu mươi, có đường chân tóc lùi lại sau tai, khiến đầu chia hai nửa hói và không hói, bước tới trước phòng. Ông mặc đồng phục xám và đeo dây nịt bản rộng, giắt một cái radio, một đèn pin, một chùm chìa khóa ấn tượng và một khẩu ru-lô sáu viên Colt để trong bao.

Ông Jones đồng dục nói với đám đông. “Xin lỗi mọi người, nhưng tất cả các vị đều biết quy định của trường ty cứu hỏa. Nếu không có chỗ ngồi ổn định, các vị phải đi ra.”

“Kia là cô Henrietta Jones, con gái của chấp hành viên, thư ký của tòa án,” Tom giải thích khi một phụ nữ trẻ, cũng cao và gầy như người cha, lặng lẽ bước vào và ngồi tại bàn gần ghế thẩm phán. Đã ngồi vào chỗ, công tố viên Eric Chastain lấy ra những tập ghi chú từ cặp xách của mình. Eric, một người đàn ông ngực rộng, tóc đỏ, cao gần mét tám, mặc bộ com-lê xanh dương và đeo cà vạt bản rộng sáng màu mua tại Sears, Roebuck ở Asheville.

Chấp hành viên Jones hô, “Tất cả đứng dậy. Phiên tòa bắt đầu. Thẩm phán Harold Sims là chủ tọa.” Sự im lặng đột ngột trùm xuống. Cửa phòng bật mở và thẩm phán Sims bước vào, gạt đầu ra hiệu cho mọi người ngồi, rồi gọi cả công tố viên và luật sư biện hộ tới gần ghế thẩm phán. Là một người đàn ông có khung xương lớn, gương mặt tròn và tóc mai trắng toát, ông sống ở Sea Oaks nhưng đã ngồi ghế chủ tọa các phiên xử tại Vững

Barkley trong chín năm qua. Nhìn chung ông được coi là một người phán xử có óc xét đoán, điềm tĩnh và công bằng. Giọng ông vang vọng khắp phòng xử.

“Anh Milton, kiến nghị của anh đề nghị chuyển vụ án này tới hạt khác, lấy lý do cô Clark không thể được xét xử công bằng do định kiến chống lại cô ấy ở cộng đồng này đã bị bác bỏ. Tôi đồng ý là cô ấy sống trong hoàn cảnh khác thường và phải chịu vài định kiến, nhưng tôi không thấy có chứng cứ cô ấy phải chịu nhiều định kiến hơn nhiều người khác bị đưa ra xử trên khắp các thị trấn nhỏ của đất nước này. Ở vài thành phố lớn cũng vậy. Chúng ta sẽ xử tại đây ngay.” Những cái gật đầu tán thưởng lan khắp phòng khi hai luật sư trở về chỗ.

Thẩm phán tiếp tục. “Catherine Danielle Clark ở hạt Barkley, Bắc Carolina, cô bị kết tội giết người cấp độ một, nạn nhân là Chase Lawrence Andrews, người dân của Vung Barkley. Giết người cấp độ một là hành động có suy tính trước và như vậy, tiểu bang được quyền đề nghị án tử hình. Công tố viên đã tuyên bố họ sẽ làm vậy nếu cô được phán là có tội.” Gian phòng xôn xao.

Tom dường như đã nhích lại gần Kya hơn một chút, và cô không khước từ sự an ủi đó.

“Chúng ta sẽ bắt đầu lựa chọn bồi thẩm đoàn.” Thẩm phán Sims quay về phía hai hàng ghế đầy những ứng viên bồi thẩm. Khi ông đọc danh sách các quy định và điều kiện, Sunday Justice nhảy bịch xuống từ bộ cửa sổ và trong một động tác uyển chuyển, phốc lên ghế thẩm phán. Một cách lơ đãng, thẩm phán Sims vuốt ve đầu chú mèo trong khi tiếp tục.

“Trong các vụ án có mức phạt tử hình, tiểu bang Bắc Carolina cho phép thành viên bồi thẩm đoàn được miễn nhiệm nếu anh ấy hoặc cô ấy

không tin tử hình là một hình phạt đúng đắn. Làm ơn giơ tay nếu anh chị không thể hoặc sẽ không ra hình phạt tử hình nếu có phán quyết có tội.” Không cánh tay nào giơ lên.

“Án tử hình” là tất cả những gì Kya nghe được.

Thẩm phán tiếp tục. “Một lý do khác để được gạt khỏi bồi thẩm đoàn là nếu anh chị đang có hoặc trong quá khứ từng có quan hệ gần gũi với cô Kya hoặc anh Andrews, khiến anh chị không thể khách quan trong vụ án này. Làm ơn cho tôi biết nếu anh chị thấy điếu này đúng với anh chị.”

Từ giữa hàng ghế thứ hai, bà Sally Culpepper giơ tay và nêu rõ tên mình. Mái tóc ngả bạc của bà được túm chặt ra sau thành búi nhỏ, và chiếc nón, bộ com-lê lẫn giày của bà đều mang màu nâu buồn tẻ.

“Được rồi, Sally, hãy cho tôi biết điếu gì làm bà lấn cấn,” thẩm phán bảo.

“Như quý tòa đã biết, tôi đã có gần hai mươi năm làm người đón học sinh vắng mặt ở hạt Barkley này. Cô Clark là một trường hợp tôi phụ trách, nên tôi đã có tiếp xúc với cô ấy, hoặc cố gắng làm vậy.”

Kya không thể thấy bà Culpepper hay bất kỳ ai ở khu vực ghế ngồi trung tâm trừ phi cô quay lại, mà tất nhiên cô sẽ không làm thế. Nhưng cô vẫn nhớ rõ lần cuối cùng bà Culpepper ngồi trên xe trong lúc cái ông đội mũ phớt cố gắng lòng bắt Kya. Cô đã cố hết sức để không làm khó người đàn ông, vụt chạy qua lùm cây sột soạt để cho ông manh mối, rồi quành lại và nấp trong một bụi rậm gần xe. Nhưng ông Mũ phớt đã chạy ngược lại về phía biển.

Ngồi thụp ở đó, Kya rung một nhánh ô rô cho nó quẹt vào cửa chiếc xe, và bà Culpepper đã nhìn ra cửa sổ thẳng vào mắt con bé. Lúc đó, Kya nghĩ người phụ nữ bắt trẻ trốn học đã thoáng mỉm cười. Dù sao đi nữa, bà

cũng không để lộ chỗ của cô khi ông Mũ phớt quay lại, văng tục một tràng, rồi lái ngược lối mòn mất hút.

Giờ, bà Culpepper nói với thẩm phán, “Ừm, vì đã từng tiếp xúc với cô Clark, tôi không biết mình có nên rút khỏi đoàn bồi thẩm không.”

Thẩm phán Sims bảo, “Cảm ơn, Sally. Một vài người trong số các anh chị có lẽ từng tiếp xúc với cô Clark ở các cửa tiệm hoặc trong công việc, như trường hợp bà Culpepper, người phụ trách đón trẻ nghỉ học. Vấn đề là: liệu anh chị có thể lắng nghe lời khai nêu ở đây, và dựa trên chứng cứ, chứ không phải trải nghiệm quá khứ hoặc cảm xúc cá nhân, để quyết định cô ấy có tội hay vô tội?”

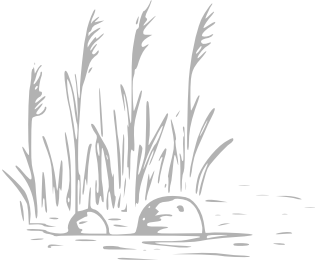
“Thưa tòa, tôi chắc chắn mình có thể làm thế.”

“Cảm ơn, Sally, bà có thể ở lại.”

Đến 11:30, bảy phụ nữ và năm người đàn ông ngồi vào ghế bồi thẩm đoàn. Từ đó, Kya có thể thấy họ và trộm nhìn gương mặt họ. Hầu hết là những người cô nhận ra ở ngôi làng, nhưng chỉ biết một vài cái tên. Bà Culpepper ngồi ngay giữa và cho Kya một chút an ủi. Nhưng bên cạnh bà là Teresa White, người vợ tóc vàng của nhà thuyết giáo dòng Giám lý, cái bà mà nhiều năm trước đã ào ra khỏi hiệu giày và bế phốc con mình tránh xa khỏi Kya khi cô đứng trên lề sau bữa ăn ở quán với ba – cái lần duy nhất đó. Bà White, người từng bảo với con mình rằng Kya là thứ bẩn thỉu, giờ đang ngồi tại ghế bồi thẩm đoàn.

Thẩm phán Sims đề nghị nghỉ trưa cho đến 1:00 chiều. Quán ăn Vững Barkley sẽ mang đến cá ngừ, xà lách gà và sandwich thịt muối cho các thành viên bồi thẩm ăn trong phòng thảo luận. Để công bằng với hai địa chỉ ăn uống của thị trấn, quán bia Dog-Gone sẽ giao xúc xích, ớt và sandwich tôm po-boy đến vào những hôm khác. Họ luôn mang một món gì đó đến

cho chú mèo. Sunday Justice khoái po-boy hơn cả.



Bị Chase bắt

1969

Màn sương đang vén lên vào một sáng tháng Tám năm 1969 khi Kya lái thuyền tới bán đảo hẻo lánh mà người địa phương gọi là Vũng Cây Bách, nơi cô từng thấy vài loại nấm hiếm gặp. Tháng Tám là đã qua mùa nấm, nhưng Vũng Cây Bách mát và ẩm, nên biết đâu chừng cô có thể tìm ra vài loại hiếm. Hơn một tháng đã trôi qua từ khi Tate để lại cho cô chiếc la bàn trên gốc cây lông vũ, và mặc dù thường thấy cậu ở đồng lầy, cô vẫn chưa dám lại đủ gần để cảm ơn vì món quà đó. Cô cũng chưa từng dùng tới nó, mặc dù cái la bàn vẫn được nhét cẩn thận trong một ngăn túi của ba lô.

Những thân cây phủ rêu ôm lấy khoảng bờ, và những cành thấp của nó tạo thành một hang động mà cô lướt vào, nhìn qua bụi rậm tìm mấy cây nấm nhỏ cam cam trên nhánh cây mảnh khảnh. Cuối cùng, cô cũng thấy chúng, rực rỡ và tuyệt đẹp, bám trên một gốc cây già, và sau khi kéo thuyền lên bờ, cô ngồi xếp bằng dưới mái vòm xanh, vẽ lại chúng.

Bất ngờ cô nghe tiếng chân bước trên thảm lá mục và một giọng nói: “Chà chà, xem ai đây. Cô gái Đồng lầy của tôi đây rồi.” Đứng phắt lên và quay lại, cô đối mặt với Chase.

“Chào Kya,” hắn nói. Cô nhìn quanh. Làm thế nào Chase đến được đây? Cô không hề nghe tiếng thuyền chạy. Hắn đọc được câu hỏi đó. “Anh đang câu cá, thấy em đi qua, nên lên bờ ở phía bên kia.”

“Làm ơn đi đi,” cô bảo, vừa nhét bút chì và giấy vẽ vào ba lô.

Nhưng Chase đặt tay mình lên cánh tay cô. “Thôi nào Kya. Anh xin lỗi là mọi chuyện đã diễn ra như vậy.” Hắn ghé sát người Kya, mùi bourbon từ bữa sáng thoảng trong hơi thở hắn.

“Đừng đụng vào tôi!”

“Này, anh đã nói anh xin lỗi. Em biết chúng ta không thể cưới nhau mà. Em không bao giờ có thể sống gần thị trấn. Nhưng anh luôn quan tâm em; anh đã ở lại bên em.”

“Ở lại bên tôi! Anh nói vậy là ý gì? Để tôi yên.” Kya kẹp ba lô dưới cánh tay và đi lại thuyềnh mình, nhưng Chase túm lấy tay cô, nắm chặt.

“Kya, sẽ không bao giờ có ai như em cả, chẳng bao giờ. Và anh biết em vẫn yêu anh.” Cô giật tay mình ra khỏi tay hắn.

“Anh sai rồi! Tôi không chắc mình có từng yêu anh chưa. Nhưng anh đã nói chuyện hôn nhân *với tôi*, nhớ chứ? Anh nói sẽ xây một mái nhà cho anh và tôi. Thay vào đó, tôi phát hiện *anh* đã đính hôn với *người khác* qua một tờ báo. Tại sao anh làm vậy? Tại sao hả, Chase!”

“Thôi nào, Kya. Đó là chuyện không thể. Em phải biết việc đó sẽ không thành mà. Cứ như chúng ta hồi đó thì có gì không ổn hả? Hãy trở lại với cái chúng ta từng có.” Hắn nắm vai cô và kéo cô về phía hắn.

“Buông tôi ra!” Cô vặn mình, cố giằng ra, nhưng hắn nắm chặt cô bằng hai tay, làm cánh tay cô đau nhói. Hắn ấn môi mình lên cô và cố hôn cô. Cô vung tay lên, gạt tay hắn ra. Ngửa đầu, cô rít lên giận dữ. “Anh đừng hòng.”

“Cô mèo rừng của tôi đây rồi. Hoang dại hơn bao giờ hết.” Tóm lấy vai cô, hắn dùng chân đạp lên khoeo chân cô và đè cô ra đất. Đầu cô đập

lên mặt đất thật mạnh. “Anh biết em muốn anh mà,” hắn nói, liếc mắt dâm dật.

“Không, dừng lại!” cô hét lên. Quỳ xuống, Chase thúc gối vào bụng cô, làm cô nghẹn thở, rồi cởi khóa quần và tụt nó xuống.

Cô chồm dậy, đẩy hắn ra bằng cả hai tay. Bất thần hắn thui vào mặt cô bằng nắm tay phải. Một tiếng bốp đáng sợ vang lên trong đầu cô. Cổ cô giật lại, và người cô bị ném ngửa ra đất. Như ba từng đánh má. Đầu cô trở nên trống rỗng trong giây lát với cái đau dữ dội; rồi cô trở mình và vặn người, cố gắng vùng vẫy thoát ra từ dưới hắn, nhưng hắn quá mạnh. Giữ chặt hai tay cô ở trên đầu chỉ với một tay, hắn cởi khóa quần cô và giật quần lót cô tụt xuống khi cô đá hắn. Cô hét lên, nhưng chẳng có ai nghe. Đập đập mặt đất, cô giãy giụa để vùng ra, nhưng hắn nắm lấy eo cô và lật cô úp xuống. Động gương mặt đang nhói đau của cô xuống đất, rồi thò tay xuống dưới bụng kéo hông cô lên khi hắn quỳ ở đằng sau.

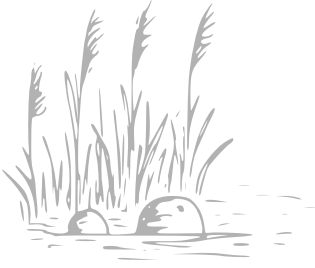
“Lần này anh sẽ không để em đi. Muốn hay không thì em cũng là của anh rồi.”

Tìm sức mạnh từ một chốn nào đó nguyên thủy, cô dùng gối và tay chống mình lên và chồm dậy, cùng lúc vùng cùi chỏ thui vào cằm hắn. Khi đầu hắn ngoặt qua một bên, cô điên cuồng dùng nắm tay đấm hắn cho đến khi hắn mất thăng bằng và đổ vật ra đất. Rồi, nhắm kỹ, cô đá vào hạ bộ hắn, chính xác và chắc chắn.

Hắn gập người lại và lăn qua một bên, ôm lấy hạ bộ mà quần quai. Để cho chắc, cô đập lên lưng hắn, biết rõ thận hắn nằm ở chỗ nào. Vài lần. Thật mạnh.

Kéo quần soóc lên, cô chụp lấy ba lô và chạy lại thuyền. Giật dây khởi động, cô quay lại khi hắn chống tay và gối gượng dậy, rên lên. Cô

chửi thề cho đến khi máy nổ. Tin rằng hắn sẽ lập tức đuổi theo cô, cô gạt mạnh cần lái và tăng tốc rời xa bờ vũng đó vừa khi hắn đứng dậy. Tay cô run rẩy, cô kéo quần lên và ôm chặt mình bằng một cánh tay. Ánh mắt hoang dại, cô nhìn ra khơi và thấy một chiếc thuyền câu khác cách đó không xa, hai người đàn ông nhìn cô trân trối.



Vũng Cây Bách

1970

Sau bữa trưa, Thẩm phán Sims hỏi công tố viên, “Eric, anh đã sẵn sàng gọi lên nhân chứng đầu tiên chưa?”

“Chúng tôi sẵn sàng rồi, thưa tòa.” Trong những vụ giết người trước, Eric thường gọi người khám nghiệm đầu tiên, vì lời khai của họ đưa ra các bằng chứng vật chất như hung khí giết người, thời điểm và địa điểm tử vong, ảnh chụp hiện trường vụ án, tất cả đều gây ấn tượng mạnh với bồi thẩm đoàn. Nhưng trong vụ này, họ không có vũ khí gây án, không cả dấu vân tay lẫn dấu chân, nên Eric dự định bắt đầu từ động cơ giết người.

“Thưa tòa, cho gọi ông Rodney Horn.”

Mọi người trong tòa án nhìn theo khi Rodney Horn bước lên bục nhân chứng và đọc lời thề nói thật. Kya nhận ra ông dù chỉ thấy mặt vài lần. Cô quay đi. Một thợ máy về hưu, ông là một trong số họ, dành hầu hết ngày tháng của mình để câu cá, đi săn hoặc chơi xì phé tại Swamp Guinea. Có thể nốc rượu như một cái thùng đựng nước mưa vậy. Hôm nay, như mọi khi, ông mặc quần yếm denim với áo sơ mi kẻ ô sạch sẽ, hồ bột cứng đến nỗi cổ áo cũng đứng nghiêm. Ông cầm chiếc nón câu cá bằng tay trái khi tay phải giơ lên tuyên thệ, rồi ngả xuống ghế nhân chứng, nón đặt trên đầu gối.

Eric bước lại chỗ nhân chứng với điệu bộ thoải mái. “Chào buổi sáng, Rodney.”

“Chào buổi *xáng*, Eric.”

“Nào, Rodney, tôi tin rằng ông đã đi câu với một người bạn gần Vững Cây Bách vào sáng ngày 30 tháng Tám, năm 1969? Có phải vậy không?”

“Đúng thế. Tôi và Denny đã ra đó buông câu. Ở đó từ khi trời hửng sáng.”

“Để ghi chép cho chính xác, đó là Denny Smith nhỉ?”

“Phải, là tôi *dà* Denny.”

“Được rồi. Tôi muốn ông kể cho tòa nghe những gì ông trông thấy sáng đó.”

“Chà, như tôi đã nói, chúng tôi ra đó từ tảng sáng, và lúc đó là gần *mù* một giờ, tôi đoán vậy, vì lâu chưa có miếng nào bỏ bụng nên chúng tôi *xấp* thu dây để trở về thì nghe tiếng náo động sau rặng cây. Trong rừng.”

“Náo động kiểu gì?”

“Chà, có những tiếng nói, lúc đầu còn nghèn nghẹt, rồi to rõ hơn. Một nam một nữ. Nhưng chúng tôi không thấy họ, chỉ nghe như họ đang *cải* nhau.”

“Rồi chuyện gì xảy ra?”

“Chà, người phụ nữ bắt đầu la *héc*, nên chúng tôi lái thuyền lại gần để thấy rõ hơn. Xem liệu có phải cô ta gặp nạn.”

“Và ông đã thấy gì?”

“Chà, lúc tới gần, chúng tôi thấy người phụ nữ đứng cạnh người nam và đá thẳng vào...” Rodney nhìn thẳm phán.

Thẩm phán Sims bảo, “Cô ấy đá vào đâu? Ông có thể nói ra.”

“Cô ta đá thẳng vào bì của cậu ta và cậu sụp xuống một bên, kêu la và *rên* rĩ. Rồi cô ta đá vào lưng cậu hết lần này tới lần khác. Điên như một con la nhai nuốt bầy ong nghệ ấy.”

“Ông có nhận ra người phụ nữ đó không? Hôm nay cô ấy có trong phòng xử án không?”

“Chà, chúng tôi biết cô ta chứ. Là cái người đứng kia, bị cáo. Người mà ai cũng gọi là Cô gái Đồng lầy.”

Thẩm phán nghiêng người về phía nhân chứng. “Ông Horn, tên của bị cáo là cô Clark. Đừng gọi cô ấy bằng bất cứ cái tên nào khác.”

“Được *thâu*. Người chúng tôi thấy chính là cô Clark.”

Eric tiếp tục. “Ông có nhận ra người đàn ông bị cô ấy đá không?”

“Chà, mới đầu chúng tôi không thấy rõ *dì* cậu ta đang *lăng* lộn và *quăng* quại trên đất. Nhưng vài phút sau cậu đã đứng lên và đó là Chase Andrews, mấy năm trước từng là trung phong của làng.”

“Rồi chuyện gì xảy ra tiếp theo?”

“Cô ta *lạng chạng* chạy ra thuyền mình và, chà, quần áo của cô ta đang cởi ra một nửa. Quần soóc cô ta *tục* xuống quanh mắt cá và quần trong thì mắc ngang đầu gối. Cô ta cố vừa kéo quần lên vừa chạy. Suốt trong lúc đó vẫn xa xa *quác* cậu kia. Cô ta ra thuyền, nhảy vào và phóng đi, tay vẫn đang kéo quần. Khi chạy ngang, cô ta nhìn thẳng vào mắt chúng tôi. Nhờ vậy mà tôi *biếc* chắc đó là cô Clark.”

“Ông nói cô ta đã quất cậu kia xa xa trong lúc chạy lại thuyền. Vậy ông có nghe chính xác cô ta nói gì không?”

“Có, chúng tôi nghe rõ như ban ngày *dì* đang ở khá gần.”

“Xin hãy cho biết ông đã nghe cô ấy quất những gì.”

“Cô ta *théc* lên, ‘Để tôi yên, đờ đờ tiện! Anh còn quấy rầy tôi nữa là tôi sẽ giết anh!’”

Tiếng xì xầm lớn lan khắp phòng xử án và không lắng lại. Thẩm phán Sims gõ búa của ông. “Được rồi. Thế là đủ.”

Eric nói với nhân chứng, “Xong rồi đó, cảm ơn ông, Rodney. Không còn câu hỏi nào nữa. Nhân chứng là của ông.”

Tom lướt qua Eric và bước lại bục nhân chứng.

“Nào, Rodney, ông đã khai rằng ban đầu, khi mới nghe những tiếng nói ghen ghét mà rất lớn đó, ông không thể thấy được chuyện gì đang xảy ra với cô Clark và cậu Andrews. Có đúng vậy không?”

“Đúng thế. Chúng tôi không thấy họ cho tới lúc lại gần.”

“Và ông nói người phụ nữ, mà sau đó ông xác định là cô Clark, đã hét lên như thể cô ấy gặp nạn. Đúng chứ?”

“Phải.”

“Ông không thấy bất cứ cái hôn hay động tác âu yếm gì giữa hai người trưởng thành tự nguyện. Ông thấy một phụ nữ hét lên như thể cô ấy bị tấn công, như thể cô ấy gặp nạn. Đúng vậy không?”

“Phải.”

“Vậy có thể nào khi đá cậu Andrews, cô Clark đang bảo vệ bản thân – một phụ nữ đơn độc giữa rừng – trước một người đàn ông khỏe mạnh, lực lưỡng? Một cựu trung phong bóng bầu dục, người đã tấn công cô ấy?”

“Ừ, tôi đoán là có thể như vậy.”

“Không còn câu hỏi nào nữa.”

“Thẩm vấn ngược lại?”

“Vâng, thưa tòa,” Eric đáp và đứng lên tại bàn công tố.

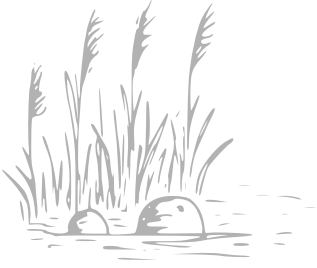
“Vậy, Rodney, dù cho hai người đã có hành động gì trước đó, tự nguyện hay không tự nguyện, có đúng không khi nói rằng bị cáo, cô Clark, đã cực kỳ giận dữ với người đã mất, cậu Chase Andrews?”

“Phải, hết sức giận dữ.”

“Giận dữ đủ để quát lên rằng nếu cậu Andrews còn quấy rầy cô ấy, cô sẽ giết cậu. Đúng thế chứ?”

“Phải, đúng là như vậy.”

“Không còn câu hỏi gì nữa, thưa tòa.”



Một bầy hươu nhỏ

1969

Tay Kya run rẩy trên cần lái khi cô quay lại xem Chase có rờ máy thuyền đuổi theo từ Vũng Cây Bách không.

Cô lái thật nhanh về phá nước của mình và khập khiễng chạy vào nhà trên hai đầu gối sưng tấy. Trong bếp, cô đổ sụp xuống sàn, bật khóc, chạm lên cặp mắt sưng húp và phun đất cát ra từ miệng. Rồi lắng tai chờ nghe tiếng hân tới.

Cô đã thấy sợi dây vô sò. Hân vẫn đeo nó. Làm sao có thể?

“Em là của anh,” hân đã nói thế. Hân sẽ điên tiết lắm vì bị cô đá mấy cú và sẽ tới bắt cô. Hân có thể tới trong hôm nay. Hay chờ đêm tối.

Cô không thể kể ai nghe cả. Jumpin’ sẽ khăng khăng đòi báo cảnh sát trưởng, nhưng luật pháp sẽ không bao giờ tin Cô gái Đồng lầy hơn Chase Andrews. Cô không chắc hai người câu cá đã thấy những gì, nhưng họ sẽ chẳng đòi nào bênh vực cô. Họ sẽ nói đáng đời cô bởi vì trước khi Chase bỏ cô, người ta đã thấy cô âu yếm hân nhiều năm, cư xử chẳng ra dáng một phụ nữ đứng đắn. *Hành xử như một con điếm*, họ sẽ nói vậy.

Bên ngoài, gió rú gào từ biển cả và cô lo rằng mình sẽ không nghe được tiếng động cơ tới gần của hân ta, thế nên, di chuyển chậm vì đau, cô bỏ bánh mì, phô mai với các loại hạt vào ba lô, rồi cúi đầu trước ngọn gió

cùng điên, hối hả luồn qua đám cỏ nước mặn dọc dòng kênh chạy về căn nhà học đọc. Quãng đường mất đến bốn mươi phút và nghe tiếng động nào, cơ thể cứng đờ như nhối của cô cũng rút lại, đầu quay phắt sang bên, dò tìm trong những lùm cây. Cuối cùng, căn nhà gỗ cũ xưa, đứng lút gổ trong đám cỏ cao và bám vào bờ lạch, hiện ra trước mắt. Ở đây gió dịu hơn. Cả quãng đường im lặng. Cô chưa bao giờ kể Chase về chỗ trốn của mình, nhưng rủi đâu hẳn biết. Cô không chắc được.

Cái mùi chuột đã không còn. Sau khi phòng thí nghiệm sinh thái học thuê Tate, cậu và Scupper đã sửa lại căn nhà gỗ để cậu có thể nghỉ lại qua đêm trong các chuyến thám hiểm. Họ đã gia cố những bức vách, kê lại mái nhà, và mang vào mấy món nội thất cơ bản nhất – một chiếc giường nhỏ trải mền bông, một bếp lò, bàn và ghế. Nồi và chảo mắc trên xà. Rổ, có vẻ lạc lõng và bị trum trong tấm nhựa, một chiếc kính hiển vi đặt trên cái bàn có thể gấp lại. Trong góc, một cái rương kim loại cũ trữ đầy hộp thiếc đựng cá mòi, đậu bắp. Không có gì dụ gấu tới cả.

Nhưng ở trong nhà, cô cảm thấy bị mắc bẫy, không thể thấy nếu Chase tìm đến, nên cô ngồi bên rìa con lạch, mắt bên phải dò xét vùng đất ngập nước um tùm cỏ. Mắt trái cô sưng đến híp lại.

Ở hạ lưu, một bầy năm con hươu cái phớt lờ cô và thơ thẩn gặm lá ven bờ. Nếu có thể, cô cũng muốn là một thành viên, thuộc về bầy của chúng. Kya biết, không phải bầy sẽ không đầy đủ nếu thiếu một con hươu, mà một con hươu sẽ không hoàn chỉnh nếu thiếu bầy của nó. Một con ngẩng đầu, cặp mắt đen dò xét cụm rừng phía bắc, dậm chân trước bên phải, rồi tới bên trái. Những con khác ngẩng nhìn, rồi huýt lên cảnh giác. Lập tức, con mắt còn dùng được của Kya dò xét khu rừng tìm dấu hiệu của Chase hoặc một loài thú ăn thịt khác. Nhưng thấy đầu tĩnh mịch. Có lẽ cơn

gió đã làm chúng giật mình. Chúng thôi dậm chân nhưng từ từ lẩn vào đám cỏ cao, bỏ lại Kya một mình và lo lắng.

Cô đưa mắt khắp quãng đường lần nữa tìm kẻ xâm nhập, nhưng việc lắng nghe và tìm kiếm rút cạn năng lượng của cô, thế là cô đành trở vào nhà. Lục phô mai ướt ra từ trong giỏ. Rồi ngẩng sụp xuống sàn ăn trong vô thức, tay chạm lên bên má tím bầm. Mặt, tay và chân cô trầy trụa và dính đầy đất bẩn với máu khô. Đầu gối xước xát và nhức nhối. Cô thẫn thức, cố chống lại cảm giác hổ thẹn, bất ngờ phun ra những vụn phô mai lớn ướt nhẹp.

Cô đã tự chuốc lấy hậu quả này. Đi lại với một người đàn ông mà không có người giám sát. Khao khát tự nhiên đã đưa cô đến một nhà nghỉ rẻ mạt khi chưa kết vợ chồng, vậy mà có thỏa mãn được đâu. Làm tình dưới ánh chớp tắt neon, chỉ được đánh dấu bằng vết máu dây trên tấm trải như dấu vết của loài thú.

Chase hẳn đã khoác lác về chuyện họ cùng nhau với tất cả mọi người. Hèn gì mà người ta xa lánh cô – cô là thứ chẳng ra gì, đáng ghê tởm.

Khi nửa vầng trăng hiện ra giữa những đám mây trôi vội, cô nhìn qua ô cửa nhỏ tìm những bóng người, lom khom và lẩn lút. Cuối cùng, cô chui vào giường của Tate và ngủ dưới tấm mền bông. Thường xuyên thức giấc, lắng tai chờ tiếng bước chân, rồi kéo tấm mền êm trùm quanh mặt.

Lại dùng phô mai vụn cho bữa sáng. Mặt cô đã thâm thành màu xanh tím, mắt sưng như trứng luộc, cổ đau nhức cứng đờ. Một phần môi trên của cô méo đi đáng sợ. Như má, góm guốc tựa quái vật, sợ không dám về nhà.

Đột nhiên, Kya thấy rõ những gì má từng phải chịu và tại sao bà lại bỏ đi. “Má, má,” cô thì thầm. “Con hiểu rồi. Cuối cùng con cũng hiểu sao má phải đi và không trở lại. Con xin lỗi là đã không biết, đã không thể giúp gì cho má.” Kya gục đầu xuống và nước mắt rơi. Rồi ngẩng phắt đầu lên mà nói, “Con sẽ không bao giờ sống như vậy – cả đời tự hỏi khi nào và ở đâu năm đám kế tiếp sẽ giáng xuống mình.”

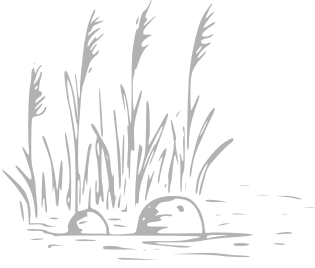
Cô đi bộ về nhà chiêu đó, nhưng đầu bụng đói và cần đồ ăn vật dụng, cô không đến bến Jumpin’. Chase có thể thấy cô ở đó. Hơn nữa, cô không muốn bất cứ ai, đặc biệt là Jumpin’, thấy gương mặt buồn rầu của mình.

Sau một bữa ăn đơn giản gồm bánh mì cứng gác dùm với cá xông khói, cô ngồi lên mé giường ngoài hiên, nhìn qua tấm lưới quanh nhà. Chính lúc đó, cô phát hiện một nàng bọt ngựa cái lén lút di chuyển lên một cành cây gần trước mặt. Nàng bọt ngựa đang bắt mấy con ngài bằng hai chân trước linh hoạt, rồi ngẫu nhiên chúng, cánh chúng vẫn đập trong miệng cô nàng. Một con bọt ngựa đực, đầu ngẩng cao và kiêu hãnh như giống ngựa pony, nghênh ngang diễu tới để tán tỉnh con cái. Cô nàng tỏ vẻ hứng thú, ăng-ten trên đầu vẫy vẫy như đũa nhạc trưởng. Cái ôm của con đực có thể rất chặt hay dịu dàng, Kya không biết được, nhưng trong khi nó dùng cơ quan sinh dục chọc dò để thụ tinh cho trứng của con cái, cô nàng đã quay cái cổ dài thanh tú lại và cắt đứt đầu nó. Mãi mê giao hợp, con đực chẳng hề nhận ra. Khớp cổ nó xoay xoay trong khi nó tiếp tục công việc, và cô nàng từ từ gặm hết ngực rồi đến cánh nó. Cuối cùng, cái chân trước của nó thò ra từ miệng con cái trong khi phần thân dưới không đầu, không tim của nó tiếp tục thụ tinh cho cô nàng một cách nhịp nhàng.

Đom đóm cái dụ con đực khác loài bằng tín hiệu giả rồi xoi tái chúng; bọt ngựa cái nuốt chửng bạn tình. Những cô côn trùng, Kya nghĩ, biết cách

đối phó với người tình của chúng.

Vài ngày sau, cô đi thuyền vào đồng lầy, khám phá những khu vực Chase không tài nào biết tới, vậy mà cô vẫn dễ giật mình và cảnh giác, khó mà vẽ được cái gì. Mắt cô hãy còn sưng húp quanh một khe hở hẹp, và vết bầm đã tỏa cái màu gầy buồn nôn của nó ra nửa mặt cô. Gần như cả cơ thể cô nhức nhối. Khi có tiếng lách chích của một chú sóc, cô liền quay lại, chăm chú lắng nghe tiếng quang quác quạ kêu – thứ ngôn ngữ có trước cả ngôn từ, khi việc giao tiếp rõ ràng và đơn giản – và bất kể đến nơi đâu, cô cũng vạch ra một lối thoát trong đầi.



Buồng giam

1970

Những tia sáng vẫn đục rọi qua cửa sổ bé tí trong buồng giam của Kya. Cô nhìn vô vàn hạt bụi li ti, lặng lẽ nhảy múa về một hướng như đang theo chân một người dẫn đầu mộng mơ nào đó. Khi đục phải bóng tối, chúng biến mất. Không có mặt trời chúng sẽ chẳng là gì.

Cô kéo chiếc thùng gỗ, cái bàn duy nhất của cô, ra dưới cửa sổ, vốn cách mặt đất chừng hai mét. Mặc một bộ áo liền quần xám với chữ *TÙ NHÂN CỦA HẠT* in trên lưng, cô đứng lên thùng và trông ra biển, chỉ lơ mờ thấy được qua mấy chấn song và lớp kính dày. Những ngọn sóng bạc tấp vào phun ra, và bồng bềnh, đầu ngó nghiêng tìm cá, bay sà sà đầu sóng. Nếu rướn cổ đủ xa qua bên phải, cô có thể thấy cái vương miện sum sê là rìa của đồng lầy. Hôm qua, cô đã thấy một chú đại bàng xoay người bỏ xuống một con cá.

Nhà tù của hạt có sáu buồng giam ba rưỡi nhân ba rưỡi mét, đặt trong tòa nhà xi măng dạng khối một tầng nằm sau văn phòng cảnh sát trưởng ở rìa làng. Buồng giam xếp thành một dãy dọc chiềuh dài – chỉ có một bên, để tù nhân này không thấy mặt tù nhân khác. Ba phía tường là những khối xi măng ẩm ướt; phía còn lại là những chấn song bao gồm cả cánh cửa khóa lại. Mỗi buồng giam có một giường gỗ với nệm cotton gồ ghề, một cái gối lông chim, ga trải, một mền len xám, một bồn rửa, một chiếc bàn bằng

thùng gỗ thừa, cộng một toilet. Bên trên bồn rửa không phải một tấm gương mà là một bức vẽ Chúa Jesus, được đóng khung treo bởi Hội cứu trợ phụ nữ Baptist. Cái duy nhất người ta cho Kya, tù nhân nữ đầu tiên trong nhiều năm trở lại đây – không kể những người chỉ ở qua đêm – là một tấm màn nhựa màu xám có thể kéo phủ quanh bồn rửa và toilet.

Trong hai tháng trước phiên xử, cô bị nhốt trong cái buồng này mà không được bảo lãnh vì nỗ lực thất bại hồng trốn thoát cảnh sát trưởng trên thuyền. Kya tự hỏi ai đã bắt đầu dùng từ *buồng giam* thay cho *chuồng*. Hẳn đã có một thời điểm nhân loại đòi hỏi thay đổi đó. Những mạng lưới đồ tự cào hằn trên cánh tay cô. Trong bao nhiêu phút không hay, ngồi trên giường, cô ngắm nghía tóc của mình, bứt chúng như lông vũ. Như lũ mòng biển vẫn làm thế.

Đứng trên thùng gỗ, rướn cổ nhìn về phía đằng lầy, cô nhớ lại một bài thơ của Amanda Hamilton:

*Mòng biển tuyệt vọng biển Brandon
Lượn trên không hồn hoang chấp cánh
Tiếng rít cao bình minh giạt thót
Đuối theo bướm, sánh với biển khơi,
Đón gió trời về nơi ta đợi.
Cánh đã gãy, chim quần trên đất
Hằn lên cát trắng những hình hài.
Tả tơi rồi, chim chẳng thể bay,
Ai quyết định được thời khắc chết?
Chim biến mất phương nào không biết.*

Vết cánh vẫn lưu lại chốn này.

Một trái tim võ chẳng thể bay,

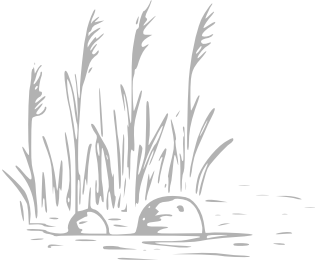
Ai quyết định được thời khắc chết?

Mặc dù tù nhân không thể thấy nhau, những người còn lại ở chỗ này – hai gã trai cuối dãy – dành hầu hết thời gian sáng tối để huyền thuyên lẫn nhảm với nhau. Cả hai bị phạt tù ba mươi ngày vì đánh lộn, kết thúc bằng vài cái xương gãy và mấy tấm gương bể nát, chỉ vì tranh ai nhõ nước bọt xa nhất tại quán Dog-Gone. Hầu hết thời gian họ nằm dài trên giường, gọi nhau từ hai buồng kế bên, nghe như đang nói chuyện với nhau từ dưới đáy hai cái trống. Hầu hết những lời ném qua ném lại là tin đồn họ nghe được từ khách đến thăm về vụ của Kya. Đặc biệt là khả năng cô bị phán tử hình, vốn là mức án đã hai mươi năm hạt này chưa ai phải chịu, và phụ nữ chưa phải lãnh bao giờ.

Kya nghe rõ từng từ một. Cái chết chẳng làm cô phiền lòng; họ không thể khiến cô lo sợ bằng lời dọa dẫm kết thúc cuộc sống tối tăm này. Nhưng cái quá trình bị giết trong tay kẻ khác, được dự tính và lên lịch, khó chấp nhận đến nỗi nó làm cô ngưng thở.

Giấc ngủ lảng tránh cô, nó lẩn lút bên rìa, rồi vọt ra xa. Tâm trí cô sẽ chìm theo những bức tường sâu của cơn mê đột ngột – một khoảnh khắc hạnh phúc – rồi cơ thể rừng mình đánh thức cô dậy.

Cô bước xuống từ thùng gỗ và ngẩng lên giường, cảm gác lên đầu gối. Họ đã đưa cô vào đây sau phiên xử, nên có lẽ là đã sáu giờ. Mới chỉ một tiếng trôi qua. Có khi còn chẳng lâu như vậy.



Cái kính hiển vi

1969

Đầu tháng Chín, hơn một tuần sau khi bị Chase tấn công, Kya dạo bước trên bờ biển của mình. Gió nứu giật lá thư trong tay, nên cô ấp nó vào ngực. Biên tập viên của cô đã mời cô đến Greenville gặp mặt, viết rằng ông hiểu cô không ra phố thường xuyên, nhưng ông muốn gặp cô, và nhà xuất bản sẽ trả phí cho chuyến đi đó.

Sáng ngày đứng sững trong vắt và nóng bức, nên cô lái thuyền vào trong đầm lầy. Ở cuối một cửa sông hẹp ngang, cô vòng qua một khúc quanh giăng cỏ và thấy Tate ngồi xổm trên một bãi cạn to, đang nhúng những cái lọ nhỏ xuống lấy mẫu nước. Chiếc du thuyền nhỏ dạo-biển-và-nghiên-cứu của cậu đang buộc vào một gốc cây và dạt ngang lòng kênh, chặn lối đi qua. Cô kéo cần lái. Những vết sưng và thâm trên mặt cô đã giảm phần nào, nhưng mấy mảng xanh lá tím xấu xí vẫn viền quanh cặp mắt cô. Kya chột hoảng. Cô không thể để Tate thấy gương mặt bầm dập của mình và cố gắng quay thuyền lại thật gấp.

Nhưng Tate đã ngẩng lên và vẫy tay. “Tấp vào đi, Kya. Anh có một chiếc kính hiển vi mới muốn cho em thấy.”

Câu này cũng có tác dụng như bánh thịt gà của cái bà bắt trẻ trốn học vậy. Cô chậm lại nhưng không trả lời ngay.

“Tới đây đi. Em không tin nổi độ phóng đại này đâu. Em có thể thấy giả tíc trên a-míp.”

Cô chưa bao giờ thấy một a-míp, nói gì tới những bộ phận của nó. Và việc thấy Tate một lần nữa cho cô cảm giác bình yên, một sự vững vàng. Quyết định rằng mình có thể quay khuôn mặt tím bầm về hướng khác, cô lôi thuyền lên và lội qua khoảng nước cạn tới chỗ cậu. Cô mặc quần soóc và áo thun trắng, mái tóc xõa ra. Đứng trên đỉnh một cái thang, cậu chìa tay ra và cô nắm lấy nó, tránh nhìn vào cậu.

Màu be nhẹ nhàng của chiếc du thuyền nhỏ hòa lẫn với đồng lầy, và Kya chưa bao giờ thấy thứ gì đẹp như phần boong gỗ tếp và bánh lái bằng đồng của nó. “Xuống đây,” cậu nói và bước vào cabin. Cô lướt mắt qua boong thuyền trưởng, cái bếp nhỏ trang bị xịn hơn bếp nhà cô, và chỗ ở đã được chuyển đổi thành một phòng thí nghiệm với nhiều kính hiển vi và giá để lọ nhỏ. Các thứ thiết bị khác nhấp nháy và hát ngâm nga.

Tate mài mó chiếc kính hiển vi lớn nhất và đi đầu chỉnh lam kính.

“Đây, một phút nữa thôi.” Cậu nhỏ một giọt nước đồng lầy lên lam kính, đặt một miếng kính khác lên, và chỉnh thị kính cho rõ. Rồi cậu đứng thẳng dậy. “Tới xem này.”

Kya cúi lên nó nhẹ nhàng, như hôn một đứa bé. Ánh sáng của kính hiển vi phản chiếu trong con người đen thẫm, và cô hít vào một hơi khi hàng hà vũ công diện trang phục rực rỡ như dự hội Mardi Gras xoay tròn và ập tới trước mắt cô. Những chiếc mũ đội đầu ngoài sức tưởng tượng điểm trang cho những cơ thể phi thường khát khao sự sống, chúng nó giống như mắc kẹt trong một rạp xiếc, không có một hạt nước nào.

Cô đặt tay lên tim. “Em không hề biết chúng có nhiều và đẹp đến như thế,” cô thốt lên, không rời mắt khỏi thị kính.

Cậu gọi tên vài loài lạ, rồi bước lùi lại, ngắm cô. *Em ấy cảm nhận được nhịp đập của sự sống, cậu nghĩ, vì không có lớp ngăn nào giữa em và Trái đất của em.*

Cậu cho cô xem thêm vài lam kính nữa.

Cô thì thầm, “Cũng giống như chưa bao giờ thấy các vì sao, rồi đột nhiên nhìn thấy chúng.”

“Em muốn uống chút cà phê không?” cậu hỏi khẽ.

Cô ngẩng đầu lên. “Không, không, cảm ơn anh.” Rồi cô lùi lại từ chiếc kính hiển vi, đi về khoang bếp. Lúng túng, giữ cho cặp mắt nâu và xanh lục của mình tránh ánh mắt cậu.

Tate đã quen với việc Kya tỏ ra cảnh giác, nhưng hành động của cô có vẻ xa cách và kỳ lạ hơn bất cứ lúc nào. Cứ ngoảnh về góc khác như vậy.

“Nào, Kya. Chỉ một ly cà phê thôi.” Cậu đã đi vào bếp và rót nước vào một cái máy nhều ra thứ chất lỏng nhờn, đậm. Cô đứng bên cầu thang dẫn tới boong trên, và cậu đưa cô một cái cốc, ra hiệu cho cô trèo lên. Cậu mời cô ngồi ghế nệm, nhưng cô cứ đứng cạnh đầu thang. Giống như mèo, cô biết lối thoát. Bãi cạn trắng toát uốn cong ngược phía với họ, dưới những bóng sồi phủ xuống chở che.

“Kya...” Cậu bắt đầu hỏi, nhưng khi cô quay qua, cậu thấy vết bầm đang phai trên gò má đó.

“Chuyện gì xảy ra với mặt em vậy?” Cậu bước lại gần, đưa tay định chạm má Kya. Thế là cô lập tức ngoảnh đi.

“Không có gì. Em chạy đập mặt vào cửa lúc nửa đêm thôi.” Cậu biết đi đâu đó không đúng vì cách cô vội vung tay lên che mặt. Ai đó đã đánh cô. Là Chase sao? Lẽ nào cô vẫn gặp hắn khi hắn đã có vợ? Tate nghiêng rằng.

Kya đặt cốc cà phê xuống, như thể chuẩn bị rời khỏi đó.

Cậu buộc mình trấn tĩnh. “Em đã bắt đầu quyền sách mới chưa?”

“Em sắp xong quyền về năm rưỡi. Biên tập viên của em sắp đến Greenville lúc nào đó cuối tháng Mười và muốn em gặp ông ở đó. Nhưng em không chắc nữa.”

“Em nên đi. Gặp ông cũng tốt mà. Có một chuyến xe buýt từ Barkley tới đó mỗi ngày, có chuyến chạy về đêm nữa. Không mất lâu đâu. Có lẽ chừng một tiếng hai mươi phút, khoảng đó.”

“Em không biết mua vé ở đâu.”

“Tài xế biết hết. Em cứ tới trạm ở Phố Main; ông ấy sẽ cho em biết những gì cần làm. Anh nghĩ Jumpin’ có lịch trình gắn ở cửa hàng đó.” Suýt nữa cậu đã nói rằng mình từng bắt xe nhiều lần từ Chapel Hill, nhưng nghĩ tốt hơn không nên nhắc cô nhớ đến những ngày tháng ngóng đợi trên bờ biển tháng Bảy nóng nực.

Họ im lặng một hồi, nhấp cà phê, lắng nghe một đôi chim ưng huyết lên dọc những vách mây cao vợi.

Cậu ngập ngừng không dám mời cô cà phê nữa, biết rằng nếu làm vậy cô sẽ bỏ về. Thế nên cậu hỏi cô về quyền sách năm đang làm, giải thích các loài động vật nguyên sinh mình nghiên cứu. Bất cứ mồi nhử nào để giữ cô lại.

Ánh chiều dịu dần và một luồng gió mát dâng lên. Lại đặt cốc cà phê xuống, cô nói, “Em phải đi rưỡi.”

“Anh đang định khai chút rượu. Em có muốn uống một ít không?”

“Không, cảm ơn.”

“Chờ một giây trước khi đi đã,” Tate nài trong khi chạy xuống bếp và

trở lại với một túi bánh mì thừa. “Gửi lời hỏi thăm của anh đến lũ mòng biển nhé.”

“Cảm ơn anh.” Cô trèo xuống cái thang.

Khi cô bước về phía con thuyền, cậu gọi to, “Kya, trời lạnh hơn rồi, em có cần một chiếc áo khoác không?”

“Không. Em ổn.”

“Này, ít nhất hãy cần nón của anh vậy,” rồi cậu ném chiếc nón lên đò về phía Kya. Cô bắt lấy và ném lại cho cậu. Cậu ném nó lần nữa, xa hơn, và cô sai bước băng bãi cạn, cúi xuống vớt lấy nó. Bất cười, cô nhảy vào thuyền, nỗ lực và khi chạy lại gần cậu, cô ném chiếc nón lên cái du thuyền nhỏ. Cậu toét miệng cười và cô cười khúc khích. Rồi họ ngưng cười và chỉ nhìn nhau, ném qua ném lại cái nón cho tới khi cô vòng qua khúc ngoặt. Rồi cô ngẩng phịch chỗ đuôi thuyền và đặt tay lên miệng. “Không,” cô nói to. “Mình không thể lại xiêu lòng trước anh ta. Mình sẽ không bị tổn thương lần nữa.”

Tate đứng ở đuôi thuyền. Siết chặt nắm tay trước hình ảnh ai đó đánh cô.

Cô ôm đường bờ biển ngay ngoài lần bọt sóng, chạy về phía nam. Theo lối này, cô sẽ đi qua bờ biển gần nhà trước khi tới con kênh dẫn qua đồng lầy vào lán. Thường thì cô không dừng lại ở bãi biển mà lái qua mép kênh rạch về phía nước, rồi mới đi bộ trở ra.

Nhưng khi cô đi qua, lũ mòng biển thấy cô và vây lấy con thuyền. Big Red đập lên mũi, gục gặc đầu. Cô phá lên cười. “Được rồi, tội mày thắng.” Cắt ngang lần bọt sóng, cô đưa thuyền lên bờ sau đám yến mạch biển cao ngồng và đứng ngay mép nước ném vụn bánh Tate đã gửi.

Khi mặt trời trải sắc vàng và hồng lên mặt nước, cô ngẩng trên bờ cát

với lũ mòng biển đậu xuống xung quanh. Đột nhiên, cô nghe tiếng động cơ và thấy cái thuyền cao tốc của Chase lao về phía con kênh nhà mình. Hấn không thấy được thuyền cô sau đám yến mạch, nhưng cô đang nằm phơi ra trước mắt trên bãi cát phẳng. Lập tức cô nằm thẳng, quay đầu qua một bên để có thể dõi theo hấn. Hấn đứng ở trước tay lái, tóc thổi ngược về sau, mặt cau lại xấu xí. Nhưng hấn không nhìn về phía cô khi rẽ vào con kênh dẫn tới lán nhà.

Khi hấn khuất khỏi tầm mắt, cô ngẩng dậy. Nếu cô không ngẩng dậy với lũ mòng biển, hấn đã bắt được cô tại nhà. Cô đã học hết lần này tới lần khác từ ba: những gã đàn ông này phải là người nện cú cuối cùng mới hả. Kya đã bỏ Chase nằm mọp trên đất. Hai ông già câu cá hấn đã thấy cô đánh gục hấn ta. Theo ý ba, Kya phải được dạy cho một bài học.

Khi hấn phát hiện cô không ở lán, hấn sẽ đi tới bãi biển liền. Cô chạy lên thuyền, nổ máy và hướng về phía Tate. Nhưng cô không muốn cho Tate biết chuyện Chase đã làm với mình; nổi hồ thẹn lấn át cả lý lẽ. Cô chậm lại và thả trôi trên làn sóng khi mặt trời khuất bóng. Cô phải trốn và chờ Chase bỏ đi. Nếu không thấy hấn đi, cô sẽ không biết lúc nào an toàn để mà về lán.

Cô quay vào con kênh nhỏ, lo sợ hấn sẽ rờ máy về phía cô bất cứ lúc nào. Động cơ chỉ mở vừa trên mức đứng im, để cô có thể nghe tiếng thuyền của hấn, rẽ đi vào một vùng nước tù rậm rạp đầy tán cây và bụi rậm chìa ra. Cô lùi sâu hơn vào dưới lùm cây, gạt những cành nhánh đi qua cho đến khi hàng lớp lá các loại và bóng đêm đang trùm xuống giấu kín cho mình.

Thở dần dập, cô đóng tai lên. Cuối cùng cô cũng nghe động cơ hấn gầm gào trong bầu không khí chiều hôm êm dịu. Cô thụp xuống thấp hơn

khi hắn tiến lại, đột nhiên lo sợ hắn có thể thấy mũi thuyền. Tiếng động tới rất gần, rồi trong giây lát thuyền hắn vụt qua. Cô ngồi đó gần ba mươi phút cho đến khi trời tối hẳn, rồi lướt về nhà bằng ánh sao nhấp nháy.

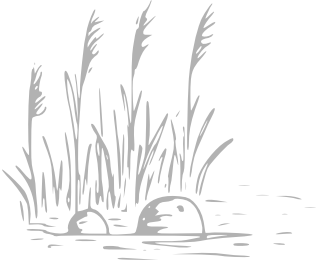
Kya lồi tẩm nệm ra bờ cát và ngồi với lũ mòng biển. Chúng chẳng để ý gì đến cô, mãi mê rửa mấy đôi cánh duỗi ra trước khi ngồi lên cát như những cục đá có lông vũ. Khi chúng khẽ cười nắc nẻ và rúc đầu vào ngủ, cô nhích tới nằm gần chúng nhất có thể. Nhưng thậm chí ở giữa tiếng gù và sột soạt nhẹ nhàng của chúng, Kya cũng không thể chớp mắt. Cô cứ lẩn qua trở lại bên này bên khác, bật dậy mỗi lần gió bắt chước tiếng bước chân.

Sóng hùng đông gần gào trong cơn gió táp chầm chích má Kya. Cô ngồi dậy giữa bầy chim trong khi chúng loanh quanh gần cô, đuổi người và đá chân, cào cào gì đó. Big Red – cổ nghiêng ngó, mắt mở to – có vẻ đã tìm thấy thứ gì đặc biệt thú vị bên dưới cánh, một động tác mà như ngày thường thì Kya đã bật cười. Nhưng lũ chim không mang tới cho cô niềm vui.

Cô bước ra mép nước. Chase sẽ không bỏ qua chuyện này. Sống tách biệt là một chuyện; sống trong sợ hãi lại là chuyện khác.

Cô tưởng tượng mình bước từng bước vào biển cả sôi sục, chìm vào sự tĩnh lặng dưới tầng sóng, mớ tóc lơ lửng như những giọt màu nước đen thẫm trong sắc xanh sáng của biển khơi, những ngón tay dài và cánh tay bồng bênh trôi về phía cái chói rục ngược sáng trên bề mặt. Giấc mơ được giải thoát – dù là qua cái chết – luôn nâng bổng ta về ánh sáng. Cái phần thưởng đung đưa, lấp lánh của bình an nằm ngay ngoài tầm với cho đến khi cuối cùng cơ thể cô chìm xuống đáy biển và nằm im trong cái tĩnh lặng tằm tối. An toàn.

Nhưng ai quyết định thời khắc chết?



Bạn tù

1970

Kya đứng giữa buồng giam. Đây cô ở trong tù. Nếu những người cô thương yêu, bao gồm cả Jodie và Tate, không bỏ rơi cô, giờ cô sẽ chẳng ở đây. Nương tựa vào người khác sẽ để ta trên mặt đất.

Trước khi bị bắt, cô đã thoáng thấy con đường trở lại bên Tate: một chỗ mở vào trái tim cô. Tình yêu nấn ná gần hơn nơi bề mặt. Nhưng khi cậu đến thăm cô trong tù vài bận, cô đã từ chối gặp cậu. Cô không rõ tại sao nhà tù lại đóng chặt tim mình hơn nữa. Tại sao cô không đón nhận sự an ủi cậu có thể cho cô ở chốn này. Có vẻ như giờ đây, khi Kya dễ tổn thương hơn bất cứ lúc nào, đó lại là lý do để cô ít tin người hơn nữa. Đứng ở nơi mong manh để đỡ nhất cuộc đời, cô quay sang tấm lưới duy nhất cô biết được – chính là bản thân cô.

Bị tống vào sau chấn song không bao lâu đã làm cô thấy rõ mình đơn độc dường nào. Cuộc gọi của cảnh sát trưởng đã nhắc cô nhớ rõ hơn: chẳng có ai để gọi. Số điện thoại duy nhất cô biết trên thế giới là của Jodie, và làm sao cô có thể gọi anh để báo rằng mình đang ở tù vì cáo buộc giết người? Sau từng ấy năm, sao cô có thể làm phiền anh bằng rắc rối của mình nữa? Và có lẽ nỗi hổ thẹn cũng là một phần trong đó.

Họ đã bỏ mặc cô để cô tự sinh tồn và tự vệ. Thế nên giờ cô mới ở đây, một mình.

Một lần nữa cô cầm lên cuốn sách vở sò kỳ diệu Tom Milton đã cho cô, đến lúc này nó là cuốn cô trân quý nhất. Vài tập sách sinh học chất trên sàn, mà gác ngục nói là Tate đã mang tới, nhưng cô không thể nắm bắt từ ngữ. Các câu cứ lang thang ra đủ mọi hướng, vòng về điểm khởi đầu. Những bức tranh vẽ vở sò lại dễ hơn.

Tiếng bước chân gõ lộp cộp trên sàn lát gạch rẻ tiều và Jacob, một người đàn ông da đen nhỏ thó làm gác ngục, xuất hiện trước cửa. Anh ta giơ lên một túi giấy nâu rõ lớn. “Xin lỗi vì đã làm phiền cô, cô Clark, nhưng cô có một người khách tới thăm. Cô phải đi với tôi.”

“Là ai vậy?”

“Luật sư của cô, ông Milton.” Những tiếng *lanh canh* kim loại vang lên khi Jacob mở khóa cửa buồng và đưa cô cái túi. “*Dà* đây là đồ Jumpin’ gửi.” Cô đặt túi lên bàn và đi theo Jacob dọc hành lang vào một phòng còn nhỏ hơn buồng giam nữa. Tom Milton đứng dậy từ trên ghế khi cô vào đó. Kya gật đầu với ông rồi nhìn ra cửa sổ, nơi một đám mây vũ tích khổng lồ với gò má màu đào đang tự phồng lên.

“Chào buổi tối, cô Kya.”

“Ông Milton.”

“Kya, xin cứ gọi tôi là Tom. Và tay cô sao vậy? Cô làm mình bị thương à?”

Cô giật phắt tay lại, che đi mạng lưới cô đã cào lên cánh tay. “Chỉ là vết muỗi chích thôi, tôi nghĩ thế.”

“Tôi sẽ nói chuyện với cảnh sát trưởng; đúng ra không được có muỗi trong phòng cô.”

Cúi đầu xuống, cô đáp, “Làm ơn, không, không sao cả. Tôi không lo

ngại lũ côn trùng.”

“Được rồi, dĩ nhiên, tôi sẽ không làm điều gì cô không muốn. Kya, tôi đến nói với cô về những lựa chọn.”

“Lựa chọn gì?”

“Để tôi giải thích. Lúc này thật khó mà biết được bên nào thắng bên nào. Công tố viên có tập hợp lập luận và bằng chứng tốt. Chúng không vững chắc, nhưng xét đến việc người trong thị trấn này đã có định kiến với cô, cô phải chuẩn bị tinh thần rằng sẽ không dễ để ta thắng kiện. Nhưng chúng ta có lựa chọn là thỏa thuận nhận tội. Cô biết tôi đang nói về cái gì chứ?”

“Không hẳn.”

“Cô đã không nhận tội giết người cấp độ một. Nếu chúng ta thua, cô sẽ thua to: tù chung thân hoặc như cô đã biết, họ đang muốn kết án tử hình. Cô có lựa chọn là nhận một tội nhẹ hơn, ví dụ như vô ý giết người chẳng hạn. Nếu cô sẵn lòng nói, phải, cô đã đến tháp phòng cháy tối đó, cô đã gặp Chase, hai người có bất đồng và trong một tai nạn khủng khiếp, cậu ta đã té ngựa qua tấm vỉ, phiên tòa có thể lập tức kết thúc và cô không phải chịu đựng tất cả những phiền phức này nữa, và chúng ta có thể thương lượng với bên công tố về một bản án. Vì cô chưa bao giờ bị kết tội trước đây, họ có thể phán cô mười năm tù, và cô có thể ra trong vòng sáu năm, có lẽ. Tôi biết vậy nghe có vẻ tệ, nhưng còn đỡ hơn dành cả đời trong nhà giam hoặc nhận bản án kia.”

“Không, tôi sẽ không nói bất cứ thứ gì ngụ ý mình có tội. Tôi sẽ không vào tù.”

“Kya, tôi hiểu, nhưng làm ơn dành chút thời gian suy nghĩ về điều đó. Cô không muốn sống cả đời trong tù, và cô cũng không muốn – cái án

kia.”

Kya nhìn ra cửa sổ lần nữa. “Tôi không cần phải nghĩ gì hết. Tôi sẽ không ngẩng đầu.”

“Chà, chúng ta không phải quyết định ngay bây giờ. Chúng ta có chút thời gian. Hãy xem tình hình thế nào đã. Trước khi tôi đi, có gì cô muốn thảo luận với tôi không?”

“Làm ơn đưa tôi ra khỏi đây. Bằng cách này hay – cách khác.”

“Tôi sẽ cố gắng hết sức để gỡ cô ra, Kya. Nhưng đừng bỏ cuộc. Và xin cô hãy giúp tôi. Như tôi đã nói trước đó, cô cần phải tích cực tham gia, thỉnh thoảng nhìn vào bối cảnh thâm đoàn một chút...”

Nhưng Kya đã quay lưng rời khỏi đó.

Jacob dẫn cô trở về buồng giam, nơi cô cầm lên túi giấy của Jumpin’ – đã bị tháo ra bởi cai ngục và khâu lại. Cô mở nó, giữ và gấp lại giấy gói. Bên trong là một cái giỏ với những lọ màu nước tí hon, một cây cọ, giấy, và một túi giấy đựng bánh muffin ngô của Mabel, xếp trong giỏ là một cái tổ bằng lá thông khô, vài chiếc lá sồi, một ít vỏ sò và vài cọng cỏ đuôi mèo dài ngoẵng. Kya hít thở sâu. Mím môi lại. Jumpin’. Mabel.

Mặt trời đã lặn. Không còn hạt bụi nào để dõi theo nữa.

Lát sau, Jacob đến dọn khay cơm tối của cô. “Tôi phải nói, cô Clark à, cô không ăn *dì* cả. *Hông có dì* ngon hơn mấy miếng sườn heo và rau cải *nài* đâu.” Cô khẽ mỉm cười với anh ta, rồi lắng nghe khi tiếng bước chân nặng nề lộp cộp đến hết hành lang nhà ngục. Cô chờ nghe cánh cửa kim loại đóng sập lại cho một kết thúc nặng nề.

Rồi có thứ gì di chuyển trên sàn hành lang, ngay sau song sắt. Cô nhìn vội ra đó. Sunday Justice đang ngó trên chân sau và nhìn vào đôi mắt đen thẫm của cô với cặp mắt xanh lục.

Tim cô dồn lên. Bị nhốt trong đây một mình suốt hàng tuần, và giờ sinh vật này có thể bước qua chân song như phù thủy. Đến ở cùng cô. Sunday Justice dời mắt khỏi cô và nhìn xuống hành lang, về phía tiếng trò chuyện của hai người tù còn lại. Kya sợ rằng chú sẽ bỏ cô và đi tới chỗ mấy gã đó. Nhưng chú ngoảnh lại nhìn cô, chớp mắt trong vẻ buồn chán bất buộc, rồi dễ dàng lách giữa hai song sắt. Vào trong buồng.

Kya thở hắt ra. Thì thầm, “Xin hãy ở lại.”

Nhấn nha, chú ngửi ngửi một vòng căn buồng, nghiên cứu những bức tường xi măng ẩm ướt, mấy ống nước lộ ra, bồn rửa, và suốt trong lúc đó vẫn buộc mình phớt lờ cô. Một vết nứt trên tường là thứ thú vị nhất với chú. Cô biết thế vì chú ngoe nguẩy ý nghĩ của mình trên chiếc đuôi cong. Chú kết thúc chuyến tham quan bên cạnh chiếc giường nhỏ. Và rồi, tự nhiên như thế, chú nhảy phốc vào lòng cô và cuộn mình, bàn chân to trắng tìm được chỗ bám êm trên đùi Kya. Cô ngó đó cứng đờ, tay hơi giơ lên để không cản trở chú di chuyển. Cuối cùng, chú nằm xuống như thể vẫn rúc mình vào đó mọi đêm khác trong đời. Chú nhìn cô. Nhẹ nhàng cô vuốt lên đầu chú, rồi gãi cổ cho chú. Một tiếng rừ rừ to bật ra như dòng chảy. Cô nhắm mắt lại trước sự chấp nhận dễ dàng như thế. Một khoảng lặng sâu thẳm trong cả cuộc đời mong mỏi khát khao.

Sợ di chuyển, cô ngó im lìm cho đến khi chân bị chuột rút, rồi hơi nhúc nhích để đuổi cơn Sunday Justice, không mở mắt ra, trượt khỏi đùi cô và cuộn tròn bên cạnh. Cô nằm xuống trong khi vẫn mặc nguyên quần áo, và cả hai rúc vào nhau. Cô nhìn chú mèo ngủ, rồi thiếp đi theo. Không phải

roi tới một cú giật mình, mà trôi dạt, cuối cùng, vào một sự bình yên trống rỗng.

Một lần trong đêm, cô mở mắt và ngắm chú mèo nằm phè ra ngủ, chân trước vươn về hướng nọ, chân sau lại chĩa hướng kia. Nhưng khi cô bừng tỉnh vào rạng đông, chú mèo đã đi mất. Một tiếng rên vùng vẫy trong hòng cô thất lại.

Lát sau, Jacob đứng ngoài buồng giam, giờ khay cơm một tay, mở khóa cửa bằng tay còn lại. “Có cháo yến mạch cho cô đây, cô Clark.”

Cô đón lấy cái khay và lên tiếng, “Jacob, chú mèo trắng đen ngủ trong phòng xử án. Chú ta đã ở đây tối hôm qua.”

“Ô, thật xin lỗi cô. Đó là *Sundee* Justice. Thỉnh thoảng nó lên vô *dối* tôi và tôi *hông* thấy nó *dì* mắc cấn mấy khay cơm tối. Kết quả là tôi đóng cửa để nó *dối* mọi người.” Đủ tử tế để không nói *khóa lại*.

“Không sao. Tôi thích có nó ở đây. Làm ơn, anh có thể cho nó vào khi thấy nó sau bữa tối được không? Hay bất kỳ lúc nào cũng được.”

Jacob nhìn cô với cặp mắt hiên dụ. “*Dĩ* nhiên là được. Tôi sẽ làm thế, cô Clark, sẽ làm vậy. Có thể thấy nó là một người *bạng* rất tốt.”

“Cảm ơn, Jacob.”

Tối đó, Jacob trở lại. “Đồ ăn của cô *đay*, cô Clark. Gà chiên, khoai *tay* nghiền *dối* nước xốt thịt từ quán. Hy vọng cô có thể ăn một *chúc* tối nay.”

Kya đứng dậy, nhìn quanh chân anh ta. Cô đón lấy cái khay. “Cảm ơn anh, Jacob. Anh có thấy chú mèo không? ‘

“*Hông*. *Hông* thấy đâu *hếch*. Nhưng tôi sẽ để mắt coi chừng.”

Kya gật đầu. Cô ngẩng lên giường, chỗ duy nhất để ngẩng, và nhìn chăm chăm vào đĩa. Ở đây, trong tù, thức ăn ngon hơn tất cả những gì cô

từng thấy cả đời. Cô chọc chọc miếng gà, đẩy đẩy mớ đậu lima. Khi tìm thấy thức ăn, bụng cô đã biến mất.

Rồi có tiếng vặn ổ khóa, cánh cửa kim loại nặng mở ra.

Cuối hành lang, cô nghe Jacob kêu, “Được *đôi*, nó đó cô, ngài *Sundee Justice*.”

Nín thở, Kya nhìn ra mặt sàn ngoài buồng giam của mình và vài giây sau, Sunday Justice đã bước vào tầm mắt. Màu lông của nó bất ngờ vừa sắc nét vừa mềm mại. Lần này không chút ngập ngừng, nó bước vào buồng và đi lại chỗ Kya. Cô để đĩa thức ăn xuống sàn và nó dứt ngay miếng gà – kéo cái đùi ra sàn mà chén – rồi liếm láp nước thịt. Bỏ qua mớ đậu lima. Cô mỉm cười suốt cảnh tượng đó, rồi chùi sạch sàn bằng khăn giấy.

Nó nhảy lên giường cô, và giấc ngủ êm đềm quấn lấy họ.

Hôm sau, Jacob đứng ngoài cửa buồng cô. “Cô Clark, cô có một vị khách *nửa*.”

“Ai vậy?”

“Lại là cậu Tate. Cậu ấy đã tới *dài* lần rồi, cô Clark, hoặc đem tới cái *dì* đó hoặc xin được gặp cô. Cô không gặp cậu ấy hôm nay sao, cô Clark? Nay là thứ *bải*, không có phiên tòa, không có *dì* làm suốt cả ngày.”

“Được rồi, Jacob.”

Jacob dẫn cô vào cùng căn phòng tối ám nơi cô đã gặp Tom Milton. Khi cô bước qua cửa, Tate đứng lên từ ghế và bước lại gần cô thật nhanh. Cậu khẽ mỉm cười nhưng ánh mắt để lộ nỗi xót xa khi thấy cô ở chốn này.

“Kya, trông em vẫn ổn. Anh đã lo lắng lắm. Cảm ơn em vì đã gặp anh. Ngồi xuống đi em.” Họ ngồi đối diện nhau trong khi Jacob đứng đọc một tờ báo trong góc với sự chăm chú thật cần thiết với hai người.

“Chào anh, Tate. Cảm ơn vì những quyển sách anh đem tới.” Cô tỏ vẻ bình tĩnh, nhưng trái tim cô vẫn muôn mảnh vỡ rời.

“Anh còn có thể làm gì cho em không?”

“Chắc anh có thể cho lũ mòng biển ăn nếu đi qua chỗ của em.”

Cậu mỉm cười, “Ừ, mấy nay anh cho chúng ăn mà. Cách một ngày hay cỡ đó.” Cậu tỏ ra không có gì cả nhưng đã lái xe hoặc đi thuyền tới chỗ cô mỗi rạng sáng và hoàng hôn để cho chúng thức ăn.

“Cảm ơn anh.”

“Anh đã tới dự phiên xử, Kya, ngồi ngay sau em. Em không lần nào quay lại nên anh không rõ em có biết không. Nhưng anh sẽ ở đó mỗi ngày.”

Cô nhìn ra cửa sổ.

“Tom Milton rất giỏi, Kya. Có lẽ là luật sư giỏi nhất trong bang ở khu vực này. Ông sẽ đưa em ra khỏi đây. Cố chờ một thời gian nhé.”

Khi cô một lần nữa không đáp, cậu tiếp tục. “Và ngay khi em ra khỏi đây, chúng ta sẽ trở lại khám phá đồng lầy như ngày xưa vậy.”

“Tate, làm ơn, anh phải quên em.”

“Anh chưa bao giờ và sẽ không bao giờ quên em, Kya.”

“Anh biết em khác biệt mà. Em không hòa hợp với mọi người. Em không thể là một phần thế giới của anh. Xin anh, anh không hiểu sao, em sợ lại gần gũi với người khác thêm lần nữa. Em không thể.”

“Anh không trách em, Kya, nhưng...”

“Tate, hãy nghe em. Trong nhiều năm ròng em đã khao khát được ở

bên mọi người. Em thật sự đã tin rằng sẽ có ai đó ở lại với em, rằng em sẽ có bạn và một gia đình. Là một phần của nhóm. Nhưng không ai ở lại. Không phải anh hay bất cứ thành viên nào của nhà em. Bây giờ cuối cùng em cũng học được cách đối mặt với đi đầu đó và bảo vệ bản thân. Nhưng em không thể nói chuyện này bây giờ. Em rất cảm ơn anh đã đến thăm em trong đây, thật sự. Và có lẽ một ngày nào đó chúng ta có thể là bạn, nhưng em không thể nghĩ tiếp theo sẽ là gì. Không phải trong đây.”

“Được rồi. Anh hiểu. Thật sự, anh hiểu.”

Sau một quãng im lặng ngắn, cậu nói tiếp. “Tiếng tù và đã gọi rồi.”

Cô gật đầu, suýt mỉm cười.

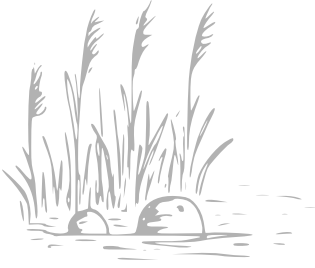
“Ồ, và hôm qua khi anh ở chỗ em, em không tin đâu, nhưng một chú đi đầu hâu Cooper trông đã đậu ngay trên bậc thềm.”

Cuối cùng cũng có một nụ cười khi cô nghĩ đến Coop. Một trong nhiều ký ức riêng tư của mình cô. “Có, em tin mà.”

Mười phút sau, Jacob bảo thời gian của họ đã hết và Tate phải đi rồi. Kya cảm ơn cậu lần nữa vì đã tới.

“Anh sẽ tiếp tục cho lũ mòng biển ăn, Kya. Và anh sẽ mang tới cho em vài cuốn sách.”

Cô lắc đầu và đi theo Jacob.



Chiếc nón đỏ

1970

Vào buổi sáng thứ Hai, sau chuyến thăm của Tate, khi Kya được đưa vào phòng xử án bởi chấp hành viên, cô giữ mắt mình tránh những người đến dự như lần trước, và nhìn sâu vào bóng cây bên ngoài. Nhưng rồi cô nghe một âm thanh quen thuộc, có lẽ là tiếng ho khẽ, và quay lại. Ở đó, trên hàng ghế đầu tiên bên cạnh Tate, là Jumpin' và Mabel, bà đang đội chiếc mũ bon-nê đi dự lễ nhà thờ điểm những bông hồng lụa. Người ta đã xôn xao khi họ đi vào cùng Tate và ngồi ở tầng dưới trong "khu da trắng". Nhưng khi chấp hành viên báo cáo đi đầu này với Thẩm phán Sims, vẫn còn ở phòng ông, thẩm phán đã bảo ông này thông báo rằng mọi người có thể ngồi bất cứ đâu họ muốn trong phòng xử của ông, bất kể màu da hay tín ngưỡng của họ là gì, và nếu có ai không thích chuyện này, họ cứ việc rời đi. Thực ra, ông sẽ đảm bảo kẻ phản đối phải rời khỏi đó.

Khi thấy Jumpin' và Mabel, Kya cảm nhận mình có thêm chút sức mạnh, và lưng cô thẳng hơn một chút.

Nhân chứng tiếp theo của bên công tố, bác sĩ Steward Cone, người khám nghiệm tử thi, có mái tóc ngả bạc cắt ngắn và đeo kính tụt quá thấp trên mũi, một thói quen buộc ông phải ngả đầu ra để nhìn qua tròng kính. Khi ông trả lời những câu hỏi của Eric, tâm trí Kya lơ đãng nghĩ tới bãi mòng biển. Những tháng dài ở trong tù, cô đã mong nhớ chúng, vậy mà

suốt từ đó, Tate vẫn cho chúng cái ăn. Chúng không bị bỏ rơi. Cô nghĩ về Big Red, về cách nó bước qua ngón chân cô khi cô ném cho chúng vụn bánh.

Người khám nghiệm ngửa đầu ra để chỉnh mắt kính, động tác lồi Kya trở lại phòng xử.

“Vậy để tóm lại, ông làm chứng rằng Chase Andrews đã chết vào khoảng giữa nửa đêm và hai giờ sáng khuya 29 rạng 30 tháng Mười, năm 1969. Nguyên nhân cái chết là tổn thương nghiêm trọng lên bộ não và cột sống do ngã qua một tấm vỉ mở trên tháp phòng cháy, cách mặt đất mười chín mét. Khi ngã xuống, cậu ấy đã đập phía sau đầu lên một cái xà, đi đầu này được xác nhận bởi mẫu máu và tóc lấy từ đó. Tất cả đi đầu này có đúng không, theo ý kiến chuyên môn của ông?”

“Đúng.”

“Nào, bác sĩ Cone, tại sao một chàng trai trẻ thông minh và khỏe mạnh như Chase Andrews lại bước qua một tấm vỉ mở để té từ trên cao xuống mà chết? Để loại trừ một khả năng, có c ãn hay chất gì khác trong máu có thể làm suy yếu khả năng phán đoán của cậu ấy không?”

“Không, không có.”

“Chứng cứ đã trình bày trước đây cho thấy Chase Andrews đập phía sau đầu lên thanh xà đó, không phải trán.” Eric đứng trước b ả thẩm đoàn và bước một bước dài. “Nhưng khi tôi bước ra trước, đầu tôi sẽ ở trước cơ thể tôi một chút. Nếu tôi bước vào một cái lỗ ngay trước mặt tôi, đà và trọng lượng đầu tôi sẽ khiến tôi chúi về phía trước. Có đúng không? Như vậy Chase Andrews sẽ đập trán lên xà, không phải sau sọ, nếu cậu ấy bước về trước. Vậy bác sĩ Cone, phải chăng chứng cứ cho thấy Chase đang lùi lại khi cậu ấy ngã?”

“Phải, chứng cứ ủng hộ kết luận đó.”

“Vậy chúng ta cũng có thể kết luận rằng nếu Chase Andrews đang đứng quay lưng về phía tấm vỉ mở và bị ai đó đẩy, cậu ấy sẽ ngã ra sau, không phải chúi về trước, đúng không?” Trước khi Tom có thể phản đối, Eric nói nhanh, “Tôi không bảo ông khẳng định đây là chứng cứ cho thấy chắc chắn Chase bị đẩy ngã. Tôi chỉ làm rõ rằng nếu có ai đó đẩy Chase ngã ngửa qua cái lỗ, vết thương trên đầu cậu ấy sẽ trùng khớp với vết thương tìm thấy trên thực tế. Đúng chứ?”

“Phải.”

“Được rồi. Bác sĩ Cone, khi ông khám nghiệm cho Chase Andrews tại phòng khám, vào buổi sáng ngày 30 tháng Mười, cậu ấy có đeo một sợi dây chuyền vỏ sò không?”

“Không.”

Để nén cơn buồn nôn chực dâng lên, Kya tập trung vào Sunday Justice đang tự chải lông trên bậu cửa sổ. Vượn người thành một tư thế không tưởng, một chân giơ thẳng lên cao, chú liếm mé trong chóp đuôi mình. Việc tắm rửa dường như cuốn hút chú hoàn toàn và làm chú vui thích lắm.

Vài phút sau, công tố viên hỏi, “Có đúng là Chase Andrews đã mặc một cái áo khoác denim vào đêm cậu ấy chết?”

“Phải, đúng thế.”

“Và theo báo cáo chính thức của ông, bác sĩ Cone, có phải ông đã tìm thấy sợi len đỏ trên áo khoác Chase? Những sợi vải không đến từ bất cứ món đồ nào cậu ấy đang mặc?”

“Phải.”

Eric giơ lên một túi nhựa trong suốt chứa vài mẫu sợi len đỏ. “Đây có phải là những sợi chỉ đỏ được tìm thấy trên áo khoác của Chase Andrews không?”

“Phải.”

Eric giơ lên một cái túi lớn hơn đặt trên bàn mình. “Và có đúng là sợi len đỏ tìm thấy trên áo khoác của Chase khớp với sợi của chiếc nón đỏ này?” Ông đưa cái túi cho nhân chứng.

“Phải. Đây là những mẫu tôi đã dán nhãn, sợi vải từ chiếc nón và cái áo khoác khớp nhau hoàn toàn.”

“Chiếc nón này được tìm thấy ở đâu?”

“Cảnh sát tìm thấy chiếc nón trong nhà của cô Clark.” Đây không phải là thông tin nhiều người biết, và những tiếng rì rầm lan khắp đám đông.

“Có chứng cứ nào cho thấy cô ấy đã đội chiếc nón không?”

“Có. Sợi tóc của cô Clark được tìm thấy trên chiếc nón.”

Ngắm Sunday Justice trong tòa án làm Kya vợ vẫn nghĩ về việc gia đình mình chưa bao giờ có thú cưng. Không một chú chó hoặc mèo nào. Vật duy nhất gần như vậy là một con chồn hôi cái – một sinh vật bóng mờ, uyển chuyển và xác xược – sống dưới lán nhà. Má gọi cô nàng là Chanel.

Sau vài lần suýt đụng nhau, tất cả đã làm quen với nhau, và Chanel trở nên cực kỳ lịch sự, chỉ sừng lên khi bọn trẻ quấy quá. Cô nàng đến và đi, thỉnh thoảng chỉ cách người đang bước lên bước xuống bậc thềm gạch ván chùng vài bước.

Mỗi mùa xuân cô nàng dẫn bầy con đi sục sạo cướp phá rừng sồi và

đọc các dòng nước. Rồi nhón nháo chạy ra sau, nhủi vào và chạy lên con khác trong bầy thành một mớ hỗn độn đen trắng.

Ba, dĩ nhiên, luôn đe dọa sẽ xử cô chồn, nhưng Jodie, cho thấy sự trưởng thành hơn hẳn người cha, nói với vẻ mặt tỉnh rụi, “Rồi sẽ có con khác chuyển đến ở, và con luôn cho rằng một con chồn hôi mình biết thì tốt hơn một con lạ hoắc lạ huơ.” Cô mỉm cười, nghĩ tới Jodie. Rồi ngăn mình lại.

“Vây, bác sĩ Cone, trong đêm Chase Andrews chết, đêm cậu ấy ngã ngựa qua tấm vỉ mở – một tư thế trùng khớp với việc bị đẩy ngã bởi ai đó – những sợi vải trên áo khoác cậu ấy đến từ chiếc nón đỏ được tìm ra ở nhà cô Clark. Và có sợi tóc của cô Clark trên chiếc nón.”

“Phải.”

“Cảm ơn, bác sĩ Cone. Tôi không còn câu hỏi nào nữa.”

Tom Milton thoáng nhìn qua Kya, người đang dõi mắt lên bầu trời. Căn phòng đã ngã về phía bên công tố như thể sàn bị nghiêng đi, và Kya không giúp được gì khi cô cứ ngẩng cứng ngắc và xa cách – được đeo ra từ một khối băng. Ông gạt nhẹ vài sợi tóc bạc ra khỏi trán và bước lại gần người khám nghiệm để thăm vắn chéo.

“Chào buổi sáng, bác sĩ Cone.”

“Chào buổi sáng.”

“Bác sĩ Cone, ông đã khai rằng vết thương sau đầu Chase Andrews trùng khớp với việc cậu ấy bước lùi và té qua một cái lỗ. Có phải nếu cậu ấy tự bước ra sau và ngã xuống lỗ do tai nạn, kết quả của việc đập đầu lên thanh xà cũng sẽ hết như thế?”

“Phải.”

“Có vết bầm nào trên ngực và cánh tay Chase trùng khớp với việc cậu ấy bị xô hoặc đẩy không?”

“Không. Dĩ nhiên là có vết thâm tím khắp người cậu ấy do cú ngã. Hầu hết ở trên lưng và chân cậu ấy. Không vết bầm nào có thể được xác định chính xác là bị gây ra do một cú xô hoặc đẩy cả.”

“Thực ra, có phải là không có bất kỳ chứng cứ nào cho thấy Chase Andrews bị đẩy qua cái lỗ?”

“Đúng thế. Không có chứng cứ nào tôi biết cho thấy Chase Andrews bị đẩy ngã.”

“Vậy, bác sĩ Cone, không có chứng cứ nào từ cuộc khám nghiệm chuyên môn của ông chứng tỏ đây là một vụ giết người và không phải là tai nạn?”

“Không.”

Tom dừng lại một chút, để câu trả lời này ngấm vào b ối thẩm đoàn, rồi tiếp tục. “Hãy nói về những sợi len đỏ tìm thấy trên áo khoác của Chase. Có cách nào để xác định những sợi chỉ đã ở trên áo khoác bao lâu rồi không?”

“Không. Chúng tôi chỉ có thể nói chúng đến từ đâu, nhưng không thể biết khi nào.”

“Nói cách khác, những sợi chỉ đó có thể đã ở trên cái áo cả năm trời, thậm chí cả bốn năm?”

“Đúng vậy.”

“Ngay cả khi cái áo khoác được giặt?”

“Phải.”

“Vậy là không có chứng cứ cho thấy những sợi chỉ bám vào cái áo

khoác trong đêm Chase chết?”

“Không.”

“Có lời khai cho biết bị cáo đã quen Chase Andrews trong bốn năm trước cái chết của cậu ấy. Vậy ông nói rằng bất cứ lúc nào trong bốn năm đó, khi họ mặc hai món quần áo nọ gặp nhau, có thể sợi vải đã được chuyển từ chiếc nón sang áo khoác.”

“Từ những gì tôi đã thấy, đúng vậy.”

“Vậy sợi vải đó không chứng minh cô Clark đã ở bên Chase Andrews vào đêm cậu ấy chết. Có bất kỳ chứng cứ nào cho thấy cô Clark đã ở gần Chase Andrews tối đó không? Ví dụ, mẫu da của cô ấy trên người hoặc dưới móng tay cậu ấy, dấu tay cô ấy trên nút hoặc nút bấm áo khoác cậu ấy? Sợi tóc cô ấy trên quần áo hay trên người Chase?”

“Không có.”

“Vậy, trên thực tế, vì sợi vải đỏ có thể đã nằm trên áo khoác cậu ấy bốn năm rồi, không có bất kỳ chứng cứ nào cho thấy cô Catherine Clark ở gần Chase Andrews vào đêm cậu ấy chết?”

“Từ cuộc khám nghiệm của tôi thì đúng vậy.”

“Cảm ơn ông. Không còn câu hỏi nào nữa.”

Thẩm phán Sims tuyên bố nghỉ trưa sớm.

Tom khẽ chạm lên khuỷu tay Kya và thì thầm rằng phần thẩm vấn chéo đã diễn ra tốt đẹp. Cô khẽ gật đầu khi mọi người đứng dậy và vươn vai. Hầu như tất cả đều ở lại đủ lâu để xem Kya bị còng lại và dẫn ra khỏi phòng.

Trong lúc tiếng chân Jacob vang vọng xa dần dọc hành lang sau khi để cô lại trong buồng, Kya ngẩng phịch xuống giường cô. Khi cô mới bị

tổng giam, họ không cho cô đem ba lô vào tù nhưng để cô lấy vài món đồ mang theo trong một túi giấy nâu. Cô thò tay vào túi và lôi ra mẫu giấy có số điện thoại và địa chỉ Jodie trên đó. Từ khi tới đây, cô nhìn nó hầu như mỗi ngày và nghĩ tới việc điện cho anh, gọi anh đến với cô. Cô biết anh sẽ tới, và Jacob đã nói cô có thể dùng điện thoại. Nhưng cô vẫn chưa làm thế. Làm sao cô nói được mấy lời: *Xin hãy tới gặp em; em đang ở tù, bị buộc tội sát nhân*.

Cẩn thận, cô để mẫu giấy trở vào trong túi và lấy ra chiếc la bàn Chiến tranh Thế giới thứ Hai Tate tặng cô. Cô để cây kim lắc về phía bắc và ngấm nó đứng im lại. Cô áp nó lên tim mình. Có nơi đâu mà một người cần đến la bàn hơn trong này chứ?

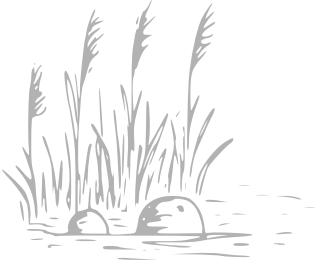
Rồi cô thì thầm vài lời của Emily Dickinson:

Ta quét dọn trái tim,

Cất Tình Yêu đi khuất

Chẳng muốn dùng đến nữa

Chẳng bao giờ, bao giờ.



Vua của thế giới

1969

Biển và trời tháng Chín lấp lánh màu xanh nhạt dưới một mặt trời hiên dịu khi Kya lác lác trên chiếc thuyền nhỏ tới chỗ Jumpin' lấy lịch trình xe buýt. Ý nghĩ phải bắt xe cùng người lạ tới một thành phố lạ làm cô lo lắng, nhưng cô muốn gặp biên tập viên của mình, Robert Foster. Trong hơn hai năm, họ đã trao đổi nhiều dòng thư ngắn – và vài lá thư dài – chủ yếu thảo luận về những đi đâu chinh biên tập cho lời và tranh vẽ trong sách của cô, nhưng việc thư từ, được viết qua ghi lại thường xuyên bằng lối diễn đạt hòa chất thơ cùng sinh học, đã trở thành một mối liên hệ được gắn kết bằng ngôn ngữ riêng của nó. Cô muốn gặp người ở đầu kia đường dây thư tín, người biết rõ cách ánh sáng bình thường vỡ ra trên những lăng kính cực nhỏ trong lông vũ chim ruồi, tạo ra cái óng ánh đủ sắc màu trên chiếc cổ đỏ vàng bé nhỏ. Và biết làm sao để diễn đạt nó bằng những từ cũng ấn tượng như sắc màu kia.

Khi cô bước lên cầu tàu, Jumpin' chào cô và hỏi cô cần xăng chứ.

“Không, cảm ơn ông, lần này thì không. Cháu cần ghi lại lịch trình xe buýt. Ông có một bản sao, phải không ạ?”

“Có đấy. Gắn trên tường, bên trái *tất cả*. Cứ tự *nhìn* coi đi nhé.”

Sau khi cô bước ra từ cửa hàng với lịch trình xe chạy, ông hỏi, “Cháu

định đi đâu hả, cô Kya?”

“Có thể ạ. Biên tập viên của cháu mời cháu tới Greenville gặp ông ấy. Cháu chưa chắc nữa.”

“Chà, *dậy* thì tốt lắm. Đường tới đó khá xa, nhưng một chuyến đi *xẻ* tốt cho cháu.”

Khi Kya quay đi để xuống thuyền, Jumpin’ nghiêng người lại gần và nhìn cô kỹ hơn. “Cô Kya, có chuyện *dì* xảy ra với mắt và mặt của cháu *dậy*? Trông như cháu đã bị đánh, cô Kya.” Lập tức cô ngoảnh mặt đi. Vết bầm từ cú thui của Chase đã phai thành màu vàng nhàn nhạt sau gần một tháng, và Kya tưởng sẽ không ai để ý.

“Không, cháu chỉ đập mặt vào cánh cửa ở...”

“Đừng có bịa chuyện với ta, cô Kya. Ta đâu bị té xuống từ xe tải chở củ cải. Ai đã đánh cháu như *dậy*?”

Cô đứng im lặng.

“Có phải cậu Chase làm chuyện này với cháu không? Cháu biết cháu có thể nói ta nghe mà. Thực ra, chúng ta *xẻ* đúng nguyên ở đây đến khi cháu nói ta nghe *rở*.”

“Phải, là Chase.” Kya gần như không tin nổi lời vừa thoát ra từ miệng mình. Cô chưa bao giờ nghĩ mình có người để chia sẻ những chuyện như vậy. Cô lại quay đi lần nữa, cố nén nước mắt.

Cả khuôn mặt Jumpin’ cau lại. Ông không nói gì trong giây lát. Và rồi, “Hắn còn làm gì nữa?”

“Không gì hết, cháu thề. Hắn đã cố, Jumpin’, nhưng cháu chống trả được.”

“Thằng đó phải bị *quắc* bằng roi ngựa và đuổi khỏi thị trấn.”

“Jumpin’, làm ơn. Ông không thể cho ai biết. Ông biết ông không thể báo cảnh sát hay bất kỳ ai mà. Họ sẽ lôi cháu vào đồn cảnh sát và buộc cháu kể lại chuyện đã xảy ra trước một đám đàn ông. Cháu không thể sống nổi nếu phải làm thế.” Kya ụp mặt vào hai tay.

“Hừ, phải làm *dì* đó chứ. Hắn *hông* thể làm chuyện như vậy rồi vẫn lái cái thuyền sang chảnh chạy *dòng dòng*. Làm vua của thế giới.”

“Jumpin’, ông biết họ thế nào mà. Họ sẽ đứng về phía hắn. Họ sẽ nói cháu chỉ gây rắc rối. Cỗ bôn tiền của bố mẹ hắn hay cái gì đó tương tự. Hãy nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra nếu một cô gái ở Phố Da màu cáo buộc Chase Andrews tấn công và cố cưỡng hiếp cô. Họ sẽ không làm gì hết. Không gì cả.” Giọng của Kya ngày càng gay gắt. “Việc đó sẽ chỉ kết thúc trong rắc rối cho cô gái. Bị đưa lên báo. Người ta buộc tội cô làm điếm. Với cháu cũng thế thôi, và ông biết vậy. Xin hãy hứa với cháu rằng ông sẽ không nói với ai cả.” Cô dứt lời bằng một tiếng thốn thức.

“Cháu đúng, cô Kya. Ta biết cháu nói đúng. Cháu *hông* phải lo rằng ta *xẻ* làm *dì* khiến mọi thứ tệ hơn. Nhưng làm sao cháu biết hắn *xẻ* *hông* quấy rầy cháu nữa? Và lúc nào cháu *cũng* ở một mình ngoài kia?”

“Trước giờ cháu luôn bảo vệ được mình; cháu chỉ sơ suất lần này vì không nghe hắn tới. Cháu sẽ giữ an toàn, Jumpin’. Nếu cháu quyết định tới Greenville, khi trở lại, có lẽ cháu sẽ dành một thời gian sống ở căn nhà học đọc. Cháu không nghĩ Chase biết tới nó.”

“Được *đôi*. Nhưng ta *muốn* cháu tới đây thường xuyên hơn, ta *muốn* cháu tới và cho ta biết mọi chuyện thế nào. Cháu biết cháu luôn có thể ra ở với Mabel và ta, cháu biết mà.”

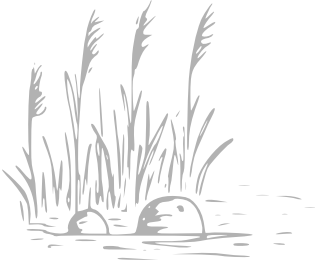
“Cảm ơn ông, Jumpin’. Cháu biết.”

“Chùng nào cháu tới Greenville?”

“Cháu không chắc nữa. Thư của biên tập viên đề cập tới cuối tháng Mười. Cháu chưa sắp xếp, thậm chí chưa nhận lời mời.” Giờ cô biết mình không thể đi trừ phi vết bầm hoàn toàn biến mất.

“Chà, cháu cho ta biết khi nào cháu *xẻ* đi và khi nào trở lại. Cháu nghe *hông*? Ta phải biết nếu cháu rời khỏi thị trấn này. Nếu ta không thấy cháu *dài* ngày, ta *xẻ* tự tới *chỗ* cháu. Mang theo một đội cảnh sát nếu cần thiết.”

“Cháu sẽ làm vậy. Cảm ơn ông, Jumpin’.”



Chuyên gia

1970

Công tố viên Eric Chastain đang thăm vấn cảnh sát trưởng về hai cậu bé đã phát hiện xác của Chase Andrews dưới chân tháp phòng cháy hôm 30 tháng Mười, về khám nghiệm của bác sĩ và cuộc đi điều tra sơ bộ.

Eric nói. “Cảnh sát trưởng, vui lòng cho chúng tôi biết điều gì khiến ông tin rằng Chase Andrews không ngã xuống từ trên tháp vì tai nạn. Điều gì khiến ông nghĩ một tội ác đã xảy ra?”

“Chà, một trong những điều đầu tiên tôi nhận ra là không có dấu chân nào quanh thi thể Chase hết, kể cả của cậu ta. Chỉ có dấu chân của mấy đứa nhóc đã tìm thấy cậu, nên tôi nghĩ có người đã hủy chúng để che giấu tội ác.”

“Còn nữa, cảnh sát trưởng, có đúng là chẳng có dấu vân tay và vết bánh xe nào ở hiện trường?”

“Ừ, đúng. Báo cáo của phòng thí nghiệm cho thấy không có dấu vân tay mới nào trên tháp. Kể cả trên tấm vải, mà phải có người nào đó mở ra. Phó cảnh sát trưởng và tôi đã tìm vết bánh xe, nhưng cái đó cũng không có. Tất cả đều chỉ ra rằng có người đã cố tình hủy chứng cứ.”

“Vậy khi báo cáo của phòng thí nghiệm chứng tỏ sợi len đỏ từ nón cô Clark được tìm thấy trên quần áo Chase đêm đó, ông...”

“Phản đối, thưa tòa,” Tom lên tiếng. “Mớm cung nhân chứng. Và hơn nữa, chứng cứ đã xác lập rằng sợi chỉ đỏ có thể được truyền từ quần áo cô Clark sang đồ của cậu Andrews trước đêm 29 rạng 30 tháng Mười.”

“Chấp nhận,” thẩm phán nói, giọng trầm vang.

“Không còn câu hỏi nào nữa. Nhân chứng là của ông.” Eric đã biết lời khai của cảnh sát trưởng sẽ khá yếu cho bên công tố – ta có thể làm gì đây khi không có hung khí, không dấu tay, dấu chân, dấu xe tải – nhưng vẫn còn đủ thật và mờ để thuyết phục bồi thẩm đoàn rằng có ai đó đã giết Chase, và với sợi chỉ đỏ, ai đó có thể là cô Clark.

Tom Milton bước đến bục nhân chứng. “Cảnh sát trưởng, ông hoặc ai khác có yêu cầu một chuyên gia tìm dấu chân hoặc chứng cứ cho thấy dấu chân đã bị xóa sạch không?”

“Việc đó không cần thiết. Tôi là chuyên gia. Kiểm tra dấu chân là một phần chương trình đào tạo chính quy của tôi. Tôi không cần thêm một chuyên gia nữa.”

“Ra thế. Vậy có chứng cứ nào cho thấy dấu chân đã bị xóa khỏi mặt đất không? Ý tôi là, ví dụ như, có dấu chải quét hay cành cây che đậy dấu vết không? Hay dấu hiệu một lớp bùn khác đắp lên bùn? Bất cứ chứng cứ gì, bất cứ tấm ảnh nào chụp hành động như vậy?”

“Không. Tôi ở đây để làm chứng trong tư cách một chuyên gia, rằng không có dấu chân nào dưới tháp ngoài dấu chân của chúng tôi và bọn trẻ. Vì vậy ai đó hẳn đã xóa sạch chúng.”

“Được rồi. Nhưng cảnh sát trưởng này, đặc điểm vật lý của đồng lầy là khi nước biển dâng lên và rút xuống, nước ngầm – dù có ở xa biển – cũng lên cao và xuống thấp theo, làm cho nhiều chỗ đất ráo đi một thời gian, rồi vài giờ sau triều cường trở lại. Ở nhiều nơi, nước lên sẽ thấm

ngập cả một vùng, xóa đi bất kỳ dấu vết nào trên bùn đất, chẳng hạn dấu chân. Sạch bách. Không phải vậy sao?”

“Ừm, phải, có thể như thế. Nhưng không có chứng cứ việc như vậy đã xảy ra.”

“Tôi có ở đây biểu đồ thủy triều tối 29 sáng 30 tháng Mười, và nhìn này, cảnh sát trưởng Jackson, nó chỉ ra nước đã xuống thấp vào khoảng nửa đêm hôm đó. Vậy, vào thời điểm Chase đến chỗ tháp và đi tới cái thang, cậu ấy hẳn đã để lại dấu chân trên bùn ướt. Rồi khi triều cường và nước ngấm dâng lên, dấu chân cậu ấy bị xóa đi. Đó là lý do ông và mấy cậu bé để lại vết chân sâu, cũng là lý do vết chân Chase không còn nữa. Ông có đồng ý rằng đây là một khả năng không?”

Kya khẽ gật đầu – phản ứng đầu tiên của cô với lời khai kể từ khi phiên tòa bắt đầu xử. Nhiều lần cô đã thấy nước dâng lấp nuốt chửng câu chuyện của hôm trước: dấu móng vuốt cạnh con lạch nhỏ hay vết chân linh miêu gần xác một con nai, biến mất.

Cảnh sát trưởng trả lời, “Chà, tôi chưa bao giờ thấy nó xóa đi cái gì sạch sẽ vậy, nên tôi không chắc.”

“Nhưng cảnh sát trưởng, theo lời ông nói, ông là chuyên gia, được đào tạo cách kiểm tra dấu chân mà. Giờ ông lại nói ông không chắc hiện tượng thông thường này có xảy ra đêm đó hay không nữa.”

“Chà, cũng không quá khó để kiểm tra bằng cách này cách khác, chẳng phải sao? Chỉ cần ra đó lúc triều xuống, tạo vài dấu vết, và xem liệu chúng có bị xóa mất khi nước dâng tới.”

“Phải, không khó để xác minh bằng cách này hay cách khác, vậy sao việc đó không được tiến hành? Giờ chúng ta ở tòa, và ông không có chứng cứ gì chỉ ra rằng có người đã xóa vết chân để che đậy tội ác. Khả năng cao

hơn là Chase Andrews đã để lại dấu chân dưới cái tháp và chúng bị xóa lấp khi nước ngấm lên. Và nếu có bạn bè cùng Chase trèo lên tháp vui chơi, dấu chân của họ cũng bị rửa sạch. Trong những tình huống rất dễ xảy ra đó, không có đi đâu gì chỉ ra một tội ác. Đúng chứ, cảnh sát trưởng?”

Cặp mắt Ed đảo qua trái, phải, trái, phải, như thể câu trả lời có viết trên tường. Mọi người cựa quậy trên các băng ghế.

“Cảnh sát trưởng?” Tom lặp lại.

“Theo ý kiến chuyên môn của tôi, ít có khả năng một chu kỳ nước ngấm lên xuống bình thường có thể hoàn toàn xóa sạch vết chân, đến mức chúng biến mất hẳn như trường hợp này. Tuy nhiên, vì không có dấu hiệu của hành vi che đậy, nên việc không có dấu chân, tự thân nó, không chứng tỏ được rằng đã có tội ác xảy ra. Nhưng...”

“Cảm ơn ông.” Tom quay về phía bồi thẩm đoàn và lặp lại lời cảnh sát trưởng. “Việc không có dấu chân không chứng tỏ được rằng đã có tội ác. Nào, câu hỏi tiếp theo, cảnh sát trưởng, còn tấm vải để mở trên tháp phòng cháy thì sao? Ông có kiểm tra nó để tìm dấu vân tay của cô Clark không?”

“Có, dĩ nhiên chúng tôi đã kiểm tra.”

“Và các ông có tìm thấy dấu vân tay cô Clark trên vải chắn hay bất cứ chỗ nào khác trên tháp không?”

“Không. Không, nhưng chúng tôi cũng không tìm thấy bất kỳ dấu vân tay nào khác, cho nên...”

Thẩm phán nghiêng người về phía trước. “Chỉ cần trả lời câu hỏi thôi, Ed.”

“Còn tóc thì sao? Cô Clark có mái tóc đen dài – nếu cô ấy đã leo lên

tới trên tháp và bận rộn làm đủ thứ chuyện, mở tấm chắn và các thứ, tôi nghĩ sẽ có tóc rơi rớt đâu đó. Ông có tìm thấy sợi nào không?”

“Không.” Trán của cảnh sát trưởng loang loáng ướt.

“Bác sĩ khám nghiệm đã làm chứng rằng, sau khi khám nghiệm thi thể Chase, không có chứng cứ nào chỉ ra cô Clark đã ở gần cậu ấy tối đó. À, có mấy sợi vải, nhưng chúng có thể nằm đó bốn năm rưỡi. Và giờ, ông đang bảo chúng tôi rằng không có bất cứ bằng chứng nào cho thấy cô Clark có đặt chân lên tháp phòng cháy tối đó. Tôi nói đúng chứ?”

“Đúng.”

“Vậy chúng ta không có bằng chứng chứng tỏ cô Clark ở trên tháp phòng cháy vào đêm Chase Andrews ngã chết. Đúng không?”

“Đó là điều tôi đã nói.”

“Vậy ông đồng ý với điều đó.”

“Phải, tôi đồng ý.”

“Cảnh sát trưởng, chẳng phải những tấm vải trên tháp cũng thường bị bọn trẻ lên chơi để mở hay sao?”

“Đúng, thỉnh thoảng chúng cũng bị để mở. Nhưng như tôi đã nói ban nãy, đó thường là tấm vải ta cần mở ra để treo lên, không phải mấy tấm còn lại.”

“Nhưng chẳng phải tấm vải cầu thang và đôi khi cả những tấm khác bị mở nhiều lần và bị coi là nguy hiểm lắm hay sao, đến mức văn phòng ông đã phải gửi văn bản kiến nghị Cục Kiểm lâm Hoa Kỳ khắc phục tình trạng này?” Tom giơ ra một tờ tài liệu cho cảnh sát trưởng xem. “Đây có phải là công văn kiến nghị gửi tới Cục Kiểm lâm vào ngày 18 tháng Bảy năm ngoái không?” Jackson xem tờ giấy.

“Phải. Đúng là nó.”

“Chính xác thì ai viết kiến nghị này?”

“Tôi đích thân viết.”

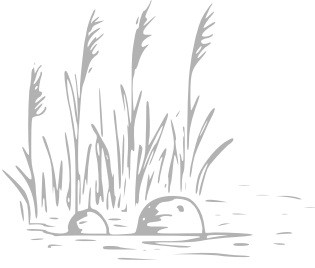
“Vậy là chỉ ba tháng trước khi Chase Andrews ngã chết vì một tấm vỉ mở trên tháp phòng cháy, ông đã gửi một văn bản kiến nghị tới Cục Kiểm lâm, đề nghị họ đóng cửa tòa tháp hoặc cố định những tấm vỉ để không ai có thể bị thương. Đúng vậy chứ?”

“Phải.”

“Cảnh sát trưởng, phiền ông đọc cho tòa nghe câu cuối trong tài liệu ông viết gửi Cục Kiểm lâm. Chỉ câu cuối cùng thôi, đây.” Tom đưa cảnh sát trưởng tờ giấy, chỉ vào dòng cuối.

Cảnh sát trưởng đọc to trước tòa án, “Tôi phải lặp lại, những tấm vỉ này rất nguy hiểm và nếu không có hành động khắc phục, một chấn thương nghiêm trọng hoặc thậm chí cái chết sẽ xảy ra.”

“Tôi không còn câu hỏi nào nữa.”



Chuyến đi

1969

Ngày 28 tháng Mười năm 1969, Kya ghé bến Jumpin' để chào tạm biệt ông như đã hứa, rồi lái thuyền ra cầu tàu thị trấn, nơi những người đánh cá hoặc câu tôm như mọi khi dừng công việc lại và dõi theo cô. Phớt lờ họ, cô cột thuyền và kéo một chiếc vali bạc màu – lôi ra từ sâu trong tủ đồ cũ của má – lên Phố Main. Cô không có ví, nhưng đã nhét vào ba lô đầy sách, chút thịt muối, bánh mì, với một số tiền nhỏ, sau khi chôn hầu hết tiền tác quyền trong một hộp thiếc gần phá nước. Trong dịp này, cô trông khá bình thường, mặc váy Sears, Robuck màu nâu, áo trắng và mang giày đế bằng. Những người giữ cửa hàng bận bịu làm việc, tiếp khách hàng, quét vỉa hè, mọi người đều dán mắt vào cô.

Cô đứng ở góc đường dưới tấm biển *Trạm dừng xe buýt* và chờ đến khi chiếc buýt Trailways, thắng xe rít lên, đậu kết lại đó và che khuất biển cả. Không ai lên hay xuống khi Kya bước về phía trước và mua một vé tới Greenville từ tài xế xe. Khi cô hỏi ngày và giờ trở về, ông đưa cô một tờ lịch trình in sẵn rồi cất vali của cô vào chỗ. Cô ôm chặt chiếc ba lô và bước lên xe. Trước khi cô có thời gian nghĩ nhiều về nó, chiếc xe, có vẻ dài như cả con phố, đã lái khỏi thị trấn Vững Barkley.

Hai ngày sau lúc 1:16 chiều, Kya bước xuống chiếc buýt Trailways chạy về từ Greenville. Bấy giờ ngoài phố còn có nhiều người hơn trước,

dõi theo và thì thầm khi cô hất mái tóc dài qua vai và nhận chiếc vali từ tài xế. Cô băng qua đường đến cầu tàu, bước lên thuyền, rồi lái thẳng về nhà. Cô muốn dừng lại báo Jumpin' mình đã về như từng hứa, nhưng có nhiều thuyền khác đang xếp hàng chờ xăng trước bến của ông, thế nên cô nghĩ hôm sau sẽ trở lại. Hơn nữa, như vậy cô sẽ về với lũ mòng biển sớm hơn một chút.

Vậy là sáng hôm sau, ngày 31 tháng Mười, khi tập thuyền vào bến Jumpin', cô gọi ông và ông bước ra từ cửa tiệm nhỏ.

“Chào Jumpin', cháu chỉ muốn báo ông là cháu về rồi. Mới về hôm qua.” Ông không nói gì khi bước lại gần Kya.

Ngay khi cô bước lên cầu tàu, ông lên tiếng, “Cô Kya. Ta...”

Cô nghiêng đầu. “Chuyện gì vậy ông? Có chuyện không ổn ả?

Ông đứng nhìn cô. “Kya, cháu đã nghe tin về Chase chưa?”

“Chưa. Tin gì vậy ả?”

Ông lắc đầu. “Chase Andrews chết rồi. Chết vào nửa đêm khi cháu ở *Greenval*.”

“Cái gì?” Kya và Jumpin' cùng nhìn sâu vào mắt nhau.

“Họ tìm thấy hân *xáng* hôm qua dưới *chưng* tháp phòng cháy *củ* với một... chà, họ nói cỗ hân bị gãy *dà* sọ hân bị đập bể. Họ đoán hân té từ trên tháp xuống.”

Môi Kya vẫn hé ra.

Jumpin' nói tiếp. “Cả thị trấn đang xôn xao lắm. Có người cho là tai nạn, nhưng tin đồn là cảnh sát trưởng *hông* chắc vậy. Mẹ của Chase phát điên, nói là có hành vi phạm tội ở đây. Đúng là một mớ *lộn xộn*.”

Kya hỏi, “Tại sao họ nghi ngờ có hành vi phạm tội...?”

“Một tấm vải trên *xàng* tháp mở toang, và hấn té thẳng qua đó, và họ thấy điểm đó đáng ngờ. Có người nói mấy tấm vải bị để mở suốt vì bọn trẻ cứ quậy phá *chên* đó, và Chase có thể té vì tai nạn. Nhưng có kẻ gào là giết người r ồi.”

Kya im lặng, nên Jumpin’ tiếp tục kể. “Một lý do là, khi Chase được tìm thấy, hấn *hông* đeo sợi dây chuy ền vỏ sò *vẫ*ng đeo *mỗi* ngày suốt *nhều* năm nay, và vợ hấn nói hấn có đeo nó trong đêm rời khỏi nhà, *chước* khi tới gặp bố mẹ *ă*ng tối. *Lun* đeo nó, cô vợ bảo vậy.”

Miệng Kya khô khốc khi nghe nhắc tới sợi dây chuy ền.

“R ồi, hai đứa trẻ tìm thấy Chase, chà, chúng nghe cảnh sát trưởng nói *hông* có dấu chân nào ở hiện trường cả. *Hông* một dấu nào. Như có ai đó đã xóa đi chứng cứ. Mấy thằng nhỏ bô lô ba la về chuyện đó khắp thị trấn.”

Jumpin’ bảo Kya về thời điểm tổ chức tang lễ nhưng biết cô sẽ không tới. Chuyện đó sẽ là một cảnh tượng đáng chú ý lắm với các nhóm theolog và nghiên cứu Kinh thánh trong làng. Chắc chắn những lời đồn đoán sẽ đề cập tới Kya. Ông Chúa là con bé ở tận Greenval vào giờ hấn chết, không thì họ *xẻ* gán tội cho con bé, Jumpin’ nghĩ.

Kya gật đầu với Jumpin’ và đập d ềnh trên sóng về nhà. Cô đứng trên bờ đất bùn của phá nước, thì th ầm một đoạn thơ của Amanda Hamilton:

Đừng bao giờ đánh giá thấp

trái tim,

Những việc nó làm

Lý trí chẳng sao hiểu được.

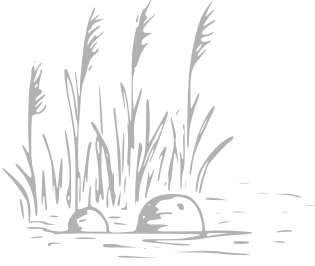
Tim sai khiến, tim cảm nhận.

Nếu không, giải thích thế nào

Con đường em đã chọn,

Và anh đã chọn

Lối dài băng qua đây?



Ngụy trang

1970

Xưng tên là Larry Price – một người đàn ông tóc bạc loăn xoăn, cắt ngắn, và mặc bộ com-lê lam bóng rẻ tí ềnh – và rằng mình đã lái xe buýt Trailways trên nhiều tuyến đường của khu vực Bắc Carolina này, nhân chứng tiếp theo đọc lời tuyên thệ. Khi Eric thăm vấn ông, ông Price xác nhận rằng có thể bắt buýt từ Greenville tới Vung Barkley và trở lại ngay trong đêm đó. Ông cũng khẳng định mình là người lái chiếc xe từ Greenville về Vung Barkley cái đêm Chase chết, và không có hành khách nào trông giống cô Clark cả.

Eric hỏi, “Nào, ông Price, khi được cảnh sát trưởng thăm vấn, ông đã nói với ông ấy là có một hành khách gầy gò trên xe có thể là một phụ nữ cao ráo giả trai. Có đúng vậy không? Làm ơn mô tả hành khách này.”

“Chà, đúng vậy. Một thanh niên da trắng. Cho là cậu ta cao chừng mét tám, và cái quần treo trên người cậu ta như một tấm vải máng trên cột hàng rào. Cậu ta đội cái nón bự lờng phờng, màu xanh dương. Cứ cúi đầu xuống, không nhìn ai cả.”

“Giờ khi đã thấy cô Clark, ông có nghĩ thanh niên gầy gò trên xe buýt có thể là cô Clark ngụy trang không? Mái tóc dài của cô ấy có thể giấu vào trong cái nón lờng phờng đó không?”

“Có, tôi cho là có thể.”

Eric đề nghị thăm phán yêu cầu Kya đứng lên, và cô làm theo với Tom Milton bên cạnh.

“Cô có thể ngồi xuống, cô Clark,” Eric bảo, rồi nói với nhân chứng, “Ông thấy người thanh niên trên xe buýt có chiều cao và vóc người giống cô Clark không?”

“Tôi thấy *gần* như y hệt,” ông Price đáp.

“Vậy khi cân nhắc tất cả mọi thứ, ông thấy có khả năng thanh niên gây gò ngồi trên chuyến xe buýt khởi hành lúc 11:50 tối từ Greenville tới Vung Barkley đêm 29 tháng Mười năm ngoái chính là bị cáo Clark không?”

“Tôi cho là rất có thể.”

“Cảm ơn, ông Price. Không còn câu hỏi nào nữa. Nhân chứng là của ông.”

Tom đứng trước bức nhân chứng và sau mười phút thẩm vấn ông Price, ông tổng kết. “Đây là những gì ông đã nói với chúng tôi: một, không có người phụ nữ nào trông giống bị cáo trên chuyến xe buýt từ Greenville tới Vung Barkley đêm 19 tháng Mười năm 1969; hai, có một thanh niên cao gầy trên xe buýt, nhưng lúc đó dấu nhìn khá gần mặt cậu ta, ông không nghĩ cậu ta là phụ nữ cải trang; ba, ý tưởng ngụy trang này chỉ đến với ông khi cảnh sát trưởng đặt ra khả năng như vậy.”

Tom tiếp tục trước khi nhân chứng có thể đáp lại. “Ông Price, cho chúng tôi biết làm sao ông chắc chắn người đàn ông gây gò là hành khách chuyến xe buýt 11:50 tối ngày 29 tháng Mười? Ông có ghi chú, viết lại không? Có lẽ đó là hành khách đêm trước hoặc sau đó. Ông có chắc chắn một trăm phần trăm rằng đó là ngày 29 tháng Mười?”

“Chà, tôi hiểu ông ám chỉ gì rồi. Khi cảnh sát trưởng gọi cho tôi nhớ lại, tôi có cảm giác người thanh niên đã đi chuyển xe đó, nhưng giờ, tôi đoán là tôi không thể chắc chắn một trăm phần trăm được.”

“Còn nữa, ông Price, không phải chuyển xe hôm ấy chạy rất trễ sao? Thực ra, nó trễ hai mươi phút và mãi 1:40 sáng mới tới Vững Barkley. Đúng vậy chứ?”

“Phải.” Ông Price nhìn Eric. “Tôi chỉ đang cố gắng giúp đỡ, làm đi đâu đúng đắn.”

Tom trấn an ông. “Ông đã giúp được rất nhiều, ông Price. Cảm ơn ông thật nhiều. Không còn câu hỏi nào nữa.”

Eric cho gọi nhân chứng tiếp theo, tài xế chuyển xe buýt 2:30 chạy từ Vững Barkley tới Greenville sáng 30 tháng Mười, anh John King. Anh này khai rằng bị cáo, cô Clark, không có trên xe nhưng có một bà già, “...cao như cô Clark, tóc bạc, ngắn và xoắn, như uốn quăn vĩnh viễn.”

“Hãy nhìn bị cáo, anh King, có thể nào nếu cô Clark cải trang làm bà già, cô ấy sẽ trông giống người phụ nữ trên xe buýt?”

“Chà, khó mà hình dung ra. Có lẽ.”

“Vậy là có thể?”

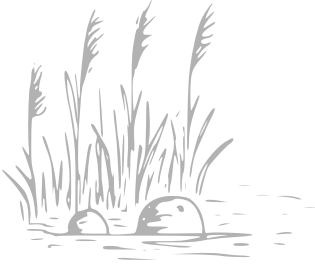
“Ừ, tôi đoán thế.”

Khi thẩm vấn chéo, Tom nói, “Chúng ta không thể chấp nhận từ đoán trong một phiên xử tội giết người. Anh có thấy bị cáo, cô Clark, trên chuyển xe buýt 2:30 chạy từ Vững Barkley tới Greenville vào sáng sớm ngày 30 tháng Mười, năm 1969 không?”

“Không, tôi không thấy.”

“Và có chuyến xe buýt nào khác từ Barkley tới Greenville tối đó không?”

“Không.”



Quyển nhật ký

1970

Khi Kya được đưa vào phòng xử án ngày hôm sau, cô đưa mắt nhìn về phía Tate, Jumpin', Mabel và nín thở khi thấy một bộ quân phục, một nụ cười nhẹ trên gương mặt có sẹo. Jodie. Cô khẽ gật đầu, tự hỏi làm sao anh biết về vụ xử của cô. Có lẽ là từ *Atlanta*. Cô rụt đầu lại hổ thẹn.

Eric đứng dậy. “Thưa tòa, xin tòa cho gọi bà Sam Andrews.” Cả phòng thở ra khi Patti Love, người mẹ đau khổ, tiến lên bục nhân chứng. Nhìn người phụ nữ cô từng mong sẽ là mẹ chồng mình, bây giờ Kya mới nhận ra sự vô lý và lỗ bịch của ý nghĩ đó. Ngay cả trong bối cảnh ảm đạm này, Patti Love, mặc thứ lụa đen tốt nhất, dường như vẫn bận tâm vì vẻ bề ngoài và tầm quan trọng của chính bà. Bà ngẩng thật thẳng với cái ví bóng loáng đặt trên đùi, mái tóc đen túm thành búi hoàn hảo dưới chiếc mũ đội nghiêng trang nhã, cùng tấm mạng đen tạo ấn tượng bi thương che khuất đôi mắt. Sẽ không bao giờ có chuyện bà nhận một đứa ở đồng lầy đi chân đất làm con dâu cả.

“Bà Andrews, tôi biết việc này rất khó khăn với bà, nên tôi sẽ nói ngắn gọn nhất có thể. Có đúng là con trai bà, Chase Andrews, từng đeo một sợi dây chuyền da sống gần một cái vỏ sò không?”

“Phải, đúng thế.”

“Cậu ấy đeo dây chuyền khi nào, thường xuyên thế nào?”

“Đeo suốt. Thằng bé không bao giờ cởi nó ra. Trong bốn năm trời tôi chưa bao giờ thấy nó không đeo sợi dây chuyền đó.”

Eric đưa một quyển nhật ký bìa da ra trước bà Andrews. “Bà có thể xác định cuốn sổ này cho tòa không?”

Kya nhìn xuống sàn, mím môi, phần nộ trước sự xâm phạm quyền riêng tư trắng trợn khi công tố viên giơ quyển nhật ký của cô ra cho cả tòa thấy. Cô đã làm nó cho Chase không lâu sau khi họ gặp nhau. Gần hết cuộc đời, cô đã bị khước từ niềm vui tặng quà cho người khác, một sự thiếu thốn ít người hiểu được. Sau khi dành nhiều ngày nhiều đêm làm quyển sổ, cô đã gói nó vào giấy nâu và trang trí nó bằng dương xỉ xanh và lông vũ trắng từ ngỗng tuyết. Cô đã chìa nó ra trước mặt Chase khi cậu bước lên bờ phá từ thuyền.

“Đây là gì vậy?”

“Chỉ là một món quà của em thôi,” cô đáp và mỉm cười.

Một câu chuyện bằng tranh vẽ thời gian họ bên nhau.

Bức đầu tiên, một phác thảo bằng mực họa cảnh họ tựa lên khúc gỗ trên bờ biển, Chase chơi harmonica. Tên Latin của yến mạch biển và các vỏ sò rải rác được chính tay Kya viết nắn nót. Vô số nét màu nước cuộn xoáy hé lộ chiếc thuyền của cậu trôi dưới ánh trăng. Buc tiếp theo là tranh trừu tượng vẽ đàn cá heo xúm xít xung quanh, với mấy từ *Michael chèo thuyền lên bờ thôi* lơ lửng trên mây trắng. Một bức nữa vẽ cô xoay tròn giữa bầy mòng biển bạc trên bờ cát bạc.

Chase đã lật qua từng trang trong kinh ngạc. Lướt nhẹ ngón tay lên vài bức vẽ, bật cười, nhưng chủ yếu là im lặng, đầu gật gật.

“Anh chưa bao giờ có vật gì như thế này cả.” Chồm tới ôm cô, cậu nói, “Cảm ơn em, Kya.” Họ đã ng ồi trên cát một lúc, quần trong chần, nắm tay, trò chuyện.

Kya vẫn nhớ trái tim cô đã đập mạnh thế nào trước niềm vui được trao đi, không bao giờ tưởng tượng có ai khác sẽ thấy quyền nhật ký. Chắc chắn không nghĩ nó sẽ là chứng cứ ở phiên xử cô tội giết người.

Cô không nhìn Patti Love khi bà trả lời câu hỏi của Eric. “Đó là tập tranh vẽ mà cô Clark làm cho Chase. Một món quà cô ta tặng cho thằng bé.” Patti Love vẫn nhớ cái lúc bà tìm thấy quyển sổ dưới một ch ồng album trong khi dọn dẹp phòng cậu con trai. Rõ ràng là muốn giấu bà. Bà ng ồi lên giường Chase và mở trang bìa dày dặn ra. Ở đó, vẽ bằng mực sắc nét, là con trai bà nằm trên khúc gỗ trôi với con bé đó. Cô gái Đ ồng l ầy. Chase của bà với thứ rác rưởi. Bà gần như không thở được. *Lỡ như người ta phát hiện ra?* Đầu tiên lạnh toát, rồi đầm mồ hôi, cơ thể bà choáng váng.

“Bà Andrews, bà hãy vui lòng giải thích mình thấy gì trong bức tranh do bị cáo là cô Clark vẽ.”

“Đó là tranh vẽ Chase và cô Clark trên đỉnh tháp phòng cháy.” Tiếng xì x ầm lan khắp phòng.

“Còn gì nữa?”

“Ở đó – giữa tay họ, cô ta đang đưa cho thằng bé sợi dây chuyền vỏ sò.”

Và thằng bé không bao giờ cởi nó ra nữa, Patti Love nghĩ. Mình tưởng là thằng bé nói mình nghe tất cả. Mình tưởng mình gần bó với con trai hơn những bà mẹ khác; đó là điều mình tự bảo bản thân. Nhưng mình chẳng biết gì cả.

“Vậy là, vì cậu ấy nói với bà và nhờ quyền sở này, bà biết con trai bà đang hẹn hò cùng cô Clark, và bà biết cô ấy đã đưa Chase sợi dây chuyền?”

“Phải.”

“Khi Chase tới nhà bà ăn tối đêm 29 tháng Mười, cậu ấy có đeo sợi dây chuyền không?”

“Có, thằng bé chỉ rời khỏi nhà chúng tôi sau mười một giờ, và nó có đeo sợi dây chuyền nọ.”

“Sau đó, khi bà tới phòng khám ngày hôm sau để nhận dạng Chase, cậu ấy có còn đeo sợi dây chuyền không?”

“Không, không có.”

“Bà có biết lý do nào khiến bạn của Chase hay người nào khác, ngoài cô Clark, muốn tháo sợi dây chuyền khỏi Chase không?”

“Không.”

“Phản đối, thưa tòa,” Tom gọi to từ chỗ ngồi. “Nói thay cho người khác. Câu hỏi khiến nhân chứng phải suy đoán. Bà ấy không thể nói ra lý do của những người khác được.”

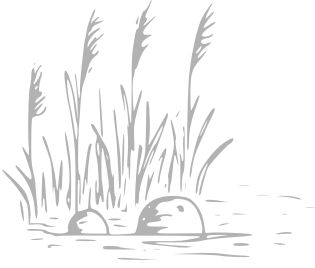
“Chấp nhận. B ồi thẩm đoàn, anh chị hãy bỏ qua câu hỏi và câu trả lời vừa nãy.” R ồi, cúi đầu xuống như một con ngỗng nhìn viên công tố, thẩm phán bảo, “Cẩn thận đấy, Eric. Trời ạ! Anh biết nhiều hơn thế.”

Eric, không hề nao núng, tiếp tục. “Được r ồi, chúng ta đã biết từ tranh vẽ của chính cô ấy rằng bị cáo, cô Clark, đã trèo lên tháp phòng cháy cùng Chase ít nhất một lần; chúng ta biết cô ấy đã tặng Chase sợi dây chuyền vỏ sò. Sau đó, cậu ấy luôn đeo nó bên mình cho tới đêm cậu chết. Lúc đó nó đã biến mất. Tất cả những điều đó có đúng không?”

“Đúng.”

“Cảm ơn bà. Không còn câu hỏi nữa. Nhân chứng của ông.”

“Không có câu hỏi nào,” Tom đáp.



Trăng khuyết

1970

Ngôn ngữ của tòa án, dĩ nhiên, không đậm chất thơ như ngôn ngữ của đồng lầy. Vậy mà Kya vẫn thấy điểm tương đồng trong bản chất của chúng. Thẩm phán, rõ ràng là con đực alpha, tự tin và vững vàng về vị thế của mình, nên tư thế của ông uy nghiêm nhưng thư giãn và không bị đe dọa, như lợn rừng chủ lãnh thổ. Tom Milton cũng toát ra sự tự tin và uy thế với những động tác và dáng đứng thư thái. Một con hươu đực hùng mạnh, được công nhận như vậy. Mặt khác, công tố viên lại dựa vào mớ cà vạt to bản sáng màu và áo vest vai rộng để nâng cao địa vị. Ông ta ra uy bằng cách vung vẩy cánh tay hoặc cao giọng nói to. Một con đực yếu thế hơn cần phải la hét để được chú ý. Chấp hành viên đại diện cho con đực cấp thấp nhất, phải phụ thuộc vào cái đai lưng giắt đủ thứ súng lục sáng bóng, chìa khóa lạnh canh và radio nặng nề để gia tăng vị thế của mình. *Hệ thống cấp bậc về uy thế giúp tăng cường sự ổn định trong các quần thể tự nhiên, và một số quần thể kém tự nhiên hơn cũng vậy*, Kya nghĩ.

Công tố viên, đeo một chiếc cà vạt đỏ rực, mạnh bạo bước tới trước và gọi nhân chứng tiếp theo của ông ta, Hal Miller, một người đàn ông hai tám tuổi gầy khảnh khiu có bộ tóc nâu bù xù.

“Anh Miller, vui lòng cho chúng tôi biết anh đã ở đâu và đã thấy gì vào đêm 29 rạng ngày 30 tháng Mười năm 1969, vào khoảng 1:45 phút

sáng.”

“Tôi và Allen Hunt đang làm việc trên thuyền câu tôm của Tim O’Neal, chúng tôi trở về bến cảng Vung Barkley muộn, và chúng tôi trông thấy cô Clark trong thuyền của cô ta, cách khoảng một dặm về phía đông, đang chạy về hướng bắc – tây bắc.”

“Hướng đó sẽ dẫn cô ấy đến đâu?”

“Thẳng tới chỗ vũng nhỏ gần tháp phòng cháy.”

Thẩm phán Sims gõ búa khi tiếng ồn bùng ra, râm ran suốt cả một phút.

“Không có khả năng cô ấy tới chỗ nào khác à?”

“Chà, tôi nghĩ là cũng có, nhưng không còn gì ở hướng đó ngoài hàng dặm rừng rậm đầm lầy. Không có điểm đến nào tôi biết *goài* tháp phòng cháy cả.”

Những cái quạt nhà thờ của các quý bà phe phẩy trong căn phòng ẩm dầm, căng thẳng. Sunday Justice, đang ngủ trên bậu cửa sổ, trượt xuống sàn và đi tới chỗ Kya. Lần đầu tiên trong phòng xử án, chú cọ cọ vào chân cô, rồi nhảy phốc vào lòng cô nằm xuống. Eric ngừng nói và nhìn thẩm phán, có lẽ đang cân nhắc phản đối một màn phô diễn sự thiên vị rõ rệt như vậy, nhưng dường như chưa hề có tí ề lệ nào trước đó.

“Làm sao anh biết chắc đó là cô Clark?”

“Ồ, chúng tôi ai cũng biết thuyền của cô ta. Cô ta đi thuyền một mình khắp nơi *nhều* năm rồi mà.”

“Thuyền cô ấy có đèn không?”

“Không, không có đèn. Có lẽ đã ửi lên cô ta nếu chúng tôi không thấy cô ta.”

“Nhưng chẳng phải đi thuyền sau khi trời tối mà không có đèn là phạm luật sao?”

“Ừ, đúng *da* cô ta phải có đèn. Nhưng cô ta không có.”

“Vậy là trong cái đêm Chase Andrews mất mạng ở tháp phòng cháy, cô Clark lại đi thuyền về đúng hướng đó, chỉ vài phút trước thời điểm cậu ấy tử vong. Có đúng vậy không?”

“Đúng, đó là đi đầu chúng tôi đã thấy.”

Eric ng ẫ xuống.

Tom bước tới chỗ nhân chứng. “Chào buổi sáng, anh Miller.”

“Chào buổi *xáng*.”

“Anh Miller, anh đã làm việc trong đoàn thuyền tôm của Tim O’Neal bao lâu r ẫ?”

“Sắp được ba năm.”

“Vui lòng cho tôi biết, trăng lên lúc mấy giờ vào đêm 29 rạng ngày 30 tháng Mười?”

“Bữa đó trăng đang khuyết, và không mọc lên cho đến sau khi chúng tôi cập bến Barkley. Khoảng sau hai giờ sáng. Tôi nghĩ thế.”

“Ra vậy. Vậy là khi các anh thấy chiếc thuyền nhỏ lái qua gần Vũng Barkley tối đó thì vẫn chưa có ánh trăng. Trời hẳn là tối lắm.”

“Phải. Trời tối. Có chút ánh sao nhưng, phải, khá là tối.”

“Anh hãy vui lòng cho tòa biết cô Clark đã mặc gì khi lái thuyền qua chỗ các anh.”

“Chà, chúng tôi không ở đủ gần để thấy cô ta mặc gì.”

“Ồ? Các anh không ở đủ gần để thấy quần áo cô ấy.” Tom nhìn vào b ẫ thăm đoàn khi nói câu này. “Chà, các anh ở cách bao xa nhỉ?”

“Tôi đoán ít nhất cũng cỡ năm mươi lăm mét.”

“Năm mươi lăm mét.” Tom lại nhìn b ả i thăm đoàn. “Đó là một khoảng cách khá xa để xác định một chiếc thuyền nhỏ trong đêm. Hãy cho tôi biết, anh Miller, đặc điểm nào, nét đặc trưng nào của người trong thuyền làm anh chắc chắn đó là cô Clark?”

“Chà, như tôi đã nói, gần như ai trong thị trấn này cũng biết thuyền cô ta, từ gần từ xa nó trông thế nào. Chúng tôi biết hình dạng chiếc thuyền và bóng dáng cô ta ở phía đuôi, cao, gầy như thế. Một hình dáng rất đặc biệt.”

“Một hình dáng đặc biệt. Vậy bất cứ ai có hình dáng như vậy, bất cứ người nào cao gầy ng ắ i trong kiểu thuyền như thế cũng sẽ trông giống cô Clark. Đúng không?”

“Tôi đoán ai đó khác có thể trông giống cô ta, nhưng chúng tôi biết rõ những chiếc thuyền và chủ nhân của chúng, ông biết đó, vì ở ngoài kia suốt mà.”

“Nhưng, anh Miller, cho phép tôi nhắc anh, đây là một phiên xử tội giết người. Chẳng có gì nghiêm trọng hơn thế này cả, và trong những trường hợp như vậy thì chúng ta phải chắc chắn. Chúng ta không thể dựa vào hình dạng hay bóng dáng thấy từ khoảng cách năm mươi lăm mét trong bóng tối. Vậy, anh có thể nói với tòa là anh chắc chắn người anh thấy trong đêm 29 rạng ngày 30 tháng Mười năm 1969 là cô Clark được không?”

“Chà, không, tôi không chắc hoàn toàn. Chưa bao giờ nói tôi hoàn toàn chắc chắn đó là cô ta. Nhưng tôi khá...”

“Thế là đủ r ắ i, anh Miller. Cảm ơn anh.”

Thẩm phán Sims hỏi, “Có thẩm vấn ngược lại không, Eric?”

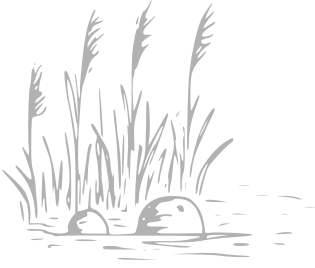
Từ chỗ ngồi của mình, Eric hỏi, “Hal, anh khai rằng anh đã trông thấy và nhận ra cô Clark trên thuyền cô ấy trong ít nhất ba năm. Hãy cho tôi biết, có bao giờ từ đằng xa, anh tưởng mình thấy cô Clark trên thuyền cô ấy rồi khi lại gần thì phát hiện là không phải? Chuyện đó có bao giờ xảy ra chưa?”

“Chưa, chưa lần nào.”

“Chưa lần nào trong suốt ba năm trời?”

“Chưa lần nào trong suốt ba năm trời.”

“Thưa tòa, bên tiểu bang đã hỏi hết.”



Nhà nghỉ Ba Núi

1970

Thẩm phán Sims bước vào phòng xử án và gật đầu về phía bàn biện hộ. “Anh Milton, anh đã sẵn sàng gọi nhân chứng đầu tiên cho bên biện hộ chưa?”

“Tôi đã sẵn sàng, thưa tòa.”

“Tiến hành đi.”

Sau khi nhân chứng lập lời thề và ngồi xuống, Tom bảo, “Vui lòng cho biết tên bà và công việc bà làm ở Vững Barkley.” Kya ngẩng đầu lên đủ để thấy người phụ nữ thấp người, cao tuổi, có mái tóc tím-trắng uốn xoắn mà nhiều năm trước từng hỏi sao lúc nào cô cũng đi mua tạp phẩm một mình. Có lẽ giờ bà đã thấp hơn và tóc xoắn hơn, nhưng trông bà vẫn giống hệt trước đến đáng kinh ngạc. Bà Singletary có thể nhiều chuyện và hách dịch, nhưng bà đã cho Kya cái vớ lưới Giáng sinh với chiếc còi xanh vào mùa đông sau khi má đi mất. Đó là tất cả Giáng sinh mà Kya từng có.

“Tôi là Sarah Singletary, và tôi là nhân viên bán hàng của tiệm Piggly Wiggly ở Vững Barkley.”

“Sarah, có đúng là từ chỗ máy tính tiền trong tiệm Piggly Wiggly, bà có thể thấy trạm xe buýt Trailways không?”

“Đúng thế, tôi thấy nó rất rõ.”

“Vào ngày 28 tháng Mười năm ngoái, bà có thấy bị cáo, cô Catherine Clark, đứng chờ tại trạm xe buýt vào lúc 2:30 chiều?”

“Có, tôi đã thấy cô Clark đứng đó.” Khi nói câu này, Sarah đưa mắt nhìn Kya và nhớ lại cô bé từng nhiều năm liền đi chân trần vào tiệm. Không ai hay biết, nhưng trước khi Kya đếm được, Sarah đã cho cô bé thêm vài đồng lẻ – số tiền mà bà phải lấy từ ví của mình để bù vào khoản hụt đi. Dĩ nhiên, Kya có một khoản tiền ít ỏi cực kỳ, nên Sarah chỉ góp vài đồng năm xu với mười xu, nhưng việc đó hẳn đã giúp được cô bé.

“Cô ấy đã đợi bao lâu? Và bà tận mắt thấy cô ấy bước lên chuyến xe lúc 2:30 chiều chứ?”

“Cô ấy chờ khoảng mười phút, tôi nghĩ vậy. Tất cả chúng tôi đều thấy cô ấy mua vé từ tài xế, đưa ông ta vali của mình, rồi bước lên xe. Xe chạy, và cô ấy chắc chắn đã vào trong đó.”

“Và tôi tin là hai hôm sau, bà cũng đã thấy cô ấy trở lại vào ngày 30 tháng Mười trên chiếc xe 1:16 chiều. Có đúng vậy không?”

“Đúng vậy, hai ngày sau, một lúc sau 1:15 chiều, tôi nhìn lên khi chiếc xe buýt dừng lại, và cô Clark đã bước xuống từ trên đó. Tôi chỉ cho mấy cô nhân viên khác thấy cô ấy.”

“Rồi cô ấy làm gì?”

“Cô ấy đi tới bến, lên thuyền mình và lái về phía nam.”

“Cảm ơn, Sarah. Vậy là được rồi.”

Thẩm phán Sims hỏi, “Có câu hỏi nào không, anh Eric?”

“Không, thưa tòa, tôi không có câu hỏi. Thực ra, từ danh sách nhân chứng, tôi thấy bên biện hộ dự định gọi nhiều người dân thị trấn ra làm chứng rằng cô Clark đã lên và xuống xe buýt Trailways vào ngày và giờ

như bà Singletary đã nói rõ. Bên công tố không bác bỏ lời khai này. Thực ra, nó phù hợp với lập luận của chúng tôi là cô Clark đã lên hai chuyến xe đó vào những ngày giờ đó và nếu tòa đồng ý, chúng ta không cần thiết phải nghe những nhân chứng khác nói về vấn đề này nữa.”

“Được rồi, cô Singletary, cô có thể lui xuống. Anh thấy sao, anh Milton? Nếu bên công tố chấp nhận sự thật là cô Clark đã lên chuyến xe buýt 2:30 ngày 28 tháng Mười năm 1969, và trở lại vào khoảng 1:16 ngày 30 tháng Mười năm 1969, anh có cần gọi những nhân chứng khác lên xác nhận điểm này nữa không?”

“Không, thưa tòa.” Nét mặt ông điềm tĩnh, nhưng bên trong Tom rửa thẳm. Chứng cứ ngoại phạm của Kya, rằng cô đã ra khỏi thị trấn vào thời điểm Chase chết, là một trong những luận chứng mạnh nhất của bên biện hộ. Nhưng Eric đã thành công làm giảm sức mạnh của bằng chứng ngoại phạm bằng cách đơn giản là chấp nhận nó, thậm chí nói rằng ông ta không cần nghe lời chứng rằng Kya đã đến và rời khỏi Greenville giữa ban ngày. Nó không ảnh hưởng tới lập luận của bên công tố vì họ khẳng định Kya đã trở lại Barkley trong đêm để thực hiện vụ giết người. Tom đã thấy trước nguy cơ nhưng nghĩ rằng bồi thẩm đoàn nhất định phải nghe lời chứng, để hình dung Kya rời khỏi thị trấn giữa ban ngày và không trở lại cho đến sau vụ việc. Giờ, họ sẽ nghĩ chứng cứ ngoại phạm của cô thậm chí không đủ quan trọng để xác nhận.

“Được rồi. Hãy tiếp tục với nhân chứng tiếp theo của anh.”

Hói và béo lùn, áo khoác cài nút chặt cứng trên cái bụng tròn căng, ông Lang Furlough làm chứng rằng ông ta sở hữu và đi điều hành Nhà nghỉ Ba Núi ở Greenville và rằng cô Kya đã ở tại nhà nghỉ từ ngày 28 đến 30 tháng Mười, năm 1969.

Kya ghét phải nghe cái gã tóc bóng dầu này, người mà cô không bao giờ nghĩ mình sẽ gặp lại, vậy mà giờ gã ở đây, nói về cô như thể cô không ở đó. Ông ta kể đã đưa cô đến tận phòng nhưng không nhắc tới việc mình đã nấn ná lại quá lâu. Cứ nghĩ ra đủ thứ lý do để ở trong phòng cô cho đến khi cô mở cửa, tỏ ý mời ông ta đi khỏi. Khi Tom hỏi sao ông ta biết chắc lúc nào cô Clark đi ra đi vào nhà nghỉ, ông ta cười khà khà và nói cô là kiểu phụ nữ mà đàn ông để ý. Ông ta thêm rằng cô khác lạ ra sao, không biết cách dùng điện thoại, đi bộ từ trạm xe buýt với một cái vali, và gói theo bữa ăn tối.

“Ông Furlough, đêm sau đó, 29 tháng Mười năm 1969, đêm Chase Andrews mất mạng, ông đã làm việc tại bàn tiếp tân suốt cả đêm. Có đúng vậy không?”

“Đúng vậy.”

“Sau khi cô Clark trở về phòng lúc mười giờ sau bữa ăn tối với biên tập viên của cô ấy, ông có thấy cô ấy rời khỏi đó nữa không? Bất cứ lúc nào trong đêm 29 rạng 30 tháng Mười, ông có thấy cô ấy ra ngoài rồi trở về phòng không?”

“Không. Tôi ở đó cả đêm và chẳng bao giờ thấy cô ấy ra khỏi phòng hết. Như tôi đã nói, phòng cô ấy ở ngay đối diện quầy tiếp tân, nên tôi sẽ thấy nếu cô ấy đi khỏi.”

“Cảm ơn, ông Furlough, chỉ vậy thôi. Nhân chứng của anh đấy.”

Sau vài phút thăm vắn chéo, Eric tiếp tục. “Được rồi, ông Furlough, tới lúc này chúng ta đã biết ông có rời chỗ tiếp tân để về căn hộ riêng hai lần, sử dụng nhà vệ sinh rồi trở lại; cậu bé giao hàng đưa tới pizza; ông trả tiền cho cậu bé, vân vân; bốn vị khách nhập phòng, hai vị trả phòng; và giữa tất cả những việc đó, ông đã hoàn tất bản kê khai số thu của ông. Giờ

tôi cho rằng, ông Furlough, trong tất cả cái hỗn loạn đó, có rất nhiều lần cô Clark có thể lặng lẽ bước ra ngoài, nhanh chóng băng qua đường, mà ông không hề trông thấy. Chuyện đó chẳng phải hoàn toàn có thể xảy ra sao?”

“Chà, tôi đoán là có thể. Nhưng tôi đâu có thấy gì. Tôi không thấy cô ấy ra khỏi phòng tối đó – đó là điều tôi muốn nói.”

“Tôi hiểu điều đó rồi, ông Furlough. Và cái tôi muốn nói là rất có thể cô Clark đã ra khỏi phòng, đi bộ tới trạm xe buýt, đón xe tới Vững Barkley, giết Chase Andrews và trở lại phòng mình, và ông không hề thấy cô ấy vì ông quá bận bịu với công việc của ông. Không còn câu hỏi nào nữa.”

Sau giờ nghỉ trưa, khi mọi người đã yên vị và thẩm phán đã ngồi vào chỗ, Scupper bước vào phòng xử án. Tate quay lại nhìn cha cậu, vẫn trong bộ quần yếm và đôi bốt hải quân vàng, bước dọc lối đi. Scupper không định tới dự phiên xử vì bận việc, ông sẽ nói thế, nhưng chủ yếu sự quyến luyến con trai ông dành cho cô Clark làm ông ngạc nhiên và bối rối. Dường như Tate chưa từng có cảm xúc với bất cứ người con gái nào khác, và ngay cả khi đã trưởng thành, có nghề nghiệp vững vàng, cậu vẫn yêu người phụ nữ lạ lùng, bí ẩn đó. Người phụ nữ đang bị buộc tội giết người.

Rồi giữa trưa hôm đó, đứng trên thuyền mình, lưới nằm một đồng lòng nhùng quanh ủng, Scupper nặng nề thở hắt ra. Khuôn mặt ông nóng bừng vì hổ thẹn khi ông nhận ra bản thân mình – như vài người chẳng biết gì trong thị trấn – đã ôm định kiến với Kya vì cô lớn lên ở đồng lầy. Ông nhớ Tate đã hãnh diện khoe với ông cuốn sách đầu tiên Kya viết về vỏ sò, và chính ông đã ngạc nhiên trước năng khiếu khoa học và nghệ thuật của cô gái. Cuốn nào cô ra ông cũng mua về một quyển nhưng không nói cho

Tate biết. Rõ ngớ ngẩn.

Ông đã rất tự hào về con trai, tự hào vì cậu luôn biết mình muốn gì và cách để đạt được nó. Chà, Kya cũng làm được điều tương tự trong hoàn cảnh gian khó hơn nhiều.

Làm sao ông có thể không ở đó vì Tate? Không có gì quan trọng ngoài việc ủng hộ con trai mình. Ông buông lưới xuống dưới chân, bỏ chiếc thuyền dầm mình trong bến, và đi bộ thẳng tới phòng xử án.

Khi ông tới hàng ghế đầu tiên, Jodie, Jumpin' và Mabel đứng dậy để ông len vào và ngồi xuống cạnh Tate. Hai cha con họ gật đầu với nhau, và nước mắt dâng lên trong mắt cậu.

Tom Milton chờ cho Scupper ngồi xuống, sự im lặng bao phủ hoàn toàn, rồi nói, “Thưa tòa, bên biện hộ cho gọi Robert Foster.” Mặc áo khoác vải tweed, cà vạt, và quần kaki, ông Foster có dáng người thon gọn, chiều cao trung bình, ánh mắt hiền từ và bộ râu cắt ngắn. Tom hỏi tên và công việc của ông.

“Tôi tên Robert Foster, và tôi là biên tập viên cao cấp của Công ty Xuất bản Harrison Morris ở Boston, Massachusetts.” Kya, tay đặt lên trán, nhìn chằm chằm xuống đất. Biên tập viên của cô là người duy nhất cô biết không nghĩ về cô với biệt danh Cô gái Đồng lầy, người đã tôn trọng cô, thậm chí có vẻ ngạc nhiên và thán phục trước hiểu biết và tài năng của cô nữa. Giờ ông đang ở trước tòa, trông thấy cô tại bàn bị cáo, mang trên mình cáo buộc sát nhân.

“Ông có phải là biên tập viên những cuốn sách của cô Catherine Clark không?”

“Phải. Cô ấy là một nhà tự nhiên học, họa sĩ và cây bút hết sức tài năng. Một trong những tác giả chúng tôi yêu quý nhất.”

“Ông có thể xác nhận rằng mình đã đến Greenville, Bắc Carolina vào ngày 28 tháng Mười năm 1969, và đã gặp cô Clark vào cả hai ngày 29 và 30 không?”

“Đúng là như thế. Tôi tới dự một hội nghị nhỏ và có dư chút thời gian ở đó nhưng không đủ để tới chỗ cô ấy, vậy nên tôi mời cô Clark tới Greenville để chúng tôi có thể gặp nhau.”

“Ông có thể cho chúng tôi biết chính xác thời gian ông chở cô ấy về nhà nghỉ tối 29 tháng Mười năm ngoái không?”

“Sau cuộc gặp mặt, chúng tôi ăn tối ở khách sạn và tôi chở Kya về lại nhà nghỉ của cô ấy lúc 9:55 tối.”

Kya nhớ lại lúc cô đứng trên ngưỡng cửa phòng ăn, nhìn gian phòng đầy những chiếc bàn thấp nền lung linh dưới các chùm đèn dịu dịu. Ly rượu vang cao trên khăn trải bàn trắng toát. Các thực khách ăn mặc lịch lãm trò chuyện bằng giọng thì thầm, trong khi cô mặc váy và áo kiểu đơn giản. Cô và Robert đã dùng cá hồi Bắc Carolina tẩm hạnh nhân, gạo hoang, rau chân vịt trộn kem và bánh mì mềm. Kya cảm thấy thư thái khi ông giữ cho cuộc trò chuyện được trôi chảy bằng sự lịch thiệp dễ dàng, bám vào những chủ đề tự nhiên vốn quen thuộc với cô.

Bây giờ nhớ lại, cô kinh ngạc không biết bằng cách nào mình xoay sở được. Nhưng thực ra, nhà hàng, với tất cả những cái lấp lánh của nó, vẫn không hoành tráng bằng bữa dã ngoại yêu thích nhất của cô. Hồi cô mười lăm, Tate đã đi thuyền đến lán một bình minh, và sau khi cậu quấn một cái khăn quanh vai cô, họ đã đi sâu vào trong đất liền, qua mê cung lạch nước tới một khu rừng cô chưa bao giờ thấy. Họ đi bộ cả dặm tới rìa một cánh đồng nước ngập, nơi cỏ mọc lên xuyên bùn, và tại đó cậu đã trải khăn dưới những nhánh dương xỉ to như tán lọng.

“Giờ chúng ta chờ,” cậu nói, rồi rót trà nóng ra từ bình thủy và mời cô “bánh chên viên”, một loại bánh nướng từ hỗn hợp bột bánh mì, xúc xích nóng và phô mai cheddar sắc vị mà cậu đã nấu cho dịp đó. Dù đang ngồi giữa phòng xử án lạnh lẽo lúc này, cô vẫn nhớ hơi ấm của bờ vai cậu chạm vào cô dưới tấm chăn, trong khi họ nhấm nháp bữa sáng dã ngoại.

Họ không phải chờ lâu. Một chốc sau, có tiếng náo động om sòm như đại bác vang tới từ phía bắc. “Chúng tới đó,” Tate bảo.

Một đám mây mỏng, đen xuất hiện ở chân trời và khi lướt về phía họ, chúng vút lên cao. Tiếng lú lú ngày càng to và chói lói khi đám mây nhanh chóng lấp đầy bầu trời cho đến khi chẳng còn một chấm xanh nào nữa. Hàng trăm ngàn con ngỗng tuyết, vỗ cánh, kêu vang và chao lượn, bao phủ thế giới. Những mảng cuộn xoáy lượn tròn và chao nghiêng để hạ cánh. Có lẽ cả nửa triệu đôi cánh trắng cùng xòe ra đồng loạt, khi những cặp chân hồng-cam thông xuống, và một cơn bão tuyết chim đổ bộ đất liền. Đúng thực là một cơn bão vùng cực khi mọi thứ trên Trái đất, gần và xa, đều biến mất cả. Lần lượt từng con, rồi từng đợt mười con, rồi cả trăm con ngỗng đáp xuống chỉ cách vài bước từ chỗ Kya và Tate đang ngồi dưới cây dương xỉ. Bầu trời trống đi khi khoảng đồng ngập nước đầy lên cho đến khi nó được phủ kín một lớp lông trắng ngà.

Không nhà hàng sang trọng nào có thể sánh bằng cảnh đó, và những viên bánh chên cho nhiều hương vị và cảm giác hơn cả cá hồi tấm hạnh nhân.

“Ông đã thấy cô Clark đi vào phòng phải không?”

“Dĩ nhiên. Tôi mở cửa phòng cho cô ấy và chờ cô ấy vào trong an toàn trước khi lái xe đi.”

“Ông có gặp lại cô Clark ngày hôm sau không?”

“Chúng tôi đã hẹn gặp nhau ăn sáng, nên tôi đón cô ấy lúc 7:30. Chúng tôi ăn tại tiệm bánh nướng chảo Stack ‘Em High. Tôi đưa cô ấy về lại nhà nghỉ lúc 9:00. Và đó là lần cuối tôi gặp cô ấy cho tới hôm nay.” Ông nhìn Kya, nhưng cô cụp mắt xuống bàn.

“Cảm ơn, ông Foster. Tôi không còn câu hỏi nào nữa.”

Eric đứng lên và hỏi, “Ông Foster, tôi tự hỏi tại sao ông ở Khách sạn Piedmont, là khách sạn tốt nhất trong khu vực, trong khi công ty ông chỉ trả cho cô Clark – một cây bút tài năng, tác giả được yêu quý nhất, như ông nói – ở một nhà nghỉ rất cơ bản, Nhà nghỉ Ba Núi?”

“Chà, dĩ nhiên, chúng tôi đã mời, thậm chí đề nghị cô Clark tới ở tại Piedmont, nhưng cô ấy nhất quyết ở nhà nghỉ.”

“Vậy ư? Cô ấy biết tên nhà nghỉ sao? Cô ấy đặc biệt yêu cầu được ở tại Ba Núi à?”

“Phải, cô ấy viết thư nói rằng cô ấy muốn ở tại Ba Núi.”

“Cô ấy có nói tại sao không?”

“Không, tôi không biết vì sao.”

“Chà, tôi có thể biết đấy. Đây là bản đồ du lịch của Greenville.” Eric vung vẩy tấm bản đồ xung quanh khi tiến lại gần bức nhân chứng. “Ông có thể thấy đây, ông Foster, là Khách sạn Piedmont – khách sạn bốn sao mà các ông mời cô Clark tới ở – nằm trong khu vực trung tâm thành phố. Nhà nghỉ Ba Núi, trái lại, nằm trên Cao tốc 258, gần trạm xe buýt Trailways. Thực ra, nếu ông đã nghiên cứu bản đồ như tôi, ông sẽ thấy Ba Núi là nhà nghỉ gần nhất với trạm xe buýt...”

“Phản đối, thưa tòa,” Tom nói to. “Ông Foster không phải là chuyên gia về đường lối ở Greenville.”

“Không, nhưng tấm bản đồ là vị chuyên gia đó. Tôi hiểu anh đang đi tới đâu rồi, Eric, và tôi cho phép đi đâu đó. Tiếp tục đi.”

“Ông Foster, nếu một người dự tính có một chuyến đi ngắn ra trạm xe buýt vào lúc nửa đêm, cũng hợp lý thôi khi thay vì Piedmont họ chọn Ba Núi. Đặc biệt là nếu họ định đi bộ. Tất cả những gì tôi cần từ ông là lời xác nhận rằng cô Clark đã đặc biệt yêu cầu được ở Ba Núi chứ không phải Piedmont.”

“Như tôi đã nói, cô ấy yêu cầu ở Ba Núi.”

“Tôi không còn gì để hỏi nữa.”

“Thăm vấn ngược lại?” Thẩm phán Sims hỏi.

“Vâng, thưa tòa. Ông Foster, ông đã làm việc với cô Clark bao nhiêu năm rồi?”

“Ba năm.”

“Mặc dù chưa từng gặp cô ấy trước chuyến đi Greenville tháng Mười năm ngoái, liệu ông có cho rằng mình hiểu cô Clark khá rõ qua thư từ suốt những năm qua hay không? Nếu có, ông mô tả cô ấy thế nào?”

“Có, tôi cho rằng mình hiểu. Cô ấy là một người rụt rè, hiền dịu, tôi tin là thế. Cô ấy thích ở một mình trong chốn hoang sơ; phải mất một thời gian tôi mới thuyết phục được cô ấy tới Greenville. Chắc chắn cô ấy sẽ tránh những đám đông người.”

“Đám đông người như cái ta sẽ bắt gặp tại khách sạn lớn như Piedmont?”

“Đúng vậy.”

“Thực ra, ông không nghĩ là chẳng có gì bất ngờ sao, ông Foster, khi cô Clark – người thích ở một mình – sẽ chọn một nhà nghỉ nhỏ, hơi hẻo

lánh thay vì một khách sạn lớn sầm uất ngay ở trung tâm? Rằng lựa chọn này phù hợp với tính cách cô ấy?”

“Phải, tôi nghĩ thế.”

“Hơn nữa, không hợp lý sao khi cô Clark, vì không quen thuộc với phương tiện đi lại công cộng và biết mình phải đi bộ từ trạm xe buýt tới khách sạn rồi trở lại, mang theo một cái vali, đã quyết định chọn khách sạn hoặc nhà nghỉ gần nhất với trạm xe buýt?”

“Phải.”

“Cảm ơn ông. Thế là đủ rồi.”

Khi Robert Foster rời khỏi bức nhân chứng, ông đến ngồi với Tate, Scupper, Jodie, Jumpin’ và Mabel, đằng sau Kya.

Buổi chiều đó, Tom gọi cảnh sát trưởng trở lại làm nhân chứng tiếp theo.

Kya biết từ danh sách nhân chứng của Tom rằng không còn nhiều người nữa để gọi, và ý nghĩ đó làm cô muốn bệnh. Phần tranh luận kết thúc diễn ra tiếp theo, rồi kế là phán quyết. Chỉ cần còn một dòng nhân chứng ủng hộ cô, cô có thể hy vọng được tha bổng hoặc ít nhất là trì hoãn lời kết tội. Nếu việc xét xử cứ kéo dài mãi mãi, một phán quyết sẽ không bao giờ được đưa ra. Cô cố đưa tâm trí mình về quãng đường ngổng tuyêt để sao lãng như vẫn làm từ hồi vụ xử mở ra, nhưng thay vào đó, cô chỉ thấy hình ảnh nhà tù, chấn song và những bức tường xi măng ẩm ướt. Thỉnh thoảng chen vào trong trí một cái ghế điện. Nhiều đại buộc.

Đột nhiên, cô cảm thấy mình không thở nổi, không thể ngồi đây thêm một phút nào, đầu cô quá nặng không thể nâng lên. Cô hơi thông người,

và Tom từ chỗ cảnh sát trưởng quay sang Kya khi đầu cô gục xuống bàn tay. Ông chạy đến bên cô ngay lập tức.

“Thưa tòa, tôi đề nghị một quãng nghỉ ngắn. Cô Clark cần được nghỉ.”

“Chấp thuận. Tòa giải tán để nghỉ trong mười lăm phút.”

Tom dìu cô đứng dậy và mau chóng đưa cô qua cửa hông vào phòng hội nghị nhỏ, tại đó cô buông mình vào một chiếc ghế. Ngồi cạnh cô, ông hỏi, “Chuyện gì vậy? Kya, có chuyện gì không ổn sao?”

Cô vui mặt vào tay. “Sao ông còn hỏi thế? Chẳng phải rõ quá sao? Làm sao có ai chịu nổi cảnh này? Tôi cảm thấy muốn bệnh, quá mệt để ngồi ở đó. Tôi có phải ở đó không? Phiên tòa không thể tiếp tục mà không có tôi sao?” Tất cả những gì cô có thể, tất cả những gì cô muốn, là trở lại buồng giam của mình và cuộn tròn bên Sunday Justice.

“Không, tôi e là không. Trong những vụ án có mức phạt tử hình, như vụ này, luật pháp yêu cầu cô phải có mặt.”

“Nếu như tôi không thể thì sao? Nếu như tôi từ chối? Tất cả những gì họ có thể làm là tống tôi vào tù.”

“Kya, đó là luật pháp. Cô phải có mặt, và dù sao đi nữa, cô có mặt sẽ tốt hơn. Bởi thậm chí đoàn có thể dễ dàng kết tội một bị cáo vắng mặt. Nhưng Kya, không còn bao lâu nữa cả.”

“Vậy cũng không làm tôi cảm thấy khá hơn, ông không thấy sao? Chuyện tiếp theo còn tệ hơn cả thế này.”

“Chúng ta chưa biết mà. Đừng quên, chúng ta có thể kháng cáo nếu vụ xét xử này không diễn ra như ý.”

Kya không trả lời. Ý nghĩ kháng cáo làm cô cảm thấy muốn bệnh

thêm, lại bị buộc phải đi qua những phòng xử án khác, xa đường lầy hơn nữa. Có thể ở những thị trấn lớn hơn. Một bầu trời không mông biển. Tom bước ra khỏi phòng và trở lại với một ly trà đá ngọt và một túi đậu phộng muối. Cô nhấm nháp trà; từ chối túi đậu. Vài phút sau, chấp hành viên gõ cửa và dẫn họ trở vào phòng xử án. Tâm trí Kya cứ trôi vào rồi dạt ra khỏi hiện tại, chỉ chớp được vài mẫu lời khai.

“Cảnh sát trưởng Jackson,” Tom nói, “bên công tố khẳng định rằng cô Clark đã lên ra khỏi nhà nghỉ giữa khuya và đi bộ từ Ba Núi tới trạm xe buýt – một quãng đường mất ít nhất hai mươi phút. Rồi cô ấy bắt chuyến xe đêm lúc 11:50 từ Greenville về Vũng Barkley, nhưng xe chạy muộn, nên mãi đến 1:40 sáng cô ấy mới tới Barkley. Họ khẳng định rằng từ trạm xe buýt Barkley, cô ấy đi bộ ra cầu tàu thị trấn – mất ba bốn phút – rồi đi thuyền tới vũng nhỏ gần tháp phòng cháy – ít nhất hai mươi phút nữa – đi bộ tới tháp, thêm tám phút; trèo lên nó trong bóng tối như mực, ít nhất thêm bốn hoặc năm phút; mở tấm vỉ, vài giây; chờ Chase – không tính được – rồi lặp lại tất cả theo trình tự ngược lại.

“Chuỗi hành động đó phải mất ít nhất một giờ bảy phút, và đó là chưa kể thời gian chờ Chase. Nhưng chuyến xe buýt quay về Greenville mà cô ấy phải bắt lại khởi hành chỉ sau năm mươi phút kể từ khi cô tới. Do đó, sự thật đơn giản là: không có đủ thời gian để cô ấy thực hiện tội ác này. Không phải sao, cảnh sát trưởng?”

“Nó sẽ rất khít khao, đúng thế. Nhưng cô ta có thể đi bộ nhanh từ thuyền tới tháp phòng cháy và trở lại, rút ngắn được một vài phút ở đâu đó.”

“Rút ngắn được vài phút ở đâu đó sẽ không đủ. Cô ấy cần thêm tới hai mươi phút nữa. Làm sao cô ấy kiếm ra hai mươi phút?”

“Chà, có lẽ cô ta không hề dùng tới chiếc thuyền; có lẽ cô ta đi bộ hoặc chạy từ trạm xe buýt trên Phố Main, theo đường cát tới tháp phòng cháy. Vậy thì sẽ nhanh hơn đường biển.” Từ chỗ ngồi tại bàn công tố, Eric Chastain trừng mắt nhìn cảnh sát trưởng. Eric đã thuyết phục được bồi thẩm đoàn là có đủ thời gian để Kya thực hiện tội ác và trở lại xe buýt. Họ không cần thuyết phục gì nữa. Hơn nữa, họ có một nhân chứng tốt hơn, người câu tôm, đã làm chứng rằng anh ta thấy cô Clark đi thuyền tới tháp.

“Ông có chứng cứ cho thấy cô Clark đi bộ tới tháp không, cảnh sát trưởng?”

“Không. Nhưng đi đường bộ là một giả thuyết tốt.”

“*Giả thuyết!*” Tom quay sang bồi thẩm đoàn. “Thời điểm dành cho các *giả thuyết* là trước khi ông bắt cô Clark, trước khi ông nhốt cô ấy trong tù suốt hai tháng trời. Sự thật là ông không thể chứng minh cô ấy đi đường bộ, và không có đủ thời gian cho cô ấy đi đường biển. Không còn câu hỏi nào nữa.”

Eric đối mặt với cảnh sát trưởng để thẩm vấn chéo. “Cảnh sát trưởng, có phải vùng nước gần Vũng Barkley chịu ảnh hưởng của những dòng chảy mạnh, dòng chảy rút xa bờ và sóng dội, vốn có thể tác động đến tốc độ của thuyền không?”

“Phải, đúng thế. Ai sống ở đây cũng biết đi ầu đó.”

“Một người biết tận dụng những dòng chảy như vậy có thể lái thuyền rất nhanh tới cái tháp từ bến cảng. Trong trường hợp đó, việc rút ngắn hai mươi phút trong chuyến đi hai chiều là hoàn toàn có thể. Không phải vậy sao?” Eric rất khó chịu khi phải đề ra một giả thuyết nữa, nhưng tất cả những gì ông ta cần là một ý tưởng có vẻ hợp lý để bồi thẩm đoàn có thể bám vào và cuốn họ theo.

“Phải, đúng thế.”

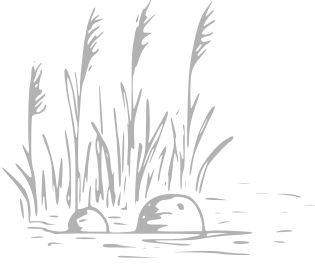
“Cảm ơn ông.” Ngay khi Eric quay đi khỏi bức nhân chứng, Tom lập tức đứng lên để thăm vắn ngược lại.

“Cảnh sát trưởng, có hay không, ông có chứng cứ nào cho thấy đã có một dòng chảy, dòng rút xa bờ hoặc gió mạnh vào đêm 29 rạng 30 tháng Mười, vốn có thể rút ngắn thời gian cho ai đó đi thuyền từ bến cảng Vĩng Barkley tới tháp phòng cháy không, hay chứng cứ nào cho thấy cô Clark đi bộ tới tháp?”

“Không, nhưng tôi chắc chắn là có...”

“Cảnh sát trưởng, việc ông chắc hay không chẳng có gì khác biệt. Ông có chứng cứ cho thấy đã có dòng chảy rút xa bờ chảy mạnh vào đêm 29 tháng Mười năm 1969 hay không?”

“Không, tôi không có.”



Mắt xích còn thiếu

1970

Sáng hôm sau, Tom chỉ còn một nhân chứng duy nhất. Lá bài cuối cùng của ông.

Ông cho gọi Tim O’Neal, người đã đi điều hành thuyền câu tôm của riêng mình tại vùng biển ngoài khơi Vũng Barkley được ba mươi tám năm. Tim, gần sáu mươi lăm, cao mà mập mạp, có mái tóc nâu dày chỉ điểm vài sợi trắng, với cả bộ râu rậm, gần như trắng toát. Dân làng biết ông lạnh lẽ và nghiêm túc, trung thực và lịch thiệp, luôn mở cửa cho các quý cô. Nhân chứng cuối cùng hoàn hảo.

“Tim, có đúng là vào đêm 29 rạng 30 tháng Mười năm ngoái, ông đã đưa thuyền vào bến Vũng Barkley vào khoảng 1:45 và 2:00 sáng hay không?”

“Phải.”

“Hai thành viên đội thuyền của ông, anh Hal Miller, người đã làm chứng ở đây, và anh Allen Hunt, người đã ký tên vào bản khai có tuyên thệ, đều khẳng định họ đã thấy cô Clark lái thuyền qua bến cảng về phía bắc vào khoảng thời gian đó. Ông có biết về tuyên bố của họ không?”

“Có.”

“Ông có thấy chiếc thuyền đó vào cùng thời gian và địa điểm như anh

Miller và anh Hunt thấy nó không?”

“Có, tôi đã thấy nó.”

“Và ông có đồng ý với khẳng định của họ rằng đó là cô Clark đang lái thuyền cô ấy về phía bắc hay không?”

“Không. Tôi không đồng ý.”

“Tại sao?”

“Lúc đó trời rất tối. Mãi sau mới có trăng. Và chiếc thuyền đó ở quá xa để nhận ra một cách chắc chắn. Tôi biết hết những người có thuyền kiểu đó ở đây, và tôi đã thấy cô Clark trên thuyền cô ấy *nhều* lần và sẽ biết ngay nếu là cô ấy. Nhưng đêm đó, trời quá tối để nhận ra chiếc thuyền và người ngồi trên thuyền.”

“Cảm ơn ông, Tim. Không còn câu hỏi nữa.”

Eric bước lại gần bức nhân chứng. “Tim, mặc dù ông không thể xác định chiếc thuyền, hay chính xác là ai ngồi trên đó, ông có đồng ý là một chiếc thuyền cùng kích cỡ và hình dáng với thuyền của cô Clark đã chạy về phía tháp phòng cháy Vững Barkley vào khoảng 1:45 sáng trong đêm Chase Andrews chết ở tháp phòng cháy vào khoảng thời gian đó không?”

“Có, tôi có thể nói chiếc thuyền có cùng hình dạng và kích thước như thuyền của cô Clark.”

“Cảm ơn ông rất nhiều.”

Khi thẩm vấn ngược lại, Tom đứng dậy và nói từ chỗ của mình. “Tim, để xác nhận, ông làm chứng rằng ông đã *nhều* lần nhận ra cô Clark trong thuyền cô ấy, nhưng vào buổi tối đó, ông không thấy bất cứ thứ gì giúp xác định chiếc thuyền hay người đi thuyền là cô Clark trên thuyền của cô ấy. Đúng vậy không?”

“Đúng vậy.”

“Và ông có thể cho chúng tôi biết, có nhiều chiếc thuyền cùng kích thước và hình dạng như thuyền cô Clark hoạt động ở khu vực này không?”

“Ồ có, thuyền cô ấy là loại phổ biến nhất quanh đây. Có rất nhiều thuyền giống thế hoạt động ở vùng này.”

“Vậy người đi thuyền đêm đó có thể là bất cứ ai đang ngủ trên một chiếc thuyền tương tự?”

“Hoàn toàn có thể.”

“Cảm ơn ông. Thưa tòa, phần biện hộ đã xong.”

Thẩm phán Sims nói, “Chúng ta sẽ nghỉ hai mươi phút. Tòa giải tán.”

Để trình bày phần tranh luận kết thúc của mình, Eric đeo một chiếc cà vạt sọc rộng vàng và đỏ đô. Cả phòng im lặng chờ đợi khi ông tiến lại gần bầy thẩm đoàn và đứng trước rào chắn, đưa mắt nhìn từ người này sang người khác đầy chú ý.

“Các quý bà và quý ông của bầy thẩm đoàn, các vị là thành viên của một cộng đồng, một thị trấn kiêu hãnh và độc đáo. Năm ngoái các vị đã mất đi một cậu con trai. Một chàng trai trẻ, ngôi sao sáng của vùng, đang trông chờ một cuộc đời dài bên cạnh người vợ xinh đẹp...”

Kya gần như chẳng nghe một chữ nào khi ông ta lặp lại câu chuyện của mình về cách cô đã giết Chase Andrews. Cô ngẩng, khuỷu tay đặt trên bàn, đầu trong hai bàn tay, chỉ bắt được vài mẫu trong bài diễn thuyết.

“...Hai người đàn ông quen thuộc của cộng đồng đã thấy cô Clark và Chase trong rừng... nghe cô ta nói mấy chữ *Tôi sẽ giết anh!*... một chiếc

nón len đỏ để lại sợi vải trên áo khoác denim của cậu... Còn ai khác muốn lấy sợi dây chuyền đó... các vị biết những dòng nước và con gió có thể tăng mạnh tốc độ thuyền...

“Chúng ta biết từ lối sống của cô Clark rằng cô ta rất thạo đi thuyền trong đêm, trèo lên tháp trong bóng tối. Tất cả đều khớp với nhau như bộ máy đồng hồ. Mỗi một hành động cô ta thực hiện đêm đó đều rõ ràng. Các vị có thể và phải tuyên bố bị cáo phạm tội giết người cấp độ một. Cảm ơn vì đã thực hiện nghĩa vụ của các vị.”

Thẩm phán Sims gật đầu với Tom, ông đứng dậy và bước lại chỗ bầy thẩm đoàn.

“Các quý bà và quý ông của bầy thẩm đoàn, tôi lớn lên ở Vung Barkley và khi còn trẻ hơn, tôi đã nghe nhiều câu chuyện hoang đường về Cô gái Đồng lầy. Phải, hãy cứ nói trắng ra chuyện này đi. Chúng ta gọi cô ấy là Cô gái Đồng lầy. Nhiều người vẫn còn gọi cô ấy như vậy. Có người thì thề rằng cô ấy có một nửa là sói hoặc là người vượn, mắt xích còn thiếu giữa vượn và người. Rằng mắt cô ấy sáng lên trong bóng tối. Nhưng trên thực tế, cô ấy chỉ là đứa trẻ bị bỏ rơi, một bé gái tự mình sinh tồn trong đầm lầy, đói khát và lạnh lẽo, nhưng chúng ta không giúp đỡ cô ấy. Chỉ trừ người bạn duy nhất của cô ấy là Jumpin’, một người không thuộc nhà thờ hoặc cộng đồng của chúng ta, chỉ có ông ấy cho cô thức ăn và cái mặc. Thay vì giúp đỡ, chúng ta gán một cái tên và hắt hủi cô ấy vì chúng ta nghĩ cô ấy khác biệt. Nhưng, thưa các quý bà và quý ông, chúng ta chối bỏ cô Clark vì cô ấy khác thường, hay cô ấy khác thường vì chúng ta chối bỏ cô ấy? Nếu chúng ta đã đón nhận cô ấy như là một người trong số chúng ta

– tôi nghĩ lúc này cô ấy sẽ là người như vậy. Nếu chúng ta đã cho cô ấy cái ăn, quần áo, và yêu thương cô ấy, mời cô ấy bước vào nhà thờ và mái nhà của chúng ta, chúng ta sẽ không mang định kiến với cô ấy. Và tôi tin rằng cô ấy sẽ không ng ẫ đây, bị cáo buộc phạm một tội ác.

“Công việc phán xét cô gái trẻ rụt rè, bị hắt hủi này đã rơi lên đôi vai các vị, mà các vị phải đưa ra phán quyết dựa trên những sự thật đã trình ra trong vụ án, trong phòng xử án này, không phải những tin đồn hay cảm giác từ hai mươi bốn năm quá khứ kia.

“Đâu là những sự thật có cơ sở và chắc chắn?” Cũng như với bên công tố, tâm trí của Kya chỉ bắt được vài mẫu nhỏ. “...bên công tố thậm chí không chứng minh được đây đúng là một vụ án mạng chứ không chỉ là tai nạn thương tâm. Không có hung khí giết người, không có vết thương vì bị xô đẩy, không nhân chứng, không dấu vân tay...

“Một trong những sự thật quan trọng nhất và đã được chứng minh là cô Clark có bằng chứng ngoại phạm rõ ràng chắc chắn. Chúng ta biết cô ấy ở Greenville vào đêm Chase chết... không có chứng cứ cô đã cải nam trang, đi xe buýt tới Barkley... Thực ra, bên công tố đã không thể chứng minh cô ấy có về V ỹng Barkley đêm đó, không thể chứng minh cô ấy có tới tháp canh phòng. Tôi xin nói lại: chẳng có mẫu bằng chứng nào chứng tỏ cô Clark có lên tháp phòng cháy, về V ỹng Barkley, hay giết Chase Andrews cả.

“...và người câu tôm, ông O’Neal, người đã đi ều hành thuyền tôm của mình được ba mươi tám năm, làm chứng rằng trời quá tối để xác định con thuyền nọ.

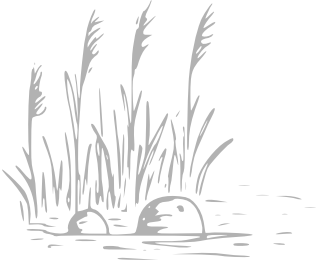
“...sợi vải trên áo khoác cậu ấy có thể ở đó suốt bốn năm r ẫ... Đây là những sự thật không thể phủ nhận...

“Không có nhân chứng nào của bên công tố chắc chắn về cái họ trông thấy, không một ai. Nhưng để biện hộ cho cô ấy, mọi nhân chứng đều một trăm phần trăm chắc chắn...”

Tom đứng trước mặt bồi thẩm đoàn trong một lúc. “Tôi biết rõ hầu hết các vị, và tôi biết các vị có thể gác lại những định kiến cũ về cô Clark đây. Mặc dù chỉ đến trường một ngày trong đời – vì những đứa trẻ khác bắt nạt cô ấy – cô đã tự học và trở thành nhà tự nhiên học kiêm tác giả nổi tiếng. Chúng ta gọi cô ấy là Cô gái Đồng lầy; giờ các viện khoa học công nhận cô ấy là Chuyên gia Đồng lầy.

“Tôi tin rằng các vị có thể gác lại mọi tin đồn và chuyện hoang đường. Tôi tin các vị sẽ đi đến một quyết định dựa trên sự thật nghe trong phòng xử án này, không phải những lời đồn sai lạc đã nhiều năm nghe mãi.

“Cuối cùng, đã đến lúc chúng ta đối xử công bằng với Cô gái Đồng lầy.”



Và ngược lại

1970

Chỉ về phía bờ ghề lộn xộn không đông bộ trong phòng hội nghị nhỏ, Tom mời Tate, Jodie, Scupper và Robert Foster ngồi xuống. Họ ngồi quanh cái bàn hình chữ nhật trên mặt dính đầy vòng đáy cốc cà phê. Tường phòng có hai màu vừa đã bong ra: xanh vỏ chanh phía trên, xanh lá thẫm quanh phần dưới. Một mùi lạnh ẩm tỏa khắp căn phòng nhỏ – từ những bức tường cũng như đồ đạc lầy.

“Mọi người có thể đợi ở đây,” Tom nói, đóng cửa lại sau ông. “Có một máy pha cà phê cuối hành lang đối diện phòng hội thảo, nhưng khó uống lắm, ngay cả với một con la ba mắt. Cà phê từ quán ăn thì cũng được. Để xem, mới vừa qua mười một giờ một chút. Lát nữa chúng ta hãy lên kế hoạch ăn trưa.”

Tate bước tới cửa sổ, nơi các chấn song trắng chẳng thành lưới bít chặt, như thể những người chờ phán quyết từng cố gắng trốn khỏi chỗ này. Cậu hỏi Tom, “Họ đưa Kya đi đâu? Vào buồng giam sao? Cô ấy phải chờ trong đó một mình à?”

“Phải, cô ấy ở trong buồng giam. Giờ tôi sẽ đến gặp cô ấy.

“Anh nghĩ bồi thẩm đoàn sẽ thảo luận bao lâu?” Robert hỏi.

“Không thể nói chắc. Khi anh tưởng nó sẽ nhanh thôi, họ lại mất tới

vài ngày, và ngược lại. Hầu hết họ hẳn đã có quyết định – và không có lợi cho Kya. Nếu vài thành viên có nghi ngờ và cố thuyết phục người khác rằng tội lỗi chưa được chứng minh chắc chắn, chúng ta vẫn có một cơ hội.”

Họ im lặng gật đầu, bị đè nặng bởi từ *chắc chắn*, như thể tội lỗi đã được chứng minh xong cả, chỉ là chưa hoàn toàn chắc mà thôi.

“Được rồi,” Tom tiếp tục. “Tôi sẽ gặp Kya rồi bắt tay vào làm việc. Tôi phải chuẩn bị đề nghị kháng cáo và cả kiến nghị xét xử sai vì định kiến nữa. Xin hãy nhớ, nếu cô ấy bị kết tội, đây chưa phải là cuối con đường. Chưa mất hết tất cả đâu. Tôi sẽ vào và ra, và chắc chắn sẽ cho mọi người biết nếu có tin mới.”

“Cảm ơn ông,” Tate nói, rồi thêm, “Xin hãy cho Kya biết là chúng tôi ở đây, và sẽ ngồi cùng cô ấy nếu cô ấy muốn.” Chính đi đầu này, dù trong mấy ngày qua cô đã từ chối gặp tất cả trừ Tom và hai tháng liền gần như không gặp ai cả.

“Chắc chắn rồi. Tôi sẽ chuyển lời cho cô ấy.” Tom rời đi.

Jumpin’ và Mabel phải chờ phán quyết ở bên ngoài, giữa đám cọ và cỏ rậm của khoảng sân, cùng với vài người da đen khác. Ngay khi họ vừa trải những tấm khăn sặc sỡ ra đất và tháo giấy gói bánh mì cùng xúc xích, một cơn mưa ập đến khiến họ chụp vội mọi thứ rồi chạy vào nấp dưới mái che chìa ra của Sing Oil. Ông Lane gào lên rằng họ phải chờ ở ngoài – một đi đầu họ đã biết từ trăm năm nay – và không được cản đường khách. Vài người da trắng tụ hội ở quán ăn hoặc Dog-Gone để uống cà phê, và người khác túm tụm trên đường dưới những tán dù rực rỡ. Bọn trẻ nhỏ làm bắn tóe mấy vũng nước bất ngờ và nhai bánh Cracker Jacks, chờ một cuộc diễu hành.

Từng được giám hộ bởi hàng triệu phút đơn côi, Kya nghĩ mình đã biết thế nào là cô độc. Cả cuộc đời nhìn chăm chăm cái bàn bếp cũ, nhìn vào những phòng ngủ trống, nhìn qua ngút ngàn đường cỏ với biển khơi. Không ai chia sẻ niềm vui tìm thấy một chiếc lông vũ hay hoàn tất một bức tranh màu nước. Chỉ đọc thơ cho bầu mòng biển.

Thế mà sau khi Jacob đóng buồng giam trong tiếng chấn song lách cách, biến mất dọc hành lang, và khóa cánh cửa nặng nề với một tiếng kịch kết thúc, cái im lặng lạnh căm đột ngột trùm xuống không gian. Việc chờ đợi phán quyết vụ án giết người đem tới một nỗi cô đơn loại khác. Câu hỏi liệu cô sẽ sống hay chết không hiện lên trong tâm trí, mà chìm dưới nỗi sợ lớn hơn là nhiều năm cô đơn xa cách đường lầy. Không mòng biển, không đại dương, ở một chốn không sao trời nhấp nháy.

Những người bạn tù phiền phức ở cuối hành lang đã được thả. Cô gần như nhớ tiếng họ huyền thuyên liên hồi – một sự hiện diện con người dấu cho thấp kém. Giờ chỉ có mình cô trong cái đường hầm xi măng dài đầy chấn song và ổ khóa này.

Cô biết quy mô của những định kiến chống lại cô và một phán quyết nhanh chóng sẽ có nghĩa là họ không phải hội ý gì nữa cả, có nghĩa là kết án. Căn bệnh phong đòn gánh vụt trở lại trong trí – cuộc sống bị kết tội phải chịu vụn vẹo, giày vò.

Kya nghĩ tới việc di chuyển cái thùng tới dưới cửa sổ và tìm chim ăn thịt trên đường lầy. Nhưng rồi cô chỉ ngửi thử ra. Trong im lặng.

Hai tiếng sau, lúc một giờ chiều, Tom mở cửa vào căn phòng nơi Tate, Jodie, Scupper và Robert Foster đang đợi. “Chà, có vài tin mới.”

“Sao?” Tate ngẩng phắt lên. “Chẳng lẽ có phán quyết rồi?”

“Không, không. Không phải phán quyết. Nhưng tôi nghĩ nó là tin tốt. Các thành viên bồi thẩm đoàn đã xin xem lại ghi chép của tòa về lời khai của các tài xế xe buýt. Điều này có nghĩa là, ít ra, họ đang suy nghĩ – không đơn giản là nhảy tới phán quyết. Các tài xế xe buýt có vai trò mấu chốt, dĩ nhiên, và cả hai đều nói họ chắc chắn Kya không có trên chuyến xe họ chạy và cũng không chắc về vụ nguy trang nữa. Đôi khi việc xem lại lời khai để phân trắng đen làm cho mọi thứ có tính quyết định hơn với bồi thẩm đoàn. Để xem, nhưng đó là một tia hy vọng.”

“Chúng ta sẽ nhận một tia hy vọng,” Jodie nói.

“Nghe này, qua giờ ăn trưa rồi. Sao mọi người không tới quán ăn nhỉ? Tôi hứa, tôi sẽ tìm mọi người nếu có chuyện gì.”

“Tôi không nghĩ vậy,” Tate đáp. “Ngoài kia tất cả bọn họ đang bàn tán xem cô ấy có tội đến mức nào.”

“Tôi hiểu rồi. Tôi sẽ nhờ thư ký đi mua vài cái burger. Thế thì sao?”

“Cũng được, cảm ơn,” Scupper đáp, và lôi ra vài đô từ ví của mình.

Lúc 2:15, Tom quay lại báo họ rằng bồi thẩm đoàn đã yêu cầu được xem lời khai của người khám nghiệm. “Tôi không chắc chuyện này có lợi hay không nữa.”

“Chết tiệt!” Tate chửi thề. “Làm sao người ta có thể chịu nổi chuyện này chứ?”

“Cố gắng thư giãn; việc này có thể mất nhiều ngày. Tôi sẽ cập nhật cho mọi người mọi tin mới nhất.”

Không mỉm cười và trông căng thẳng, Tom mở cửa lần nữa vào lúc bốn giờ. “Chà, mọi người, buổi thẩm đoán đã có phán quyết. Thẩm phán đã ra lệnh gọi mọi người trở vào phòng xử.”

Tate đứng dậy. “Thế có nghĩa là gì? Xong nhanh như vậy?”

“Thôi nào, Tate.” Jodie chạm lên tay cậu. “Đi thôi.”

Trong hành lang, họ hòa vào dòng người chen vai lách vào từ bên ngoài. Không khí ẩm ướt, mùi khói thuốc lá, tóc ẩm mưa và quần áo ẩm, tràn vào cùng họ.

Phòng xử án được lấp đầy trong chưa tới mười phút. Nhiều người không có chỗ ngồi và phải tụ lại trong hành lang hoặc trước bậc thềm. Lúc 4:30 chấp hành viên dẫn Kya vào chỗ của cô. Lần đầu tiên, ông đỡ khuỷu tay cô và quả thật, có vẻ như cô sẽ sụm xuống nếu ông không làm vậy. Mắt cô không bao giờ rời khỏi mặt sàn. Tate nhìn thấy mỗi cái giật trên mặt cô. Hơi thở cậu nặng nhọc với cơn buồn nôn muốn bệnh.

Cô Jones, thư ký, đi vào và ngồi xuống. Rồi, như một dàn đồng ca tang lễ, nghiêm nghị và u ám, các thành viên buổi thẩm đoán nối nhau vào chỗ ngồi. Bà Culpepper đưa mắt nhìn Kya. Những người khác nhìn thẳng về phía trước. Tom cố đọc nét mặt họ. Không có một tiếng ho hay tiếng cựa quậy nào từ những dãy ghế ngồi.

“Tất cả đứng dậy.”

Cửa của Thẩm phán Sims mở ra, và ông ngồi vào ghế của mình.

“Mời ngài. Chủ tịch ban hội thẩm, có đúng là bồi thẩm đoàn đã đi đến quyết định không?”

Ông Tomlinson, một người đàn ông trầm lặng sở hữu hiệu giày Buster Brown, đứng dậy ở hàng đầu. “Đúng thế, thưa tòa.”

Thẩm phán Sims nhìn Kya. “Bị cáo hãy đứng dậy nghe đọc phán quyết.” Tom chạm lên tay Kya, rồi đỡ cô dậy. Tate đặt tay mình lên rào chắn gần hết mức có thể với Kya. Jumpin’ cầm tay Mabel và giữ nó.

Không ai trong phòng từng nếm trải cảm giác tim cùng đập thành thành, cảm giác khó thở chung cho tất cả. Những ánh mắt đưa qua đảo lại, những bàn tay đẫm mồ hôi. Người câu tôm, Hal Miller, vắt hết óc mình, cố gắng xác nhận đúng là thuyền cô Clark anh thấy đêm đó. Cho là anh đã sai rồi. Hầu hết đều nhìn chằm chằm, không phải vào gáy Kya, mà xuống sàn, lên những bức vách. Có vẻ như cả ngôi làng – không phải Kya – đang chờ phán quyết, và ít ai cảm thấy niềm vui xấu xa họ đã trông đợi tại thời khắc này.

Chủ tịch ban hội thẩm, ông Tomlinson, đưa một mẫu giấy nhỏ cho chấp hành viên, ông này đưa nó cho thẩm phán. Thẩm phán mở ra đọc nó với một vẻ mặt không biểu cảm. Rồi chấp hành viên đón lấy nó từ thẩm phán Sims rồi đưa nó cho cô Jones, thư ký.

“Ai đó đọc chúng tôi nghe đi chứ,” Tate phun ra. Cô Jones đứng dậy và nhìn thẳng vào Kya, mở mẫu giấy ra, và đọc: “Chúng tôi, bồi thẩm đoàn, nhận thấy trước cáo buộc giết anh Chase Andrews, cô Catherine Danielle Clark vô tội.” Kya sụp xuống. Tom cũng theo cô.

Tate chớp mắt. Jodie hít một hơi. Mabel nấc lên. Cả phòng ngẩng im lìm. Chắc chắn họ đã nghe nhầm. “Cô ta nói vô tội sao?” Một chuỗi rì rầm nhanh chóng dâng lên về cường độ và cao độ, trở thành câu hỏi phẫn nộ.

Ông Lane quát to, “Chuyện này *hông* đúng.”

Thẩm phán gõ búa. “Trật tự! Cô Clark, b ấi thẩm đoàn nhận thấy cô vô tội. Cô được tự do, và tôi thay mặt tiểu bang xin lỗi cô vì cô đã phải chịu hai tháng tù đầy. B ấi thẩm đoàn, chúng tôi cảm ơn các vị vì đã dành thời gian phục vụ cộng đ ồng. Tòa giải tán.”

Một nhóm nhỏ xúm lại quanh bố mẹ Chase. Patti Love khóc than. Sarah Singletary cau mặt như tất cả mọi người nhưng phát hiện ra bà vô cùng nhẹ nhõm. Bà Pansy hy vọng không ai thấy hàm bà thả lỏng. Một giọt nước mắt lăn dài trên má bà Culpepper, r ấi cái bóng của nụ cười dành cho cô bé đ ồng l ầy trốn học một l ần nữa trốn thoát.

Một nhóm đàn ông mặc quần yếm đứng gần cuối phòng. “Cái đám b ấi thẩm đoàn đó phải giải thích chuyện này cho ra lẽ.”

“Eric không thể kiến nghị xét xử sai sao? Làm lại từ đầu?”

“Không. Nhớ chứ? *Hông* thể hai l ần buộc tội giết người. Cô ta tự do r ấi. Thoát được tất cả.”

“Chính cảnh sát trưởng đã làm hỏng việc của Eric. Không thể giữ cho câu chuyện *nhắc quáng*, cứ tới đâu bịa tới đó. Giả thuyết này, giả thuyết kia.”

“Nghênh ngang đi tới đi lui như lên chương trình *Gunsmoke*.”

Những nhóm nhỏ bất mãn này nhanh chóng r ấi đi, vài người tha thân ra cửa, nói về công việc còn phải làm cho kịp; rằng cơn mưa đã làm dịu mát mọi thứ.

Jodie và Tate đã ừa chạy qua cánh cửa gỗ tới bàn biện hộ. Scupper, Jumpin’, Mabel, Robert theo sau và tất cả vây lấy Kya. Họ không chạm vào cô, nhưng đứng gần bên khi cô ng ấi đó bất động.

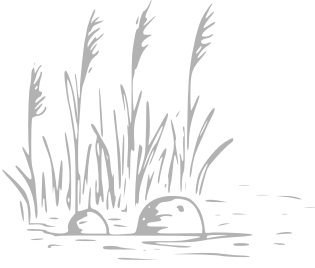
Jodie nói, “Kya, em có thể về nhà. Em có muốn anh chở em không?”

“Có, làm ơn.”

Kya đứng dậy và cảm ơn Robert vì đã tới đây từ tận Boston. Ông mỉm cười. “Cô hãy quên hết chuyện vợ vãn này đi và tiếp tục công việc phi thường của cô nhé.” Cô chạm tay Jumpin’, và Mabel ôm cô vào bầu ngực êm ái của bà. Rồi Kya quay sang Tate. “Cảm ơn vì những gì anh đã mang tới cho em.” Cô quay sang Tom và không nói nên lời. Ông chỉ đơn giản ôm cô trong tay. Rồi cô nhìn Scupper. Cô chưa bao giờ được giới thiệu với ông, nhưng biết ông là ai từ cặp mắt. Cô gật đầu bày tỏ một lời cảm ơn khe khẽ, và trước sự kinh ngạc của cô, ông đặt tay lên vai cô và siết lấy nhẹ nhàng.

Rồi, theo chấp hành viên, cô bước cùng Jodie về phía cửa sau phòng xử án và khi đi ngang, đưa tay chạm lên đuôi Sunday Justice. Chú mèo phớt lờ cô, và cô ngưỡng mộ màn giả vờ hoàn hảo làm như chẳng cần lời tạm biệt.

Khi cánh cửa mở ra, cô cảm nhận được hơi thở của đại dương mặn man trên mặt mình.



Hoa của cỏ

1970

Trong khi chiếc bán tải của Jodie nảy từ đường nhựa xuống đường cát đờng lầy, anh nhẹ nhàng an ủi Kya, nói rằng cô sẽ ổn; chỉ cần chút thời gian thôi mà. Cô hướng mắt nhìn ra đám cỏ đuôi mèo và diệp bạch, hàng thông và ao hồ lấp lánh lướt qua. Rướn cổ lên để thấy hai chú hải ly lội nước. Như con nhàn biển di cư bay qua mười ngàn dặm về bên bờ mình đã sinh ra, tâm trí cô đập d òn nổi nhớ mong và trông đợi mái nhà; cô gần như không nghe Jodie liên thoảng. Ước gì anh im lặng và lắng nghe cái hoang dã bên trong. Khi đó biết đâu anh sẽ thấy.

Hơi thở Kya nghẹn lại khi Jodie vòng qua khúc quanh cuối cùng của con đường uốn lượn, và cái lán cũ hiện ra, chờ dưới những tán s ồi. Mấy chùm không khí tóc tiên khẽ đung đưa trong gió trên mái nhà hoen rỉ, và con diệp đứng thẳng bằng một chân dưới bóng râm của phá. Ngay khi Jodie dừng xe lại, Kya đã phốc ra và chạy vào nhà, chạm lên giường, bàn, bếp. Biết cô sẽ muốn gì, Jodie để một túi vụn bánh lên bàn, và, tìm được năng lượng mới, cô chạy ra biển với cái túi, nước mắt tuôn thành dòng xuống má khi lũ mòng biển từ khắp nơi trên bờ cát bay tới với cô. Big Red đậu xuống và lon ton đi quanh cô, đầu gật lia lịa.

Quỳ xuống trên bờ biển, vây quanh bởi lũ chim lão nháo, cô run rẩy. “Mình chưa từng xin người ta bất cứ thứ gì. Có lẽ giờ họ sẽ để mình yên.”

Jodie đem vài món đồ của cô vào nhà và pha trà trong cái ấm cũ. Anh ngồi bên bàn và chờ đợi. Cuối cùng, anh nghe cửa hiên mở ra, và cô bước vào bếp, thốt lên, “Ồ, anh vẫn còn đây.” Dĩ nhiên là anh còn ở đây – chiếc bàn tải nằm lù lù ngoài đó.

“Làm ơn ngồi xuống một lúc, được không em?” Jodie hỏi. “Anh muốn nói chuyện.”

Cô không ngồi xuống. “Em ổn, Jodie. Thật đấy.”

“Vậy là em muốn anh đi khỏi, phải không? Kya, em đã hai tháng ở một mình trong buồng giam đó, nghĩ rằng cả thị trấn chống lại em. Em gần như chẳng để ai tới thăm em. Anh hiểu tất cả, thật sự, nhưng anh không nghĩ anh nên lái đi và để em lại một mình. Anh muốn ở bên em một vài ngày. Được chứ?”

“Em đã sống một mình gần cả cuộc đời, không chỉ là hai tháng! Và em không *nghĩ*, em *biết* cả thị trấn chống lại em.”

“Kya, đừng để chuyện tồi tệ này đẩy em lánh xa con người hơn nữa. Thử thách vừa qua làm nản chí, nhưng đây có vẻ là cơ hội để bắt đầu lại từ đầu. Phán quyết kia có lẽ là cách để họ nói rằng họ sẽ chấp nhận em đó.”

“Hầu hết mọi người không cần được tuyên trắng án giết người rồi mới được chấp nhận.”

“Anh biết, và em có mọi lý do trên thế giới để ghét con người. Anh không trách em, nhưng...”

“Đó là đi đâu chẳng ai hiểu về em.” Cô cao giọng, “Em chưa bao giờ ghét con người. *Họ* ghét *em*. *Họ* cười nhạo *em*. *Họ* bỏ rơi *em*. *Họ* quấy rối *em*. *Họ* tấn công *em*. Chà, đúng vậy; em đã học được cách sống không cần họ. Không cần anh. Không cần má! Chẳng cần ai cả!”

Jodie cố ôm em gái, nhưng cô vội vùng ra.

“Jodie, có lẽ em chỉ đang mệt mỏi. Thực ra, em kiệt sức rồi. Làm ơn, em cần phải *một mình* vượt qua tất cả chuyện này – phiên xử, nhà tù, ý nghĩ mình sẽ bị hành quyết, vì *một mình* là tất cả những gì em từng biết. Em không biết làm sao để được an ủi. Em quá mệt để mà nói chuyện lúc này. Em...” Giọng cô nhỏ đi.

Cô không chờ câu trả lời mà đi ra khỏi nhà và bước vào rừng sâu. Biết là vô ích, Jodie không đuổi theo cô. Anh sẽ chờ. Ngày hôm trước, anh đã tiếp thêm đồ ăn thức uống cho cái lán – chuẩn bị cho trường hợp cô được tha bổng – và lúc này anh bắt tay vào cắt rau cho món khoai kau nhất của Kya: bánh nướng thịt gà. Nhưng khi mặt trời lặn, anh không thể để cô phải ở ngoài thêm phút giây nào nữa, nên anh để cái bánh nướng nóng hổi, sủi lup búp trên bếp và đi ra cửa. Cô đã vòng ra biển, và khi nghe tiếng xe tải của anh chầm chậm lái đi, cô chạy về nhà.

Mùi bánh nướng vàng ruộm tỏa khắp cái lán đến tận trần nhà, nhưng Kya không nghe thấy. Vào trong bếp, cô lấy ra màu vẽ và lên kế hoạch viết cuốn sách tiếp theo về cô đồng lầy. Người ta ít khi để ý tới cô trừ khi muốn cắt, giẫm hoặc đầu độc chúng. Cô quét cọ điên cuồng qua mặt giấy bằng một màu gần với đen hơn xanh lá. Những hình ảnh tối tăm hiện ra, có lẽ là cánh đồng đang chết dưới cơn bão. Khó mà nói được.

Cô gục đầu xuống và thẫn thức. “Sao bây giờ mình lại tức giận như vậy? Sao lại là lúc này? Sao mình ác với anh Jodie như thế?” Mất hết sức lực, cô trượt xuống sàn như một con búp bê bằng vải. Cuộn tròn người lại, vẫn nước mắt, cô ước gì mình có thể rúc vào cạnh người duy nhất từng chấp nhận cô như chính bản thân cô. Nhưng chú mèo đã ở lại nhà tù đó.

Trước khi trời tối, Kya trở ra bờ biển nơi lũ mòng biển đã rửa lông và

chuẩn bị nghỉ ngơi. Khi cô lội vào làn bọt sóng, những mảnh vỡ vỏ sò và vỏ cua quệt qua ngón chân cô khi chúng đổ về biển cả. Cô cúi xuống và nhặt lên hai chiếc lông b ồ nông giống như chiếc Tate đã đặt ở mục chữ B cuốn từ điển cậu tặng cô dịp Giáng sinh nhi ều năm trước.

Cô thì th ầm một đoạn thơ của Amanda Hamilton:

*Người lại tới,
Làm lóa mắt tôi
Như ánh nắng lấp lánh trên biển.
Mỗi khi tôi thấy mình tự do tự tại
Mặt trăng lại rọi lên cửa gương mặt người.
Mỗi lần tôi nghĩ mình quên rồi
Ánh mắt người lại ám ảnh tim tôi và hằn sâu trong đó.
Vậy nên xin từ biệt
Cho đến lần tiếp theo người tới,
Cho đến khi cuối cùng tôi không còn thấy lại người.*

Sáng hôm sau trước bình minh, Kya ng ồi dậy trên chiếc giường hiên và hít mùi hương nồng đậm của đ ồng l ầy vào trong tim mình. Khi ánh ngày nhàn nhạt lọt vào bếp, cô nấu cho mình chút cháo, trứng chiên với bánh mì, cũng mềm và mịn như của má. Cô cắn ăn từng miếng. R ồi khi mặt trời lên, cô chạy ra thuyền và lái bình bịch qua phá, nhúng mấy ngón tay xuống làn nước trong vắt, thăm sâu.

Lục tục qua con kênh, cô trò chuyện với lũ rùa và diệc bạch, r ồi giao cao tay trên đ ầu. Nhà. “Mình sẽ nhặt nhanh cả ngày, bất cứ thứ gì mình muốn,” cô nói. Sâu trong tâm trí là ý nghĩ cô có thể gặp Tate. Có lẽ cậu sẽ

làm việc gần đây và cô tình cờ gặp cậu. Cô có thể mời cậu trở lại cái lán để cùng ăn chiếc bánh nướng Jodie đã làm.

Cách đó chưa tới một dặm, Tate lội qua nước cạn, nhúng lấy mẫu bằng những chiếc lọ bé xíu. Những làn sóng nhẹ gợn lên từ mỗi bước chân cậu, từ mỗi lần nhúng. Cậu định ở gần chỗ Kya. Có lẽ cô sẽ đi thuyền ra đồng lầy, và họ sẽ gặp nhau. Nếu không, cậu sẽ tới lán cô chiêu đó. Cậu chưa quyết định chính xác mình sẽ nói gì, nhưng ý nghĩ sẽ hôn cô thoảng qua trong trí.

Ở phía xa, một động cơ giận dữ gầm lên, chói lói và to hơn thuyền máy – át đi âm thanh khe khẽ của đồng lầy. Cậu dõi theo tiếng động khi nó đi về phía cậu, và đột nhiên một chiếc thuyền quạt nước kiểu mới mà cậu chưa từng thấy lao vào tầm mắt. Nó trượt và lướt phăm phăm trên nước, thậm chí trên cả cỏ, bắn tung tia nước theo cánh quạt xoay. Phát ra tiếng ồn của mười cái còi báo động.

Nghiến nát bụi cây và ngọn cỏ, chiếc thuyền vạch đường qua đồng lầy rồi tăng tốc cắt ngang quãng cửa sông. Diệt và diệt bạch quang quác thất thanh. Ba người đàn ông đứng bên bánh lái, và trông thấy Tate, họ quay về phía cậu. Khi họ tới gần, cậu nhận ra cảnh sát trưởng Jackson, cấp phó của ông ta, và một người đàn ông nữa.

Chiếc thuyền phô trương đặt mông xuống khi nó chậm lại và trượt tới gần. Cảnh sát trưởng hét lên cái gì đó với Tate, nhưng ngay cả khi đã che tai và nghiêng người về phía họ, cậu vẫn không nghe được qua tiếng ồn ào của nó. Họ lái lại gần hơn cho đến khi chiếc thuyền xộc tới cạnh Tate, dềnh nước lên tới mũi cậu. Cảnh sát trưởng cúi xuống và hét lớn.

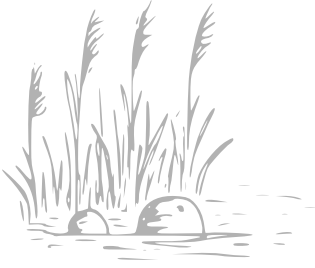
Ở gần đó, Kya cũng đã nghe tiếng chiếc thuyền lạ, và khi đi về phía nó, cô thấy nó lại gần Tate. Cô lúi vào một bụi cây và nhìn Tate lắng nghe lời cảnh sát trưởng nói, rồi đứng lặng, đầu cúi thấp, vai buông thõng đầu hàng. Ngay từ khoảng cách xa thế này, cô vẫn đọc được sự tuyệt vọng trong hình dáng cậu. Cảnh sát trưởng hét lên lần nữa, và Tate cuối cùng cũng đưa tay cho phó cảnh sát trưởng kéo cậu lên thuyền. Người đàn ông còn lại nhảy xuống nước và trèo lên chiếc du thuyền nhỏ của Tate. Cầm cúi gằm, mắt sụp xuống, Tate đứng giữa hai người đàn ông mặc đồng phục khi họ quay đi và lao băng băng qua đồng lầy về phía thị trấn, theo sau là người đàn ông lái chiếc du thuyền nhỏ.

Kya nhìn theo cho đến khi hai chiếc thuyền khuất dạng sau một đám cỏ lươn. Tại sao họ lại đưa Tate đi? Có liên quan gì tới cái chết của Chase không? Có phải họ đã bắt giữ cậu?

Nỗi đau đớn cào cấu Kya. Cuối cùng, sau cả một cuộc đời, cô cũng thừa nhận chính cơ hội được gặp Tate, chính hy vọng vòng qua một khúc quanh trên lạch và nhìn cậu qua đám sậy là cái đã lôi cuốn cô vào đồng lầy mỗi ngày kể từ khi lên bảy. Cô biết cậu thích những phá nước nào và lối nào qua các đồng lầy hiểm hóc; luôn đi theo cậu từ một khoảng cách an toàn. Lẩn lút, lén trộm tình yêu. Không bao giờ chia sẻ nó. Ta không thể bị tổn thương khi yêu một ai đó từ phía bên kia một cửa sông to. Bao nhiêu năm qua cô đã từ chối Tate, cô sống được vì cậu vẫn ở đâu đó giữa đồng lầy, đợi cô đến. Nhưng giờ có lẽ cậu sẽ không còn ngoài đó nữa.

Cô nhìn chăm chăm tiếng động xa dềnh của con thuyền lạ. Jumpin' biết tất cả – ông sẽ biết tại sao cảnh sát trưởng lại bắt Tate và cô có thể làm được điều gì.

Cô kéo cần gạt động cơ và lao băng băng qua đồng lầy.



Diệc đêm

1970

Nghĩa trang Vĩng Barkley nằm hun hút trong những đường hầm dưới bóng s ối thăm tối. Không khí tóc tiên rũ những tấm rèm dài, tạo thành điện thờ như hang động cho các bia mộ cũ – một gia đình ở kia, một người đơn độc đằng này, không theo trật tự gì cả. Ngón tay của các bộ rễ đ ầy mấu đã vụn và xé mộ bia thành những hình thù méo mó, không tên. Dấu hiệu của cái chết bị bào mòn bởi các nhân tố của sự sống, ở xa xa, biển và trời ca hát, quá tươi sáng với mảnh đất nghiêm trang này.

Ngày hôm qua nghĩa trang di chuyển cùng với đoàn người, như đàn kiến liên miên, bao g ồm mọi ngư dân và người ở các cửa hiệu, tất cả đến đ ể chôn Scupper vào lòng đất. Mọi người túm tụm đi trong sự im lặng khó xử trong khi Tate lê bước giữa vài người bà con xa lạ và những người dân thị trấn thân quen. Kể từ khi cảnh sát trưởng tìm ra Tate trong đ ồng l ầy đ ể báo tin cha cậu mất, cậu chỉ bước đi và làm theo dẫn dắt – một cánh tay đặt lên lưng, một cú huých nhẹ bên hông cậu. Cậu không nhớ chút gì và trở lại nghĩa trang hôm nay đ ể nói lời tạm biệt.

Trong tất cả những tháng qua, mong nhớ Kya, r ồi cố vào thăm cô trong tù, cậu g ần như chẳng dành chút thời gian nào cho cha cả. Nỗi ân hận và hối tiếc cào cấu thâm tâm. Nếu cậu không bận tâm quá mức với trái tim mình, có lẽ cậu sẽ nhận ra cha đang yếu. Trước khi bị bắt, Kya đã có dấu

hiệu cho thấy cô đang trở lại – tặng cậu quyển sách đầu tiên của cô, lên thuyền cậu để xem kính viễn vi mới, bật cười khi ném chiếc nón qua lại – nhưng khi phiên tòa bắt đầu, cô lại giữ khoảng cách và tách biệt hơn bất cứ lúc nào. Nhà tù có thể làm thế với một con người, cậu nghĩ.

Ngay cả lúc này, trên đường đi về phía ngôi mộ mới, tay cầm một chiếc hộp nâu bằng nhựa, cậu thấy mình nghĩ về Kya nhiều hơn cả người cha, và tự mắng mình về đi đầu đó. Cậu đến gần nấm đất như vết sẹo mới thành hình dưới gốc sồi, đằng xa là biển rộng. Nấm mồ nằm cạnh mộ mẹ cậu; mộ em gái cậu ở phía xa, tất cả được quây trong một bức tường nhỏ bằng đá vôi vữa thô, trên gắn vỏ sò. Vẫn còn đủ chỗ cho cậu. Không có chút cảm giác nào là cha cậu có ở đây. “Lẽ ra con phải hỏa táng cho cha như Sam McGee vậy,” Tate nói, gần như mỉm cười. Rồi, nhìn ra đại dương, cậu hy vọng dù đang ở đâu, Scupper cũng có một chiếc thuyền. Một chiếc thuyền màu đỏ.

Cậu đặt cái hộp nhựa – một máy hát đĩa chạy pin – lên mặt đất cạnh nấm mồ và gắn lên đó một chiếc đĩa 78. Cây kim rung rung rồi hạ xuống, và giọng hát thanh như bạc của Miliza Korjus vút lên trên những ngọn cây. Tate ngẩng giữa mộ của mẹ và nấm đất mới phủ đầy hoa. Lạ thay, mùi đất ngọt ngào mới lật tạo cảm giác giống như một khởi đầu hơn là kết thúc.

Nói thành lời, đầu cúi xuống, cậu xin cha tha thứ vì đã dành quá nhiều thời gian ở bên ngoài, và cậu biết ông sẽ bỏ qua cho cậu. Tate vẫn nhớ định nghĩa của cha về một người đàn ông: người khóc mà không xấu hổ, đọc thơ bằng cả trái tim, cảm nhận được opera trong tâm hồn, và làm việc cần làm để bảo vệ một người phụ nữ. Scupper sẽ hiểu cho việc theo dấu tình yêu qua cả bùn lầy. Tate nghĩ đó một lúc lâu, một tay đặt lên mẹ, và một tay đặt lên cha.

Cuối cùng, cậu chạm lên mộ một lần cuối, đi bộ trở lại xe, và lái ra thuyền mình ở cầu tàu thị trấn. Cậu sẽ trở lại làm việc, lại đắm mình vào các dạng sống ngo ngoe. Vài người đánh cá tới gần cậu trên bến thuyền, và cậu lúng túng đứng đó, chấp nhận những lời chia buồn cũng lúng túng như vậy.

Đầu cúi xuống, quyết tâm đi khỏi đây trước khi có thêm người tiến lại, cậu bước lên boong sau chiếc du thuyền nhỏ của mình. Nhưng trước khi ngẩng vào sau bánh lái, cậu thấy một chiếc lông vũ màu nâu nhạt nằm trên nệm ghế. Cậu biết ngay đó là sợi lông ngực mềm mại của một cô diệc đêm cái, một sinh vật chân dài sống bí mật sâu trong rừng lầy, một mình. Vậy mà sợi lông nằm đây, quá gần biển.

Cậu nhìn quanh. Không, cô ấy sẽ không ở đây, không gần thị trấn như vậy. Cậu vặn chìa khóa, lao về hướng nam qua biển, và cuối cùng tới rừng lầy.

Phóng quá nhanh vào con kênh, cậu lướt qua những cành nhánh thấp khi chúng đập loạt soạt lên thuyền. Đường rẽ nước sôi sục đập vào bờ khi cậu tấp vào phá nước nhà Kya và cột thuyền cậu cạnh thuyền cô ở đó. Khói bốc lên từ ống khói của lán nhà, cuộn cuộn và tự do.

“Kya,” cậu gọi to. “Kya!”

Cô mở cửa hiên và bước ra dưới bóng sồi. Cô mặc váy trắng dài với áo len xanh lam nhạt – sắc màu của cánh chim trời – tóc xõa quanh vai mềm mại.

Cậu chờ cô bước tới gần, rồi đặt tay lên vai cô, ôm cô vào ngực. Rồi lại đẩy ra.

“Anh yêu em, Kya, em biết mà. Em đã biết đi đâu đó từ lâu lắm.”

“Anh đã bỏ em như tất cả những người khác,” cô đáp.

“Anh sẽ không bao giờ bỏ em nữa.”

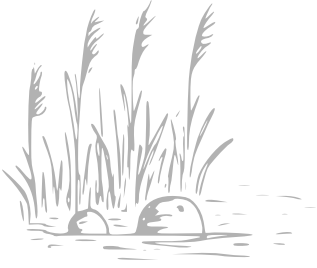
“Em biết,” cô nói.

“Kya, em có yêu anh không? Em chưa bao giờ nói những lời đó với anh cả.”

“Em đã luôn yêu anh. Cả khi chỉ là đứa trẻ – từ lúc em còn chưa biết nhớ – em đã yêu anh rồi.” Cô cúi đầu.

“Nhìn anh này,” cậu nói khẽ. Cô ngáp ngừng, mặt cúi xuống. “Kya, anh cần biết rằng mọi trốn chạy và lẩn tránh đã chấm dứt. Rằng em có thể yêu mà không sợ hãi.”

Cô ngẩng mặt lên và nhìn vào mắt cậu, rồi dẫn cậu qua rừng tới chỗ cụm sồi, nơi trò chơi lông vũ đã diễn ra.



Đom đóm

Họ ngủ đêm đầu tiên trên bãi biển, và cậu chuyển vào lán với cô ngày hôm sau. Gói ghém đồ đạc mang tới trong vòng một con nước xuống lên. Như các sinh vật sống trên cát vậy.

Khi họ đi dạo dọc mép nước vào chiều muộn, cậu nắm tay cô và nhìn vào mắt cô. “Em sẽ lấy anh chứ, Kya?”

“Chúng ta kết hôn rồi. Như loài ngỗng,” cô đáp.

“Được thôi. Anh có thể sống với đi đầu đó.”

Mỗi buổi sáng họ thức dậy với bình minh, và trong khi Tate pha cà phê, Kya chiên bánh ngô trong chảo sắt cũ của má – đã đen thui và móp méo – hoặc chiên bột ngô với trứng khi mặt trời dâng lên trên phá nước gần nhà. Con diệc tạo dáng một chân trong sương mù lãng đãng. Họ dạo các cửa sông, lội nhiều kênh nước, và lách qua các dòng nước hẹp, thu nhặt lông vũ và amíp. Vào chiều tối, họ lên đèn trên chiếc thuyền cũ của Kya cho đến khi mặt trời lặn, rồi khỏa thân bơi dưới ánh trăng hoặc yêu nhau trên những chiếc giường bằng dương xỉ mát lạnh.

Phòng thí nghiệm Archbald mời Kya nhận một công việc, nhưng cô từ chối và tiếp tục viết sách. Cô và Tate một lần nữa thuê người thợ sửa chữa, và ông này xây cho cô một phòng thí nghiệm và một phòng trưng bày – với

gỗ thô, cột đẽo bằng tay, và mái thiếc – đằng sau lán. Tate cho cô một chiếc kính hiển vi rồi lắp bàn làm việc, kệ và tủ cho những mẫu vật của cô. Các khay dụng cụ và thiết bị. Sau đó họ tân trang lại cái lán, thêm một phòng ngủ và nhà tắm mới, một phòng khách lớn hơn. Cô khẳng khẳng giữ nguyên nhà bếp như cũ và để mặt ngoài không sơn, để cái lán, giờ đã ra dáng một căn nhà, giữ nguyên vẻ bọt bọt gió sương và chân thật.

Từ buồng điện thoại ở Sea Oaks, cô gọi Jodie và mời anh cùng vợ, chị Libby, đến thăm nhà. Bốn người họ khám phá đồng lầy và câu cá đôi chút. Khi Jodie kéo lên một con cá tráp lớn, Kya kêu lên, “Nhìn kia kìa. Anh bắt được một con cá bự như Alabamee vậy!” Họ chiên cá và bánh ngô viên mập như “*chúng* ngỗng”.

Kya không bao giờ trở lại Vững Barkley lần nào trong đời, và cô cùng Tate dành hầu hết thời gian của họ ở đồng lầy bên nhau. Dân làng chỉ thấy cô là hình bóng xa xa lướt qua sương trắng, và qua năm tháng, bí ẩn về câu chuyện của cô trở thành huyền thoại, được kể đi kể lại qua món bánh nướng chảo sữa bơ và xúc xích heo nóng hổi tại quán ăn. Những giả thuyết và lời đồn về nguyên nhân cái chết của Chase Andrews chẳng bao giờ dừng lại.

Cùng với thời gian, hầu hết mọi người đầu đồng tình là lẽ ra cảnh sát trưởng đừng nên bắt Kya. Suy cho cùng, không có chứng cứ cụ thể nào chống lại cô, không có bằng chứng xác thực là đã có tội ác. Thật là độc ác khi đối xử với một sinh vật rụt rè, tự nhiên theo cách như vậy. Thỉnh thoảng một cảnh sát trưởng mới – Jackson không bao giờ được bầu lên nữa – sẽ mở hồ sơ ra, đi điều tra chút chút về vài kẻ tình nghi khác, nhưng không được gì cả. Qua thời gian, vụ án cũng trở thành huyền thoại. Và mặc dù vết thương từ việc bị khinh bỉ và ngờ vực của Kya không bao giờ lành

hắn, một sự hài lòng êm dịu, gần như là hạnh phúc đã thấm vào lòng cô.

Kya nằm trên thảm lá mềm gần phá nước một chiều nọ, chờ Tate trở về từ một chuyến đi thu nhặt. Cô thở sâu, biết rằng cậu sẽ luôn trở lại, rằng lần đầu tiên trong đời cô sẽ không bị bỏ rơi. Cô nghe tiếng rừ rừ sâu của con thuyền, lục tục chạy vào kênh nước; cảm nhận được tiếng ầm ì khẽ qua mặt đất dưới thân. Cô ngẩng dậy khi thuyền vạch qua bụi cây và vẫy chào cậu đang đứng nơi bánh lái. Cậu vẫy lại nhưng không mỉm cười. Cô đứng dậy.

Tate buộc thuyền vào cầu tàu nhỏ cậu đã xây và bước lại gần cô trên bờ phá.

“Kya, anh rất tiếc. Anh có một tin xấu. Jumpin’ đã mất vào đêm qua trong giấc ngủ của ông.”

Một cơn đau thắt nhói lên ở tim cô. Tất cả những người từng bỏ cô đã lựa chọn làm vậy. Chuyện này khác. Không phải một sự từ chối hay hắt hủi, việc này tựa như chú diều hâu Cooper trở lại với bầu trời. Nước mắt lăn dài xuống má cô, và Tate ôm cô vào lòng.

Tate và hầu hết mọi người trong thị trấn đã đến dự đám tang Jumpin’. Kya không đến. Nhưng sau tang lễ, cô đi bộ tới nhà Jumpin’ và Mabel, với chút mứt mâm xôi lẽ ra phải đưa tới từ trước đây lâu lắm.

Kya dừng trước hàng rào. Bạn bè và người thân của họ đứng trong khoảng sân nền đất, được quét sạch bóng. Người thì trò chuyện, người lại bật cười vì những câu chuyện cũ của Jumpin’, và người thì khóc. Khi cô mở cổng, mọi người nhìn về cô, rồi bước sang bên để chừa một lối vào.

Đứng trên hiên nhà, Mabel chạy ào tới chỗ Kya. Họ ôm nhau, lắc lư, òa khóc.

“Chúa ơi, ông ấy yêu cháu như con gái của mình,” Mabel nói.

“Cháu biết,” Kya đáp, “và ông ấy là ba cháu.”

Lát sau, Kya bước ra bờ biển gần nhà và nói lời tạm biệt Jumpin’ bằng lời của riêng cô, cách của riêng cô, một mình.

Và khi lang thang bãi biển nhớ tới Jumpin’, những ý nghĩ về người mẹ ulla về trong trí. Như thể một lần nữa trở về là cô bé sáu tuổi, cô thấy má bước xuôi con đường cát trong đôi giày da cá sấu đã cũ, loạng choạng trên những vết lún sâu. Nhưng trong phiên bản này, má dừng chân ở cuối đường và ngoảnh lại, giơ tay vẫy chào tạm biệt. Bà mỉm cười với Kya, quay sang con đường lớn, và biến mất vào rừng. Và lần này, cuối cùng, cô cũng ổn cả.

Không một giọt nước mắt hay lời oán trách, Kya thề nói, “Tạm biệt, má.” Cô thoáng nghĩ tới những người còn lại – ba, anh cả và hai chị. Nhưng những gì cô có về phần gia đình đã mất đó không đủ để nói lời tạm biệt.

Niên hối tiếc đó rồi cũng phai phôi khi Jodie và Libby đưa hai con của họ – Murph và Mindy – đến thăm Kya và Tate mỗi năm vài lần. Một lần nữa, cái lán lại đầy ắp với gia đình quây quần quanh cái lò bếp cũ, dọn ra món bánh ngô của má, trứng bác, và cà chua cắt lát. Nhưng lần này đã có tiếng cười với tình yêu.

Vũng Barkley thay đổi theo thời gian. Một người đàn ông tới từ Raleigh

xây một bến thuyền xin nơi cái lán của Jumpin' đã tựa vào trong hơn thế kỷ. Với tấm bạt màu xanh sáng che trên mỗi chỗ đậu, du thuyền có thể đậu vào bờ. Người đi thuyền từ khắp nơi dọc bờ biển la cà tới Vung Barkley và trả ba đô rưỡi cho một ly espresso.

Những quán cà phê nhỏ lẻ đường cùng mấy chiếc dù tươi tắn và phòng tranh cảnh biển mọc lên dọc Phố Main. Một quý cô từ New York mở một cửa hàng lưu niệm bán mọi thứ dân làng không cần nhưng khách du lịch nào cũng phải có. Gần như cửa hiệu nào cũng có một bàn đặc biệt trưng bày sách của *Catherine Danielle Clark ~ Tác giả Địa phương ~ Nhà sinh học được giải thưởng*. Bột ngô được liệt kê trên thực đơn là polenta trong xốt nấm và có giá sáu đô chẵn. Một ngày nọ, vài phụ nữ nào đó từ Ohio ghé lại, đi vào quán Dog-Gone, không hề biết rằng họ là những phụ nữ đầu tiên bước qua cánh cửa, và gọi tô cay trên thuyền giấy cùng bia tươi rót từ thùng. Bây giờ, người trưởng thành giới tính nào, màu da nào cũng có thể vào quán bia, nhưng ô cửa sổ, được cắt trên tường để phụ nữ có thể gọi đồ ăn từ ngoài phố, vẫn còn ở chỗ cũ.

Tate tiếp tục công việc ở phòng thí nghiệm, và Kya xuất bản thêm bảy cuốn sách được giải nữa. Mặc dù được tặng rất nhiều giải thưởng và danh hiệu – bao gồm học vị tiến sĩ danh dự của Đại học Bắc Carolina ở Chapel Hill – cô không bao giờ nhận lời mời diễn thuyết tại các trường đại học hoặc viện bảo tàng.

Tate và Kya đã hy vọng có một gia đình, nhưng một đứa trẻ chẳng bao giờ đến. Nỗi thất vọng gắn kết họ chặt chẽ hơn, và họ ít khi xa nhau hơn vài tiếng mỗi ngày.

Thỉnh thoảng Kya một mình tản bộ ra biển, và khi vầng dương lặn xuống để in vệt hoàng hôn lên bầu trời, cô cảm nhận những con sóng ập vào tim. Cô cúi xuống và chạm lên mặt cát, rồi vươn tay về phía mây cao lơ lửng. Cảm nhận *sự kết nối*. Không phải kiểu kết nối mà má và Mabel từng nói tới – Kya chẳng bao giờ có một nhóm bạn thân, hay kết nối mà Jodie từng mô tả, vì cô chẳng bao giờ có gia đình của riêng mình. Cô biết năm tháng đã thay đổi hành vi của mình cho đến khi cô trở nên khác với mọi người, nhưng không phải lỗi của cô mà do sự đơn độc. Hầu hết những gì cô biết, cô đã học từ thiên nhiên hoang dã. Tự nhiên đã nuôi dưỡng, dạy dỗ và bảo vệ cô khi không có ai làm việc đó. Nếu có hậu quả từ việc cô cư xử kỳ lạ, thì chúng cũng là những việc làm có mục đích thuộc về cốt lõi cơ bản của sự sống.

Sự chung thủy hết lòng của Tate cuối cùng cũng thuyết phục được cô rằng tình yêu của loài người lớn hơn những cuộc cạnh tranh giao phối kỳ dị của các sinh vật đồng lầy, nhưng cuộc sống cũng dạy cô rằng thứ gen cổ xưa để sinh tồn vẫn tồn tại dưới dạng thức không mong muốn nào đó giữa những xoắn và vặn của mã gen nhân loại.

Với Kya, được là một phần của trình tự tự nhiên chắc chắn như thủy triều lên xuống này cũng đủ. Cô gắn kết với hành tinh của cô và sự sống của nó theo cách mà rất ít người làm được. Bắt rễ chắc chắn vào trái đất. Sinh ra từ người mẹ này.

Ở tuổi sáu mươi tư, mái tóc dài đen của Kya đã ngả sang bạc trắng như cát. Một buổi chiều, bà không trở về sau chuyến đi thu nhặt, nên Tate lái thuyền lịch bịch khắp đồng lầy, dáo dác kiếm tìm. Khi hoàng hôn buông

xuống, ông vòng qua một khúc quanh và thấy bà trôi trên thuyền trong một phá nước được bao bọc bởi hàng sung dâu chạm tới bầu trời. Bà đã ngã ra sau, đầu tựa lên cái ba lô cũ. Ông gọi bà khe khẽ, và khi bà không động đây, ông thét lớn, rồi gào lên. Lái thuyền tới bên cạnh thuyền bà, ông vấp vấp trèo vào trong đó. Vươn cánh tay dài của mình ra, ông nắm vai bà và lắc nhẹ. Đầu bà gục xa hơn nữa sang bên. Mắt bà không còn nhìn thấy.

“Kya, Kya, không. Không!” ông gào to.

Vẫn còn trẻ, và tuyệt đẹp, trái tim bà đã lặng lẽ ngừng đập. Bà đã sống đủ lâu để thấy lũ đại bàng đầu trắng trở lại; với Kya thế là đủ dài rồi. Ôm bà trong tay, ông khẽ lắc lư, than khóc. Ông quấn bà trong một tấm mền và đưa bà trở lại phá nước của bà trong chiếc thuyền cũ, qua mê cung cửa sông và kênh lạch, lướt ngang lũ diệc và hươu lùn cuối.

Và tôi sẽ giấu nàng trong cây bách ấy,

Khi tiếng bước chân của cái chết cận kề.

Ông xin được giấy phép đặc biệt cho bà được chôn trên đất của mình dưới một cây sồi nhìn ra biển cả, và cả thị trấn ra dự lễ tang. Kya sẽ không tin nổi những hàng dài người đưa tang nhích chậm. Dĩ nhiên, Jodie và gia đình ông đã tới, tất cả anh em họ của Tate nữa. Một vài người tò mò đến dự, nhưng hầu hết đến vì kính trọng người phụ nữ đã một mình tồn tại nơi hoang dã từng ấy năm ròng. Một số người vẫn nhớ cô bé nhỏ nhắn, mặc cái áo khoác cũ sòn, quá cỡ, lái thuyền tới cầu tàu, đi chân không tới tiệm tạp hóa mua túi bột ngô. Những người khác đến trước mộ bà vì sách của bà đã dạy họ cách đong lầy nổi giữa đất liền và biển cả, tất cả đều cần nhau.

Đến lúc này, Tate hiểu rằng biệt danh của bà không tàn nhẫn. Chỉ có một số ít người trở thành huyền thoại, nên ông chọn nó làm văn bia cho bà.

mộ của bà:

CATHERINE DANIELLE CLARK

“KYA”

CÔ GÁI ĐỒNG LẦY

1945–2009

Chiều tối sau đám tang bà, khi mọi người cuối cùng cũng về hết, Tate bước vào phòng thí nghiệm tại nhà của Kya. Những mẫu vật chú thích cẩn thận của bà, hơn năm mươi năm làm việc, là bộ sưu tập lâu dài nhất, trọn vẹn nhất loại đó. Bà đã đề nghị tặng nó cho Phòng thí nghiệm Archbald, và ngày nào đó ông sẽ làm thế, nhưng chia xa nó bây giờ là đi đâu không thể.

Đi vào cái lán – như bà vẫn luôn gọi nó – Tate nghe những bức tường thở ra hơi thở của bà, và sàn nhà thì thào tiếng chân bà rõ ràng đến nỗi ông buột miệng gọi Kya. Rồi ông đứng tựa vào tường, than khóc. Ông cần chiếc ba lô cũ lên và ôm nó trước ngực.

Nhân viên tòa án đã nhờ Tate tìm di chúc và giấy khai sinh của bà. Trong phòng ngủ cũ đằng sau từng thuộc về bố mẹ Kya, ông lục soạn tủ chứa và tìm ra nhiều chiếc hộp nhét dưới cùng chứa đựng cuộc đời bà, gần như được giấu đi dưới mấy tấm mền cũ. Ông kéo chúng ra sàn và ngồi xuống bên cạnh chúng.

Hết sức cẩn thận, ông mở ra hộp xì gà cũ, chính cái nơi toàn bộ việc thu nhặt bắt đầu. Chiếc hộp vẫn tỏa ra mùi thuốc lá ngọt ngào và mùi của một cô bé nhỏ nhắn. Giữa vài chiếc lông chim, cánh côn trùng và hạt đủ loại là cái lọ có tro từ lá thư của mẹ Kya, một lọ sơn móng tay Revlon Hồng Phốt. Những mẫu xương và vụn nhỏ của một cuộc đời. Những viên đá trên dòng suối đời Kya.

Nhét dưới cùng là chứng từ mảnh đất, mà bà đã đặt vào thỏa thuận bảo tồn, bảo vệ nó khỏi bị đem ra phát triển. Ít nhất thì mảnh đất này đây sẽ luôn luôn hoang dã. Nhưng không có chúc thư hoặc giấy tờ cá nhân nào hết, ông cũng chẳng ngạc nhiên; bà sẽ không nghĩ tới chuyện như vậy. Tate dự định sẽ sống hết phần đời còn lại ở chỗ bà, biết rằng bà sẽ muốn đi đâu đó và Jodie sẽ không phản đối.

Cuối ngày, khi mặt trời chìm dưới phá nước, ông khuấy cháo ngô cho lữ mòng biển và lơ đãng nhìn sàn bếp. Ông nghiêng đầu khi lần đầu phát hiện ra mặt sàn dưới đóng gỗ và cái bếp cũ không được lót vải sơn. Kya đã giữ cho củi chất cao, ngay cả giữa mùa hè, nhưng giờ khi nó vơi đi, ông thấy cái rìa của một miếng ván sàn được cất ra. Ông dời số củi còn lại sang bên và thấy một cánh cửa sập trên sàn gỗ dán. Quỳ xuống, ông chậm rãi mở nó và thấy một hộp đồ nhỏ giữa dầm nhà, giữa nhiều món đồ có một hộp các-tông cũ phủ bụi. Ông kéo nó ra và tìm thấy bên trong một xấp phong bì manila cùng một chiếc hộp nhỏ hơn nữa. Tất cả phong bì đều được đề hai chữ cái đầu là *A.H.*, và từ đó ông lôi ra hàng trang thơ của Amanda Hamilton, nhà thơ địa phương đã đăng những đoạn thơ đơn giản trên tạp chí trong vùng. Tate vẫn cho rằng thơ của Hamilton khá yếu, nhưng Kya luôn giữ lại những bài cất ra từ tạp chí, và đóng phong bì đây toàn thơ của người này. Một số trang là những bài thơ hoàn chỉnh, nhưng hầu hết vẫn còn dang dở, với những dòng gạch ngang và vài từ viết lại bên lề bằng chữ viết tay của tác giả – *chữ viết tay của Kya*.

Amanda Hamilton là Kya. Kya là nhà thơ đó.

Gương mặt Tate cau lại không tin nổi. Suốt bao năm tháng đó, bà hẳn đã đặt những bài thơ vào hộp thư hoen rỉ, gửi chúng đến các tờ báo địa phương. An toàn sau một bút danh tự đặt. Có lẽ là một cách vờn ra, một

cách để bày tỏ cảm xúc của bà với ai đó ngoài bầy mòng biển. Một nơi nào đó để lời của bà đi đến.

Ông lướt qua vài bài, hầu hết viết về thiên nhiên với tình yêu. Một bài được gấp gọn trong phong bì riêng. Ông lôi nó ra và đọc:

Đom đóm

*Dù hẳn tới là chuyện dễ
Như ánh nhấp nháy yêu đương.
Nhưng như cô đom đóm khôn ngoan
Chúng giấu tiếng gọi đây chết chóc.
Chạm nhau lần cuối,
Chưa trọn;
Bước cuối cùng, một cái bầy mở toang.
Xuống, xuống nữa hẳn rơi,
Mắt hẳn vẫn nhìn vào mắt tôi
Cho đến khi lạc sang thế giới khác.
Tôi thấy chúng thay đổi.
Đầu tiên là câu hỏi,
Rồi đến câu trả lời,
Cuối cùng kết thúc thôi.
Và tình yêu cũng qua đời
Trở lại cái nó từng là trước khi khởi phát.*

A.H.

Vẫn quỳ trên sàn, ông đọc bài thơ lần nữa. Ông áp tờ giấy lên cạnh

trái tim, nghe nhói đau trong ngực của mình. Ông nhìn ra cửa sổ, đảm bảo không có ai tới trên lối nhỏ – làm gì có ai nữa, họ tới làm chi? Nhưng cứ để cho thật chắc. Rồi ông mở chiếc hộp nhỏ, biết mình sẽ tìm thấy cái gì. Ở đó, đặt cẩn thận trên mớ cotton, là sợi dây vỏ sò Chase đã đeo cho đến cái đêm hắn chết.

Tate ngồi tại bàn bếp một lúc lâu, cố tiếp nhận chuyện đó, tưởng tượng Kya giữa khuya ngồi xe buýt, đón dòng chảy rút ngược, lên kế hoạch theo cái lên xuống của trăng tròn. Khẽ khàng gọi Chase trong bóng đêm. Đẩy hắn ta ngã ngửa. Rồi ngồi xổm dưới tháp, đỡ đầu hắn trên tay, nặng nề trong cái chết, lấy lại sợi dây chuyền. Xóa những dấu chân mình; chẳng để lại dấu vết.

Xé mồi lửa thành mẫu nhỏ, Tate nhóm lửa trong lò bếp cũ và đốt từng phong bì một, đốt hết những bài thơ. Có lẽ ông không cần đốt cháy tất cả, có lẽ ông chỉ nên hủy một bài, nhưng ông không thật sáng suốt. Thứ giấy cũ, ố vàng *vút* lên ba mươi phân, rồi âm ỉ cháy. Ông gỡ cái vỏ sò khỏi sợi dây, thả dây da vào lửa, rồi đẩy miếng ván trở lại sàn.

Rồi, lúc trời gần chạng vạng, ông đi ra bờ biển và đứng trên dải bờ sắc nhọn, đẩy những mẫu trắng trắng vỏ cua và động vật thân mềm. Trong một giây, ông nhìn chằm chằm cái vỏ sò của Chase trong lòng bàn tay, rồi buông nó lên mặt cát. Trông hết như những cái vỏ khác, nó biến đi. Thủy triều đang lên, và một con sóng tràn qua chân ông, cuốn hàng trăm vỏ sò theo nó về lại biển. Kya thuộc về vùng đất và vùng nước này; giờ chúng sẽ đón bà trở lại. Giữ cho bí mật của bà mãi vùi sâu.

Và rồi lũ mòng biển tới. Thấy ông ở đó, chúng lượn vòng trên đầu ông. Í ới. Í ới.

Khi màn đêm buông, Tate đi bộ trở về cái lán. Nhưng khi đến bên phá

nước, ông dừng lại dưới tán cây dày đặc và dõi mắt theo hàng trăm con đom đóm vẫy gọi sâu trong bóng tối hun hút của đêm lầy. Thật xa ngoài kia, là nơi loài tôm hát.

HẾT

BẢN ĐỒ



LỜI CẢM ƠN

Gửi anh trai sinh đôi của tôi, Bobby Dykes, lời cảm ơn sâu sắc nhất cho biết bao sự động viên và ủng hộ không thể tưởng tượng hết suốt cả cuộc đời. Cảm ơn chị tôi, Helen Cooper, vì đã luôn ở đó vì tôi, và cảm ơn em tôi Lee Dykes, vì đã tin tưởng tôi hết mực. Tôi vô cùng biết ơn những người bạn mãi mãi và gia đình tôi vì sự ủng hộ, khích lệ và tiếng cười không bao giờ suy suyển: Amanda Walker Hall, Margaret Walker Weatherly, Barbara Clark Copeland, Joanne và Tim Cady, Mona Kim Brown, Bob Ivey và Jill Bowman, Mary Dykes, Doug Kim Brown, Ken Eastwell, Jesse Chastain, Steve O'Neil, Andy Vann, Napier Murphy, Linda Denton (và vì chú ngựa và con đường trượt tuyết), Sabine Dahlmann, Greg và Alicia Johnson.

Vì đã đọc và nhận xét cho bản thảo, tôi xin cảm ơn: Joanne và Tim Cady (nhiều lần đọc!), Jill Bowman, Bob Ivey, Carolyn Testa, Dick Burgheim, Helen Cooper, Peter Matson, Mary Dykes, Alexandra Fuller, Mark Owens, Dick Houston, Janet Gause, Jennifer Durbin, John O'Connor, và Leslie Anne Keller.

Gửi tới người đại diện của tôi, Russell Galen, cảm ơn vì đã yêu thương và hiểu cho Kya cùng bầy đom đóm, và vì sự quyết tâm đầy nhiệt huyết của anh khi giúp cho câu chuyện này được kể ra.

Cảm ơn, G. P. Putnam's Sons, vì đã xuất bản lời văn của tôi. Tôi vô

cùng biết ơn biên tập viên của tôi, Tara Singh Carlson, vì tất cả những sự động viên, những chỗ biên tập tuyệt vời, và tầm nhìn của cô cho tiểu thuyết tôi. Cũng ở Putnam, tôi gửi lời cảm ơn Helen Richard vì đã giúp đỡ tôi qua mọi chặng đường.

Xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới Hannah Cady vì sự hỗ trợ vui thú của cô trong một vài công việc buồn tẻ và gian khó – như lửa trại – trong quá trình viết quyển sách.

Đầm lầy (*marsh*) là vùng ngập nước có nhiều loại thực vật thân thảo.

Đầm lầy (*swamp*) chủ yếu chỉ có loài thân gỗ và sâu hơn đầm lầy.

Một loại cửa hàng chuyên bán các món đồ lặt vặt, giá rẻ.

Social Services, mà ông Jumpin' nói là *Sochul Services*.

Tìm kiếm vô vọng, không có kết quả.

Chất giọng miền Nam nước Mỹ, rất nặng.